

A woman wearing a black graduation gown and glasses is shown from the chest up, holding a rolled-up diploma. She is looking down at the diploma with a focused expression. The background is dark and out of focus.

dtv-ebook.com

TRIỆU
TU hỏi ký
DƯƠNG

Tủ sách SOS2

HỒI KÝ TRIỆU TỬ DƯƠNG

Nguyễn Quang A dịch

Nhà Xuất Bản Dân Khí, 2019

PRISONER

OF THE

STATE

The Secret Journal of

Zhao Ziyang

Translated and Edited by

Bao Pu, Renee Chiang, and Adi Ignatius

Foreword by Roderick MacFarquhar

Simon Schuster (2009)

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

Lời nói đầu

Lời tựa

PHẦN 1: VỤ THẨM SÁT THIÊN AN MÔN

1. Những cuộc Phản kháng Sinh viên Bất đầu
2. Bài Xã luận Khiến Tình hình Tồi đi
3. Cuộc Chiến Quyền lực
4. Sự Đàn áp Thẳng tay
5. Những Lời Tố cáo Tới tấp
6. Chiến dịch Chống lại Triệu
7. Cuộc Trò chuyện của Triệu với Gorbachev

PHẦN 2: QUẢN THỨC TẠI GIA

1. Triệu Trở thành một Tù nhân

Báo cáo Điều tra

2. Cuộc Chiến đấu Đơn độc của Triệu

PHẦN 3: GỐC RỄ CỦA BỘT PHÁT KINH TẾ TRUNG QUỐC

1. Những Quan điểm Mâu thuẫn ở trên Đỉnh
2. Một sự Thoái lui Sớm
3. Mở cửa một cách Đau đớn ra Thế giới
4. Tìm một Cách tiếp cận Mới
5. Triệu và Hồ Đụng độ
6. Chơi Xỏ một Đối thủ
7. Từng Bước Một
8. Nền kinh tế Trở nên Quá Nóng
9. Phép Màu của Thương mại Tự do

10. Quyền Tự do trên Trang trại
11. Các Vùng Duyên hải Cát cánh
12. Đối phó với Tham nhũng

PHẦN 4: CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

1. Hồ Diệu Bang “Tù chức”
2. Triệu Đi Dây
3. Các Nhà Lý luận
4. Chuẩn bị cho Sự kiện Chính

PHẦN 5: MỘT NĂM NÁO ĐỘNG

1. Sau Đại hội
2. Hốt hoảng Mua và Rút Tiền ồ ạt khỏi Ngân hàng
3. Một Loạt Bước Sai lầm
4. Vấn đề với các Giá
5. Cải cách bị Trúng Đòn
6. Triệu Rút lui
7. Chiến dịch để Lật đổ Triệu

PHẦN 6: TRUNG QUỐC PHẢI THAY ĐỔI THỂ NÀO

1. Quan điểm của Đặng về Cải cách Chính trị
2. Quan điểm của Hồ về Cải cách Chính trị
3. Quan điểm của Triệu đã Tiến hoá Như thế nào
4. Đội Quân Già Phản Công
5. Con Đường phía Trước

Lời Bạt

Sơ yếu Lý lịch của Triệu Tử Dương

Ai là Ai

Lời Cảm ơn

LỜI GIỚI THIỆU



ạn đọc cầm trên tay cuốn thứ bốn mươi một* của tủ sách SOS2, cuốn *Hồi Ký Triệu Tử Dương (Prisoner of the State – the Secret Journal of Zhao Ziyang (Tù Nhân của Nhà nước – Nhật ký Bí mật của Triệu Tử Dương))* do Bao Pu, Renee Chiang và Adi Ignatius dịch và Lời tựa của Roderick MacFarquhar được Simon & Schuster xuất bản năm 2009.

Triệu Tử Dương là chính trị gia, kỹ trị gia xuất sắc của Trung Quốc trong thế kỷ thứ hai mươi và có công lớn trong cải cách kinh tế của Trung Quốc. Ông và Hồ Diệu Bang (Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc-ĐCSTQ) đã là hai cánh tay đắc lực của Đặng Tiểu Bình trong việc đoạn tuyệt và xoá bỏ các chính sách tai hoạ của Mao. Nhưng cả hai đã bị Đặng phế truất vì đã không thực hiện những quyết định chính trị tàn khốc của Đặng.

Triệu tử Dương, Bí thư thứ hai của Tỉnh uỷ Quảng Đông đã thử khoán đất cho hộ gia đình ở đó trong năm 1962, cùng một số lãnh đạo địa phương khác, theo sáng kiến thực sự của một số nông dân để thoát khỏi tai hoạ của các công xã nhân dân của Mao. [Ông Kim Ngọc ở Việt Nam có chính sách tương tự năm 1966 tại Vĩnh Phúc]. Ông đã là Bí thư thứ nhất của ĐCSTQ ở tỉnh Quảng Đông (1965), rồi bị Cách mạng Văn hoá thanh trừng. Sau đó được phục chức và đã hoạt động ở những địa phương khác nhau. Ông đã làm Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ Tỉnh Tứ Xuyên từ cuối 1975 và tại tỉnh có 100 triệu dân với nền nông nghiệp đang trên bờ phá sản này ông đã cho khoán đất cho hộ nông dân một cách đại trà, và chỉ trong vài năm đã đạt những kết quả hết sức ngoạn mục và danh tiếng của ông đã

được nhiều người biết đến. Tháng Chín 1980 ông đã trở thành Thủ tướng Trung Quốc và là Thủ tướng trong hơn 6 năm. Sau khi Tổng Bí thư Hồ Diệu Bang bị Đặng cho là quá khai phóng về mặt chính trị và bị hạ bệ tháng Giêng năm 1987, Triệu đã trở thành Quyền Tổng Bí thư rồi Tổng Bí thư tại Đại hội lần thứ 13 của ĐCSTQ tháng Mười cùng năm. Chủ trương cải cách giá sai lầm của ĐCSTQ trong năm 1988 đã làm cho uy tín của Triệu bị sút mẻ. Ngày 15-4-1989 Hồ Diệu Bang, người đã rất quý trọng và khoan dung giới trí thức, qua đời tại Bắc Kinh và cái chết của ông đã kích các sinh viên và trí thức tổ chức các buổi tưởng niệm. Các buổi tưởng niệm Hồ Diệu Bang dần dần đã bị sự phản ứng của phe cứng rắn trong ĐCSTQ kích leo thang thành các cuộc biểu tình sinh viên rầm rộ tại quảng trường Thiên An Môn, thậm chí chiếm quảng trường.

Sự cố đã xảy ra không chỉ ở Bắc Kinh mà ở cả nhiều thành phố lớn khác. Cảnh tượng tương tự như ở quảng trường Thiên An Môn khi đó đã lặp lại trong Mùa Xuân Arab 2011 như tại Quảng trường Tahir ở Cairo Ai Cập, hay tại Quảng trường Maidan ở Kiev, Ucraina năm 2014, một trong những dấu hiệu điển hình của việc huy động cho dân chủ hoá sôi động (đầy sự kiện-eventful democratization) mà Donatella della Porta đã phân tích sâu sắc trong cuốn, *Huy động cho Dân chủ—So sánh 1989 và 2011* của bà (cuốn thứ 40 của tủ sách SOS2). Các cơ chế huy động, lan truyền cũng như leo thang mà Donatella della Porta phân tích kỹ cũng có thể thấy rất rõ trong tường thuật và những phân tích của Triệu Tử Dương về các sự kiện Thiên An Môn trong hồi ký của ông.

Triệu Tử Dương đã chủ trương giải quyết các cuộc biểu tình sinh viên một cách ôn hoà dựa trên những nguyên tắc thuyết phục, đối thoại và chỉ trừng phạt những kẻ vi phạm luật mà ông nói rõ là đập phá, cướp bóc, đánh người, đốt phá và đột nhập. Trong khi đó Đặng Tiểu Bình và các Đảng viên lão thành theo đường lối cứng rắn

đã quyết định thiết quân luật, đưa quân đội vào dẹp tan các cuộc biểu tình sinh viên. Triệu đã từ chối việc tham gia ra quyết định này và từ chối thực hiện nó. Kết quả là ông đã bị Đặng Tiểu Bình cách chức và bị quản thúc tại gia trong gần 16 năm cho đến khi ông chết ngày 17-1-2005.

Trong tình trạng bị quản thúc tại gia, theo sự thúc giục của một số bạn thân, ông đã bí mật ghi âm lại những suy nghĩ của mình (hay đọc lại những ghi chép trước đó của ông vào băng ghi âm). Những cuốn băng này đã được tuồn sang Hong Kong và nội dung của chúng chính là cuốn sách này. Hồi ký của ông được xuất bản bằng tiếng Hoa và tiếng Anh năm 2009, kỷ niệm 20 năm vụ Tàn sát Thiên An Môn. Bản dịch này dựa vào bản tiếng Anh. Rất tiếc tôi không biết tiếng Hoa và không có bản tiếng Hoa nên rất có thể bản dịch này không lột tả được hết ý hay sắc thái của hồi ký của Triệu Tử Dương vì sự tam sao thất bản qua hai lần dịch. Tôi không rõ các tổ chức nghiên cứu Trung Quốc hay các nhà nghiên cứu Trung Quốc của Việt Nam, ngoài cuốn ghi chép của Tôn Phụng Minh về *Những câu Chuyện của Triệu Tử Dương khi bị Giam lỏng* mà chắc chắn đã được dịch nhưng không được xuất bản, đã có dịch cuốn hồi ký này chưa. Cuốn ghi chép của Tôn Phụng Minh được xuất bản năm 2007 cũng tại Hong Kong, 2 năm trước cuốn Hồi ký của Triệu Tử Dương. Người viết lời nói đầu cho bản tiếng Hoa, Đỗ Đạo Chánh đã có một cuộc phỏng vấn với *The New York Times* về cuốn hồi ký này cũng đáng tham khảo.

Nếu cuốn Hồi ký này chưa được dịch ra tiếng Việt trong suốt 10 năm qua thì quả là việc rất đáng tiếc. Trong khi những sách ca ngợi Đặng Tiểu Bình bày bán tràn lan tại Việt Nam, thì hai cuốn sách này về Triệu Tử Dương chưa thể đến tay bạn đọc hay những nhà nghiên cứu Việt Nam. Thiếu cách nhìn đa chiều có thể khiến tư duy chúng ta (về Trung Quốc) bị méo mó. Chính vì thế tôi cho việc đưa bản

dịch này đến tay bạn đọc và các nhà nghiên cứu, nhất là các chính trị gia, các đảng viên của ĐCSVN cũng như các nhà hoạt động nhân quyền và dân chủ ở Việt Nam là quan trọng, để giúp chúng ta có cái nhìn đa chiều và tìm hiểu kỹ hơn về Trung Quốc.

Cuốn Hồi ký này chỉ nhắc đến khoảng thời gian Triệu đã lên làm lãnh đạo chớp bu ở Trung Quốc, tức là khoảng 7-8 năm cuối cùng trong sự nghiệp chính trị của ông với tư cách nhà lãnh đạo quốc gia và những suy nghĩ sau này của ông về cải cách chính trị khi ông đã bị giam lỏng.

Nó giúp chúng ta hiểu kỹ hơn về quá trình cải cách kinh tế của Trung Quốc, về sự đấu đá nội bộ liên miên trong đội ngũ chớp bu của ĐCSTQ, về việc Đặng Tiểu Bình ngòai xỏm trên pháp luật và các quy định của chính ĐCSTQ để áp đặt ý chí của mình như thế nào, về các mảnh khoé trị nhau, hay mảnh khoé của bản thân Triệu để qua mặt những người bảo thủ chống cải cách trong ĐCSTQ bằng cách dùng các uyển ngữ khác nhau như “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” để biện minh cho các chính sách thị trường tự do của ông hoặc bằng việc sử dụng, trích dẫn các đoạn phát biểu trong quá khứ của chính các lão thành bảo thủ đó để có được sự ủng hộ hay bớt sự chống đối của họ đối với những ý tưởng cải cách táo bạo của ông.

Những ý tưởng và phân tích của ông về hội nhập kinh tế, về tận dụng thương mại quốc tế (về “hai đầu kéo dài ra nước ngoài” thực sự là ý tưởng sinh ra công nghiệp gia công), về phát triển từ từ, về phát triển vùng duyên hải, về đối phó với tham nhũng, thậm chí về cải cách chính trị bị chết non của Trung Quốc (kể cả ý tưởng “quốc hữu hoá quân đội” tức là quân đội phải tách khỏi các đảng phái chính trị) là có tính đột phá và rất đáng chú ý và có tính gợi mở cũng như tính thời sự với các nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu ở Việt Nam.

Cuốn sách cũng cho thấy Triệu là một người thực tiễn và rất ham học hỏi. Ông học hỏi từ chính người dân về việc khoán đất cho hộ gia đình từ đầu những năm 1960. Ông đã học từ bốn con Hồ Á châu, kể cả từ Hong Kong và Đài Loan, học từ khắp nơi (thậm chí cả Việt Nam như Tôn Phục Minh đã nhắc đến trong cuốn sách của ông). Những ấn tượng của ông về sự phát triển nông nghiệp ở Anh, Pháp, Hy Lạp và Thụy Sĩ trong cuộc công du nước ngoài khi ông còn làm việc ở tỉnh Tứ Xuyên đã giúp sự hiểu biết của ông trong việc đưa ra những chính sách lớn. Những thay đổi về tư duy của ông được kể một cách rất chân thực và rất đáng để các lãnh đạo Việt Nam học tập, thay cho những cuộc đi học tập nước ngoài cưỡi ngựa xem hoa hay đi theo “chính sách” trước khi về hưu rất không hiệu quả và vô cùng tốn kém cho ngân sách.

Tất nhiên với con mắt ngày nay, một số ý tưởng của Triệu chẳng có gì mới hay đột phá cả, nhưng đặt chúng vào đúng bối cảnh Trung Quốc lúc đó chúng ta càng kính trọng sự hiểu biết và sự táo bạo của ông vì chính ông đã tạo ra một số “sự đột phá” đó. Những suy nghĩ ngớ ngẩn về cải cách giá và cách làm trái khoáy đối với cải cách giá của giới lãnh đạo chóp bu của Trung Quốc cách đây hơn 30 năm quả thực là khó tưởng tượng được với con mắt ngày nay. Điều đáng trân trọng ở Triệu Tử Dương là ông đã thú nhận những sai lầm ngớ ngẩn đó và phân tích về cách có thể cần phải làm. Không chỉ sai lầm này mà nhiều sai lầm khác hay sự thiếu hiểu biết khác được ông công nhận đã chứng tỏ nhân cách hết sức đáng trân trọng của Triệu, một người chính trực.

Giả như cả Hồ Diệu Bang lẫn Triệu Tử Dương đã không bị Đặng Tiểu Bình phế bỏ và họ tìm được cách để Đặng ủng hộ thì có lẽ Trung Quốc đã khác rất xa với bây giờ, với nền kinh tế chắc chắn phát triển hơn, lành mạnh hơn và có lẽ đã đi theo con đường dân chủ thực sự.

Đáng tiếc, chế độ độc đoán, độc tài của Trung Quốc đã ngày càng được củng cố. 30 năm sau vụ Tàn Sát Thiên An Môn những ý tưởng cải cách chính trị còn nửa vời của Triệu Tử Dương vẫn chỉ là những ý tưởng. Với sự nắm quyền của Tập Cận Bình Trung Quốc ngày càng hung hăng khiến cả thế giới phải lo ngại. Chủ nghĩa Marx-Lenin Tư tưởng Mao Trạch Đông ở Trung Quốc trên thực tế đã bị vứt vào sọt rác, nhưng về mặt tu từ học vẫn được dùng và Tập ngày càng sử dụng các phương pháp đó để cổ vũ tư tưởng Tập Cận Bình, mà thực sự là chủ nghĩa dân tộc nước lớn.

Trong bối cảnh hiện nay khi chủ nghĩa độc đoán, dân túy đang lên và phong trào dân chủ đang có vẻ gặp những thách thức mới ở chính cái nôi của dân chủ như ở Hoa Kỳ, Anh và Tây Âu, sẽ không ít người, nhất là một số trong giới lãnh đạo Việt Nam, thiên về đường lối cứng rắn kiểu Đặng Tiểu Bình (bất chấp hẳn là kẻ đã ra lệnh quân đội “dạy cho Việt Nam một bài học” trong năm 1979). Công nghệ đã thay đổi, xã hội đã thay đổi và các nhà dân chủ phải thay đổi tư duy của mình để thích ứng với hoàn cảnh mới để bảo vệ các giá trị dân chủ, để củng cố dân chủ. Những phân tích của Triệu Tử Dương về đường tới dân chủ của Trung Quốc cũng có thể giúp chúng ta tin, như ông cuối cùng đã tin, rằng chế độ dân chủ nghị viện kiểu Tây phương (sẽ phải thay đổi cho phù hợp với công nghệ và xã hội) là chế độ tốt nhất được biết đến cho tới nay và phải là mục tiêu kiên định của chúng ta. Các nhà lãnh đạo Việt Nam và các đảng viên ĐCSVN rất nên học theo cách tư duy của Triệu Tử Dương hơn là của Đặng Tiểu Bình.

Tất nhiên, Triệu với tư cách nhà lãnh đạo quốc gia ông chú tâm đến sự thay đổi từ phía lãnh đạo. Nhân dân Trung Quốc, chắc hẳn cũng mong muốn các nhà lãnh đạo thay đổi, nhưng họ phải khác với Triệu, người chỉ mong ĐCSTQ phải đạt sự đột phá, người dân phải

chủ động thúc đẩy và thậm chí ép lãnh đạo phải thay đổi. Đây là cách nhìn toàn diện hơn.

Theo tinh thần ấy, chúng ta người dân Việt Nam cũng mong muốn ĐCSVN thay đổi theo kiểu Triệu mong muốn đối với ĐCSTQ, nhưng nhân dân Việt Nam phải chủ động hơn, phải “thực thi dân quyền” trên tinh thần xây dựng và gợi ý cho chính quyền phải làm gì, tức là chủ động thực hiện các quyền hiến định của mình mà không chờ bất cứ ai “cho phép” cả (vì xét về lợi ích, khuyến khích thì họ hiếm khi nào tự nguyện làm việc đó và như thế thực sự là họ vi phạm hiến pháp hay nói nhẹ hơn không làm đúng trách nhiệm của họ trong việc tạo môi trường pháp lý để người dân thực hiện các quyền hiến định của mình), mà chúng ta phải liên tục lên tiếng, góp ý, hành động và gây sức ép 24/7 để buộc ĐCSVN phải thay đổi.

Việc tìm hiểu Trung Quốc giúp chúng ta hiểu chính mình hơn, biết những sự giống nhau và khác nhau giữa Trung Quốc và Việt Nam trong nhiều lĩnh vực khác nhau và có thể học những cái hay và nhất là tránh những cái dở của họ, và của các nước khác, là hết sức quan trọng trong sự phát triển đất nước. Và cuốn Hồi ký của Triệu Tử Dương có thể giúp chúng ta hiểu Trung Quốc hơn cũng như hiểu chúng ta hơn.

Chính vì thế, cuốn sách có thể rất bổ ích cho các chính trị gia, các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu chính trị và kinh tế, các nhà hoạt động, các sinh viên, các nhà báo và tất cả những ai quan tâm đến Trung Quốc, đến dân chủ hoá tại Việt Nam.

Như các biên tập viên cuốn sách này đã nói rõ [những phần trong dấu ngoặc vuông] là của họ, không phải của Triệu; tôi cũng mạn phép đưa {vài lời trong ngoặc} để giúp làm rõ hơn văn bản hay chú thích của cuốn sách; các chú thích đánh số dưới trang là của người dịch, các chú thích khác (đánh dấu sao* hay dấu † hoặc dấu khác) là của các biên tập viên.

Tôi đã cố gắng để bản dịch được chính xác và dễ đọc, tuy nhiên do hiểu biết có hạn lại không dịch được từ nguyên bản tiếng Hoa nên bản dịch không tránh khỏi sai sót, mong các bạn góp ý để hoàn thiện và rất mong được hợp tác với những người khác để có bản dịch tốt hơn để truyền đạt trọn vẹn hơn các ý tưởng của một người Trung Quốc Vĩ đại, Triệu Tử Dương.

Hà Nội 14-4-2019

Nguyễn Quang A

LỜI NÓI ĐẦU

Adi Ignatius



Đã là một thời khắc hào hứng cho Trung Quốc và thế giới. Trong cuối 1987, vào lúc kết thúc của một Đại hội Đảng Cộng sản đầy khí thế mà đã có vẻ đẩy Trung Quốc trên một tiến trình tiến bộ hơn, một nhóm mới của các lãnh tụ đã nổi lên, dẫn đầu bởi một người đàn ông thanh thản siêu phàm có tên là Triệu Tử Dương.

Triệu đã không phải là một người vô danh: sau một sự nghiệp ấn tượng ở các tỉnh hướng dẫn những bước chập chững đầu tiên của sự phục hồi của Trung Quốc từ những thí nghiệm kinh tế thất bại chí tử của Mao Trạch Đông, Triệu đã được gọi về Bắc Kinh trong năm 1980 và đã mau chóng được bổ nhiệm làm Thủ tướng, chịu trách nhiệm về nền kinh tế.

Tuy nhiên bây giờ ông được nâng lên vị trí cao nhất trong ban lãnh đạo Trung Quốc: Tổng Bí thư của Đảng. Vì ông mới sáu mươi tám tuổi—chỉ là một đứa trẻ giữa các lãnh tụ Trung Quốc—ông đã phải giải quyết một thế hệ già của những người kỳ cựu không có các chức danh chính thức tuy nhiên có quyền lực cuối cùng. Nhưng lãnh tụ tối cao của những người tuổi tám mươi đó, Đặng Tiểu Bình, đã trao cho Triệu các chìa khoá của nước cộng hoà. Đã là thời của ông để toả sáng.

Triệu đã không giống bất kỳ lãnh tụ Trung Quốc trước nào. Khi lời nội bộ mới, Ban Thường vụ Bộ Chính trị, xuất hiện vào cuối Đại hội đó trong năm 1987 cho sự giáp mặt chưa từng có với đội quân báo chí quốc tế tại Đại Lễ Đường Nhân dân, Triệu đã rạng rỡ với một sự tự tin thanh thản. Ông đã có vẻ báo hiệu rằng Trung Quốc đã

sẵn sàng để gia nhập thế giới, rằng nó đã bắt đầu một quá trình biến đổi không chỉ nền kinh tế của nó mà cả nền chính trị chặt chẽ của nó.

Lần đầu tiên trong ký ức, toàn bộ Ban Thường Vụ đã xuất hiện trong quần áo Tây phương, các bộ đồ Mao của họ đã được giấu đi cho dịp chụp ảnh này nhằm tới nói cho phương Tây đã phát triển rằng Trung Quốc đã thoải mái trên sân khấu. Khi một phóng viên đã bình luận về bộ vest sọc ấn tượng của Triệu, Triệu, với một cái cười toe toét, vui đùa mở chiếc áo ra để khoe ve áo có dòng chữ: made in China. Một thời đại mới đã có vẻ trong tầm tay.

Trong hai năm tiếp theo, tuy vậy, công việc tuột khỏi vòng kiểm soát, đối với Trung Quốc và Triệu. Những sai lầm trong nền kinh tế đã dẫn đến lạm phát lan tràn mà đã làm các công dân Trung Quốc tức tối và đã mở cửa cho những lãnh tụ thận trọng hơn của Trung Quốc để nắm lấy quyền lực và áp đặt lại những kiểm soát tập trung.

Và rồi, trong tháng Tư 1989, các cuộc phản kháng Thiên An Môn đã nổ ra. Vào thời gian chúng bị đàn áp, chưa đến hai tháng sau, Triệu bị tước quyền lực và dưới sự quản thúc tại gia tại nhà ông trên một ngõ yên tĩnh ở Bắc Kinh. Tác nhân thay đổi hứu hện nhất của Trung Quốc đã bị làm nhục, cùng với các chính sách ông ủng hộ.

Triệu đã sống mười sáu năm cuối cùng của đời ông, cho đến cái chết của ông trong năm 2005, trong sự tách biệt. Một chi tiết thi thoảng về đời ông tuồn ra: các tường thuật về một cuộc chơi golf, một bức ảnh về nét mặt già đi của ông, một bức thư cho các lãnh tụ Trung Quốc được lọt ra. Nhưng các hoạc giả Trung Quốc thường đã than vãn rằng Triệu chẳng bao giờ có tiếng nói cuối cùng của ông, rằng ông đã không để lại quang cảnh của ông về những gì thực sự đã xảy ra đằng sau sân khấu trong những năm náo động mà ông đã ở Bắc Kinh và, đặc biệt, trong 1989 trong thời gian các cuộc phản

kháng Thiên An Môn, khi ông đã dũng cảm đương đầu với các lực lượng bảo thủ của Trung Quốc và đã thua.

Sự thực là, Triệu đã có tạo ra một hồi ký như vậy, trong sự bí mật hoàn toàn. Cuốn sách này là lần đầu tiên nó được đưa ra công khai.

Hoá ra là, Triệu đã ghi một cách có phương pháp các ý nghĩ và những hồi ức của ông về một số thời khắc quan trọng nhất của Trung Quốc hiện đại. Ông đã nói về cuộc đàn áp thẳng tay ở Thiên An Môn, về những đụng độ của ông với các địch thủ hùng mạnh của ông đằng sau sân khấu, về sự cãi nhau vặt thường nằm sau việc hoạch định chính sách, về làm thế nào Trung Quốc phải tiến hoá để đạt sự ổn định dài hạn.

Bằng cách nào đó, dưới mũi của những kẻ bắt giam ông, Triệu đã tìm được cách để ghi khoảng ba mươi băng (ghi âm), mỗi băng dài khoảng sáu mươi phút. Đánh giá từ nội dung của chúng, chúng được ghi vào khoảng năm 2000. Các thành viên gia đình ông nói họ không biết gì về dự án. Triệu đã ghi những nhật ký âm thanh này chủ yếu bằng ghi trên những băng cassette chất lượng thấp nằm quanh nhà: nhạc trẻ em và Kinh Kịch. Ông đã cho biết thứ tự của chúng bằng đánh số chúng với những đánh dấu bút chì mờ. Đã không có những tiêu đề hay các ghi chú khác. Vài băng ghi đầu tiên, bao gồm Thiên An Môn và các chủ đề khác ông đã hăm hờ để đề cập—như những cáo buộc rằng Triệu đã phản bội người tiền nhiệm của mình, Hồ Diệu Bang, khi Hồ bị buộc rời quyền lực trong

1987—có vẻ đã được ghi trong cuộc thảo luận với các bạn bè. Tiếng của họ được nghe trên băng nhưng được bỏ đi để bảo vệ họ và sự an toàn của các gia đình của họ.

Khi Triệu hoàn tất việc ghi âm sau khoảng hai năm, ông đã tìm được cách để chuyển các băng cho vài bạn thân tín. Mỗi người

được trao chỉ một phần của tổng số các băng, rõ ràng là một cố gắng để giảm bớt rủi ro rằng các băng có thể bị mất hay bị tịch thu. Khi Triệu chết trong 2005, vài trong số những người biết về các băng ghi âm đã khởi động một cố gắng bí mật, phức tạp để thu thập chúng vào một chỗ và sau đó gỡ băng chúng cho việc xuất bản. Muộn hơn, một bộ khác của các băng, có lẽ các bản gốc, đã được tìm thấy, được giấu ở nơi dễ thấy giữa các đồ chơi của các cháu ông trong phòng sách của ông.

Bản thân các băng ghi âm đã quay trở lại với gia đình Triệu, người sẽ quyết định họ sẽ phải bảo quản thế nào. Những clip ghi âm sẽ được đưa ra cho công chúng lúc phát hành cuốn sách này.

Là một trình bày gần như đầy đủ của nhật ký được ghi của Triệu. Cuốn sách không theo trình tự chính xác của Triệu. Một số đoạn được sắp xếp lại và vài đoạn khác được cắt bớt để loại bỏ sự lặp lại và cho tính dễ đọc rõ hơn. Thí dụ, chúng tôi mở đầu với các tiết đoạn giải quyết các cuộc phản kháng Thiên An Môn và sự đàn áp thẳng tay trong năm 1989 và nhiều năm của Triệu dưới sự quản thúc tại gia. Chúng tôi cũng bắt đầu mỗi chương với những ghi chú ngắn của các biên tập viên, *bằng chữ nghiêng*, để giúp dựng sân khấu cho các bạn đọc không quen với những gì xảy ra ở Trung Quốc lúc đó. Chúng tôi cũng đã chèn tư liệu khắp cuốn sách [trong dấu ngoặc vuông] và các ghi chú cuối trang để làm rõ thêm. Ở bất cứ đâu, những thứ này xuất hiện, đấy là từ ngữ của chúng tôi, không phải của Triệu.

Mặc dù Triệu đã không cho chỉ dẫn nào về tư liệu có thể được xuất bản hoặc mặt khác được sử dụng như thế nào và khi nào, ông rõ ràng đã muốn câu chuyện của mình sống sót. Đây là những gì ông nói vào bắt đầu của Phần 1, kể về các sự kiện dẫn đến vụ Tàn sát Thiên An Môn ngày 4 tháng Sáu 1989: “Tôi ghi lại vài ghi chú về các sự kiện xung quanh sự cổ mừng Bốn tháng Sáu bởi vì tôi lo rằng

tôi có thể bắt đầu quên một vài chi tiết. Tôi hy vọng rằng nó có thể được dùng như một loại hồ sơ lịch sử.”

Tầm quan trọng của nhật ký này là như thế nào? Trên hết, lần đầu tiên mà một lãnh tụ cỡ của Triệu ở Trung Quốc đã nói thẳng thắn về cuộc sống trên đỉnh. Ông cung cấp một cái nhìn sâu sắc vào một trong những chế độ mờ đục nhất thế giới. Chúng ta được nghe về những chiến thắng và những thất bại, những niềm tự kiêu và những sự không an toàn, của người muốn thử mang lại thay đổi khai phóng cho Trung Quốc, và người đã làm mọi cố gắng để chặn vụ Tàn sát Thiên An Môn. Đây là phiên bản của Triệu về lịch sử, và có lẽ ông đã đang đưa ra các lý lẽ của mình cho một thế hệ lãnh tụ tương lai những người có thể xét lại vụ của ông và quyết định liệu ông phải được phục hồi trong ký ức của Đảng, và của quốc gia hay không.

Cấu trúc quyền lực mà Triệu mô tả là lộn xộn, thường vụng về. Các phe phái cạnh tranh nhau vội vã để lôi kéo lãnh tụ tối cao Đặng Tiểu Bình, mà cái gạt đầu đồng ý hay sự bác bỏ của ông cộng hưởng qua xã hội cứ như được chuyển xuống từ một nhà tiên tri. Trong chuyện kể này, Đặng là một nhân vật mâu thuẫn, người thúc Triệu đi nhanh với những cải cách kinh tế nhưng kiên định đánh trả chống lại bất cứ thứ gì có vẻ thách thức quyền tối cao của Đặng. Ông thỉnh thoảng được vẽ chân dung không như người quyền uy, mà như một con rối, tùy vào sự thao túng của Triệu hay các đối thủ của ông, phụ thuộc vào ai trình bày vụ việc của mình trước. Triệu suy ngẫm về những bình luận ông đưa ra cho lãnh tụ Soviet Mikhail Gorbachev mà đã làm Đặng khó chịu. Giả thiết của ông, dựa vào hàng năm trong giới nội bộ, là Đặng đã không thể có một phản ứng như vậy chỉ một mình: “Tôi dù sao muốn biết đã là ai hay người đó đã tìm được cách như thế nào để kích động Đặng.”

Trung Quốc mà Triệu miêu tả không phải là triều đại nào đó đã biến mất từ lâu. Nó là Trung Quốc ngày nay, nơi các lãnh tụ quốc gia chấp nhận quyền tự do kinh tế nhưng tiếp tục hăm dọa và bắt bớ bất kỳ ai thử nói công khai về sự thay đổi chính trị. Mặc dù các nhân vật trung tâm của câu chuyện của Triệu hầu hết đã qua đời, bản thân hệ thống và các thói quen của nó đã không tiến hoá. Vào cuối năm 2008, hơn ba trăm nhà hoạt động Trung quốc, đánh dấu kỷ niệm lần thứ sáu mươi của Tuyên ngôn Phổ quát về các Quyền con người, đã cùng ký Hiến chương 08, một văn kiện kêu gọi Đảng cải cách hệ thống chính trị của nó và cho phép quyền tự do ngôn luận và một nền tư pháp độc lập. Bắc Kinh đã phản ứng lại như nó đã luôn luôn phản ứng: thăm vấn nhiều trong số những người ký và bắt một số người, kể cả nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng Lưu Hiểu Ba.

Trung Quốc vẫn là một quốc gia nơi sự ám ảnh của Đảng với sự tự-duy trì (self-perpetuation) dẫn dắt hành vi công của nó, và nơi những tiếng nói yêu nước mà không thích hợp từng ly từng tý bị làm cho câm lặng. Điều đó có những hệ quả vượt xa lĩnh vực chính trị. Trong năm 2003, khi virus SAR chết người bắt đầu lan ra ở Trung Quốc, ban đầu các quan chức đã dùng đến cách để thử kiểm soát tin tức và che đậy mức độ vấn đề. Sự thiếu tính thật thà đó có thể đã làm cho nhiều ngàn người hơn có thể bị lây nhiễm.

Nhật ký này không toàn diện. Nó không bàn tới sự nghiệp dài và phong phú của Triệu, chỉ tới ba năm náo động trước khi ông rời khỏi quyền lực. Thế nhưng những thành tựu xuất sắc của ông và uy tín ông đã phát triển là đáng được ghi nhớ.

Sự lên của Triệu tới quyền lực đi theo thành công của ông trong vận hành chính sách kinh tế ở các tỉnh. Tuy sinh ra ở Tỉnh Hà Nam, ông đã xây dựng sự nghiệp của mình ở Quảng Đông, nơi ông đã trở thành người đứng đầu Đảng trong năm 1965 vào tuổi bốn mươi sáu, non một cách đáng chú ý. Giống vô số các quan chức khác, ông đã

bị thanh trừng trong thời gian Cách mạng Văn hoá; ông đã được phân nhiệm vụ tương đối quy luy. làm một thợ lắp ráp tại Nhà máy Cơ khí Xiangzhong (Tương Trung) ở Tỉnh Hồ Nam. Triệu Ngô Tuấn (Zhao Wujun), con trai út trong bốn con trai của ông (ông cũng có một con gái), đã làm việc với ông. Gia đình đã sống trong một căn hộ nhỏ ở gần với một cái va ly ở giữa phòng khách được dùng như bàn ăn.

Sự quay lại của Triệu từ sự lưu đày cho thấy sự coi trọng cao mà các lãnh tụ của Bắc Kinh đã dành cho ông. Như Triệu một lần đã mô tả nó cho bạn bè, trong tháng Tư 1971 gia đình Triệu đột ngột bị đánh thức giữa đêm bởi tiếng gõ cửa ầm ầm. Không có sự giải thích nào, người đứng đầu Đảng của nhà máy thông báo cho Triệu rằng ông phải đi ngay đến Tràng Sa, thủ phủ tỉnh. Công cụ giao thông duy nhất của nhà máy đã là một chiếc xe motor ba bánh, mà đã nhanh chóng sẵn sàng chở ông.

Triệu được chở đến sân bay Tràng Sa, nơi một máy bay đã sẵn sàng chở ông về Bắc Kinh. Vẫn chưa biết về những gì đang xảy ra, ông đã lên máy bay; nó đã hạ cánh xuống Bắc Kinh, và ông được chở đến Khách sạn Bắc Kinh được trang bị đầy đủ. Triệu nói ông đã không ngủ suốt đêm; sau hàng năm ông ở trong vùng hoang vu chính trị, nệm giường (ở khách sạn) đã quá mềm.

Vào buổi sáng, ông được đưa đến gặp Thủ tướng Châu Ân Lai tại Đại Lễ Đường Nhân dân. Khi họ gặp nhau, Triệu đã bắt đầu một bài nói ông đã chuẩn bị suốt đêm: “Tôi đã nghĩ lại Cách mạng Văn hoá trong những năm này như một người lao động —” Châu đã cắt ngang và bảo ông, “Anh được gọi về Bắc Kinh bởi vì Ủy ban Trung ương đã quyết định bổ nhiệm anh làm phó bí thư Đảng của Nội Mông.”

Triệu muộn hơn đã được biết rằng bản thân Mao Chủ tịch đã chịu trách nhiệm về sự quay lại của ông từ sự lưu đày. Mao một

ngày đã đột nhiên hỏi một người phục vụ, cái gì đã xảy ra với Triệu Tử Dương? Khi ông được bảo rằng Triệu đã bị thanh trừng và chuyển về nông thôn như một người lao động, Mao đã bày tỏ sự bực mình của ông với sự thái quá của nỗ lực thanh lọc ông đã phát động với Cách mạng Văn hoá: “Thanh lọc mỗi từng cá nhân? Đó không phải là điều tôi muốn . . .” Với câu đó, Triệu Tử Dương đã được phục hồi.

Triệu đã giữ các chức vụ chớp bu trong vài tỉnh và đã nhận được sự ca ngợi rộng rãi vì việc tìm ra những giải pháp cho sự tê liệt kinh tế để lại từ sự tập thể hoá của Mao. Ông đã trở thành lãnh đạo Đảng ở Tỉnh Tứ Xuyên trong 1975 và đã khởi động những thay đổi đầy tham vọng ở nông thôn mà đã làm tăng sản lượng nông nghiệp và của cải của các nông dân. Thành công của ông đã khiến dân địa phương nói “*yao chi liang, zhao Ziyang*,” một trò chơi chữ với tên ông mà đại ý là “nếu muốn ăn, hãy tìm Tử Dương.”

Không giống nhiều quan chức cấp cao khác, Triệu đã có tiếng về sự thực dụng, về sự quan tâm đến việc kinh doanh. Ông đã không thể chịu để nhân dân làm các thứ cho ông. Trước khi ông bị thanh trừng lần cuối cùng trong năm 1989, đã có một tối khi ông khó ngủ. Văn phòng phục vụ của Đảng đã gửi qua một bác sĩ để xoa bóp cho ông để giúp ông thư thái. Sau vài lần thăm, Triệu đã bắt họ dừng lại. Được hỏi vì sao, ông đã nói, “Việc đầu tiên bác sĩ này đã làm mỗi lần ông ta đến đã là quỳ xuống sàn và tháo dày của tôi ra. Tôi không thể chịu được.” Triệu đã chẳng bao giờ có vẻ có thiện cảm với sự cô lập của Trung Nam Hải, khu được bảo vệ kiên cố của Đảng ở trung tâm Bắc Kinh. Khi ông gặp những người từ bên ngoài của giới thân cận của Trung Quốc, ông đã nóng lòng hỏi, “Có tin tức gì mới nhất ở bên ngoài?”

Nhưng nếu Triệu đã là một người phá vỡ quy tắc, ông cũng đã là một người có kỷ luật. Trong khi người tiền nhiệm của ông với tư

cách người đứng đầu Đảng, Hồ Diệu Bang, đã không thận trọng (một phỏng vấn khinh suất với một nhà báo Hong Kong có thể cuối cùng đã làm ông mất việc làm của mình), Triệu đã thận trọng và để ý đến tác dụng phụ tiềm tàng từ mỗi bước ông tiến hành. Tính nghiêm khắc đó đã cũng mở rộng ra đời sống riêng của ông nữa. Trong những năm ông hoạt động ở các tỉnh, bạn bè đã thúc ông bỏ hút thuốc lá. Cuối cùng, trong năm 1980 khi ông sắp trở thành Thủ tướng, ông đã đổi ý. “Okay, bây giờ là lúc,” ông bảo bạn bè. Ông đã chẳng bao giờ hút thuốc trở lại. (Ông đã tiếp tục uống, tuy vậy, và đã có tiếng có khả năng uống nhiều; một người bạn nói Triệu đã chẳng sao khi nốc sáu mao-đài trong một bữa tối.)

Những năm của ông ở các tỉnh chắc chắn đã là những năm hạnh phúc nhất của ông. Ở Bắc Kinh, Đặng đã giao nhiệm vụ cho ông lãnh đạo các cuộc cải cách—đầu tiên trong nền kinh tế, và muộn hơn trong chính trị. Nhưng Trung Quốc đã không thể dễ dàng thích nghi với sự thay đổi đột ngột, và khi mọi chuyện trở nên quá dễ lung lay, Đặng đã chọn sự ổn định. Ông đã hy sinh hai người thay thế khai phóng nhất của ông: đầu tiên là Hồ, rồi là Triệu. Những mơ ước về một sự thức tỉnh chính trị rộng ở Trung Quốc đã bị ngừng.

Chuyện kể của Triệu về những năm cuối cùng của ông là đáng tôn quý, thế nhưng buồn. Dưới sự quản thúc tại gia, ông đã có thể làm chẳng bao nhiêu trừ ám ảnh về những sự kiện, vắn lại đồng hồ để nghiên ngẫm về những chi tiết kỹ thuật của vụ chính thức của Đảng chống lại ông. Từ bên ngoài đã có thể cho rằng ông đã được đối xử nhẹ nhàng, chí ít so với những cuộc thanh trừng trước, hung bạo của các quan chức cộng sản. Ông đã không bị đưa vào nhà tù, và Đảng cuối cùng đã không còn quan tâm đến thử giết ông xuống. Nhưng những người bắt giữ ông đã thành công trong việc giữ ông ngoài tầm nhìn và biến ông thành không quan trọng, quăng ra đủ những cản trở để làm nhụt chí tất cả trừ những người đến thăm

quyết tâm nhất. Như Triệu nói trong nhật ký này, “Lối vào nhà tôi là một chỗ lạnh lẽo, tiêu điều.”

Các học giả không nghi ngờ gì sẽ muốn so sánh hồi ký của Triệu với các báo cáo khác về thời đại đó. Một lý do là, ông phủ nhận niềm tin rộng rãi rằng quyết định trong năm 1989 để triệu đến quân đội để đàn áp các sinh viên biểu tình đã được đưa ra cho một sự bỏ phiếu chính thức của Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Triệu chứng thực chuyện khác: đã không có cuộc bỏ phiếu nào. Đối với Triệu đó là một chi tiết quan trọng, vì một sự bỏ phiếu thích hợp đã có thể cho quyết định một dáng điệu của tính chính đáng thủ tục. Triệu giải thích sự kháng cự công khai riêng của ông bằng những từ rõ nhất: “Tôi từ chối để trở thành Tổng Bí thư người huy động quân đội để đàn áp thẳng tay chống lại các sinh viên.”

Ngay sau khi quyết định được đưa ra để triệu quân đội đến—và biết rằng sự nghiệp chính trị riêng của ông có lẽ đã kết thúc—Triệu đã tiến hành một cuộc viếng thăm đáng chú ý tới Quảng trường Thiên An Môn sôi sục để nói với các sinh viên biểu tình. (Nghe rằng Triệu đang viếng thăm, đối thủ của ông, Thủ tướng Lí Bằng, đã lẽo đẽo đi theo. Triệu nói Lí đã “khiếp sợ” và nhanh chóng biến khỏi hiện trường.) Được tháp tùng cuối cùng bởi trợ lý của ông Ôn Gia Bảo, người muộn hơn đã trở thành Thủ tướng Trung Quốc, một ông Triệu mắt đẫm lệ đã nói với các sinh viên qua một loa chạy bằng pin. “Chúng tôi đã đến quá chậm,” ông đã nói, thúc giục các sinh viên rời khỏi quảng trường để tránh một kết cục hung bạo. Họ đã không để ý lời của ông. Khoảng hai tuần sau, các xe tank được tung vào, và hàng trăm người biểu tình đã bị giết.


Mặc dù ông đã là tiếng nói chính ở trên đỉnh nói rõ ràng một sự phản ứng lại nhẹ nhàng đối với những người phản kháng, ngày nay Triệu phần lớn đã bị lãng quên. Trong ba năm sau Thiên An Môn, Trung Quốc đã trì trệ dưới bóng tối áp bức của vụ Tàn sát. Nhưng

khi đó Đặng Tiểu Bình, lưu tâm đến di sản riêng của ông, đã làm cuộc du hành nổi tiếng lừng danh tới vùng phía nam sôi nổi của Trung Quốc và đã gióng lên một lời kêu gọi để giải phóng chính sách kinh tế và để cho người dân làm giàu. Kết quả đã là một Trung Quốc với một nền kinh tế hưng thịnh và một chính quyền áp bức. Nếu giả như Triệu đã sống sót về mặt chính trị—tức là, giả như nếu đường lối cứng rắn đã không thắng thế trên Thiên An Môn—ông đã có thể có khả năng lái hệ thống chính trị của Trung Quốc theo hướng cởi mở và khoan dung hơn. Mục tiêu cuối cùng của ông đã là một nền kinh tế mạnh, nhưng ông đã được thuyết phục rằng mục tiêu này đã gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của dân chủ.

Lời kêu gọi của Triệu để bắt đầu từ bỏ sự kiểm soát của Đảng đối với đời sống của Trung Quốc—để đưa một chút tự do vào quảng trường công cộng—là đáng chú ý đến từ một người mà một thời đã chi phối quảng trường đó. Mặc dù Triệu bây giờ nói từ nắm mồm, tiếng nói của ông có sức mạnh đạo đức để khiến Trung Quốc bật dậy và lắng nghe.

LỜI TỰA

Roderick MacFarquhar

ôi đã gặp Triệu Tử Dương chỉ một lần, khi tôi ghé thăm ông trong phòng ngủ khách sạn của ông ở London trong chuyến công du tháng Sáu 1979 của ông với tư cách người đứng đầu của một đoàn đại biểu Tỉnh Tứ Xuyên. Phòng đã đầy các đồng nghiệp của ông, tất cả đã hơi bị làm cho bối rối với sự xuất hiện đường đột của tôi giữa họ. Tôi đã biết về danh tiếng tăng lên của Triệu với tư cách bí thư thứ nhất Tỉnh Tứ Xuyên, vì ông đã đi tiên phong các cải cách trong nông nghiệp, và chuyến đi nước ngoài này đã là một cơ hội để ông tự học hỏi. Nhưng vào thời điểm đó các mối quan tâm học thuật của tôi đã mang tính lịch sử hơn: Giả như tôi đến Tứ Xuyên, ông sẽ có nói cho tôi về những kinh nghiệm của ông trong vận hành Tỉnh Quảng Đông trong những năm 1960? Ông sẽ vui vẻ làm vậy. Tôi đã chuyển cho một trợ lý danh thiếp của tôi và rút lui.

Từ cuộc gặp gỡ ngắn ngủi đó, tôi đã hình thành vài ấn tượng không nghi ngờ gì là nông cạn nhưng vững chắc. Cán bộ Đảng lâu đời này đã là một người cởi mở, vui tính, và đầy sinh lực. Đáng tiếc, tôi đã chẳng bao giờ có khả năng củng cố các ấn tượng đó. Khi tôi tiến hành chuyến đi nghiên cứu tiếp của tôi đến Trung Quốc, Triệu Tử Dương đã là Thủ tướng của nước này và tôi đã biết kỹ hơn để thử vượt qua các rào cản của nộ máy quan liêu của Bắc Kinh.

Những gì chúng ta có trong cuốn sách này là tường thuật cá nhân của Triệu về Thủ tướng, và muộn hơn Tổng Bí thư Đảng đã giống cái gì, và còn muộn hơn, việc sống dưới sự quản thúc tại gia đã giống cái gì. Các tư liệu cho chúng ta một cận cảnh về thế giới

đòi bại của giới chính trị cấp cao Bắc Kinh như những kẻ theo hầu của Đặng Tiểu Bình— Tổng Bí thư Đảng Hồ Diệu Bang và Thủ tướng Triệu Tử Dương—đã chiến đấu nhân danh chương trình cải cách của Đặng. Phần lớn việc này đã được các học giả Tây phương lập tư liệu, nhưng ở đây chúng ta có một tường thuật về các cuộc đấu tranh nội bộ nằm ở dưới sự hỗn loạn mập mờ có thể thấy trên bề mặt.*

Điều nổi lên rõ ràng là, Triệu đã rất khoái vai trò của ông như Thủ tướng, kể cả sự nghiên cứu và suy nghĩ nó đòi hỏi, những sai lầm và những thất vọng, và sự toại nguyện đã đến với sự phát triển tăng tốc của Trung Quốc. Ông đã có các đối thủ của mình giữa “các lão thành” Cận vệ Già (Old Guard “elders”), đặc biệt Trần Vân và Lí Tiên Niệm. Trần đã là tiếng nói của lý trí kinh tế trong những năm 1950, mỗi khi Mao Trạch Đông đã đi trật đường ray, và ông đã vẫn tin rằng hệ thống Kế hoạch 5 Năm dưới sự kiểm soát tập trung mạnh đã có thể hoạt động thậm chí tốt hơn trừ những sai lầm của Chủ tịch; rốt cuộc, nó đã biến Liên Xô thành một siêu cường. Quả thực, Trần Vân đã đề xuất rằng Trung Quốc phải quay lại tương lai. Ông đã nghĩ ra mô hình về một ‘nền kinh tế lồng chim’: nền kinh tế kế hoạch đã là chiếc lồng và các con chim đã là nền kinh tế thị trường. Bằng cách này có thể ngăn chặn thị trường vượt ngoài tầm kiểm soát. Triệu đã kính trọng

* Về một tường thuật Tây phương toàn diện của thời kỳ này, xem Richard Baum, *Burying Mao: Chinese Politics in the*

Age of Deng Xiaoping (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1994)

Trần Vân—ông là người duy nhất trong số lão thành được thảo luận trong cuốn sách này mà Triệu thông thường gọi tên như “Đồng

chí”—và đã luôn luôn thử đến thăm ông để thảo luận các chính sách mới và thuyết phục ông. Nếu điều đó đã tỏ ra là không thể, đã luôn luôn có thể nhờ đến Đặng để giữ Trần Vân trong hàng.

Lí Tiên Niệm đã là một nhân cách hoàn toàn khác, và Triệu có vẻ đã bày tỏ một sự không thích chủ động đối với ông ta ngay từ đầu. Lí đã là quan chức dân sự cấp cao duy nhất phục vụ cùng Châu Ân Lai suốt Cách mạng Văn hoá. Khi Hoa Quốc Phong leo lên lãnh đạo trong những ngày cuối của Mao Chủ tịch, Lí đã trở thành cố vấn kinh tế chính của Hoa và, giả như Hoa đã sống sót với tư cách lãnh tụ, ông đã có thể là một người quyền thế trong nước. Lí đã chẳng bao giờ khôi phục được điều này, sự oán giận của ông rằng Triệu đã thừa kế vai trò của ông cũng đã chẳng nguôi. Lí thường xuyên cầu nhau rằng những thành tựu của riêng ông trong thời kỳ ngắn giữa hai vua [Mao và Đặng] của Hoa phải được công nhận như phần của cơ sở cho sự tiến bộ hiện thời. “Những thành công kinh tế không phải tất cả là liên quan của cải cách. Chẳng phải đã có những thành công trong quá khứ nữa ư? Chẳng phải nền tảng đã được đặt trong quá khứ?” Thực ra, “đại nhảy ra ngoài-great leap outwards”—việc mua hàng loạt các nhà máy từ hải ngoại—của Hoa đã hết sức kéo quá căng nền kinh tế Trung Quốc. Nhưng bởi vì Lí đã là một lão thành, chẳng ai đã chống lại ông, chắc chắn không phải Triệu, và như thế Lí đã cần nhàn về sự ám ảnh của Triệu với “cách làm ăn nước ngoài,” sự sẵn sàng của ông để học từ những gì đã thành công cho các nền kinh tế Hồ Á châu, và thậm chí từ phương Tây. Lí, người muộn hơn đã được an ủi với chức người đứng đầu nhà nước, đã là đối thủ xuất sắc nhất của cải cách và, theo Triệu, “ông đã ghét tôi bởi vì tôi thực hiện những cải cách của Đặng Tiểu Bình, nhưng bởi vì đã là khó cho ông để công khai phản đối Đặng, ông đã biến tôi thành mục tiêu của sự phản đối của ông.”

Khác với vấn đề của ông với Lí Tiên Niệm, Triệu đã là người may mắn trong hai người lính cầm cờ của Đặng, chính Hồ Diệu Bang đã là người nhận được sự giận dữ từ các lão thành và những người bảo thủ. Theo Triệu, điều này đã bởi vì với tư cách Tổng Bí Thư, Hồ đã chịu trách nhiệm về chính trị và hệ tư tưởng, và những người bảo thủ đã thấy Hồ nhất quyết không quan tâm đến những lo ngại của họ. Triệu, người viết nòng hậu về Hồ, gợi ý rằng một phần bởi vì Hồ đã đồng cảm với các trí thức và đã không muốn hành hạ họ như họ đã bị trong Cách mạng Văn hoá. Hồ cũng đã có một khuynh hướng nói thiếu cân nhắc không quan tâm đến ấn tượng được truyền đạt. Thực ra, một sự khác biệt lớn giữa Hồ và Triệu đã là về khuynh hướng của Hồ để ép sự tiến bộ kinh tế nhanh hơn, không đếm xỉa đến ưu tiên của Triệu cho sự tiến bộ chậm hơn nhưng đều đặn. Cả hai đã tận tâm với việc đưa một nền kinh tế thị trường vào, nhưng Hồ đã có vẻ vẫn khát khao kinh tế học phong trào, kiểu-Maoist. Trong năm 1983, Đặng đã phải triệu họ đến và cốt để ra lệnh cho Hồ không được làm mất tác dụng các quan chức kinh tế của chính phủ. Triệu đã tin rằng Đặng đã mất niềm tin vào Hồ lâu trước một sự bùng nổ của các cuộc biểu tình sinh viên vào cuối năm 1986, mà đã trở thành dịp cho sự sa thải ông với tư cách Tổng Bí Thư; nhìn chung, được cho phép giữ lại tư cách uỷ viên Bộ Chính trị đã không phải là số phận quá xấu cho Hồ trong hoàn cảnh đó.

Nhưng Hồ đã có một ưu thế mà Triệu đã chẳng bao giờ có thể bắt chước. Ông đã làm việc tại trung tâm trong hầu hết sự nghiệp chính trị của ông, mà đã có nghĩa rằng ông đã có một khối cử tri (constituency), các mối quan hệ; quả thực, Triệu bảo chúng ta, Hồ đã bị cáo buộc bởi nhiều kẻ thù của ông về việc khuyến khích một phái Liên đoàn Thanh niên Cộng sản, vì ông đã đứng đầu tổ chức đó trong những năm 1950. Ngược lại, Triệu đã hoạt động trong các bộ máy tỉnh ở những phần khác nhau của đất nước, và vào lúc

được triệu về Bắc Kinh trong 1980, ông đã không có mối quan hệ nào, hay như ông diễn đạt, “ít kên hơn. Vì thế một số việc dàn xếp đằng sau hậu trường vẫn mờ mịt đối với tôi, ngay cả bây giờ.” Thay vào đó, Triệu đã có khối cử tri chỉ có một người: Đặng Tiểu Bình. Tất nhiên, đã là khối cử tri một người tốt nhất để có, nhưng ngay cả Đặng đôi khi đã phải dùng thủ thuật né và xoay (bob and weave) khi đối mặt với sự phản đối mạnh mẽ từ các bạn lão thành của ông. Không ngạc nhiên rằng Triệu đã thiết tha đề nghị Đặng dừng từ chức mỗi khi Đặng đã nhắc tới khả năng này. Về phần mình, Đặng đã đảm bảo với Triệu cho đến tận tháng Tư 1989—chỉ một tháng trước khi sự nghiệp của ông bị đổ nát—rằng ông đã đảm bảo sự đồng ý của Trần Vân và Lí Tiên Niệm cho Triệu để giữ đủ hai nhiệm kỳ nữa với tư cách Tổng Bí thư Đảng, công việc mà Triệu đã nhận khi Hồ Diệu Bang bị sa thải trong tháng Giêng 1987. Nhưng trước khi quay sang pha cuối buồn bã đó của sự nghiệp của Triệu, đáng dừng lại để xem xét vai trò của ông trong chương trình cải cách.

Đặng thường được xem như kiến trúc sư của cải cách. Chắc chắn, không có sự thúc đẩy mạnh mẽ ban đầu của ông cho nó và cho sự mở cửa ra thế giới bên ngoài, thì sẽ đã không có chương trình như vậy. Vì thế trong số các lão thành ông đã vẫn là bố già (cha đỡ đầu) của nỗ lực (cải cách), sẵn sàng xông ra từ sự ẩn dật để bảo vệ nó chống lại bất cứ kẻ thách thức nào. Nhưng đọc tường thuật trần trụi (không tô điểm) và khiêm tốn (không khoe khoang) của Triệu về cương vị quản lý của ông, đã trở nên hiển nhiên rằng chính là ông hơn là Đặng đã là kiến trúc sư thật của cải cách. Chính Triệu đã là người, sau vô số tua kiểm tra, cuối cùng đã nhận ra rằng sự cam kết cho tập thể hoá nông thôn, được tái khẳng định khi Đặng quay lại quyền lực trong tháng Mười Hai 1978, đã là quá khứ, và người đã ủng hộ một hệ thống khoán hộ toàn quốc (national household responsibility system) như cách để phát triển nông nghiệp và nâng

thu nhập trang trại. Như Triệu thừa nhận, không có sự ủng hộ của Đặng nó sẽ chẳng bao giờ có thể được tiến hành. Nhưng Đặng đã không tạo ra sự đột phá quan niệm. Triệu đã.

Cũng đã chính là Triệu, người nghĩ ra chiến lược phát triển duyên hải thành công to lớn. Đây đã không phải là chính sách Đặc Khu Kinh tế được phát động sớm trong thời đại cải cách. Đúng hơn nó đã là một cố gắng để huy động tất cả các tỉnh duyên hải để phát triển một nền kinh tế, định hướng xuất khẩu, nhập khẩu số lượng lớn nguyên liệu, biến đổi chúng, và rồi xuất khẩu các sản phẩm với số lượng lớn ngang vậy. Đã có nhiều loại chống đối khác nhau mà Triệu đã vượt qua, nhưng lần nữa, một khi ông đã thuyết phục được Đặng, đã là việc lái buồm tương đối êm ả. Triệu đã nghĩ ra chính sách trong

1987–88 và nó đã tồn tại lâu hơn cái chết chính trị của ông, nhưng sau đó nó đã không

còn được nhắc tới như chiến lược phát triển duyên hải nữa bởi vì nhóm từ đã gắn chặt đến vậy với Triệu và không công trạng nào được phép trao cho ông ta.

Triệu cũng chịu trách nhiệm về những thất bại nữa. Một trong những vấn đề lớn trong cuối những năm 1980 đã là cải cách giá cả, nhưng muộn hơn trong cuộc tranh luận Triệu đã đồng ý để hoãn nó bởi vì tình trạng của nền kinh tế. Đây đã là một trong ít cơ hội mà ông và các đối thủ chính của ông, Thủ tướng Lí Bằng và Phó Thủ tướng Diêu Y Lâm, đã ở cùng một bên. Nhưng Lí và Diêu đã lợi dụng các vấn đề kinh tế để cho Triệu ra ngoài lề. Đặng đã chịu khuất phục rằng Triệu sẽ vẫn chịu trách nhiệm chung về nền kinh tế ngay cả sau khi ông đã tiếp quản chức Tổng Bí thư, nhưng Lí và Diêu bây giờ ngày càng bỏ qua các đầu vào của Triệu. Với tư cách những người kỳ cựu của hệ thống chính trị Trung quốc họ đã nhanh chóng cảm thấy sự xói mòn quyền lực.

Thành tích của Triệu vẫn ấn tượng. Thậm chí còn ấn tượng hơn là, ông đã làm việc hầu như một mình ở mức của ông. Ông đã phát triển một nhóm trung thành của các quan chức cải cách những người đã làm việc cho ông, đáng chú ý là Bảo Đồng trợ lý của ông người vẫn dưới sự quản thúc tại gia cho đến ngày nay. Nhưng chính Triệu đã trước tiên là người đề thuyết phục hay chiến đấu với các lão thành. Chính Triệu đã là người phải canh phòng lưng của mình vì cung và tên của “các đồng nghiệp” bị xúc phạm như Lí Bằng và Diêu Y Lâm. Chính Triệu đã là người phải cãi lý với các quan chức quan liêu tại mức quốc gia và tỉnh, những quan chức có lẽ đã không có một ý tưởng mới nào từ lâu trước Cách mạng Văn hoá, nhưng đã quyết tâm để bảo vệ địa bàn của họ và cách của họ để quản lý nó. Tuy nhiên, suốt những năm 1980, cho đến khi ông rời nhiệm sở, Triệu đã đang suy nghĩ, đặt câu hỏi, xem xét kỹ, thảo luận, và tranh luận về bước tiến tiếp theo. Đặng đã biểu lộ ra sự đánh giá tuyệt vời trong việc chọn Triệu như kiến trúc sư của chương trình cải cách.

Triệu đã chẳng bao giờ muốn sự cất nhắc chính thức lên vị trí Tổng Bí Thư. Ông đã thích việc đồng đang làm và đã không muốn dính líu đến những tranh luận về lý thuyết hay chính trị. Giả như Đặng đã đưa ra ứng viên khác cho chức vụ [Tổng Bí Thư], Triệu đã có thể vui vẻ ở lại chức ông đã nắm. Nhưng chỉ những gợi ý về những tên dự khuyết đến từ những người bảo thủ đang chơi các trò chơi ngoắt ngoéo riêng của họ, mà Triệu đã ấu trĩ hiểu theo bề ngoài, nhưng bị Đặng nhìn thấu. Cho nên Triệu, thiên về bản phận, đã bị bẫy.

Ông mau chóng nhận ra ông đã may mắn đến thế nào để có Hồ Diệu Bang giải quyết trở ngại suốt các năm đó. Triệu bây giờ đã thừa hưởng hai kẻ thù không đội trời chung mới: Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân (“Đặng nhỏ,” không có họ hàng gì với Đặng Tiểu Bình). Hồ Kiều Mộc đã là tay cầm bút cự phách, thư ký và người viết

mướn ưa thích một thời của Mao. Đặng Tiểu Bình đã từ chối có bất cứ giao thiệp nào với ông ta trong một số năm. Đặng Lực Quân đã là một nhà lý luận cánh tả lâu đời với những mối tiếp xúc đáng kể giữa các lão thành bảo thủ. Ông đã vận hành một văn phòng nghiên cứu dưới Ban Bí thư trung ương đảng mà đã có thể dựa vào để tạo ra những ý tưởng và bình luận chống-cải cách nhất. Theo Đặng Tiểu Bình, “Đặng nhỏ” đã rất ương bướng, “giống một con la Hồ Nam.” Những người ủng hộ ông, mặt khác, không nghi ngờ gì đã nghĩ ông ta đã kiên quyết một cách đáng ngưỡng mộ trong việc đứng lên vì sự thật.

Triệu đã bày tỏ không sự quan tâm nào đến những cuộc đấu tranh ý thức hệ mà Hồ Diệu Bang đã chiến đấu với Hồ Kiêu Mộc và Đặng nhỏ, và họ đã xem ông là trung lập, quan tâm chỉ đến việc ngăn chặn những vấn đề ý thức hệ khởi phá vỡ sự phát triển kinh tế. Nhưng khi Hồ Diệu Bang bị sa thải và họ nghĩ họ đã có thể lao vào một chiến dịch chống tự do hoá tư sản, họ đã gặp phải sự phản đối của Triệu. Trong một mệnh lệnh ngắn Triệu đã đạt được cái Hồ Diệu Bang đã thất bại để làm: ông đã giải tán cơ sở quyền lực của Đặng nhỏ bằng việc thanh lý văn phòng nghiên cứu của Ban Bí thư trung ương, và đóng cửa các tạp chí cánh tả như *Hồng Kỳ*.

Như một sự đền đáp lại (*quid pro quo*), Triệu đã đề xuất rằng Đặng nhỏ được trao một ghế trong Bộ Chính trị tại đại hội Đảng tiếp sau, sao cho ông ta có thể thổ lộ các quan điểm của mình. Việc này đã được đồng ý, nhưng khi bước đầu tiên cần thiết phải được tiến hành—bầu cử vào Ủy ban Trung ương mà từ đó các uỷ viên Bộ Chính trị được chọn ra—Đặng nhỏ đã không trúng cử. Bất chấp sự thống nhất sớm hơn của ông về sự cất nhắc của Đặng nhỏ, Đặng Tiểu Bình đã quyết định để việc bỏ phiếu có giá trị. Những người ủng hộ của Đặng nhỏ trong số các lão thành đã điên tiết và bắt đầu coi Triệu thậm chí còn tồi hơn Hồ Diệu Bang.

Thế nhưng Triệu đã cần có một chiến thắng nữa. Ông đã quyết định giải quyết một lần cho mãi mãi vấn đề mè nheo mà đã nằm dưới toàn bộ thời kỳ cải cách: Nếu Trung Quốc đã hoàn tất một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong những năm 1950, thì vì sao nó đang làm theo các phương pháp tư bản chủ nghĩa bây giờ? Ông đã quyết định lấy một cụm từ đã được dùng trong một số năm—“giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội”—và quy cho nó một sự nổi bật lý luận mà cho đến nay nó đã thiếu. Việc này sẽ không phủ nhận các thành tựu xã hội chủ nghĩa đến giờ nhưng nó sẽ giải phóng Trung Quốc khỏi giáo điều xã hội chủ nghĩa cứng nhắc. Ông cũng đã thử làm vừa lòng mọi người bằng việc nhấn mạnh địa vị của “Bốn Nguyên tắc Cốt yếu,” được Đặng đề ra trong năm 1979: giữ vững con đường xã hội chủ nghĩa, chuyên chính của giai cấp vô sản, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, và Chủ nghĩa Marx-Chủ nghĩa Lenin—Tư tưởng Mao Trạch Đông. Triệu đã đề xuất rằng Hội nghị Toàn thể Ủy ban Trung ương mà đã đưa Đặng quay lại quyền lực trong tháng Mười Hai 1978 đã ngầm định muốn nói rằng Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và cải cách và mở cửa đã ở trên cùng một mức ngang nhau và rằng đây đã là hai điểm cơ bản, với sự phát triển kinh tế như tiêu điểm chính. Điều này được Bảo Đổng và các đồng nghiệp của ông biến thành một thành ngữ thông tục như “một tiêu điểm trung tâm, hai điểm cơ bản.” Không phải tất cả mọi người chào đón nó, nhưng Đặng Tiểu Bình thích nó, và đó mới đã là điều quan trọng. Ý tưởng đã trở thành tâm điểm của Báo cáo Chính trị của Triệu cho Đại hội Đảng thứ Mười ba trong mùa thu năm 1987.

Khi chúng ta quay sang các sự kiện của tháng Tư—tháng Sáu 1989, khi các sinh viên đã bắt đầu các cuộc diễu hành của họ tới Quảng trường Thiên An Môn để bày tỏ sự kính trọng của họ cho Hồ Diệu Bang, người đã mất ngày 15 tháng Tư, có thể rằng các độc giả Tây phương có sự tiếp cận đến nhiều tin tức hơn Triệu Tử Dương

đã có lúc đó. Điều này là một kết quả của việc xuất bản ở nước ngoài các tư liệu Cộng sản mật về cuộc khủng hoảng,* mà một vài trong số đó Triệu có lẽ đã chẳng bao giờ trông thấy, đặc biệt các biên bản của các cuộc họp của các lão thành những người đã quyết định về sự sa thải Triệu và sự lựa chọn người kế vị của ông. Những gì Triệu cung cấp ở đây là phân tích của ông về phong trào sinh viên và chính sách của ông để giải quyết nó.

Triệu đã làm tức giận các đồng nghiệp bảo thủ của ông, như Lí Bằng, với thái độ làm bót căng thẳng đối với các hoạt động sinh viên. Ông đã tin rằng sau các cuộc biểu tình ban đầu của họ, với việc xử lý thuyết phục đã có thể khiến các sinh viên quay lại trường học của họ. Với Lí Bằng hứa đi theo đường lối của Triệu, Triệu đã đi thăm Bắc Triều Tiên trong chuyến đi đã lên lịch từ lâu. Đáng tiếc cho Triệu, Lí Bằng đã tìm được một cách để lẩn tránh lời hứa của mình. Chẳng bao lâu sau sự khởi hành của Triệu, Lí Bằng đã đẩy các lãnh đạo của Thành uỷ Bắc Kinh để báo cáo đầu tiên cho Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và rồi cho Đặng. Báo cáo của họ đã đầy lửa và lưu huỳnh, tiên tri rằng nếu sự

* Zhang Liang, Andrew J. Nathan, and Perry Link, *The Tianmen Papers* (New York: PublicAffairs, 2002) kiểm soát không được khôi phục ngay lập tức, đã có thể là một động loạn toàn quốc. Đặng, với những ký ức của ông về Cách mạng Văn hoá—trong thời gian đó con trai ông đã bị què suốt đời—đã chắc chắn bị ấn tượng bởi một báo cáo như vậy, và ông đã định rõ các sự kiện là “sự náo động chống-Đảng, chống-xã hội chủ nghĩa.” Triệu đã được liên lạc ở Bắc Triều Tiên và trong sự thiếu bất kể thông tin khác nào, tất yếu đã phải đồng ý với phân tích của Đặng. Lí Bằng đã đảm bảo rằng các lời và tình cảm của Đặng được bày tỏ ngay lập tức trong một bài

Xã luận của *Nhân dân Nhật báo* vào ngày 26 tháng Tư. Tuy vậy, ngược với những kỳ vọng của Lí Bằng, bài xã luận, còn xa mới làm các sinh viên hoảng sợ để quy phục, đã làm cho họ tức điên thêm bởi vì các hành động yêu nước của họ đã bị miêu tả sai đến vậy. Vào ngày 27, các sinh viên đã lại tuần hành tới quảng trường, phá vỡ một hàng rào cảnh sát. Lí Bằng, với sự giúp đỡ của Đặng, đã kích động lại phong trào sinh viên.

Ngay vào lúc trở về của ông, Triệu đã thấy rằng cho dù có bao nhiêu bài phát biểu xoa dịu được đưa ra, những đoạn ngắn công kích của bài xã luận sẽ phải được rút lại nếu muốn làm yên phong trào sinh viên lần nữa. Nhưng những sự thẩm tra của ông đã cho biết cái ông đã biết rồi: Đặng không có ý định nào về việc cho phép bài xã luận bị từ bỏ. Thắng lợi lớn nhất của Lí Bằng đã là, cuối cùng ông đã tìm thấy một vấn đề chia rẽ quan hệ đối tác Đặng-Triệu. Triệu đã thử những cách khác hoà giải các sinh viên, nhưng vào giữa tháng Năm ông đã hết sự lựa chọn và biến dần khỏi quang cảnh chính sách. Khi sự phản kháng của ông đối với việc áp đặt quân luật đã tỏ ra vô ích, thời đại Triệu đã hết và tất cả cái còn lại đã là dự cuộc họp Ủy ban Trung ương và chấp nhận sự sa thải.* Triệu, người đã chết trong năm 2005, đã phải tiêu nhiều thời gian dưới sự quản thúc tại gia hơn ông đã dùng để thử vận hành chương trình cải cách. Trong giai đoạn này, ông đã được phép tiến hành những chuyến đi thi thoảng đến những vị trí được quy định cẩn trọng, chơi những trận golf thi thoảng, và có những khách thăm chừng nào họ bị sàng lọc chặt chẽ.† Nhưng phần lớn thời gian của Triệu đã được dùng phản đối những sự hạn chế nhỏ mọn mà dưới đó ông bị giam cầm. Quan chức Đảng luôn tận tâm, ông đã trích hiến pháp nhà nước và điều lệ Đảng cho những kẻ cai tù của ông. Đến cuối cùng, ông có vẻ thành thật, nếu một cách ấu trĩ, tin rằng vào điểm nào đó các đối thủ của ông đã có thể vỡ dưới sức nặng của chủ nghĩa hợp

pháp hoàn hảo của ông. Tất nhiên, họ đã không. Tính hợp pháp đã không xuất hiện chút nào trong việc xử lý vụ của Triệu, chỉ quyền lực và sự ổn định. Dường như cứ như Triệu đã vừa đến Bắc Kinh từ miền quê xa lắc và đã không nhận ra rằng luật không đóng vai trò thật nào trong đời sống chính trị Trung quốc. Nhưng có lẽ ông có được chút an ủi nào đó từ ý tưởng rằng ban lãnh đạo đã có sự sợ hãi thật sự về sự hỗn loạn mà ông đã có thể gây ra nếu người ta thấy ông trên phố.

Trong sự giam cầm, Triệu đã nghĩ về cải cách chính trị, các ý tưởng của Đặng, của

Hồ Diệu Bang, và của riêng ông. Ông đã kết luận rằng Đặng đã không thực sự tin vào cải

* Về bài phát biểu của Triệu tự bảo vệ mình, xem Yang Jisheng, “Zhao Ziyang’s Speech in His Own Defense at the

Fourth Plenary Session of 13th Central Committee of the Chinese Communist Party,” *Chinese Law and Government*

38, no. 3 (May–June 2005), pp. 51–68.

† Một trong những người đến thăm của ông, Zong Fengming (Tôn Phục Minh), đã ghi lại những gì Triệu đã nói ngay lập tức sau khi ông quay về nhà sau mỗi cuộc viếng thăm (không việc ghi chép nào đã được phép trong nhà của Triệu); từ hoạt động thư ký này đã là cuốn Zong Fengming, *Zhao Ziyang ruanjinzhong de tanhua* (Tôn Phục Minh,

Những câu chuyện của Triệu Tử Dương khi bị giam lỏng) (Hong Kong: Open Books, 2007). Xem bài phê bình

của Andrew Nathan trong *China Perspectives*, no. 3 (2008), pp. 136–42 cách chính trị, chỉ vào hành chính chặt chẽ hơn. Hồ đã không nghĩ toàn diện các ý tưởng của mình, nhưng tính hoà nhã của ông trong các chiến dịch chính trị và sự khăng khăng của ông về việc tha thứ tất cả những người đã bị bắt sai trong những chiến dịch trước đã dẫn Triệu để suy đoán rằng nếu giả như Hồ đã sống sót ông sẽ “đẩy cải cách chính trị của Trung Quốc về phía trước” theo hướng dân chủ hoá.

Triệu thú nhận rằng kể từ giữa-những năm 1980, ông đã là một nhà cải cách kinh tế và một người bảo thủ chính trị. Từ từ ông đã nhận ra rằng không có cải cách chính trị, thì chương trình cải cách kinh tế bị nguy hiểm: thí dụ, tham nhũng ồ ạt sẽ tiếp diễn. Vào

1989, ông đã sẵn sàng nói với lãnh tụ Soviet đang viếng thăm, Mikhail Gorbachev, rằng lập trường của Đảng Cộng sản Trung quốc sẽ không thay đổi, nhưng phương pháp cai quản của nó phải thay đổi: luật trị (rule of law) phải thay thế nhân trị (rule by men). Ông đã muốn tăng tính minh bạch và thiết lập nhiều kênh đối thoại với các lực lượng xã hội khác nhau. Hơn nữa, ông đã cảm thấy các lực lượng xã hội phải được phép để tự tổ chức mình, hơn là bị yêu cầu quy phục các cơ quan do Đảng-nhà nước lãnh đạo. Triệu đã muốn

khả năng lựa chọn, dù hạn chế, trong các cuộc bầu cử của lập pháp quốc gia.

Sau đó, quan điểm của Triệu đã tiến hoá thêm. “Thật ra, chính hệ thống dân chủ đại nghị Tây phương đã chứng tỏ sức sống nhiều nhất. Có vẻ rằng hệ thống này là hệ thống sẵn có tốt nhất hiện nay.” Sự hiện đại hoá này đã gồm cả một nền kinh tế thị trường lẫn một hệ thống chính trị dân chủ hoá. Tại Trung Quốc, điều này có nghĩa một thời kỳ chuyển tiếp (transition-chuyển đổi) dài, một thời kỳ đòi hỏi hai sự đột phá của Đảng Cộng sản: cho phép sự cạnh tranh từ các đảng khác và tự do báo chí, và làm cho bản thân Đảng dân chủ

hơn. Cải cách hệ thống pháp luật và việc thiết lập một nền tư pháp độc lập cũng phải được ưu tiên. Triệu kết luận với một cuộc tìm tòi ngắn, dựa vào kinh nghiệm, về việc đưa ra những cải cách như vậy sẽ khó đến thế nào.

Câu chuyện về tình trạng bị giam cầm của Triệu gợi hai suy ngẫm: Nếu một quan chức yêu nước chỉ đi đến kết luận rằng dân chủ là cần thiết cho Trung Quốc sau hàng năm chẳng làm gì trừ suy nghĩ, có cơ may gì cho một quan chức bận rộn ngày nay để có thì giờ nhàn rỗi hay sự an toàn để nghĩ những ý tưởng như vậy trong khi đang làm việc? Và nếu anh ta đã tìm được cách để đi đến một kết luận như vậy, thì anh ta sẽ thực hiện các ý tưởng này thế nào bất chấp chống đối của Đảng ở mọi mức của xã hội? Đã cần đến một thảm họa với tầm vóc Cách mạng Văn hoá để lay chuyển Trung Quốc ra khỏi mô hình kinh tế Stalinist. Trung Quốc không cần một Cách mạng Văn hoá khác, nhưng Đảng phải bị lay chuyển đến gốc rễ của nó để cho các lãnh tụ của nó suy ngẫm đi theo thông điệp cuối cùng của di chúc của Triệu Tử Dương.

Ngày nay ở Trung Quốc, Triệu chẳng là gì cả. Vào một thời ít hoang tưởng hơn trong tương lai, có lẽ ông sẽ được xem như một người trong dòng dõi có thanh thế đó của các quan chức Trung Hoa lưu truyền qua nhiều thời đại, những người đã làm việc chăm chỉ và tốt cho đất nước họ, nhưng họ đã đụng chạm với nhà cầm quyền. Tên của họ vẫn gây cảm hứng, rất lâu sau khi tên của các đối thủ thối nát của họ đã bị quên đi.

Roderick MacFarquhar là Giáo sư Leroy B. Williams về Lịch sử và Khoa học

Chính trị tại Đại học Harvard

PHẦN 1

VỤ THẨM SÁT THIÊN AN MÔN

1. Những cuộc Phản kháng Sinh viên Bắt đầu

Phong trào sinh viên năm 1989 là một trong những thời khắc quyết định của sự nghiệp của Triệu Tử Dương. Vào ngày 15 tháng Tư, tin tức về cái chết của Hồ Diệu Bang, nhà cải cách khai phóng người đã bị đùổi khỏi chức vụ của mình với tư cách Tổng Bí thư Đảng Cộng sản hai năm trước, làm nổ ra một làn sóng để tang của các sinh viên đại học ở Bắc Kinh. Nó là một hành động bất tuân rõ ràng chống lại quyết định do lãnh tụ tối cao Đặng Tiểu Bình và các lão thành Đảng khác đã đưa ra để đùổi Hồ. Các cuộc phản kháng đến vào lúc khi các công dân Trung Quốc đã lo lắng rồi về giá cả và tham nhũng tăng lên trong nền kinh tế được cải cách một nửa của đất nước. Như một kết quả, hàng trăm hàng ngàn người Trung quốc gia nhập các cuộc biểu tình. Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản bị chia rẽ. Những người bảo thủ mà đã ủng hộ việc lật đổ Hồ dùng lý lẽ biện hộ cho một sự đàn áp thẳng tay. Nhưng Triệu, người đã kế vị Hồ như người đứng đầu Đảng, lo về những hệ quả chính trị của một sự phản ứng lại gay gắt, và rằng một phản ứng dữ dội theo đường lối cứng rắn có thể làm trật các cuộc cải cách kinh tế. Do các cuộc phản kháng kéo dài, cuộc chiến quyền lực gia tăng. Không lâu sau khi các cuộc phản kháng nổ ra, tuy vậy, Triệu phải đi Bắc Triều Tiên trong một chuyến thăm chính thức, mà đã hạn chế khả năng của ông để ảnh hưởng đến sự phản ứng lại của Đảng đối với các cuộc biểu tình. Trong khi ông ở xa, vào 26 tháng Tư, chính phủ cho phép công bố một lời tuyên án chính thức chống lại các cuộc phản kháng, dưới hình thức của một bài xã luận trong Nhân dân Nhật báo. Giọng inh ỏi của nó chỉ làm cho tình hình tồi đi và làm giảm khả năng của Triệu để quản lý tình hình. Tại đây lần đầu tiên Triệu nói cặn kẽ về nguồn gốc của các cuộc phản kháng. Ông giải thích vì sao

ông đã cảm thấy chúng đã không đưa ra một thách thức trực tiếp đối với chính phủ và làm thế nào chúng đã có thể được giải quyết trước xa cuộc đàn áp hung bạo ngày 4 tháng Sáu.

Bảy năm trước [trong năm 1992], tôi đã ghi lại vài ghi chú về các sự kiện xung quanh sự cố mừng Bốn tháng Sáu bởi vì tôi lo rằng tôi có thể bắt đầu quên một vài chi tiết.

Tôi hy vọng rằng nó có thể được dùng như một loại hồ sơ lịch sử.

Bây giờ tôi sẽ nói về sự cố theo những lời ghi chép này. Vài trong số vấn đề này đã được bao gồm trong bài phát biểu tôi đã trình bày tại Hội nghị Toàn thể thứ Tư của Ủy ban Trung ương khoá 13 [được tổ chức ngày 23–24 tháng Sáu, 1989, khi Triệu, bị truất khỏi quyền lực, đã bảo vệ vai trò của ông trong các cuộc phản kháng], nhưng cũng có những vấn đề khác mà tôi đã không nhắc tới khi đó. Bây giờ tôi sẽ nói về tất cả chúng.

Đầu tiên, tôi muốn nói về ban đầu cái gì đã kích các cuộc phản kháng sinh viên. Tất cả mức độ xảy ra ban đầu của các cuộc phản kháng sinh viên đã liên quan đến sự tưởng nhớ [Hồ] Diệu Bang.

Diệu Bang đã mất vào ngày 15 tháng Tư, 1989. Ngay sau khi công bố được phát đi, một số sinh viên đại học đã đề xướng các hoạt động tưởng nhớ. Chẳng bao lâu sau đó, họ đã đưa các hoạt động của họ xuống đường phố, và số những người tham gia đã tăng lên và tăng lên. Mặc dù tại điểm này một số sinh viên đã đưa ra vài tuyên bố cực đoan bởi vì những xúc cảm giận dữ, toàn bộ hoạt động của họ đã khá trật tự và chẳng có gì thái quá đã xảy ra.

Vào các 18 và 19 tháng Tư, vài trăm người đã tụ tập bên ngoài Cổng Tân Hoa (Tân Hoa Môn) [bên ngoài tổng hành dinh của Đảng]. Muộn hơn tôi đã gọi và đã xem các băng video do Bộ Công An tạo ra. Trong cái gọi là “sự cố các sinh viên bao vây Cổng Tân Hoa,” vài

sinh viên ở đằng trước trên thực tế đã hô lặp đi lặp lại, “Chúng ta phải duy trì trật tự! Đừng làm bất cứ gì không thích hợp!” Đã có một đám đông lớn người xem đằng sau họ. Các sinh viên đã đưa ra các đòi hỏi bằng lời, kể cả đòi hỏi để gặp các thành viên nào đó của ban lãnh đạo. Rồi người dân đã đẩy từ phía sau và trở nên hỗn loạn một chút. Các sinh viên sau đó đã tổ chức một nhóm để hoạt động như những người bảo vệ để cản đám đông người xem lại.

Vào 22 tháng Tư, trong khi lễ tưởng niệm chính thức cho Hồ Diệu Bang đang diễn ra, hàng chục ngàn sinh viên đã tập hợp ở Quảng trường Thiên An Môn. Việc này đã được chấp thuận một cách chính thức. Những loa phóng thanh ở quảng trường truyền âm thanh từ lễ tưởng niệm chính thức bên trong Đại Lễ Đường Nhân dân, cho nên tất cả họ đã có thể nghe.

Đây đã là tình hình trước khi xuất bản bài xã luận 26 tháng Tư trong *Nhân dân Nhật báo*. Vì sao các sinh viên phản ứng mạnh đến vậy trong việc tưởng niệm sự qua đời của Hồ Diệu Bang? Các lý do đã là phức tạp.

Thứ nhất, Hồ Diệu Bang đã luôn luôn có một hình ảnh rất tốt trước công chúng. Ông đã chịu trách nhiệm việc đảo ngược vô số vụ truy tố phi lý tiếp theo những năm của Mao; ông đã luôn luôn là một người đề xướng cải cách; quan trọng nhất, ông đã là người liên chính (không thể bị tha hoá) trong khi nắm quyền. Đã có nhiều sự bất mãn với tham nhũng thời đó, như thế việc tưởng nhớ Hồ Diệu Bang đã là một dịp để bày tỏ sự bất bình này.

Thứ hai, việc giáng chức Hồ Diệu Bang trong 1987 đã làm nhiều người bức mình hoặc thậm chí phẫn uất. Nhiều người đã không thích Chiến dịch Chống Tự do hoá Tư sản [được phát động trong 1987–88] và đã tiếp tục phản đối nó. Ngoài ra, người dân đã thấy không thể chấp nhận được cách mà theo đó ban lãnh đạo được

thay đổi. Nói chung, người dân đang bày tỏ một cảm giác công phẫn về cách Hồ Diệu Bang đã bị đối xử.

Thứ ba, khi sự tổ chức lại chính phủ được đề xuất trong mùa thu 1988, các chương trình cải cách đã bị cắt bớt trên mọi phương diện. Không hành động nào được tiến hành về cải cách chính trị trong khi cải cách kinh tế đã bị bế tắc hoặc thậm chí bị rút lại. Các sinh viên đã không hài lòng với tình hình chung và đã bày tỏ mong muốn của họ cho việc thúc đẩy các cải cách qua việc họ tưởng niệm Hồ Diệu Bang.

Đã có ba loại người xuống đường để phản kháng: tuyệt đại đa số người đã thuộc về hạng mà tôi đã mô tả ở trên. Cũng đã có những người có những bất bình đối với các chính sách quá khứ của chúng ta và đã lợi dụng cơ hội để gây tiếng ồn ào đó. Tất nhiên, cũng đã có một số ít người chống đối Đảng và chống đối xã hội chủ nghĩa mà đã hy vọng để làm trầm trọng thêm tình hình.

Tại một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị [BTV] [tại thời điểm không rõ], tôi đã nói rằng chúng ta không được cấm các hành động của các sinh viên những người chỉ tổ chức các cuộc tưởng nhớ của họ trong khi Ủy ban Trung ương đang tổ chức các lễ tưởng niệm. Đã không có lý do vì sao chúng ta phải dành riêng cho bản thân chúng ta các độc quyền để tưởng niệm Hồ, trong khi lại cấm các sinh viên làm vậy.

Tôi đã gợi ý chúng ta trừng trị theo luật chỉ những người mà can dự vào năm kiểu hành vi: đánh đập, đập phá, cướp bóc, đốt, hay xâm nhập (trespassing). Trong tất cả các hoàn cảnh bình thường khác, phải có sự cố gắng để làm giảm căng thẳng.

Sau lễ tưởng niệm chính thức cho Hồ Diệu Bang, tôi đã đề xuất một tiến trình hành động với ba điểm:

1. Với lễ tưởng niệm bây giờ đã xong, các hoạt động xã hội phải quay trở lại bình thường. Các sinh viên cần được thuyết phục để thôi các cuộc biểu tình đường phố của họ và quay lại các lớp học của họ. (Vào lúc đó, tôi đã cảm thấy rằng dù động cơ của họ là gì, các sinh viên thực ra đã tham gia vào chẳng gì hơn việc tưởng niệm Hồ Diệu Bang. Như thế với lễ tưởng niệm đã xong, và họ đã có một cơ hội tham gia bằng việc tổ chức các hoạt động riêng của họ, sẽ chẳng có lý do gì để tiếp tục các cuộc biểu tình. Đã đến lúc quay lại các lớp học.)

2. Theo mục tiêu nguyên tắc về giảm bớt căng thẳng, đối thoại nên được tiến hành ở nhiều mức, và qua những kênh và dạng thức khác nhau để củng cố sự hiểu biết lẫn nhau và để theo đuổi một sự đa dạng ý kiến. Dù các ý kiến của họ là gì, tất cả các sinh viên, các giáo viên, và các trí thức phải được phép bày tỏ mình một cách tự do.

3. Phải trách sự đổ máu, dù gì đi nữa. Tuy vậy, những người can dự vào năm loại hành vi đánh đập, đập phá, cướp bóc, đốt phá và xâm nhập—phải bị trừng trị theo luật.

Các gợi ý của tôi tất cả đã được chấp nhận bởi [Thủ tướng] Lí Bằng và mọi uỷ viên

Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và đã được lập tư liệu một cách chính thức.

Đánh giá trên về tình hình và các nguyên tắc hành động được thống nhất đã được phổ biến qua những kênh khác nhau cho các nhánh chính quyền địa phương. Đây đã là ba điểm mà tôi đã đề xuất trước cuộc viếng thăm của tôi tới Bắc Triều Tiên. Tôi đã nói với các lãnh đạo chủ chốt của Ủy ban Trung ương về chúng trong khi đi thang máy xuống sau lễ tưởng niệm, và muộn hơn đã trình bày chúng lần nữa một cách chính thức.

Vào chiều 23 tháng Tư, khi tôi đang chuẩn bị rời nhà ga xe lửa Bắc Kinh hướng tới Bắc Triều Tiên, Lí Bằng đã đến tiễn tôi. Ông đã hỏi tôi nếu tôi có thêm bất cứ thứ gì. Tôi đã nói rằng lập trường của tôi đã được tóm tắt trong ba điểm đó. Muộn hơn tôi đã nghe rằng Lí Bằng đã báo cáo ba điểm này cho Đặng Tiểu Bình, người cũng đã bày tỏ sự đồng ý của mình.

Đã không có sự bất đồng nào từ các uỷ viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị, chỉ ít không một cách công khai. Tôi có thể nhớ chỉ một (chuyện): vào tối 19 tháng Tư, Lí Bằng đã bất ngờ gọi tôi và đã yêu cầu với vẻ tổ cáo, “Các sinh viên đang thử xông vào Cổng Tân Hoa! Vì sao không có bất kể hành động chống lại nào được tiến hành?” Tôi đã bảo ông ta rằng Kiều Thạch [uỷ viên Thường vụ phụ trách an ninh] là người chịu trách nhiệm trực tiếp, và rằng ông ta phải có khả năng chú ý đến bất kỳ tình huống khẩn cấp nào mà có thể nảy sinh, (bằng) sử dụng các kế hoạch khẩn cấp hiện có.

Muộn hơn tôi đã báo cho Kiều Thạch về cuộc gọi của Lí Bằng. Trên thực tế, vào sáng ngày 20, hầu hết sinh viên đã rời Cổng Tân Hoa rồi. Vài người vẫn còn lại đã bị cảnh sát xua đi. Họ đã được lệnh lên các xe bus đưa họ về trường của họ.

Đây đã là tình hình về các cuộc biểu tình sinh viên trước khi tôi đi thăm Bắc Triều Tiên, và chính sách của Ban Thường Vụ lúc đó.

2. Một Xã luận Khiến Tình hình Tồi đi

Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản không biết làm thế nào để phản ứng lại các cuộc phản kháng sinh viên tăng lên. Khi Triệu rời đi trong chuyến thăm của ông tới Bắc Triều Tiên, những người theo đường lối cứng rắn phản đối những cải cách của ông lợi dụng sự vắng mặt của ông và dùng thủ đoạn vận động lãnh tụ tối cao Đặng Tiểu Bình về phe họ, dẫn ông đến bức tức lên án các cuộc biểu tình.

Mọi hy vọng về làm dịu bớt tình hình đã tiêu tan vào ngày 26 tháng Tư, khi Đảng đưa ra lời tuyên án chính thức của nó chống lại các cuộc phản kháng tại một xã luận trong Nhân dân Nhật báo mà đã tường thuật những lời gay gắt của Đặng. Đặng đã bị sốc để biết rằng các bình luận của ông đã được xuất bản, nhưng việc rút lại lời ấy sẽ hàm ý rằng lãnh tụ tối cao của Trung Quốc đã phạm một sai lầm, một con đường Đảng không muốn mạo hiểm. Đảng và những người biểu tình bây giờ bị khoá trên một tiến trình va chạm. Triệu đã không cảm thấy mối nguy hiểm trước khi rời đi Bình Nhưỡng.



hế vì sao các cuộc biểu tình sinh viên muộn hơn đã trở thành một tình trạng hỗn độn như vậy?

Cái nút của tình hình đã là bài xã luận 26 tháng Tư. Các sinh viên đã có những cảm giác bất mãn mà, theo cách này hay cách khác, họ sẽ bày tỏ. Nếu họ đã không tổ chức các cuộc biểu tình khi đó, thì họ sẽ tổ chức chúng muộn hơn. Họ đã thực sự không hài lòng!

Tuy vậy, quy mô của các cuộc biểu tình, tình trạng hỗn độn nó đã trở thành, và vì sao nó đã xảy ra khi nó đã xảy ra tất cả đã là kết quả của xã luận 26 tháng Tư. Tình hình trước sự xuất bản của bài

xã luận và tình hình sau đó đã khác nhau. Nếu các biện pháp đúng giả như đã được tiến hành để hướng dẫn tình hình, thì đã không có những kết quả thảm khốc như vậy.

Tôi đã đến thăm Đặng Tiểu Bình vào 19 tháng Tư để thảo luận chuyến đi Bắc Triều Tiên của tôi, để nói với ông về các cuộc biểu tình sinh viên, và để trình bày cho ông quan điểm của tôi về tình hình nên được xử lý ra sao. Lúc đó, Đặng đã bày tỏ sự ủng hộ cho tôi. Thế nhưng tình hình đã có sự rẽ ngoặt lạ sau đó.

Chính buổi tối ngày mà tôi rời Bắc Kinh, Lí Tích Minh và Trần Huy Đồng của Thành uỷ Bắc Kinh đã yêu cầu [chủ tịch Ban Thường Vụ Quốc hội] Vạn Lí để triệu tập một cuộc họp của Ban Thường Vụ Bộ Chính trị để nghe báo cáo của họ. Vạn Lí đã mắc mưu họ. (Vạn Lí và tôi đã hoàn toàn thống nhất trong nhìn nhận của chúng tôi về các cuộc phản kháng sinh viên.) Vạn Lí đã chuyển yêu cầu của họ cho Lí Bằng, vì Lí Bằng đã tạm thời chịu trách nhiệm về các hoạt động của Ban Thường Vụ* trong khi tôi ở nước ngoài. Ngay tối tiếp theo, Lí Bằng đã triệu tập một cuộc họp Ban Thường Vụ.

Với Lí Bằng chủ toạ, Lí Tích Minh và Trần Huy Đồng một cách mạnh mẽ đã trình bày các cuộc biểu tình sinh viên như một tình hình nghiêm trọng. Họ đã không đếm xỉa đến sự thực rằng các cuộc biểu tình sinh viên đã lắng xuống rồi. Trên thực tế, các ý kiến sinh viên đã bắt đầu bất đồng.

Một số sinh viên đã tin rằng họ phải tiếp tục lại các buổi học và đã làm thế rồi, trong khi một thiểu số đã phản đối sự quay lại các buổi học. Sự xích mích nội bộ đã trở nên rõ ràng trong một số trường. Một số sinh viên đã thử tiếp tục các buổi học, trong khi một số sinh viên khác, cực đoan hơn đã chặn các lối vào các lớp học để cản họ vào lớp. Điều này cho thấy rằng đối với một số sinh viên, các hành động đã không thoả mãn hoàn toàn nhu cầu của họ để trút mối

giận của họ. Nếu các biện pháp được tiến hành để giảm bớt sự căng thẳng, để có đối thoại, và để cho phép các sinh viên cơ hội để đề xuất những yêu cầu có lý nào đó của họ, đây đã là thời gian thích hợp để làm vậy.

Tuy vậy, trong báo cáo của họ, họ [Lí Tích Minh và Trần Huy Đồng] đã đi xa đến mức để tuyên bố, “Các cuộc biểu tình quy mô lớn, toàn quốc bao gồm sự tham gia của học sinh trung học và công nhân đang được tổ chức và đang kích động.” Họ cũng đã báo cáo rằng “các sinh viên đại học ở Bắc Kinh đã gửi những người liên lạc đến những nơi khắp nước và đã tiến hành quyên tiền trên đường phố để chuẩn bị cho những hoạt động trên quy mô lớn.” Họ đã lên án những ý kiến cực đoan của vài sinh viên, đặc biệt những nhận xét nhắm cụ thể đến Đặng Tiểu Bình. Họ đã trình bày các cuộc biểu tình như chống Đảng Cộng sản và nhắm đến cá nhân Đặng Tiểu Bình.

Với sự khởi đầu của cải cách, các sinh viên, nhất là các sinh viên cao đẳng đại học, đã được tiếp xúc với nhiều lễ thói Tây phương. Những nhận xét chỉ trích các lãnh tụ chính trị đã trở thành bình thường và được coi là tầm thường; bầu không khí căng thẳng [về sự hãi] mà đã tồn tại trong Cách mạng Văn hoá† và trước đó đã không còn nữa. Nhiều trong số những nhận xét sinh viên này đã nhắm vào tôi, như những người đã kết tội các con tôi về tiến hành những thương vụ kinh doanh lạm dụng các nguồn lực chính thức hay những người đã cho rằng hàng đoàn tàu phân bón được chuyển đến quê tôi.

Với hàng trăm ngàn người dính líu, là không thể để không có bình luận cực đoan hay phiến diện nào. Tình hình có vẻ cực kỳ nghiêm trọng nếu bạn chọn mueri tuyên bố cực đoan nhất được bày tỏ bởi tất cả những người dính líu. Tôi không chắc cái gì đã ở đằng sau hành vi của Lí Tích Minh và Trần Huy Đồng: hoặc là tâm tính cũ

của họ về đấu tranh giai cấp đã hoạt động hay họ đã có những động cơ không nói ra khác.

Cuộc biểu tình sinh viên đã bị cho là một “cuộc đấu tranh chính trị được tổ chức và được mưu tính kỹ lưỡng,” và được đưa vào tư liệu như thế trong biên bản của cuộc họp {Ban Thường vụ}. Lí Bằng, Lí Tích Minh, và Trần Huy Đồng đã là những người chịu trách nhiệm ban đầu về việc này.

Vào 25 tháng Tư, Lí Bằng và [Chủ tịch] Dương Thượng Côn đã báo cáo cho Đặng Tiểu Bình về cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Đặng Tiểu Bình đã luôn luôn có khuynh hướng thích các biện pháp cứng rắn khi xử lý các cuộc biểu tình sinh viên bởi vì ông tin rằng các cuộc biểu tình đã làm xói mòn sự ổn định. Sau khi nghe báo cáo của họ, Đặng ngay lập tức đồng ý để gán nhãn các cuộc biểu tình sinh viên là “sự náo loạn chống-Đảng, chống-xã hội chủ nghĩa” và đề xuất giải quyết tình hình một cách nhanh chóng, theo cách “sử dụng một con dao sắc để cắt ngang sợi gai đầu được thắt nút (knotted hemp).”

Khi tôi đến thăm ông vào 19 tháng Tư, ông đã đồng ý với lập trường của tôi. Vào ngày 25, sau khi được Lí Bằng và Dương Thượng Côn thông báo tóm tắt, ông đã thay đổi ý kiến của mình để đồng ý với đánh giá của họ. Rốt cuộc, nó đã trùng hợp sát hơn với cái ông đã thực sự tin lâu nay.

Sự thảo luận của Đặng với Lí Bằng và những người khác vào ngày 25 tháng Tư được coi như một chuyện nội bộ. Tuy vậy, Lí Bằng đã quyết định để phổ biến nội dung của những nhận xét của Đặng tới đó cho các cán bộ Đảng thuộc tất cả các mức, và đã diễn giải cuộc chuyện trò của họ trong bài xã luận mà ông đã sai *Nhân dân Nhật báo* đăng vào ngày 26 tháng Tư, công khai chỉ rõ các cuộc biểu tình sinh viên là “cuộc náo động có mưu tính trước và có tổ chức với các động cơ chống-Đảng và chống-xã hội chủ nghĩa.”

Trước chuyến thăm của tôi đến Bắc Triều Tiên, cả Lí Bằng lẫn các cán bộ ở Bắc Kinh đã không nhắc đến các quan điểm này với tôi. Ngay sau khi tôi rời Bắc Kinh, họ đã nhanh chóng tổ chức một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và đã nhận được sự ủng hộ từ Đặng Tiểu Bình. Việc này đã tạo thành một sự đổi hướng từ lập trường và các nguyên tắc trước được Ban Thường Vụ chấp nhận.

Đặng đã không vui về cách Lí Bằng đã đưa các nhận xét của ông ra công khai. Con cái của Đặng cũng đã không hài lòng rằng Đặng bị đặt vào vị trí đối đầu trực tiếp với công chúng. Khi tôi chuẩn bị bài phát biểu cho lễ kỷ niệm Phong trào Ngũ Tứ,^{*} [con gái của Đặng] Maomao đã gọi Bảo Đồng [cố vấn của Triệu], người đang soạn bài phát biểu, để gợi ý rằng bài phát biểu nên có những nhận xét về Đặng đã yêu quý và bảo vệ những người trẻ nhiều đến thế nào.

Muộn hơn, vào ngày 17 tháng Năm, tại cuộc họp ở nhà Đặng trong đó quyết định được đưa ra để áp đặt quân luật, Đặng đã yêu cầu Lí Bằng, “Đừng lặp lại điều anh đã làm trước đây; đừng tiết lộ rằng chính tôi là người đã quyết định áp đặt quân luật!” Lí Bằng đã lấp bấp, “Tôi sẽ không! Tôi sẽ không!”

Đã hiển nhiên rằng những người nào đó đã thử dùng những từ cực đoan của vài sinh viên để làm trầm trọng tình hình và đẩy chính phủ đến điểm đối đầu trực tiếp. Với sự thực hiện cải cách, chẳng phải là một việc lớn rằng các sinh viên chỉ trích các lãnh đạo. Họ đã chỉ bày tỏ tâm trạng thất vọng và đã không là một thách thức đối với toàn bộ hệ thống chính trị của chúng ta.

Tuy vậy, thu thập một cách chọn lọc tất cả những chỉ trích cá nhân và đọc to chúng cho Đặng đã tạo ra một sự xúc phạm kinh khủng đối với ông già. Những người này đã chọn lọc những ý kiến cực đoan lác đác của một thiểu số bé tí của các sinh viên và đã trình

bày chúng như xu hướng chính của phong trào, mà họ cho rằng đã hướng rõ rệt chống lại bản thân Đặng Tiểu Bình. Đặng đã có khuynh hướng nghĩ theo một cách nhất định mà đã hình thành trong những năm khi đấu tranh giai cấp đã là mục tiêu hàng đầu, cho nên ngay khi ông nghe báo cáo của Lí Bằng, ông đã phản ứng một cách phù hợp. Tôi e rằng đây là một trong những lý do chính cho quyết định của ông.

Trong khi tôi ở Bắc Triều Tiên, biên bản của cuộc họp Ban Thường Vụ ngày 24 tháng Tư và các nhận xét của Đặng Tiểu Bình đã đến với tôi qua sứ quán. Tôi đã trả lời qua điện tín: “Tôi hoàn toàn đồng ý với quyết định của Đồng chí Đặng Tiểu Bình liên quan đến chính sách đối với cuộc náo động hiện thời.”

Khi tôi nhận được các văn kiện này, tôi phải trả lời, và tôi đã không trong bất kể vị trí nào để bày tỏ sự không tán thành bởi vì tôi đang ở nước ngoài và đã không có hiểu biết trực tiếp nào về tình hình ở nhà. Tuy vậy, tôi đã không bày tỏ quan điểm của mình về biên bản của cuộc họp Ban Thường Vụ. Sau khi đọc những nhận xét của Đặng Tiểu Bình, tôi đã không nghĩ rằng bất kể hành động ngay lập tức nào sẽ được tiến hành chống lại các sinh viên. Suy nghĩ đầu tiên của tôi đã là, một chiến dịch khác chống lại chủ nghĩa tự do đã có thể bắt đầu, có lẽ theo một quy mô thậm chí lớn hơn trước (tôi đã không nghĩ rằng các cuộc phản kháng sinh viên sẽ không lắng xuống, bởi vì tôi đã không nghĩ về chúng như một vấn đề chính). [Một chiến dịch mới đã có thể] tác hại đến đả mà các cải cách đã có được kể từ Đại hội Đảng thứ Mười ba [được tổ chức trong tháng Mười 1987], đặc biệt trong cải cách chính trị. Đó là vì Đặng đã tin rằng các cuộc biểu tình sinh viên đã là những kết quả dài hạn của sự thực hiện lỏng lẻo của Chiến dịch Chống Tự do hoá Tự sản.

Tuy vậy, sau khi xuất bản xã luận 26 tháng Tư, tình hình đã thay đổi ngay lập tức, và sự đối đầu đã leo thang. Các sinh viên đã bị cách hành văn và những sự buộc tội của bài xã luận chọc tức. “Chống-Đảng,” “chống-xã hội chủ nghĩa,” “mưu đồ có tính toán trước,” vân vân, đã là những cụm từ không được nghe nhiều năm, như thế chúng kích động những cảm xúc mạnh. Những người trước đây ôn hoà khi đó đã buộc đứng về phía những người cực đoan.

Sau khi quay về từ Bắc Triều Tiên, tôi đã mời nhiều người từ các đại học đến cho những cuộc thảo luận. Tất cả họ đã nói về tình hình này. Với việc xuất bản xã luận 26 tháng Tư, nhiều người đã hết sức bực mình, kể cả những người trong các cơ quan nhà nước khác nhau. Nhiều người đã la lên, “Làm sao chúng ta lại đã kết thúc với thứ đó?!”

Số những người biểu tình trên đường phố vào ngày 27 tháng Tư đã tăng lên mười ngàn. Những lời lẽ gay gắt của bài xã luận đã khiến các sinh viên cảm thấy rằng các hành động của họ đã có thể dẫn đến một sự đàn áp thẳng tay. Một số thậm chí đã để lại những di chúc và các lá thư vĩnh biệt cho gia đình họ trước khi xuống đường.

Xã luận 26 tháng Tư không chỉ đã kích động các sinh viên, mà cũng đã得罪 những người trong các cơ quan, tổ chức chính phủ khác nhau, và các đảng chính trị khác trong một tâm trạng chung không hài lòng. Họ đã thấy nó là không thể hiểu nổi và bị nó làm cho bực bội thậm chí tức giận. Họ tin rằng các sinh viên đã hành động từ một sự quan tâm chân thành đến các vấn đề quan trọng của nhà nước và số phận của các cải cách, và đã bày tỏ quan điểm của họ về một số vấn đề xã hội nóng bỏng, tất cả từ thiện ý và lòng yêu nước. Chính phủ không chỉ đã không bày tỏ sự ủng hộ hay cung cấp sự hướng dẫn, mà với bài xã luận được hành văn một cách gay gắt đã giữ lập trường chống lại các sinh viên, gán nhãn họ với những thẻ

chính trị “chống-Đảng” và “chống-xã hội chủ nghĩa.” Phản ứng từ các trí thức đã đặc biệt gay gắt.

Phản ứng lại của chính phủ đã làm tăng sự đồng cảm và sự ủng hộ của dân chúng cho các sinh viên. Các băng hình đã cho thấy rằng bất cứ nơi nào các sinh viên đi qua, các đám đông xếp hàng (cạnh) lối đi của họ đã vỗ tay hoan hô và hoan nghênh chúng. Một số thậm chí đã gia nhập vào các cuộc phản kháng. Ngay cả cảnh sát, những người đã đứng thành hàng để hình thành một sự phong tỏa, đã chỉ tiến hành những cố gắng hời hợt để chặn họ, và rồi để mọi người đi qua. Một số rào chắn được chuẩn bị đã được mở ngay khi các sinh viên tới, cứ như chúng đã chẳng bao giờ có ý định để chặn họ trước nhất.

Nhiều cán bộ cấp cao đã dần dần trở nên khá lo lắng về các cuộc biểu tình sinh viên. Sau những nhận xét của Đặng Tiểu Bình, họ đã sợ rằng sự đối đầu leo thang sẽ dẫn đến đổ máu. Không biết bao nhiêu lần, họ đã cảnh cáo Ủy ban Trung ương để tỏ ra kiềm chế và để tránh sử dụng vũ lực. Bành Chân [lão thành Đảng có ảnh hưởng] đã trực tiếp gọi điện cho Văn phòng Trung ương Đảng nhiều lần để nói rằng không trong hoàn cảnh nào được sử dụng vũ lực. Ông đã hy vọng Ủy ban Trung ương sẽ không làm trầm trọng thêm những căng thẳng.

Một ngoại lệ đã là Lí Tiên Niệm [lão thành Đảng và chủ tịch của Chính Hiệp Nhân dân], người sau khi nghe những nhận xét của Đặng, đã điện thoại cho Đặng và nói, “Chúng ta phải đưa ra quyết định và chuẩn bị để bắt hàng trăm ngàn người!” Tôi thú nhận tôi không thể chứng thực tính chính xác của điều này. Vương Chấn [một lão thành Đảng khác và phó chủ tịch Trung Quốc] cũng đề xuất việc bắt nhiều người hơn.

Đối mặt với hàng chục ngàn người biểu tình và những lời cầu khẩn của tất cả những cán bộ cao cấp này, những người mà đã

quyết tâm dập tắt các cuộc biểu tình, như Thành uỷ Bắc Kinh và Lí Bằng, đột nhiên đã không biết phải làm sao để tiếp tục. Điều này đã chắc chắn là một việc tích cực. Các sinh viên đã dự kiến một sự đàn áp thẳng tay, nhưng khi nó đã không xảy ra họ đã quay lại trường của họ ăn mừng chiến thắng của họ và đã cảm thấy được cổ vũ và bạo dạn hơn bao giờ hết.

Bởi vì các nhận xét của Đặng đã được gửi cho các nhà quản lý trường học và bài xã luận đã được công bố, nhiều thành viên của các tổ chức Đảng, các hiệu trưởng đại học, và các giáo viên ban đầu đã tiến hành những cố gắng mạnh mẽ để chặn các sinh viên khỏi việc tham gia vào các cuộc biểu tình, cầu xin họ đừng xuống đường. Khi các sinh viên quay trở về bình yên vô sự, những người này đã cảm thấy bị bẽ mặt. Họ đã không thích cảm giác rằng họ đã bị lừa dối. Họ đã cố hết sức mình vô ích.

Trần Huy Đồng [Thị trưởng Bắc Kinh] và nhiều người khác giống ông đã có chung cảm giác này. Tại cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị vào ngày 1 tháng Năm, Trần Huy Đồng đã đầy giận dữ khi ông trình bày báo cáo của mình từ Thành Uỷ Bắc Kinh. Ông đã nói rằng các quan chức trường học tất cả đã cảm thấy cứ như họ đã bị “bán đứng.” Tôi đã chỉ trích các nhận xét của ông và đã hỏi ông, “Ai đã bán đứng ai?”

Các cuộc biểu tình quy mô lớn ngày 27 tháng Tư đã làm rõ vài thứ. Ý định ban đầu của những sự chỉ rõ “chống-Đảng, chống-xã hội chủ nghĩa” của xã luận 26 tháng Tư đã là để ngăn cản các sinh viên. Kết quả, tuy vậy, đã ngược lại: các cuộc biểu tình đã trở nên lớn hơn. Điều này đã chứng tỏ rằng những cách cũ về gán nhãn chính trị mà đã có kết quả trước đây đã không còn có kết quả nữa.

Thứ hai, vì những nhận xét nội bộ của Đặng Tiểu Bình 25 tháng Tư đã được phổ biến rõ ràng, các sinh viên đã biết rằng Đặng đã ủng hộ bài xã luận. Họ đã xuống đường để phản kháng dấu sao đi

nữa, chứng minh rằng ngay cả biểu tượng của lãnh tụ tối cao đã mất hiệu quả của nó.

Thứ ba, Chính quyền Đô thị Bắc Kinh đã vừa ban hành một quy định mới cho các cuộc biểu tình mà đã áp đặt những hạn chế nghiêm ngặt và các biện pháp đối phó, nhưng điều này cũng đã bị lờ đi, làm cho quy chế mới gần như một miếng giấy lộn. Ngay cả những sự phong toả cảnh sát đã thất bại.

Một khi tôi đã nắm được tình hình sau khi tôi quay lại Bắc Kinh, tôi đã nhận ra rằng nếu tình hình tiếp tục mà không có một sự giảm bớt căng thẳng, một giải pháp bạo lực đã hầu như chắc chắn. Tình hình bây giờ đã hoàn toàn khác với những gì trước 27 tháng Tư, bởi vì các sinh viên đã trở nên không sợ nữa. Họ đã tin rằng chính quyền đã sử dụng mọi công cụ sẵn có rồi, tất cả chúng đã tỏ ra không hiệu quả, để lại chỉ sự huy động quân đội. Thế nhưng các sinh viên đã không thể hình dung rằng chính quyền thực sự huy động quân đội chống lại họ.

Khi tôi đi qua Thẩm Dương [Shenyang thành phố ở đông bắc Trung quốc] trên đường từ Bắc Triều Tiên trở về, tôi được trao một báo cáo về những phản ứng của các quan chức Thẩm Dương đối với các nhận xét của Đặng Tiểu Bình. Họ đã bày tỏ những sự nghi ngờ: “Những biện pháp thuộc loại này vẫn có thể được sử dụng ư?” Họ đã bảo tôi rằng nhiều người đã chỉ trích Đặng sau khi nghe các nhận xét của ông.

Thành thử, vào lúc tôi quay về từ Bắc Triều Tiên, tình hình đã dần trở nên nguy hiểm. Sự giết chóc quy mô lớn đã trở thành rất có thể.

3. Cuộc Chiến Quyền lực

Vì các cuộc phản kháng leo thang, các khoản đặt cược chính trị (political stakes) trở nên cao hơn. Triệu trở lại Bắc Kinh và thử làm dịu tình hình xuống. Chuyến viếng thăm đang chờ của lãnh tụ Soviet Mikhail Gorbachev tới Trung Quốc cho những người phản kháng một không gian nào đó, vì Đảng chắc không đàn áp thẳng tay hung bạo vào thời gian trước chuyến thăm này. Thủ tướng Lí Bằng theo đường lối cứng rắn phản đối cố gắng của Triệu để giải quyết tình hình một cách khoan dung, và cả hai phía thử lôi kéo lãnh tụ tối cao Đặng Tiểu Bình. Những căng thẳng leo thang khi các quan chức Thượng Hải đóng cửa một tờ báo táo bạo mà họ cảm thấy đã đi quá xa trong việc tường thuật của nó về các cuộc phản kháng.



Tôi đã mô tả ở trên về các nguyên tắc chỉ đạo được đặt ra để xử lý các cuộc biểu tình sinh viên đã bị Lí Bằng và những người khác thay đổi thế nào ở trong nước trong thời gian tôi đi thăm Bắc Triều Tiên. Bây giờ tôi đề cập đến cuộc đấu tranh giữa hai cách tiếp cận mâu thuẫn gay gắt đến các cuộc biểu tình sinh viên mà đã xảy ra sau khi tôi quay lại từ Bắc Triều Tiên.

Quyết định của Lí Bằng để phổ biến các nhận xét của Đặng Tiểu Bình vào 25 và 26 tháng Tư khắp Bắc Kinh và xuống các mức hành chính địa phương đã dẫn đến nhiều chỉ trích đối với Đặng. Việc này thực sự làm Đặng và gia đình ông khó chịu. Gia đình Đặng đã buộc tội Lí Bằng về đột nhiên đẩy Đặng lên tiền tuyến trong khi bản thân ông ta đã đóng vai người tốt.

Căn cứ vào tình hình trên, và bởi vì bài xã luận đã kích động các cuộc biểu tình lớn vào ngày 27 tháng Tư và sự chỉ trích rộng rãi, Lí

Bằng đã cảm thấy bị áp lực để yêu cầu Bảo Đồng [Thư ký Chính trị của Ban Thường Vụ Bộ Chính trị] để dự thảo một xã luận vào ngày 29 tháng Tư và yêu cầu rằng Viên Mộc [người phát ngôn Quốc Vụ Viện] và Hà Đông Xương [Thứ trưởng Ủy ban Giáo dục Nhà nước] tổ chức một cuộc đối thoại với các sinh viên.

Trong phiên đối thoại đó, họ [Viên Mộc và Hà Đông Xương] đã đáp ứng một cách tích cực đối với nhiều yêu cầu của các sinh viên, đã thừa nhận rằng nhiều mục tiêu của các sinh viên đã là cùng như các mục tiêu của Đảng và chính phủ, và đã giải thích rằng bài xã luận đã không nhắm chống lại các sinh viên. Họ thậm chí đã tuyên bố rằng 99,9 phần trăm sinh viên là tốt, với chỉ một thiểu số bé nhỏ là chống-Đảng và chống-xã hội chủ nghĩa. Đây là các biện pháp được tiến hành để trấn an các sinh viên.

Đồng thời, họ đã cực kỳ lo lắng rằng xã luận 26 tháng Tư đã có thể lật đổ, và đã đặc biệt sợ rằng tôi sẽ không ủng hộ các hành động của họ vào lúc tôi trở lại. [Bộ trưởng Liên lạc]¹ Diêm Minh Phúc đã báo cáo với tôi rằng Lí Bằng đã bảo ông ta rằng nếu, lúc tôi trở về, tôi không ủng hộ xã luận 26 tháng Tư, Lí sẽ không có lựa chọn nào trừ để từ chức. Lí Bằng và [ủy viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị] Diêu Y Lâm đã thông đồng với nhau để thuyết phục tôi bày tỏ sự ủng hộ của tôi. Họ đã lặp đi lặp lại yêu cầu rằng tôi đưa thêm cụm từ như “phản đối sự náo động” và “phản đối tự do hoá tư sản” vào bài nói chuyện tôi chuẩn bị cho lễ kỷ niệm Phong trào Ngũ Tứ. Khi bản thảo được gửi cho họ để bình luận, cả Lí và Diêu đã yêu cầu đưa thêm các nhận xét kết án sự tự do hoá tư sản.

Hơn nữa, bởi vì việc phổ biến rõ ràng của những nhận xét của Đặng Tiểu Bình, Đặng đã cảm thấy rằng hình ảnh của ông giữa những người trẻ đã bị tổn hại. Đặng Dung [con gái của Đặng, cũng được biết như Maomao] đã bảo tôi qua Bảo Đồng rằng những sự nhắc tới Đặng yêu quý và bảo vệ thanh niên phải được thêm vào bài

phát biểu. Dưới hoàn cảnh này, quả thực tôi đã quyết định đưa thêm vào bài phát biểu một đoạn dành cho Đặng đã yêu quý và bảo vệ những người trẻ nhiều đến thế nào.

Ngay khi tôi đã trở lại từ Bắc Triều Tiên, vào sáng 30 tháng Tư, một cách áy náy Lí Bằng đã vội vã nhờ tôi triệu tập một cuộc họp để tôi có thể nghe báo cáo của Thành Ủy Bắc Kinh. Mục tiêu của ông đã để áp lực tôi bày tỏ sự ủng hộ các hành động mà họ đã làm rồi.

Vào 1 tháng Năm, tại một cuộc tụ tập của các uỷ viên Ban Thường Vụ, tôi đã biết rồi về các phản ứng mạnh mẽ chống lại xã luận 26 tháng Tư. Tuy vậy, vì bản thân tôi vẫn biết rất ít về tình hình thực tế và cũng để tránh một sự đảo ngược đột ngột trong chính sách, tôi đã có bày tỏ sự chuẩn y cách nào đó của công việc của Lí Bằng, chỉ ít theo cách mơ hồ nào đó.

Tuy vậy, tôi đã nhấn mạnh rằng đã là cốt yếu để có được sự ủng hộ của dòng chính. Chúng ta phải phân biệt thiểu số bé tí khỏi dòng chính, và không đẩy đa số nhân dân sang phía đối lập. Tức là, chúng ta không được tạo ra một tình thế mà trong đó đa số dân chúng cảm thấy chúng ta đang thử đàn áp họ. Bất luận lý do là gì, chúng ta phải bình tĩnh thừa nhận sự thực rằng quan điểm được bày tỏ bởi xã luận 26 tháng Tư đã phân kỳ xa khỏi quan điểm của tuyệt đại đa số nhân dân, đặc biệt các sinh viên, các trí thức, và các đảng chính trị khác. Tôi đã chỉ ra sự cần thiết để tiến hành một dải rộng của các cuộc đối thoại. Không chỉ chúng ta phải gặp gỡ và tìm hiểu ý kiến của các sinh viên, mà cả các giáo viên và công nhân nữa.

Về phần định rõ bản chất của các sự kiện, tôi đã nhấn mạnh rằng chúng ta có thể cho những giải thích mới mà dựa vào hành văn của xã luận 26 tháng Tư, bằng cách cho biết rằng chỉ một thiểu số bé tí đã thực sự chống-Đảng, chống-xã hội chủ nghĩa, và thúc đẩy sự hỗn loạn. Tôi đã hy vọng để làm giảm nhẹ các tác động của xã luận 26 tháng Tư. Tôi cũng đã chỉ ra rằng chúng ta phải ủng hộ một

sự quay lại các lớp học bởi vì điều này đã thích hợp với cha mẹ của các sinh viên, các giáo viên của họ, và hầu hết xã hội. Chừng nào các lớp học lại bắt đầu, tình hình có thể được ổn định và các xúc cảm sẽ có một cơ hội để nguôi đi. Rồi tất cả các vấn đề khác có thể rút cuộc được giải quyết.

Ngay khi quay lại từ Bắc Triều Tiên, tôi đã thử thu thông tin từ tất cả các bên. Đầu tiên tôi đã yêu cầu các băng ghi hình về các cuộc biểu tình 27 tháng Tư. Vào 2 tháng Năm, tôi đã đáp lại những đề nghị từ các lãnh đạo của các đảng chính trị khác—Phí Hiếu Thông, Tôn Khởi Mãng, và Lôi Khiết Quỳnh—để triệu tập một phiên họp để thảo luận các cuộc biểu tình sinh viên. Vào buổi sáng 5 tháng Năm, tôi đã yêu cầu hiệu trưởng Đại học Bắc Kinh, Đinh Thạch Tồn, và phó hiệu trưởng Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Hứa Gia Lộ, cho một cuộc họp. Tôi đã yêu cầu họ một bản tóm tắt tình hình trong các trường của họ và đánh giá của họ. Trong buổi chiều, tôi đã đến một cuộc thảo luận được Ủy ban Trung ương của Liên đoàn Dân chủ Trung Quốc tổ chức cho các nhân viên đại học bên trong tổ chức của họ.

Sau khi thu thập thông tin và đánh giá tình hình, tôi đã tin thậm chí còn mạnh hơn rằng các cuộc biểu tình sinh viên đã có được cảm tình rõ ràng từ khắp xã hội và rằng xã luận 26 tháng Tư và cách mà Ủy ban Trung ương (Đảng) đã xử lý các cuộc biểu tình đã trái ngược với mong muốn của nhân dân. Nếu không biện pháp nào được tiến hành để làm dịu những căng thẳng do xã luận 26 tháng Tư gây ra, các sinh viên sẽ tiếp tục sợ rằng họ bị đe dọa, và những căng thẳng sẽ tiếp tục không giảm sút.

Tôi cũng đã cảm thấy rằng nếu các cuộc biểu tình sinh viên có thể được giải quyết theo các nguyên tắc của dân chủ và luật, qua đối thoại và một sự làm bớt căng thẳng, thì nó có lẽ có thể đẩy mạnh cải cách của Trung Quốc, kể cả cải cách chính trị. Mặt khác, nếu

chúng ta đàn áp các cuộc biểu tình bằng bạo lực, một Chiến dịch Chống-Tự do hoá Tư sản khác sẽ chắc chắn tiếp theo, trên một quy mô thậm chí lớn hơn trước. Những người bảo thủ sẽ quay lại và các chương trình cải cách sẽ bị đình trệ hay thậm chí bị đảo ngược. Lịch sử Trung Quốc sẽ đi qua một thời kỳ zigzag khác. Hai cách tiếp cận đã hứa hẹn dẫn đến hai kết cục hoàn toàn khác nhau.

Tuy vậy, mấu chốt của vấn đề đã là bản thân Đặng Tiểu Bình. Tôi đã hy vọng vào lúc ông đã có thể chỉ nói lỏng tình hình một chút, thí dụ, bằng nói cái gì đó đại loại như “Có vẻ là khi Lí Bằng trình bày báo cáo của ông vào 25 tháng Tư, chúng ta đã phản ứng thái quá với tình hình. Bây giờ có vẻ rằng các cuộc biểu tình sinh viên không là một vấn đề át hấn như vậy.” Với cái gì đó giống thế này để làm việc với, tôi đã có thể xoay chuyển tình hình mà không thậm chí đưa ra bất cứ trách nhiệm nào lên Đặng. Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và tôi đã có thể gánh trách nhiệm.

Tuy vậy, nếu Đặng từ chối làm nhẹ bớt lập trường của ông, thì không có con đường nào cho tôi để thay đổi thái độ của hai người theo đường lối cứng rắn, Lí Bằng và Diêu Y Lâm. Nếu họ không thay đổi quan điểm của họ, sẽ khó cho Ban Thường vụ để thực hiện các nguyên tắc về làm giảm bớt căng thẳng và mở cửa đối thoại. Tôi đã biết rất kỹ rằng Đặng đã luôn luôn lấy một lập trường cứng rắn về các vấn đề thuộc loại này. Ngoài ra, ông đã bị các báo cáo của Lí Bằng làm cho có thành kiến, như thế sẽ cực kỳ khó cho tôi để khiến ông thay đổi lập trường của ông.

Tôi đã háo hức để có một cuộc nói chuyện với Đặng và để có được sự ủng hộ của ông. Tôi đã điện thoại cho Vương Thụy Lâm [thư ký của Đặng] yêu cầu một cuộc gặp với Đặng, nhưng Vương đã nói Đặng đã không cảm thấy khoẻ và ông lo rằng các vấn đề sức khoẻ của ông có thể khiến ông không có khả năng tiếp Gorbachev, mà sẽ là một vấn đề nghiêm trọng quả thực. Cho nên ông yêu cầu

rằng tôi không báo cáo bất cứ thứ gì cho ông lúc đó. Cho đến ngày này, tôi vẫn tin rằng cái Vương đã nói đã là sự thật; Đặng đã quả thực yếu khi đó.

Vào ngày 2 tháng Năm, tôi đã giải thích ý tưởng của tôi cho Diêm Minh Phúc và yêu cầu ông ta liên hệ với Đặng qua Dương Thượng Côn và những người khác những người thân hơn với Đặng.

Vào ngày 3 tháng Năm, tôi đến thăm Dương Thượng Côn tại nhà ông. Dương đã nói rằng ông đã nói rồi với Vương Thụy Lâm và các con của Đặng, và họ đã tin rằng sẽ khó để đảo ngược lập trường được đưa ra trong xã luận 26 tháng Tư, nhưng đã nghĩ nó có thể được làm giảm nhẹ bằng không nhắc lại nó trong khi từ từ tăng lờ nó. Họ đã nói rằng nếu giả như tôi nói cho Đặng khi đó, thì chỉ khiến ông khẳng định lại lập trường của ông, nó sẽ làm cho thậm chí còn khó hơn để xoay chuyển tình hình trong tương lai.

Dương đã nói, “Những người trong các anh ở tuyến đầu có thể xoay chuyển tình hình từ từ.” Dương Thượng Côn cũng đã cho biết rằng ông đã có thể kêu gọi các uỷ viên khác của Ban Thường Vụ. Cùng hôm đó, Diêm Minh Phúc đã đến nhà tôi và bảo tôi rằng Vương Thụy Lâm và các con của Đặng đã nói rằng những người chịu trách nhiệm của Uỷ ban Trung ương phải giải quyết phong trào sinh viên như họ thấy phù hợp, theo tình hình. Nếu chúng tôi nói chuyện với Đặng khi đó, chỉ khiến ông không đồng ý, thì chúng tôi chỉ làm cho vấn đề tồi đi.

Trong những ngày tiếp theo, tình hình đã tiến triển theo ý tưởng này về việc xem nhẹ và việc từ từ thay đổi. Bài phát biểu Ngũ Tứ của tôi đã cũng dựa vào ý tưởng này: giọng đã khác rõ rệt với xã luận 26 tháng Tư, thế nhưng tôi đã sử dụng không cách nói nào mâu thuẫn trực tiếp với nó.

Sau bài phát biểu Ngũ Tứ, Dương Thượng Côn đã bảo tôi kết quả của các cuộc thảo luận của ông với các uỷ viên khác của Ban Thường vụ Bộ Chính trị: Hồ Khởi Lập và Kiều Thạch đã đồng ý với cách tiếp cận mới; Lí Bằng và Diêu Y Lâm đã phản đối nó. Đồng chí Vạn Lí, người tôi đã trực tiếp nói chuyện với, đã hoàn toàn đồng ý với cách tiếp cận mới. Điều này có nghĩa rằng trong số các uỷ viên Ban Thường Vụ và những người đã dự cuộc họp Ban Thường vụ, một đa số đã ủng hộ tôi.

Dương cũng đã bảo tôi rằng ông đã nói với [lão thành Đảng có ảnh hưởng] Bành Chân, người đã hoàn toàn ủng hộ lập trường của tôi. Bành đã bảo ông rằng nếu muộn hơn Đặng tìm ai đó để đổ lỗi, “không được để một mình Tử Dương chịu trách nhiệm,” và ông và Dương cũng sẽ chia sẻ trách nhiệm. Đây là cách của ông để bày tỏ quyết tâm của ông để ủng hộ tôi.

Trước khi tôi trở về, khi Thành Uỷ Bắc Kinh đã đề xuất áp đặt quân luật, Dương Thượng Côn đã đáp lại với chỉ trích gay gắt: “Làm sao chúng ta có thể biện minh cho phần còn lại của thế giới việc áp đặt quân luật lên thủ đô chúng ta?” Tôi tin rằng Dương Thượng Côn đã giữ một quan điểm ôn hoà đối với các cuộc biểu tình sinh viên trước khi Đặng quyết định áp đặt quân luật.

Vào ngày 4 tháng Năm, tôi đã trình bày một bài phát biểu cho các đại biểu của Ngân hàng Phát triển Á châu (ADB) về các cuộc biểu tình sinh viên. Bài phát biểu được Bảo Đồng soạn phù hợp với quan điểm của tôi. Trong bài phát biểu này, tôi đã chuyển tải sự cần thiết để giải quyết vấn đề theo một cách điềm tĩnh, hợp lý, thận trọng, và có trật tự dựa vào các nguyên tắc của dân chủ và luật. Tôi cũng đã chỉ ra rằng các sinh viên biểu tình đã bày tỏ cả sự tán thành và sự không hài lòng với Đảng và chính phủ, và rằng họ đã tuyệt đối không chống lại các nền tảng cơ bản của hệ thống của chúng ta. Thay vào đó họ đã chỉ yêu cầu chúng ta chỉnh sửa một số sai lầm

của chúng ta. Tôi cũng đã nói rằng trong các cuộc biểu tình có độ lớn này, ta không thể loại trừ sự thực rằng vài người muốn thao túng tình hình theo các lợi ích riêng của họ, nhưng việc này sẽ không dẫn đến một chấn động lớn ở Trung Quốc.

Sau bài phát biểu đó, những phản ứng tích cực đã nhận được từ một dải rộng các nguồn, cả trong nước và ngoài nước.

Sau ngày 5 tháng Năm và trong những ngày tiếp theo, nhiều đại học ở Bắc Kinh đã tiếp tục lại các lớp học. Giám đốc Tân Hoa Xã tại Hong Kong, Hứa Gia Đồn, người khi đó ở Bắc Kinh, đã gửi cho tôi một ghi chú viết tay, trong đó ông đã nhắc đến rằng ông đã gặp Dương Thượng Côn vào ngày 4 tháng Năm, Dương đã bày tỏ sự đồng ý hoàn toàn với bài phát biểu của tôi.

Vào lúc có sự ủng hộ rõ ràng này, Lí Bằng đã đến nhà tôi vào tối 4 tháng Năm và đã buộc để khen ngợi tôi vì bài phát biểu của tôi. Ông đã nói ông sẽ tiếp tục theo dõi vài vấn đề tôi đã nhắc tới khi bản thân ông gặp các đại biểu của Ngân hàng Phát triển Á châu. Nhưng khi tôi chỉ ra rằng xã luận 26 tháng Tư đã có vấn đề, ông đã không đồng ý.

Bởi vì tôi đã không thể gặp bản thân Đặng, tôi đã thảo luận vấn đề với các Đồng chí khác như được nhắc tới ở trên và đã thử để xoay chuyển tình hình từ từ. Quả thực, tình hình đã từ từ xoay chuyển. Khi cách tiếp cận này được tiến hành, tình hình đã trở nên yên ả hơn và hầu hết sinh viên đã quay trở lại các lớp học của họ. Tuy vậy, họ đã đang chờ để xem cái gì xảy ra tiếp theo; tức là, những lời hứa được đưa ra trong bài phát biểu Ngũ Tứ sẽ được thực hiện ra sao.

Tôi đã nghĩ tốt nhất là sử dụng thời gian tương đối yên lặng để tiến hành những biện pháp tích cực để tạo lập sự đối thoại với các sinh viên và tất cả các nhóm xã hội khác, để đáp lại những vấn đề

quan tâm sâu sắc nhất của các sinh viên, và để chấp nhận một số ý tưởng hợp lý của các sinh viên. Đây sẽ là những bước cụ thể theo hướng đối thoại và giảm bớt căng thẳng.

Trong khi tôi và các uỷ viên khác của Ban Thường vụ Bộ Chính trị và những người đã dự các cuộc họp Ban Thường Vụ đang tích cực thử để thực hiện sự xoay chuyển này, Lí Bằng và những người khác trong nhóm của ông đã tích cực thử chặn, làm chậm, và thậm chí phá hoại quá trình này, sao cho sự đối thoại và các phương pháp được đề xuất để làm giảm căng thẳng được trình bày trong bài phát biểu Ngũ Tứ không thể thực hiện được.

Trong khi đó, về các chủ đề quan tâm nhất của nhân dân và được các sinh viên nêu lên—như tham nhũng, chính quyền minh bạch, dân chủ, luật trị (rule of law), và công chúng xem xét kỹ chính quyền (dân kiểm tra)—chúng ta cần tiến hành những biện pháp tích cực. Tôi đã gợi ý việc thành lập một Uỷ ban Chống Tham nhũng với quyền lực thật, dưới Hội nghị Nhân dân Toàn quốc [NPC, Quốc hội], mà sẽ nhận các báo cáo độc lập và tiến hành những cuộc điều tra các hoạt động phi pháp của các gia đình của các lãnh đạo Đảng cấp cao; tăng cường khả năng của công chúng để xem xét kỹ lưỡng chính phủ; tăng tính minh bạch của chính quyền và đẩy nhanh quá trình thiết lập các luật về báo chí và các cuộc biểu tình; và chấp nhận và làm theo tập quán chung khắp thế giới về bảo vệ các quyền dân chủ của nhân dân bằng thiết lập các luật cụ thể.

Tôi đã đề xuất thêm việc triệu tập một cuộc họp của Ban Thường Vụ Quốc hội để tiến hành các cuộc điều trần công khai về kiểm toán nhiều doanh nghiệp lớn mà thông thường được tin bị tham nhũng gây tai hoạ. Tất cả những sắp xếp và những cuộc điều tra thêm phải do Quốc Hội quản lý, bởi vì trong tâm trí của nhiều người, Quốc Hội đã minh bạch hơn Đảng hay chính phủ.

Cách tiếp cận chung của tôi như thế để tiến hành cải cách trong những lĩnh vực được nhân dân quan tâm, sao cho chúng ta phải giảm mức không hài lòng giữa nhân dân và các sinh viên, để làm giảm và chấm dứt các cuộc biểu tình sinh viên, và đồng thời chúng ta có thể nắm cơ hội để đẩy mạnh cải cách chính trị. Tìm cách giải quyết các vấn đề đặc thù này sẽ cho phép Quốc Hội đóng vai trò đúng của nó như quyền lực cao nhất trong quốc gia trong khi hướng sự chú ý của các sinh viên theo hướng đẩy mạnh cải cách chính trị.

Vào ngày 13 tháng Năm, khi Dương Thượng Côn và tôi đến tư dinh của Đặng Tiểu Bình để thảo luận các vấn đề gắn liền với chuyến thăm sắp tới của Gorbachev, tôi cũng đã nói cho ông về tình hình mới đây với các cuộc biểu tình sinh viên. Tôi đã bày tỏ quan điểm của tôi về đối thoại mở, tìm cách giải quyết tham nhũng, và tính minh bạch. Về nguyên tắc ông đã đồng ý, và nói rằng đã có “một sự cần thiết để tận dụng cơ hội để tìm cách giải quyết tham nhũng, để tiến hành một nỗ lực có phối hợp.” Ông cũng đã nhắc rằng có một sự cần thiết cho tính minh bạch tăng lên.

Đã có nhiều lời đồn đoán lan truyền về con trai và con gái của các lãnh đạo cấp cao làm kinh doanh bằng việc tận dụng các nguồn lực chính quyền chính thức. Nhiều trong số những lời đồn đại này đã kết tội các con trai và con gái của chính tôi. Bởi vì điều này, vào chiều 1 tháng Năm, tôi đề xuất tại một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị rằng Bộ Chính trị lệnh cho Ủy ban Kỷ luật Trung ương và Bộ Giám sát để mở một cuộc điều tra các thành viên gia đình tôi. Muộn hơn tôi đã gửi một bức thư chính thức cho Bộ Chính trị để yêu cầu nó ủng hộ đề xuất của tôi.

Một vấn đề khác mà các sinh viên quan tâm đến đã là quyền tự do báo chí. Vào ngày 6 tháng Năm, trong một thảo luận về cải cách chính sách báo chí với các Đồng chí Hồ Khởi Lập [ủy viên BTV] và Nhuế Hạnh Văn [ủy viên Ban Bí thư Trung ương], tôi đã đề xuất

rằng cần chú ý khi soạn các luật báo chí mới để nới lỏng những hạn chế về tường thuật tin tức, các bài xã luận và bình luận.

Vào 3 tháng Năm, tôi đã đến nhà của Vạn Lí [chủ tịch Ban Thường Vụ Quốc hội] và đã nói chuyện với ông về các cuộc biểu tình sinh viên. Tôi đã bình luận rằng vài người trong ban lãnh đạo đã phản ứng quá đỗi với các cuộc biểu tình sinh viên, một kết quả chủ yếu của một tâm tính đã lạc hậu được hình thành bởi sự tập trung kéo dài vào đấu tranh giai cấp. Thời thế đã thay đổi, và chúng ta cần thay đổi tâm tính này để hợp với xu thế dân chủ và luật trị. Ông đã hoàn toàn đồng ý với tôi, và đã nói rằng nhiều lãnh đạo từ Thiên Tân và Bắc Kinh đã phàn nàn với ông rằng Ủy ban Trung ương đã quá mềm dãn với các cuộc biểu tình sinh viên, một thí dụ khác về kiểu này của tâm tính cũ ở công sở. Ông cũng đã gợi ý rằng các vấn đề này cần được giải quyết. Hoặc trong cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị ngày 8 tháng Năm hay cuộc họp Bộ Chính trị ngày 10 tháng Năm (tôi không nhớ cuộc nào), ông đã đưa ra một số gợi ý rất tốt về đi theo xu hướng toàn thế giới hướng tới dân chủ và giải quyết thích hợp các vấn đề mà các sinh viên đã nêu lên trong các cuộc biểu tình của họ. Ông đã bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn của ông với đề xuất của tôi (tại) Bộ Chính trị khi ông đã tổ chức cuộc họp Ban Thường Vụ Quốc Hội. Ông cũng đặt thời gian cho một cuộc họp khác của Ban Thường Vụ Quốc hội, được tổ chức không lâu sau, và đã liệt kê các vấn đề về chương trình nghị sự của cuộc họp.

Vào ngày 9 tháng Năm, Vạn Lí đã đến nhà tôi để nói cho tôi ông sắp rời đi cho một cuộc viếng thăm chính thức tới Canada và Hoa Kỳ. Ông đã nghĩ đến việc nói cho Đặng Tiểu Bình về vấn đề trước khi rời đi, nhưng đã không tìm thấy thời gian để làm vậy. Trong vài dịp khi ở Canada và Hoa Kỳ, ông đã gọi phong trào sinh viên cả là yêu nước lẫn dân chủ, hết sức ca ngợi nó.

Thái độ mà Vạn Lí đã có đối với các cuộc biểu tình sinh viên đã không phải là tình cờ. Ông đã luôn luôn tin vào mở cửa tới dân chủ và đã luôn luôn ủng hộ cải cách chính trị. Ông đã phản đối Chiến dịch Chống-Tự do hoá của năm 1987 và đã trình bày những bài phát biểu chuyên về dân chủ hoá của việc ra quyết định. Trong số các lãnh đạo cao cấp của Ủy ban Trung ương, ông là một người đã ủng hộ cải cách nhiệt thành nhất.

Lí Bằng, Diêu Y Lâm, và Lí Tích Minh của Thành phố Bắc Kinh đã thực hiện những nỗ lực mãnh liệt để chặn, kháng cự, và làm chậm trễ việc thực hiện các đề xuất của tôi. Họ đã không bày tỏ công khai sự chống lại bài phát biểu Ngũ Tứ của tôi trong ít ngày tiếp theo, và thậm chí đã cất lên vài lời khen ngợi. Nhưng trên thực tế họ đã làm việc điên cuồng để làm méo mó nó.

Họ đã cho rằng bài phát biểu của tôi đã thực sự phù hợp với xã luận 26 tháng Tư của họ nhưng đã chỉ lấy một góc nhìn hơi khác. Rồi họ đã yêu cầu Hà Đông Xương [Phó Trưởng Ban Giáo dục Nhà nước] để lan truyền một quan niệm tại một cuộc họp được Quốc Vụ Viện tổ chức với nhiều bí thư Đảng đại học, rằng bài phát biểu của Triệu đã đại diện chỉ cho ý kiến cá nhân của ông ta và đã không đại diện ý kiến của Ủy ban Trung ương. Thông điệp này đã lan nhanh ra giữa các sinh viên.

Họ đã thử thậm chí điên cuồng hơn để kháng cự và để làm chậm trễ bất cứ cuộc đối thoại nào với các sinh viên. Ban đầu ý tưởng về các đối thoại đã là để gặp những sinh viên biểu tình, nhưng họ đã không chỉ từ chối sự tham gia của bất kỳ tổ chức sinh viên nào đã nổi lên trong thời gian các cuộc biểu tình, họ cũng đã cấm các sinh viên tự chọn các đại diện riêng của họ. Họ đã khẳng định về việc chỉ cho các sinh viên từ các tổ chức sinh viên chính thức tham gia, mà đã không thể là đại diện của những sinh viên biểu tình theo bất cứ cách nào. Chẳng phải tiến hành đối thoại theo cách

này là hết như bác bỏ hoàn toàn sự đối thoại? Ngoài ra, khi họ đã tổ chức các cuộc đối thoại, họ đã không thảo luận các thứ công khai hay tìm kiếm những ý kiến khác nhau với một thái độ chân thành. Thay vào đó họ đã chỉ nói đăi bôi, theo cùng cách mà họ đã luôn luôn đối xử với các phóng viên nước ngoài tại các cuộc họp báo, bày ra một hình ảnh có lợi cho bản thân họ về mặt chính trị. Việc này đã bỏ mặc các sinh viên với ấn tượng rằng lời mời chào của chính phủ để tổ chức đối thoại với họ đã là hoàn toàn không chân thành. Tôi đã chỉ trích lặp đi lặp lại hành vi này, nhưng đã bị bỏ qua. Về những nỗ lực để đấu tranh chống tham nhũng và tăng tính minh bạch, họ thậm chí còn tặc trách hơn. Lí Bằng thậm chí đã phản đối việc liệt kê các vấn đề này trên chương trình nghị sự của cuộc họp Ban Thường Vụ Quốc Hội. Ông đã gọi tôi một cách cụ thể để phản đối việc đưa những khoản này lên chương trình nghị sự.

Bởi vì việc đó, sau khi các sinh viên đã quay lại lớp học của họ và nhiều ngày đã trôi qua, họ đã không thể thấy làm thế nào chính phủ đang tiến hành bất kể hành động thực tế nào. Những cuộc đối thoại mà đã xảy ra đã có vẻ nhắm chỉ vào việc gạt bỏ họ, và tất nhiên không bước cụ thể nào được tiến hành về cải cách; như vậy trên thực tế, những mối nghi ngờ đã tăng lên về bài phát biểu Ngũ Tứ của tôi. Một sự đối đầu mạnh vì thế đã trở nên không thể tránh được.

Bây giờ chúng ta phải trả lời câu hỏi “Vì sao phong trào sinh viên đã tiếp tục trong một thời gian dài như vậy?”

Họ cho rằng bài phát biểu Ngũ Tứ đó của tôi đã tiết lộ một sự rạn nứt bên trong Ủy ban Trung ương, thành cái gọi là “hai tiếng nói.” Điều đó không đúng! Lý do thực sự đã là, các hướng dẫn được đưa ra sau khi tôi quay lại từ Bắc Triều Tiên—cụ thể là tháo gỡ những căng thẳng, để mở đối thoại, để giải quyết vấn đề qua dân chủ và luật, và để bắt đầu tìm cách xử lý các vấn đề nóng bỏng

bằng việc tiến hành cải cách chính trị—đã bị Lí Bằng và các cộng sự của ông ngăn cản, kháng cự, và phá hoại.

Ngay trước khi Gorbachev đến, Lí Bằng đã nói với tôi, “Anh sẽ không tiếp tục sử dụng các biện pháp mềm dẻo để xử lý các cuộc biểu tình sinh viên, phải không? Sau bao nhiêu thời gian đã trôi qua, chẳng phải chúng đã tỏ ra vô ích rồi sao?”

Lời bình luận này đã tiết lộ đầy đủ những ý định xấu được che giấu của ông ta. Ông ta đã sử dụng sự kháng cự và sự phá hoại để đảm bảo rằng các nỗ lực để giải quyết các cuộc biểu tình sinh viên trên cơ sở dân chủ và luật sẽ thất bại, với ý định tìm kiếm một lý do bào chữa để đê bẹp các cuộc biểu tình sinh viên bằng sử dụng các công cụ bạo lực.

Một sự cố tại tờ *Điểm tin Kinh tế Thế giới* (*World Economic Herald*) ở Thượng Hải cũng đã xảy ra trong thời gian chuyến thăm của tôi đến Bắc Triều Tiên. Nó đã bắt đầu khi tờ báo đã in một tường thuật về các hoạt động tưởng niệm Hồ Diệu Bang. Thành Ủy Thượng Hải đã thấy nội dung không phù hợp và đã lệnh cho tờ báo cắt tường thuật ấy, nhưng tờ báo đã từ chối làm vậy. Thành Ủy Thượng Hải vì thế đã quyết định đóng cửa tờ báo cho việc tổ chức lại và đã treo giò tổng biên tập, Khâm Bồn Lập.

Theo những gì tôi nghe được, Giang Trạch Dân [người đứng đầu Đảng của Thượng Hải] đã điện thoại cho Đặng Tiểu Bình vì một hướng dẫn về xử lý việc này. Các sinh viên và quần chúng đã trong một trạng thái xúc cảm kích động cao khi đó. Bằng cách làm những gì nó đã làm, nó [Thành Ủy Thượng Hải] đã không chỉ chọc tức nhân viên của tờ *Điểm tin*, mà cũng đã kích động sự phản đối chung từ nhân viên tại các hãng tin tức khác ở Bắc Kinh, Thượng Hải, và những nơi khác khắp đất nước. Nhiều [thành viên của số những nhân viên này] đã xuống đường để cất tiếng nói của họ ủng hộ *Điểm tin* và đã đòi Thành Ủy Thượng Hải đảo ngược quyết định của nó

chống lại *Điểm tin*. Các hành động của họ đã trùng với các cuộc biểu tình sinh viên và hai nhóm đã tăng cường lẫn nhau.

Khi tôi đã quay về nước, tôi đã cảm thấy Thành Ủy Thượng Hải đã quá cứng nhắc và đơn giản trong việc xử lý vấn đề và cũng đã chọn một thời gian xấu để làm việc đó. Nhưng vì vấn đề đã qua rồi, tôi đã không bình luận về nó; đã có vẻ không thích hợp cho tôi để khiển trách Thành Ủy Thượng Hải và đứng về phía nhân viên của các tổ chức báo chí. Ủy ban Trung ương vì thế đã lấy lập trường không can thiệp, cho phép Thành Ủy Thượng Hải tự giải quyết vấn đề.

Vào ngày 2 tháng Năm, khi tôi đang tổ chức một cuộc nói chuyện với các thành viên của các đảng chính trị khác, Diêm Minh Phúc đã báo cáo rằng ai đó đại diện Ban Công tác Mặt trận Thống nhất Thượng Hải đã bảo ông rằng Thành Ủy Thượng Hải đã muốn thoái lui khỏi lập trường trước kia của nó. Họ đã hy vọng Ban Công tác Mặt trận Thống nhất Trung ương giúp đỡ họ. Tôi đã trả lời, “Vì Thành Ủy Thượng Hải đã đưa ra một yêu cầu như vậy, các anh phải giúp họ tìm một giải pháp.”

Vào ngày 10 tháng Năm, Giang Trạch Dân đến Bắc Kinh và đã nói chuyện với tôi về những kế hoạch để làm giảm căng thẳng. Tôi đã bảo ông ta vấn đề phải được giải quyết ở Thượng Hải mà không có sự can thiệp của Ủy ban Trung ương, bằng cách đó tránh tạo ra sự nghi ngờ rằng chính quyền Thượng Hải đã chỉ cúi mình trước áp lực từ Ủy ban Trung ương. Giang Trạch Dân đã không vui về điều này, và sau Bốn tháng Sáu, đã liệt kê sự cố này như một trong những sự tố cáo chống lại tôi.

4. Sự Đàn áp Thẳng tay

Những nỗ lực cuối cùng của Triệu để làm mềm phản ứng của chính phủ đối với các cuộc phản kháng không đạt mục tiêu, vì Đặng đứng vào hàng ngũ ủng hộ lập trường cứng rắn của Thủ tướng Lí Bằng. Tại một cuộc họp căng thẳng ở nhà của Đặng, mà Triệu mô tả một số chi tiết, lãnh tụ tối cao cho phép việc áp đặt quân luật. Triệu đã phản đối và từ chối thực hiện chính sách; ông mau chóng bị loại trừ khỏi việc ra quyết định. Triệu thăm Quảng trường Thiên An Môn để thúc các sinh viên quay về trường học, nhưng đã quá muộn. Ông biết về sự đàn áp thẳng tay Bốn tháng Sáu khi ông nghe tiếng súng từ nhà ông.



Sau khi trở nên hoàn toàn vỡ mộng với những đối thoại của chính phủ, các sinh viên đã quyết định tận dụng cơ hội chuyến thăm của Gorbachev để tổ chức các cuộc biểu tình đường phố quy mô lớn và một cuộc tuyệt thực. Họ đã tin nó là cơ hội tốt nhất để gây áp lực lên chính phủ, mà sẽ buộc phải cho thấy sự khoan dung trong thời gian thăm viếng nhà nước. Nhưng các sinh viên đã sai lầm, vì họ càng đẩy về phía trước, Lí Bằng và các cộng sự của ông càng có cơ để đàn áp thẳng tay chống lại họ bằng sử dụng các phương tiện bạo lực.

Khi tôi nghe phong phanh về điều này, tôi đã tận dụng cơ hội để đọc một bài phát biểu vào 13 tháng Năm tại một cuộc tụ tập của các công nhân. Đại thể, những gì tôi bảo họ đã là, sẽ là không hợp lý cho các sinh viên để quấy rầy các cuộc nói chuyện nhà nước quốc tế và gây thiệt hại cho Thượng đỉnh Trung-Xô bởi vì các đòi hỏi của họ đã không được thoả mãn. Hơn nữa, nó sẽ không được sự ủng hộ của hầu hết người dân. Tôi hy vọng họ sẽ tính đến bức tranh lớn,

và không xúc phạm các bạn của chúng ta trong khi làm vừa lòng các kẻ thù của chúng ta.

Sự cầu xin của tôi đã được in trên mọi báo lớn. Tuy vậy, các sinh viên đã không đáp ứng nó chút nào; họ đã tiến lên bất chấp. Vào chiều ngày 13 tháng Năm, hơn hai trăm sinh viên từ hơn hai mươi đại học, với hơn một ngàn người khác hoạt động như những người bảo vệ, đã bước vào Quảng trường Thiên An Môn để tổ chức một cuộc toạ kháng và một cuộc tuyệt thực. Từ ngày này trở đi, các sinh viên đã chiếm quảng trường, cho đến sự cố đẫm máu Bốn tháng Sáu.

Cuộc tuyệt thực sinh viên đã nhận được sự cảm thông và sự ủng hộ rộng rãi. Hàng ngàn người từ các phòng ban chính phủ và các tổ chức khác cũng như các dân cư đô thị bình thường đã tổ chức các cuộc biểu tình ủng hộ. Những con số đã tăng từ ngày này sang ngày khác. Số những người tham gia tuyệt thực cũng đã tăng lên, đạt giữa hai và ba ngàn người tại đỉnh điểm của nó. Các sinh viên đã bị mê hoặc bởi tình hình, làm cho còn khó hơn để thuyết phục họ rời đi. Lúc đó, các hành động của các sinh viên đã vẫn hầu như tự phát. Mặc dù họ đã lập một trung tâm chỉ huy, không một lãnh tụ nào trong số họ đã có thể đưa ra một quyết định bình tĩnh. Ngay cả khi một quyết định được đưa ra, nó đã không có uy quyền theo bất cứ cách nào. Các lãnh tụ đã được thay đổi thường xuyên tại trung tâm chỉ huy, và các thứ đã tiếp diễn theo các ý tưởng của bất cứ ai mà tiếng nói đã to nhất và gây hào hứng nhất. Chúng tôi đã thử thuyết phục các lãnh tụ sinh viên bằng việc huy động các nhà lãnh đạo đại học và các giáo sư để nói chuyện với họ, nhưng các cố gắng này rơi vào những cái tai điếc. Bởi vì Lí Bằng và các đồng sự của ông, các hướng dẫn cơ bản về giảm bớt căng thẳng, mở đối thoại, và thuyết phục đã không được thực hiện.

Vào ngày thứ tư của cuộc tuyệt thực, một số sinh viên đã bắt đầu lả đi. Tôi đã cực kỳ lo rằng nếu việc này tiếp tục, một số sinh viên có thể chết. Chúng ta sẽ có một thời gian khó nhọc trả lời nhân dân của chúng ta.

Vào đêm 16 tháng Năm, sau khi gặp Gorbachev, tôi đã triệu tập một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị để thảo luận việc đưa ra một tuyên bố công khai nhân danh năm uỷ viên để thúc giục các sinh viên ngừng tuyệt thực. Bản dự thảo đã chứa câu “Lòng yêu nước nồng nhiệt của các sinh viên là đáng hâm mộ và Uỷ ban Trung ương và Quốc Vụ Viện tán thành các việc làm của họ.”

Lí Bằng đã phản đối, nói, “Nhắc đến ‘đáng hâm mộ’ là hoàn toàn đủ. Chúng ta có phải cũng thêm rằng chúng ta ‘tán thành’ không?”

Dương Thượng Côn đã trả lời, “Các sinh viên đề xuất hành động chống lại tham nhũng. Chúng ta có thể nói chúng ta tán thành việc này.”

Tôi đã hoàn toàn bị khó chịu bởi thái độ của Lí Bằng, và đã nói, “Nếu chúng ta không nhắc tới ‘tán thành,’ cứ như chúng ta đã chẳng nói cái gì cả. Thế thì mục đích của việc đưa ra một tuyên bố là gì? Nhiệm vụ hiện thời của chúng ta là để đưa ra một tuyên bố mà sẽ làm dịu đi các xúc cảm của các sinh viên. Bây giờ chúng ta không được lý sự cùn về việc hành văn.” Một đa số của các uỷ viên Ban Thường Vụ đã đồng ý để gồm dòng này, như thế nó đã được thông qua một cách sít sao.

Tuy vậy, vào thời gian này tôi đã tin rằng tình hình đã tiến tới một giai đoạn nơi thậm chí tuyên bố này sẽ không chấm dứt cuộc tuyệt thực, vì đòi hỏi mạnh nhất đã là một sự đảo ngược sự mô tả đặc trưng về các cuộc biểu tình của xã luận 26 tháng Tư. Tôi đã cảm thấy rằng đấy đã là một vấn đề mà chúng ta đã không còn có thể phớt lờ nữa. Nếu vấn đề then chốt này không được giải quyết,

sẽ không có con đường nào để chấm dứt cuộc tuyệt thực và tiếp tục với đối thoại. Nếu cuộc tuyệt thực tiếp tục, thì những hậu quả không tiên đoán được nhưng cực kỳ nghiêm trọng sẽ tiếp theo.

Như thế lần đầu tiên, tôi đã đề xuất chính thức việc xét lại đánh giá của xã luận 26 tháng Tư trong một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Lí Bằng ngay lập tức đã phản đối điều này.

Ông đã nói việc định rõ chứa trong xã luận 26 tháng Tư đã được soạn nghiêm ngặt theo những lời của chính Đặng Tiểu Bình và vì thế không thể bị thay đổi. Sự bác bỏ của tôi đã là, bài xã luận đã được soạn theo biên bản của cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị ngày 24 tháng Tư và rằng Đặng đã chỉ lên tiếng ủng hộ việc thảo luận mà xuất phát từ buổi họp đó. Dương Thượng Côn đã cảnh cáo rằng việc xét lại xã luận 26 tháng Tư sẽ làm tổn hại hình ảnh của Đặng Tiểu Bình. Tôi đã trả lời rằng chúng ta có thể dàn xếp các vấn đề theo một cách sao cho tránh gây ra bất cứ sự tổn hại nào cho uy tín của Đặng bằng việc Ban Thường Vụ Bộ Chính trị chịu trách nhiệm tập thể. Tôi cũng đã nói rằng vì tôi đã gửi điện tín từ Bắc Triều Tiên đồng ý với quyết định của Đặng, tôi phải chịu trách nhiệm về xã luận 26 tháng Tư. Nếu cần thiết, có thể nói thêm rằng tôi đã chuẩn y nó.

Lí Bằng đã nói đột ngột, “Đấy không phải là thái độ thích hợp của một chính trị gia!” Kết quả đã là, một sự xét lại xã luận 26 tháng Tư đã không có khả năng để tiến hành.

Tôi đã không có sự lựa chọn nào khác trừ bày tỏ các quan điểm của tôi cho đích thân Đặng, trong một cuộc gặp mặt-đối-mặt. Vào ngày 17, tôi đã điện thoại để yêu cầu gặp Đặng. Muộn hơn, một thành viên trong số nhân viên của Đặng đã yêu cầu tôi đến nhà Đặng Tiểu Bình vào buổi chiều cho một cuộc gặp.

Tất cả các uỷ viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị cộng [Dương] Thượng còn đã ở đó rồi. Vào lúc đó, Vạn Lí, người lẽ ra đã tham dự, đã vẫn ở nước ngoài. Vì tôi đã yêu cầu một cuộc gặp riêng với Đặng, cuối cùng Đặng lại triệu tập một cuộc họp toàn bộ Ban Thường Vụ tại nhà ông, tôi đã nhận ra rằng tình hình đã chuyển sang một hướng xấu rồi.

Đầu tiên, tôi đã bày tỏ quan điểm của tôi, đại thể như sau:

Tình hình với các cuộc biểu tình sinh viên đã xấu đi, và đã trở nên cực kỳ nghiêm trọng. Các sinh viên, các giáo viên, các nhà báo, các học giả, và thậm chí một số nhân viên chính quyền đã xuống đường để phản kháng. Hôm nay, đã có khoảng 300.000 đến 400.000 người. Một số khá lớn công nhân và nông dân cũng đồng tình. Bên cạnh các vấn đề nóng bỏng về tham nhũng và chính quyền minh bạch, sự thúc đẩy chính cho tất cả các nhóm xã hội khác nhau này là họ muốn một sự giải thích về làm thế nào Đảng và chính phủ có thể nhẫn tâm đến vậy đối mặt với các sinh viên tuyệt thực, chẳng làm gì để thử cứu họ. Vấn đề then chốt cản trở đối thoại với các sinh viên là sự đánh giá được chuyển qua bởi xã luận 26 tháng Tư. Bài xã luận, mà đã gây ra nhiều sự hiểu lầm đến vậy, phải đã được bày tỏ không rõ ràng hay sai theo cách nào đó. Cách duy nhất để dẫn đến giải pháp loại nào đó sẽ là để làm nhẹ bớt một chút đánh giá từ bài xã luận này. Đây là chìa khoá và, nếu được chấp nhận, sẽ có được sự ủng hộ xã hội rõ ràng. Nếu chúng ta loại bỏ việc gán nhãn của phong trào sinh viên, chúng ta sẽ lấy lại được sự kiểm soát đối với tình hình. Nếu cuộc tuyệt thực tiếp tục và một số người chết, nó sẽ như dầu đổ vào lửa. Nếu chúng ta lấy một lập trường đối đầu với quần chúng, một tình hình nguy hiểm có thể xảy ra sau đó mà trong đó chúng ta mất hoàn toàn sự kiểm soát.

Trong khi tôi bày tỏ quan điểm của mình, Đặng đã tỏ ra rất nôn nóng và bực mình. Ngay sau khi tôi chấm dứt nói, Lí Bằng và Diêu Y

Lâm lập tức đã đứng lên để chỉ trích tôi.

Họ đã đổ lỗi về sự leo thang của các cuộc biểu tình hoàn toàn cho bài phát biểu Ngũ Tứ tôi đã trình bày với Ngân hàng Phát triển Á châu. Đó là lần đầu tiên tôi nghe thấy họ cất tiếng nói chỉ trích bài phát biểu ADB của tôi. Mặc dù họ đã phản đối nó trong thực tế, họ đã chẳng bao giờ nói công khai như vậy trước đây. Tính dữ dội của các sự buộc tội của họ đã làm tôi hoàn toàn ngạc nhiên. Từ cách không bị kiểm chế mà theo đó hai người này đã tấn công tôi, tôi đã có thể thấy rằng họ đã có được sự tán thành ngầm của Đặng Tiểu Bình rồi.

Hồ Khởi Lập đã bày tỏ quan điểm của ông rằng bài xã luận phải được xét lại. Kiều Thạch đã nói nước đôi. [Dương] Thượng Côn đã phản đối việc xét lại bài xã luận, bằng cách ấy có một tác động rất xấu lên tình hình. Ông đã nói, “Liêu Hán Sanh tin rằng quân luật phải được áp đặt. Có lẽ chúng ta phải xem xét việc áp đặt quân luật . . .” Trước đây, Thượng Côn đã luôn luôn phản đối quân luật, nhưng lần này ông đã trích Liêu Hán Sanh [nhà lãnh đạo quân sự kỳ cựu], khi thực ra bản thân ông đã thay đổi lập trường của mình.

Cuối cùng, Đặng Tiểu Bình đưa ra quyết định cuối cùng. Ông đã nói, “Sự phát triển của tình hình đã chỉ xác nhận rằng đánh giá của xã luận 26 tháng Tư đã là đúng. Lý do để các cuộc biểu tình sinh viên đã không lắng đi là cái gì đó ở bên trong Đảng, và đó là bài phát biểu Ngũ Tứ của Triệu tại cuộc họp ADB. Vì không có con đường nào khác để thoái lui bây giờ mà không làm cho tình hình xoáy hoàn toàn ra ngoài vòng kiểm soát, quyết định là để đưa quân đội vào Bắc Kinh để áp đặt quân luật.”

Ông cũng đã chỉ định Lí Bằng, Dương Thượng Côn, và Kiều Thạch như một nhóm ba người để thực hiện việc áp đặt quân luật.

Khi Đặng chấm dứt, tôi đã nói rằng có một quyết định đã luôn luôn tốt hơn không có quyết định nào, nhưng tôi cực kỳ lo về những hậu quả nghiêm trọng việc này sẽ có. Với tư cách Tổng Bí Thư, sẽ là khó cho tôi để quản lý và thực hiện hiệu quả quyết định này. Đặng đã nói, “Nếu đây hoá ra là một quyết định sai, tất cả chúng ta sẽ chịu trách nhiệm.”

Trong cuộc họp, Lí Bằng cũng đã cho rằng các nội dung của các cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị đã bị để lọt ra cho công chúng, và rằng đã có một số phần tử xấu ở bên trong, Bảo Đổng [Bí thư Chính trị của BTV BCT] là một trong số họ. Tôi đã trả lời, “Anh phải có trách nhiệm khi đưa ra những lời xác nhận như vậy! Anh có bằng chứng gì?” Ông ta đã nói, “Tôi có bằng chứng mà tôi sẽ tiết lộ cho anh muộn hơn.”

Tôi đã đi ra khỏi ngay khi cuộc họp chấm dứt. Nếu Đặng có yêu cầu những người khác để ở lại hay đã thảo luận các vấn đề khác, tôi đã chẳng bao giờ biết.

Vào lúc đó, tôi đã cực kỳ tức. Tôi bảo mình bắt luận điều gì xảy ra, tôi từ chối để trở thành Tổng Bí thư người huy động quân đội để đàn áp thẳng tay chống lại các sinh viên. Ngay khi trở về nhà, dưới những xúc cảm tăng cao, tôi đã gọi Bảo Đổng để soạn một bức thư từ chức cho tôi để gửi cho Ban Thường Vụ.

Tại cuộc họp tối đó để chỉ dẫn Ban Thường Vụ, tôi đã từ chối để chấp nhận sự phân công để chủ tọa cuộc họp của các cán bộ để công bố thiết quân luật. Tôi đã nói, “Có vẻ sứ mệnh của tôi trong lịch sử đã chấm dứt rồi.” Dương Thượng Côn đã trả lời tôi, “Loại vấn đề này không được nêu lên bây giờ. Không được có sự thay đổi nào về lãnh đạo.” Ông đã muốn nói vị trí của tôi với tư cách Tổng Bí Thư sẽ không được thay đổi.

Ngay khi lá thư từ chức của tôi đến Cục Phục vụ của Văn phòng Trung ương Đảng, Thượng Côn đã biết về nó. Ông đã gọi điện cho tôi và lặp đi lặp lại cầu xin tôi huỷ bỏ quyết định của tôi. Thượng Côn đã nói, “Nếu thông tin này lộ ra, thì tình hình sẽ còn nguy hiểm hơn. Chúng ta không được đổ dầu vào lửa.”

Tôi đã thừa nhận lý lẽ của ông vào 18 tháng Năm đã thông báo cho Văn phòng Trung ương để dừng phân phát bức thư. Thư ký của tôi [Lí Thụ Kiều] muộn hơn đã lấy lại nó. Ở đây tôi muốn làm rõ cái gì về cuộc họp này do Đặng triệu tập mà đã quyết nghị để áp đặt quân luật và đàn áp thẳng tay các sinh viên. Đã có lời đồn công khai rằng cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị đã dẫn đến một cuộc bỏ phiếu của ba chống lại hai, nhưng trong thực tế đã không có cuộc bỏ phiếu “ba đối lại hai” nào. Đã chỉ có vài người dự. Trong số các uỷ viên của Ban Thường Vụ, đã có hai chống lại hai: Hồ Khởi Lập và tôi đã thuận cho việc xét lại bài xã luận, Diêu Y Lâm và Lí Bằng đã phản đối mãnh liệt, và Kiều Thạch đã vẫn trung lập bằng việc không bày tỏ bất cứ quan điểm rõ ràng nào.

Đã không có thứ gì như một cuộc bỏ phiếu “ba đối lại hai”. Tất nhiên, nếu ý kiến của Đặng và Dương, những người không là uỷ viên Ban Thường vụ, được cộng vào, trong việc tính tổng tất cả những người đã dự cuộc họp đó, họ chắc chắn đã là đa số. Tuy vậy, trong thực tế, Ban Thường Vụ đã không tổ chức cuộc bỏ phiếu chính (hình) thức nào.

Trong những ngày ít ỏi đó, nhiều người xuất chúng và các Đồng chí Đảng viên cao niên đã điện thoại hay đã viết thư cho tôi và cho Uỷ ban Trung ương, kêu gọi chúng tôi đối xử với các sinh viên đúng mực, để công nhận các hành động của các sinh viên đã là yêu nước, và để thay đổi thái độ sai được mệnh danh là đúng đối với các sinh viên. Trong số họ đã có những người mà Đặng Tiểu Bình

đã luôn luôn hết sức tôn trọng, như các Đồng chí cao niên như Lí Nhất Mạnh.

Vào ngày 18 tháng Năm, tôi đã gửi chuyển tiếp một bộ tuyển chọn của những lá thư này cho Đặng và đã viết cho ông để lập lại lập trường của tôi, hy vọng ông sẽ xem xét. Mặc dù tôi đã biết có rất ít hy vọng về việc này, tôi đã phải làm một cố gắng cuối cùng. Văn bản gốc của bức thư của tôi là như sau:

Đồng chí Tiểu Bình,

Tôi đã gửi chuyển tiếp vài lời thỉnh cầu từ các Đồng chí cao niên có ảnh hưởng. Tôi hy vọng ông sẽ đọc chúng.

Tình hình hiện thời là cực kỳ nghiêm trọng, vấn đề khẩn cấp nhất trong số đó là để ngưng cuộc tuyệt thực sinh viên (mà nhân dân cảm thấy sự thương cảm lớn) để tránh bất kể cái chết nào. Yêu cầu cốt yếu mà phải được đảm bảo nhằm để ngưng cuộc tuyệt thực là sự đảo ngược việc gán nhãn và đánh giá được đưa ra về họ trong xã luận 26 tháng Tư, và sự thừa nhận các hành động của họ là yêu nước.

Tôi đã xem xét việc này một cách cẩn trọng, và cảm thấy chúng ta phải quyết tâm, dẫu đau đớn, để đưa ra sự nhượng bộ này. Chừng nào những lãnh đạo chủ chốt của chúng ta đích thân đi ra giữa quần chúng và thú nhận điều này, thì cường độ của những xúc cảm sẽ giảm đi nhiều, và sau đó các vấn đề khác có thể được giải quyết. Cho dù rốt cuộc ông phải đưa ra một số biện pháp kiên quyết để duy trì trật tự, chúng ta phải tiến hành bước đầu tiên này. Khác đi, việc áp đặt các biện pháp cứng rắn trong khi một đa số nhân dân cương quyết phản đối có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng đe dọa số phận của Đảng và nhà nước.

Với sự lo lắng sâu sắc, tôi lần nữa cầu khẩn ông xem xét gợi ý này.

Triệu Tử Dương
Ngày 18 tháng Năm

Đấy đã là lá thư thứ nhất mà tôi gửi cho ông sau cuộc họp 17 tháng Năm tại nhà ông mà đã quyết định về sự áp đặt quân luật. Như tôi đã kỳ vọng, đã không có trả lời nào.

Vào tối 17 tháng Năm, Văn phòng Ủy ban Trung ương đã dàn xếp cho các lãnh đạo của Ủy ban Trung ương để thăm các sinh viên đang tuyệt thực những người ở trong bệnh viện. Lí Bằng ban đầu đã nói ông sẽ không đi, nhưng ngay trước khi xe bắt đầu chạy, ông đã xuất hiện. Hoá ra là ông ta đã đổi ý sau khi nghe rằng tôi sẽ đi.

Cùng việc đã xảy ra vào sáng sớm ngày 19 tháng Năm khi tôi đi thăm các sinh viên ở Quảng trường Thiên An Môn. Ông đã phản đối việc tôi đi và đã thúc Văn phòng Trung ương chặn tôi. Tôi đã cảm thấy rằng nhiều sinh viên như thế trong cuộc tuyệt thực kéo dài đến bảy ngày, trở nên không thể biện hộ được rằng chẳng ai trong số lãnh đạo của Ủy ban Trung ương đã đến thăm. Tôi đã kiên quyết đi, nói rằng nếu không ai khác đi, tôi sẽ đi một mình. Một khi ông ta đã thấy rằng tôi có ý định đi và đã không thể bị làm cho nhụt chí, ông ta đã đổi ý. Nhưng ông đã bị làm cho khiếp sợ và đã chuồn rất mau sau khi tới quảng trường.

Bên cạnh việc chào hỏi các sinh viên, tôi đã ngẫu hứng một bài phát biểu mà kết thúc đã được in trong tất cả các báo lớn ở thủ đô. Khi tôi nói, tôi đã chỉ thử thuyết phục họ để chấm dứt cuộc tuyệt thực, bảo họ rằng họ vẫn trẻ và phải quý trọng cuộc sống của họ. Tôi đã biết rất kỹ rằng tuy các hành động của họ đã có được sự đồng cảm rõ ràng cả khắp trong nước và ngoài nước, là vô ích chống lại nhóm những người già những người đã lấy một lập trường cứng rắn. Sẽ không quan trọng nếu cuộc tuyệt thực tiếp tục hay nếu một số người chết; họ [những người già] sẽ không mủi lòng. Tôi cảm thấy đã là hoang phí cho các sinh viên trẻ này kết thúc cuộc sống của họ như thế.

Tuy nhiên, các sinh viên đã không hiểu những gì tôi muốn nói. Họ có thể tưởng tượng còn ít hơn đến sự xử lý sẵn sàng để dùng cho họ. Tất nhiên, muộn hơn tôi đã là mục tiêu của những chỉ trích thô bạo và những sự kết tội vì bài phát biểu này với các sinh viên.

Sau cuộc họp tại nhà Đặng vào ngày 17 tháng Năm, Lí Bằng và các đối tác của ông đã hành động bất thường theo nhiều cách. Dù tôi đã sắp đi đến bệnh viện hay đến quảng trường để thăm các sinh viên, ông đã lặp đi lặp lại thử chặn tôi. Khi tôi đã đến và đã ra khỏi xe, ông đã vội chạy đến đằng trước tôi, mà đã ngược với tập quán. Ai đó muộn hơn đã bảo tôi rằng ông ta đã hướng dẫn mọi người để gợi ý những người cầm camera đừng lấy hình ảnh của tôi, bởi vì nó sẽ trở nên “bất tiện” trong trường hợp thay đổi lãnh đạo tương lai.

Từ tối 17 tháng Năm đến 19 tháng Năm, chẳng vấn đề nào liên quan đến quân luật được truyền đạt cho tôi. Tôi đã chỉ biết về cuộc đối thoại của Lí Bằng với các sinh viên vào ngày 19 từ việc xen nó trên truyền hình.

Vào chiều ngày 19, tuy vậy, tôi đột nhiên được giao một thông báo cho một cuộc họp mà sẽ tuyên bố việc áp đặt quân luật và cho văn bản bài phát biểu của ông [của Lí Bằng], và được yêu cầu để chủ tọa và nói tại cuộc họp. Thế nhưng tôi đã không được thông báo về cuộc họp này được tiến hành ra sao, nó được tổ chức ở đâu, ai sẽ tham dự, hoặc các khoản mục khác nào sẽ có trên chương trình nghị sự.

Bài phát biểu của ông thậm chí đã gồm tuyên bố, “Các cuộc biểu tình sinh viên đã leo thang sau Bốn tháng Năm (Ngũ Tứ).” Muộn hơn, họ hẳn phải đã cảm thấy rằng tuyên bố đã đổ lỗi một cách quá trắng trợn lên bài phát biểu Ngũ Tứ của tôi, như thế khi nó được xuất bản trong các báo, nó đã được thay bằng “Các cuộc biểu tình sinh viên đã leo thang vào đầu tháng Năm.” Đây đã là một điều ngụ ý công khai là bài phát biểu Ngũ Tứ đó của tôi đã gây ra sự leo

thang của các cuộc biểu tình. Lí Bằng cũng đã công bố cho các thành viên của Quốc Vụ Viện rằng tôi đã phạm một sai lầm lớn. Họ cũng đã tổ chức một cuộc họp riêng biệt trước cuộc họp lớn hơn để công bố quân luật.

Tất cả việc này đã thêm vào sự hiểu rõ của tôi rằng tôi đã bị loại khỏi việc ra quyết định. Cho đến ngày này, tôi vẫn không biết khi nào quyết định đó được đưa ra. Vào ngày

17 tại nhà của Đặng, khi việc quyết định để áp đặt quân luật, cho dù Lí Bằng, Dương

Thượng Côn, và Kiều Thạch đã được chỉ định để tiến hành công việc, Đặng cũng đã lưu ý rằng “Triệu vẫn là Tổng Bí thư.” Nhưng trong thực tế, trong mấy ngày tiếp theo, tôi đã hoàn toàn bị đẩy sang bên lề.

Vào ngày 19, tôi đã xin nghỉ phép ba ngày từ Bộ Chính trị. Tôi đã gợi ý rằng Lí Bằng chủ tọa Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và đã từ chối dự cuộc họp huy động để công bố quân luật.

Vào lúc đó, số những người biểu tình ủng hộ cuộc tuyệt thực ở Quảng trường Thiên An Môn đã trở nên nhỏ hơn nhiều. Cuộc tuyệt thực đã được bỏ và đã biến thành một cuộc toạ kháng. Nhiều sinh viên đại học Bắc Kinh đã quay lại các trường của họ rồi. Những người vẫn ở lại quảng trường đã hầu hết là các sinh viên từ các thành phố khác.

Việc tuyên bố quân luật vào [đêm] 19 tháng Năm [thực sự 20 tháng Năm] đã là một tác nhân kích thích khác, một lần nữa huy động quần chúng. Những người tham gia toạ kháng đã tăng lên và những người ủng hộ từ các nhóm xã hội khác đã đổ đầy đường phố. Các dân cư Bắc Kinh đã đặc biệt bị phiền muộn bởi quyết định để triệu quân lính đến Bắc Kinh để thực thi quân luật. Quân lính mà nhận được lệnh đã bị chặn dọc đường của họ, ở mọi nơi. Các nhóm

bà già và trẻ con đã ngủ trên đường. Binh lính đã bị chặn ở ngoại ô Bắc Kinh, không có khả năng đi vào thành phố. Sự bế tắc đã kéo dài hơn mười ngày.

Vào ngày 21 tháng Năm, Kiều Thạch đã đến nhà tôi để thảo luận tình hình. Ông đã nói, “Khá nhiều người đang cảm thấy giống họ ‘đang ngồi trên lưng cọp, không có khả năng xuống.’ Nếu đã không phải vì sự khăng khăng của Đặng và quyết định của ông để triệu nhiều binh lính hơn đến Bắc Kinh, một thảm kịch lớn đã có thể được tránh. Nhưng bây giờ binh lính đã bị chặn khỏi việc đi vào [thành phố], quân luật là không có hiệu quả, và hàng triệu sinh viên, cư dân, công nhân, và cán bộ từ các tổ chức chính quyền đổ ra đường phố hay đã tụ tập trên Quảng trường Thiên An Môn. Nếu việc này tiếp tục, thủ đô trong mối nguy hiểm về trở nên bị tê liệt.”

Vào lúc đó, tôi đã nghĩ rằng có lẽ nếu chúng ta tổ chức cuộc họp Ban Thường Vụ Quốc Hội trước lịch biểu, chúng ta có thể cho phép Quốc Hội, tổ chức với thẩm quyền thích hợp, để sử dụng các công cụ dân chủ và luật để xoay chuyển tình hình. Vào 21 tháng Năm, tôi đã nói với Diêm Minh Phúc [ủy viên Ban Bí thư Trung ương] về ý tưởng này, và yêu cầu ông nói chuyện với [Dương] Thượng Côn để xem nếu có khả thi.

Trước việc này, Bành Xung [phó chủ tịch Quốc hội] đã đến để nói chuyện. Ông đã nói rằng vì Vạn Lí ở nước ngoài, ông ta [Bành Xung] đã tổ chức một cuộc họp với những người đứng đầu (các) ủy ban Quốc Hội. Tất cả họ đã cảm thấy rằng một cuộc họp Ban Thường Vụ Quốc Hội phải được tổ chức. Ông cũng đã đi Ngọc Tuyên Sơn [Núi Ngọc Xuân, phía tây Bắc Kinh] để thăm Bành Chân [lão thành Đảng có ảnh hưởng], người cũng đồng ý rằng việc này phải được làm. Họ đã viết một báo cáo cho Ủy ban Trung ương yêu cầu rằng Vạn Lí quay về nước trước kế hoạch.

Vào chiều ngày 2, Hồ Khởi Lập [ủy viên BTV BCT] đến nhà tôi để báo cáo rằng không ai đã trả lời yêu cầu rằng Vạn Lí trở về. Nó đã ở trong tình trạng lấp lửng. Tôi đã yêu cầu Hồ Khởi Lập báo Bành Xung đánh điện trực tiếp cho Vạn Lí nhân danh Đảng Bộ Quốc Hội để yêu cầu sự trở về của ông. Hồ Khởi Lập đã hỏi nếu ông ta có thể nói rằng tôi đã đồng ý với việc này, và tôi đã nói, “Đồng ý.”

Rồi tôi đã điện thoại cho [Phó Thủ tướng] Ngô Học Khiêm và yêu cầu ông ta tìm một cách để chuyển điện tín. Muộn hơn tôi được biết rằng Lí Bằng đã gửi một bức điện khác cho Vạn Lí bảo ông ta đừng về. Có thể là ông ta đã có sự tán thành trước của Đặng, như thế Vạn Lí đã không có khả năng quay về sớm.

Vào đêm mùng 3 tháng Sáu, trong khi đang ngồi trong sân với gia đình tôi, tôi đã nghe súng bắn dữ dội. Một thảm họa gây sốc thế giới đã không được ngăn chặn, và rút cuộc đã đang xảy ra.

Tôi đã chuẩn bị tư liệu thành văn trên ba năm sau thảm họa Bốn tháng Sáu. Bây giờ nhiều năm đã trôi qua kể từ thảm họa này. Trong số các nhà hoạt động đã dính líu đến sự cố này, trừ ít người đã trốn ra nước ngoài, hầu hết đã bị bắt, bị kết án tù, và đã bị thẩm vấn lặp đi lặp lại. Đến bây giờ sự thật hẳn phải được xác định. Chắc chắn ba câu hỏi sau đây đã phải được trả lời cho đến bây giờ.

Thứ nhất, đã được xác định khi đó rằng phong trào sinh viên đã là “một âm mưu có kế hoạch” của các phần tử chống-Đảng, chống-xã hội chủ nghĩa với bộ phận lãnh đạo. Như thế bây giờ chúng ta phải hỏi, ai đã là các lãnh đạo này? Kế hoạch đã là gì? Âm mưu đã là gì? Có bằng chứng nào để hỗ trợ điều này? Cũng được nói rằng đã có “những bàn tay đen tối” bên trong Đảng. Thế họ đã là những ai?

Thứ hai, đã được nói rằng sự kiện này đã nhắm đến việc lật đổ nền Cộng hoà Nhân dân và Đảng Cộng sản. Bằng chứng ở đâu?

Tôi đã nói lúc đó rằng hầu hết người dân đã chỉ đòi chúng ta sửa các sai lầm của chúng ta, không thử lật đổ hệ thống chính trị của chúng ta.

Sau nhiều năm như thế, đã nhận được bằng chứng nào qua các cuộc thăm vấn? Có phải tôi đã tỏ ra đúng, hay họ?

Nhiều trong số các nhà hoạt động dân chủ lưu vong nói rằng trước Bốn tháng Sáu, họ đã vẫn tin rằng Đảng có thể tự cải thiện. Sau Bốn tháng Sáu, tuy vậy, họ đã thấy Đảng là vô vọng và chỉ khi đó họ đã lấy một lập trường để chống Đảng. Trong các cuộc biểu tình, các sinh viên đã nêu lên nhiều khẩu hiệu và đòi hỏi, nhưng vấn đề lạm phát rõ ràng đã vắng, mặc dù lạm phát đã là một chủ đề nóng mà đã có thể dễ dàng cộng hưởng với và kích động toàn xã hội. Nếu các sinh viên đã có ý định chống Đảng Cộng sản khi đó, vì sao họ đã không sử dụng chủ đề nhạy cảm này? Nếu ý định về huy động quần chúng, chẳng phải đã dễ hơn để nêu những câu hỏi như câu hỏi này? Nhìn lại, là hiển nhiên rằng lý do các sinh viên không nêu vấn đề lạm phát đã là, họ đã biết rằng vấn đề này đã liên quan đến chương trình cải cách, và nếu công nhiên được nêu ra để huy động quần chúng, nó đã có thể hoá ra để cản trở quá trình cải cách. Thứ ba, có thể chứng minh rằng phong trào Bốn tháng Sáu đã là “náo động phản cách mạng,” như nó đã được gọi tên hay không? Các sinh viên đã có trật tự. Nhiều tường thuật cho biết rằng vào những dịp khi Quân đội Giải phóng Nhân dân (PLA) bị tấn công, trong nhiều sự cố chính các sinh viên đã là những người đã đến để bảo vệ nó. Số đông dân cư đô thị đã cản PLA khỏi việc đi vào thành phố. Vì sao? Có phải họ có ý định lật đổ nền cộng hoà?

Tất nhiên, bất cứ khi nào có những đám đông người dính líu, sẽ luôn luôn có thiểu số bé tí nào đó bên trong đám đông những người đã có thể muốn tấn công PLA. Đã là một tình huống hỗn loạn. Hoàn toàn có thể rằng một số hooligan đã tận dụng tình hình để gây rối,

nhưng làm sao có thể quy các hành động này cho đa số các công dân và các sinh viên? Cho đến bây giờ, câu trả lời cho câu hỏi này hẳn phải rõ.

5. Những Lời tố cáo Tới tập

Triệu bị thanh trừng khỏi vai trò lãnh đạo của ông vì các lão thành Đảng siết chặt hàng ngũ để chống lại ông. Triệu cho rằng các chiến thuật của họ vi phạm các quy chế của Đảng, nhưng ông bất lực để chống lại. Dù sao hết như ông đã từ chối bày tỏ sự tán thành với quyết định đưa quân đội vào Bắc Kinh, ông khước từ đòi hỏi của Đảng để viết một bản “tự kiểm điểm”—một công cụ quan trọng trong các nỗ lực của Đảng để duy trì một phiên bản sự thật chính thức. Triệu có bày tỏ sự lo ngại về một bình luận ông đã nói với Mikhail Gorbachev đã bị hiểu lầm thế nào như một sự tấn công che đậy chống lại Đặng.



Tôi muốn nêu một vấn đề khác ở đây, tức là, sự đối xử bất công mà tôi đã chịu bởi vì tình trạng náo động ở Bắc Kinh.

Tôi đã từ chối dự cuộc họp 19 tháng Năm công bố quân luật. Việc này đã làm cho Đặng và những lão thành khác cực kỳ tức giận. Vào ngày 20, Đặng triệu tập Trần Vân, Lí Tiên Niệm, Vương Chấn, Bành Chân, Dương Thượng Côn, Lí Bằng, Kiều Thạch, và Diêu Y Lâm đến họp tại nhà ông. Tất nhiên, tôi đã không được thông báo. Họ cũng đã chẳng báo cho Hồ Khởi Lập, như thế ông đã không dự.

Tôi nghe rằng trong cuộc họp, Vương Chấn đã điên cuồng phỉ báng tôi như là phản cách mạng. Lí Tiên Niệm đã kết tội tôi về lập ra “tổng hành dinh thứ hai.” Cuối cùng, Đặng đã quyết định cách chức tôi khỏi chức Tổng Bí Thư, nhưng nói thêm rằng việc công bố công khai phải được trì hoãn cho đến sau khi hoàn tất một vài thủ tục cần thiết. Tôi đã bị quét sang bên lề chỉ vậy thôi.

Đấy đã không phải là một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, vì chỉ ba trong số năm thành viên của nó đã có mặt. Cả Hồ Khởi

Lập lần tôi đã không bị cách chức trước khi cuộc họp bắt đầu, như thế chúng tôi vẫn đã là các uỷ viên BTV. Theo ý kiến tôi, nó không thể được xem là họp pháp để đưa ra một quyết định như vậy khi hai uỷ viên của BTV đã không thậm chí được thông báo.

Tôi đã lấy ba ngày nghỉ phép, từ ngày 19 đến ngày 21. Không ai thực sự đã bảo tôi rằng tôi đã bị cách chức khỏi chức vụ của mình. Tất nhiên, chẳng ai đã liên hệ với tôi về bất kể vấn đề liên quan đến công việc nào. Các kênh liên lạc cốt yếu đã bị cắt, và tôi đã bị cách ly. Tôi đã nghe qua các kênh khác rằng Lí Bằng, Dương Thượng Côn, Diêu Y Lâm, và [Trưởng Ban Tổ chức] Tống Bình mỗi người đã tổ chức những cuộc họp với các ban khác nhau công bố “tội” của tôi. Họ cũng đã tổ chức các nhóm và đã soạn các văn kiện để chuẩn bị cho cuộc họp sắp tới của Uỷ ban Trung ương mà tại đó họ đã lên kế hoạch để công bố vụ của tôi. Trong lúc đó, tại Bắc Kinh họ đã tập họp các lãnh đạo cấp thứ nhất và thứ nhì của tất cả các tỉnh và thành phố trực thuộc để thông báo tóm tắt cho họ.

Suốt tất cả những sự sắp xếp quan trọng này, Bộ Chính trị đã không tổ chức một cuộc họp duy nhất nào; Ban Thường Vụ BCT cũng đã chẳng đưa ra bất kể quyết định nào. Ban Thường Vụ đã gồm năm uỷ viên; với Hồ Khởi Lập và tôi bị loại trừ, đã không có cuộc họp BTV họp pháp nào. Tất cả những sự sắp xếp này đã thiếu thẩm quyền pháp lý.

Điều lệ Đảng đưa ra các quy tắc này: “Khi Uỷ ban Trung ương không họp, Bộ Chính trị đảm nhiệm quyền lực nhân danh nó. . . Các cuộc họp Bộ Chính trị do Tổng Bí thư chủ toạ.” Hiển nhiên rằng chẳng cái nào trong số những sự sắp xếp này đã được tiến hành qua các cuộc họp Bộ Chính trị, và tất nhiên chúng không được tôi chủ toạ. Vì thế, bất luận tổ chức nào đã tổ chức các cuộc họp, hoặc ai đã chủ toạ chúng, tất cả chúng đã đều vi phạm Điều lệ Đảng.

Dưới những hoàn cảnh này, mà trong đó không ai đã công bố rằng tôi đã bị cách chức khỏi chức vụ của mình, thế nhưng tôi đã không có thể sử dụng quyền hạn của mình, tôi đã lo rằng cuối cùng tôi sẽ bị kết tội bỏ vị trí của tôi. Vì thế tôi đã nói chuyện với [chánh Văn phòng Trung ương Đảng] Ôn Gia Bảo để gợi ý một cuộc họp Bộ Chính trị. Ôn Gia Bảo đã trả lời rằng, trong thực tế, Văn phòng Ủy ban Trung ương Đảng (Văn phòng Tổng hợp) cũng đã bị quét sang bên lề. Tất cả các sự sắp đặt đã do Lí Bằng và Dương Thượng Côn tiến hành, bỏ qua Văn phòng Tổng hợp. Ông đã nói rằng nếu tôi thực sự muốn triệu tập một cuộc họp, Văn phòng Tổng hợp sẽ gửi thông báo đi, nhưng ông tin rằng các hệ quả sẽ không tốt và hy vọng tôi xem xét kỹ lưỡng.

Vì tôi đã không thể triệu tập một cuộc họp, tôi đã yêu cầu thư ký của tôi điện thoại cho Dương Thượng Côn để yêu cầu ông đến nói chuyện. Ý định của tôi đã là yêu cầu ông làm rõ liệu tôi đã bị cách chức khỏi vị trí của tôi hay không. Tôi cũng đã muốn giải thích cho ông vì sao tôi đã nói chuyện với Gorbachev về vị trí của Đặng Tiểu Bình bên trong Đảng [Triệu trình bày chi tiết về điều này trong Chương 7].

Vào ngày 2 tháng Sáu, [Phó Chủ tịch Chính Hiệp Nhân dân] Vương Nhâm Trọng và [Phó Chủ nhiệm (Ủy ban) Kế hoạch Nhà nước] Đinh Quan Căn đã đến nhà tôi và nói rằng đáp lại yêu cầu của tôi để nói chuyện với Dương Thượng Côn, hai người họ được cử bởi Ủy ban Trung ương và được giao phó với cuộc thảo luận này. Họ đã nói rằng Ủy ban Trung ương sắp tổ chức các cuộc họp Bộ Chính trị và Ủy ban Trung ương để xử lý vụ của tôi và rằng tôi phải xem xét cẩn trọng việc chuẩn bị một bản tự-kiểm điểm.

Tôi đã bắt đầu bằng việc giải thích cho họ cuộc thảo luận của tôi với Gorbachev. Rồi tôi đã nêu vấn đề làm sao tổ chức của Ủy ban Trung ương có thể vận hành khi hai trong số năm ủy viên của Ban

Thường Vụ đã bị đẩy sang bên. Ai đã tham gia các cuộc họp? Vương Nhâm Trọng đã nói đã không có việc bầu lại Ban Thường Vụ, cũng đã chẳng có bất cứ cuộc họp nào được tổ chức gần đây.

Tôi đã nói rằng sau khi lấy ba ngày nghỉ bệnh, tôi đã có thể hiểu nếu tôi đã không được tiếp tục lại công việc. Tôi đã không có vấn đề gì với việc bị yêu cầu đứng sang bên, nhưng muộn hơn tôi không thể bị cáo buộc về đã sao lãng công việc của mình và đã bỏ vị trí của mình. Đó là lý do tôi đã yêu cầu nói chuyện với Dương Thượng Côn. Liên quan đến chuẩn bị một bản tự kiểm điểm, tôi đã nói rằng tôi đã không được thông báo bất cứ thứ gì. Những lời chỉ trích tôi được đưa ra ở mọi nơi mà không có cố gắng nào để kiểm tra với tôi về các sự thực. Các văn kiện chỉ trích đang lưu hành ở mọi nơi, nhưng chẳng bản nào được đưa cho tôi. Làm sao tôi có thể viết một bản tự kiểm điểm dưới những điều kiện như vậy? Giả như nếu tôi được tạo một cơ hội để nói trong tương lai, về các vấn đề mà tôi thú nhận đã sai, tôi sẽ làm tự kiểm điểm.

Đã là một cuộc nói chuyện dài, kéo dài hơn hai giờ. Tôi đã nói hầu hết. Tôi đã nói về các điều kiện và quan điểm của tôi về xã luận 26 tháng Tư, bài phát biểu vào ngày 3 tháng Năm cho các đại biểu thanh niên, bài phát biểu Ngũ Tứ tại hội nghị ADB, và sự từ chối dự cuộc họp 19 tháng Năm để công bố quân luật.

Và cuối cùng, tôi đã mạnh mẽ phản đối cách mà họ đã giam giữ Bảo Đồng. Vào ngày 28 tháng Năm, Bảo Đồng đã được Ban Tổ chức (TW) gọi đến cho một cuộc nói chuyện, từ cuộc đó ông đã chẳng bao giờ quay trở lại. Trong khi đó, họ đã khám văn phòng của ông ta. Tôi đã lập tức yêu cầu thư ký của tôi để gọi [Trưởng Ban Tổ chức] Tống Bình để nêu sự phản đối của tôi. Với Vương Nhâm Trọng và Đinh Quan Căn tôi đã nói, “Nếu họ tin Bảo Đồng đã làm bất cứ thứ gì sai, tổ chức Đảng thích hợp phải tiến hành một cuộc điều tra, nhưng họ phải tiến hành theo Điều lệ Đảng và luật. Các tổ

chức Đảng, nói chi Ban Tổ chức (TW), không có quyền hạn nào để tước đoạt quyền tự do cá nhân của ông ta. Bây giờ chúng ta ở trong những năm 1980; chúng ta không thể sử dụng những phương pháp cũ này của các chiến dịch chính trị quá khứ.” Tôi đã đòi rằng họ chuyển thông điệp của tôi tới Ủy ban Trung ương.

Trong đánh giá của họ về cuộc nói chuyện này, họ đã cho rằng thái độ của tôi quả thực đã rất xấu. Vương Nhâm Trọng và Đinh Quan Căn đã quay lại nhà tôi vào 17 tháng Sáu. Họ đã nói rằng vào 19 tháng Sáu Ủy ban Trung ương sẽ tổ chức một cuộc họp Bộ Chính trị để xử lý vụ của tôi, và họ yêu cầu rằng tôi tỏ ra khiêm tốn, thể hiện sự kiềm chế, và giữ bình tĩnh cho dù một số lão thành có dùng những lời lẽ thô bạo. Tôi có thể chọn để nói hay giữ im lặng, nhưng tôi không được tranh cãi quá trớn.

Tôi đã trả lời, “Nếu đây là một cuộc họp để xử lý vụ của tôi, tôi phải được trao cơ hội để nói một cách tự do.”

Đinh Quan Căn cũng đã yêu cầu tôi suy ngẫm nghiêm túc về những sai lầm của tôi và có một thái độ thích hợp cho cuộc họp. Vương Nhâm Trọng đã tiết lộ rằng về nội bộ họ đã quyết định giữ tư cách ủy viên Ủy ban Trung ương của tôi và tư cách ủy viên Bộ Chính trị của Hồ Khởi Lập.* Ông cũng đã nói rằng họ đã chuyển rồi ý kiến của tôi về “việc cách ly và điều tra” của Bảo Đảng cho Ủy ban Trung ương; Bảo Đảng bây giờ dưới “sự giám sát và quản thúc tại gia,” mà [họ nói] phù hợp với các thủ tục pháp lý đúng.

Có vẻ mục đích của cuộc viếng thăm của họ đã là: một, để thông báo cho tôi về cuộc họp sắp tới, và hai, để thuyết phục tôi đừng đưa ra một thách thức, hoặc để giữ các lý lẽ của tôi ở mức tối thiểu. Khi Vương Nhâm Trọng và Đinh Quan Căn lần đầu tiên đến nhà tôi vào 2 tháng Sáu để thông báo cho tôi về cuộc họp được dàn xếp để xử lý vụ của tôi, họ đã nói rằng Đặng Tiểu Bình đã nhắc rằng

việc xử lý vụ của Hồ Diệu Bang đã dẫn đến những chỉ trích cả ở trong lẫn ngoài nước, cho nên lần này với vụ của Triệu, chúng ta phải theo các thủ tục thích hợp. Ông đã chỉ đạo họ chuẩn bị tư liệu thích hợp; ngay khi nào các tài liệu này sẵn sàng, một cuộc họp sẽ được tổ chức.

Tất cả đã là một sự mỉa mai khủng khiếp. Thực ra, tôi đã bị họ giam giữ và bị cách ly rồi mà không có sự biện minh hay tính hợp pháp. Thứ nhất họ đã phé truất tôi một cách bất hợp pháp khỏi chức vụ của tôi là Tổng Bí Thư, rồi họ đã cho rằng phù hợp với các thủ tục. Điều này cho thấy rằng họ đã sợ hãi; sợ sự chỉ trích từ những người khác.

Họ đã có thể tổ chức cuộc họp sớm hơn, nhưng nó đã bị làm chậm bởi các sự kiện

Bốn tháng Sáu.

6. Chiến dịch Chống lại Triệu

“Chiến thắng” quân sự đối với những người biểu tình ôn hoà ở Quảng trường Thiên An Môn không mang lại một ý nghĩa chiến thắng chính trị. Các lãnh đạo Đảng, bị phỉ báng quanh thế giới, hoạt động nhanh để trừng phạt Triệu, triệu tập một cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng trước cuối tháng Sáu để đưa ra những lời buộc tội của họ. Sau khi bị chỉ trích vì việc xử lý của họ về sự sa thải Hồ Diệu Bang hai năm trước, các lãnh đạo Đảng làm một cuộc trình diễn về việc đi qua các bước thích hợp lần này. Nhưng Triệu chỉ ra những sự vi phạm phổ biến thủ tục của Đảng và ông là nạn nhân của các chiến thuật kiểu Cách mạng Văn hoá như thế nào. Ông cũng suy ngẫm về những rủi ro có tính toán mà ông bị khi bám chặt vào những niềm tin của ông ngay cả khi các đồng nghiệp của ông quay sang chống lại ông.



Bộ Chính trị đã tổ chức một cuộc họp mở rộng từ 19 đến 21 tháng Sáu. Đầu tiên, Lí Bằng, đại diện bốn uỷ viên Ban Thường Vụ, định giọng của vụ tố tụng bằng trình bày một báo cáo kết tội tôi đã phạm những sai lầm nghiêm trọng về “chia rẽ Đảng” và “ủng hộ sự náo loạn.” Ông đã đề nghị rằng tôi bị cách chức Tổng Bí Thư, uỷ viên Bộ Chính trị, và uỷ viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Ông cũng đã nói rằng những cuộc điều tra thêm đối với tôi sẽ được tiến hành.

Rồi thì, đến lượt những người tham gia nói, mỗi người trình bày chi tiết những chỉ trích đó. Những sự tấn công cá nhân xấu xa và phỉ báng nhất đã đến từ Lí Tiên Niệm. Vào lúc đầu của cuộc họp chỉ trích, Đặng Tiểu Bình đã vắng. Trần Vân cũng đã không xuất hiện, nhưng đã cung cấp một tuyên bố thành văn chứa hai dòng. Nó nói

rằng tôi đã không đáp ứng được những kỳ vọng của Đảng và rằng ông ủng hộ quyết định của Đảng để trừng phạt tôi. Những nhận xét của Vương Chấn đã chủ yếu về Đặng đã quá nhân hậu thế nào trong việc trừng phạt [Hò] Diệu Bang, cho phép ông giữ tư cách uy viên của ông trong Bộ Chính trị và cho ông một quốc tang, bằng cách ấy cổ vũ chủ nghĩa tự do tư sản.

Trong nửa sau của ngày cuối cùng của những bài phát biểu phê phán, Diêu Y Lâm đã chủ tọa cuộc họp. Đã có vẻ rằng họ đã không có ý định nào để cho tôi nói.

Lần đầu tiên Vương Nhâm Trọng và Đinh Quan Căn đến nhà tôi, họ đã yêu cầu rằng tôi chuẩn bị một bản tự kiểm điểm. Lần thứ hai họ đến, họ đã hiểu rõ tôi sẽ không viết một bản (kiểm điểm), cho nên họ đã thử thuyết phục tôi yên lặng. Khi cuộc họp đi đến kết thúc, tôi đã yêu cầu một cơ hội để nói.

Ông ta [Diêu Y Lâm] nhìn vào đồng hồ của mình và nói, “Chúng ta đã hết thời gian. Nếu ông phải nói, hãy nói dưới mười phút.” Tôi đã rất bực. Tôi đã nói, “Rốt cuộc lần này là phiên họp để xử lý vụ của tôi, sau cả hai ngày phê phán, bây giờ làm sao ông cho tôi ít thời gian như vậy để trả lời?!”

Không đợi ông ta bật đèn xanh, tôi đã bắt đầu đọc to một bài phát biểu mà tôi đã chuẩn bị. Tôi đã kiểm tra đồng hồ của tôi sau đó: tôi đã đọc hai mươi phút. Trong bài phát biểu của mình tôi đã đưa ra sự thật và bối cảnh thực của các cuộc tranh luận và đã bác bỏ những cáo buộc đã được đưa ra chống lại tôi trong cuộc họp. Nó đã đến như một sự ngạc nhiên đối với những người dự họp. Một vài trong số họ đã có những biểu hiện căng thẳng trên mặt họ, tỏ ra căm giận và bồn chồn trong lúc tôi đang nói.

Ngay khi tôi chấm dứt nói, Diêu Y Lâm đột ngột hoãn cuộc họp. Tôi lập tức rời khỏi hiện trường. Không ai khác đã di chuyển. Hiện

nhiên rằng họ đã được chỉ đạo trước rằng họ được kỳ vọng để bày tỏ sự thống nhất với sự không vừa lòng đối với bài phát biểu và thái độ của tôi.

Cuộc họp đã tiếp tục lại ngày tiếp theo. Một cuộc bỏ phiếu đã được tổ chức để quyết định vụ của tôi. Họ đã đưa ra một tuyên bố chứa một nghị quyết để tước tất cả các chức vụ chính thức của tôi. Báo cáo ban đầu của Lí Bằng và của những người khác tất cả đã đề xuất sa thải tôi khỏi chức Tổng Bí Thư và chấm dứt tư cách uỷ viên Bộ Chính trị và uỷ viên Ban Thường Vụ của tôi, nhưng giữ tư cách uỷ viên Uỷ ban Trung ương. Nhưng trong tuyên bố này, tư cách uỷ viên Uỷ ban Trung ương của tôi cũng đã bị xoá bỏ.

Hiển nhiên rằng sau khi tôi đã trình bày bài phát biểu của tôi ngày hôm trước, tất cả họ đã ở lại cho một cuộc thảo luận và sau đó đã quyết định điều đó bởi vì thái độ xấu của tôi, một sự trừng phạt nghiêm khắc hơn đã là thích đáng. Vì Đặng Tiểu Bình và Trần Vân đã không có mặt trong thời gian bài phát biểu của tôi, họ hẳn đã phải báo cáo cho Đặng và Trần sau đấy.

Thực ra, tôi đã không thực sự quan tâm liệu tôi có giữ tư cách uỷ viên trong Uỷ ban Trung ương hay không, vì nó chẳng tạo ra sự khác biệt nào. Tuy vậy, Điều lệ Đảng xác định rõ ràng rằng bất kể uỷ viên nào từ chối chấp nhận sự trừng phạt hành chính có một quyền để khiếu nại. Văn kiện, có tiêu đề “Vài Quy tắc Cai quản Đời sống Chính trị trong Đảng,” cũng nói rõ ràng rằng về những sự trừng phạt hành chính, các Đảng viên có quyền để đưa ra một tuyên bố, để yêu cầu một sự kháng án, để đưa ra một khiếu nại, và để tiến hành sự bảo vệ. Hành động trả đũa của bên nguyên chống lại bên bị hoặc chống lại những người đưa ra khiếu nại bị cấm. Tuy vậy, tôi đã bị phạt thêm vì đã nói để tự vệ. Đây là sự vi phạm hoàn toàn Điều lệ Đảng và các quy tắc của Đảng. Báo cáo ban đầu của Lí Bằng và các bài phát biểu khác đều kiến nghị giữ lại tư cách uỷ viên Uỷ ban

Trung ương của tôi, nhưng khi nó bị chấm dứt muộn hơn, đã không có dấu hiệu hay lời giải thích nào về cái gì đã thay đổi. Điều này là hết sức trái khoáy.

Trước khi việc bỏ phiếu bắt đầu, tôi suýt nữa đã đưa ra một tuyên bố: “Bởi vì tôi nói thẳng trong sự tự bảo vệ, sự trừng phạt của tôi đã bị tăng thêm, đặt ra một tiền lệ xấu bằng việc vi phạm trắng trợn Điều lệ Đảng, một sự cố đầu tiên như vậy kể từ Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá Bảy.” Tuy vậy, tôi đã xem xét lại: nếu giả như tôi đưa ra một tuyên bố với tất cả các lão thành có mặt, Đặng Tiểu Bình và Nguyên soái Nhiếp [Vĩnh Trăn] và các lão thành khác, họ sẽ còn bị xúc phạm hơn. Như thế, đúng khi những lời này đến môi tôi, tôi đã tự kiểm chế mình. Khi việc bỏ phiếu xảy ra về nghị quyết, tuy vậy, tôi đã không chỉ từ chối bỏ phiếu thuận, tôi đã giơ tay tôi lên để bỏ phiếu chống lại biện pháp và đồng thời tuyên bố, “tôi chẳng nêu sự phản đối việc bị bãi các chức của tôi, nhưng tôi không đồng ý cũng chẳng chấp nhận hai sự buộc tội!” Sau khi tôi nói điều này, không ai, ngay cả Đặng hay Lí Bằng, người đang chủ tọa cuộc họp, đã nói một lời nào. Có lẽ họ đã lường trước nó rồi.

Cuộc họp Bộ Chính trị này mà đã bỏ phiếu để áp đặt sự trừng phạt hành chính lên tôi đã vi phạm Điều lệ Đảng và các quy tắc theo nhiều cách hơn tôi đã vừa nhắc tới. Trước tiên, thủ tục nào đã được tuân theo trong quyết định để tổ chức cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng? Không cuộc họp Bộ Chính trị nào đã được tổ chức để bàn trước vấn đề. Việc loại trừ Hồ Khởi Lập và tôi khỏi cuộc họp Ban Thường Vụ đã cũng là bất hợp pháp. Khi Vương Nhâm Trọng đến nhà tôi, ông đã nói rằng không cuộc họp Bộ Chính trị nào đã được tổ chức. Vì thế, các cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng này đã được quyết định như thế nào, và ai đã đưa ra quyết định—tất cả điều này đã có vấn đề.

Điều lệ Đảng quy định rõ ràng rằng các cuộc họp Bộ Chính trị do Tổng Bí thư chủ toạ. Tuy vậy, trước khi danh hiệu của tôi bị loại bỏ một cách bất hợp pháp, tôi đã bị tước mất quyền của mình rồi để chủ toạ các cuộc họp Bộ Chính trị, mà đã được chuyển cho Lí Bằng. Việc này cũng đã phi pháp.

Điều đã đặc biệt mỉa mai là, khi việc bỏ phiếu sắp bắt đầu, Đặng Tiểu Bình thực sự đã nói, “Tất cả những người tham gia, dù là một uỷ viên Bộ Chính trị hay không, có quyền biểu quyết.” Tại các cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng, những người không là uỷ viên tham gia được phép nghe và nói, nhưng làm sao họ có thể được phép tham gia biểu quyết? Hiển nhiên, họ đã muốn tập hợp nhiều sự ủng hộ hơn. Lí Tiên Niệm đã giải thích rằng quyền biểu quyết này đã được Lí Bằng, chủ toạ của cuộc họp chấp thuận. Đây đã hoàn toàn là sự cai trị bằng bạo lực! Họ đang theo Điều lệ hay các quy tắc Đảng nào?! Các lão thành, từ lâu đã quen tập quán của Đảng về “không công nhận các luật cũng chẳng công nhận các ràng buộc trên trời,” tất nhiên, đã không lo âu.

Bây giờ tôi đã nói về vấn đề này; tôi không biết điều này sẽ được ghi lại thế nào trong lịch sử Đảng.

Một cuộc họp Uỷ ban Trung ương đã được tổ chức từ 23 đến 24 tháng Sáu để thông qua đánh giá chính trị và hành chính được đưa ra chống lại tôi tại cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng. Tôi đã được thông báo về cuộc họp và đã tham dự nhóm mà tôi đã được phân vào, Nhóm Bắc Trung Quốc. Tôi đã nghe khi vài Đồng chí chỉ trích tôi, rồi tôi đã nói ngắn gọn.

Tôi đã nói, “Cảm ơn tất cả vì lời khuyên của các vị. Tôi có một tuyên bố thành văn mà là phiên bản được xét lại của tuyên bố tôi đã chuẩn bị cho cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng. Tôi đã nộp rồi cho Ban Phục vụ. Tôi hy vọng các bản sao của tuyên bố được viết của tôi sẽ được phát cho tất cả các Đồng chí dự họp.”

[Trưởng Ban Tuyên truyền] Vương Nhấn Chi đã cũng ở trong nhóm này, và đã nói rằng Ủy ban Trung ương đã đồng ý để phân phát các bản sao của tuyên bố cho tất cả những người tham gia. Nhưng, thực ra, tuyên bố đã được phân phát cho những người tham gia chỉ khi cuộc họp sắp kết thúc, và sau đó được thu hồi lại nhanh chóng. Tuy vậy, văn bản của Trần Huy Đồng [thị trưởng Bắc Kinh] và Lí Thết Ánh [giám đốc Ủy ban Giáo dục Nhà nước] bác bỏ tuyên bố của tôi đã được phân phát sớm hơn. Như thế, trong cuộc họp, đã là một tình huống kỳ quái mà trong đó những người tham dự đã đọc bài chỉ trích tuyên bố của tôi mà đã không thấy tuyên bố của tôi, rồi cuối cùng được cho thấy tuyên bố của tôi vào cuối cuộc họp chỉ để ngay lập tức bị thu hồi lại. Như một kết quả, tôi lấy làm tiếc nhiều người đã phải lướt qua tuyên bố của tôi, hoặc đã không có cơ hội để đọc nó chút nào.

Cái gọi là “thông tin nền” về Bốn tháng Sáu cũng đã được phân phát, nhân danh Văn phòng Tổng hợp (TW). Nó đã cóp nhặt một lượng lớn tài liệu từ khắp nước và hải ngoại, ngụ ý rằng tôi đã là một kẻ âm mưu đại diện cho các lực lượng phản cách mạng ở trong nước và hải ngoại nhắm tới việc lật đổ Đảng Cộng sản Trung quốc và Đặng Tiểu Bình. Nó cũng gồm tài liệu đưa ra những lời cáo buộc giả rằng nhân viên của tôi đã hợp tác với các sinh viên, đã gửi thông tin cho họ, và đã tiết lộ bí mật quân sự về kế hoạch để áp đặt quân luật. Đã hiển nhiên rằng điểm trọng tâm của việc in “tài liệu nền” như vậy đã là để tạo ra một ấn tượng chung rằng tôi quả thực đã phạm tội cực kỳ tàn ác và đã đòi bại một cách không tha thứ được.

Họ đã tìm cách để huỷ hoại hoàn toàn địa vị chính trị và đạo đức của tôi. Một số trong số các bài phát biểu được trình bày tại cuộc họp đã hoàn toàn theo phong cách của Cách mạng Văn hoá: đổi trắng thay đen, thổi phồng tội lỗi cá nhân, đưa các trích dẫn khỏi ngữ cảnh, đưa ra những lời phỉ báng và lừa dối—tất cả theo ngôn

ngữ Cách mạng Văn hoá. Lúc đó, tôi tự nghĩ, nếu hồ sơ của cuộc họp này không được đánh dấu rõ “Hội nghị Toàn thể thứ Tư của đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá thứ Mười ba,” thì người ta có thể dễ dàng lẫn với các văn kiện từ Cách mạng Văn hoá.

Theo Điều lệ Đảng, việc sa thải một uỷ viên Uỷ ban Trung ương đòi hỏi một đa số hai phần ba trong Hội nghị Toàn thể thông qua. Đã hiển nhiên rằng các lãnh đạo chớp bu đã không tin chắc họ có thể đạt điều đó. Nếu việc bỏ phiếu kín đã xảy ra, đã là có thể rằng họ sẽ không đạt được đa số hai phần ba cần thiết. Thay vào đó họ đã bỏ việc bỏ phiếu kín và yêu cầu biểu quyết bằng giơ tay. Hiển nhiên, trong bầu không khí loại này và dưới áp lực loại đó, bằng việc phải giơ tay công khai, nhiều người đã cảm thấy không có khả năng để biểu quyết theo ý kiến thật của họ. Tất cả mọi người đang theo dõi và các camera đang chạy, một số người buộc phải giơ tay của họ lên cho dù họ phản đối. Vì thế, nghị quyết đã được nhất trí thông qua.

Tôi phải chỉ ra rằng trong quá khứ, dù cho chức Tổng Bí Thư hoặc cho tư cách uỷ viên Bộ Chính trị hay Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, tất cả các cuộc bầu đã được thực hiện qua bỏ phiếu kín. Biểu quyết theo kiểu này, với việc giơ tay, đã là khá dị thường. Trong bầu không khí loại đó, dưới áp lực loại đó, và với những sự điều tra các sự kiện và những người có quan hệ với tôi đang được tiến hành rồi, làm sao người ta có thể cảm thấy tự do để bày tỏ ý kiến của họ trong khi giơ tay?

Bằng việc khẳng khẳng giữ quan điểm của tôi về các cuộc biểu tình sinh viên và từ chối chấp nhận quyết định để đàn áp thẳng tay bằng vũ lực, tôi đã biết những hệ quả nào sẽ đến và sự xử lý nào tôi sẽ nhận. Về mặt tinh thần, tôi đã hoàn toàn sẵn sàng. Tôi đã biết rằng nếu tôi kiên quyết giữ quan điểm của mình, cuối cùng tôi sẽ bị buộc để từ chức. Tôi đã cân nhắc việc này rồi. Nếu tôi đã muốn giữ

vị trí của mình, hay từ bỏ vị trí của tôi theo cách giữ thể diện nào đó, tôi sẽ phải từ bỏ quan điểm của mình và tuân theo. Nếu tôi vẫn kiên trì, thì tôi đã phải sẵn sàng để từ chức. Sau cân nhắc lặp đi lặp lại và cẩn trọng, tôi đã quyết định tôi thà từ chức hơn là tuân theo quan điểm của họ. Tôi đã nói với vợ và các con tôi ở nhà về tôi đang nghĩ gì, và đã yêu cầu họ sẵn sàng.

Tôi cũng đã sẵn sàng về tư tưởng cho các hậu quả của bài phát biểu của tôi tại cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng. Tôi đã nghĩ tôi có thể bị đuổi ra khỏi Đảng, vì đã là cần cho một cá nhân đã phạm sai lầm để cúi đầu nhận tội nhằm để được đánh giá như có thái độ thành khẩn đúng đắn. Tôi đã nghĩ rằng có lẽ tôi sẽ không bị nhốt vào nhà tù, vì tôi đã chẳng làm gì sai. Đối với những người như tôi, những người đã có mức độ ảnh hưởng nào đó ở trong và ngoài nước, họ có lẽ không thể tìm được cách để tiến hành một vụ xử án hoàn toàn bí mật. Vì thế tôi đã xác định rằng việc từ chức là chắc chắn, sự khai trừ ra khỏi đảng Đảng là cái tội nhất có thể xảy ra, và bị nhốt tù chắc không xảy ra.

Dưới một hệ thống chính trị như của chúng ta, có rất ít sự khác biệt dù tôi vẫn ở trong Đảng hay bị đuổi ra khỏi Đảng. Những người trong tình trạng của tôi mà đã giữ lại tư cách Đảng viên không có các quyền bình thường của đảng viên dẫu sao đi nữa. Hơn nữa, việc khai trừ ra khỏi Đảng sẽ không tác động đến các niềm tin và lý tưởng của tôi.

Sau Hội nghị Toàn thể thứ Tư của Ủy ban Trung ương khoá thứ 13, các chiến thuật kiểu Cách mạng Văn hoá đã bị lên án và bị bỏ từ lâu đã được lục lại để sử dụng chống lại tôi. Những chiến thuật này đã gồm làm tràn ngập các báo với các bài chỉ trích biến tôi thành một kẻ thù, và tùy tiện không đếm xỉa đến các quyền tự do cá nhân của tôi. Ngay sau Cách mạng Văn hoá, sau khi đã học từ những kinh nghiệm đau xót của nó, Đảng đã thông qua một Điều lệ Đảng

mới tại đại hội Đảng lần thứ 12, “Vài Quy tắc Cai quản Đời sống Chính trị trong Đảng.” Các quy tắc đã nhắm tới việc ngăn cản Cách mạng Văn hoá xuất hiện lại.

Sau Bốn tháng Sáu, họ đã hoàn toàn xem thường các quy tắc này trong việc họ xử lý tôi, thay vào đó vi phạm tểng trọn chúng và dùng lại các chiến thuật cực tả của Cách mạng Văn hoá. Đây là cái gì đó tôi đã không lường trước.

7. Cuộc Trò chuyện của Triệu với Gorbachev

Một trong những bí ẩn về các sự kiện dẫn đến cuộc Tàn sát Thiên An Môn là, chính xác khi nào Đặng Tiểu Bình đã quyết định để chấm dứt quan hệ với đồng minh cải cách của ông, Triệu Tử Dương. Khi Triệu gặp Gorbachev, ông đã nhấn mạnh rằng Đặng, bất chấp thiếu các chức danh chính thức, đã vẫn phụ trách. Trong khi Triệu nói ông đã có ý định chỉ để nêu bật tầm quan trọng của cuộc gặp của Gorbachev với Đặng, những kẻ gièm pha ông đã buộc tội ông về việc ông thử đổ lỗi, một cách tinh vi, vì sự náo động chính trị lên vai Đặng. Không rõ liệu bình luận của Triệu có thực sự làm ông mất sự tin cậy của Đặng hay không. Nhưng nếu đã có, những sự mất mát của hàng trăm sinh mạng rớt cuộc đã có thể truy nguyên về bệnh hoang tưởng và sự thiếu suy xét của một người, Đặng, trong một thời khủng hoảng. Tường thuật riêng tư của Triệu đã không rọi ánh sáng nào lên sự bí ẩn, tuy nó tiết lộ cảm giác hối tiếc sâu sắc vì bất kể sự hiểu lầm nào, và lòng biết ơn liên tục của ông cho mối quan hệ của ông với Đặng.



đây tôi muốn bình luận về vấn đề cuộc trò chuyện của tôi với Gorbachev vào 16 tháng Năm.

Đặng đã khá bực mình với bài phát biểu Ngũ Tứ của tôi tại hội nghị Ngân hàng Phát triển Á châu. Tuy vậy, tôi e rằng cuộc trò chuyện của tôi với Gorbachev đã không chỉ làm ông tức giận, mà thực sự làm tổn thương ông. Sau Bốn tháng Sáu, ông đã bảo Giáo sư Lý Chính Đạo [nhà vật lý Mỹ gốc Hoa được giải Nobel] rằng tôi đã đẩy ông ta ra tuyến đầu trong cuộc náo loạn sinh viên. Những gì ông thực sự muốn nói đã là, tôi đã bỏ ông một mình để đối mặt với

công chúng. Những quan niệm thuộc loại này cũng đã lưu hành giữa công chúng.

Khi tôi đàm đạo với Gorbachev, tôi đã nói về vai trò của Đặng Tiểu Bình trong nước chúng ta và trong Đảng. Những nhận xét này đã hoàn toàn có ý định để nâng cao uy tín của Đặng, nhưng đã dẫn đến một sự hiểu lầm lớn. Người ta đã nghĩ tôi đã đang lẩn tránh trách nhiệm, đẩy Đặng ra tuyến đầu [và buộc ông] đối mặt với công chúng tại một thời khắc quan trọng. Tôi đã tuyệt đối không dự kiến trước điều này.

Kể từ Đại hội Đảng thứ Mười ba [trong năm 1987], bất kể khi nào tôi gặp các nhà lãnh đạo nước ngoài, nhất là các lãnh tụ Đảng bạn, tôi đã luôn luôn thông báo cho họ rằng cho dù Đặng không còn ở trong Ban Thường Vụ Bộ Chính trị nữa, vai trò của ông như người quyết định chính trong Đảng chúng ta đã không thay đổi. Điều này đã gần như trở thành một quy ước. Trong tháng Tư, tôi đã thông báo cùng điều đó cho Kim Nhật Thành ở Bắc Triều Tiên. Điều khác với cuộc trò chuyện này đã là, thông điệp đã có được sự chú ý đặc biệt qua sự đưa tin của TV và báo chí.

Vì sao tôi đã làm việc này? Việc Lí Bằng và các cộng sự của ông công bố những nhận xét của Đặng ngày 25 tháng Tư đã dẫn đến một sự phản đối kịch liệt của công chúng. Các sinh viên và thanh niên đã đặc biệt không vui với Đặng. Bởi vì sự không hài lòng với các nhận xét của ông, họ đã tập trung vào và đã tấn công địa vị đặc biệt của ông. Tôi đã nghe nhiều nhận xét như “Vì sao Ban Thường Vụ Bộ Chính trị phải báo cáo cho Đặng Tiểu Bình, người không là một uỷ viên? Điều này không phù hợp với các nguyên tắc của tổ chức của Đảng!” Cụm từ “buông rèm nhiếp chính” đang lan ra. Giữa tất cả thứ này, tôi nghĩ tôi phải xuất hiện với một sự làm rõ và một sự giải thích.

Vào ngày 13 tháng Năm, hai ngày trước khi Gorbachev đến, tôi đã tổ chức một cuộc đối thoại với các đại biểu công nhân và cán bộ từ các nghiệp đoàn lao động chính thức. Một người nào đó đã nêu một câu hỏi theo những hướng này. Tôi đã trả lời bằng việc giải thích rằng điều này đã phù hợp với một nghị quyết được thông qua tại Hội nghị Toàn thể thứ Nhất của Ủy ban Trung ương khoá 13. Hội nghị Toàn thể này đã quyết định rằng chúng ta phải tham vấn Đảng Tiểu Bình về bất cứ vấn đề có tầm quan trọng lớn nào. Điều này đã vì lợi ích của toàn Đảng bởi vì sự sáng suốt chính trị và kinh nghiệm của Đảng đã phong phú hơn của bất cứ uỷ viên nào của Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Câu trả lời đã có vẻ suôn sẻ, vì công nhân ấy đã không theo đuổi câu hỏi thêm nữa. Vì thế, tôi đã nghĩ rằng nếu chúng ta đưa ra cùng sự giải thích qua báo chí, nó sẽ có một tác động tích cực lên hình ảnh công chúng của Đảng. Chí ít nó sẽ làm rõ rằng đây không phải là việc Đảng chiếm quyền lực, mà đúng hơn là một quyết định tập thể được đưa ra tại Hội nghị Toàn thể Đầu tiên của Ủy ban Trung ương.

Vì thế, khi tôi gặp Gorbachev, tôi đã bảo ông ta rằng Hội nghị Toàn thể thứ Nhất của Ủy ban Trung ương khoá 13 của Đảng chúng tôi đã quyết định một cách chính thức rằng về các vấn đề lớn, chúng tôi vẫn cần Đảng cầm bánh lái. Kể từ đại hội Đảng lần thứ 13, chúng tôi đã luôn luôn thông báo cho ông và hỏi ý kiến của ông về các vấn đề lớn. Đảng đã luôn luôn hoàn toàn ủng hộ công việc của chúng tôi và các quyết định tập thể của chúng tôi. Thực ra, nghị quyết ban đầu đã không chỉ nói rằng chúng tôi phải thỉnh cầu ý kiến của ông và cho ông biết, mà cả rằng ông có thể triệu tập một cuộc họp và đưa ra quyết định cuối cùng về các vấn đề lớn. Tính đến những gì công chúng sẽ có khả năng chấp nhận, tôi đã cố ý không nhắc tới điểm cuối cùng này. Tôi đã tin sự giải thích công khai mà tôi đã đưa ra sẽ

có lợi cho Đặng, và chí ít làm rõ rằng nó đã không phải là một tình huống bất hợp pháp, mà thực ra là một tình huống hợp pháp.¹

Đã có một lý do khác nữa cho tôi để đưa ra những nhận xét này: cuộc viếng thăm của Gorbachev là một thượng đỉnh giữa giữa Trung Quốc và Liên Xô. Người nào thực sự gặp Gorbachev đã có tầm quan trọng biểu tượng trong việc xác định một thượng đỉnh. Tất nhiên, cả trong lẫn ngoài nước, mọi người đã đều biết rằng “Thượng đỉnh Trung-Xô” đã là giữa Gorbachev và Đặng Tiểu Bình. Nhưng Gorbachev là Chủ tịch Liên Xô và Tổng Bí Thư của Đảng Cộng sản, trong khi Đặng đã không là Chủ tịch nhà nước cũng không là Tổng Bí thư của Đảng, mà chỉ là chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương. Ý định chân thành của tôi đã là để tuyên bố một cách nổi bật rằng thượng đỉnh đã được xác định bởi cuộc gặp giữa Gorbachev và Đặng, không phải giữa Gorbachev và bất kỳ ai khác.

Ban đầu, Bộ Ngoại Giao đã đặt kế hoạch để pha loãng thông điệp, chẳng tránh vấn đề hoàn toàn cũng không quá hình thức (formal) về nó; nó đã không được bao gồm trong tuyên bố hay bất kỳ thảo luận chính thức nào giữa hai bên. Họ yêu cầu tôi nói với Gorbachev, “Cuộc gặp của chúng ta với tư cách các Tổng Bí thư của các đảng tương ứng của chúng ta một cách tự nhiên báo cho biết sự khôi phục quan hệ giữa hai đảng chúng ta.” Nhưng vào ngày 13 tháng Năm, hai ngày trước khi tôi gặp Gorbachev, trong khi tôi đang nói chuyện với Đặng tại nhà ông về cuộc viếng thăm của Gorbachev, Đặng đã tuyên bố rằng mối quan hệ giữa hai đảng sẽ được khôi phục sau khi ông gặp Gorbachev. Việc này đã trệch khỏi kế hoạch ban đầu của Bộ Ngoại Giao. Tôi đã lưu ý cụ thể đến nhận xét này của Đặng.

Bởi vì tất cả những cân nhắc này, sau khi Gorbachev đã gặp Đặng rồi, tôi đã bắt đầu cuộc gặp của tôi với ông ta bằng việc nói rằng quan hệ giữa hai đảng chúng ta đã được khôi phục bởi cuộc

gặp của ông ta với Đặng, rằng cuộc gặp của ông ta với Đặng đã là đỉnh cao của chuyến thăm của ông ta. Một cách tự nhiên, sau đó tôi đã tiếp tục với việc thảo luận vị trí của Đặng và quyết định của Hội nghị Toàn thể thứ Nhất của Ủy ban Trung ương khóa thứ 13.

Bình luận của tôi đã có ý định giải thích hai vấn đề đồng thời: vì sao cuộc gặp của Gorbachev với Đặng đã xác định cuộc gặp thượng đỉnh và sự thực rằng vị trí tiếp tục của Đặng với tư cách người ra quyết định tối cao cho Đảng Cộng sản Trung Quốc đã là một sự quyết định của Ủy ban Trung ương, do đó hợp pháp. Vào lúc đó, tôi đã cảm thấy nhận xét của tôi đã cực kỳ thích hợp, giải quyết các vấn đề theo một cách tự nhiên.

Sau cuộc nói chuyện, ban đầu tôi đã nhận được những phản ứng tích cực. Muộn hơn, tôi biết rằng, ngược lại, Đặng và gia đình ông đã không chỉ không vừa ý với các nhận xét của tôi, mà đã bị nó chọc tức cực kỳ. Điều này đã nằm ngoài cái tôi đã có thể lường trước. Chính xác vì sao Đặng đã có ý tưởng rằng tôi đã chủ ý đẩy ông vào sự đối đầu với công chúng, trong khi tôi đang né tránh trách nhiệm riêng của tôi? Tôi còn phải tìm hiểu ai đã hay làm thế nào người đó đã tìm được cách kích động Đặng.

Những ý định của tôi đã là tốt: để duy trì và bảo vệ uy tín của ông, và để gánh vác phần trách nhiệm của tôi. Tuy vậy, nó đã bất ngờ dẫn đến một sự hiểu lầm to lớn và khiến ông cảm thấy rằng tôi đã cố ý gây tổn thương cho ông. Tôi quả thực cảm thấy buồn phiền sâu sắc bởi câu chuyện này. Tôi đã có thể chọn chẳng làm gì cả. Trong thực tế, nó đã không cần thiết. Tôi thực sự, hối tiếc sâu sắc.

Vì sao tôi đặt sự chú ý đặc biệt cho vấn đề này? Bởi vì các vấn đề khác đã do một sự khác biệt về ý tưởng và quan điểm gây ra. Vì tôi đã kiên định với lập trường của tôi, ngay cả sự sa thải tôi khỏi vị trí Tổng Bí Thư đã là có thể hiểu được. Tôi đã bắt đầu chỉ với những ý định tốt. Không quan trọng những loại bất đồng nào tôi đã có với

Đặng về vấn đề Bốn tháng Sáu, nó đã là một sự bất đồng về ý kiến chính trị.

Trước sự cố Bốn tháng Sáu, tôi đã luôn luôn cảm thấy rằng, nhìn tổng thể, Đặng đã đối xử với tôi rất tốt và đã cho thấy nhiều sự tin cậy vào tôi. Là một truyền thống Trung Quốc để coi trọng tính chính trực của danh tiếng và tính trung thực trong mối quan hệ của chúng tôi. Nếu giả như tôi đã cho Đặng ấn tượng rằng tôi đã đánh lạc hướng sự đổ lỗi giữa một khủng hoảng, thì điều này không chỉ là một ấn tượng hết sức sai về tôi, mà nó cũng đã có thể làm cho ông bất hạnh sâu sắc hoặc thậm chí sự đau đớn xúc cảm. Suy nghĩ của một người ở tuổi ông, có lẽ không lâu sẽ rời thế giới này, đau khổ vì một ấn tượng như vậy đã thực sự là không thể chịu nổi đối với tôi.

Vì thế, tôi đã viết cho Đặng vào ngày 28 tháng Năm cụ thể để giải thích các nhận xét của tôi với Gorbachev. Tuy vậy, tôi đã chỉ nói với ông một trong những cân nhắc của tôi, mà tôi đã nhắc tới ở trước, rằng tôi đã khẳng định rằng cuộc thượng đỉnh đã là chính thức giữa Đặng và Gorbachev, và bởi vì điều này, một cách tự nhiên tôi đã bình luận rằng Đặng đã vẫn là người ra quyết định chính. Tôi đã không nhắc đến sự cân nhắc thứ hai của tôi, tức là, để bác bỏ quan điểm phổ biến rằng ông đã là người khát quyền lực, tiếp tục kiểm soát Ban Thường vụ Bộ Chính trị mặc dù không là một uỷ viên của nó. Giữa sự chỉ trích công khai này, loại nào đó của sự giải thích đã là cần thiết. Đã không có trả lời nào cho bức thư tôi đã gửi đi.

Tôi vẫn hy vọng rằng trước khi ông rời thế giới này (đấy là những gì tôi đã viết xuống bảy năm trước [trong 1992]), ông hiểu ý định thật của những nhận xét của tôi với Gorbachev. Không phải bởi vì sau khi biết điều này có thể làm giảm nhẹ bất cứ thứ gì liên quan đến vụ của tôi: tôi không có mong muốn như vậy. Tôi biết rằng cho dù ông có biết sự thật, ông sẽ không thư giãn tí nào. Tôi chỉ muốn Đặng biết rằng, sau khi nhận được sự tin cậy lâu dài và sự ủng hộ

mạnh mẽ của ông, cho dù tôi đã từ chối chấp nhận quyết định của ông về đàn áp thẳng tay chống lại các cuộc biểu tình sinh viên, tôi không phải là một người mà hy sinh những người khác để bảo vệ bản thân mình trong một cuộc khủng hoảng.

Tôi tin rằng với một sự hiểu như vậy về tình hình, ông sẽ cảm thấy khoẻ hơn. Tôi chân thật không muốn thấy ông rời thế giới này với sự hiểu sai này. Thế nhưng tôi biết các cơ hội của việc ông hiểu điều này là rất, rất mỏng manh.

Đặng đã chết trong tháng Hai 1997. Triệu đã chẳng bao giờ nhìn thấy ông lần nữa sau 1989.

* Tác giả thường nói tắt “Ban Thường vụ Bộ Chính trị” thành “[Ủy] Ban Thường vụ”.

⊖

† Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản đã là một thời kỳ chấn động lớn ở Trung quốc mà đã kéo dài từ 1966 đến 1976. Được phát động bởi Chủ tịch Mao Trạch Đông, người đã bị làm cho thất vọng bởi sự kháng cự thụ động của bộ máy quan liêu của riêng ông đối với các chính sách kinh tế cấp tiến của ông, chiến dịch cực tả đã dẫn đến việc ngược đãi hàng triệu người, kể cả sự thanh trừng hàng trăm ngàn quan chức Đảng Cộng sản.

⊖

* Phong trào Ngũ Tứ (4 tháng Năm) là tên được trao cho các cuộc biểu tình toàn quốc bắt đầu từ ngày 4 (Tứ) tháng Năm (Ngũ) năm 1919 được kích động bởi Hiệp ước Versailles, mà đã được cảm nhận là không công bằng cho Trung quốc. Các cuộc biểu tình đã đánh dấu sự đổi hướng của phong trào trí thức Trung quốc hiện đại rời xa chủ nghĩa khai phóng Tây phương, hướng theo các lý

tưởng của Cách mạng Nga. Đảng Cộng sản Trung quốc xác nhận phong trào như nguồn gốc trí tuệ của nó.

1 Trong bản tiếng Anh các Trưởng Ban, Phó Ban Trung ương đều được gọi là Bộ trưởng, Thứ trưởng trong bản tiếng Việt người dịch cố để phân biệt các chức vụ Đảng với chức vụ của Chính phủ (Quốc Vụ Viện, trong bản tiếng Anh là Hội Đồng Nhà nước). Bộ trưởng Liên lạc chắc là Trưởng Ban Liên lạc.

* Hồ Khởi Lập, người đã đứng về phía Triệu trong đường lối mềm dẻo đối với các cuộc biểu tình sinh viên, người cũng đã bị thanh trừng khỏi cấp chóp bu của Đảng, mất chỗ của ông trong Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị.

1 Chính vì nghị quyết này mà Đặng đã có thể triệu tập họp và quyết định về các việc mà Triệu phê phán, ở hai chương trước, là vi phạm Điều lệ, và các Quy tắc hoạt động của Đảng (một phê phán hoàn toàn đúng và chính xác giả như không có nghị quyết này). Đáng tiếc chính nghị quyết này đã tạo tính “hợp pháp” cho những việc làm bất hợp pháp ấy. Đó là mâu thuẫn chí tử của ban lãnh đạo ĐCSTQ, kể cả của Triệu. Nói cách khác Triệu thật xuất chúng và rất đáng kính phục, nhưng ông cũng tỏ ra ấu trĩ. Chính ông phải biết hơn ai hết rằng ĐCSTQ, và nhất là Đặng Tiểu Bình, ngồi xồm lên luật và các quy định của chính nó mà ông đang dự tính dẹp bỏ với các ý định cải cách của ông mà giả như được thực hiện chúng cũng chẳng thể giải quyết được vấn đề! Triệu phải nhớ hơn bất kỳ ai về việc Đặng lập Nhóm- Năm-Người mà Triệu là trưởng nhóm thay thế BTV BCT, Nhóm-Bảy-Người để sắp xếp nhân sự sau khi buộc Hồ từ chức, và chỉ tổ chức phiên họp BCT mở rộng, chứ không phải Hội nghị toàn thể Ủy ban Trung ương để thông qua sự từ chức của Hồ đầu năm 1987, tất cả đều vi phạm quy định của ĐCSTQ. (Xem Phần 4.)

Sự cố với Gorbachev cũng cảnh cáo tất cả chúng ta về “những hệ quả không lường trước” của bất kể chính sách, thậm chí “phát ngôn” nào, mà những hệ quả tai hại “không lường trước” luôn có thể tồn tại, nhưng hẳn là có thể giảm bớt trong môi trường tự do báo chí và minh bạch hơn là trong môi trường ngược lại.

PHẦN 2

QUẢN THỨC TẠI GIA

1. Triệu Trở thành một Tù nhân

Trong vòng mấy ngày của vụ tàn sát Bốn tháng Sáu, Triệu dưới sự quản thúc tại gia, bị giấu đằng sau những bức tường cao của nhà ở có sân trong của ông, nơi ông sẽ dùng hầu hết mười sáu năm còn lại của đời ông. Ngay cả những thứ trần tục, như những cố gắng để đi đánh golf, gây ra những sự đụng độ bi hài với các nhà chức trách những người muốn ông ở xa con mắt công chúng.

Thời gian cần cho cuộc điều tra chính thức về Triệu để tiến hành—hơn ba năm—phản ánh là khó thế nào cho ban lãnh đạo, nhất là Đặng, để quyết định về số phận của Triệu. Sự sụp đổ xảy ra sau đó của Liên Xô và Khối Đông phương rõ ràng làm cứng rắn thái độ của các lãnh đạo Bắc Kinh, những người kết luận rằng bám chặt lấy quyền lực là chìa khoá cho sự sống sót của Đảng Cộng sản. Phản ứng lại bạo lực với Thiên An Môn, họ sẽ lý lẽ, đã đúng ngay từ đầu.

Nhưng cuộc điều tra Triệu kết thúc mà không có một kết luận thích hợp: các lãnh đạo Đảng rõ ràng cảm thấy rằng bất kể lời tuyên án công khai nào sẽ chỉ khuấy lên nhiều tranh cãi hơn về bản thân vụ Tàn sát Thiên An Môn. Một nghiên cứu cẩn trọng danh sách những lời buộc tội đưa ra chống lại Triệu, mà ông nêu chi tiết trong Chương này, tiết lộ rằng trong khi trên bề mặt nó có vẻ là một sự quy tội gồm nhiều phần đối với Triệu, (đọc kỹ thì thấy) nó một phần hầu như giống sự ca ngợi các hành động của ông, và chắc chắn chẳng đưa ra được bất cứ thứ gì mà có thể giúp một cuộc điều tra hình sự. Tư liệu chưa bao giờ được đưa ra công khai.



Hội nghị Toàn thể lần thứ Tư của Ủy ban Trung ương khoá 13 đã tước tất cả các chức vụ của tôi và đã quyết định để tiếp

tục điều tra. Bản thân việc này là không có tiền lệ lịch sử. Vì sự trừng phạt hành chính khắc nghiệt đã được áp đặt rồi, phải không có sự cần thiết nào nữa để tiếp tục điều tra. Nếu vấn đề đã chưa được làm rõ và đòi hỏi điều tra thêm, thì các phán xét chính trị và hành chính phải chưa được đưa ra. Tôi đoán đấy là cái bạn đã có thể gọi là “sự xử lý đặc biệt” của tôi.

Cuộc điều tra đã kéo dài toàn bộ ba năm và bốn tháng, từ tháng Sáu 1989 đến tháng Mười 1992. Trong thời gian này, tôi đã bị từ chối quyền tự do đi lại. Một mặt, họ đã nói cuộc điều tra đã là trong nội bộ đảng về bản chất. Mặt khác, tuy vậy, họ đã không đếm xỉa đến các luật của nhà nước và đã đặt tôi dưới sự quản thúc tại gia. “Một số Quy tắc Cai quản Đời sống Chính trị trong Đảng” tuyên bố rõ ràng rằng ngay cả chống lại các Đảng viên đã mắc sai lầm, không hành động vi phạm luật nào được tiến hành. Tôi không biết họ hy vọng, trong tương lai, để giải thích thế nào sự chà đạp và vi phạm thô bạo này đối với các quy chế Đảng và các luật của nhà nước.

Vào ngày 3 tháng Chín, 1989, Vương Nhâm Trọng [Phó Chủ tịch Chính Hiệp Nhân dân] và Đinh Quan Căn [Thứ Trưởng Kế hoạch Nhà nước] đã gọi tôi đến Hoài Nhân Đường [Phòng Tình thương] ở Trung Nam Hải [tổng hành dinh của Đảng] cho một cuộc nói chuyện. Họ đã thông báo chính thức cho tôi về quyết định của Hội nghị Toàn thể thứ Tư của Ủy ban Trung ương khoá 13 để thành lập một Nhóm Điều tra Đặc biệt để phụ trách một cuộc điều tra tôi. Vương Nhâm Trọng là người lãnh đạo, với sự tham gia của Trần Dã Tồn [Trưởng Ban Tổ chức] và Lí Chánh Đình [Phó Bí thư của Ủy ban Kỷ luật Trung ương].

Vào ngày 29 tháng Chín, những người này, Vương, Trần, và Lí, đã gọi tôi đến phòng họp của Cục An ninh để nói chuyện. Đó là cuộc nói chuyện đầu tiên của tôi với Nhóm Điều tra Đặc biệt. Tôi đã chẳng bao giờ thấy Trần Dã Tồn hay Lí Chánh Đình nữa. Tôi đã

nghe rằng nhóm đã được tổ chức lại, với Trần và Lí không còn dính líu nữa, nhưng tôi chẳng có cách nào để tìm hiểu vì sao.

Sau đó, Vương Nhâm Trọng đã nói chuyện riêng với tôi ba lần: vào 8 tháng Mười Hai, 1989, 14 tháng Hai, 1990, và 2 tháng Ba, 1990. Ông cũng đã gửi tôi ba lá thư, một vào 6 tháng Bảy, 1989, và các thư khác vào 8 tháng Tám, 1989, và 14 tháng Mười Một, 1989. Tôi cũng đã trả lời ông ta ba lần: 25 tháng Bảy, 1989, 1 tháng Chín, 1989, và 7 tháng Mười, 1989. Bằng phương tiện của các cuộc nói chuyện và các thư này, họ đã hỏi tôi một số câu hỏi. Tôi đã cung cấp những giải thích và sự làm rõ trong sự đáp lại.

Bên cạnh việc điều tra liệu tôi đã có thao túng cuộc biến loạn theo những cách trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc đã để rò rỉ bất kể thông tin nào ra thế giới bên ngoài hay không, cuộc điều tra đã chủ yếu tập trung vào việc vì sao tôi đã lấy một lập trường và đã phát triển một chính sách mà ngược với của Đặng. Động cơ đã là gì? Họ đã đòi rằng tôi thú nhận việc làm sai. Họ cũng đã muốn giải quyết những vấn đề từ những năm tôi đương chức, về việc tôi đã quá khoan dung với những thứ nào đó và đã cất nhắc những người nào đó những người bị cho là những kẻ tự do tư sản.

Họ đã bày tỏ sự quan tâm khao khát đến “các động cơ không thể nói ra” và “tham vọng cá nhân” của tôi. Họ đã trích những tài liệu không liên quan từ các xuất bản phẩm hải ngoại, mà họ đưa thêm vào những suy đoán riêng của họ, và đã kết luận rằng từ 1988 đã có một phong trào cả ở bên trong nước lẫn ở nước ngoài “để lật đổ Đặng và ủng hộ Triệu,” nhắm tới buộc Đặng từ chức và chuyển giao quyền lực cho tôi. Một cách không che giấu, tôi đã là ứng viên lý tưởng để lãnh đạo các lực lượng phản cách mạng trong nước và nước ngoài để khôi phục chủ nghĩa tư bản, như thế “những hy vọng đã được đặt vào tôi.”

Họ cũng đã tấn công tôi vì cái gọi là “chủ nghĩa độc đoán-mới”^{*} và đã cho rằng các nhà tự do tư sản đã coi tôi như “tân-quyền uy” của họ và rằng loạt phim thời sự TV *Hà Thương (Bi khúc Dòng sông)*[†] đã được làm để ca ngợi tôi. Họ đã tin rằng sự từ chối mãnh liệt của tôi để đồng ý với Đặng Tiểu Bình đã không phải là một sự kiện đơn nhất, mà rằng tôi đã trao đổi thông tin và cộng tác với những người từ các phong trào này suốt từ đầu. Họ cũng đã nghĩ rằng bởi vì tôi đã cảm thấy không an toàn trong chức vụ của tôi do những khó khăn kinh tế và chính trị, tôi đã thử lẩn tránh trách nhiệm và hút váng vốn chính trị bằng việc sử dụng các cuộc biểu tình sinh viên để bảo vệ bản thân tôi.

Cái gọi là “tài liệu nền” được phân phát tại Hội nghị Toàn thể thứ Tư của Ủy ban Trung ương khoá 13, cùng với “Báo cáo Bốn tháng Sáu” của Trần Huy Đồng [thị trưởng Bắc Kinh] nhân danh Quốc Vụ Viện cho Quốc hội, các bài phát biểu của Lí Tiên Niệm [lão thành Đảng có ảnh hưởng] và những người khác, và các bức thư mà Vương Nhâm Trọng đã viết cho tôi, tất cả đã nêu một cách rõ ràng cùng các câu hỏi và sự buộc tội này.

Trong những cuộc nói chuyện và các lá thư với Vương Nhâm Trọng, tôi đã bác bỏ một cách dứt khoát những sự buộc tội này và đưa ra những sự làm rõ.

Thứ nhất, đã không có thứ gì như một phong trào từ 1988 “đề lật đổ Đặng và ủng hộ Triệu.” Ai đó đã bịa ra việc này vì mục đích nào đó. Đã có quả thực nhiều lời đồn đại lưu hành trong thời kỳ đó; chúng đã nhắc, tuy vậy, không phải tới “việc lật đổ Đặng” mà thay vào đó tới “việc lật đổ Triệu.” Đã có rất nhiều thảo luận ở trong nước và ở nước ngoài về vị trí của tôi là không ổn định, rằng các quyền hạn của tôi đã bị giảm, và rằng những người bảo thủ đã áp lực lên Đặng và đòi một sự thay đổi lãnh đạo. Tôi đã viết cho họ rằng công

luận cả ở trong nước và ở nước ngoài đã luôn luôn kết nối số phận của tôi và tương lai chính trị của tôi cùng với của Đặng. “Lật đổ Đặng” và “ủng hộ Triệu” đã không thể được liên kết trong một câu nói. Nếu người ta muốn “lật đổ Đặng,” thì người ta không thể “ủng hộ Triệu” đồng thời, và ngược lại.

Thứ hai, cùng lúc các lời đồn đại lan ra mọi nơi rằng “vị trí của Triệu là không ổn định,” “quyền lực của ông ta đã bị giảm,” “ông ta không có khả năng để chỉ huy trực tiếp công việc kinh tế,” Đặng đã bộc lộ [sự ủng hộ của ông] cho tôi nhiều lần. Ông đã xác nhận không chỉ rằng ông đã không có ý định nào về việc thay đổi cấu trúc của ban lãnh đạo, mà rằng ông đã muốn tôi tiếp tục với cương vị Tổng Bí Thư cho thêm hai nhiệm kỳ.

Vừa sau Ngày Năm Mới trong 1989, Đặng đã nói cho Lí Bằng và đã yêu cầu ông ta chuyển thông điệp này cho các uỷ viên khác của Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Đây đã là sự đáp lại một cuộc họp của Ban Thường Vụ vào đầu 1989 mà tại đó Lí Bằng và Diêu Y Lâm đã chỉ trích tôi và đưa ra những lời buộc tội chống lại tôi về các vấn đề kinh tế. Khi Lí Bằng giải thích sự cố cho Đặng Tiểu Bình, Đặng đã bộc lộ các ý định của ông, mà đã là đứng cạnh tôi. Ông đã yêu cầu họ cũng ủng hộ tôi nữa.

Sát cuối tháng Giêng 1989, ngay trước khi Đặng rời đi Thượng Hải cho kỳ nghỉ Lễ hội Xuân, ông đã đích thân nói chuyện với tôi và với sự chân thành, để bảo tôi gần đây ông đã xem xét liệu ông có nên từ chức chủ tịch Uỷ ban Quân sự Trung ương và chuyển chức đó cho tôi hay không. Ông đã nói, “Nếu tôi làm việc đó, anh có thể làm việc của anh tốt hơn.”

Ông đã bày tỏ sự quyết tâm của ông và sự tin tưởng của ông vào tôi. Ông cũng đã nói rằng không có sự về hưu của ông, thì các lão thành khác sẽ chẳng về hưu, làm cho các thứ khó hơn để quản lý. Bằng việc bản thân ông về hưu, sẽ dễ hơn để thuyết phục những

người khác làm vậy. Trong cuộc trò chuyện, tôi cũng đã bảo ông rất chân thành rằng tôi cảm thấy, dù gì đi nữa, ông không nên làm điều đó: “Việc anh ở lại là có ích cho tôi.” Chúng ta đang đối mặt với những khó khăn với giá cả thị trường tăng giáng, như thế không phải là hợp thời để nêu ra vấn đề như vậy. Sự sắp xếp với các lão thành lúc đó đã thuận lợi cho công việc của tôi. Đây đã là nội dung của cuộc nói chuyện của chúng tôi vào cuối tháng Giêng 1989.

Ngay cả trong tháng Tư 1989, khi tôi đến thăm ông tại nhà ông trước chuyến đi của tôi đến Bắc Triều Tiên, ông đã bảo tôi rằng sau khi tôi quay về từ Bắc Triều Tiên, ông sẽ triệu tập một cuộc họp đặc biệt để nói về hai nhiệm kỳ tiếp theo của tôi; đã không chỉ cấu trúc ban lãnh đạo không bị thay đổi khi đó, mà tôi sẽ tiếp tục vào nhiệm kỳ tiếp theo. Ông cũng đã nói chuyện với [các lão thành Đảng] Trần Vân và Lí Tiên Niệm, những người đã bày tỏ sự đồng ý của họ.

Khi tôi viết thư cho Vương Nhâm Trọng, Đặng đã vẫn còn sống, như thế ông ta đã có thể xác minh sự thật của việc này. Dưới những hoàn cảnh này, là rõ ràng tôi đã không cảm thấy không an toàn về vị trí của tôi.

Thứ ba, tôi đã không nghĩ tình hình kinh tế đã xấu như vậy. Phải thừa nhận rằng những thành tựu to lớn đã được tạo ra trong mười năm cải cách. Sức mạnh kinh tế của quốc gia đã được mở rộng nhiều. Các tiêu chuẩn sống cũng đã tăng lên đáng kể. Tuy lạm phát lên trong năm 1988, tôi đã tin rằng tình hình đã không nghiêm trọng lắm, cũng chẳng quá khó để giải quyết. Đã không có sự thực nào với quan niệm rằng hình ảnh của tôi đã bị lu mờ do sự thất bại của tôi để quản lý nền kinh tế, đến mức rằng tôi đã phải kiếm vốn chính trị bằng việc thao túng các cuộc biểu tình sinh viên để cải thiện hình ảnh của tôi. (Quả thực đã có nhiều vấn đề với nền kinh tế năm đó. Tuy vậy, cho đến ngày này, tôi vẫn tin rằng chúng đã không nghiêm trọng đến thế, như đã được chứng minh trong thực tế về thị trường

đi xuống trong mùa xuân 1990. Tôi sẽ nói về chuyện này muộn hơn.)

Thứ tư, tôi đã nhắc nhở Vương Nhâm Trọng trong các thư của tôi rằng tôi đã ở trong Đảng nhiều thập kỷ. Đã là không thể đối với tôi để hiểu sự vận hành của chính trị mức cao bên trong Đảng. Việc thao túng các cuộc biểu tình sinh viên cho chương trình nghị sự cá nhân của riêng tôi ư? Đã không có chuyện rằng tôi đã có thể ngu dốt hay trẻ con như thế!

Thứ năm, lý do tôi đã từ chối chấp nhận phản ứng lại của Đặng đối với các cuộc biểu tình sinh viên đã, như tôi đã giải thích ở trên, là một sự khác biệt ý kiến về cả bản chất của các cuộc biểu tình và các hệ quả của một sự đàn áp thẳng tay. Tôi đã cảm thấy tôi phải có trách nhiệm với lịch sử. Tôi đã từ chối để trở thành Tổng Bí thư người đã đàn áp thẳng tay chống lại các sinh viên.

Những lời cáo buộc thô bạo nhất của Vương Nhâm Trọng đã đến trong bức thư của ông ngày 8 tháng Mười Một, 1989, mà đã tiếp theo bởi một cuộc nói chuyện vào ngày 8 tháng Mười Hai. Sau đó, tình hình đã có vẻ trở nên ít căng thẳng hơn. Có lẽ sau khi việc điều tra vụ của tôi trong một nửa năm, họ đã đi đến phát hiện ra rằng sự phân tích và những đánh giá ban đầu của họ đã không được các sự thực trụ đỡ.

Vào ngày 14 tháng Hai [1990], Vương Nhâm Trọng đã yêu cầu tôi trình bày chi tiết quan điểm của tôi về những thay đổi đột ngột mà đã xảy ra ở Liên Xô và Đông Âu. Trước cuộc nói chuyện được dàn xếp, một lô tài liệu liên quan đến các sự kiện đó được viết bởi các tổ chức nghiên cứu của Ủy ban Trung ương đã được gửi đến tôi. Vương đã cố thuyết phục tôi để viết một bản tự kiểm điểm hay, trong khi tiết lộ cho tôi rằng vài người đã gợi ý việc đuổi tôi ra khỏi Đảng. Có một bản tự kiểm điểm của tôi trong tay sẽ làm cho ông ta dễ dàng hơn để làm thay đổi ý kiến của những người này.

Tôi đã bảo Vương rằng tôi hy vọng cuộc điều tra dài sẽ kết thúc mau chóng. Bất kể việc làm sai nào mà tôi đã nhận, tôi đã thừa nhận rồi trong bài phát biểu của tôi tại Hội nghị Toàn thể thứ Tư. Nếu giả như tôi phải viết một bản tự kiểm điểm khác, nó sẽ chính xác giống như trước.

Tôi cũng đã gợi ý rằng cuộc điều tra để ý nhiều hơn đến việc tìm kiếm và kiểm tra các sự thực (sự kiện), và không được sa lầy vào cái gọi là “vấn đề thái độ” của tôi. Cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng đã bị bực mình với thái độ của bài phát biểu của tôi và đã truyền xuống rồi sự trừng phạt gay gắt hơn như một kết quả. Bây giờ họ có thể làm gì nhiều hơn trong phản ứng lại thái độ của tôi?

Lần cuối Vương Nhâm Trọng đã yêu cầu tôi cho một cuộc nói chuyện đã là vào ngày 2 tháng Năm [1990]. Vào ngày 20 tháng Hai, trước cuộc nói chuyện này, tôi đã lại viết cho Đặng, lần thứ ba. Về các bức thư của tôi cho Đặng, bức đầu tiên đã là việc chuyển tiếp các bức thư từ các cán bộ cao niên này xin ông xem xét lại phản ứng của ông đối với các cuộc biểu tình sinh viên; bức thứ hai giải thích các bình luận của tôi với Gorbachev. Trong lá thư thứ ba này, tôi đã viết yêu cầu rằng cuộc điều tra tôi được chấm dứt càng sớm càng tốt.

Vương đã thừa nhận khi chúng tôi gặp nhau rằng ông đã biết về bức thư tôi đã viết cho Đặng. Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của Ủy ban Trung ương khóa 13 [được tổ chức từ 9 đến 12 tháng Ba, 1990] được tổ chức không lâu nữa, nhưng ông đã nói rằng vấn đề của tôi không thể được giải quyết bởi Hội nghị Toàn thể. Ông thậm chí đã nhắc đến rằng đã có thể không cần thiết để giải quyết vấn đề của tôi tại một Hội nghị Toàn thể của Đảng. Tôi không biết ông ta có ý định nói gì bằng việc này. Trong mọi trường hợp, ông đã muốn truyền đạt rằng vấn đề sẽ không được giải quyết lúc đó. Các cuộc nói chuyện đã diễn ra rất điềm tĩnh.

Vào ngày 21 Sáu, Vương Nhâm Trọng đã chuyển báo cáo điều tra, “Các Vấn đề Liên quan đến Đồng chí Triệu Tử Dương và cuộc biến loạn Chính trị năm 1989.” Ông đã yêu cầu phản hồi của tôi. Tài liệu chứa ba mươi khoản.

Cho dù giả như người ta có bỏ qua nhiều sự cố tình trích dẫn ngoài ngữ cảnh, việc vắn vẹo ý nghĩa gốc của các tuyên bố, và những sự mâu thuẫn hoàn toàn với sự thực, cho dù giả như tất cả ba mươi tuyên bố đã chính xác, thì sẽ vẫn là chưa đủ để trụ đỡ cho phán quyết được đưa ra chống lại tôi về “việc ủng hộ cuộc biến loạn” và “chia rẽ Đảng.”

Vào ngày 27 tháng Sáu, tôi đã trả lời Vương Nhâm Trọng với một bức thư chứa những gợi ý của tôi cho việc xem xét lại tài liệu đã được nhắc tới ở trên. Tôi đã bác bỏ mười hai trong số ba mươi khoản. Nhưng sau đó, Vương đã chẳng bao giờ liên lạc lại với tôi nữa, cũng đã chẳng có ai khác đến để kiểm tra bất kể tài liệu nào với tôi cả. Thực ra, cuộc điều tra đã bị bỏ dở mà không có một kết luận.

Muộn hơn tôi được biết rằng sau khi Nhóm Điều tra Đặc biệt đã nộp báo cáo của nó, các lãnh đạo Ủy ban Trung ương đã xem xét việc công bố kết thúc cuộc điều tra sau Asian Games 1990 [một sự kiện nhiều môn thể thao khu vực được tổ chức năm đó tại Bắc Kinh], nhưng rồi đã bắt đầu lo về phản ứng khả dĩ, cả trong nước lẫn quốc tế. Họ cũng đã lo về việc tôi đi đi lại lại tự do và dự các hoạt động. Cộng thêm, đã có sự phản đối dữ dội của nhiều lão thành. Họ thay vào đó đã quyết định để kéo lê vấn đề mà không đi đến một kết luận; để nó treo trong một thời gian kéo dài, trong khi tiếp tục quản thúc tại gia tôi nhân danh cuộc điều tra.

Tôi đã viết ba bức thư—vào ngày 28 tháng Tám, 1990, 7 tháng Mười Hai, 1990, và 9 tháng Năm, 1991—cho Giang Trạch Dân [người đã được đưa từ Thượng Hải về để thay thế Triệu như Tổng

Bí thư Đảng], Lí Bằng, và Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, một cách tương ứng. Điểm chính của những bức thư này đã là yêu cầu một sự kết thúc cuộc điều tra và sự quản thúc tại gia và sự phục hồi quyền tự do cá nhân của tôi càng sớm càng tốt.

Tôi cũng đã nhắc đến trong những bức thư đó rằng vì nhiều thời gian đã trôi qua kể từ Hội nghị Toàn thể thứ Tư của Ủy ban Trung ương khoá 13 đã khởi động cuộc điều tra của nó, tôi đã không tin còn bất cứ thứ gì chưa được làm rõ. Tôi thực sự không hề biết cái gì đã có thể khiến cho việc điều tra tôi kéo dài lâu như vậy. Từ tháng Sáu 1990, chẳng ai đã đến để nói với tôi về các vấn đề liên quan đến cuộc điều tra, cũng đã chẳng ai đến để kiểm tra về bất kể tư liệu liên quan nào. Nếu có bất kể thứ gì vẫn chưa rõ, vì sao họ đã không chỉ hỏi tôi? Tôi đã có thể giúp để làm rõ các thứ. Chiến thuật này để kéo lê các thứ mà không có một quyết định, để treo lơ lửng vĩnh viễn nhân danh một cuộc điều tra đang diễn ra, đã không có lợi cho tôi cũng chẳng cho Đảng.

Tôi cũng đã chỉ ra rằng kể từ Hội nghị Toàn thể thứ Tư, các lãnh đạo Ủy ban Trung ương đã công bố lặp đi lặp lại cho các phóng viên trong và ngoài nước rằng tôi được đi lại tự do, và rằng tôi đã không ở dưới sự quản thúc tại gia cũng thậm chí không dưới sự quản thúc tại gia một phần. Tuy vậy, sự thật là gì? Sự thật là, kể từ Hội nghị Toàn thể thứ Tư, tôi đã liên tục bị cầm tù trong nhà tôi.

Trong quá khứ, đã là tập quán thông thường để cắt bớt các quyền tự do cá nhân của các cán bộ cấp cao có quan điểm đối lập hay đã phạm những sai lầm, đặc biệt trong Cách mạng Văn hoá. Tuy vậy, Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11 đã thừa nhận các bài học từ quá khứ này, và bây giờ, sau hơn mười năm thực hiện cải cách và với sự nhấn mạnh hiện thời lên việc thiết lập luật trị (rule of law), chúng ta không được lặp lại cách cư xử này.

Vì thế tôi đã đòi sự giải phóng của tôi ngay lập tức khỏi sự quản thúc tại gia và khôi phục lại các quyền tự do cá nhân của tôi, bất chấp liệu các cuộc điều tra có hết hay không. Tất cả những bức thư này của tôi đã rơi giống như các viên sỏi rơi vào biển cả, biến mất không có dấu vết. Chiến thuật của họ đã là đơn giản chẳng bao giờ trả lời.

Thực ra, những sự hạn chế quyền tự do đi lại của tôi đã bắt đầu ngay từ tháng Sáu 1989. Tuy vậy, tôi đã chẳng bao giờ được thông báo chính thức, và đã không có tài liệu thành văn nào về nó. Nhằm để chứng minh rằng những hạn chế này là có thực, và cũng bởi vì tôi đã cảm thấy buồn rầu do sự quản thúc tại gia kéo dài, trong tháng Mười 1990, ngay trước Asian Games, tôi đã quyết định đi chơi golf.

Khi Cục An Ninh của Văn phòng Tổng hợp phát hiện ra kế hoạch của tôi đi ra để chơi golf, họ đã báo cho thư ký làm việc trong nhà tôi để khuyên tôi đừng đi. Họ đã bảo tôi, “Đã chẳng bao giờ được nói rằng việc đi ra ngoài đã được phép.” Tôi đã trả lời rằng chẳng ai đã có bao giờ bảo tôi không được phép đi ra ngoài. Nếu đã có một quyết định như vậy, thì họ phải đưa ra cho tôi xem. Họ đã không chỉ cho tôi bất cứ tài liệu nào như vậy chứa các quyết định cấm, cũng đã chẳng để cho tôi đi ra ngoài.

Họ đã lệnh cho lái xe không chở tôi khi thời gian đến. Tôi đã cho biết rằng nếu lái xe từ chối lái, tôi sẽ đi xe bus. Tất nhiên, họ đã sợ việc này sẽ gây ra một sự huyền não công khai.

Vào lúc đó, cả Giang Trạch Dân lẫn Lí Bằng đã không ở Bắc Kinh. Họ đã hỏi Kiều Thạch [ủy viên Bộ Chính trị phụ trách an ninh] cho các chỉ dẫn, nhưng Kiều Thạch cũng đã chẳng thể ra quyết định. Ông đã yêu cầu Cục An Ninh ứng biến một quyết định phù hợp với tình hình.

Cuối cùng, Cục An Ninh đã cho phép người lái để lái xe và cử một xe cảnh sát đi theo chúng tôi. Sau khi tôi đã chơi tại Sân Golf Xương Bình, một liên doanh Trung-Nhật, nhân viên Nhật tại sân golf đã báo cáo tin cho đại sứ quán Nhật. Tin này lan ra mau chóng sau đó tới các phóng viên Nhật và các phóng viên nước ngoài khác. Tin đã được đăng chính ngày đó và đã được theo dõi với sự đưa tin của các hãng tin tức quốc tế lớn cũng như các báo ở Hong Kong và Đài Loan. Một kênh truyền hình Hong Kong thậm chí đã phát một video clip cũ về tôi chơi golf khi họ tường thuật câu chuyện.

Cả Giang Trạch Dân và Lí Bằng đã trở nên cực kỳ lo lắng. Họ đã lên án quyết định và đã bắt đầu một cuộc điều tra để tìm ra ai đã cho phép tôi đi ra ngoài để chơi golf. Sau sự rối loạn này, họ đã thông báo cho tôi bằng lời nhân danh Ủy ban Trung ương rằng tôi bị cấm đi ra ngoài trong thời gian điều tra. Với việc đó, sự thực rằng họ đã hạn chế quyền tự do của tôi và bắt tôi chịu sự quản thúc tại gia cuối cùng đã để lại một dấu vết chính thức.

Trước các phóng viên trong và ngoài nước, tuy vậy, họ đã tiếp tục cho rằng tôi đã tự do. Hiển nhiên rằng họ đã không thích để công chúng biết sự thật bởi vì họ đã biết rõ là sai.

Vào ngày 8 tháng Mười, 1992, [các uỷ viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị] Kiều Thạch và Tống Bình đã yêu cầu tôi đến Hoài Nhân Đường ở Trung Nam Hải cho một cuộc nói chuyện. Đinh Quan Căn và Lí Thết Ánh đã cũng có mặt. Kiều Thạch, đại diện Ủy ban Trung ương, đã công bố rằng Ủy ban Trung ương đã quyết định chấm dứt cuộc điều tra tôi trong khi giữ sự trừng phạt chính trị và hành chính chống lại tôi được tuyên bố bởi Hội nghị Toàn thể thứ Tư của Ủy ban Trung ương khoá 13. Sự công bố được bao gồm trong một tuyên bố công khai của cuộc họp Ủy ban Trung ương mà sắp đi đến hồi kết. Họ đã đến để thông báo cho tôi ngày trước khi nó xảy ra.

Sau khi nghe việc này, tôi đã trả lời bằng đưa ra ba điểm:

Thứ nhất, về sự trừng phạt đưa ra chống lại tôi tại Hội nghị Toàn thể thứ Tư về “việc ủng hộ náo động” và “việc chia rẽ Đảng,” tôi đã không đồng ý với nó và đã tuyên bố những sự bảo lưu của tôi. Tôi đã không thay đổi ý kiến của mình và tiếp tục có những sự bảo lưu của tôi.

Thứ hai, tôi đã yêu cầu rằng Ủy ban Trung ương công bố quyết định của nó cho các mức thích hợp bên trong Đảng trong một văn kiện chính thức. Và khi việc công bố giữ sự trừng phạt ban đầu, các sự thực mà trên đó sự trừng phạt dựa vào cũng phải được trình bày. Những sự thực mà ủng hộ sự trừng phạt ban đầu là những gì? Chúng có phải là ba mươi khoản được nêu lên? Nếu thế, tôi đòi rằng tất cả các khoản này được đưa vào văn kiện chính thức.

Thứ ba, vì cuộc điều tra đã đi đến kết thúc, các quyền tự do cá nhân của tôi phải được khôi phục ngay lập tức. Về những gì tôi phải biết về các hoạt động của tôi, Ủy ban Trung ương có thể đưa ra những gợi ý và tôi sẽ tôn trọng chúng, nhưng tôi dứt khoát sẽ không chấp nhận những quyết định phi lý và cưỡng bức để hạn chế quyền tự do của tôi.

Kiều Thạch và những người khác đã nói rằng họ sẽ chuyển sự đáp lại của tôi cho Ủy ban Trung ương và báo lại cho tôi về các kết quả.

Trong khi tôi đưa ra điểm thứ hai của tôi—yêu cầu một công bố công khai về sự trừng phạt—Kiều Thạch đã xen vào, “Anh phải nghĩ về làm sao để tránh bất kể tác động nào đến sự ổn định.” Khi tôi đưa ra điểm thứ ba của tôi đòi phục hồi các quyền tự do của tôi, họ đã nói rằng đại hội Đảng lần thứ 14 [bắt đầu 19-10-1992] sẽ thu hút nhiều phóng viên nước ngoài. “Vụ của anh là rất nhạy cảm, và sau khi tuyên bố công khai được đưa ra, có thể có nhiều phóng viên nước ngoài thăm dò quanh nhà anh.” Họ hy vọng tôi sẽ tuân thủ kỷ luật Đảng và tính đến bức tranh lớn.

Trong trả lời, tôi đã đưa ra sự kiểm chế khỏi đi ra ngoài trong thời gian đại hội Đảng thứ 14. Ngay khi nghe điều này, họ đã có vẻ thư giãn. Tổng Bình đã nói rằng sau Đại hội Đảng, các hoạt động bên ngoài của tôi có thể được tăng lên từ từ, nhằm để hạ bớt vấn đề từ từ trong một thời kỳ dài. Đó là cách cuộc nói chuyện đã kết thúc.

Muộn hơn tôi đã nghe rằng khi họ công bố kết luận của cuộc điều tra tôi và giữ sự trừng phạt ban đầu, họ đã chẳng nói gì nhiều hơn, không ngay cả trong cuộc họp Bộ Chính trị. Họ đã không phân phát các báo cáo của Nhóm Điều tra. Điều đó có nghĩa rằng sau hơn ba năm điều tra, một cách cụ thể đã phát hiện ra những gì và những sự thực nào đã trụ đỡ cho sự trừng phạt hai điểm chống lại tôi—tất cả những thứ này đã bị né tránh với chỉ sự công bố về sự kết thúc cuộc điều tra. Tất nhiên, đã không có sự phản đối nào. Tuyên bố công khai của Hội nghị Toàn thể đã nhắc tới chỉ một câu về “việc chấm dứt cuộc điều tra và việc giữ sự trừng phạt.” Đã không có tài liệu nào khác được đưa ra. Hội nghị Toàn thể của Ủy ban Trung ương đã đưa ra quyết định ban đầu để khởi động cuộc điều tra, như thế khi Hội nghị Toàn thể công bố việc đóng lại cuộc điều tra, nó phải cung cấp một báo cáo kết thúc cho Hội nghị Toàn thể. Nhưng nó đã không. Ngược lại, họ đã nói tại việc triệu tập cuộc họp rằng sẽ là đủ chỉ để nhắc vấn đề bên trong mỗi nhóm với không sự thảo luận thêm nào về vấn đề. Đánh giá từ các sự kiện này được xử lý như thế nào, tôi đã có thể thấy họ đã lo lắng đến thế nào về việc xử lý vụ của tôi. Họ đã có nhiều điều lo ngại và đã nói chỉ với sự hết sức thận trọng.

Khi Kiều Thạch công bố quyết định của Bộ Chính trị cho tôi, ông đã đọc to từ một tuyên bố được viết sẵn. Ban đầu tôi đã có ý định nghi lại khi ông đọc, nhưng ông đã đọc quá nhanh. Tôi đã sợ không có khả năng tóm mọi thứ trong khi viết, tôi đã yêu cầu Kiều Thạch cho một bản sao của tuyên bố. Kiều Thạch đã nói, “Vâng,” và đã bảo

Đồng chí ghi chép, “Cho một bản thông báo cho Đồng chí Tử Dương.” Sau đó, tuy vậy, khi tôi bảo thư ký của tôi để gọi họ để yêu cầu một bản sao thông báo, họ đã từ chối. Họ cũng đã chẳng đưa ra bất cứ giải thích nào. Tôi không biết họ đã sợ cái gì.

Căn cứ vào tình hình, tôi đã sợ họ không báo cáo trọn vẹn tuyên bố ba điểm của tôi, như tôi đã bày tỏ, đặc biệt vì ba điểm đã không dễ chịu để nghe. Vì thế khi tôi trở về từ cuộc gặp, tôi đã gửi họ ba điểm của tôi dưới hình thức một bản ghi nhớ. Tất nhiên, như thường lệ, đã không có trả lời nào.

Trong mọi trường hợp, họ đã kết thúc cuộc điều tra mà không đưa ra bất cứ tư liệu nào cho Bộ Chính trị hay cho Hội nghị Toàn thể của Ủy ban Trung ương. Sau (hơn) ba năm điều tra vào lúc kết thúc của cuộc điều tra, vì sao không đưa ra những sự thực đã nhận được cho công chúng? Thực ra, họ đơn giản đã sợ.

Những vấn đề gì họ đã thực sự khám phá ra trong ba năm điều tra của họ? Vào ngày 21 tháng Sáu, 1990, Vương Nhâm Trọng đã cung cấp cho tôi một bản thảo về Báo cáo Điều tra ba mươi khoản với một bức thư đính kèm, nói rằng nếu tôi có bất cứ sự không đồng ý nào, tôi có thể nêu chúng lên bằng viết bình luận của tôi lên tài liệu đó và chuyển trả nó cho ông.

Báo cáo Điều tra

Bản thảo đã có tiêu đề “Các Vấn đề Liên quan đến Đồng chí Triệu Tử Dương trong cuộc biến loạn Chính trị năm 1989.” Ba mươi khoản được chứa trong tài liệu đã là như sau:

1. Vào tối ngày 15 tháng Tư 15, các Đồng chí Hồ Khởi Lập và Nhuế Hạnh Văn [Bí thư Đảng Thượng Hải] đã báo cáo cho Đồng chí Tử Dương về tình hình tiếp sau cái chết của Đồng chí Hồ Diệu Bang: rằng đã có một khả năng cho các cuộc biểu tình và tụ họp đường phố và rằng ai đó có thể lợi dụng tình hình để kích động rối loạn. Họ đã gợi ý rằng Ủy ban Trung ương đưa ra một thông báo cảnh báo các chính quyền khu vực cảnh giác. Tử Dương đã không tin lời cảnh báo về sự náo động một cách nghiêm túc, và đã nghĩ việc ra một thông báo cảnh báo là không cần thiết. Vào ngày 16 tháng Tư, Bộ Công An đã tin tình hình có thể trở nên nghiêm trọng hơn và đã đưa ra một cảnh báo cho các khu vực bên trong hệ thống của Bộ Công An.

2. Trong thời kỳ lễ tưởng niệm Đồng chí Hồ Diệu Bang, những dấu hiệu về náo động đã trở nên rõ ràng hàng ngày. Nhiều Đồng chí trong Ủy ban Trung ương và trong chính quyền đô thị Bắc Kinh đã tin rằng bản chất của các sự kiện đã thay đổi rồi. Vào vô số dịp, họ đã lưu ý Triệu Tử Dương về sự cần thiết đối với Ủy ban Trung ương để có một chiến lược và kế hoạch hành động rõ ràng để ngăn chặn tình hình phát triển thêm. Tuy vậy, ông đã luôn luôn tránh bất kể thảo luận nghiêm túc nào về bản chất của vấn đề. Vào ngày 23 tháng Tư, ngay trước khi ông đi thăm Bắc Triều Tiên, các Đồng chí từ Ủy ban Trung ương lại đã gợi ý ông triệu tập một cuộc họp, nhưng ông đã từ chối.

3. Vào 19 tháng Tư, tờ *Điểm tin Kinh tế Thế giới Thượng Hải* và tạp chí *Tân Quan Sát* đã cùng tổ chức một hội nghị chuyên đề về lễ tưởng niệm Đồng chí Hồ Diệu Bang, công khai lên án Chiến dịch Chống-Tự do hoá Tư sản [1987]. Họ đã nói Chiến dịch không được lòng dân, họ đã tấn công các Đồng chí cấp cao trong Ủy ban Trung ương, đã đòi rằng Ủy ban Trung ương thú nhận các sai lầm của nó, và đã là những người đầu tiên đề xuất các nguyên tắc hướng dẫn toàn diện cho cuộc biến loạn chính trị. Vào ngày 24 tháng Tư, *Điểm tin Kinh tế Thế giới* đã viết một tường thuật chi tiết về cuộc họp này và đã vội vã công bố nó, dội lại cuộc biến loạn xảy ra ở Bắc Kinh. Vào ngày 26 tháng Tư, Thành Ủy Thượng Hải đã công bố sự trừng phạt hành chính, lệnh cho tờ báo ngừng phát hành, và tổ chức lại nhân sự của tờ báo. Việc này đã hoàn toàn đúng. Tuy vậy, sau khi Triệu Tử Dương trở về từ cuộc thăm của ông đến Bắc Triều Tiên, ông không chỉ đã từ chối ủng hộ quyết định này, mà còn cáo buộc Thành Ủy Thượng Hải về việc làm trầm trọng tình hình và chuyển tình hình theo một hướng ít thuận lợi hơn. Vào ngày 2 tháng Năm, khi ông nói chuyện về vấn đề này với Phí Hiếu Thông [Chủ tịch của Liên đoàn Dân chủ Trung Quốc] và các lãnh đạo của các đảng chính trị khác, ông đã nói, “Là tốt hơn nếu cả hai bên lùi lại với lòng tự trọng để làm dịu bớt tình hình. Gửi một thông điệp cho Thành Ủy Thượng Hải để lùi lại một cách thích hợp.” Vào ngày 11 tháng Năm, khi ông nói chuyện với Đồng chí Giang Trạch Dân [người đứng đầu Đảng ở Thượng Hải lúc đó] về *Điểm tin Kinh tế Thế giới*, ông đã nói, “tôi không đặt áp lực lên anh, cũng sẽ chẳng dính líu bản thân mình vào vấn đề này. Vấn đề là để anh xử lý. Nếu bất kỳ ai hỏi tôi về nó trong tương lai, tôi sẽ trả lời rằng tôi không biết bất cứ thứ gì.”

4. Vào ngày 3 tháng Năm, trước khi Đồng chí Triệu Tử Dương đọc bài phát biểu tại Lễ tưởng niệm lần thứ Bảy mươi Phong trào Ngũ Tứ, vài Đồng chí, Dương Thượng Côn, Lí

Bằng, Diêu Y Lâm, và Lí Tích Minh, đã nói rõ niềm tin của họ rằng cuộc náo loạn chống- Đảng, chống-chủ nghĩa xã hội mà đang nảy nở lúc đó đã là hệ quả xấu trực tiếp của sự truyền bá lâu của chủ nghĩa tự do tư sản. Vì thế, họ đã lập đi lập lại gợi ý cho Triệu rằng ông hãy dùng bài phát biểu của mình để nhắm vào chương trình nghị sự chính trị được đề xuất bởi các kiến trúc sư của cuộc náo loạn bằng cách đưa thêm nội dung lên án dứt khoát chủ nghĩa tự do tư sản {vào bài phát biểu}. Tuy vậy, Triệu đã từ chối các gợi ý này.

5. Vào ngày 23 tháng Tư, trước khi đi thăm Bắc Triều Tiên, Triệu đã gọi Bảo Đồng [trợ lý của ông] cho một cuộc nói chuyện, yêu cầu ông ta để mắt đến diễn biến của các cuộc biểu tình sinh viên. Vào ngày 30 tháng Tư, ngay sau khi Triệu trở về Bắc Kinh, Bảo Đồng đã gặp Triệu để báo cáo rằng xã luận 26 tháng Tư đã được viết với một giọng quá gay gắt, đã không luận ra các thứ một cách đầy đủ, và đã thúc giục những cảm xúc đối đầu của các sinh viên trung lập trước kia. Vài ngày muộn hơn, Triệu đã nói với Bảo Đồng rằng ông cũng cảm thấy rằng xã luận 26 tháng Tư đã có những thiếu sót.

6. Vào ngày 1 tháng Năm, Triệu đã hỏi Lí Dũng thư ký của ông về tình hình các cuộc biểu tình sinh viên. Khi thảo luận các cuộc biểu tình đường phố của sinh viên ngày 27 tháng Tư, Triệu đã nói rằng chúng đã là một dấu hiệu rằng các sinh viên đã bị bài xã luận làm tức giận, nhưng vì Ủy ban Trung ương đã đưa ra quyết định của nó, sẽ là khó để đảo ngược lập trường được bày tỏ trong bài xã luận.

7. Vào buổi chiều ngày 2 tháng Năm, Triệu Tử Dương đã tổ chức một hội nghị chuyên đề để thảo luận các cuộc biểu tình sinh viên với các lãnh đạo của các đảng chính trị khác: Phí Hiếu Thông, Lôi Khiết Quỳnh, và Tôn Khởi Mãng. Vào lúc đó Ủy ban Trung ương đã đề xuất rõ ràng rồi chiến lược về việc lấy một lập trường công khai rõ rệt chống lại cuộc biến loạn.

Triệu Tử Dương phải thực hiện chiến lược của Ủy ban Trung ương, nhưng khi một số người đã thách thức sự thích hợp của việc định rõ vấn đề của phong trào sinh viên như “náo loạn” mà không phân tích nó trước tiên, không chỉ Triệu đã không thuyết phục họ về mặt tư tưởng, ông thậm chí đã nói, “Những gợi ý của các quý vị hôm nay giúp chúng tôi hiểu kỹ hơn vấn đề,” và đã đồng ý với quan điểm của họ. Sau hội nghị chuyên đề, Triệu đã nói với Đồng chí Diêm Minh Phúc [người đứng đầu Bộ (Ban) Liên lạc] rằng sự định rõ bản chất của sự kiện do xã luận 26 tháng Tư trong *Nhân dân Nhật báo* đưa ra đã là sai, rằng có vẻ rằng các Đồng chí ở Ban Thường Vụ Bộ Chính trị đã chỉ trình bày quan điểm phiến diện của Thành Ủy Bắc Kinh khi báo cáo cho [Đặng] Tiểu Bình. Bây giờ đã rất khó để xoay chuyển tình hình. Chìa khoá đã là làm sao để thuyết phục Đồng chí Tiểu Bình. Nếu ông đã có thể chỉ nói một lần rằng tình hình đã bị đánh giá quá, thì nó sẽ thống nhất các suy nghĩ của các uỷ viên Ban Thường Vụ, và Đảng đã có thể xoay chuyển. Triệu đã yêu cầu Diêm chia sẻ quan điểm của ông với Dương Thượng Côn và đã bày tỏ hy vọng rằng Đồng chí Thượng Côn sẽ đi cùng ông đến thăm Đồng chí Đặng Tiểu Bình. Tối đó, sau khi Đồng chí Diêm Minh Phúc gặp Đồng chí Thượng Côn, ông đã báo cáo lại cho Triệu rằng câu trả lời của Đồng chí Thượng Côn đã là, quan điểm của Đồng chí Tiểu Bình về cuộc biến loạn đã được xem xét cẩn trọng rồi, và đã không thể được thay đổi.

8. Vào buổi sáng 3 tháng Năm, Triệu Tử Dương đã nói với Dương Thượng Côn về xã luận 26 tháng Tư, sau đó Triệu đã nói với Lí Dũng thư ký của ông rằng sẽ là khó để thay đổi lập trường của bài xã luận. Thay vào đó, các tác động phải được làm nhẹ bớt bằng việc xoay chuyển các thứ chậm chậm.

9. Vào sáng 4 tháng Năm, Triệu Tử Dương đã phác hoạ bằng lời và Bảo Đồng đã ghép lại bài phát biểu của Triệu để trình bày tại Cuộc họp hàng Năm của Hội đồng Thống đốc

Ngân hàng Phát triển Á châu. Không tham vấn với bất kể Đồng chí khác nào trong Ban Thường Vụ, ông đã trình bày bài phát biểu chiều hôm đó hoàn toàn trái ngược với chiến lược của Ủy ban Trung ương để chặn cuộc biến loạn. Lúc đó, sự náo loạn nghiêm trọng đã đang xảy ra rồi, nhưng ông đã nói ngược lại: “Sẽ không có sự náo loạn lớn nào ở Trung Quốc. Tôi có sự tin tưởng hoàn toàn vào điều này.” Ủy ban Trung ương đã cho biết rõ ràng rằng cuộc biến loạn đã nhắm vào việc làm xói mòn sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, bác bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhưng ông đã nói, “Chúng hoàn toàn không chống lại hệ thống cơ bản của chúng tôi, mà đúng hơn yêu cầu chúng tôi sửa chữa những thiếu sót trong công việc của chúng tôi.” Khi tất cả các loại sự kiện đã chứng tỏ rồi rằng một thiểu số bé tẹo của những người đang thao túng các cuộc biểu tình sinh viên để gây ra sự náo loạn, ông đã vẫn nói, “Là không thể tránh khỏi rằng một số người đã có thể thử thao túng các hành động của các sinh viên.” Sau bài phát biểu của mình, Triệu đã đích thân chỉ thị cho phóng viên của Tân Hoa Xã để công bố nguyên vẹn bài phát biểu gốc. Việc này đã tạo thành một sự phơi bày về sự bất đồng ý kiến của ông với Ủy ban Trung ương. Sau khi bài phát biểu được công bố, các cán bộ, các Đảng viên, và dân chúng đã phản ứng một cách rộng rãi với sự rối loạn tư duy bởi vì đã có vẻ có hai tiếng nói khác nhau bên trong Ủy ban Trung ương. Một số đại học đã công bố một sự tẩy chay các lớp học và các cuộc biểu tình đường phố đã lại nổi lên. Toàn bộ tình hình đã trở nên tồi tệ hơn.

10. Vào sáng 5 tháng Năm, Triệu Tử Dương đã gặp hiệu trưởng Đại học Bắc Kinh Đinh Thạch Tôn và phó hiệu trưởng Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Hứa Gia Lộ. Triệu đã nói, “tôi đã chủ ý thử làm giảm căng thẳng với bài phát biểu của tôi tại cuộc Họp hàng Năm của Ngân hàng Phát triển Á châu. Chúng ta không nên bàn luận bản chất của phong trào này

giờ. Thành thực, chúng ta thậm chí không biết thiếu số bé tí là những ai.”

11. Trong chiều 5 tháng Năm, Đồng chí Triệu Tử Dương đã tự mời mình đến hội nghị chuyên đề thành viên của các nhân viên trẻ từ vài đại học Bắc Kinh do Ủy ban Trung ương của Liên đoàn Dân chủ Trung Quốc tổ chức. Một số người đã bày tỏ sự phản đối xã luận 26 tháng Tư và ủng hộ bài phát biểu ADB của Triệu. Khi cuộc họp kết thúc, Triệu đã nói, “Mọi người đã nói hay. Cảm ơn!” Bằng cách ấy ông đã lên tiếng đồng ý với những ý kiến được bày tỏ trong cuộc họp.

12. Ngay cả khi tình hình với cuộc biến loạn đã trở nên xấu đi, và với các báo cáo tuyên truyền trong một số xuất bản phẩm đã bắt đầu hướng theo một hướng sai rõ ràng, vào sáng 6 tháng Năm, Triệu Tử Dương đã gọi Hồ Khởi Lập và Nhuế Hạnh Văn cho một cuộc nói chuyện, và đã nói với họ, “Hiện thời, quyền tự do báo chí là một vấn đề nóng. Chúng ta đã có thể học vài bài học từ tin tức báo chí gần đây. Vào lúc bắt đầu, sự kiểm soát đã chặt hơn, nhưng rồi nó đã trở nên được nới lỏng hơn. Các cuộc biểu tình đường phố đã được tường thuật, và báo chí có vẻ đã trở nên cởi mở hơn. Không có rủi ro lớn trong việc này.” Thậm chí ông đã nói, “Khi đối mặt với những mong muốn phổ biến của nhân dân, và xu hướng tiến bộ khắp thế giới, việc duy nhất chúng ta có thể làm là quản lý tình hình bằng việc đáp lại hoàn cảnh. Các cuộc biểu tình sinh viên đã làm nổi bật một vấn đề: nhân dân mạnh mẽ đòi hỏi cải cách và lo về sự do dự tổng thể của cải cách.” Vào ngày 9 tháng Năm, Hồ Khởi Lập đã sắp xếp các nhận xét của Triệu thành một bản tóm tắt mà đã được phân phát cho các tổ chức báo chí sau khi Triệu đã kiểm tra và chấp thuận nó. Vào ngày 12 tháng Năm, Đồng chí Hồ Khởi Lập và Nhuế Hạnh Văn [một bí thư của Ban Bí thư Trung ương Đảng] đã tóm tắt cho các lãnh đạo của các tổ chức báo chí Bắc Kinh tại một cuộc họp đối thoại. Vào lúc đó, hơn một ngàn người từ các tổ chức báo chí Bắc Kinh đã ký một kiến

ngộ và đã xuống đường để phản kháng. Một số báo đã đăng những bài tấn công Đảng và chính phủ, làm cho tuyên truyền và công luận trở chiều thậm chí ra ngoài tầm kiểm soát hơn. *Nhân dân Nhật báo* và nhiều tổ chức tin tức khác đã đưa tin các cuộc phản kháng đường phố, các cuộc toạ kháng, và các cuộc tuyệt thực một cách bao quát, bày tỏ sự ủng hộ cho các cuộc biểu tình và xúi giục ngày càng nhiều người tham gia. Trật tự xã hội của Bắc Kinh đã rơi vào sự hỗn loạn hoàn toàn.

13. Vào ngày 21 tháng Tư và lần nữa vào ngày 12 tháng Năm, Đồng chí Triệu Tử Dương đã gặp Đồng chí Đỗ Nhuận Sanh [người đã dẫn đầu các cố gắng để cải cách các chính sách nông thôn] để thảo luận các cuộc biểu tình sinh viên. Sau các cuộc gặp này, Đồng chí Đỗ Nhuận Sanh đã hai lần triệu tập cuộc họp tại Hội trường Khoa học, mỗi lần với hơn mười người tham dự, để nói về các ý tưởng của Triệu. Họ đã thảo luận các đánh giá của họ và đưa ra những gợi ý cho việc xử lý các cuộc biểu tình sinh viên. Triệu đã rất tán thành các gợi ý của mọi người và đã hy vọng biến các cuộc biểu tình sinh viên thành một điểm ngoặt cho việc giải quyết nhiều vấn đề quan trọng lúc đó dưới sự chú ý cao độ của công chúng.

14. Ban Thường Vụ Bộ Chính trị đã tổ chức một cuộc họp vào ngày 8 tháng Năm để nghe một báo cáo được Nhóm Ngăn chặn Biến loạn chuẩn bị. Những gì họ phải làm đã là thảo luận làm thế nào để chấp nhận các biện pháp kiên quyết để ngăn chặn cuộc biến loạn, nhưng Triệu Tử Dương thay vào đó đã nói mạnh mẽ về cái gọi là các nỗ lực “chống-tham nhũng.” Vào ngày 10 tháng Năm, Bộ Chính trị đã tổ chức một cuộc họp trong đó Triệu đã báo cáo về cuộc họp Ban Thường Vụ ngày 8 tháng Năm và đã đề xuất sáu biện pháp cụ thể cho việc chống tham nhũng và thúc đẩy cải cách chính trị. Các biện pháp này đã không được thảo luận và thống nhất tại cuộc họp Ban Thường Vụ.

15. Trong hai cuộc họp này, câu hỏi về làm thế nào để đáp lại các tổ chức sinh viên bất hợp pháp đã được nêu lên nhiều lần. Đồng chí Triệu Tử Dương đã nói, “Ở nhiều chỗ nơi các hội sinh viên địa phương chính thức không thể có được sự ủng hộ đa số, các cuộc bầu cử lại có thể được tổ chức. Họ không được sợ việc từ chức và để cho những người khác tiếp quản như một kết quả của các cuộc bầu cử.”

16. Vào ngày 9 và 10 tháng Năm, một hội nghị chuyên đề về Nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội đương đại đã được tổ chức ở Bắc Kinh. Đã được đề xuất trong cuộc họp rằng cải cách xã hội chủ nghĩa phải vượt qua các rào cản trên con đường tới một nền kinh tế thị trường và dân chủ; rằng các vấn đề của dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền tự do, và các quyền con người đã đều quan trọng và có ý nghĩa. Triệu Tử Dương đã gặp các Đồng chí tham dự hội nghị chuyên đề và đã nói, “Bài học chính chúng ta phải học từ cuộc phản kháng sinh viên này là, chúng ta phải đẩy nhanh quá trình cải cách chính trị.” Số 12 tháng Năm của *Nhân dân Nhật báo* đã đăng một bài viết hàng đầu mà đã đưa tin cuộc họp, với tiêu đề “Cải cách Phải Vượt qua các Rào cản trên con Đường tới Nền kinh tế Thị trường và Dân chủ.” Trong thực tế, nó đã cung cấp nền lý luận cho cuộc biến loạn, và đã giúp sự leo thang của cuộc biến loạn.

17. Vào chiều ngày 16 tháng Năm, Đồng chí Triệu Tử Dương đã gặp Gorbachev. Ngay khi cuộc trò chuyện bắt đầu, ông đã nói. “Về các vấn đề quan trọng, Đảng vẫn cần Đặng Tiểu Bình ở bán lái. Kể từ Đại hội Đảng thứ Mười ba, bất kể khi nào chúng tôi giải quyết các vấn đề lớn, chúng tôi đã luôn luôn báo cho Đồng chí Đặng Tiểu Bình biết và yêu cầu sự hướng dẫn của ông.” Ông cũng đã nói rằng đây là lần đầu tiên từ trước đến giờ ông đã tiết lộ quyết định này của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Ngày sau các cuộc đàm phán, các khẩu hiệu được dùng trong các cuộc phản kháng đường phố đã tập trung vào các cuộc tấn công chống lại Đồng chí Đặng

Tiểu Bình. Các khẩu hiệu như “Lật đổ Đặng Tiểu Bình!” và “Ủng hộ Triệu Tử Dương!” đã tràn ngập các cuộc phản kháng đường phố và Quảng trường Thiên An Môn.

18. Vào tối ngày 16 tháng Năm, Ban Thường Vụ Bộ Chính trị đã tổ chức một cuộc họp khẩn cấp. Đồng chí Triệu Tử Dương đã gợi ý nói với các sinh viên rằng xã luận 26 tháng Tư đã sai. Ông đã gợi ý để nói rằng bản thảo của bài xã luận đã được gửi sang Bắc Triều Tiên cho việc chấp thuận của ông, và rằng ông chịu hoàn toàn trách nhiệm. Ông đã nói lặp đi lặp lại rằng xã luận 26 tháng Tư đã có những vấn đề mà đã là cần thiết cho chúng một sự giải thích, và rằng không làm bước này, thì không sự tiến bộ nào có thể đạt được. Nếu tình hình không được xoay chuyển, sẽ không có đường ra nào.

19. Vào buổi chiều ngày 17 tháng Năm, Ban Thường Vụ Bộ Chính trị đã tổ chức một cuộc họp khác. Đồng chí Triệu Tử Dương đã tiếp tục giữ lập trường sai của ông trong khi đa số các Đồng chí trong Ban Thường Vụ hăng hái phản đối ông. Họ đã tin rằng việc tiếp tục chùn lại sẽ dẫn đến sự chấn động lớn toàn quốc và những hệ quả không thể tưởng tượng được. Đồng chí Đặng Tiểu Bình đã nhiệt tình ủng hộ lập trường của đa số các Đồng chí trong Ban Thường Vụ. Để chấm dứt cuộc biến loạn, cuộc họp đã quyết định triệu một phần quân đội để đóng ở bản thân Bắc Kinh và quân luật được áp đặt trên những quận nào đó của thành phố. Triệu đã tin, ngược lại, rằng việc áp đặt quân luật sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Ông đã tuyên bố rằng ông không có khả năng thực hiện điều này.

20. Sau cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị ngày 17 tháng Năm, Đồng chí Triệu Tử Dương đã bỏ qua nghị quyết của Ban Thường Vụ và đã dám ngay lập tức kiến nghị từ chức. Ông đã yêu cầu Bảo Đảng để soạn một bức thư từ chức, mà sau đó ông đã ký và gửi đi ngay lập tức. Ngày tiếp

theo, sau khi bị Đồng chí Dương Thượng Côn phê phán, Triệu đã rút lại bức thư.

21. Cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị ngày 17 tháng Năm đã đưa ra chiến lược lớn của Ủy ban Trung ương. Đồng chí Đặng Tiểu Bình đã đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết cho mọi Đồng chí trong cuộc họp để giữ bí mật nghiêm ngặt. Tuy vậy, Đồng chí Triệu Tử Dương đã nói cho Bảo Đông và Trương Nhạc Kỳ thư ký của ông, “Cuộc họp Ban Thường Vụ chiều nay đã ra một nghị quyết. Tôi đã bị phê phán gay gắt trong cuộc họp. Ban đầu tôi đã đề xuất một sự nói lỏng lập trường được đưa ra trong xã luận 26 tháng Tư, để làm cho các vấn đề có thể quản lý được hơn, nhưng đề xuất của tôi đã bị bác bỏ. Ban Thường Vụ đã phê phán tôi, nói bài phát biểu Ngũ Tứ đó của tôi đã làm trầm trọng tình hình. Tôi đã nêu những sự bảo lưu của tôi về vấn đề.” Ông cũng đã nói với Bảo Đông rằng Lí Bằng đã lên án Bảo Đông về việc tiết lộ bí mật. Sau khi Bảo Đông trở về [công việc của ông tại] Văn phòng Nghiên cứu Cải cách Chính trị, ông đã lập tức triệu tập một số nhân viên của ông cho một cuộc họp. Ông đã nói rằng ai đó đã buộc tội ông về việc tiết lộ bí mật và rằng ông có thể bị sa thải khỏi chức vụ của ông không bao lâu nữa và sẽ bị đặt dưới sự điều tra của Ủy ban Trung ương. Ông đã nói lời chia tay với họ. Ông đã tiết lộ cho vài người rằng đã có một sự bất đồng ý kiến giữa các ủy viên Ban Thường Vụ và rằng kiến nghị của Triệu đã bị bác bỏ.

22. Vào ngày 18 tháng Năm, Triệu Tử Dương đã viết một bức thư cho Đặng Tiểu Bình, tiếp tục kêu gọi thay đổi sự định rõ bản chất của các sự kiện được đưa ra trong xã luận 26 tháng Tư. Trong bức thư, ông đã nói rõ rằng các đòi hỏi của các sinh viên, các vấn đề cốt yếu mà cần được giải quyết nhằm chấm dứt cuộc tuyệt thực đã là loại bỏ các nhãn và thay đổi sự định rõ nêu trong xã luận 26 tháng Tư, và thừa nhận rằng các hoạt động của họ là yêu nước: “tôi đã cân nhắc điều này cẩn trọng, và cảm thấy rằng chúng ta phải,

dầu đầu đến thế nào, quyết tâm để đưa ra sự nhượng bộ này.”

23. Trong sáng sớm ngày 19 tháng Năm, Đồng chí Triệu Tử Dương đã thăm các sinh viên tiến hành cuộc tuyệt thực ở Quảng trường Thiên An Môn. Ông đã nói với các sinh viên rằng vấn đề đối với bản chất và trách nhiệm của các cuộc biểu tình rồi đây sẽ được giải quyết. Ông cũng đã nói, “Các bạn vẫn còn trẻ, và có những tương lai dài ở phía trước các bạn, không giống chúng tôi; chúng tôi đã già rồi và không còn quan trọng nữa.” Bằng cách ấy ông đã tiết lộ rằng đã có những sự khác biệt giữa ban lãnh đạo mức cao nhất của Đảng và rằng ông có thể từ chức.

24. Vào tối ngày 19 tháng Năm, Ủy ban Trung ương Đảng và Quốc Vụ Viện đã tổ chức một cuộc họp của các cán bộ trong Đảng và các tổ chức chính trị để công bố quyết định được Ủy ban Trung ương đưa ra để có những biện pháp kiên quyết để chặn cuộc biến loạn. Trước cuộc họp, Ban Thường Vụ Bộ Chính trị đã lặp đi lặp lại thử thuyết phục Đồng chí Triệu Tử Dương để tham dự vào cuộc họp này, nhưng Triệu đã từ chối. Điều này, vì thế, đã tiết lộ ý định của ông để công khai chia tay với Đảng.

25. Vào ngày 19 tháng Năm, Đảng Bộ của Ban Thường Vụ Quốc hội đã viết một yêu cầu xin Ban Thường Vụ Bộ Chính trị chỉ đạo, trong đó đã gợi ý rằng Đồng chí Vạn Lý, bởi vì tình hình khủng hoảng, chấm dứt các cuộc thăm nhà nước ở nước ngoài và trở về nước. Vào ngày 12 tháng Năm, Hồ Khởi Lập đã hỏi Đồng chí Triệu Tử Dương trả lời thế nào cho lời thỉnh cầu. Lúc đó, Triệu đã xin nghỉ phép rồi. Không tham vấn với Đồng chí Lí Bằng, người đã phụ trách công việc của Ủy ban Trung ương và đã được phân công các trách nhiệm đối ngoại, ông đã tự nhận trách nhiệm để đồng ý gửi một điện tín cho Vạn Lý yêu cầu rằng ông quay về trước kế hoạch.

26. Vào sáng ngày 12 tháng Năm, Triệu Tử Dương đã nói với Diêm Minh Phúc nếu các cuộc biểu tình sinh viên kéo lê thê, và tiếp tục trong một thời gian dài, không có cách nào để tiên đoán các hệ quả. Cách duy nhất để làm dịu bớt tình hình đã là để tổ chức một cuộc họp Ban Thường Vụ Quốc hội.

27. Vào ngày 12 tháng Năm, Triệu Tử Dương cũng đã nói cho Lí Dũng thư ký của ông, “tôi nghĩ chúng ta phải tổ chức một cuộc họp Bộ Chính trị nữa” và đã yêu cầu Bảo Đổng để thảo một bài phát biểu cho ông. [Khoản 28 không được nhắc tới trong băng ghi âm.]

29. Đồng chí Triệu Tử Dương đã nhấn mạnh rằng phải có ít sự kiểm soát hơn đối với và ít sự can thiệp vào văn học và các công trình nghệ thuật.

30. Vài người mà đã ngoan cố duy trì chủ nghĩa tự do tư sản suốt hàng năm đã được Triệu Tử Dương ca ngợi, giao phó những trách nhiệm nặng, và bảo vệ. Trong số những người này đã là Nghiêm Gia Kỳ [học giả khai phóng] và Trần Nhất Tư [người đứng đầu think tank cải cách kinh tế của Triệu], những người đã trở thành những nhân vật quan trọng trong việc bày mưu cuộc biến loạn và tổ chức các hoạt động âm mưu trong thời gian náo loạn này. Sau khi đàn áp cuộc nổi loạn phản cách mạng, những người này đã trốn ra nước ngoài, và tiếp tục thực hiện các hoạt động hung hăng chống lại Đảng Cộng sản Trung quốc và chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc. Bảo Đổng, người đã luôn luôn được Triệu tin cậy và trao những trọng trách, đã tấn công Lí Bằng và các lãnh tụ khác của Đảng và nhà nước sau khi công bố quân luật, cùng với Trần Nhất Tư và những người khác.

Trên đây là cái gọi là “các sự thực và bằng chứng” để ủng hộ phán quyết chống lại tôi về “việc ủng hộ sự náo loạn” và “chia rẽ Đảng” được tìm thấy như kết quả của cuộc điều tra kéo dài. Cho dù người ta có bỏ qua bao nhiêu trong số ba mươi khoản mâu thuẫn

với sự thực này, cho dù chúng giả như đều có thật, thì theo cách nhìn của tôi, chúng vẫn đã không đủ để ủng hộ phán quyết được đưa ra chống lại tôi.

2. Cuộc Chiến đấu Đơn độc của Triệu

Đảng Cộng sản khởi động một chiến dịch dài hạn để về cơ bản xoá sự kiện Thiên An Môn khỏi lịch sử. Một bước đầu tiên gồm việc hạn chế các quyền tự do của cựu Tổng Bí Thư người đã phản đối sự đàn áp thẳng tay—vô hiệu hoá ông như một lực lượng chính trị. Sau khi Đặng chết, trong năm 1997, Triệu viết một lá thư cho Đảng Cộng sản đưa ra một lời kêu gọi cuối cùng cho các cựu đồng nghiệp của ông—nhiều trong số họ một thời đã ủng hộ lập trường của ông—để đảo ngược lời phán quyết chính thức gay gắt về sự cố Thiên An Môn. Nhưng chính trị của Trung Quốc đã chuyển theo một hướng mới. Người thay thế Triệu, Giang Trạch Dân, người có được vị trí của ông nhờ các sự kiện 1989, có lẽ thấy bức thư như một thách thức đối với quyền lực của ông và trả đũa bằng việc đặt những hạn chế thêm lên quyền tự do của Triệu.



Sau khi cuộc điều tra kết thúc, họ đã tiếp tục bắt tôi phải chịu sự quản thúc tại gia, hạn chế các quyền tự do cá nhân của tôi.

Trong khi cuộc điều tra đang được tiến hành, họ đã giam giữ tôi ở nhà suốt ba năm. Với cuộc điều tra kết thúc, các quyền tự do cá nhân của tôi cơ bản phải được khôi phục. Tôi đã nêu vấn đề rồi về việc khôi phục các quyền tự do cá nhân của tôi khi Kiều Thạch và Tống Bình đã đến để công bố sự kết thúc điều tra tôi. Họ đã không nói bất cứ thứ gì vào lúc đó trừ gợi ý rằng việc mở rộng các quyền tự do của tôi sẽ từ từ sao cho tác động được giảm nhẹ.

Thực ra, ngay khi họ công bố chấm dứt cuộc điều tra, ngay lập tức họ đã đề ra sáu quy tắc để hạn chế các hoạt động của tôi. Tuy vậy, trong khi họ áp đặt sáu quy tắc này, họ đã chẳng bao giờ đưa

chúng cho tôi cũng đã không nói, mặt đối mặt, với tôi về chúng— có lẽ bởi vì họ cảm thấy có tội và đã sợ bị tóm với bằng chứng mà đã có thể được phơi ra cho thế giới bên ngoài và thu hút sự chú ý của báo chí quốc tế và trong nước.

Thay vào đó, họ đã chỉ thị Cục An Ninh của Văn phòng Tổng hợp và nhân viên nhà tôi để thực hiện chúng. Tất nhiên, các Đồng chí làm việc trong nhà tôi đã buộc phải tuân theo các lệnh từ trên. Nhưng bởi vì họ không được cho là nói rằng đây đã là các quy tắc được áp đặt bởi các thượng cấp của họ, họ đã thường mè nheo tôi với những lời xin lỗi nguy tạo. Bởi vì họ đã hành động phi lý đến vậy, trong một giai đoạn đã thường có sự va chạm và đối đầu giữa tôi và họ. Muộn hơn, tôi đã phát hiện ra rằng không cần đổ lỗi cho họ, bởi vì họ đã chỉ thực hiện các mệnh lệnh từ trên.

Tôi đã cảm thấy rằng họ phải nói cho tôi cụ thể các quy tắc đã là gì—cái gì được phép và những gì không—để tôi có thể hiểu. Thí dụ, sau khi cuộc điều tra đã kết thúc, tôi yêu cầu một chuyến đi đến Quảng Đông vào mùa đông bởi vì vấn đề khí quản của tôi, khiến tôi bị ho nặng trong mùa đông khô ở miền bắc nhưng được cải thiện nhiều trong khí hậu miền nam. Họ đã đáp lại bằng nói rằng Chris Patten [thống đốc thuộc địa cuối cùng của Hong Kong] đã đang thử mở rộng các cuộc bầu cử dân chủ ở Hong Kong [ngang biên giới từ Quảng Đông], cho nên tình hình rất tế nhị; vì thế, đã không thuận tiện cho tôi để đi đến Quảng Đông.

Tôi đã nghĩ điều đó thật lố bịch! Bất cứ thứ gì Chris Patten làm ở Hong Kong là một vấn đề về công việc đối ngoại; có liên quan gì đến việc tôi ở Quảng Đông? Nhưng họ đã khẳng khẳng nói, “Ông không nên đi Quảng Đông, nhưng okay cho ông để đi Quảng Tây, Vân Nam, hay Quý Châu.”

Tôi đã quyết định đi Quảng Tây, nhưng ngay khi tôi chuẩn bị đi, họ đã đưa thêm một quy định nữa: rằng tôi bị hạn chế trong thành

phố Nam Ninh ở Quảng Tây. Trong thực tế, sau khi tôi đến Nam Ninh, họ đã sử dụng mọi công cụ có thể để cản tôi đi bất cứ nơi nào khác.

Sau khi tôi trở về Bắc Kinh, tôi đã muốn đi chơi golf tại Sân Golf Xương Bình nhưng được bảo là không được phép. Tôi đã hỏi một quy tắc như vậy đến từ đâu. Họ không nói cho tôi, nhưng tiếp tục nói rằng tôi không thể đi. Tôi gọi sĩ quan an ninh Vương Đồng Hải (Thông Hải?) và bảo ông ta tôi muốn đưa ra một tuyên bố. Nội dung của tuyên bố đã là như sau:

Ngày hôm nay Cục An Ninh đã ngăn cản tôi đi đến Xương Bình để chơi golf. Tôi đã thậm chí không được phép đi đến Sân Golf Thuận Nghĩa (cũng được người Nhật quản lý), nơi tôi đã đi tháng Mười Hai vừa qua. Tôi tin đây là một trường hợp Cục An Ninh tiến hành các hoạt động vượt thẩm quyền của nó, vi phạm các ý định của Ủy ban Trung ương. Họ thậm chí đã răn bảo tôi xem xét bức tranh lớn hơn. Tôi không biết các vị có thể giải thích điều này thế nào! Năm ngoái, trong thời gian đại hội Đảng thứ 14, khi Kiều Thạch và bốn Đồng chí cấp cao đến để nói chuyện với tôi, tôi đã đưa ra một cách rõ ràng một đòi hỏi để các quyền tự do của tôi được khôi phục khi chấm dứt cuộc điều tra. Về các hoạt động của tôi, tôi sẵn sàng xem xét những hệ quả. Nếu đã có những gợi ý của ban lãnh đạo trung ương, tôi sẽ tôn trọng chúng, nhưng tôi tuyệt đối sẽ không chấp nhận bất kể quy tắc ép buộc tùy tiện nào để hạn chế quyền tự do của tôi. Lúc đó, bốn Đồng chí cấp cao đã không đưa ra phản đối nào đối với tuyên bố của tôi. Tôi không hiểu quyền hạn nào mà Cục An Ninh đã cản trở tôi đi chơi golf hôm nay. Tôi sẽ không chấp nhận bất kể sự hạn chế tương tự nào trong tương lai.

Tôi đã yêu cầu Vương Đồng Hải chuyển trọn vẹn thông báo này cho các thượng cấp của ông ta.

Lần khác, tôi đã hỏi để đi đến Câu Lạc Bộ Yang Feng Jia Dao để chơi bida. Đầu tiên họ đã từ chối, nhưng tôi đã cố đòi. Họ bảo lái xe sẽ không đưa tôi đi. Tôi bảo tôi có thể đi xe bus. Cuối cùng họ đã bằng lòng, nhưng họ đã hạn chế vào hai phiên buổi sáng một tuần. Tôi đã đi hai hay ba lần, trong thời gian đó tôi đã không thấy một ai trong câu lạc bộ. Muộn hơn tôi biết rằng họ đã bỏ trống câu lạc bộ, ngăn cản các Đồng chí khác ở đó để tạo ra một loại “nơi riêng tư” chỉ cho tôi. Vì sao? Bởi vì Câu lạc bộ Yang Feng Jia Dao đã là một câu lạc bộ cho các cán bộ cấp cao già, và họ đã sợ rằng tôi sẽ gặp những người quen và các bạn già. Tất nhiên họ chắc chắn đã không thể ngây thơ đến mức để tin rằng vào lúc chạm mặt những người này, tôi sẽ lao vào các bài phát biểu khiêu khích và bắt đầu tổ chức một mạng lưới.

Sự lo âu về cái được cho là “tác động” [của bất kể cuộc đi chơi nào] đã là lý do biện hộ họ đưa ra để che đậy kế hoạch của họ rằng tôi chẳng bao giờ xuất hiện trước công chúng nữa—sao cho nhân dân sẽ từ từ quên tôi, ném tôi vào quên lãng qua việc bắt phải câm họng. Cái gọi là “sợ tác động” đã ngụ ý rằng mọi tiếng động về tên tôi sẽ gây ra sự bất ổn định xã hội.

Có lẽ cuối cùng họ đã nhận ra rằng việc tiếp tục sự dàn xếp này đã không có ích, và rằng có thể tốt hơn để làm rõ vấn đề. Mãng Hiến Trung từ Đảng bộ của Văn phòng Tổng hợp của Ủy ban Trung ương đã được cử đi để công bố lập trường của Văn phòng Tổng hợp, tức là, sáu quy tắc cho việc hạn chế các hoạt động của tôi. Bốn khoản đã xác định cụ thể các hạn chế đối với tôi:

1. Có thể tiếp khách ở nhà, nhưng không được tiếp phóng viên nào hay người nước ngoài nào.
2. Các hoạt động ở ngoài cần một sự hộ tống của các bảo vệ từ Cục An Ninh. Được phép dạo chơi trong các công viên

ngoại ô. Tuy vậy, các bảo vệ phải ngăn chặn việc đến thăm những nơi đông người.

3. Xét rằng các sân golf ở khu vực Bắc Kinh tất cả được các công ty đầu tư nước ngoài quản lý hay là các liên doanh, và những người chơi trên các sân này tất cả là những người nước ngoài hay những người từ Hong Kong hoặc Macau, vì thế khuyến nghị rằng trong tương lai gần, các sân golf này được tránh. Như một thay thế, sân golf Thuận Nghĩa, được vận hành bởi các nông dân Trung Quốc địa phương, có thể được sử dụng.

4. Việc du hành ngoài Bắc Kinh có thể được dàn xếp, nhưng hiện nay, chỉ tới các tỉnh nội địa. Các khu vực duyên hải hay nhạy cảm phải được tránh. Một hành trình cụ thể phải được Ủy ban Trung ương chuẩn y.

Bởi vì đây là những quy tắc chính thức do Ủy ban Trung ương đưa ra để hạn chế quyền tự do của tôi, tôi đã đáp lại bằng một lá thư cho Giang Trạch Dân và Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Bức thư của tôi là như sau:

1. Vào ngày 25 tháng Sáu, phó bí thư Đảng bộ của Văn phòng Tổng hợp, Đồng chí Mãng Hiến Trung, đã đọc nhiều quy tắc cho việc hạn chế các hoạt động của tôi mà đã có sự chuẩn y của Ủy ban Trung ương. Chỉ khi đó tôi mới biết rằng sau khi kết thúc việc điều tra tôi, nhiều hạn chế đối với quyền tự do cá nhân của tôi đã tiếp tục tồn tại, và được thực hiện phù hợp với các quy tắc được Ủy ban Trung ương chuẩn y. Tôi tin, tuy vậy, rằng các quy tắc này không tương thích với các nguyên tắc rằng Đảng phải hoạt động bên trong các giới hạn của hiến pháp và luật. Chúng cũng vi phạm nguyên tắc rằng “không sự đối xử nào, mà vi phạm kỷ luật Đảng và luật, được dùng chống lại một Đảng viên.” (Xem Điều số 10, “Một số Quy tắc Cai quản Đời sống Chính trị trong Đảng” do Ủy

ban Trung ương ban hành.) Vì thế, tôi đòi rằng Ủy ban Trung ương xem xét lại và thu hồi các quy tắc này.

2. Các quy tắc cấm tôi khỏi các sân golf đầu tư nước ngoài hay liên doanh “trong tương lai gần.” Tôi “hiện thời” cũng không được phép đi đến các tỉnh duyên hải. Tôi không có ý tưởng nào về các cụm từ “tương lai gần” và “hiện thời” có nghĩa là gì. Các quy tắc này được đưa trong tháng Mười năm ngoái; từ khi đó tám tháng đã trôi qua. Ý nghĩa gì các cụm từ “tương lai gần” hay “hiện thời” có thể có bây giờ?

3. Những hạn chế đối với quyền tự do của tôi trong nửa năm qua đã vượt quá ranh giới của các quy tắc này. Thí dụ, nếu các quy tắc cấm tôi khỏi các tỉnh duyên hải, vì sao tôi đã bị hạn chế ở Nam Ninh khi tôi đi đến Quảng Tây đầu năm nay? Lần nữa, nếu các quy tắc cấm tôi khỏi các khu đông người ở Bắc Kinh, vì sao đặt những hạn chế về số lần khi tôi đi đến Câu lạc bộ Yang Feng Jia Dao? Câu lạc bộ của các cán bộ cấp cao được xem là một khu đông người? Chắc chắn, điều này là không thể hiểu nổi cho bất kỳ ai.

Tất nhiên, sau khi lá thư được gửi đi, đã không có trả lời nào.

Họ đã luôn luôn rất lo lắng khi xử lý các vấn đề như vậy. Khi Mãng Hiến Trung được cử để công bố sáu quy tắc, tôi yêu cầu để xem tài liệu. Ông đã nói ông có thể đọc to nhưng không thể đưa cho tôi tài liệu. Tôi đã yêu cầu thư ký ghi lại những gì ông ta đang đọc to, điều mà là khó cho ông ta để cấm. Khi tôi mời ông ta xác nhận những gì được ghi lại, ông ta đã từ chối: “Bất cứ thứ gì ông đã ghi lại là trách nhiệm của ông. Tôi sẽ không đọc nó.”

Đã có một sự sợ hãi về bị bóc trần, về bị rò rỉ ra thế giới bên ngoài. Theo cách này, họ đã có thể từ chối trách nhiệm trong hy vọng ngăn chặn các hậu quả không tiên đoán được. Điều này đã thật sự bất thường.

Họ đã nói rằng tôi có thể tiếp khách ở nhà, chừng nào họ không là các phóng viên và người nước ngoài. Nhưng trong thực tế, không ai đã được phép vào mà không có một sự hẹn gặp. Không để cho tôi biết, họ đã đuổi mọi người ra. Tôi thậm chí không biết ai sắp đến. Tôi đã báo cho họ trước về một số khách thăm tôi đang đợi, nhưng họ vẫn bắt phải được chuẩn y. Khi đến, họ phải chịu kiểm tra chứng minh thư và đăng ký, và tất cả mọi cố gắng được làm để cản các cuộc thăm viếng. Chỗ tôi đã luôn luôn là địa điểm nhạy cảm cao; với việc đưa thêm rất nhiều quy tắc và thủ tục, nó đã trở thành quá phiền phức cho nhiều người. Như một kết quả, lối vào nhà tôi là một chỗ lạnh lẽo, tiêu điều.

Tôi thậm chí tiếp ít khách hơn khi tôi đi ra ngoài Bắc Kinh. Ngoài nhân viên phục vụ và các lãnh đạo chớp bu của tỉnh, không ai được phép biết về sự đến của tôi. Chúng được giữ bí mật.

Thí dụ, một người quen già, Đồng chí Hạ Diệc Nhiên, đã gọi và yêu cầu gặp tôi. Đã không được phép. Một thí dụ khác đã là bạn cũ của tôi Lưu Chính Văn ở An Huy, người đã qua đời từ đó. Khi tôi đến Hợp Phì, ông đã thử đến thăm tôi. Ông đã điện thoại nhưng được bảo tôi đã ở ngoài khu vực. Lần thứ hai ông gọi, ông được bảo rằng tôi đã đi rồi. Họ đã sợ việc tôi gặp người dân.

Một lần tôi đã ở Tứ Xuyên và một số lãnh đạo mức thành phố và mức hạt đã tìm ra và đã muốn đến thăm tôi. Khi vấn đề muợn hơn đã được báo cáo lên Ủy ban Trung ương, Ủy ban Trung ương đã chỉ trích các lãnh đạo tỉnh Tứ Xuyên và đã yêu cầu một sự giải thích vì sao bí mật đã không được giữ nghiêm ngặt, dẫn đến nhiều người như thế thử đến thăm Triệu.

Tôi đi ra khỏi thành phố mỗi mùa đông, trừ trong năm 1997 và 1998. Tôi đã viết bảy bức thư cho Giang Trạch Dân và Bộ Chính trị về việc tôi đi Quảng Đông, nhưng đã không nhận được trả lời nào. Tôi đã nhận được một sự trả lời chỉ qua Văn phòng Tổng hợp, bảo

tôi rằng tôi không thể đi tới Quảng Đông, nhưng có thể đi đến những vùng khác. Trong tháng Giêng 1993, tôi đã đi Nam Ninh ở Quảng Tây, đi qua Trảng Sa trên đường về; trong năm 1994, tôi đã đi đến Quý Châu, và ở một tuần tại Thành Đô; trong năm 1993, tôi đã ở Hắc Long Giang; trong năm 1994, tôi đã đi đến Trường Xuân và Cáp Nhĩ Tân; trong năm 1995, đến Giang Tây và An Huy; trong năm 1996, đến Vô Tích ở Giang Tô và Trấn Giang; trong năm 1997, đến Hàng Châu và sau đó Tứ Xuyên; từ mùa đông 1997 đến mùa xuân 1998, tôi đã không rời Bắc Kinh; trong năm 1999, đầu tiên tôi đã đi Hàng Châu và sau đó đến Yên Đài. Trong tháng Giêng năm này, tức là, 2000, tôi đã đi đến Quế Lâm và rời Tứ Xuyên. Tâm di chuyển đã được mở rộng từ từ.

Ngoài việc từ chối yêu cầu hàng năm của tôi để đi Quảng Đông và Hải Nam, những yêu cầu để đi Vô Tích và Tô Châu đã bị từ chối trong 1995, như những yêu cầu đi Quảng Đông, Hải Nam, và Phúc Kiến trong mùa đông 1999 và mùa xuân 2000. Thay vào đó tôi đã đi Quảng Tây và qua Tứ Xuyên trên đường về.

Như một kết quả, tôi đã kết luận rằng họ đã nói “không vùng duyên hải nào được phép” như một cách để che giấu ý định của họ về ngăn cản tôi đi Quảng Đông. Nếu họ đã nhắc tới chỉ Quảng Đông, nó bị chọn ra một cách quá trắng trợn. Nhưng chẳng phải Yên Đài và Hàng Châu cả hai đều ở trong các vùng duyên hải ư? Tôi đã được phép đi đến những chỗ đó, nhưng không phải Quảng Đông. Về vì sao Quảng Đông đã bị loại ra, tôi chẳng có ý tưởng nào.

Vào mùa thu 1995, Đồng chí Trần Vân chết. Tôi đã ở Bắc Kinh lúc đó. Tôi đã rất buồn khi nghe tin. Mặc dù tôi đã không luôn luôn đồng ý với các ý tưởng của ông về cải cách, tuy nhiên tôi đã cảm thấy rằng theo nhiều cách ông đáng sự kính trọng. Tôi đã rất muốn đi đến gia đình Trần để chia buồn và bày tỏ tình cảm của tôi. Tôi đưa ra yêu cầu cho Văn phòng Tổng hợp và họ đã nhanh chóng trả

lời, nói rằng không tiện. Cuối cùng tôi đã không được phép đi. Muộn hơn tôi đã biết rằng sau khi tôi đưa ra yêu cầu của mình, Văn phòng Tổng hợp đã liên hệ với gia đình Đồng chí Trần Vân, hy vọng họ bày tỏ mong muốn để ngăn tôi đi. Thay vào đó, gia đình đã bày tỏ sự sẵn sàng tiếp tôi, cho nên Văn phòng Tổng hợp đã không có lựa chọn nào khác ngoài bảo tôi là “bất tiện.” Họ đã luôn luôn từ chối quyền của tôi để đi tới những sự kiện tương tự, thế nhưng đồng thời họ không muốn thế giới bên ngoài biết rằng họ áp đặt những hạn chế như vậy.

Khi Đồng chí Đặng Tiểu Bình qua đời [trong tháng Hai 1997], tôi đang nghỉ ở Hàng Châu. Tôi đã rất buồn khi nghe tin. Tôi đã điện thoại ngay lập tức cho Văn phòng Tổng hợp yêu cầu chuyển một thông điệp cho các lãnh đạo của Ủy ban Trung ương: thứ nhất, để bày tỏ những lời chia buồn của tôi và thứ hai, yêu cầu việc quay lại Bắc Kinh ngay lập tức để dự lễ tưởng niệm. Ủy ban Trung ương đã trả lời nhanh chóng rằng sẽ không có một lễ để chia tay với người quá cố, và yêu cầu tôi không về Bắc Kinh.

Trong tháng Năm 1997, trên đường về Bắc Kinh từ Thành Đô, tôi đã nghe Đồng chí Bành Chân đã chết. Ngay khi tôi về đến Bắc Kinh, tôi đã gọi gia đình Bành Chân và nói với họ tôi sẽ đi đến nhà họ để tỏ lòng kính trọng của tôi. Sau đó tôi đã gọi Cục An Ninh để báo cho họ rằng tôi sắp đi đến nhà Bành Chân. Ngay khi Văn phòng Tổng hợp biết điều này, họ đã cử Mãng Hiến Trung đến nhà tôi để can ngăn tôi đừng đi. Mãng đã nói, “gia đình Bành Chân vẫn chưa dựng phòng tang,” và ông ta bảo tôi phải “xem xét bức tranh lớn” và “xem xét những hậu quả.” Tôi đã rất bức bối với Mãng vì nói với tôi một điều dối trá trơ tráo, và chúng tôi đã cãi nhau. Vì sao tôi lại không được phép tưởng niệm cái chết của một lão Đồng chí? Đã có cái gì để sợ?

Vào ngày 12 tháng Chín, 1997, tôi đã gửi một bức thư đến đại hội Đảng lần thứ 15 và chín người khác qua Cục Dịch vụ Văn phòng Tổng hợp và yêu cầu họ chuyển nó cho Đại hội. Ngoài cho bảy uỷ viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị, một đã được gửi cho Dương Thượng Côn, và bức khác cho Vạn Lí, bởi vì họ đã dính líu đến. Các bức thư đã được gửi qua Cục Dịch vụ Văn phòng Tổng hợp. Về sau tôi được biết rằng ít nhất hai trong số chín người đã chẳng bao giờ nhận được thư của tôi: Dương Thượng Côn và Đồng chí Vạn Lí. Về các uỷ viên của Ban Thường Vụ, tôi suy đoán rằng họ đã có thể nhận được. Tôi đã yêu cầu họ chuyển các bản sao cho toàn bộ Đại hội, nhưng việc này đã bị cản.

Bây giờ tôi sẽ kể lại nội dung của lá thư, vì đã có tin đồn trong công chúng về nội dung, một phần của nó đã không chính xác. Lá thư gốc là như sau:

Gửi đoàn Chủ tịch của đại hội Đảng thứ 15 và Tất cả các Đồng chí Đại biểu:

Đại hội Đảng thứ 15 là Đại hội cuối cùng của Đảng ta trong thế kỷ thứ hai mươi. Chỉ trong hơn hai năm nữa, thời gian sẽ đi vào thế kỷ thứ hai mươi mốt. Tại thời khắc quan trọng của việc suy ngẫm về quá khứ và tiến vào tương lai, tôi chân thành chúc Đại hội thành công trọn vẹn. Hãy cho phép tôi đề xuất vấn đề đánh giá lại sự cố mừng Bốn tháng Sáu, mà tôi hy vọng sẽ được thảo luận.

Các sự kiện Bốn tháng Sáu, mà đã làm thế giới bị sốc, bây giờ đã qua tám năm. Nhìn lại, có hai câu hỏi mà phải được trả lời với một thái độ tôn trọng các sự thực.

Thứ nhất, bất chấp những gì cực đoan, sai hay khó chịu đã xảy ra giữa các cuộc biểu tình sinh viên, đã chẳng bao giờ có bằng chứng để trụ đỡ cho sự chỉ rõ về “cuộc nổi loạn phản cách mạng.” Nếu nó đã không là một “cuộc nổi loạn phản

cách mạng,” thì phương tiện của một sự đàn áp quân sự chẳng bao giờ nên được dùng để giải quyết nó.

Mặc dù sự đàn áp quân sự đã nhanh chóng dẹp yên tình hình, chúng ta không có lựa chọn thay thế nào trừ thú nhận rằng nhân dân, quân đội, Đảng, và chính phủ, quả thực cả nước chúng ta, đã trả giá đắt cho quyết định và hành động đó. Tác động tiêu cực tiếp tục tồn tại trong mối quan hệ giữa Đảng chúng ta và quần chúng, mối quan hệ giữa hai bờ eo biển Đài Loan, và các mối quan hệ quốc tế của nước chúng ta.

Bởi vì tác động của sự cố, cải cách chính trị được khởi xướng bởi Đại hội Đảng thứ Mười ba đã chết non và ở giữa dòng, để cải cách của hệ thống chính trị tụt lại đằng sau nghiêm trọng. Như một kết quả của tình hình nghiêm trọng này, trong khi cải cách kinh tế của nước chúng ta đã có tiến bộ đáng kể, mọi loại tật xấu xã hội đã nổi lên và đã bộc lộ ra và đang lan ra nhanh chóng. Các mâu thuẫn xã hội đã xấu đi, và tham nhũng bên trong và bên ngoài Đảng đang tăng nhanh và đã trở nên không thể chặn được.

Thứ hai, một phương pháp tốt hơn đã có thể được tìm thấy để đáp lại các cuộc biểu tình sinh viên sao cho sự đổ máu đã có thể được tránh trong khi vẫn làm cho tình hình lắng xuống? Thời đó tôi đã đề xuất “giải quyết vấn đề theo dân chủ và luật” và quả thực đã cố gắng cho một kết cục như vậy. Ngày nay, tôi vẫn tin rằng bằng việc chấp nhận các biện pháp như vậy, tình hình đã có thể chấm dứt một cách hoà bình mà không có sự đổ máu. Chỉ ít sự đối đầu nghiêm trọng và đổ máu đã có thể được tránh. Như mọi người biết, hầu hết các sinh viên đã đòi sự trừng trị tham nhũng và sự thúc đẩy cải cách chính trị, và đã không chủ trương lật đổ Đảng Cộng sản hay sự đánh đổ nền cộng hoà. Tình hình đã có thể dịu đi nếu chúng ta đã không diễn giải các hành động của các sinh viên như là chống-Đảng và chống-xã hội chủ nghĩa, mà đã chấp

nhận những đòi hỏi có lý của họ và đã chấp nhận các biện pháp thương lượng kiên nhẫn, đối thoại, và làm giảm căng thẳng.

Nếu thế, không chỉ tất cả những tác động tiêu cực của sự đối đầu đẫm máu đã có thể tránh được, mà một loại mới của sự liên lạc và hình mẫu tương tác đã có thể được thiết lập giữa các đảng chính trị, chính phủ, và nhân dân; và đã có thể có một sự đẩy mạnh cải cách hệ thống chính trị, như thế chúng ta đã có thể không chỉ có tiến bộ đáng kể về cải cách kinh tế, mà mang lại những triển vọng mới cho việc cải cách hệ thống chính trị của nước chúng ta.

Sớm muộn, vấn đề đánh giá lại Bốn tháng Sáu phải được giải quyết. Cho dù bị trì hoãn dài, nhân dân sẽ không quên. Là tốt hơn để giải quyết nó sớm hơn là muộn hơn, một cách chủ động hơn là một cách bị động, và trong thời gian ổn định hơn là hỗn loạn.

Với tình hình quốc gia bây giờ ổn định, sự đồng thuận của nhiều người là một mong muốn cho sự ổn định và không thích sự hỗn loạn. Những xúc cảm dâng cao của quá khứ đã lắng xuống. Nếu Đảng chúng ta có thể tự chịu trách nhiệm để đề xướng một kiến nghị để đánh giá lại sự cố mừng Bốn tháng Sáu trong những điều kiện này, và dẫn đầu trong quá trình, là hoàn toàn có thể không bị tác động của những xúc cảm cực đoan từ các nguồn khác nhau, và để chuyển quá trình giải quyết một vấn đề lịch sử khó khăn theo những con đường đúng đắn của lý trí và sự khoan dung. Các nguyên tắc để giải quyết các vấn đề lịch sử đã có thể được đi theo, như “không bới móc chi tiết” và “tập trung vào những bài học để học hơn là đổ lỗi cá nhân.”

Nếu việc này được làm, không chỉ một tình huống lịch sử khó khăn được giải quyết, sự ổn định tình hình có thể được duy trì trong khi đồng thời tạo ra một môi trường quốc tế tốt hơn cho cải cách và mở cửa của nước chúng ta.

Tôi hy vọng rằng chúng ta có thể xem xét tình hình và đưa ra một quyết định sớm. Những gợi ý trên được đưa ra cho sự xem xét của Đại hội.

Triệu Tử Dương

12 tháng Chín, 1997

Tôi đã không phổ biến lá thư này, tôi cũng đã không đi qua bất cứ ai để đưa nó ra công khai. Tuy vậy, báo chí hải ngoại đã nhanh chóng biết về lá thư này, và tiếng ồn ào đã xảy ra sau đó.

Mãng Hiến Trung đã mau chóng đến gặp tôi. Ông đã chỉ ra rằng các điều kiện toàn quốc đã tuyệt vời lúc đó và yêu cầu tôi không làm xói mòn tình hình tuyệt vời đó và tuân theo kỷ luật Đảng. Ông đã ngụ ý rằng tôi đã không tuân theo kỷ luật này. Tôi đã trả lời ngay lập tức rằng tôi là một đảng viên của Đảng Cộng sản, và rằng Điều lệ Đảng rõ ràng đã cho các Đảng viên quyền để đưa ra những gợi ý cho Đại hội Đảng. Ông ta đã nói rằng đã có rồi một kết luận về Bốn tháng Sáu. Tôi đã nói rằng Đại hội Đảng, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Đảng, có quyền để quyết định liệu có đánh giá lại Bốn tháng Sáu hay không. Cho dù đã có rồi một nghị quyết, nó vẫn có thể được đánh giá lại. Chắc chắn, nó có thể chọn khẳng định lại quyết định quá khứ của nó, nhưng đây là bên trong thẩm quyền của Đại hội. Bất kể quyết định nào của Đảng có thể được Đại hội thảo luận. Ông cũng đã nói rằng tôi không được phổ biến lá thư. Tôi đã trả lời rằng tôi đã gửi nó cho chín người, qua Cục Dịch vụ. Thực ra, tôi đã muốn biết, họ đã chuyển lá thư của tôi cho những ai? Tất nhiên, cuộc đối thoại đã rất khó chịu.

Cùng khoảng thời gian đó, Đồng chí Ung Văn Đào đã mất. Chúng tôi đã là các đồng nghiệp già và đã làm việc cùng nhau ở Quảng Đông. Tôi đã yêu cầu dự lễ tang ông. Trước đó, tôi đã được phép dự những lễ tang cho những người ở mức bộ trưởng, tuy

không phải các thành viên của ban lãnh đạo trung ương. Tuy vậy, lần này họ đã bảo tôi rằng bởi vì tôi đã không tuân theo kỷ luật Đảng, tôi đã không được phép đi ra ngoài.

Những gì tiếp theo đã là việc cấm tất cả những người đến thăm tôi. Tính nghiêm khắc đã thậm chí gay gắt hơn trong thời gian cuộc điều tra. Một bà già từ Quảng Đông người một thời đã là một người giúp việc trong nhà tôi, và bây giờ đã khá già, đã đi cả ngàn kilometer để gặp tôi, nhưng đã bị giữ chờ ở bên ngoài nhà tôi nhiều giờ. Ngay cả khi vợ tôi quay về nhà từ việc mua sắm, ví của bà đã bị các bảo vệ lục soát tại cổng. Hiển nhiên những người lính đóng ở đó đã không chịu trách nhiệm về việc này; lệnh đã đến từ mức cao chỉ ít như Văn phòng Tổng hợp của Ủy ban Trung ương. Vì thế, tôi đã viết một bức thư cho Văn phòng Tổng hợp như sau:

Các lãnh đạo của Văn phòng Tổng hợp của Ủy ban Trung ương: Xin chào!

Gần đây, Cục An Ninh của Văn phòng Tổng hợp đã lệnh cho những người bảo vệ tại nhà tôi để cấm tôi tiếp những người đến thăm, đi ra ngoài, và chơi golf.

Việc dự đám tang của một Đồng chí cũng đã bị cấm. Ngay cả những người họ hàng từ xa đến thăm đã bị chặn lại ở cổng. Tuy vậy, tất cả những thứ này đã được phép ngay cả dưới sáu quy tắc hạn chế quyền tự do của tôi được áp đặt sau đại hội Đảng thứ 14. Điều này có nghĩa rằng sau năm năm rưỡi bị quản thúc tại gia một phần, bây giờ tôi phải chịu sự quản thúc tại gia hoàn toàn. Việc này là sự vi phạm luật nghiêm trọng. Hiển nhiên, Cục An Ninh hay những binh lính đứng gác đã không thể tự họ đưa ra một quyết định như vậy. Lý do thật cho việc này là gì? Có phải các quy tắc ban đầu đã được bỏ và có những quy tắc mới thay vào? Trong mọi trường hợp, tôi đã không được thông báo.

Không có lựa chọn thay thế nào ngoài việc coi loại quản thúc tại gia không được tuyên bố này như sự chà đạp thô bạo hệ thống pháp lý xã hội chủ nghĩa. Với tư cách một Đảng viên, nếu tôi đã vi phạm kỷ luật Đảng (mà thực ra không phải vậy), sự quản trị của Đảng có thẩm quyền tiến hành hành động kỷ luật, kể cả việc đuổi tôi ra khỏi Đảng; nhưng nó không có quyền nào để hạn chế các quyền tự do cá nhân của tôi hay tước đoạt các quyền của tôi với tư cách một công dân. Điều lệ Đảng cấm nghiêm ngặt việc sử dụng các chiến thuật mà vi phạm Điều lệ Đảng hay các luật của nhà nước trong việc xử lý các đảng viên của nó. Những tổ chức hay cá nhân vi phạm các quy tắc này phải bị trừng trị qua hoạt động kỷ luật Đảng và các luật của nhà nước.

Với tư cách một công dân, cho dù tôi đã vi phạm luật (mà tuyệt đối không đúng thế), các hạn chế đối với quyền tự do đi lại của tôi phải theo các thủ tục pháp lý và chỉ các cơ quan thực thi luật của nhà nước có quyền lực để quản lý chúng. Những điều này được nói rõ trong các luật của nhà nước. Tuy Văn phòng Tổng hợp là một tổ chức cực kỳ quan trọng của Ủy ban Trung ương, nó không phải là một cơ quan thực thi luật của nhà nước và không có quyền nào để thực hiện quyền lực thuộc cơ quan thực thi luật của nhà nước. Trong quá khứ, trong những năm khi chúng ta “đã không thừa nhận cả các luật lẫn các ràng buộc của trời,” những sự cố tương tự như những thứ được mô tả ở trên đã thường xảy ra, mà đã hình thành một tâm tính nào đó và hình mẫu hành vi giữa một số người. Tuy nhiên thời đại đó đã qua từ lâu.

Kể từ Chính sách Cải cách và Mở-Cửa, Đảng và nhà nước chúng ta đã luôn luôn nhấn mạnh việc thiết lập luật trị (rule of law). Đặc biệt sau đại hội Đảng lần thứ 15 vừa qua, những sự cố như thế này không được phép xảy ra.

Đồng chí Giang Trạch Dân, trong Báo cáo Chính trị đại hội Đảng của ông, đã long trọng hứa với thế giới để hoàn thiện

hệ thống pháp lý xã hội chủ nghĩa, kể cả giữ vững nguyên tắc luật trị, đảm bảo rằng mọi vấn đề của nhà nước sẽ được tiến hành phù hợp với luật, tuyên bố rằng tất cả các luật sẽ được tuân thủ, rằng những kẻ vi phạm sẽ bị trừng trị, và rằng không cá nhân hay tổ chức nào có quyền lực đặc biệt bên ngoài các ranh giới của luật; rằng tất cả các tổ chức chính quyền sẽ tiến hành công việc của chúng phù hợp với luật, và rằng các quyền của các công dân sẽ được bảo vệ trong những điều khoản cụ thể. Tôi tin Tổng Bí Thư Giang Trạch Dân đã nghiêm túc về điều này và đã có ý định thực hiện nó và đã không chỉ nói đả bôi.

Cho phép tôi hỏi, với tư cách một công dân người bị ngăn cản khỏi việc đi ra ngoài và tiếp những khách đến thăm và bị tước đoạt những quyền khác: Việc này có phù hợp với nguyên tắc làm các thứ phù hợp với luật? Có đúng là các vị đã đặt mình vào vị trí có quyền lực đặc biệt bên ngoài các đường ranh giới của luật? Văn phòng Tổng hợp là một tổ chức của Đảng mà ở ngay dưới mũi của ban lãnh đạo trung ương. Làm sao mà các vị đã không kiểm tra hành vi của chính các vị với các nguyên tắc về việc thiết lập luật trị (rule of law) mà đã được công bố tại đại hội Đảng thứ 15?

Tất nhiên, lá thư này đã không mang lại kết quả nào.

Vì tôi đã không nhận được bất cứ trả lời nào, sau một thời gian tôi đã lại viết cho Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, tức là, cho mỗi trong bảy ủy viên Ban Thường Vụ mới được bầu tại đại hội Đảng thứ 15. Trong quá khứ, mỗi khi tôi gửi các lá thư cho Ban Thường Vụ, chỉ một hay hai người đã nhận được chúng. Vì thế, lần này tôi đã gửi cho mỗi người trong số họ một bản, Lá thư đã như sau:

Đồng chí Giang Trạch Dân: Xin chào!

Vào ngày 12 tháng Chín, tôi đã viết một lá thư cho đại hội Đảng thứ 15, gợi ý một sự đánh giá lại sự cố mừng Bốn

tháng Sáu. Tôi tin rằng tất cả các vị đã thấy nó. Kể từ khi tôi gửi bức thư, tôi đã bị cấm tiếp các khách đến thăm hay việc ra ngoài nhà tôi. Các quyền tự do cá nhân của tôi đã bị hạn chế hoàn toàn. Các điều kiện trước kia của sự nửa-quản thúc tại gia của tôi đã biến thành sự quản thúc tại gia hoàn toàn.

Về sự vi phạm luật nghiêm trọng này, tôi đã viết cho Văn phòng Tổng hợp của Ủy ban Trung ương đòi vấn đề này được giải quyết. Tuy vậy, sự quản thúc tại gia của tôi tiếp tục cho đến ngày này. Vì lý do này, tôi không có lựa chọn nào khác trừ đưa vấn đề này đến sự chú ý của các vị.

Với tư cách một Đảng viên, đưa ra một gợi ý cho Đại hội của Đảng là một việc thực hiện bình thường các quyền của Đảng viên. Điều này được nêu rõ trong Điều lệ Đảng. Bất chấp gợi ý của tôi có đúng hay sai, và bất chấp Đại hội Đảng có thảo luận nó hay không, tôi đã không thể vi phạm Điều lệ Đảng hay các luật của nhà nước. Tuy vậy, sự quản thúc tại gia và sự tước đoạt các quyền tự do cá nhân của tôi với tư cách một công dân gợi ý rằng tôi đang nhận sự đối xử của một tội phạm. Tôi thậm chí không biết tôi đã vi phạm các luật cụ thể nào, tôi cũng chẳng biết cơ quan thực thi pháp luật nào và các thủ tục nào của luật đã được sử dụng để cho phép sự quản thúc tại gia của tôi. Làm sao có thể bắt một cá nhân chịu loại này của sự quản thúc tại gia không được tuyên bố và sự tước đoạt các quyền của người đó với tư cách một công dân lại không tạo thành một sự chà đạp thô bạo hệ thống pháp lý xã hội chủ nghĩa? Trong lịch sử của Đảng chúng ta, ngoài các năm Cách mạng Văn hoá, sự tước đoạt các quyền tự do cá nhân và việc bắt chịu sự quản thúc tại gia vì giữ các quan điểm khác biệt đã là hiếm. Ngay cả vào đỉnh cao của việc Chủ tịch Mao tiến hành đấu tranh giai cấp trong năm 1962, ông cũng đã tức giận vì tuyên bố chỉ trích dài của Tướng Bành [Đức Hoài], ông đã không tước đoạt các quyền tự do cá nhân của Bành và thậm chí đã cử

ông làm việc tại trung tâm chỉ huy phát triển. Tuy vậy, sau khi Đảng chúng ta đã học những bài học cay nghiệt về là quá “tả,” và sau khi chúng ta đã nhấn mạnh lặp đi lặp lại về việc thiết lập một nền luật trị xã hội chủ nghĩa mười năm qua, đặc biệt sau khi Tổng Bí Thư Giang Trạch Dân đã long trọng tuyên bố rằng Đảng chúng ta sẽ quản lý quốc gia theo luật và thiết lập luật trị (rule of law), quả thực không thể tưởng tượng được rằng sự vi phạm thô bạo như vậy của hệ thống pháp lý xã hội chủ nghĩa đang xảy ra ngay dưới mũi của Ủy ban Trung ương.

Từ tháng Sáu 1989, tôi đã phải chịu một cách bất hợp pháp hoặc sự quản thúc tại gia hay sự nửa-quản thúc tại gia. Việc này đã xảy ra trong tám năm rưỡi rồi. Tôi không biết sự tước đoạt các quyền tự do này sẽ tiếp tục bao lâu nữa. Việc này không nghi ngờ gì đã làm tổn hại ghê gớm cho sức khoẻ thể chất và tinh thần của tôi, vì tôi đang gần tám mươi tuổi.

Tuy nhiên, sự thiệt hại nghiêm trọng hơn là cho hình ảnh của Đảng chúng ta và Ủy ban Trung ương Đảng. Liệu người dân sẽ không so sánh những gì đã xảy ra với tôi với các nguyên tắc được công bố trong đại hội Đảng thứ 15, và bằng cách ấy đi đến kết luận riêng của họ về sự đáng tin của những nguyên tắc mới được công bố này? Hơn nữa, khi các thế hệ muộn hơn đánh giá thời kỳ này của lịch sử Đảng, họ hầu như chắc chắn sẽ không xem sự cố này của sự quản thúc tại gia kéo dài và sự tước đoạt các quyền tự do cá nhân của một Đảng viên vì giữ một quan điểm khác biệt như một thời khắc vẻ vang.

Tôi hy vọng bức thư này của tôi sẽ có được sự chú ý của Tổng Bí Thư và các Đồng chí trong Ban Thường Vụ. Tôi hy vọng hành vi trắng trợn này về sự vi phạm luật và các quy chế dưới chính mũi của Ủy ban Trung ương sẽ chấm dứt mau chóng. Tôi hy vọng sự quản thúc tại gia của tôi sẽ được dỡ bỏ và các quyền tự do cá nhân của tôi được khôi phục,

sao cho tôi sẽ không tiêu tốn những năm còn lại của mình trong những điều kiện cô đơn và thất vọng này.

Kèm theo đây tôi gửi lời chào!

Triệu Tử Dương

Bức thư này được gửi đi, nhưng như trước, đã không có trả lời nào. Muộn hơn, Văn phòng Tổng hợp đã gọi thư ký của tôi để xác nhận rằng họ đã nhận được lá thư. Họ đã nói rằng trước hết, đây đã không phải là sự quản thúc tại gia (họ đã rất sợ gọi nó là “sự quản thúc tại gia”); và thứ hai, rằng tôi đã tự gây rắc rối cho mình. Có lẽ họ đã ngụ ý rằng tôi phải bị trách vì bức thư gửi cho đại hội Đảng thứ 15 [bị rò rỉ ra] hải ngoại. Đó đã là trả lời duy nhất tôi nhận được cho hai bức thư của tôi. Thực tế đã là tôi tiếp tục bị giam giữ ở nhà.

Một thời gian trôi qua cho đến đúng trước cuộc viếng thăm của Giang Trạch Dân tới

Hoa Kỳ, với không dấu hiệu nào về bất kể ý định nào để nói lỏng các điều kiện của tôi. Rồi khá kỳ quặc, một hôm bác sĩ gia đình được phân công cho tôi từ ban sức khỏe của Trung Nam Hải [vị trí tổng hành dinh của Đảng] đến nhà tôi và đột nhiên đã nhắc rằng là không tốt cho tôi để ở nhà suốt ngày.

Tôi cười và trả lời, “Tôi có lựa chọn nào?”

Ông ta nói, “Vì sao ông không viết một bức thư cho Văn phòng Tổng hợp để nêu vấn đề này, như thế ông có thể đi ra ngoài và chơi golf?”

Tôi nói, “tôi không được phép thậm chí tiếp các khách đến thăm bây giờ, nói chi đến đi ra ngoài để chơi golf.”

Ông ta nói, “Chúng ta sẽ đưa ra một báo cáo.”

Đấy đã là hành vi chưa từng có cho một thành viên của Ban Sức khỏe của Trung Nam Hải và không hề phù hợp chút nào với các

tập quán và các quy tắc. [Các thành viên của Ban Sức khỏe] đã chẳng bao giờ được phép can thiệp vào những vấn đề loại này, bác sĩ này cũng đã không bao giờ gợi ý việc này trước đây.

Tôi nghĩ rằng có lẽ Giang Trạch Dân hy vọng rằng trong cuộc viếng thăm của ông tới Hoa Kỳ, nếu ai đó có hỏi ông về Triệu, ông đã có thể trả lời rằng Triệu không dưới sự quản thúc tại gia mà gần đây thậm chí đã đi ra ngoài để chơi golf. Với suy nghĩ này trong đầu, tôi đã trả lời ông ta, “Ông không được dính líu vào việc này. Dù sao, tôi không quan tâm gì đến chơi golf những ngày này.”

Tôi đã đối xử lạnh nhạt với ông ta. Vì sao một bác sĩ lại can thiệp vào những việc như vậy? Chỉ bởi lệnh của Văn phòng Tổng hợp. Rồi Đảng bộ của Văn phòng Tổng hợp đã gọi thư ký của tôi nói rằng việc chơi golf bây giờ đã được phép. Tuy tôi đã bị từ chối quyền để dự lễ tang của Ung Văn Đào, việc đi đến các đám tang tương tự trong tương lai bây giờ sẽ được phép. Không sự nhắc nào tới việc tiếp khách đến thăm.

Vì thế đã được làm rõ, rằng đã có một sự nới lỏng các quy tắc. Không khách viếng thăm nào hay cuộc đi xa khác nào đã được phép. Tuy vậy, vì tính quảng bá tốt nào đó, tôi đã được phép đi chơi golf và dự các đám tang. Tôi chẳng biết phải cười hay phải khóc với những chiến thuật như vậy. Tôi đơn giản đã từ chối chơi golf và tuyệt đối từ chối đi ra ngoài; tôi cũng đã không dự đám tang nào.

Như một kết quả, trong năm 1997, tôi đã không đi đâu trong mùa đông. Tôi đã ở toàn bộ mùa đông ở Bắc Kinh. Mặc dù Bắc Kinh đã khô và đầy bụi, và vấn đề hô hấp của tôi đã xấu đi và khiến tôi ho rất nhiều, tôi đã vẫn từ chối rời đi.

Nói về những vấn đề tầm thường này là vô nghĩa. Tuy vậy, điều này minh họa loại tâm tính họ đã có. Một mặt, họ đã không đếm xỉa

gì đến luật và đã hạn chế một cách phi lý các hoạt động của tôi; mặt khác, họ đã sợ bị bóc trần và sợ báo chí nước ngoài.

Từ tháng Mười 1997 đến tháng Mười Hai 1999, không chỉ sáu quy tắc ban đầu đã không được nói lỏng, mà những hạn chế nghiêm ngặt hơn đã được thêm vào, từ chối các khách viếng thăm tôi và quyền của tôi để rời nhà tôi. Những điều kiện này đã kéo dài hơn hai năm.

Với thời gian trôi đi, đã có một chút nói lỏng. Bà con họ hàng đã được phép đến thăm, như một số Đồng chí có chức thấp hơn, hay các Đồng chí già đã về hưu. Thế nhưng nhiều lãnh đạo cấp cao đã về hưu, thí dụ những người đã giữ các chức mức bộ trưởng hay thứ trưởng, đã vẫn không được phép đến thăm tôi. Tất nhiên, họ đã chẳng bao giờ nói rõ các điều khoản này.

Vào nửa sau của năm ngoài [1999], tôi đã yêu cầu Đồng chí Triệu Kiện Dân [thống đốc của Tỉnh Sơn Đông] đến thăm, nhưng Văn phòng Tổng hợp đã ngay lập tức bảo tôi rằng ông ta không được phép đến. Một lần khác, tôi đã yêu cầu Đồng chí Tiêu Hồng Đạt [giám đốc Văn phòng Tổng hợp của Ủy ban Quân sự Trung ương] đến thăm, nhưng việc này cũng bị Văn phòng Tổng hợp [của Ủy Ban Trung ương] từ chối.

Trong tháng Mười Hai 1999, vì cựu thư ký của tôi, Đồng chí Dương Văn Chiêu, đã đến tuổi về hưu, một thư ký mới đã được phân công. Nhằm để công bố sự phân công thư ký mới, hai Đồng chí từ Đảng bộ của Văn phòng Tổng hợp đã được cử đến để nói chuyện với tôi.

Tôi đã tận dụng cơ hội để nêu hai vấn đề: thứ nhất đã là một yêu cầu để rời Bắc Kinh trong mùa đông, hy vọng đến Quảng Đông hay Hải Nam; thứ hai, tôi đã đòi chấm dứt mười năm quản thúc tại

gia, đặc biệt các điều kiện quản thúc tại gia hoàn toàn bị áp đặt sau đại hội Đảng thứ 15.

Sau một thời gian, họ đã chuyển cho tôi qua thư ký rằng tôi không được đi đến Phúc Kiến, Quảng Đông, hay Hải Nam, nhưng các nơi khác đã được phép, như thế lập trường của họ đã được nói lỏng một chút. Những khách đến thăm nói chung đã được phép, như trước kia. Một số người được phép, một số người không được.

Tôi ngay lập tức yêu cầu Đồng chí Triệu Kiện Dân đến. Cuộc viếng thăm của ông đã được chấp thuận, và ông đã đến và thăm một lúc. Muộn hơn, các Đồng chí Tiêu Hồng Đạt, Đỗ Đạo Chánh [giám đốc Tổng cục Quản lý Báo chí và Xuất bản], và Diêu Tích Hoa [tổng biên tập của *Quang minh Nhật báo*] cũng đã đến thăm. Nhìn chung, đã có vẻ rằng hoàn cảnh đã quay lại các điều kiện của sáu quy tắc ban đầu.

* Chủ nghĩa độc đoán mới (neo-authoritarianism: chủ nghĩa tân quyền uy) đã là một lý thuyết được đưa ra bởi các trí thức khai phóng những người đã nghĩ rằng cách tốt nhất để hiện đại hoá các hệ thống kinh tế và chính trị của Trung Quốc đã là để có một lãnh tụ mạnh, một “kẻ chuyên quyền được khai sáng.” Nhiều người đã tin, một cách sai, rằng những người chủ trương lý thuyết đã ủng hộ Triệu như nhân vật quyền uy.

† *Hà Thương (River Elegy)* đã là một phim thời sự TV nhiều phần gây tranh cãi ở Trung Quốc, được chiếu đầu tiên trong 1988. Nó đã phê phán sự cô lập Trung Quốc truyền thống và đã ủng hộ sự cởi mở Tây phương. Muộn hơn Đảng đã lên án việc chiếu và đã đổ lỗi cho nó giúp gây cảm hứng cho các cuộc biểu tình 1989.

PHẦN 3

GỐC RỄ CỦA BỘT PHÁT KINH TẾ TRUNG QUỐC

1. Những Quan điểm Mâu thuẫn ở trên Đỉnh

Triệu đã nổi lên xuất chúng đầu tiên như thế nào? Sự nghiệp chính trị quốc gia của ông đã cất cánh sau khi ông giành được lời ca ngợi lan rộng vì việc khởi xướng những cải cách nông thôn sáng tạo tại Tứ Xuyên với tư cách bí thư Tỉnh uỷ trong giữa-những năm 1970. Ông đã trở thành uỷ viên dự khuyết của Bộ Chính trị trong 1977 và trong vòng ba năm trở thành Thủ tướng của Trung Quốc, phụ trách công việc kinh tế của quốc gia.

Triệu nói về nỗ lực để khôi phục nền kinh tế của Trung Quốc sau tổn thất mà các chính sách của Mao đã gây ra. Ông cũng thảo luận vai trò của ông trong việc hoà giải các xung đột thi thoảng giữa lãnh tụ tối cao Đặng Tiểu Bình, kiến trúc sư của các cải cách kinh tế của Trung Quốc, và Trần Vân, một lão thành được kính trọng người đã muốn hành động cẩn trọng hơn.



Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11 [mà trong năm 1978 đã khởi động thời đại cải cách], đã có hai quan điểm giữa những người trong ban lãnh đạo trung ương. Ngay cả trước đó, là công bằng để nói đã có hai quan điểm: một được đại diện bởi Đặng Tiểu Bình và quan điểm khác bởi Trần Vân.

Đặng đã tin vào việc mở rộng nền kinh tế với một sự nhấn mạnh đến tốc độ và sự mở cửa ra với thế giới bên ngoài, chấp nhận các cải cách theo hướng một nền kinh tế thị trường. Trần Vân đã giữ cách tiếp cận của Kế hoạch 5 Năm lần thứ Nhất trong những năm 1950; nhóm này đã khẳng định về một nền kinh tế kế hoạch và đã có những bảo lưu về chương trình cải cách.

Sau hơn mười năm của sự tới-lui giữa hai quan điểm, ý tưởng của Đặng đã thắng thế và được ngày càng nhiều người chấp nhận. Thực tế đã chứng minh rằng nó đã là đúng.

[Hò] Diêu Bang và tôi về cơ bản đã ở cùng bên với Đặng Tiểu Bình. Lí Tiên Niệm [lão thành có ảnh hưởng] đã hoàn toàn ở bên của Trần Vân, và thậm chí cực đoan và ngoan cố hơn. Sự phân biệt chính giữa ông và Trần Vân là, Trần Vân thành thật tin vào quan điểm của ông, còn Lí Tiên Niệm nghĩ nhiều hơn về cách tiếp cận nào có thể có lợi hay có hại cho cá nhân ông. Trong thời gian Cách mạng Văn hoá, về cơ bản ông đã chịu trách nhiệm về kinh tế. Cùng với Dư Thu Lí, người đã đứng đầu Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trong thời gian dài, hai người này đã chịu trách nhiệm về nền kinh tế.

Việc này gồm hai năm ngay sau sự sụp đổ của Bè lũ Bốn tên [trong năm 1976], khi họ thực hiện một “chiến dịch nhịp độ nhanh toàn lực” mà đã gây ra những bất cân bằng kinh tế và đã đặt những mục tiêu không thể đạt được về nhập khẩu các dự án lớn với cái gọi là “Đại Nhảy Vọt Nhập khẩu.” Tất cả việc này đã được làm dưới sự lãnh đạo của ông và Dư Thu Lí.

Khi các cuộc cải cách tiến triển, Lí Tiên Niệm, cảm thấy rằng công việc của ông đã bị bác bỏ, thường đã bày tỏ sự không hài lòng bằng {việc đưa ra} các ý niệm như “Nếu bất cứ thứ gì được làm bây giờ đều đúng, thì công việc quá khứ có đều sai?” Ông đã luôn luôn chống đối cải cách và thường phàn nàn về nó.

Những người khác ủng hộ quan điểm của Trần Vân đã gồm Diêu Y Lâm, người muộn hơn đã kế tục Dư Thu Lí như chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Ông đã là Phó Thủ tướng chịu trách nhiệm về các chính sách kinh tế chung trong Quốc Vụ Viện.

Tôi đã luôn luôn hoàn toàn ủng hộ cải cách của Đặng. Quả thực, tôi đã vô cùng nhiệt tình về nó và đã làm việc hết sức để thực hiện nó. Tuy vậy, tôi đã có những sự bảo lưu về sự nhấn mạnh của Đặng đến tốc độ. Tất nhiên, nếu mọi thứ khác diễn ra tốt đẹp và nền kinh tế chạy suôn sẻ, thì nhanh hơn là tốt hơn; chẳng ai có thể phản đối điều đó. Tuy vậy, xu hướng sai lầm quá khứ của chúng ta để tập trung vào việc theo đuổi các giá trị đầu ra đã dạy chúng ta rằng một sự quá nhấn mạnh đến nhịp độ có thể dẫn đến một sự theo đuổi mù quáng các mục tiêu cao và tốc độ, làm tổn hại đến hiệu quả.

Các mục tiêu sản xuất của tôi đã tương đối khiêm tốn và tôi đã nhấn mạnh đến hiệu quả kinh tế. Đặng đã hiểu quan điểm của tôi về vấn đề này. Đã không có sự xung đột nào.

Về vấn đề cải cách, [HỒ] Diệu Bang và tôi đã có cùng quan điểm cơ bản. Cả hai chúng tôi đã nhiệt tình. Tuy vậy, chúng tôi đã có những sự khác biệt về các bước cụ thể, những cách tiếp cận, và các phương pháp—đặc biệt về vấn đề tốc độ, Diệu Bang đã thậm chí hung hăng hơn Đặng. Đặng đã chỉ muốn các thứ có thể chạy nhanh hơn. Diệu Bang đã thúc đẩy quan niệm một cách tích cực ở mọi nơi và đã đòi rằng người dân làm các thứ như “tăng gấp bốn, trước thời hạn.” Vì tôi đã chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc kinh tế, sự khác biệt giữa những cách tiếp cận của chúng tôi đã hiển nhiên.

Về phần Đồng chí Trần Vân, tôi đã vô cùng kính trọng ông trong những năm khi tôi bắt đầu làm việc trong ban lãnh đạo trung ương. Tôi đã cảm thấy rằng trong thế hệ các lãnh đạo già hơn, Đồng chí Trần Vân đã là người hiểu sâu sắc nhất về kinh tế học; ông đã có những sự thấu hiểu độc nhất và sắc sảo. Kế hoạch 5 Năm đầu tiên của ông đã rất thành công; tất nhiên, nó đã dựa vào mô hình kinh tế Soviet. Sau 1957, ông đã khẳng khái về việc suy nghĩ độc lập, và ông đã không đồng ý với Đại Nhảy Vọt của Mao Chủ tịch.* Vào lúc đó khi toàn bộ Đảng bị hoang tưởng, đã là không dễ để giữ vững

những quan điểm riêng của ông. Hơn nữa, sau Ba Biến đổi† trong những năm 1950, ông [Trần] đầu tiên đã đề xuất rằng bên trong nền kinh tế chủ yếu kế hoạch, phải cho phép một lượng nhỏ quyền tự do. Ông đã tin vào việc cho phép một thị trường càng sống động càng tốt bên trong một nền kinh tế kế hoạch. {Mô hình nền kinh tế “lồng chim” nổi tiếng của ông với kế hoạch như chiếc lồng, nhưng bên trong chiếc lồng lớn các con chim – các tổ chức kinh tế – tự do bay nhảy bên trong lồng theo cơ chế thị trường}.


Việc này đã không dễ, vì lúc đó Đảng đã quyết tâm để mở rộng vai trò của kế hoạch hoá cho đến khi nó chiếm toàn bộ nền kinh tế. Ngoài ra, trong năm 1962 khi nền kinh tế bị khủng hoảng, ông đã cứu tình hình. Ông đã tiến hành các biện pháp rất hiệu quả, kể cả tăng giá đường, nhập khẩu đậu nành, và chống lại dịch giữ nước do nạn đói gây ra. Ông đã xoay chuyển tình hình một cách nhanh chóng. Tất nhiên, các cố gắng cũng được Đồng chí Lưu Thiếu Kỳ [Chủ tịch nước Trung Quốc từ 1959 đến 1968] và Thủ tướng Châu [Ân Lai, Thủ tướng Trung Quốc từ 1949 đến 1976] tiến hành, nhưng Đồng chí Trần Vân đã đề xuất nhiều trong số các biện pháp này.

Sau khi tôi chuyển về Bắc Kinh, tôi đã đồng ý với sự phản đối của ông đối với sự quá nhấn mạnh đến tốc độ, để tránh những biến động kinh tế lớn. Và ông đã bày tỏ sự ủng hộ cho cải cách kinh tế đô thị của tôi nhằm đến làm nhẹ sự dựa vào nhà nước cho các việc làm và mở rộng sự tự trị cho các doanh nghiệp. Trong vài năm đầu, hai chúng tôi đã có một mối quan hệ tốt. Tôi thậm chí đã có khả năng để dàn hoà và làm dịu sự liên lạc giữa Đặng và Trần. Từ khi tôi đã chịu trách nhiệm về nền kinh tế, tôi đã xin ý kiến của cả hai người và sau đó đề xuất các ý tưởng riêng của tôi. Chúng đã chủ yếu dựa vào các ý kiến của Đặng, trong khi cũng đưa các ý kiến của Trần Vân vào sự cân nhắc. Kết quả đã là, hai người họ đã có thể đạt sự đồng ý.

Các vấn đề đã nảy sinh khi cải cách đã sâu hơn. Các vấn đề mới đã nổi lên khi chúng tôi đẩy tới, nhưng các ý tưởng của Trần Vân đã vẫn không thay đổi. Bên trong Đảng, các quan điểm của Đồng chí Trần Vân về nền kinh tế đã được xem là có tinh thần cởi mở trong những năm 1950 và những năm 1960. Nhưng khi ông đã cố chấp trong niềm tin của ông vào “một lượng nhỏ quyền tự do dưới một nền kinh tế kế hoạch chủ yếu” hoặc “nền kinh tế kế hoạch là chính, những điều chỉnh thị trường là bổ trợ,” ông đã ngày càng trở nên lạc giọng với các mục tiêu tổng thể của cải cách và thực tế của thời đại. Khoảng cách giữa chúng tôi đã trở nên lớn hơn.

2. Một sự Thoái lui Sớm

Thách thức lớn đầu tiên của Triệu với tư cách Thủ tướng là một biện pháp, được hai lão thành Đảng đưa ra, để làm chậm nền kinh tế để tránh lạm phát. Mặc dù Triệu đại thể chấp thuận biện pháp, ông nắm vị trực tiếp của việc các công cụ hành chính của kế hoạch hoá tập trung có thể cứng nhắc đến thế nào.

 Trong năm 1979 và 1980, một sự điều chỉnh lại đã được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đồng chí Trần Vân để hiệu chỉnh những sự mất cân đối trong nền kinh tế. Ủy ban Trung ương đã lập ra một Ủy ban Kinh tế và Tài chính, và Đồng chí Tiểu Bình đã thúc ép Trần Vân lãnh đạo nó. Việc này đã xảy ra trước khi tôi đến Bắc Kinh. Muộn hơn, dưới sự lãnh đạo của tôi, tên của nhóm đã được đổi thành Nhóm Lãnh đạo Kinh tế và Tài chính Trung ương.

Mục tiêu của việc điều chỉnh lại kinh tế hai năm đã để hiệu chỉnh các vấn đề nổi lên trong thời gian lãnh đạo của Lí Tiên Niệm [Phó Thủ tướng chịu trách nhiệm về công việc kinh tế] và Dư Thu Lí [Phó Thủ tướng]. Dư Thu Lí và Khang Thế Ân [một Phó Thủ tướng khác] đã phê phán và cơ bản đã phản đối sự điều chỉnh lại. Điều đó giúp giải thích vì sao Dư Thu Lí muộn hơn đã bị thay đổi vị trí khỏi Ủy ban Kế hoạch hoá Kinh tế và được thay bằng Diêu Y Lâm.

Sau sự điều chỉnh lại hai năm 1979 và 1980, một sự điều chỉnh lại thêm nữa đã được đề xuất cho 1981. Đây đã là vấn đề lớn đầu tiên tôi chạm trán với vào lúc nhận sự lãnh đạo Quốc Vụ Viện.

Khi Kế hoạch 5 Năm lần thứ sáu được thảo luận trong tháng Năm và tháng Sáu 1980, tôi đã hy vọng tăng gấp đôi quy mô của nền kinh tế trong vòng mười năm. Mục tiêu đã là đạt sự tăng trưởng

5 phần trăm đến 6 phần trăm từ 1980 đến 1985, và sau đó sự tăng trưởng tương đối nhanh hơn trong 5 năm tiếp theo.

Tuy vậy, khi Ủy ban Kế hoạch soạn thảo kế hoạch cho 1981, nó đã phát hiện rằng thâm hụt tài chính đã vượt 10 tỷ nhân dân tệ trong 1979 và 1980, và nó dự đoán rằng thâm hụt 1981 sẽ cũng cao. Đồng thời, giá cả đang tăng lên, gây ra những lời phàn nàn lan rộng.

Khi Trần Vân được biết về tình hình, ông đã gợi ý rằng chúng ta đạt cả một sự cân bằng tài chính và một sự cân bằng tín dụng trong 1981. Ông đã tin rằng sẽ là tốt hơn để hy sinh sự tăng trưởng nhanh nhằm để thiết lập một sự cân bằng tài chính. Ông đã lo rằng các khoản thâm hụt từ năm này sang năm khác sẽ dẫn đến lạm phát xấu hơn. Lí Tiên Niệm đã đi xa hơn, gợi ý rằng không chỉ ngân sách phải được cân bằng, mà phải có một thặng dư. Vì hai người đã có kinh nghiệm lâu đời trong việc hoạch định chính sách kinh tế, sự điều chỉnh lại thêm đối với nền kinh tế trong năm 1981 đã trở thành một điều chắc chắn. Điều này đã có nghĩa là giảm quy mô các kế hoạch cho các dự án xây dựng, và làm chậm nhịp độ phát triển.

Kế hoạch kinh tế được xét lại của Ủy ban Kế hoạch đã được trình cho một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị để thảo luận vào ngày 28 tháng Mười Một. Sau khi Tiểu Bình, Trần Vân, và Lí Tiên Niệm đã chấp thuận, nó đã được thông báo toàn quốc qua một cuộc Họp Công tác Ủy ban Trung ương vào ngày 26 tháng Mười Hai với các lãnh đạo tỉnh và thành phố tự quản tham dự.

Với những cải cách đem lại những năm liên tiếp được mùa và một thị trường sôi động, các tiêu chuẩn sống đã tăng lên. Dưới những điều kiện tốt như vậy, nhiều Đồng chí khắp nước đã thấy sự điều chỉnh là không cần thiết. Sự điều chỉnh đã có nghĩa là một số hợp đồng với các công ty nước ngoài sẽ phải bị xét lại; thiết bị đã được giao cho các dự án nào đó sẽ phải đưa vào trong kho.

Như một kết quả, đã có bàn tán nào đó ở nước ngoài về nền kinh tế Trung Quốc đang trong rắc rối. Đã có lời khen ngợi ở nơi khác. Từ các tài liệu mà tôi đã đọc, chỉ Nhật Bản đã tin rằng sự điều chỉnh lại đã là cần thiết để đặt nền kinh tế đi đúng hướng.

Trần Vân và Lí Tiên Niệm đã đề xuất sự điều chỉnh lại. Mặc dù Đặng Tiểu Bình đã đồng ý tại cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và đã trình bày một bài phát biểu về việc đó tại cuộc Họp Công tác Ủy ban Trung ương, nó đã không phải là cái ông thực sự muốn. Ông đã không vui để ngưng các dự án nhập khẩu lớn và đưa thiết bị vào kho. Ông đã đồng ý với quan điểm của Trần Vân và Lí Tiên Niệm chỉ để chứng tỏ sự ủng hộ của ông cho Trần Vân.

Cho đến lúc đó, Đặng Tiểu Bình vẫn đã xem Trần Vân là người ra quyết định chính về các vấn đề kinh tế. Trong tâm trí của ông, hàng thập kỷ kinh nghiệm đã cho thấy rằng Trần Vân đã có sự hiểu biết sâu nhất về các vấn đề kinh tế và đã thông thái hơn ông. Cho dù tình hình đã không theo ý thích của ông, ông đã bày tỏ sự ủng hộ cho Trần Vân.

[Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Hồ] Diệu Bang đã không nói gì tại cuộc họp. Theo ý tôi, ông đã không hoàn toàn đồng ý nhưng đã thấy khó để bày tỏ sự phản đối, vì hai lão thành đã đề xuất biện pháp và người khác đã phải đồng ý với nó. Tuy vậy, sau một năm trôi qua, trong mùa xuân 1982, khi Diệu Bang đi thăm các tỉnh để kiểm tra, ông đã nói “sự điều chỉnh lại 1981 đã khiến cho nền kinh tế chìm xuống.” Tất nhiên, khi câu này đến tai Trần Vân, ông đã không vui.

Mặc dù tôi đã là lãnh đạo của Nhóm Lãnh đạo Kinh tế và Tài chính Trung ương, tôi đã chỉ vừa gia nhập ban lãnh đạo trung ương và đã vẫn chưa quen với tình hình kinh tế quốc gia. Tôi đã chân thành tin Trần Vân. Cho dù ý kiến của ông đã khác ý tưởng của tôi về “tăng gấp đôi trong mười năm,” tôi đã đồng ý với ý tưởng của

Đồng chí Trần Vân. Nhìn lại, sự điều chỉnh lại thêm đã là cần thiết, và những kết quả cuối cùng đã là tốt.

Trong một thời gian sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá

11, nền kinh tế của chúng ta đã vẫn trong một lỗ hổng. Trong nhiều năm—trước và trong

Cách mạng Văn hoá—chúng ta đã tụt hậu về nhiều khía cạnh, kể cả xây dựng đô thị, nông

nghiệp, và các tiêu chuẩn sống của nhân dân. Để chuyển sang một trạng thái kinh tế lành mạnh hơn, chúng ta đã phải đi qua một quá trình “học lại.” Trong tình hình này, đã là không thể để đạt sự phát triển kinh tế nhanh. Cũng đã chẳng thể để tiến hành việc xây dựng hạ tầng quy mô lớn. Thí dụ, nhằm để làm sống lại nền kinh tế nông thôn và nâng cao các khuyến khích cho các nông dân, giá của các hàng hoá nông nghiệp được tăng lên. Mục tiêu đã là để làm giảm khoảng cách thu nhập đô thị-nông thôn. Tôi đã vẫn ở Tứ Xuyên khi chính sách được đưa ra, và tôi đã tham gia trong thảo luận. Đã có hai điểm then chốt. Thứ nhất, các giá cho các sản phẩm nông nghiệp và các sản phẩm nông thôn khác phải được nâng lên, hoặc khác đi các nông dân sẽ không có khuyến khích để sản xuất. Thứ hai, mặc dù lúc đó đã là không thể để bỏ độc quyền nhà nước về các sản phẩm nông nghiệp và các sản phẩm nông thôn khác, các định mức cho việc thu mua bắt buộc đã phải được giảm đi, đặc biệt trong những vùng sản xuất ngũ cốc chính. Trong nhiều năm, các định mức đó đã quá cao. Các nông dân đã phải làm việc quá vất vả để đáp ứng chúng.

Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11, đã có những vụ thu hoạch tốt nhiều năm liên tiếp: 1979, 1980, 1981, 1982, 1983, và 1984. Các vùng nông thôn đã trải nghiệm một

sự phát đạt mới, phần lớn bởi vì chúng ta đã giải quyết vấn đề về “những ai canh tác sẽ có đất” bằng việc thực hiện một chính sách “giao khoán đất nông thôn”. Tình hình cũ, nơi các nông dân đã là các nhân viên của một nhóm sản xuất, đã thay đổi; các nông dân đã bắt đầu gieo trồng cho chính họ.

Năng lực nông thôn mà đã được giải phóng trong những năm đó đã là kỳ diệu, vượt xa những gì bất kỳ ai đã có thể tưởng tượng. Một vấn đề tưởng là không thể giải quyết nổi đã tự thực hiện trong thời gian chỉ vài năm. Tình hình thực phẩm mà một thời đã nghiêm trọng đến vậy đã trở thành một tình trạng nơi, vào năm 1984, các nông dân thực sự đã có nhiều ngũ cốc hơn họ đã có thể bán. Các kho ngũ cốc nhà nước đã được chất đầy từ chương trình thu mua hàng năm.

Hai nhân tố khác đã đóng góp cho sự thay đổi. Một đã là giá được nâng cao của các sản phẩm nông nghiệp. Các nông dân đã có thể có lợi nhuận từ việc trồng trọt. Nhân tố khác đã là sự giảm về các chỉ tiêu cho sự thu mua bắt buộc của nhà nước, mà đã có nghĩa là lấy ít thực phẩm hơn khỏi miệng của các nông dân.

Trong hơn hai thập niên, các nông dân đã không có đủ để ăn sau khi giao ngũ cốc họ đã sản xuất ra cho nhà nước sau mỗi vụ gặt. Tất nhiên, lý do mà chúng ta đã có thể đưa ra chính sách mới này đã bởi vì Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11 đã quyết định rằng Trung Quốc có thể nhập khẩu ngũ cốc. Đồng chí Trần Vân đã nói các khoản nhập khẩu được cho phép sao cho cây công nghiệp có thể được duy trì, nhưng trong thực tế, các khoản nhập khẩu đã thoả mãn các nhu cầu tiêu thụ đô thị, bằng cách ấy làm giảm các chỉ tiêu thu mua bắt buộc ở nông thôn [được mua một phần cho các thị trường đô thị]. Số lượng nhập khẩu ngũ cốc đã khổng lồ trong những năm đó, giữa 10 triệu và 20 triệu tấn. Các khu vực sản xuất ngũ cốc chính đã có thể bán ngũ cốc dư của

họ với một giá cao hơn và kiếm lợi nhuận. Cùng nhau, tất cả những thứ này đã cho các vùng nông thôn sự phát đạt lập tức.

Việc thực hiện những chính sách này đã đến với một cái giá phải trả. Trong khi giá cả của các sản phẩm nông nghiệp đã tăng lên, giá cả thực phẩm đô thị đã không thể tăng lên ngay lập tức, vì những người lao động đô thị đã có sức mua hạn chế. Vì thế chúng ta đã phải tài trợ các khoản bao cấp thêm cho các sản phẩm nông nghiệp và các sản phẩm nông thôn khác {ở các thị trường đô thị}. Đồng thời, đã cần ngoại tệ để nhập khẩu ngũ cốc, mà đã tác động đến nhập khẩu máy móc. Thêm vào, nhà ở đô thị đã cần được mở rộng. Và vì các nhà máy bây giờ đã có sự tự trị hơn, lương và thưởng của những người lao động đã tăng thêm. Tất cả việc này đã kéo theo chi tiêu thêm. Nhưng tất cả những thứ này đã là phần của quá trình phục hồi, mà đã lát đường cho tình hình tốt của các năm sau.

Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11, thu nhập tài chính của nước chúng ta đã giảm từ từ theo tỷ lệ của tổng sản phẩm quốc gia (GNP), trong khi các khoản chi tiêu đã tăng lên đều đặn, như thế dẫn đến một khoản thâm hụt. Đây là cái giá chúng ta đã phải trả; nó đã là bình thường và có thể giải quyết được. Trong năm 1984, tôi đã bắt đầu đề xuất một sự tăng từ từ tỷ lệ thu-trên-GNP. Để giảm thâm hụt, chúng ta đã tạm thời giảm quy mô xây dựng hạ tầng cơ sở và giảm nhịp độ phát triển kinh tế. Đã không có lựa chọn nào khác.

Nếu giả như chúng ta đã bỏ qua tình hình và đã phát động một “chiến dịch nhịp điệu nhanh dốc toàn lực,” chúng ta đã có thể phải đối mặt lạm phát cao nghiêm trọng và đặt sự căng thẳng lớn hơn lên các nông dân và các công nhân. Những sự điều chỉnh lại trong

1979 và 1980 và lần nữa trong 1981 đã là cần thiết. Như một kết quả của những sự điều chỉnh lại 1981, khu vực nông nghiệp đã tiếp

tục có được các vụ thu hoạch lớn, thị trường

đã tiếp tục thịnh vượng, và nền kinh tế quốc gia đã không cho thấy sự tăng trưởng âm nào. Ngược lại, nền kinh tế đã tăng với tỷ lệ hàng năm 4 phần trăm. Và khi sự điều chỉnh lại đã sâu hơn trong 1981, tăng trưởng đã tăng lên. Tốc độ tăng trưởng trong quý đầu đã tương đối thấp, quý hai đã khá hơn, quý ba đã cao hơn, và quý bốn đã cao hơn đáng kể.

Điều này chứng tỏ sự điều chỉnh lại đã là tốt và nền kinh tế đã phục hồi.

Đây là cách chúng ta đã giữ nền kinh tế phát triển: bằng giảm quy mô các dự án hạ tầng cơ sở và giảm công nghiệp nặng, sản xuất sắt và thép, và sản xuất máy móc; bằng mở rộng các ngành công nghiệp nhẹ như các sản phẩm tiêu dùng và hàng may mặc trong khi cho phép và cổ vũ các doanh nghiệp tư nhân; bằng việc phát triển các ngành dịch vụ. Các thành phố đã tiếp tục thịnh vượng và các tiêu chuẩn sống đã tiếp tục tăng lên. Các tỷ lệ việc làm đã tăng lên. Cuối cùng chúng ta đã đạt một ngân sách cân bằng và nhân dân nói chung đã hài lòng hơn.

Tuy nhiên, chính sách đã có những thiếu sót của nó. Chúng ta đã vẫn chưa hiệu chỉnh hoàn toàn cách mà theo đó Ủy ban Kế hoạch cắt bớt các dự án hạ tầng cơ sở, mà đã bị “cắt đều tất cả.” Với hệ thống cũ vẫn còn, đã là khó để không làm vậy, và như thế chúng tôi đã lập các định mức cho mỗi khu vực.

Nhằm để cứu các dự án mà thực sự không được cắt, tuy vậy, tôi đã yêu cầu Ủy ban Kế hoạch hãy linh hoạt với một phần của ngân sách sao cho chúng ta có thể phục hồi vài trong số các dự án này. Sau việc giảm chi tiêu chung, chúng tôi đã xét lại những việc cắt nào sẽ chịu một tổn thất quá lớn, hay các dự án nào đã có lợi đến mức chúng phải được tiếp tục. Tất nhiên, đã không thể có một

số lớn các ngoại lệ, nhưng chúng tôi đã có thể giảm tác động tiêu cực của “việc cắt đều tất cả.”

Tuy nhiên, nhìn lại, sự điều chỉnh lại đã quá hà khắc. Chúng ta phải đưa ra những ngoại lệ cho tất cả các dự án nơi thiết bị đã nhận được rồi hoặc đã cần khẩn cấp và đã có thể được lắp đặt và đưa vào sản xuất nhanh chóng. Việc này đã có chi phí hiệu quả hơn, đặc biệt khi xem xét chi phí lưu kho. Mặc dù một vài trong số các dự này đã tiếp tục lại một năm sau, thời gian và tiền bạc đã bị lãng phí. Một số trong số các dự án đã cần hàng năm để khôi phục. Lý do chúng ta đã không đưa ra những biện pháp linh hoạt hơn chủ yếu đã bởi vì chúng ta đã thiếu tiền của nội địa đủ để chi trả cho các dự án này; thâm hụt cần được giảm sao cho có thể đạt được cân bằng tài chính. Nó đã là quá máy móc.

Thí dụ, nếu thâm hụt đã không được loại trừ ngay lập tức và một phần ngân sách đã được chi cho các dự án đáng giá, khoản đầu tư đã có thể có lời trong một năm hay khoảng vậy. Và dưới chính sách mở cửa, chúng ta đã có thể giải quyết vấn đề bằng việc vay các khoản vay nước ngoài nhiều hơn. Nhưng Trần Vân đã lo và đã kiên quyết khăng khăng. Ông đã sợ các dự án quá đáng và quá lớn và đã khăng khăng về những sự giảm. Lúc đó, đã có những thứ chúng tôi đã không hiểu rõ, vì chúng tôi đã không có đủ kinh nghiệm.

3. Mở cửa một cách Đau đớn ra Thế giới

Dọc duyên hải, các lãnh tụ Trung Quốc đã lập vài Đặc khu Kinh tế (SEZ) cho thí nghiệm thị trường-tự do. Bằng việc giới hạn các cải cách như vậy cho ít vùng này, các nhà khai phóng Trung Quốc đã tránh loại các cuộc tranh luận chính trị tốn kém mà đã có thể cản trở bất cứ nỗ lực toàn quốc nào để chấp nhận các chính sách khai phóng này.

Tuy vậy, khi đã trở nên rõ ràng các SEZ thực sự đang trở thành các vùng tư bản chủ nghĩa biệt lập, Trần Vân chống lại, khởi động “Chiến dịch Đánh Mạnh Chống lại Tội phạm Kinh tế.” Triệu và Hồ Diệu Bang cảm thấy bất lực để chặn lão thành Đảng có ảnh hưởng này.

Có những đụng độ khác trong những ngày đầu của việc Trung Quốc mở cửa ra với thế giới bên ngoài. Một kế hoạch để cho thuê bất động sản trên Đảo Hải Nam cho một nhà đầu tư nước ngoài, thí dụ, đã kích một cuộc tranh cãi lớn. Nhiều người cho rằng một thương vụ như vậy sẽ làm tổn thương đến chủ quyền của Trung Quốc. Cuối cùng Triệu thuyết phục Đặng Tiểu Bình rằng chẳng có gì để sợ.



Ông chí Trần Vân đã lo ngại sâu sắc về chính sách mở cửa, và những sự khác biệt của ông với Đặng Tiểu Bình đã khá rõ rệt.

Các Đặc Khu Kinh tế (SEZ) đã được Đặng Tiểu Bình đề xuất. Ông đã phê chuẩn cho Thâm Quyển và Châu Hải ở Tỉnh Quảng Đông và Hạ Môn ở Tỉnh Phúc Kiến, và muợn hơn thêm những cái khác. Trần Vân đã luôn luôn phản đối ý tưởng về các SEZ. Ông đã chẳng bao giờ đặt chân vào bất cứ cái nào trong số chúng. Tôi đã nghe rằng ông đã cử các phái viên đến các SEZ những người lúc

đầu đã trở về với các báo cáo tiêu cực, nhưng muộn hơn tích cực hơn. Nhưng ông đã luôn luôn có những nghi ngờ và những sự phản đối.

Tại cuộc họp tháng Mười Hai 1981 của các bí thư tỉnh uỷ và thành uỷ, và trong cuộc nói chuyện của ông với các lãnh đạo của Ủy ban Kế hoạch những người đã thăm ông trong Lễ hội Mùa xuân, Trần Vân đã nhấn mạnh rằng mục đích chính của các SEZ đã là sự thử nghiệm và học hỏi. Ông đã nói thêm rằng các SEZ không thể được mở rộng thêm chút nào và rằng chúng ta phải chú ý đến các khía cạnh tiêu cực của chúng.

Ban đầu, đã định có nhiều SEZ hơn dọc các vùng duyên hải, kể cả quanh Thượng Hải và ở Tỉnh Chiết Giang. Nhưng Trần Vân đã nói rằng các vùng đó không được lập các SEZ. Vùng này, như Trần Vân diễn đạt, đã nổi tiếng về sự tập trung những kẻ cơ hội những người sẽ, với các kỹ năng giỏi của họ, ngóc lên từ những cái chuồng của chúng nếu được trao cơ hội mong manh nhất. Văn phòng Nghiên cứu của Ban Bí thư do Đặng Lực Quần chỉ huy cũng đã thu thập tài liệu để thử chứng minh rằng các SEZ sẽ tha hoá thành “các vùng nhượng địa nước ngoài.” Tại một thời điểm, những chỉ trích này đã phổ biến, một kết quả của ảnh hưởng của Trần Vân và Đặng Lực Quần. Về vấn đề đầu tư nước ngoài, Trần Vân đã hoàn toàn bất đồng với [Đặng] Tiểu Bình. Tiểu Bình đã tin vào việc kéo các khoản đầu tư nước ngoài quy mô lớn vào. Ông đã tin là khó cho một nền kinh tế đang phát triển như của Trung Quốc để cát cánh mà không có đầu tư nước ngoài. Tất nhiên, ông đã chỉ giải quyết các vấn đề lớn và đã không can thiệp nhiều như việc này có thể được thực hiện ra sao. Nhưng ông đã ủng hộ tất cả về nó: các khoản vay ưu đãi, các khoản vay không ưu đãi, các liên doanh. Trần Vân đã rất thận trọng về đầu tư nước ngoài. Hồ sơ cho liên doanh Thượng Hải-

Volkswagen đã ở trong văn phòng ông một thời gian dài trước khi ông cuối cùng đã có sự ưng thuận của ông.

Trần Vân đã tin rằng đầu tư trực tiếp nước ngoài [FDI] đã không là giải pháp cho sự phát triển của Trung Quốc. Ông thường đã nói rằng các nhà tư bản nước ngoài đã không chỉ tìm kiếm lợi nhuận bình thường, mà “lợi nhuận thặng dư.” Nói cách khác, sẽ là không thể để có được bất cứ lợi ích nào từ FDI. Ông đã thường cảnh báo Cốc Mục, người đã chịu trách nhiệm về ngoại thương và công việc kinh tế, để nâng mức cảnh giác. Ông đã nói rằng các khoản vay ưu đãi được các thực thể nước ngoài dành cho Trung Quốc đã là cho việc mua thiết bị. Tuy các khoản này có vẻ là ưu đãi, mục tiêu [cho các công ty nước ngoài] đã là để xuất khẩu các sản phẩm và tiền chiết khấu trong các khoản cho vay đã được bù trong lợi nhuận bán các sản phẩm. Khi nhận các khoản cho vay như vậy, chúng ta không có quyền tự do nào để lựa chọn, mà phải buộc mua các sản phẩm được chỉ định. FDI mà không có những hạn chế chi tiêu đã đến với các lãi suất rất cao, mà chúng ta không thể chịu nổi.

Ông đã cũng phê phán các liên doanh. Tôi đã cảm thấy rằng những suy nghĩ của Trần Vân đã bị sa lầy vào các từ ngữ lý luận về “tư bản-tài chính” được thấy trong *Về Chủ nghĩa Đế quốc* của Lenin. Sau khi những cải cách đã được khởi động, ông đã đọc *Về Chủ nghĩa Đế quốc* của Lenin lần nữa. Một lần ông đã nói với tôi rằng sự mô tả đặc trưng của Lenin đã vẫn có căn cứ, và rằng chúng ta vẫn đang ở trong thời đại của chủ nghĩa đế quốc.

“Chiến dịch Đánh Mạnh Chống lại Tội phạm Kinh tế” đã bắt đầu trong các vùng duyên hải trong tháng Giêng 1982. Tôi đã bắt đầu với một thông báo khẩn được gửi nhân danh Ủy ban Trung ương, và nó sẽ có những hậu quả to lớn. Vào lúc đó tôi đã ở Chiết Giang. Tôi đã biết muộn hơn rằng chiến dịch đã bắt đầu trong sự đáp lại một

báo cáo về các hoạt động buôn lậu ở Quảng Đông mà đã được gửi cho Ủy ban Kỷ luật Trung ương.

Về tài liệu Trần Vân đã viết một bức thư ngắn, kêu gọi “một cú đánh mạnh và kiên quyết, giống một cú sét.” Sau đấy, [Tổng Bí thư Đảng Hồ] Diệu Bang đã chủ tọa một cuộc họp Ban Bí thư và đã ra thông báo khẩn cấp. Trong tháng Ba, sau khi tôi quy về Bắc Kinh, Ủy ban Trung ương đã tổ chức một hội nghị chuyên đề đặc biệt về các tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến và đã phổ biến một tóm tắt khắp cả nước, chỉ đạo các khu vực khác để hành động theo tinh thần của tài liệu. Trong tháng Tư, Ủy ban Trung ương và Quốc Vụ Viện lại ban hành một “Nghị quyết để Đánh Mạnh Chống lại các Hoạt động Tội phạm Kinh tế Nghiêm trọng.”

Trong 1981, các cải cách đã vẫn còn mới. Chiến dịch toàn quốc này, được tiến hành trong các vùng duyên hải, đã gây ra thiệt hại to lớn cho chúng. Các cải cách đã làm sống lại nền kinh tế nhưng cũng đã dẫn đến những hoạt động như buôn lậu, đầu cơ, đút lót, và ăn cắp tài sản nhà nước. Nhưng chúng phải được giải quyết trên cơ sở từng trường hợp một. Thay vào đó, mức độ của vấn đề đã bị đánh giá quá cao và một quyết nghị không thích hợp đã được đưa ra. Các hoàn cảnh không tránh khỏi mà đã đi cùng những cố gắng để nói lỏng các quy tắc nhân danh việc kích thích nền kinh tế đã bị mô tả như “những biểu hiện quan trọng của đấu tranh giai cấp trong môi trường mới” và “kết quả của sự phá hoại và làm xói mòn hệ thống của chúng ta bởi những kẻ thù giai cấp sử dụng tư tưởng tư bản chủ nghĩa thối nát.”

Cũng được tuyên bố rằng “các lối sống tư sản đã tăng lên.” Và đã được đề xuất rằng “từ nay trở đi, cuộc chiến đấu chống tha hoá từ các tư tưởng tư sản sẽ được tăng cường. Sự nhấn mạnh được đặt lên việc duy trì sự trong sạch của chủ nghĩa cộng sản trong quá trình cải cách.”

Loại gán nhãn này và cách mà theo đó chiến dịch được tiến hành đã tác động một cách không thể tránh khỏi đến các vấn đề đang nổi lên với cải cách. Phản ứng thái quá đối với việc buôn lậu ở Quảng Đông và các vùng duyên hải khác đã liên quan đến những sự phản đối và nghi ngờ của Đồng chí Trần Vân đối với cải cách và kích thích kinh tế. Ông đã tin rằng đây đã là những chính sách nguy hiểm.

Khi việc tấn công chống lại các tội phạm kinh tế được đề xuất, đã được công bố rằng các SEZ cũng phải duy trì “nền kinh tế kế hoạch là chính, những điều chỉnh thị trường là phụ.” Việc này làm cho các SEZ vô nghĩa. Ông [Trần Vân] cũng đã công bố việc tăng cường kiểm soát tập trung đối với ngoại thương: không có hoạt động thương nghiệp hay kinh tế nào với những người nước ngoài trừ việc gồm các công ty được nhà nước chỉ định và các công ty này phải theo các quy tắc và thủ tục chính thức. Như một kết quả, một số quyền hạn được giao xuống rồi cho các SEZ đã bị lấy đi. Ông cũng đã định những hướng dẫn cho các định mức tăng lên cho việc nhà nước thu mua bắt buộc các sản phẩm nông nghiệp và nông thôn và một sự giảm các khoản thu mua giá cao. Rồi ông đã đề xuất việc hạn chế các khoản thưởng của các công nhân trong vùng duyên hải xuống mức chỉ cao hơn một chút so với các khoản thưởng trong các tỉnh nội địa.

Cuộc tấn công chống lại các tội phạm kinh tế đã biến thành một chiến dịch chống lại sự tự do hoá kinh tế. Nó đã lấy lại một số quyền hạn đã được trao xuống rồi. Sự cho phép các tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến để tiến hành với những chính sách đặc biệt và linh hoạt đã bị lột xuống hầu như chẳng còn gì.

Trần Vân đã đóng một vai trò chính trong việc gây ra tình hình này. Cái ngòi đã là báo cáo của Ủy ban Kỷ luật Trung ương, nhưng không có chỉ thị của Trần Vân đáp lại, thì đã không có chiến dịch

nào như vậy. Hồ Kiều Mộc [một uỷ viên Bộ Chính trị bảo thủ người một thời đã là thư ký của Mao] cũng đã đóng một vai trò rất có hại.

Đặng Tiểu Bình có lẽ đã không nhận ra tính nghiêm trọng của vấn đề, bởi vì ông đã luôn luôn thử để quản lý cải cách bằng một tay trong khi kiềm chế các tội phạm kinh tế bằng tay kia. Ông đã có vẻ không biết về chiến dịch này đã có thể tác động một cách nghiêm trọng thế nào đến việc thực hiện tổng thể của cải cách. Cả Diệu Bang và tôi đã bị kẹt trong một vị trí thụ động. Cho dù thông báo khẩn cấp đã được đưa ra bởi một cuộc họp Ban Bí thư do Diệu Bang chủ tọa, ông đã chỉ thực hiện một mệnh lệnh.

Cho dù hội nghị chuyên đề các tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến đã được tổ chức bởi hai chúng tôi và cả hai chúng tôi đã phát biểu tại cuộc họp, chúng tôi đã ở trong một sự trói buộc. Tại cuộc họp, các Đồng chí từ cả hai tỉnh đã bày tỏ những sự lo lắng sâu sắc. Họ đã tin rằng một chiến dịch như vậy sẽ làm cho khó để triển khai bất cứ chính sách đặc biệt nào hay biện pháp linh hoạt nào. Một mặt, cả hai chúng tôi đã phải thuyết phục họ để chấp nhận thông báo đã được Ủy ban Trung ương chuyển xuống, nhưng mặt khác, chúng tôi đã cần thuyết phục Đồng chí Trần Vân để bảo vệ các chương trình cải cách càng nhiều càng tốt, để tối thiểu hoá việc gây thiệt hại cho tình hình tuyệt vời mà các cải cách đã mang lại cho vùng duyên hải.

Trong biên bản của cuộc họp, Đồng chí Trần Vân đã đề xuất cách chức Nhâm Trọng Di, bí thư Tỉnh uỷ Quảng Đông. Ông đã tin rằng những nơi như Quảng Đông và Phúc Kiến không được có những lãnh đạo như Nhâm Trọng Di, những người “thông minh đến thế,” mà thay vào đó phải được lãnh đạo bởi những người rất có kỷ luật, hay theo lời của Trần Vân, “vững chắc như một chiếc đinh không thể nhổ được.”

Diệu Bang và tôi đã lặp đi lặp lại cầu khẩn ông, cho đến khi Trần Vân cuối cùng đã bỏ cuộc. Một lý do đã là, ông đã không thể đưa ra

một sự thay thế thích hợp trong thời hạn ngắn. Người được ông đề xuất cho chức vụ ấy đã có những vấn đề sức khỏe, như thế ông đã buộc phải bỏ cuộc.

Chiến dịch, mà đã kéo dài hơn một năm, đã gây ra nhiều vấn đề. Một số sai lầm hay thiếu sót trong công việc đã bị xem là các tội. Đã có nhiều trường hợp kết án mà không có một tội và những sự trừng phạt gắt gao cho những sự vi phạm nhỏ. Những tình thế ban đầu được xem như một lợi ích của cải cách đã bị xử lý như việc trục lợi và tham ô.

Thí dụ, các hoạt động này đã đều được xem như các tội: các kỹ thuật viên làm việc cho các tập thể những người đã có một việc kinh doanh riêng hay có việc làm được trả công trong thời gian rỗi của họ; các tổ chức sử dụng ngoại tệ thêm mà họ đã được phép để giữ sau khi xuất khẩu các hàng hoá, hặc buôn bán các đồng tiền khác; các chi phí quan hệ công chúng giữa những người mua sắm và các đối tác thương mại của họ. Nhiều người đã bị kết án sai. Muộn hơn, các trường hợp này đã được đánh giá lại và danh tiếng đã được trả lại.

Việc này đã dẫn người dân bắt đầu có những sự nghi ngờ về cải cách. Họ đã không biết cái gì được phép và cái gì thì không. Họ đã bị lẫn lộn. Một số Đồng chí làm việc trên vũ đài kinh tế đã phải chờ và quan sát trước khi tiến hành bất kể hành động nào. Một số nhân viên mua sắm và nhân viên bán hàng đã từ chối đi ra trong nhiều tháng.

Như một kết quả của thông báo từ Ủy ban Trung ương, những người trong các cơ quan kỷ luật và tổ chức khắp cả nước, mà đã duy trì cách nhìn truyền thống của họ và đã không thoải mái với cải cách, đã tự mình đi đến các nhà máy và các doanh nghiệp để tiến hành những cuộc thanh tra và điều tra lặp đi lặp lại, gây đau đầu

kinh khủng cho các doanh nghiệp. Nhiều chương trình cải cách đã đến bế tắc.

Trong mùa thu 1988, đã có sự lo lắng về một dự án ở Dương Phố trên Đảo Hải Nam.

Vùng Dương Phố đã là một dải đất hoang vắng. Đã là khó cho chúng ta để khai thác nó, nhưng nếu cho các doanh nghiệp nước ngoài thuê nó, họ có thể phát triển nó nhanh chóng. Hứa Sĩ Kiệt [bí thư Đảng của Hải Nam] và Lương Tương [thống đốc Hải Nam] đã tiếp xúc với Kumagai Gumi [chi nhánh Hong Kong của một công ty xây dựng Nhật Bản] với một đề xuất như vậy, và công ty đã đồng ý đầu tư nhiều tỷ.

Tôi đã báo cáo dự án Dương Phố cho Trần Vân, nhưng ông đã không bày tỏ ý kiến của ông. Rồi tôi đã báo cáo nó cho [Đặng] Tiểu Bình, người đã rất ủng hộ và đã nói rằng nó phải được làm nhanh chóng. Vào lúc đó, nhiều người khắp đất nước đã chưa có một cơ hội để nghĩ thấu đáo việc này. Trong quá khứ, Trung Quốc đã bị thuộc địa hoá hay nửa thuộc địa hoá, cho nên người dân đã rất nhạy cảm với vấn đề chủ quyền. Trương Duy [phó hiệu trưởng của Đại học Thanh hoa] đã làm nghiên cứu nào đó và đã viết một báo cáo rằng các vùng đất lớn được cho những người nước ngoài thuê đã giống các lãnh thổ độc lập bên trong một nước, ngụ ý một sự bán chủ quyền. Điều này đã trở thành một vấn đề lớn tại Quốc hội trong năm 1989 và đã gây ra một sự náo động khá âm ỉ. Hứa Sĩ Kiệt đã cho một giải thích trong Quốc hội, nhưng nhiều người đã không muốn nghe nó; sự phản đối đã mãnh liệt. Tôi không biết liệu những người phản đối đã có các động cơ kín đáo hay không, nhưng họ đã quyết tâm để huỷ dự án và đã muốn coi các quan chức Hải Nam có trách nhiệm.

Khi Lí Tiên Niệm [Đảng viên lão thành] biết rằng dự án Dương Phố đã được [Phó Thủ tướng] Điền Kỳ Vân cầm đầu và đã có sự

chuẩn y của tôi, ông đã viết một tài liệu cáo buộc dự án là “một sự mất nhân phẩm, một sự lãng mạ dân tộc chúng ta, và một sự phản bội chủ quyền của quốc gia chúng ta.” Nó đã là một thí dụ nữa về sự kháng cự của Lí Tiên Niệm với cải cách, và sự cảnh giác của ông trong việc tìm ra những cơ hội để tấn công và xúi giục những người khác chống đối tôi. Trước việc này, tôi đã chẳng bao giờ có bất kỳ xung đột nào với Đồng chí Vương Chấn [Đảng viên lão thành], và tôi đã luôn luôn có khả năng thảo luận các vấn đề với ông và có được sự ủng hộ của ông. Tuy vậy, tình hình đã thay đổi trong năm 1988 khi ông đã bắt đầu tích cực chống lại tôi. Sau Bốn tháng Sáu, ông đã kết án tôi là một “tên phản cách mạng” và là “thủ lĩnh đảng sau hậu trường cho một bè lũ nhỏ của những kẻ chủ mưu.” Sự thay đổi ý kiến của ông có lẽ đã là công việc của Lí Tiên Niệm và Đặng Lực Quần.

Lí Tiên Niệm cũng đã gửi một bức thư cho Đồng chí Đặng Tiểu Bình lên án dự án. Đặng đã không biết về những chi tiết, nhưng sau khi thấy rằng nhiều người đến vậy đã phản đối vấn đề, ông đã nói, “Tạm thời, dự án này không được tiếp tục.” Ngay trước việc này, Đồng chí Trần Vân đã cũng chuyển một tài liệu cho tôi và đã yêu cầu tôi “thận trọng về vấn đề này.”

Trung tâm của sự tranh cãi đã là vấn đề về chủ quyền, như thế tôi đã sai mọi người chuẩn bị một tài liệu chi tiết giải thích làm sao sự phát triển của Dương Phổ đã chẳng liên quan gì đến chủ quyền. Tôi gửi một bức thư, cùng với vài thông tin, cho Đặng. Tôi đã viết, “Bất luận việc cho thuê là một giao dịch tốt hay không có cái gì đó mà có thể được nghiên cứu. Tuy vậy, việc này tuyệt đối chẳng liên quan gì đến chủ quyền.”

Muộn hơn, khi Đặng hỏi tôi về chi tiết, tôi đã nói, “Dương Phổ là một dải đất hoang cần cỗi. Nếu chúng ta không cho các doanh nghiệp nước ngoài thuê, trong mười hay hai mươi năm nữa, nó sẽ

vẫn là một dải đất hoang cần cỗi. Nếu chúng ta cho thuê, và họ không sợ việc đầu tư nhiều tỷ dollar Hong Kong, thì chúng ta phải sợ cái gì? Hoàn toàn ngược lại với lẽ thường tình để nói rằng việc này tác động đến chủ quyền của chúng ta.”

Đặng đã đáp lại, “Đây là một ý tưởng hay. Tôi đã không rõ về điều này trước đây.” Muộn hơn, Lương Tương và Hứa Sĩ Kiệt [các quan chức Hải Nam] đã viết trực tiếp cho Đặng Tiểu Bình để giải thích chi tiết kế hoạch phát triển Dương Phố. Sau khi Đặng đọc lá thư của họ, ông đã chuyển nó cho tôi với các bình luận của ông: “Sự lên án ban đầu đã không chính xác. Tôi đã nói tạm thời không tiếp tục, nhưng nếu tình hình là khác, như được giải thích ở đây, thì chúng ta phải tiếp tục với sự nhiệt tình.” Cho dù [Đảng viên lão thành] Vương Chấn đã chẳng bao giờ nhiệt tình về cải cách kinh tế, sau khi tôi nói với ông về các bình luận của Đặng Tiểu Bình, ông cũng đã bày tỏ sự tán thành.

Nhìn lại, đã là không dễ cho Trung Quốc để thực hiện Cải cách và Chính sách Mở Cửa. Bất cứ khi nào có vấn đề dính đến các mối quan hệ với những người nước ngoài, người ta đã sợ, và đã có nhiều lời cáo buộc được đưa ra chống lại các nhà cải cách: người ta đã sợ bị bóc lột, chủ quyền bị làm xói mòn, hay chịu một sự xúc phạm đối với dân tộc chúng ta.

Tôi đã chỉ ra rằng khi những người nước ngoài đầu tư tiền vào Trung Quốc, họ sợ rằng các chính sách của Trung Quốc có thể thay đổi. Nhưng chúng ta phải sợ những gì? Thí dụ, đã có những cáo buộc được đưa ra rằng các SEZ sẽ trở thành các thuộc địa. Macau, họ đã chỉ ra, ban đầu đã được cho những người Bồ Đào Nha thuê cho việc phơi lưới đánh cá của họ nhưng cuối cùng đã biến thành thuộc địa của họ. Tuy vậy, triều đình nhà Thanh đã thối nát và bất lực, và điều đó không đúng với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Có một nỗi sợ duy nhất giữa những người nước ngoài rằng Trung Quốc

có thể thay đổi và một ngày từ bỏ các thoả thuận trước và thậm chí tịch thu các khoản đầu tư của họ. Trên cơ sở gì người Trung Quốc sợ những người nước ngoài? Nếu họ đầu tư tiền của họ vào Trung Quốc, sao Trung Quốc phải sợ?

Một thí dụ khác về điều này đã dính líu đến việc khoan thủng cho dầu hoả ngoài biển. Đã cần đến vốn nước ngoài, nhưng đã có quá nhiều đòi hỏi được đưa vào các hợp đồng do sợ bị bóc lột. Cách tiếp cận đã quá bảo thủ và đã chỉ xoi mói về những vấn đề vật vãnh trong khi lại không nhìn thấy những lợi ích chiến lược.

Nhìn chung, một số người đã sợ bị bóc lột. Trung Quốc đã đóng cửa trong nhiều năm nhân danh độc lập và tự-lực, nhưng thực ra đã là một sự tự cô lập. Mục đích của một chính sách mở cửa đã là để tiến hành ngoại thương, để trao đổi lấy những thứ chúng ta cần. Một số người cảm thấy bị xấu hổ về ý tưởng nhập khẩu. Có gì để cảm thấy xấu hổ? Đã chẳng phải là sự ăn xin! Nó đã là một sự trao đổi qua lại, mà đã cũng là một dạng tự- lực. Vấn đề này đã khiến chúng ta vấp phải nhiều sai lầm đắt giá. Đây đã là một tâm tính thiển cận, một thất bại để hiểu làm thế nào để tận dụng các thế mạnh riêng của mình.

[Thủ tướng] Lí Bằng cũng đã không ủng hộ dự án Dương Phố. Ông đã ban hành một lệnh cho Cục các SEZ nói rằng dự án phát triển Dương Phố không được bắt đầu mà không có thông báo từ Quốc Vụ Viện. Như một kết quả dự án đã bị xếp xó. Lí Tiên Niệm và Lí Bằng cùng nhau đã làm thiệt hại sự phát triển của Dương Phố, và đã rất khó để khôi phục về sau.

Tôi sẽ nói về một vấn đề khác liên quan đến thị trường bất động sản và đến việc thu hút các doanh nghiệp nước ngoài cho sự phát triển quy mô lớn: vấn đề mua và bán vì một lợi nhuận nhanh [được nhắc tới bởi những người hoài nghi như “việc trục lợi với giấy phép đặc biệt”]. Nếu chúng ta có thể giải quyết vấn đề này, việc mở cửa

thị trường bất động sản sẽ có lợi đáng kể cho cải cách của chúng ta bằng việc thúc đẩy sự phát triển đô thị nhanh và một sự cải thiện môi trường đầu tư. Việc coi đất như một hàng hoá, làm cho nó sẵn có cho trao đổi thị trường, và hình thành một ngành bất động sản—đấy đã là những vấn đề chính sách lớn. Trong nhiều năm, hiến pháp đã hạn chế đất khỏi được chuyển nhượng hay được thuê, như thế vấn đề đã vẫn không được giải quyết trong một thời kỳ dài.

Vào lúc bắt đầu của cải cách, chỉ Thâm Quyển đã có đất được dành cho thuê, mà đã cho Hồ Ứng Tương [một doanh nhân Hong Kong, được biết đến nhiều hơn như Gordon Wu] thuê cho việc phát triển. Nó đã là chủ đề của tranh luận lớn lúc đó. Đã được tranh cãi rằng khu được dành cho những người nước ngoài đã quá lớn.

Trong những ngày đầu của cải cách, vấn đề đầu tiên trong việc thu hút những người nước ngoài để mở các nhà máy và các doanh nghiệp đã là hạ tầng cơ sở của chúng ta đã không đủ tốt. Nhằm để xây dựng hạ tầng cơ sở, chúng ta đã cần các khoản đầu tư lớn. Vì chúng ta đã không có số tiền này, các thứ đã ở một thế bế tắc. Các khu phát triển đã bắt đầu theo cách này: đầu tiên, diện tích được khai thác, biến đất thành một hàng hoá, rồi nước, điện, và đường sá được đưa vào khu đó, các phương tiện cơ bản được dựng lên, rồi các nhà máy và các toà nhà văn phòng được xây dựng. Tính toán được dùng lúc đó đã là cần đến hơn 100 triệu nhân dân tệ trên một kilomet vuông; có lẽ nhiều hơn ngày nay. Vì thế, nhịp độ tạo ra các khu phát triển đã rất chậm.

Chúng ta cũng đã có một vấn đề tương tự với phát triển đô thị. Chúng ta không có tiền của để xây dựng đường sá cho các thành phố hay để đưa nước và điện vào. Rất nhiều đất đã nằm không.

Đã có lẽ là 1985 hay 1986 khi tôi nói chuyện với Hoắc Anh Đông [một trùm tư bản Hong Kong, được biết đến nhiều hơn như Henry Fok] và đã nhắc tới rằng chúng tôi đã không có tiền của cho phát

triển đô thị. Ông đã hỏi tôi, “Nếu ông có đất, làm sao ông có thể không có tiền?”

Tôi đã nghĩ đấy đã là một lời bình luận lạ. Có đất là một chuyện; thiếu tiền bạc là chuyện khác. Hai thứ có liên quan gì với nhau? Ông đã nói, “Nếu các thành phố có đất, họ phải kiếm được phép để cho thuê một ít trong số đó, mang lại thu nhập nào đó, và hãy để những người khác khai thác đất.”

Quả thực, tôi đã để ý ở Hong Kong các toà nhà và đường sá đã được xây dựng nhanh thế nào. Một nơi đã có thể được biến đổi nhanh chóng. Nhưng đối với chúng tôi đã rất khó.

Tôi đã nghĩ rằng những gì ông nói đã có lý, cho nên tôi đã gợi ý rằng ông đi đến Thượng Hải và nói chuyện với thị trường và các bí thư Đảng. Tôi không biết ông ta có đã đi hay không. Cách nhìn của ông ta đã gây cảm hứng cho tư duy của tôi. Chúng ta có đất nhưng không có tiền, trong khi chính quyền Hong Kong đã bán đấu giá một miếng đất mỗi năm, không chỉ mang lại thu nhập cho chính quyền, mà cũng cho phép khu đó phát triển nhanh chóng.

Tôi đã nghĩ về việc này muộn hơn khi tôi thăm Thượng Hải. Khu Phố Đông đã ở ngay bên kia sông từ trung tâm thành phố Thượng Hải. Nhằm để phát triển Thượng Hải, việc xây dựng khu này sẽ cần ít đầu tư và có hiệu quả hơn. Đó là một địa điểm cực kỳ tốt. Tuy vậy, nhằm để phát triển khu này, chúng ta cần một lượng tiền khổng lồ để xây dựng cơ sở hạ tầng và sau đó thu hút các doanh nghiệp nước ngoài. Vào khoảng 1987 khi Thượng Hải đã giới thiệu một người Mỹ gốc Hoa, Lâm Đồng Diễm [nhà sáng lập của T. Y. Lin International], để nói chuyện với tôi ở Bắc Kinh. Ông đã hỏi liệu có thể cho thuê Phố Đông. Điều kiện cho thuê phải đủ dài: ba mươi đến năm mươi năm. Sau khi thuê đất, ông sẽ cần có các quyền chuyển nhượng. Các nhà đầu tư sau đó có thể kiếm các khoản cho vay thế chấp từ các ngân hàng. Tôi đã hỏi ông nếu ông nghĩ những người

nước ngoài sẽ sẵn sàng đầu tư sau một sự chuyển nhượng đất như vậy và cần những gì khác. Ông đã nói là dễ và rằng các điều kiện của các SEZ đã không cần đến; các điều kiện cho khu kinh tế Mẫn Hàng của Thượng Hải là đủ. Tôi đã nghĩ rằng các điều kiện được chào có thể thậm chí ưu đãi hơn các điều kiện của Mẫn Hàng, gần với các điều kiện của các SEZ, như thế tôi đã quả thực quan tâm. Vì người Mỹ gốc Hoa này đã được giới thiệu bởi Đồng chí Uông Đạo Hàm [người đứng đầu Đảng ở Thượng Hải], tôi yêu cầu Đồng chí Uông Đạo Hàm cáng đáng việc này.

Bởi vì đã là Thượng Hải, nước đi này chắc chắn thu hút sự chú ý của tất cả mọi người. Như thế nhằm để thuyết phục mọi bên, tôi đã nghĩ rằng ngoài Uông Đạo Hàm, chúng tôi cũng sẽ cần tính đến Trần Quốc Đống [giám đốc Ủy ban Cố vấn Thượng Hải], bởi vì mối quan hệ của ông với Trần Vân. Đồng chí Trần Vân sẽ thấy dễ hơn để chấp nhận cái gì đó đến từ ông. Tôi đã biết Trần Quốc Đống thận trọng và có lẽ thậm chí có những sự phản đối ý tưởng, nhưng điều đó không quan trọng. Nó có thể được nghiên cứu thêm. Vì thế, tôi đã bảo các Đồng chí Vương và Trần để giữ liên lạc với Lâm Đồng Diễm.

Đây là một vấn đề quan trọng, bởi vì khi chúng tôi sớm hơn đã nghĩ về mở cửa Thượng Hải, Trần Vân đã bày tỏ những quan ngại. Ông đã nói rằng giải quyết các khu vực như Thượng Hải và Chiết Giang, ta phải tiến hành với sự thận trọng, bởi vì người dân ở các vùng này đã đặc biệt khéo léo và quen với cách cư xử tư bản chủ nghĩa. [Bản thân Trần Vân là một thổ dân của Thượng Hải.] Cải cách của Thượng Hải đã tụt hậu vì hai lý do. Một đã là nó là khu vực then chốt, và lý do khác đã là thái độ của Trần Vân.

Vấn đề này vì thế đã bị hoãn trong thời gian dài. Tôi đã nghe rằng năm ngoái [1992]^{*} khi Đặng Tiểu Bình đi kinh lý các khu vực miền nam, ông đã nhận xét rằng cải cách của Thượng Hải đã bị

chậm trễ quá đáng. Tôi đồng ý. Nếu nó đã được bắt đầu sớm hơn, tình hình đã hoàn toàn khác.

Ngay từ 1986 hay 1987, các kế hoạch được đưa ra để phát triển Phố Đông sử dụng phương pháp cấp sự thuê đất. Tôi đã báo cáo vấn đề về Phố Đông cho Trần Vân, nhưng ông đã không bình luận. Tôi cũng đã báo cáo nó cho Đặng. Ông đã cực kỳ ủng hộ, nói, “Làm càng nhanh càng tốt!” Nhưng vào lúc đó, tôi đã cảm thấy vì đã không có một sự đồng thuận giữa các lão thành, nó phải được nghiên cứu thêm.

Đã có một trường hợp khác. Vương Kỳ Khoan [một nhà tư vấn cho một think tank Quốc Vụ Viện] đã báo cáo rằng một nhà chế tạo ô tô Mỹ đã kiến nghị xây một nhà máy ô tô ở Huệ Dương, Tỉnh Quảng Đông, mà đã có thể sản xuất ba trăm ngàn ô tô một năm. Một số bộ phận cũng có thể được chế tạo tại Trung Quốc, đủ cho ba mươi đến bốn mươi nhà máy Trung Quốc để được bao gồm trong các doanh nghiệp thương mại. Nó đã là một doanh nghiệp một chủ (cá thể) mà đã không đòi hỏi đầu tư của chúng ta.

Tôi đã viết một bức thư cho Diêu Y Lâm [Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước]

nói rằng nó là một thương vụ tốt. Lúc đó, nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã sợ những sự đảo ngược chính sách của Trung Quốc và đã sợ đầu tư, đặc biệt trong các doanh nghiệp một chủ. Nếu trường hợp này được tiến hành và làm tốt, nó có thể tạo một tấm gương tốt.

Diêu Y Lâm, tuy vậy, đã phản đối nó. Ông đã giới thiệu trường hợp cho Bộ Công nghiệp Máy, nhưng vì nó đã luôn luôn muốn xây dựng một ngành ô tô nội địa độc lập, nó đã chống lại đầu tư nước ngoài trong ngành này. Diêu Y Lâm đã đồng ý và nói không được

cho phép nó. Lí Bằng ngay lập tức đứng về phía họ, nói rằng nó không được chấp nhận, và sau đó chuyển báo cáo của họ cho tôi.

Một thương vụ rất tốt như thế đã kết thúc bị bỏ đi.

4. Tìm một Cách tiếp cận Mới

Làm thế nào một lãnh tụ cộng sản đi đến kết luận rằng Trung Quốc phải bỏ các chính sách kinh tế kế hoạch hoá tập trung của nó và chuyển theo hướng các thị trường tự do? Nó đã bắt đầu với sự nhận rõ của Triệu, đầu tiên đạt được khi ông là một nhà quản trị làm việc về các chính sách nông thôn, rằng nền kinh tế của Trung Quốc đã phi hiệu quả ghê gớm và đã cần được biến đổi nhanh chóng.



Tôi đã trình bày một báo cáo công tác chính phủ tại Quốc Hội trong tháng Mười Một 1981. Nó đã có tiêu đề “Tình hình Kinh tế Hiện thời và các Nguyên tắc cho Phát triển Kinh tế.” Trong báo cáo, tôi đã đề xuất rằng sự phát triển kinh tế phải tiếp tục với một nhịp điệu thực tế hơn, hiệu quả hơn và cung cấp cho nhân dân những lợi ích cụ thể hơn.

Để ủng hộ phương hướng này, tôi đã đề xuất một chủ trương mười điểm cho sự phát triển kinh tế. Đây đã là bài phát biểu bao quát đầu tiên của tôi về nền kinh tế sau khi trở thành Thủ tướng Quốc vụ Viện. Một số người lúc đó đã gọi nó là “các nguyên tắc quản trị” của tôi.

Sau Cách mạng Văn hoá, trong khi tôi làm việc ở Tứ Xuyên, tôi đã chăm chú nghiên cứu kinh tế. Hai sự nhận thức rõ đã dần dần kết tinh trong tâm trí tôi. Một đã là, những cách cũ để chỉ đạo công việc kinh tế đã tỏ ra hời hợt để phát triển với một nhịp điệu thích hợp, nhưng hiệu quả sinh ra đã cực kỳ thấp. Nhân dân đã không nhận được những lợi ích thực tiễn nào. Thứ hai đã là, cho dù quy mô của nền kinh tế đã cực kỳ lớn, các phương pháp cũ đã không

thể giải phóng đầy đủ tiềm năng của nó. Cần tìm một hướng mới mà cải cách cơ bản những cách làm cũ.

Trong báo cáo công tác chính phủ 1981, tôi đã nói rõ, “Vấn đề cốt lõi là để cải thiện tính hiệu quả trong sản xuất, xây dựng, phân phối, và các khía cạnh khác của nền kinh tế theo mọi cách có thể.”

Sau đó tôi đã xem xét lại các vấn đề của sự phát triển kinh tế của chúng ta kể từ khi thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Trong năm 1980, so với 1952 [năm mà nền kinh tế được xem là đã phục hồi hoàn toàn từ nội chiến], sản lượng công nghiệp đã tăng 8,1 lần, GDP đã tăng 4,2 lần, và các tài sản cố định công nghiệp đã tăng 26 lần. Tuy vậy, sự tiêu thụ trung bình đã chỉ tăng gấp đôi. Có vẻ rằng tuy tài sản cố định công nghiệp đã tăng rất nhiều, sản lượng công nghiệp đã không tăng gần thế, GDP cũng đã không; tiêu thụ trung bình còn ít hơn. Tốc độ tăng trưởng GDP đã thấp hơn tốc độ tăng trưởng của sản lượng nông nghiệp và công nghiệp rất nhiều; sự tăng về các tiêu chuẩn sống đã cũng thấp hơn tăng trưởng GDP một cách đáng kể, thế nhưng tài sản cố định công nghiệp đã tăng nhiều hơn nhiều.

Điều này đã cho thấy rằng hiệu quả kinh tế của chúng ta đã rất thấp. Sự cải thiện về các tiêu chuẩn sống đã không xứng với những gì nhân dân đã đóng góp bằng lao động của họ. Vì thế, tôi đã tin rằng vấn đề then chốt với nền kinh tế của chúng ta đã là tính hiệu quả của chúng ta và không phải là tốc độ danh nghĩa của sự tăng trưởng sản xuất.

Muộn hơn, tại Hội nghị Công nghiệp và Giao thông Toàn Quốc được tổ chức tại Thiên Tân trong năm 1982, tôi đã trình bày một bài phát biểu về các vấn đề hiệu quả kinh tế. Tôi đã chỉ ra: “Sự sao lãng kéo dài của tính hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, và sự theo đuổi mù quáng sản lượng và nhịp độ tăng trưởng đã dẫn đến nhiều công việc kinh doanh ngớ ngẩn. Thường chúng ta đã rơi vào tình

trạng ‘tin tốt từ công nghiệp, tin xấu từ bán hàng; các nhà kho đầy ứ và tài chính cho thấy một sự thâm hụt.’ Cuối cùng, các ngân hàng của chúng ta đã phải in tiền để vá các lỗ hổng, làm hại cho nhà nước và nhân dân.” Tôi đã đề xuất một quan niệm cho việc bắt đầu giải quyết vấn đề hiệu quả kinh tế: “Sản xuất nhiều sản phẩm mà xã hội thực sự cần, sử dụng lượng ít nhất của lao động và các nguồn lực vật chất.” Tức là, cắt sự lãng phí càng nhiều càng tốt trong khi tăng của cải xã hội, chìa khoá là các sản phẩm chúng ta tạo ra phải thực sự có nhu cầu. Khác đi, thì sản xuất gia tăng chỉ có nghĩa là lãng phí nhiều hơn. Đã có quá nhiều việc theo đuổi sản xuất nhanh vì chính nó. Các nhà máy đã sản xuất các lượng lớn của các thứ mà chẳng ai muốn mua. Rồi chúng được chứa trong kho và cuối cùng kết thúc như rác.

Hiệu quả kinh tế có thể được cải thiện như thế nào? Các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội có thể được tạo ra như thế nào? Có nhiều khía cạnh đối với việc này, nhưng về cơ bản nó liên quan đến hệ thống kinh tế. Giải pháp là điều chỉnh cơ cấu kinh tế và cải cách hệ thống. Không có cách nào khác.

Lý do tôi đã có một sự quan tâm sâu như vậy đến cải cách kinh tế và đã hiến thân mình để tìm những cách để đảm đương cải cách này là tôi đã quyết tâm trừ tiệt bệnh tật của hệ thống kinh tế Trung Quốc ở tận gốc rễ của nó. Không có một sự hiểu về các thiếu sót của hệ thống kinh tế Trung Quốc, tôi có lẽ đã không thể có một sự thôi thúc mạnh mẽ như vậy cho cải cách.

Tất nhiên, sự hiểu biết sớm nhất của tôi về tiếp tục cải cách như thế nào đã nông cạn và lờ mờ. Nhiều trong những cách tiếp cận mà tôi đã đề xuất đã có thể chỉ làm dịu bớt các triệu chứng; chúng đã không thể xử trí các vấn đề cơ bản.

Sự nhận rõ sâu sắc nhất tôi đã có về việc trừ tiệt các thiếu sót trong nền kinh tế Trung Quốc đã là, rằng hệ thống phải được biến

đổi thành một nền kinh tế thị trường, và rằng vấn đề các quyền tài sản phải được giải quyết. Điều đó đã đến qua kinh nghiệm thực tiễn, chỉ sau một loạt dài của những sự tiến-lui.

Nhưng vấn đề cơ bản đã là những gì? Lúc bắt đầu, đã không rõ đối với tôi. Cảm nhận chung của tôi đã chỉ là hiệu quả phải được cải thiện. Sau khi đến Bắc Kinh, nguyên tắc chỉ đạo của tôi về chính sách kinh tế đã không phải là sự chuyên tâm theo đuổi các số liệu sản xuất, cũng chẳng phải là nhịp độ phát triển kinh tế, mà đúng hơn là việc tìm ra một cách cho nhân dân Trung Quốc nhận được những lợi ích cụ thể nhờ vào lao động của họ. Đó đã là điểm xuất phát của tôi. Các tốc độ tăng trưởng 2 đến 3 phần trăm được xem là tuyệt vời cho các quốc gia tư bản chủ nghĩa tiên tiến, nhưng trong khi nền kinh tế của chúng ta đã tăng với một tốc độ 10 phần trăm, các tiêu chuẩn sống của nhân dân chúng ta đã không được cải thiện.

Về làm thế nào để xác định con đường mới này, tôi đã không có bất kể mô hình định trước nào hay một ý tưởng có tính hệ thống nào trong đầu. Tôi đã bắt đầu chỉ với mong muốn để cải thiện hiệu quả kinh tế. Sự tin chắc này đã rất quan trọng. Điểm xuất phát đã là hiệu quả cao hơn, và nhân dân thấy những lợi ích thiết thực. Có điều này như một mục tiêu, một con đường thích hợp cuối cùng đã được tìm thấy, sau nhiều tìm kiếm. Dần dần, chúng tôi đã tạo ra con đường đúng.

5. Triệu và Hồ Đụng độ

Hệ thống kinh tế của Trung Quốc trong đầu những năm 1980 vẫn có tất cả các dấu hiệu của một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa điển hình: các chỉ tiêu sản xuất đã được đưa xuống cho mỗi đơn vị. Với tư cách Thủ tướng, Triệu Tử Dương thử rời xa khỏi cách tiếp cận lỗi thời này, nhưng trên vũ đài này ông va chạm với đồng minh của ông, Tổng Bí thư Đảng Hồ Diệu Bang.

Mâu thuẫn làm nổi bật rằng không có sự phân định rõ giữa các nhiệm vụ của người đứng đầu Đảng và các chức trách của Thủ tướng với tư cách người đứng đầu chính phủ. Về lý thuyết, Triệu, với tư cách người đứng đầu Quốc Vụ Viện (Hội đồng Nhà nước), phải quản lý công việc kinh tế. Trong thực tế, Đảng vẫn can thiệp. Cùng vấn đề này sẽ nổi lên muộn hơn khi Triệu là Tổng Bí Thư và Lí Bằng là Thủ tướng.



hính xác bởi vì tôi đã không đồng ý với những cách cũ về theo đuổi những con số sản xuất và tốc độ, và thay vào đó đã nhấn mạnh hiệu quả kinh tế, mà [Hồ] Diệu Bang và tôi đã đụng độ về những vấn đề kinh tế sau khi tôi đến Bắc Kinh.

Sự khác biệt về ý kiến đã nổi lên ngay từ 1982. Khi Diệu Bang đã chịu trách nhiệm về việc soạn thảo Báo cáo Chính trị cho đại hội Đảng lần thứ 12, câu hỏi đã nảy sinh về nói những gì về nền kinh tế. Ban đầu, hầu hết những người trong ban soạn thảo đã chuẩn bị báo cáo theo giọng cơ bản của báo cáo công tác chính phủ 1981 của tôi. Tuy vậy, Diệu Bang đã không tán thành. Ông đã đề xuất một cách tiếp cận khác. Quá trình soạn thảo cho các đoạn về nền kinh tế đã bị cản trở.

Khi vấn đề được báo cáo cho Đặng Tiểu Bình, ông đã quyết định rằng đoạn kinh tế phải thực ra được soạn theo đường lối của báo cáo công tác chính phủ. Diêu Bang đã chấp nhận một cách miễn cưỡng.

Vì tôi đã không tham gia vào quá trình soạn thảo, tôi đã không biết bao nhiêu xung đột ý kiến đã nảy sinh. Các vấn đề đã không được nêu lên tại các cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị hay các cuộc họp Ban Bí thư, như thế tôi đã không chắc chắn Diêu Bang đã có những quan điểm gì hay vì sao ông đã không đồng ý với báo cáo công tác chính phủ của tôi.

Từ các bình luận và các hành động của ông, tuy vậy, đã có vẻ rằng ông chủ yếu đã không đồng ý với ý tưởng của tôi về việc nhấn mạnh hiệu quả kinh tế thay cho nhấn mạnh các con số sản xuất và tốc độ. Bất cứ khi nào ông nói về những vấn đề kinh tế, ông đã nhấn mạnh sự tăng trưởng về mặt số lượng và tốc độ của sản lượng (output), hiếm khi nhắc đến hiệu quả. Ông thường đã nói về “tăng gấp bốn” hay “tăng gấp bốn trước thời hạn.”

Kiến nghị của tôi để “đảm bảo 4 phần trăm và theo đuổi 5 phần trăm tăng trưởng” trong Kế hoạch 5 Năm lần thứ sáu đã là một mục tiêu khiêm tốn. Cho dù Đồng chí Tiểu Bình cũng đã xem các giá trị sản lượng là cực kỳ quan trọng, thường hỏi về tốc độ tăng trưởng hàng năm, ông đã bày tỏ một sự hiểu quan điểm của tôi về tập trung vào hiệu quả. Tuy nhiên, Diêu Bang đã không đồng ý. Cho dù báo cáo cho đại hội Đảng lần thứ 12 đã được soạn theo chỉ thị của Đặng và đã theo giọng cơ bản của báo cáo công tác chính phủ, ý kiến của ông [của Hồ] đã không thay đổi.

Sau đại hội Đảng lần thứ 12, khi ông đi ra các tỉnh, ông đã thậm chí quyết tâm hơn để nhấn mạnh việc nâng các mục tiêu sản xuất. Bất kể ông đi đâu, ông đã kêu gọi “tăng gấp bốn trước thời hạn.” Ông đã ca ngợi bất kể địa điểm nào nơi các mục tiêu sản xuất đã

cao, và đã phê phán gay gắt bất kể nơi nào đã không, mà không chú ý đến hiệu quả kinh tế hoặc phân tích các lý do cụ thể cho những sự khác biệt về tăng trưởng.

Như một kết quả, các quan chức địa phương đã hành động theo chỉ thị của Diệm Bang, đòi ngân quỹ, sự cho phép các dự án và nhiều tiền, cũng như nguyên liệu và cung ứng hơn từ Ủy ban Kế hoạch và Quốc Vụ Viện. Trong một thời gian, sự cạnh tranh đã mãnh liệt giữa các vùng khác nhau vì sự tăng trưởng nhanh và về đòi hỏi nguyên liệu và ngân quỹ. Tôi đã thấy nhiều thứ khó để quản lý.

Trong năm 1983, sự khác biệt giữa Diệm Bang và tôi về vấn đề này đã trở nên càng rõ rệt. Ông thậm chí đã triển khai các chiến dịch quần chúng cho sự phát triển kinh tế. Thí dụ, ở bất cứ đâu ông đi, ông đã tích cực thúc đẩy một cuộc vận động để “tăng thu nhập nông thôn trung bình hàng năm thêm một trăm nhân dân tệ,” mà đã được khởi xướng trong Huyện Bảo Định ở Tỉnh Hà Bắc. Ông đã tin rằng thu nhập sẽ tăng với một nhịp độ một trăm nhân dân tệ một năm, trong nhiều năm việc vận động được tiến hành. Trong quá khứ, chúng ta đã bị đau khổ bởi vì những loại phương pháp này, mà đã có thể dễ dàng biến thành chủ nghĩa hình thức trống rỗng.

Trong thời gian cuộc đi thăm của tôi đến châu Phi trong tháng Giêng 1983, Diệm Bang đã đưa ra một báo cáo trong đó ông đề xuất vay mượn sơ đồ giao khoán đất nông thôn cho việc sử dụng trong cải cách đô thị. Về nguyên tắc, điều đó đã là tốt. Tuy vậy, các điều kiện đô thị đã phức tạp hơn nhiều. Hình thức hợp đồng giao khoán nào sẽ cần cho các ngành và các doanh nghiệp khác nhau, và “giao khoán” như thế nào—tất cả việc này cần đi qua thử nghiệm và tiến hành một cách từ từ. Chúng ta không thể giao khoán mọi thứ, cũng chẳng thể tiến hành trên mọi mặt trận ngay lập tức.

Sau bài phát biểu của Diệm Bang, một số cửa hàng thuộc sở hữu nhà nước ở Bắc Kinh đã bắt đầu giao khoán. Ngay lập tức đã có những trường hợp tăng giá tùy tiện và “bán hàng loạt.” Những việc bán hàng loạt này đã là gì? Chúng đã ám chỉ đến các cửa hàng thuộc sở hữu nhà nước bán sỉ cho các cá nhân bán lẻ, những người sẽ kiếm lợi nhuận từ việc bán lại cho những người tiêu dùng với giá cao hơn. Các cửa hàng thuộc sở hữu nhà nước đã có vẻ bán các lượng lớn sản phẩm nhanh chóng, thực hiện nhiệm vụ giao khoán của chúng. Đó không phải là cách thương mại phải được tiến hành.

Ngay khi tôi quay về từ châu Phi, tôi đã ngừng việc này. Tôi đã gợi ý rằng cải cách đô thị phải được làm qua sự thử nghiệm, và phải làm từ từ. Cùng năm đó, trong Lễ hội Xuân năm 1983, tôi đã nói về việc này tại cuộc họp kỷ niệm. Lúc đó, Diệm Bang đang dự Lễ hội Xuân của mình ở Hải Nam. Ông đã nói với các cán bộ ở đó, “‘Làm việc đó ngay lập tức?’” ông đã hỏi, “Thực ra tình hình giống hơn với ‘chẳng ai di chuyển ngay cả khi anh đẩy!’”

Trong thời gian này, khi ông đi các tỉnh trong các tua kiểm tra, ông đã thường phê phán hay đưa ra những bình luận ngụ ý sự phê phán công việc kinh tế được Quốc Vụ Viện tiến hành. Những nhận xét này đã được ghi chép và đã lan ra, mà đã có nghĩa rằng nhân dân biết về những khác biệt giữa Diệm Bang và tôi về kinh tế.

Đặng Tiểu Bình đã biết về tình hình này. Vào ngày 15 tháng Ba, 1983, Đặng đã yêu cầu Diệm Bang và tôi đến nhà ông cho một cuộc nói chuyện. Tôi đã nói về quan điểm của tôi và đã báo cáo về nền kinh tế trong khi Diệm Bang đã bình tĩnh lắng nghe. Ông đã bày tỏ sự đồng ý của ông với một số điểm của tôi và đã cung cấp những giải thích của ông về các điểm khác. Cuộc nói chuyện đã diễn ra tương đối tốt. Cuối cùng Đặng Tiểu Bình đã nói rằng ông ủng hộ quan điểm của tôi về những vấn đề kinh tế. Ông đã phê phán Diệm Bang vì việc nói quá bất cần và không đủ thận trọng và đã nói rằng nó đã là một

thiếu sót nghiêm trọng cho một Tổng Bí Thư để làm những việc đại dột. Đặng cũng đã nói, “Các chiến dịch quần chúng không được sử dụng trong việc thực hiện cải cách. Cải cách phải tiếp tục suốt quá trình Bốn Hiện đại hoá.* Nó không phải là một vấn đề mà có thể được giải quyết trong vài năm ngắn ngủi.” Ông cũng đã nói, “Tình hình là rất tốt, nhưng chúng ta phải giữ đầu chúng ta lạnh.”

Nhằm để tránh sự xảy ra những tiếng nói khác nhau từ ban lãnh đạo trung ương, một quy tắc đã được đặt ra trong cuộc nói chuyện này: Quốc Vụ Viện và Nhóm Lãnh đạo Công việc Kinh tế và Tài chính Trung ương chịu trách nhiệm về công việc kinh tế. Các quyết định quan trọng và các lệnh, cũng như những đánh giá về cái gì đúng hay sai, được nhóm lãnh đạo thảo luận và ban hành qua các kênh của nó. Sẽ không có nhiều người phát ngôn hay các chính sách được ban hành từ những chỗ khác nhau. Chắc chắn Ban Bí thư sẽ quản lý một số công việc kinh tế, nhưng chủ yếu liên quan đến các nguyên tắc và các chính sách lớn. Không được can thiệp vào những nhiệm vụ kinh tế cụ thể.

Sau cuộc nói chuyện này, những sự can thiệp trực tiếp của Diệu Bang vào công việc kinh tế của Quốc Vụ Viện đã giảm, và sự phê phán của ông đối với Quốc Vụ Viện đã ít Nhưng sâu trong tâm ông, ông đã không từ bỏ quan điểm của ông. Ông đã tiếp tục bày tỏ các ý kiến của ông.

Sau cuộc nói chuyện chúng tôi đã có với Đồng chí Tiểu Bình, tôi đã cảm thấy rằng công việc đã dễ hơn để quản lý. Từ khi đó trở đi, cách tiếp cận của tôi đã là chấp nhận bất cứ thứ gì tôi đã có thể. Tức là, tôi sẽ theo các ý tưởng của ông [của Hồ] lúc nào tôi nghĩ chúng là đúng. Nếu cái ông nói đã không thực tế, ông đã vẫn có quyền để bày tỏ ý kiến của ông. Nhưng vì quan điểm của ông không đại diện cho quyết định tập thể, chúng tôi đã không buộc phải theo mọi thứ ông nói. Diệu Bang đã biết điều này, bởi vì cuộc nói chuyện

của chúng tôi với Đặng. Ông đã vẫn có những ý tưởng mà tôi đã không đồng ý với, nhưng nếu chúng tôi đã không hành động phù hợp với chúng, ông đã không cố ép.

Những kiến nghị hay những ý kiến kinh tế quan trọng từ những nghiên cứu (của) Quốc Vụ Viện đã được trao cho Ban Thường Vụ Bộ Chính trị [PSC] hay Ban Bí thư cho việc thảo luận. Đôi khi, cho dù Diệm Bang đã không đồng ý, đã là không dễ cho ông để lên tiếng phản đối. Ông sẽ nói, “Không sao, cứ thế đi.” Nhưng sau đó, ông đã bảo [ủy viên PSC Hồ] Khởi Lập, “Đấy đã là một chữ ký bắt buộc. Chúng ta thậm chí không biết những gì Quốc Vụ Viện đã thảo luận về vấn đề này, như thế chúng ta không có lựa chọn nào khác trừ để đồng ý.” Trong những năm 1960, khi Chủ tịch Mao đã không hài lòng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ông đã có những cụm từ được dùng một cách tương tự như “chữ ký bắt buộc.” Với Diệm Bang bày tỏ những ý kiến tương tự, tôi đã phải chú ý.

Nhằm để cải thiện liên lạc với Diệm Bang, tôi đã gợi ý rằng khi Quốc Vụ Viện và Nhóm Lãnh đạo Công việc Kinh tế và Tài chính tổ chức các cuộc thảo luận, chúng tôi mời Hồ Khởi Lập và Hác Kiến Tú [Phó Chủ nhiệm Kế hoạch Nhà nước] và các Đồng chí khác từ Ban Bí thư tham gia, như thế họ có thể báo cáo về các cuộc thảo luận cho Diệm Bang. Tôi cũng đã gợi ý cho Diệm Bang rằng ông cử nhân viên để ngồi nghe trong những cuộc họp của Quốc Vụ Viện và Nhóm Lãnh đạo Công việc Kinh tế và Tài chính. Tuy vậy, vì những lý do mà tôi không biết, Diệm Bang đã không làm việc này.

Tôi cũng đã kiến nghị rằng đối với những vấn đề kinh tế lớn mà sắp được đưa vào thảo luận chính thức của Ban Thường Vụ và Ban Bí thư, các báo cáo có thể được đưa cho chính thân Diệm Bang trước, vì mục đích liên lạc tốt hơn và để cho ông có đủ thời gian xem xét một cách cẩn thận. Diệm Bang đã đồng ý với ý tưởng về việc chúng tôi báo cáo cho ông trước khi đưa ra Ban Thường Vụ Bộ

Chính trị. Trong thời gian đầu, ông đã có vẻ can dự, nhưng sau mấy dịp ông đã mất sự quan tâm và đã yêu cầu dừng nó lại. Vấn đề này đã chẳng bao giờ được giải quyết.

Có vẻ rằng vấn đề cơ bản liên quan đến những hướng khác nhau trong tư duy về những vấn đề kinh tế, kể cả sự khác biệt về phong cách làm việc. Diệu Bang đã không thể ép buộc các ý kiến của ông lên Quốc Vụ Viện và Nhóm Lãnh đạo Công việc Kinh tế và Tài chính, bởi vì Tiểu Bình đã đặt ra các quy tắc. Như thế có lẽ vấn đề đã không thể được giải quyết qua những sự liên lạc (communication) hay bằng việc khiến ông tham gia vào những cuộc thảo luận của Quốc Vụ Viện về công việc kinh tế.

Mặc dù vấn đề này đã cứ dai dẳng, sau cuộc nói chuyện tại nhà của Đặng Tiểu Bình, cả hai chúng tôi đã cẩn trọng về chúng tôi đối xử với nhau như thế nào, và mối quan hệ của chúng tôi đã không trở nên quá căng thẳng. Chí ít từ bên ngoài, đã không còn có hai tiếng nói có thể nhận thấy nữa về những vấn đề kinh tế.

6. Chơi Xò một Đối thủ

Đặng Tiểu Bình tuyên bố một cách nổi tiếng rằng ông không muốn “việc cãi nhau” nào giữa các lãnh đạo Đảng. Thế nhưng những sự khác biệt cơ bản vẫn còn về nhịp độ và hướng của cải cách. Vì tranh luận công khai đã không được phép, Triệu tiết lộ cần phải có các phương tiện gián tiếp để giải quyết các xung đột như thế nào.

Triệu mô tả ông đã dùng một mẹo ngữ nghĩa như thế nào để khắc phục sự phản đối từ lão thành Đảng cánh tả Trần Vân, như thế giải phóng bản thân ông để bỏ qua mong muốn của Trần để giữ lại một vai trò lớn hơn cho Kế hoạch Nhà nước trong nền kinh tế. Triệu không có sự hối tiếc nào, tin rằng ông đã làm việc đúng cho sự phát triển của Trung Quốc.



Ông chí Đặng Tiểu Bình từ lâu đã nhấn mạnh sức mạnh của thị trường. “Chủ nghĩa xã hội không loại trừ một nền kinh tế thị trường,” ông đã nói. Ông đã lặp lại thông điệp nhiều lần. Ông đã nói rằng, trong việc kết hợp các nền kinh tế kế hoạch và thị trường, chúng ta đã có thể linh hoạt về cái nào thực sự đang đóng vai trò dẫn đầu. Quyết định về Cải cách kinh tế được thông qua tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 12 [trong 1984] đã nhấn mạnh tầm quan trọng của các quy luật tự nhiên của cung và cầu và sức mạnh của thị trường. Nó đã định nghĩa nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội như “nền kinh tế hàng hoá.”*

Đặng đã đánh giá cao về quyết định này, và thậm chí đã coi nó như một “lý luận mới về kinh tế chính trị.” Trong một cuộc nói chuyện riêng tôi đã có với Đặng trong năm 1988, khi nhắc đến các ý tưởng của [các Đảng viên lão thành] Trần Vân và Lí Tiên Niệm, Đặng đã nói rằng nền kinh tế của chúng ta được bắt chước nền kinh tế của

Liên Xô. Nhưng vì bản thân những người Soviet đã bỏ mô hình này, vì sao chúng ta vẫn phải bám vào chắc đến vậy? Tất nhiên, vào năm 1992, Đặng đã bày tỏ ý kiến này rõ ràng hơn trong các bài nói chuyện của ông. Mặc dù ông đã nói các thứ khác nhau vào những thời gian khác nhau, ông đã luôn luôn có ý thiên về một nền kinh tế hàng hoá, các quy luật về cung và cầu, và thị trường tự do.

Đồng chí Hồ Diệu Bang đã không nhiệt tình tương tự về nền kinh tế kế hoạch. Theo những quan sát của tôi, ông đã tin nó đã là mô hình kế hoạch từ trên xuống được tập trung cao độ mà đã hạn chế động lực và sức sáng tạo của nhân dân và đã hạn chế sự chủ động ở các mức doanh nghiệp và địa phương. Ông đã tin rằng việc xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa đã đòi hỏi việc cho phép người nhân, các doanh nghiệp, và các chính quyền địa phương để hành động một cách độc lập, trong khi nhà nước tiếp tục hướng dẫn và huy động chúng với các cuộc vận động xã hội.

Trần Vân và Lí Tiên Niệm, tuy vậy, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của một nền kinh tế kế hoạch, đặc biệt Trần Vân, mà quan điểm của ông đã không thay đổi từ những năm 1950. Ông đã đưa cụm từ “nền kinh tế kế hoạch là chính, những điều chỉnh thị trường là phụ” vào mọi bài phát biểu ông đã trình bày. Giọng của các bài phát biểu của ông đã không thay đổi thậm chí sau khi các cải cách đã bắt đầu lâu rồi. Quan điểm của ông đã là, việc đối phó với nền kinh tế đã giống việc nuôi chim: ta không thể giữ những con chim quá chặt, hoặc khác đi chúng sẽ chết ngạt, nhưng ta cũng chẳng thể để chúng tự do, vì chúng sẽ bay mất, như thế cách tốt nhất để nuôi chúng trong một chiếc lồng. Đây là ý tưởng cơ bản của “Mô hình kinh tế Lồng Chim” nổi tiếng của ông.

Ông không chỉ tin rằng Kế hoạch 5 Năm đầu tiên của Trung Quốc đã là một thành công, mà cho đến cuối các năm 1980, ông cũng vẫn tin rằng một nền kinh tế kế hoạch đã biến đổi Liên Xô trong

vài thập niên từ một quốc gia kém phát triển thành một quốc gia hùng mạnh, đứng thứ hai chỉ sau Hoa Kỳ. Ông đã coi điều này như sự chứng minh rằng kế hoạch hoá kinh tế đã có thể thành công. Ông tin rằng lý do Trung Quốc đã không làm tốt dưới một nền kinh tế kế hoạch chủ yếu đã là sự gián đoạn do các chính sách của Mao gây ra, bị Cách mạng Văn hoá tàn phá làm trầm trọng. Nếu giả như các thứ đã tiếp diễn như chúng đã diễn ra trong Kế hoạch 5 Năm lần thứ Nhất, các kết quả đã sẽ rất tích cực.

Về mặt đối ngoại, Trần Vân đã vẫn giữ một sự ngưỡng mộ ăn sâu đối với Liên Xô và một sự ngờ vực đối với Hoa Kỳ. Cách nhìn của ông đã rất khác với cách nhìn của Đặng Tiểu Bình, và đã có sự va chạm giữa hai người.

Trong các năm 1980, Ivan Arkhipov [cố vấn kinh tế {Phó Thủ tướng thứ nhất từ cuối 1980 đến cuối 1986}] đã đến Trung Quốc. Liên Xô đã cử ông để giúp Trung Quốc về lập kế hoạch kinh tế [cố vấn kinh tế] trong những năm 1950], và ông đã có một mối quan hệ tốt với Trần Vân. Đặng đã cho Trần Vân các chủ đề cho cuộc gặp của ông với Arkhipov và đã lệnh cho ông để theo chúng. Tiểu Bình đã lo về những gì Trần Vân có thể nói với Arkhipov và đã sợ nó có thể gây ra sự lộn xộn về chính sách đối ngoại. Trần Vân miễn cưỡng nhưng đã theo các mệnh lệnh. Từ Hướng Tiền [Tổng Tham mưu Trưởng Quân đội Giải phóng Nhân dân] đã giữ quan điểm tương tự. Ông cũng đã tin rằng, rất cuộc, Liên Xô là một nước xã hội chủ nghĩa, còn Hoa Kỳ là một quốc gia đế quốc chủ nghĩa.

Khi chúng tôi bắt đầu thực hiện kế hoạch khoán đất hộ nông thôn, Trần Vân đã trình bày một bài phát biểu tại cuộc họp Phiên Công tác Nông thôn trong tháng Mười Hai 1981. Ông đã nói nền kinh tế nông thôn cũng chủ yếu phải được kế hoạch hoá, với những điều chỉnh thị trường là phụ. Ngũ cốc, bông, thuốc lá, và cây trồng

khác phải có các chỉ tiêu đặt ra cho các vùng trồng trọt. Chăn nuôi lợn cũng phải được giao những con số mục tiêu.

Trong thời gian lễ Tết Nguyên đán trong tháng Giêng 1981, Trần Văn lại đã tập hợp các lãnh đạo trong Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để nói về việc tăng cường lập kế hoạch kinh tế, và sau đó đưa tin cho các báo. Ông đã nói rằng bởi vì việc lập kế hoạch kinh tế đã không phổ biến, đã trở nên khó khăn để thực hiện công việc của Ủy ban Kế hoạch, nhưng không được từ bỏ nền kinh tế kế hoạch.

Cho Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 12 trong tháng Mười 1984, Đồng chí Trần Văn đã đệ trình một tuyên bố bằng văn bản. Mặc dù ông đã vẫn khẳng khẳng chúng ta đã đúng để coi nhẹ các quy luật cung và cầu trong các chính sách sản xuất thực phẩm của chúng ta trong những năm 1950, ông đã đồng ý với dự thảo của Quyết định về Cải cách kinh tế mà đã được đề xuất cho Đại hội. Trước khi dự thảo được đệ trình cho Đại hội Đảng, tôi đã viết một bức thư cho Ban Thường Vụ Bộ Chính trị về cải cách kinh tế. Đặng Tiểu Bình, Trần Văn, và Lí Tiên Niệm tất cả đều bày tỏ sự tán thành của họ. Trần Văn thậm chí đã viết trong tuyên bố của ông rằng bởi vì sự mở rộng quy mô của nền kinh tế của chúng ta, nhiều thực hành của những năm 1950 đã không còn khả thi nữa. Tôi nghĩ tuyên bố của ông đã là một tuyên bố tốt: ông đã ủng hộ ý tưởng về cải cách. Tuy nhiên, tại một hội nghị toàn quốc trong tháng Chín 1985, ông đã lại tuyên bố, “Nền kinh tế phải dựa vào ‘nền kinh tế kế hoạch là chính, những điều chỉnh thị trường là phụ,’ một cụm từ mà đã vẫn không lỗi thời.”

Tuyên bố này đã có thể tạo thành một vấn đề. Thành ngữ đã được dùng trong những năm trước Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 12, nhưng từ đó quyết định để cải cách đã được đưa ra, và chúng ta đã thống nhất rằng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế hàng hoá và rằng chúng ta phải thực hiện

đầy đủ tiềm năng thị trường. Chúng ta cũng đã vứt bỏ ý tưởng rằng “việc lập kế hoạch đầu tiên, việc định giá muộn hơn,” mà Mao đã giữ. Làm sao chúng ta vẫn có thể nói “nền kinh tế kế hoạch là chính, những điều chỉnh thị trường là phụ”? Đã là rõ ràng nếu tuyên bố được lưu truyền, nó sẽ mâu thuẫn với quyết định được đưa ra tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 12.

Trần Vân đã gửi cho tôi bản thảo của bài phát biểu của ông cho việc xem lại, và tôi đã cảm thấy băn khoăn để đọc nó. Bài phát biểu của ông đã là một sự rút lại rõ ràng của tuyên bố của ông tại đại hội Đảng một năm trước. Nếu ông tiếp tục với bài phát biểu này, chắc chắn nó gây ra sự lộn xộn tại hội nghị. Nhưng tôi cũng đã biết rằng bởi vì ông đã viết nó ra rồi, mặc dù nó vẫn chưa được trình bày sẽ là không thể để thuyết phục ông thay đổi quan điểm của ông.

Tôi đã đến thăm ông tại nhà ông và gợi ý rằng ông nên thêm một đoạn: “Cái gọi là ‘những điều chỉnh thị trường là phụ’ áp dụng cho phạm vi sản xuất mà trong đó mức được định phù hợp với cầu thị trường mà không có quy hoạch. Nó là một sự điều chỉnh không có quy hoạch.” Bản thân ông đã sử dụng cách diễn đạt tương tự trong những năm 1950, như thế ông đã vui vẻ chấp nhận gợi ý của tôi và đã yêu cầu thư ký của ông thêm nó vào bài phát biểu của ông ngay lập tức.

Vì sao tôi đã đưa ra một gợi ý như vậy? Bởi vì bằng việc đưa thêm cụm từ này, chúng tôi đã có thể hạn chế phạm vi của “những điều chỉnh thị trường là phụ” cho những hàng hoá nhỏ mà đã không có Kế hoạch Nhà nước. Chúng tôi sẽ không tính đến khối lớn các hàng hoá, được Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của đại hội Đảng lần thứ 12 nhắc tới như “được quy hoạch gián tiếp,” mà đã theo cầu thị trường.

Bằng việc đưa thêm cụm từ, các hàng hoá đã được chia thành ba nhóm: nhóm đầu là “các hàng hoá có kế hoạch”; nhóm thứ hai

“được quy hoạch gián tiếp,” mà đã gồm đa số các hàng hoá; nhóm thứ ba là cái gọi là các hàng hoá nhỏ “thứ cấp được điều chỉnh-thị trường.” Hai nhóm cuối, mà cùng nhau đã gồm ít nhất một nửa các hàng hoá, được sản xuất theo cầu thị trường. Bằng việc đưa thêm cụm từ, chúng tôi đã có thể giải thích tất cả điều này, và sẽ không có mâu thuẫn rõ ràng nào với Quyết định về Cải cách kinh tế.

Tất nhiên, Đồng chí Trần Vân không giải thích các thứ theo cách này; ông đã có ý nói cái gì đó hoàn toàn khác. Nhưng chỉ ít chúng tôi đã có thể giải thích chúng theo cách đó. Không có cụm từ, thì ông đơn giản nói “nền kinh tế kế hoạch là chính, những điều chỉnh thị trường là phụ” và đã hạn chế phạm vi của những điều chỉnh theo cầu thị trường.

Tất cả có vẻ giống một trò chơi ngữ nghĩa, nhưng chẳng có thứ gì khác đã có thể được làm. Trần Vân đã vô cùng có ảnh hưởng bên trong Đảng Cộng sản và trong chính sách kinh tế. Nếu giả như chúng tôi đã phân phát tuyên bố của ông mà không có sự sửa đổi, nó đã có thể gây ra sự lầm lẫn lớn bên trong Đảng.

Trong năm 1987, tôi đã nói trong Báo cáo Chính trị của Đại hội Đảng thứ Mười ba rằng từ nay về sau, cơ chế kinh tế phải là “nhà nước can thiệp vào thị trường, và thị trường lái (dẫn dắt) các doanh nghiệp.” Vì bầu không khí chính trị tổng thể đã rất tích cực cho cải cách, các dự thảo báo cáo của tôi đã luôn được gửi cho Trần Vân xin ý kiến ông. Mặc dù ông đã không bao giờ bày tỏ công khai sự phản đối, ông cũng đã chẳng bao giờ chấp thuận.

Ông đã chẳng bao giờ bày tỏ chính thức sự ủng hộ của ông như ông đã trong Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 12. Khi tôi bắt đầu trình bày Báo cáo Chính trị của tôi tại buổi khai mạc của đại hội Đảng lần thứ 13, ông đã đứng dậy và rời phòng hội nghị. Đây đã là cách của ông để bày tỏ sự không tán thành báo cáo của tôi. Vì sao tôi nghĩ vậy? Vào lúc ông đã khoẻ,

như thế ông đã chẳng có vấn đề gì để ở lại và lắng nghe. Ngược lại, khi tôi trình bày Mười Chiến lược cho sự Phát triển kinh tế sau khi tôi trở thành Thủ tướng trong năm 1981, lúc khi ông không khỏe, mọi người ta đã thử thuyết phục ông rời phòng họp để nghỉ, thế nhưng ông đã từ chối rời đi và đã nói, “tôi cần nghe đến cuối báo cáo của Tử Dương.” Hành động của ông lúc đó đã là một dấu hiệu của sự ủng hộ. Nhìn chung, các lão thành Đảng thường rời một hội nghị trong thời gian họp, nhưng bằng việc đối sánh hai sự cố này, thái độ của ông đã rõ.

(Ngoài lề: sau sự cố mừng Bốn tháng Sáu in 1989, Diêu Y Lâm, người đã coi Trần Vân như người thầy kinh tế của ông, đã đề xuất “việc thoát khỏi ảnh hưởng chính sách của Triệu Tử Dương” bằng công khai lên án thành ngữ “nhà nước can thiệp vào thị trường, và thị trường lái các doanh nghiệp.”)

Tôi cũng đã tiến bộ qua các giai đoạn trong sự hiểu biết của tôi về nền kinh tế kế hoạch. Vào lúc bắt đầu, tôi đã lo rằng trong một nước to như Trung Quốc, với các điều kiện khác nhau và các mạng lưới truyền thông và giao thông kém phát triển của nó, nếu tất cả các hàng hoá từ sản xuất đến phân phối được chỉ huy và lập kế hoạch một cách tập trung, thì thói quan liêu, những sự đổ vỡ, và những sai lầm có vẻ không thể tránh khỏi.

Muộn hơn, sau khi tôi đã đến làm việc tại Ủy ban Trung ương, tôi đã nhận thức rõ rằng những sự không hiệu quả kinh tế và những sự cố giữa sản xuất và tiêu thụ đã có một nguyên nhân nội tại, và đó đã là bản thân nền kinh tế kế hoạch. Con đường ra duy nhất đã là thực hiện tiềm năng thị trường bằng việc để cho các quy luật về cung và cầu có hiệu lực. Tôi đã chẳng có ý tưởng nào, tuy vậy, liệu chúng ta, với tư cách một nước xã hội chủ nghĩa, có thể chấp nhận các nguyên tắc thị trường-tự do cơ bản của các quốc gia Tây phương hay không.

Bởi vì sự không chắc chắn của tôi, trong báo cáo công tác chính phủ 1981 của tôi về “Mười Chiến lược cho sự Phát triển kinh tế,” tôi đã chia hệ thống kinh tế kế hoạch thành bốn khu vực theo bản chất của các doanh nghiệp và các hàng hoá. Khu vực thứ nhất đã được xác định như sản xuất hoàn toàn dưới sự kiểm soát của nhà nước, kể cả các doanh nghiệp then chốt tạo thành xương sống của nền kinh tế và các hàng hoá chính cốt yếu cho sinh kế của nhân dân. Khu vực thứ hai gồm vô số hàng hoá nhỏ được sản xuất theo kế hoạch của các nhà sản xuất và các nhà phân phối đáp ứng các lực lượng thị trường. Tôi cũng đã nhận diện hai khu vực khác: một khu vực trong đó kế hoạch đóng vai trò chi phối còn cầu thị trường đóng một vai trò điều chỉnh, thứ yếu; và khu vực kia nơi các lực lượng thị trường đóng vai trò chính còn kế hoạch nhà nước đóng một vai trò thứ yếu. Lúc đó những sự phân loại này cũng đã được Trần Vân tán thành.

Khi các dự thảo văn kiện cho Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 12 được chuẩn bị, tôi đã trình bày cho nhóm soạn thảo vài khái niệm, mà muộn hơn được gồm trong một lá thư tôi đã viết cho Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Những khái niệm này đã như sau.

1. Nền kinh tế Trung Quốc là một nền kinh tế kế hoạch, không phải nền kinh tế thị trường tự do của phương Tây.
2. Bản chất của nền kinh tế Trung Quốc là một “nền kinh tế hàng hoá,” không phải một “nền kinh tế sản vật.”*
3. Việc lập kế hoạch gồm việc lập kế hoạch trực tiếp và lập kế hoạch gián tiếp; kế hoạch trực tiếp phải được giảm khi kế hoạch gián tiếp được mở rộng.
4. Việc lập kế hoạch gián tiếp có nghĩa chủ yếu đáp lại cầu thị trường với sự can thiệp bằng các công cụ kinh tế, trong

khi việc lập kế hoạch trực tiếp cũng phải tôn trọng các quy luật về cung và cầu.

Những quan niệm này cuối cùng đã được bao gồm trong Quyết định về Cải cách kinh tế được thông qua tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 12. Sau đó, “nền kinh tế hàng hoá” đã được xác định rõ ràng. Ngoài các hàng hoá nhỏ không có kế hoạch ra, khu vực “kế hoạch hoá gián tiếp” mà dựa vào những điều chỉnh thị trường sẽ tiếp tục mở rộng. Theo cách này, tỷ lệ của nền kinh tế Trung Quốc dựa vào những điều chỉnh thị trường sẽ tăng lên.

Vào lúc báo cáo của tôi cho Đại hội Đảng thứ Mười ba, đã là rõ ràng cơ chế cho nền kinh tế Trung Quốc đã phải là “nhà nước can thiệp vào thị trường, và thị trường lái các doanh nghiệp.” Nói cách khác, chúng ta đã thực hiện rồi một nền kinh tế phụ thuộc vào các nguyên lý thị trường-tự do. Đã chỉ bởi vì các rào cản ý thức hệ mà thuật ngữ “thị trường tự do” đã không được dùng.

7. Từng Bước một

Đã có hai cách tiếp cận đến việc cải cách các nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa. Một cách gồm “liệu pháp sốc,” thay đổi các quy tắc ngay lập tức; cách khác chấp nhận một quá trình từ từ hơn nhiều. Bằng việc theo cách tiếp cận từng bước một, Trung Quốc phần lớn đã có thể tránh những sự rối loạn kinh tế được trải nghiệm ở Liên Xô trước đây và Đông Âu. Triệu đưa ra những sự thấu hiểu về Trung Quốc đã đưa ra lựa chọn đó thế nào.



Trung Quốc đi đến chấp nhận một cách tiếp cận từ từ như thế nào?

Trong mười năm tôi vận hành nền kinh tế cho Ủy ban Trung ương—cho đến khi tôi từ chức—chúng tôi đã theo đuổi một sự chuyển đổi từ từ. Đã có hai khía cạnh chủ yếu. Thứ nhất đã là sự nổi lên của một nền kinh tế thị trường, mới mà đã từ từ chín muồi vượt xa hơn lĩnh vực của hệ thống kế hoạch. Thí dụ, khi cải cách nông thôn được bắt đầu, các chỉ tiêu nhà nước cho thu mua bắt buộc đã được giảm; khi các lượng bắt buộc được giảm, sản xuất nông nghiệp đã tăng lên, như thế tỷ lệ chỉ tiêu nhà nước đã sụt từ năm này sang năm khác. Đã có một khối lượng tăng lên của các sản phẩm được đưa ra thị trường.

Trong năm 1985, đẩy thêm một bước, chúng tôi đã xoá bỏ chương trình thu mua bắt buộc trong nông nghiệp, và cơ bản đã trở nên được định hướng thị trường, được giải phóng khỏi nền kinh tế kế hoạch, với ngoại lệ của vài sản phẩm như bông.

Sự nổi lên của các doanh nghiệp làng xã và hương trấn, các doanh nghiệp chế tác và thương mại tư nhân, các liên doanh và các

doanh nghiệp nước ngoài sở hữu một mình— tất cả những thứ này đã được dựng lên bên ngoài nền kinh tế kế hoạch. Cùng nhau chúng đã tạo thành một khu vực kinh tế mà đã đáp ứng chỉ các lực lượng thị trường. Khu vực này đã bắt đầu từ số không, và đã trải qua sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, thị trường với các mức vượt xa các khu vực sở hữu-nhà nước hay sở hữu tập thể. Nó đã mang lại sự thịnh vượng cho nền kinh tế Trung Quốc và một hệ thống kinh tế mới: nền kinh tế thị trường.

Khi khu vực thị trường đã lớn lên từng ngày, hệ thống kinh tế của Trung Quốc cuối cùng đã trải qua một sự thay đổi về chất, thậm chí không có các cải cách cơ bản của mô hình kinh tế kế hoạch nhà nước ban đầu. Đây là lý do cơ bản rằng cải cách kinh tế ở Trung Quốc đã không chỉ thúc đẩy sự thịnh vượng, mà cũng đã duy trì sự ổn định chính trị.

Khía cạnh quan trọng thứ hai đã là sự giảm của khu vực kinh tế kế hoạch. Sự thay đổi đã không tức thời. Thay vào đó nó đã bắt đầu với một số nhỏ những thay đổi thứ yếu, nhưng nó từ từ kéo theo những thay đổi lớn hơn. Các chính sách và các biện pháp được đưa vào để chuyển nhiều quyền lực hơn cho các mức hành chính thấp hơn và mở rộng sự tự trị của các doanh nghiệp. Để cải cách kế hoạch hoá kinh tế, đã có sự giảm từ từ của việc lập kế hoạch trực tiếp, một sự mở rộng của việc lập kế hoạch gián tiếp, một sự giảm bớt về các nguồn lực được nhà nước phân bổ, và một sự mở rộng của các kiểu và số lượng của các sản phẩm được trao đổi bởi bản thân các doanh nghiệp sở hữu nhà nước. Thương mại đã được phép cho các nguồn lực vật chất then chốt vượt sự thực hiện các chỉ tiêu do nhà nước phân bổ, và thậm chí bên trong chỉ tiêu, một phần cũng đã có thể được buôn bán trực tiếp. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã đưa ra một sơ đồ thầu khoán (hợp đồng) cho các doanh nghiệp và

cải cách giá cả. Tất cả các biện pháp này đã đóng những vai trò bổ sung mạnh trong khi khu vực thị trường đã tiếp tục tăng lên.

Lúc đó, các thành phần chính của khu vực thị trường đã là nông nghiệp, các sản phẩm nông thôn, các ngành công nghiệp nhẹ, ngành dệt, và các sản phẩm tiêu dùng. Các sản phẩm liên quan đến tư liệu sản xuất chủ yếu đã vẫn bị các doanh nghiệp sở hữu nhà nước kiểm soát.

Đã có những chỉ trích cách tiếp cận quá độ: “không có chiến lược tổng thể,” “tiến hành một bước và chờ xem cái gì xảy ra,” “không nhìn xa trông rộng,” “mù quáng,” vân vân. Những ngày này thì có ít những chỉ trích như vậy.

Tuy vậy, đã có những thiếu sót nảy sinh từ sự cùng tồn tại của hai hệ thống mà không được đánh giá thấp. Khi các tác động tiêu cực vượt những gì xã hội có thể chịu đựng, các vấn đề sẽ nổi ra. Chỉ bằng việc đạt những cải cách kinh tế và chính trị thêm mới có thể giải quyết các vấn đề như vậy. Đã là đúng để làm theo thuyết phát triển từ từ từng bước (gradualism) trong các giai đoạn đầu, nhưng điều đó không thể tiếp tục trong dài hạn.

8. Nền Kinh tế Trở nên Quá Nóng

Trong năm 1984 và lần nữa trong năm 1988, nền kinh tế Trung Quốc quá nóng. Triệu biện minh phản ứng của ông đối với khủng hoảng đầu tiên, tương phản nó với sự thất bại của các chính sách của chính phủ bốn năm muộn hơn. Trong năm 1988, tiếp sau một cố gắng vụng về để cải cách hệ thống giá cả, tỷ lệ lạm phát vọt lên và châm ngòi cho việc rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng và việc mua hoảng loạn. Triệu bày tỏ sự ân hận vì việc xử lý tình hình của ông.



Những sự điều chỉnh lại kinh tế được đưa ra trong 1981 đã làm giảm tốc độ tăng trưởng cho sản lượng nông nghiệp và công nghiệp xuống 4 phần trăm. Năm tiếp theo, nền kinh tế đã bắt đầu phát triển nhanh hơn và cuối cùng đã theo hướng lành mạnh. Sự phát triển kinh tế trong 1983 và 1984 đã rất tốt; không chỉ nền kinh tế đã tăng trưởng nhanh, mà cầu và cung đã tương đối đồng bộ. Các chỉ số khác nhau đã lành mạnh; hiệu quả kinh tế đã cải thiện đáng kể và các tiêu chuẩn sống của nhân dân đã tăng lên rất nhiều.

Tuy vậy, bắt đầu từ quý tư năm 1984, tốc độ tăng trưởng đã trở nên quá cao, tín dụng đã quá mức, và quy mô của việc xây dựng hạ tầng cơ sở quốc gia đã quá lớn. Như một kết quả, giá cả đã tăng thậm chí nhanh hơn.

Trong đầu năm 1985, khi các dấu hiệu quá nóng này đã nổi lên, Nhóm Lãnh đạo Trung ương và Quốc Vụ Viện đã thử làm nguội nền kinh tế bằng việc tăng cường kiểm soát kinh tế vĩ mô, kiểm chế tín dụng và việc cho vay và giảm xây dựng cơ sở hạ tầng. Tuy vậy, vì hệ thống ngân hàng đã vẫn chưa được cải cách, kiểm soát tín dụng

và cho vay đã phải được tiến hành qua các phương tiện hành chính, phân bổ các chỉ tiêu tín dụng xuống các mức thấp hơn.

Các phản ứng từ tất cả các phía đã mạnh và đã gây ra những khó khăn đáng kể cho việc vận hành suôn sẻ của nền kinh tế. Các chỉ tiêu tín dụng đã được đưa xuống từ Quốc Vụ Viện qua Ngân hàng Trung ương tới các mức chi nhánh tỉnh và quận. Như một kết quả, các chính quyền địa phương đã nhờ các chỉ tiêu tín dụng của họ cho các dự án được ưu tiên, nhất là các dự án xây dựng đặc biệt, và đã chẳng còn gì cho các dự án mà đã không thể để bị bỏ qua. Việc này đã buộc chính phủ trung ương nâng chỉ tiêu tín dụng.

Thí dụ, ngay khi những sự kiểm soát tín dụng được áp đặt, nhiều chính quyền địa phương đã than phiền họ đã thiếu ngân quỹ cho việc mua ngũ cốc hàng năm, tuy họ đã sử dụng tín dụng được phân bổ {cho mua ngũ cốc} ở nơi khác. Các hạn mức tín dụng bị thiết chặt cuối cùng đã được nới lỏng chẳng bao lâu sau đó.

Như thế trong 1985, tốc độ tăng trưởng đã vẫn cực kỳ cao, mặc dù những sự kiểm soát vĩ mô đã được thực hiện trong đầu năm. Sự hâm nóng đã trở nên tồi tệ hơn.

Làm sao chúng tôi đã có thể xử lý tình hình? Hai cách tiếp cận đã được xem xét. Chúng tôi đã có thể sử dụng phương pháp truyền thống: lặp lại những sự điều chỉnh lại của năm 1981 bằng việc đập các phanh trên nền kinh tế và cắt giảm xây dựng hạ tầng cơ sở. Cách khác đã là giải quyết vấn đề một cách từ từ. Phương pháp thứ nhất sẽ dẫn đến những tổn thất lớn khắp nơi; và nó không thực dụng, vì nhiều dự án hạ tầng cơ sở đã vừa mới được tiếp tục lại sau khi bị hoãn bởi sự điều chỉnh lại 1981. Cắt chúng lần nữa sẽ gây ra thiệt hại trong nước và quốc tế đáng kể. Đó là vì sao tôi đã quyết định sử dụng các biện pháp cho một “sự hạ cánh mềm,” tức là, đưa ra những sự điều chỉnh từ từ trong vài năm hơn là trong chỉ một năm.

Một quyết định đã được đưa ra để tiếp tục sự kiểm soát tương đối chặt đối với các chính sách tín dụng và tài chính thêm hai năm. Xây dựng hạ tầng cơ sở đã ở các mức 1985 với những sự điều chỉnh được thực hiện theo sự ưu tiên và sự định thời gian của các dự án cụ thể. Nếu tốc độ tăng trưởng đã vẫn như nhau cho hai năm, tình hình đã có thể dịu lại thành bình thường. Với việc thực hiện kế hoạch này, tình cảnh tổng thể đã tốt trong 1986.

Những kết quả tích cực đã tiếp tục. Trong năm 1987, GNP và GDP mỗi thứ đã tăng hơn 10 phần trăm. Sản lượng công nghiệp đã tăng hơn 17 phần trăm. Nông nghiệp đã tăng gần 6 phần trăm. Giá cả bán lẻ đã tăng 7,3 phần trăm. Tình hình với đầu tư tài sản cố định và xây dựng hạ tầng cơ sở về cơ bản đã tốt.

Tổng thể, sau hai năm của cách tiếp cận “hạ cánh mềm”, tình hình đã cải thiện. Môi trường kinh tế tổng thể đã không còn căng thẳng nữa. Khi Ủy ban Trung ương và Quốc Vụ Viện xem xét lại tình hình vào cuối năm, họ đã thừa nhận rằng thay cho các biện pháp điều chỉnh đột ngột, phương pháp “hạ cánh mềm” đã có thể hoạt động.

Đó ban đầu cũng đã là chiến lược cho 1988. Khi chúng tôi thảo luận các kế hoạch cho 1988 tại Đại hội công tác kế hoạch toàn quốc trong tháng Chín 1987, tôi đã trình bày một bài phát biểu nhân danh Ủy ban Trung ương. Tôi đã chỉ ra rằng nhằm để thực hiện các chính sách ổn định hoá nền kinh tế—nhất là sự tăng về giá cả—tài chính và tín dụng cần được siết chặt, xây dựng hạ tầng cơ sở cần được giảm, các quỹ tiêu dùng cần được kiểm soát, và đồng thời sự tăng trưởng sản xuất đều đặn cần được duy trì. Chiến lược cho nền kinh tế trong 1988 có thể được tóm tắt trong hai điểm: ổn định hoá nền kinh tế hơn nữa và làm sâu sắc thêm cải cách.

Với chiến lược được đặt ra, vì sao lạm phát trong năm 1988 lại cao thế, với chỉ số giá bán lẻ tăng 18,5 phần trăm? Kể từ lúc bắt đầu

cải cách, điều này đã chẳng bao giờ xảy ra.

Lạm phát đã nảy sinh từ một sự kết hợp của các nhân tố. Tôi đã nhắc đến khi đó, và ngày nay tôi vẫn tin, rằng nguyên nhân chính đã là sự phản ứng không thích hợp được đưa ra trong 1988 đối với cải cách hệ thống giá cả.

Cải cách giá—việc điều chỉnh từ từ cơ chế định giá—là một vấn đề cực kỳ quan trọng trong cải cách kinh tế. Chúng tôi đã luôn luôn tin rằng nếu việc định giá không được giải quyết, thì cải cách kinh tế không thể được hoàn thành.

Sau hai năm của cách tiếp cận “hạ cánh mềm”, trong 1986 và 1987, các điều kiện tại chỗ trong năm 1988 cho việc tiến hành một bước lớn hơn trong cải các hệ thống giá cả. Tuy vậy, cải cách được đề xuất—“tạo một đột phá trong những khó khăn hệ thống định giá”—đã hoàn toàn sai trong những nguyên tắc chỉ đạo và trong sự thực hiện của nó. Kết quả đã là một sai lầm nghiêm trọng, gây ra một sự thụt lùi trầm trọng cho nền kinh tế. Việc này đã xảy ra như thế nào? Như tôi đã nhắc tới trước, chính sách “hạ cánh mềm” ban đầu đã được kỳ vọng để tiếp tục. Nhưng vào mùa xuân 1988, đã có một phản ứng mạnh đối với sự tăng giá và hệ thống hai giá, mà đã khuyến khích tham nhũng. Ngoài ra, Đặng Tiểu Bình đã lặp đi lặp lại thúc chúng tôi dứt khoát trong cải cách giá, mà ông đã tin cần đến một sự đột phá, nói, “một cái đau nhói ngắn là tốt hơn cái đau âm ỉ.”

Với tất cả thứ này trong đầu, tôi đã bắt đầu đưa khỏi các bước từ từ và theo hướng ý tưởng ngay một lúc. Tuy các giá cố định đã tăng lên, tình hình với việc định giá sai đã không thay đổi, như thế có lẽ tốt hơn để tiến hành một sự điều chỉnh lớn cùng một lúc. Trong một thời kỳ, thí dụ hai đến ba năm, chúng ta có thể tăng các giá ở một mức nhất định, thí dụ 30–50 phần trăm, để đưa giá của các hàng hoá tới những mức hợp lý và bằng cách ấy loại bỏ hệ thống định giá méo mó và vô lý.

Sau khi kiến nghị của tôi được thông qua về nguyên tắc tại cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị mở rộng trong mùa xuân 1988, Diêu Y Lâm đã được phân công để lãnh đạo Ủy Ban Kế hoạch Kinh tế nhà nước trong một nghiên cứu về những đặc điểm của việc thực hiện. Trong mùa hè 1988, kế hoạch được đề xuất của Diêu Y Lâm và Ủy Ban Kế hoạch Kinh tế nhà nước đã được thông qua, sau những thảo luận tới-lui tại một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị mở rộng ở Bắc Đới Hà [khu nghỉ mát ven biển nơi các lãnh đạo Đảng tụ họp mỗi hè]. Việc thực hiện được định để bắt đầu trong quý tư 1988 hay đầu năm 1989, nhưng đã bị huỷ bỏ bởi vì lạm phát cao.

Kể từ Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 12, chiến lược của chúng ta cho cải cách giá đã kết hợp những sự điều chỉnh lại với một sự nới lỏng kiểm soát. Một số giá được chính phủ điều chỉnh theo kiểu từ trên xuống, trong khi những giá khác đã được phép điều chỉnh theo các lực lượng thị trường. Hàng hoá mà giá của nó được chính phủ định bên trong định mức của khu vực kế hoạch sau đó được bán trên thị trường với một giá bỏ ngo. Đây đã là hệ thống hai giá.

Ý định đã là phản ứng với thị trường và từ từ nới lỏng sự kiểm soát giá, để cho thị trường tiếp quản. Tuy vậy, cải cách được kiến nghị đã không phù hợp với chiến lược cải cách từ từ mà đã dựa vào những điều chỉnh giá được nhà nước quản lý trên quy mô lớn. Điều này đã phản ánh những cảm tính của thời đó: để lao qua các cải cách giá, và để loại bỏ hệ thống hai giá nhằm để thống nhất hoặc chí ít để giảm khoảng cách giữa các giá được định và các giá thị trường.

Đây đã không phải là cách đúng để thực hiện cải cách giá, bởi vì rốt cuộc nó đã không là một sự chuyển từ những sự kiểm soát giá sang các cơ chế thị trường. Nó đã là việc sử dụng các phương pháp kế hoạch để điều chỉnh giá cả. Nó đã vẫn là cách cũ của việc định

giá có kế hoạch. Là rõ bây giờ rằng nếu giả như lạm phát cao đã không xảy ra, và kế hoạch cải cách giá này đã được thực hiện, nó sẽ chẳng giải quyết được vấn đề và đã có thể làm thụt lùi cải cách giá.

Nguyên nhân trực tiếp của lạm phát cao của năm 1988 đã là, trước khi các kế hoạch cho cải cách giá thậm chí được soạn thảo, thì chiến dịch truyền thông đã bắt đầu rồi. Thành linh, các lời đồn đoán đã lan rộng: “giá cả sẽ tăng 50 phần trăm, lương sẽ gấp đôi.” Những lời đồn đại đã gây ra một sự hoảng loạn công khai, hết sức ảnh hưởng đến sự lờng trước của người dân về giá cả tăng lên. “Sự lờng trước tâm lý” đã là một vấn đề mà chúng tôi đã không hiểu vào lúc đó. Tuy vậy, các quốc gia với các nền kinh tế thị trường đã chú ý nhiều đến vấn đề này khi họ cần kiểm soát lạm phát. Họ đã thử tìm những cách để tránh việc gây ra một phản ứng thái quá do “sự lờng trước tâm lý”; chúng tôi ngược lại đã cổ vũ và kích động nó.

Rốt cục đã chẳng có gì xảy ra, nhưng người dân đã tin rằng giá cả sẽ tăng lên, và chúng tôi đã không thể đưa ra những sự trấn an về điều ngược lại bằng, thí dụ, tăng lãi suất cho các khoản tiền gửi tiết kiệm ngân hàng, mà có nghĩa là một lời hứa cho nhân dân rằng {lãi suất của} các khoản tiết kiệm ngân hàng của họ sẽ tăng với tốc độ vượt lạm phát; hoặc việc bảo đảm giá trị của các món tiền gửi. Trong khi người dân đã đang lờng trước rằng một sự tăng giá cao đột xuất đang đến, thì đã không có những sự trấn an nào được đưa ra về lãi suất của các khoản tiết kiệm của họ, như thế mọi người đã lo rằng giá cả gia tăng sẽ làm mất giá trị của những khoản tiết kiệm bao năm trời của họ được gửi trong ngân hàng. Kể từ Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11, người dân những người sống cần kiệm đã gửi hơn 100 tỷ nhân dân tệ vào ngân hàng. Khi họ lờng trước rằng các khoản tiết kiệm kiếm được một cách

khó khăn sẽ bị lạm phát làm cho mất giá trị, họ đã đổ xô để rút tiết kiệm của họ khỏi ngân hàng và đã mua các hàng hoá. Việc này đã gây ra sự rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng và việc hoảng loạn mua trong mùa hè 1988.

Việc mua hoảng loạn những mặt hàng nhất định đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ, như thế nó đã không lạ đối với chúng tôi. Nhưng lần này nó đã khác. Trong quá khứ, việc mua hoảng loạn đã do thiếu hụt gây ra; người dân đã lo về sự sẵn có trong tương lai của xà phòng, muối ăn, bột. Nhưng lần này, mục đích của việc mua đã không phải cho việc sử dụng cá nhân, mà đã là bảo vệ giá trị, như thể tình hình đã thịnh hành hơn và nghiêm trọng hơn bao giờ hết.

Nhiều cửa hàng và doanh nghiệp đã nâng giá của họ lên, và tiền tiết kiệm ngân hàng đã sụt 40 tỷ nhân dân tệ nhiều hơn dự kiến. Ngân hàng đã phải in tiền để trả các khoản rút, dẫn đến một sự tăng lớn về lượng tiền trong lưu thông.

Ngay khi việc mua hoảng loạn đã bắt đầu, chúng tôi đã phải ngay lập tức và dứt khoát đưa ra những biện pháp để tăng lãi suất tiền gửi, hoặc công bố những khoản tiền gửi được bảo đảm giá trị. Nếu giả như chúng tôi đã làm, tình hình đã có thể khá hơn và những tổn thất phải chịu đã ít hơn.

Lúc đó, Nhóm Lãnh đạo Công việc Kinh tế và Tài chính Trung ương đã đề xuất biện pháp cho Quốc Vụ Viện, nhưng Lí Bằng và Diêu Y Lâm đã lo rằng việc nâng lãi suất tiền gửi sẽ dẫn đến lãi suất cao hơn của các khoản vay của các doanh nghiệp vượt mức các doanh nghiệp có thể đủ sức chịu, do đó tác động đến sản xuất. Họ đã không đưa ra các biện pháp lập tức và, như một kết quả, những thiệt hại mà đã có thể được giảm thay vào đó đã tiếp tục tăng.

Cuối cùng, tuy vậy, họ đã chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài hành động. Sau sự thông báo về các khoản tiền gửi được đảm bảo

giá trị, các khoản tiền gửi ngân hàng đã nhanh chóng ổn định và từ từ hồi phục lại. Điều này đã chứng minh rằng khi đối mặt với việc rút tiền ngân hàng ồ ạt và việc mua hoảng loạn, nếu chúng ta đã đưa ra những bảo đảm về tiền tiết kiệm, chúng ta đã có thể giảm thiệt hại rất nhiều.

Lạm phát cao năm 1988 đã thấy giá cả tăng 18,5 phần trăm. Vấn đề đã không phải là sự mất kiểm soát đối với tín dụng và các khoản cho vay, cũng đã chẳng phải chi tiêu quá về hạ tầng cơ sở. Hai các nhân tố này đã không vượt các hạn mức được đặt ra dưới chính sách “hạ cánh mềm.”

Vấn đề chính đã là sự sụt về tiền gửi tiết kiệm do những sai lầm trong cải cách giá gây ra. Nhìn lại, giả như nếu chúng tôi đã tiếp tục chính sách kết hợp những sự điều chỉnh lại và sự nói lỏng kiểm soát, hoặc thậm chí giả như nếu chúng tôi đã đi nhanh hơn để nói lỏng kiểm soát giá trong khi nâng lãi suất vượt quá mức tăng giá để bảo đảm giá trị của các khoản tiền gửi, thì lạm phát cao của 1988 đã có thể tránh được.

Đối mặt với lạm phát cao và rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng và mua hoảng loạn, để nhanh chóng ổn định tình hình chúng tôi đã công bố việc huỷ bỏ cải cách giá và chuyển chính sách kinh tế sang “điều chỉnh và tổ chức lại.” Những kiến nghị này đã được tôi khởi xướng và được cuộc họp Bộ Chính trị và Hội nghị Toàn thể Ủy ban Trung ương thông qua. Nhìn lại, tôi tin rằng việc huỷ bỏ gói cải cách giá đã là đúng nhưng việc chuyển từ chính sách ban đầu “ổn định nền kinh tế và làm sâu sắc cải cách” sang “hiệu chỉnh và tổ chức lại” đã không thích đáng.

Mặc dù chính sách “điều chỉnh và tổ chức lại” được đề xuất đã giúp ổn định nền kinh tế nhanh chóng, nó đã gây ra một sự thụt lùi nữa cho cải cách.

Trước hết, nhằm để làm chậm sự tăng giá, hầu như tất cả các biện pháp hành chính để kiểm soát giá cả đã được khôi phục. Các quan chức tại tất cả các mức chính quyền đã phải chịu trách nhiệm thực hiện. Điều này đã có nghĩa rằng những năm phục hồi đã bị rút lại để ủng hộ những cách cũ của việc kiểm soát giá.

Nhân danh “điều chỉnh và tổ chức lại,” Lí Bằng và những người khác tại Quốc Vụ Viện đã lấy lại quyền lực mà trước đó đã được giao xuống các mức thấp hơn và đã đặt sự kiểm soát lại lên những biện pháp mà đã được miễn. Mọi thứ đã đi theo hướng ngược với hướng do cải cách định ra, kéo lùi những thứ đã được cải cách rồi trong hệ thống kinh tế. Chính xác vì lý do này, trong ít hơn một năm đã có một suy thoái kinh tế và sự ế ẩm thị trường, và các vấn đề kinh tế nghiêm trọng khác đã tiếp tục cho đến khi Đồng chí Tiểu Bình có bài phát biểu trong chuyến kinh lý phương nam của ông [trong 1992].

Tóm lại, chúng tôi đã vấp sai lầm này sau sai lầm khác. Tôi đã học một bài học rất sâu sắc từ việc này.

Trong mùa hè 1988, tôi đã cử Đồng chí An Chí Văn [phó chủ nhiệm Ủy ban Cải cách kinh tế nhà nước] và các Đồng chí khác sang Hong Kong và đã mời một số nhà kinh tế học để thảo luận các vấn đề của Trung Quốc. Sáu nhà kinh tế học đã tham gia, tất cả đều là các thành viên của Academia Sinica (Viện Hàn Lâm Trung Hoa) Đài Loan. Họ đã gồm thủ trưởng của Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung Hoa, Tưởng Thạch Kiệt, người đã có ảnh hưởng to lớn ở Đài Loan.

Trong thảo luận, họ đã bày tỏ ý kiến về lạm phát năm 1988. Đầu tiên, họ đã đồng ý rằng đại lục đã đạt được một thành tích lớn trong mười năm cải cách, và rằng mặc dù đã có những vấn đề, từ một quan điểm kinh tế chúng đã không nghiêm trọng, kể cả sự tăng 18,5 phần trăm về chỉ số giá. Nếu các biện pháp thích hợp được thi hành, chúng đã có thể giải quyết được.

Thứ hai, về cải cách giá, họ tin rằng sự phát triển kinh tế cần tuân theo các quy tắc thị trường, bất chấp hệ thống chính trị. Vì lạm phát đã xấu đi năm ngoái, đã có tin đồn về cải cách giá bị chậm lại và một sự quay lại sự kiểm soát hành chính đối với một số giá. Tuy vậy, dù đã có thể hiểu được cho hành động này được xem là một biện pháp tạm thời, nó không được tồn tại lâu. Nếu hệ thống định giá sai không được cải cách, nền kinh tế không thể tiếp tục chạy. Con đường ra đã là cân bằng giữa cung và cầu, và đưa đồng tiền vào dưới sự kiểm soát. Dưới những điều kiện này, hầu hết giá hàng hoá đã có thể được nói lỏng, trong khi một phần nhỏ giá, như giá các dịch vụ công, có thể được chính phủ quyết định theo một tỷ lệ lợi nhuận nào đó. Họ đã nhấn mạnh rằng việc định giá phải do thị trường quyết định. Khác đi, sẽ chẳng bao giờ có sự định giá đúng đắn.

Một vấn đề khác họ đã thảo luận là chính sách cho việc giải quyết lạm phát. Họ đã tin rằng lý do cho lạm phát của đại lục đã chủ yếu là thâm hụt tài khoá và tài chính và rằng chìa khoá để giải quyết việc này là nâng lãi suất lên trên tốc độ tăng trưởng của chỉ số giá và hãy để nó được thả nổi theo cung và cầu của thị trường đối với tiền tệ. Việc này sẽ mang lại những lợi ích trong tiết kiệm tăng lên và việc kiểm soát quy mô của các khoản cho vay.

Sau khi tôi đọc những khuyến nghị của Tướng Thạch Kiệt và những người khác, tôi đã chuyển bản tóm tắt cho Đồng chí Tiểu Bình và đã lệnh cho Ủy ban để tổ chức các cơ quan liên quan để thảo luận vấn đề này.

Tôi đã có ý định để đánh giá lại toàn bộ cách tiếp cận đến nền kinh tế và cải cách giá, nhưng bởi vì các cuộc biểu tình sinh viên, vấn đề này đã bị gác sang một bên.

9. Phép Màu của Thương mại Tự do

Việc khôi phục ngoại thương là một trong những bước cốt yếu trong việc biến đổi nền kinh tế “tự-lực” Maoist. Những kinh nghiệm của Triệu với tư cách một nhà quản lý địa phương đã làm cho ông thành một người chủ trương thương mại tự do thẳng thắn. Thế nhưng, làm sao có thể rằng Triệu, một sản phẩm của thời đại Maoist, lại có sự tin tưởng như vậy vào các nguyên tắc kinh tế Tây phương? Triệu tiết lộ suy nghĩ của ông và cho rằng các cải cách đã đơn giản làm cho Trung Quốc thông minh hơn.



Trong nhiều năm, những cố gắng phát triển kinh tế của chúng ta đã mang lại những kết quả tồi. Chúng đã đòi nhiều cố gắng trong khi tạo ra ít phần thưởng. Ngoài hệ thống kinh tế, đã có những vấn đề khác, như chính sách đóng cửa, mà đã biến tự-lực thành một đức hạnh tuyệt đối. Nó đã trở thành một sự theo đuổi ý thức hệ và đã bị chính trị hoá.

Thí dụ, hãy xét nông nghiệp: nếu để đạt hiệu quả, nguyên tắc đầu tiên phải là áp dụng các lợi thế điều kiện thổ nhưỡng địa phương. Người ta phải trồng bất cứ thứ gì phù hợp nhất với đất. Tuy vậy, trong một thời kỳ dài chúng ta đã không được phép làm điều đó.

Một tình tiết ngẫu nhiên đặc biệt đã có một tác động sâu sắc lên tư duy của tôi. Trong năm 1978, khi tôi vẫn đang làm việc ở Tứ Xuyên, tôi đã dẫn đầu một đoàn đại biểu để thăm Anh và Pháp, và đã dừng ở Hy Lạp và Thụy Sĩ trên đường trở về.

Đầu tiên tôi đã đến miền nam nước Pháp trên vùng duyên hải của Địa Trung Hải, một vùng nổi tiếng thế giới về sự phát triển kinh

té. Khí hậu ở đó đã rất khô và không hề có mưa trong mùa hè. Dưới những điều kiện như vậy, theo cách tư duy quá khứ của chúng ta, nhằm để trồng trọt chúng ta phải “thay đổi các điều kiện do trời và đất đã định” bằng việc tạo ra các dự án thủy lợi khổng lồ. Họ đã chẳng làm những việc như vậy, mà thay vào đó đã trồng nho và những cây trồng khác mà phù hợp với khí hậu khô. Kết quả đã là sự hình thành tự nhiên của ngành rượu vang Pháp. Các nông dân ở đó rất giàu có.

Tôi đã thấy một thí dụ khác ở Anh, nơi lúa mì lớn lên rất tốt dọc theo duyên hải phía đông, trong khi duyên hải phía tây đã được phủ bằng những đồng cỏ. Đó đã là chuyến đi nước ngoài đầu tiên của tôi và, bị cảnh tượng làm cho bối rối, tôi đã hỏi lý do. Tôi đã được bảo rằng đã có đủ ánh sáng ở duyên hải phía đông để làm cho nó phù hợp cho lúa mì, còn duyên hải phía tây đã có nhiều mưa nhưng ít ánh sáng và đã tốt hơn cho cỏ. Vì thế sự phát triển chăn nuôi gia súc, nuôi bò, và sản xuất sữa ở đó.

Trên đường về của tôi qua Hy Lạp, các Đồng chí ở sứ quán đã đi cùng tôi trong một tua lên vùng núi cao nơi thời tiết khô và không có mưa trong mùa hè. Theo cách tiếp cận của chúng ta, các điều kiện được xem là rất khắc nghiệt cho nông nghiệp. Chúng ta sẽ phải lặp lại mô hình Đại Trại,^{*} sử dụng các cánh đồng bậc thang và các dự án thủy lợi.

Nhưng họ đã không làm việc đó. Các đồi được những cây ô liu bao phủ và ngành dầu ô liu đã phát đạt. Các tiêu chuẩn sống của các nông dân đã cao. Vì sao họ đã có khả năng làm việc này? Bởi vì họ đã không sống trong một sự tự cung tự cấp, mà thay vào đó đã dựa vào thương mại với thế giới bên ngoài và đã sử dụng các lợi thế của họ để xuất khẩu các hàng hoá của họ đổi lấy những thứ họ cần.

Trong năm 1981, sau khi đã đến làm việc ở Bắc Kinh, tôi đã đi đến Huyện Lan Khảo [trong Tỉnh Hà Nam] và nói chuyện với các nông dân ở đó. Nó là một vùng đất cát, có khả năng về lạc có suất thu nhập cao. Nhưng vì chính sách đã là ưu tiên sản xuất ngũ cốc trong khi tập trung vào sản xuất thực phẩm tự lực, họ đã không được phép trồng lạc, mà thay vào đó đã trồng ngô. Suất thu nhập ngô của họ đã thấp, và các nông dân đã hết sức chỉ trích chính sách.

Một thí dụ khác đã là vùng tây bắc của Tỉnh Sơn Đông, nơi đất có lượng muối kiềm cao. Hầu hết vùng này đã phù hợp cho trồng bông với suất thu nhập cao đáng kể. Nhưng trong nhiều năm, chính sách đã cản trở họ trồng bông, chỉ cho phép lúa mì. Kết quả đã là, họ trồng lúa mì càng nhiều, suất thu nhập đã càng thấp và càng có khả năng hơn là các nông dân bị đói.

Trong 1983, tôi đã nói với các Đồng chí ở Sơn Đông và hỏi nếu họ có thể trồng bông. Họ đã nói vấn đề là thiếu ngũ cốc. Muộn hơn chúng tôi đã quyết định rằng miền tây bắc Sơn Đông phải chuyển sang trồng bông. Họ có thể bán bông cho nhà nước (lúc đó, nhà nước đang nhập khẩu lượng bông lớn) và đổi lại nhà nước sẽ cung cấp cho họ ngũ cốc.

Kết quả đã là, chỉ cần một hai năm cho họ để lật đổ một tình huống kinh tế khó khăn và đạt suất thu nhập cao trong việc sản xuất bông của họ. Trong một thời gian, bông đã tràn ngập thị trường, đến đến cung quá mức. Thu nhập của các nông dân đã tăng lên nhanh chóng và các điều kiện nông thôn đã được cải thiện rất nhiều. Việc sản xuất bông của họ cũng đã mang lại một sản phẩm phụ: hạt bông. Những gì để lại sau khi chiết xuất dầu hạt bông đã trở thành phân bón. Đất mà không có lượng muối kiềm cao đã tiếp tục trồng lúa mì và cũng đã thấy một sự tăng suất thu nhập từ cung ứng phân bón. Mọi người đã đều được lợi.

Chuyện dân gian địa phương đã cho rằng “một cân {giống} lúa mì sẽ nuôi tất cả, nửa cân bông mang lại thêm.”* Trước kia, khi họ đã trồng một cân rưỡi lúa mì, họ đã hầu như không có khả năng nuôi bản thân mình; muộn hơn, (trồng) một cân bông đã đủ và họ đã thậm chí có khả năng bán phần thêm cho nhà nước.

Sơn Đông và Lan Khảo đã có khả năng trồng những gì phù hợp với môi trường của họ bởi vì chúng ta đã thực hiện chính sách mở cửa và nhập khẩu lượng lớn lúa mì từ nước ngoài—nhiều đến vài chục triệu tấn hàng năm trong những năm đó. Chừng nào chúng tôi đã cho phép các nông dân trồng bất cứ thứ gì phù hợp và có suất thu nhập cao nhất, nông nghiệp đã được cải thiện. Không có chính sách mở cửa, chúng ta đã buộc phải tự sản xuất mọi thứ, và nếu chúng ta đã vẫn bám chặt vào tự-lực, chẳng gì đã có thể xảy ra.

Một lý do rằng những nỗ lực khổng lồ đã dẫn đến những kết quả vô giá trị trong nông nghiệp đã là sở hữu công. Lý do khác đã là sự tự cấp tự túc tự áp đặt mà đã cản trở chúng ta khỏi việc tận dụng lợi thế của đất và đã dẫn đến “những cố gắng gấp đôi mang lại nửa kết quả.” Trong nhiều năm chúng ta đã buộc trồng lúa mì ở các vùng không phù hợp với sản xuất lúa mì, như thế chúng ta đã phải hết sức cố gắng để xây dựng hạ tầng cơ sở nông nghiệp và các dự án thủy lợi. Một số dự án đã quả thực cần thiết, nhưng nếu chúng ta đã có thể tận dụng lợi thế tự nhiên của đất, chúng ta chẳng cần đến tất cả chúng. Ngoài ra, hệ thống thủy lợi đã có thể hiệu quả hơn, và tập trung vào những chỗ nơi nó đã cần nhất.

Cũng đã đúng thế trong công nghiệp. Chiến lược phát triển công nghiệp của chúng ta trong quá khứ đã là “Đừng bắt đầu nấu mà không có gạo trước tiên.” Chúng ta đã thử bắt đầu mọi thứ từ chính sự bắt đầu, xuống tận nguyên liệu thô.

Thí dụ, trong sản xuất thép, chúng ta đã bắt đầu đầu tiên với việc tìm và chọn các mỏ sắt, rồi than, việc xây dựng đường sá, luyện nấu chảy sắt, sản xuất và chế biến thép, và cuối cùng xây dựng máy móc. Nhưng chúng ta chỉ có các mỏ sắt chất lượng thấp với một tỷ lệ phần trăm sắt thấp. Nhiều tấn cần được khai để mang lại một tấn sắt. Các mỏ sắt và than chính của chúng ta ở miền tây, đã cần đến vận tải đường xa. Hãy tưởng tượng cần thời gian lâu đến thế nào để xây dựng một hãng làm thép; quy mô của hạ tầng cơ sở; độ dài thời gian cho các khoản đầu tư để mang lại tiền lời; bao nhiêu đầu tư có thể được thu hồi.

Với cải cách, chúng ta khôn ngoan hơn nhiều. Chúng ta nhập khẩu quặng từ Canada và Australia, nơi nó rẻ và có chất lượng cao; vận tải bằng tàu biển rẻ hơn bằng xe lửa. Một số thành phố duyên hải có thể giải quyết các quá trình hạ nguồn, bắt đầu với cán thép. Họ lấy đâu ra sắt thỏi? Từ nhập khẩu. Ngay khi việc chế biến bắt đầu, đã có lợi nhuận. Đầu tư được thu hồi nhanh từ doanh thu, mà sau đó đã được đầu tư vào các quá trình chế biến thép thượng nguồn và vào nhập khẩu sắt từ nước ngoài.

Sản xuất sợi tổng hợp đã có cùng vấn đề. Trước, nếu chúng ta muốn sản xuất các sợi tổng hợp, chúng ta đã phải đầu tiên bắt đầu với sản xuất dầu và lọc dầu trước khi làm các sợi tổng hợp. Muộn hơn, một số các nhà máy sợi tổng hợp đã bắt đầu với sản xuất dầu tiên, rồi đã tiếp tục với việc chế biến thượng nguồn sau đó. Trong 1981, trong thời kỳ điều chỉnh, chúng ta đã nhập khẩu một bộ dây chuyền sản xuất sợi tổng hợp, từ chế biến nguyên liệu đến kéo sợi. Nó đã bị hoãn. Khi nó được tiếp tục lại chúng ta đã khôn ngoan hơn rồi, như thế chúng ta đã bắt đầu với quá trình kéo sợi cho sản phẩm cuối cùng. Đây đã là cách Nhà máy Sợi tổng hợp Nghi Chỉnh của Tỉnh Giang Tô đã bắt đầu. Nó đã phát triển nhanh và không bao lâu đã có thu nhập mà nó đã tái đầu tư vào việc chế biến thượng nguồn.

Tất cả điều này minh họa rằng chỉ dưới các điều kiện của chính sách mở cửa chúng ta mới đã có thể tận dụng lợi thế của cái chúng ta có, và trao đổi lấy cái chúng ta cần. Mỗi chỗ và mỗi xã hội đều có các điểm mạnh của nó; ngay cả các vùng nghèo có các lợi thế của chúng, như lao động rẻ. Đó là một lợi thế lớn trong cạnh tranh quốc tế.

Kết quả của việc tự làm mọi thứ đã là, chúng ta không làm những gì chúng ta làm giỏi nhất. Chúng ta đã chịu những thiệt hại khổng lồ bởi vì việc này. Bây giờ tôi càng ngày càng hiểu rõ rằng nếu một quốc gia đóng cửa, không được hội nhập vào thị trường thế giới, hay không tận dụng lợi thế của thương mại quốc tế, thì nó sẽ tụt hậu và việc hiện đại hoá sẽ là không thể.

10. Quyền tự do trên Trang trại

Để nâng các tiêu chuẩn sống lên trong một số vùng nghèo nhất của Trung Quốc, chính phủ đã lại đưa vào sơ đồ khoán đất hộ nông thôn trong những năm đầu của cải cách, mà đã đem trả lại các khuyến khích kinh tế, một bước sống còn trong các cải cách của Trung Quốc. Với tất cả đất do chính phủ sở hữu, lời hứa cơ bản của sơ đồ này đã là khoán đất cho các gia đình trông trọt cá thể để cho phép họ một mức độ quyền tự do và khuyến khích để cải tạo đất.*

Đảng viên kỳ cựu Lưu Thiệu Kỳ một thời đã ủng hộ ý tưởng để chặn lại tác động của chính sách cực đoan của Mao về việc lập ra các công xã nhân dân. Vì Lưu cuối cùng đã mất trong bóng tối chính trị với Mao, sơ đồ khoán hộ nông thôn đã vẫn là một vấn đề chính sách nhạy cảm. Nhiều cán bộ Đảng đã biết từ kinh nghiệm rằng nó đã nâng sản lượng nông nghiệp lên, nhưng ít người đã dám công khai ủng hộ nó.

Kết quả của sơ đồ cho nền kinh tế nông thôn đã là việc dỡ bỏ hoàn toàn các công xã nhân dân của Mao, mà đã giải phóng hơn 800 triệu nông dân. Sự ủng hộ ban đầu của Triệu giúp mở cửa cho sự cất nhắc ông lên các vị trí trung ương coi sóc cải cách.



Không ai đã thấy trước những kết quả đã tốt như thế nào hay rằng những thay đổi có thể đầy kịch tính đến vậy. Không ai đã lập kế hoạch về thực hiện sơ đồ khoán đất hộ nông thôn (SĐKHNT) toàn quốc hoặc thậm chí mở rộng nó ra phần lớn các vùng nông thôn. Nó đã là một quá trình từng bước một mà theo đó chúng ta đã liên tục làm sâu sắc sự hiểu biết của chúng ta.

Trong các Quy tắc Hoạt động được xét lại của Các công xã Nhân dân được Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11 [trong 1978] thông qua, đã nhắc lại “Quy chế Sáu mươi Khoản,” khoản về quản lý và hoạt động đã nói rõ rằng không hợp đồng khoán đất cho hộ gia đình nào được phép, tức là, đất sẽ không được chia cho các hộ.

Trong tháng Chín 1979, “Quyết định về Tăng tốc Phát triển Nông thôn” của Hội nghị Toàn thể thứ Tư đã tuyên bố tương tự, “Việc chia đất bởi hộ gia đình hay các hợp đồng khoán đất hộ gia đình là không được phép trừ khi các điều kiện đặc biệt là cần cho các cây trồng công nghiệp nào đó, hoặc khi một hộ gia đình cá thể ở trong một vùng núi hẻo lánh mà không có giao thông thuận tiện.” Theo gợi ý của tôi, văn bản gốc “là không được phép” đã được thay đổi thành “không được khuyến khích.” Nói chung, chúng tôi đã vẫn tin rằng không được theo đuổi các hợp đồng khoán đất hộ gia đình, tuy giọng đã không cứng nhắc.

Khoán đất cho các nhóm hộ gia đình và cho các hộ cá thể đầu tiên đã được bản thân các nông dân khởi xướng, ở các vùng nghèo. Nó đã bắt đầu ở các Tỉnh An Huy và Tứ Xuyên. Lúc đó, việc cho phép các hợp đồng khoán như vậy trong các khu vực nghèo đã không gây ra nhiều tranh cãi.

Trong năm 1960, khi nền kinh tế đã chịu khó khăn, Tăng Huy Thánh [Bí thư Đảng tỉnh An Huy] đã áp dụng “hệ thống trách nhiệm đất được giao” ở An Huy. Tôi đã áp dụng một “hệ thống trách nhiệm chi trả tỷ lệ với sản xuất” ở Quảng Đông [nơi Triệu khi đó đã là một quan chức cao cấp]. Tỉnh Hà Nam đã áp dụng một “sơ đồ mượn đất”; (Huyện) Trương Gia Khẩu ở Tỉnh Hà Bắc đã áp dụng “sơ đồ khoán đất nhóm,” và các nơi khác đã sử dụng các hình thức khác nhau của ý tưởng. Tất cả các nơi này đã có khả năng tăng sản xuất và giảm nhẹ sự thiếu hụt thực phẩm gay gắt lúc đó. Vì thế, các sơ

đồ đã được nhiều quan chức nhận ra vì đã làm tăng sản xuất và đã cải thiện một tình huống khó khăn. Vì Cách mạng Văn hoá đã hết và chính sách của chúng ta đã chuyển sang phát triển kinh tế và đã thúc đẩy các ý tưởng về “giải phóng tư tưởng” và “thực tiễn là phương tiện duy nhất để xác minh chân lý,” người dân đã ít sợ hơn và đã có khả năng tư duy thực tiễn hơn.

Vào lúc đó, tôi đã hình dung rằng các vùng nông thôn của quốc gia đã có thể được chia thành ba loại: thứ nhất, các vùng nơi sở hữu công đã tương đối ổn định, các mức sản xuất và các tiêu chuẩn sống đã cao, và quy mô của tài sản công đã lớn hay các doanh nghiệp tập thể đã phát triển; thứ hai, nhóm ở giữa; và thứ ba, các vùng nơi các lực lượng sản xuất đã bị thiệt hại nghiêm trọng và nhân dân trên bờ vực chết đói.

Tôi đã tin rằng nhân dân trong loại thứ ba đã cần khẩn cấp nhất sơ đồ khoán đất cho hộ, mà đây là cách nhanh nhất và hiệu quả nhất để thay đổi tình hình. Trong 1980, sau khi tôi đã bắt đầu làm việc trong chính phủ trung ương, tôi đã gợi ý trong một cuộc họp rằng sơ đồ khoán đất cho hộ được bắt đầu trong những xã nông thôn nghèo nhất, mà tất cả đã gồm 100 triệu người. Đây đã là một quyết định chính sách lớn, đã có ý định để ổn định các vùng nông thôn và cho phép các nông dân hồi phục. Nó thậm chí được sự ủng hộ từ Diêu Y Lâm [Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước]. Về loại thứ hai, tôi đã tin chúng ta đã có thể đợi và xem liệu có tiếp tục sơ đồ hay không. Về loại thứ nhất, tôi đã không nghĩ sẽ có bất kể nhu cầu nào cho nó.

Tranh luận trong nội bộ đảng về sơ đồ khoán đất cho hộ đã trở nên công khai khi nó đã là về để mở rộng từ loại thứ ba sang loại thứ hai của các vùng nông thôn. Những người phản đối đã đặt vấn đề về nguyên tắc cơ bản.

[Ủy viên Bộ Chính trị] Hồ Kiền Mộc đã yêu cầu tôi thận trọng. Ông đã nói, “Sơ đồ khoán đất cho hộ của An Huy đã lan ròi từ phía

bắc của Sông Hoài sang phía nam. Ngay cả Huyện Vu Hồ, một vùng đất đẹp, đã thực hiện sơ đồ khoán đất cho hộ.” Ông đã phản đối rõ ràng. [Đảng viên lão thành] Lí Tiên Niệm đã trở về từ một chuyến đi đến Tỉnh Giang Tô phàn nàn về SDKHNT của An Huy dưới cái cờ về báo cáo ý kiến của thành uỷ đảng tỉnh Giang Tô. [Phó Thủ tướng] Vương Nhâm Trọng cũng đã phản đối SDKHNT. Ông đã là cựu chủ nhiệm của Uỷ Ban Nông thôn Trung ương, và ngay từ 1979 đã yêu cầu *Nhân dân Nhật báo* để công bố một bức thư, được cho là từ Lạc Dương [một thành phố ở Hà Nam], chỉ trích các hợp đồng khoán đất cho nhóm hộ và hộ cá thể. Tỉnh Sơn Tây đã phản đối việc nói lỏng các chính sách nông thôn và đã phê phán các cải cách của các Tỉnh An Huy và Tứ Xuyên thậm chí sớm hơn. Trong 1978 và 1979, họ đã làm tràn ngập các tờ báo với các bài báo phê phán.

Lúc đó, Hoa Quốc Phong [người kế vị ngán ngùi của Mao] cũng đã không ủng hộ SDKHNT. Ông đã tin rằng các vùng nông thôn, nhất là ở miền nam, đã cần đến những hoạt động tập thể nhằm để thực hiện mọi thứ: từ thu hoạch mùa màng trên đồng đến việc đập, phơi, và vận chuyển.

Trần Vân đã không bày tỏ trực tiếp liệu ông ủng hộ hay phản đối nó. Một lần, ông đã cử ai đó đến hỏi tôi: thường có mưa trong mùa gặt ở miền nam, và quá trình làm khô là không đủ nhanh để giữ ngũ cốc khỏi bị mốc—vấn đề này có được tránh với sơ đồ khoán đất cho hộ? Sau khi xem xét việc này, tôi đã trả lời cho ông rằng sau khi khoán hộ được đưa vào, quá trình đã được vận hành thậm chí suôn sẻ hơn trước đó. Ông đã không đưa ra bất cứ bình luận thêm nào.

Bí thư thứ nhất của Tỉnh Hắc Long Giang cũng đã phản đối việc khoán hộ. Tại một cuộc họp quản lý nông thôn do Uỷ ban Trung ương tổ chức mà tại đó nhiều lãnh đạo tỉnh đã bày tỏ sự ủng hộ sơ đồ, ông đã nói một cách nổi tiếng, “Các bạn cứ tiến lên và đi trên đại lộ rộng rãi của các bạn; tôi sẽ tiếp tục đi trên cái cầu một tấm ván

duy nhất của tôi.” Ông đã muốn nói rằng cho dù các tỉnh khác có thực hiện sơ đồ khoán đất cho hộ, Tỉnh Hắc Long Giang sẽ không làm theo.

Bí thư thứ nhất của Tỉnh Phúc Kiến cũng đã phản đối sơ đồ, dẫn đến một sự rạn nứt lớn với các bí thư thường trực khác trong tỉnh của ông. Bí thư thứ nhất của Sơn Tây đã cấm sơ đồ được sử dụng trong vùng Quan Trung của tỉnh. Cả bí thư thứ nhất và thống đốc của Tỉnh Hà Bắc đã phản đối sơ đồ. Thống đốc của Hà Bắc đã là cựu bí thư thường trực của Tỉnh Sơn Tây. Khi Đồng chí này làm việc ở Sơn Tây và các khu vực khác đã bắt đầu nói lỏng các chính sách nông thôn, ông, ngược lại, đã chuyển từ quản lý kế toán từ mức đội sản xuất lên mức đơn vị.

Việc thực hiện sơ đồ khoán đất cho hộ trên toàn quốc sẽ là không thể nếu không có sự ủng hộ của Đặng Tiểu Bình. Sự thực rằng nó đã không gặp nhiều sự kháng cự từ các lãnh đạo trung ương đã liên quan nhiều đến thái độ của Đặng. Tuy ông đã không bình luận nhiều về vấn đề, ông đã luôn luôn cho thấy sự ủng hộ cho các quan điểm của tôi, [Hò] Diệu Bang, và Vạn Lí. Ông đã nói ông hài lòng với những thay đổi đã diễn ra sau khi thực hiện sơ đồ khoán hộ. Trong 1981, một số nông dân trong vùng thảm họa của Huyện Đông Minh ở Tỉnh Sơn Đông đã cùng nhau viết một bức thư cho Đặng Tiểu Bình để bày tỏ lòng biết ơn, nói bây giờ họ đã có thực phẩm để ăn, nhờ khoán đất cho hộ. Ông đã chuyển bức thư này cho tất cả các lãnh đạo trung ương.

Trong đầu tháng Giêng 1981, tôi đã đi đến Lan Khảo ở Tỉnh Hà Nam, Đồng Minh ở Tỉnh Sơn Đông, và các vùng nghèo khác. Tôi đã thấy tận mắt những sự thay đổi đã xảy ra như một kết quả của các hợp đồng khoán đất cho hộ gia đình trong các vùng này và đã trải nghiệm sự ủng hộ nhiệt tình của các cán bộ và nhân dân địa phương. Nó đã tạo một ấn tượng cực kỳ sâu sắc lên tôi. Khi các cán

bộ đã bày tỏ nguyện vọng của nhân dân để gia hạn các hợp đồng khoán đất cho họ thêm ba năm nữa, tôi đã trả lời ngay lập tức, “Được.” Mặc dù tôi đã không thay đổi lập tức ý kiến của tôi rằng sơ đồ khoán đất cho hộ đã chỉ là một giải pháp tạm thời, tôi đã cảm thấy tin rằng vấn đề này cần được đánh giá lại.

Khi trở về Bắc Kinh, tôi đã báo cáo tóm tắt cho Đặng Tiểu Bình, Hồ Diệu Bang, và các lãnh đạo trung ương khác về những gì tôi đã thấy. Đã không có nghi ngờ gì rằng sơ đồ khoán đất cho hộ đã giúp làm tăng sản xuất và đã nâng cao các tiêu chuẩn sống của các nông dân.

Tuy vậy, đã là không thể để không tự hỏi liệu các hoạt động quy mô nhỏ do gia đình vận hành có thể duy trì được sự phát triển tiếp tục của nông nghiệp hay không. Vấn đề then chốt đã là làm sao để tích hợp sự nhiệt tình của các hộ nhận khoán với nhu cầu cho việc phát triển những hoạt động thương mại và sản xuất quy mô lớn, để tránh biến nông nghiệp thành một nền kinh tế tròng trọt quy mô nhỏ. Tôi đã nghĩ khoán cho doanh nghiệp hộ gia đình có hy vọng như một giải pháp cho vấn đề này. Sơ đồ này đã nảy sinh ra từ kinh nghiệm thực tiễn của các cán bộ và các công dân và muợn hơn được gọi là “các hợp đồng khoán cá nhân kết hợp với những hoạt động chung.”

Một vấn đề khác đã là sự nổi lên của các doanh nghiệp hộ gia đình nông thôn. Khi tôi đi thăm Tây Âu trong 1988, tôi đã để ý rằng nhiều trong những hoạt động nông nghiệp đã không rất lớn. Nhiều đã là các trang trại nhỏ. Bất cứ vấn đề gì họ đã không thể tự giải quyết, họ đã làm qua các hội hợp tác. Kết quả đã có thể tốt như bất kể hoạt động quy mô lớn nào. Thụy Điển, đặc biệt, đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc. Niềm tin trước kia của tôi rằng năng suất nông nghiệp cao cần đến các hoạt động quy mô lớn đã bắt đầu thay đổi. Tôi đã không còn xem việc thực hiện các hợp đồng khoán đất

cho hộ trong sản xuất chung ở các khu vực nông thôn như ngụ ý một sự quay lại quá khứ đến một nền kinh tế nông nghiệp quy mô nhỏ nữa.

Ngay từ thời khi tôi ở Tứ Xuyên, tôi đã thúc đẩy việc khoán trồng trọt, và nuôi cá, trồng hoa, và cây thuốc cho những người có chuyên môn đặc biệt và kỹ năng quản lý. Muộn hơn tôi đã đến thăm nhiều trang trại nuôi gà, lợn, và lấy sữa cũng như các phương tiện chế biến sản phẩm nông nghiệp và các doanh nghiệp may nông thôn. Trong 1981, khi tôi thăm Sơn Tây trong một tua kiểm tra, tôi đã nhận xét rằng sự nổi lên của các doanh nghiệp tư nhân hộ gia đình nông thôn đã đánh dấu sự bắt đầu của nền kinh tế hàng hoá nông thôn.

Sự biến đổi hệ thống toàn quốc của một sự sở hữu ba lớp của các công xã nhân dân thành các SDKHNT đã là một sự thay đổi chính sách lớn và một cuộc cách mạng sâu sắc. Đã chỉ cần chưa đến ba năm để hoàn tất việc này một cách suôn sẻ. Tôi tin nó đã là sự thay đổi chính sách lớn lành mạnh nhất trong lịch sử của quốc gia chúng ta. Nó đã được tiến hành thậm chí trong khi hầu hết các lãnh đạo và các cán bộ đã vẫn nghi ngờ. Tuy vậy, đã không một cá nhân nào bị trừng trị, cũng chẳng lãnh đạo cao cấp nào bị chỉ trích công khai. Tất nhiên, hai năm sau, vài tỉnh vẫn đã cử người ra để cản việc thực hiện các hợp đồng khoán đất cho hộ, và lúc đó chúng tôi đã ban hành các lệnh hành chính để chặn họ lại.

Khi việc thực hiện các SDKHNT được mở rộng, bắt đầu từ mức cơ sở và lan lên, tính ưu việt của nó như một hệ thống đã ngày càng trở nên hiển nhiên. Tuyệt đại đa số các lãnh đạo và các cán bộ đã dần dần thay đổi ý kiến từ sự phản đối ban đầu của họ. Đây đã là một sự phát triển đáng kể, và một kinh nghiệm đáng để học. Trong thời gian của sự thay đổi chính sách lớn này, chính phủ trung ương đã không áp dụng các tiêu chuẩn đồng nhất và không đưa ra các chỉ

dẫn thống nhất. Các chính quyền địa phương đã tự do để chọn để có thực hiện không và theo cách nào. Cả “đường cao tốc rộng” và “cầu một miếng ván duy nhất” đã được cho phép. Các lãnh đạo địa phương đã được bảo không can thiệp khi nhân dân tự khởi xướng các hợp đồng khoán đất cho hộ. Trong khi đó, chính phủ trung ương đã cố gắng để nghiên cứu tình hình tổng thể và học từ những thành tựu của nó trước khi cung cấp sự hướng dẫn.

Việc chấp nhận và làm theo phương pháp này đã mang lại những lợi ích to lớn và đã không làm chậm tốc độ của những thay đổi đang xảy ra. Vì quyền lựa chọn đã được trao cho các lãnh đạo địa phương và các cán bộ, và họ được trao thời gian để đưa ra lựa chọn của họ (thời gian đủ để chuyển từ không muốn sang sẵn sàng), những sự thay đổi đã xảy ra một cách tự nguyện. Điều này làm giảm khả năng xung đột và các tác động tiêu cực. Nó đã trao cho các nhà chức trách địa phương đủ thời gian để đưa ra một sự lựa chọn, để nhận ra tính ưu việt của các sơ đồ và để tìm ra cách để chấp nhận chúng theo các điều kiện phát triển riêng của họ. Khi nó đã chuyển từ các khu vực nghèo nhất sang các khu vực trung bình và giàu có hơn, chính sách đã từ từ được hoàn thiện.

Tôi đã nhắc tới ở trên rằng tôi đã nhiệt tình về hệ thống khoán doanh nghiệp hộ gia đình nông thôn. Quan điểm của tôi về việc này được bày tỏ đầy đủ trong tư liệu của một cuộc họp của các bí thư thứ nhất tỉnh và thành phố trực thuộc về sơ đồ khoán đất cho hộ, được tổ chức trong tháng Chín 1980. Tóm tắt đã được Ủy ban Trung ương phân phát toàn quốc vào 29 tháng Chín, 1980.

Bản tóm tắt đã cho biết, “Hệ thống Khoán Hộ Chuyên ngành là một hệ thống mà trong đó, dưới sự quản lý của tổ sản xuất, những người với tài chuyên môn về sản xuất nông nghiệp sẽ được phân các hợp đồng khoán đất; những người với tài chuyên môn về trồng trọt, chăn nuôi gia súc, nuôi cá, và hoạt động thương mại sẽ được

phân các hợp đồng khoán chuyên ngành cho nhóm hay hộ gia đình của họ.” Nguyên tắc chỉ đạo đã là để tận dụng khuyến khích của các hợp đồng khoán cá nhân trong khi tránh các khoản tiền lãi nhỏ mọn của nền kinh tế nông nghiệp quy mô nhỏ nơi một gia đình làm mọi thứ.

Tuy vậy, ý tưởng này [đưa các khuyến khích cho các hoạt động nông nghiệp quy mô lớn và chuyên ngành] đã không được thực hiện bởi vì nó đã không nhận ra sự thực rằng nền kinh tế thương gia nông thôn đã chưa phát triển đầy đủ. Sự đa dạng hoá của các hoạt động, các ngành công nghiệp, và thương mại đã vừa mới bắt đầu. Đã không có nhiều sự chuyên nghiệp hoá về sự thành thạo trong khi người dân đã vẫn bám vào những cách tư duy cũ của họ. Như thế bên cạnh vài chuyên gia và vài hợp đồng khoán sản xuất lúa mì lớn, hầu hết đất nông thôn đã được khoán theo nhân khẩu hộ gia đình.


Những gì thực sự đã xảy ra đã hợp với mức phát triển kinh tế nông thôn và năng suất đã tồn tại lúc đó. Các kết quả đã cho thấy rằng nó đã không hoạt động như một sự cản trở sự phát triển năng suất nông thôn, mà ngược lại, đã hết sức kích thích nền kinh tế nông thôn.

Chắc chắn, sơ đồ chia đều đất và khoán cho các hộ gia đình đã không thể làm thay đổi vấn đề gốc rễ về hiệu quả lao động nông thôn thấp. Khi thương mại nông thôn tăng lên, thì sự phát triển của các hoạt động chuyên ngành và các ngành công nghiệp nông thôn cũng sẽ tăng. Các vấn đề về chuyên môn hoá tài chuyên môn, lao động di cư, và trồng trọt quy mô lớn cuối cùng sẽ phải giải quyết lần nữa. Tất nhiên, nó sẽ chẳng bao giờ có hình thức của tập thể hoá mà đã tồn tại trong những năm 1950. Rất có thể, một hình thức phù hợp hơn là hoạt động trang trại gia đình. Nhằm để thích nghi với loại nhu cầu này, khả năng để buôn bán tự do, cho thuê, và thừa kế đất phải được cho phép và nguồn lực sản xuất nông thôn quan trọng

nhất, đất đai, phải được làm cho sẵn có một cách tự do trên thị trường và được trao sự bảo vệ pháp lý. Đây là một vấn đề phải đương đầu.

11. Các vùng Duyên hải Cát cánh

Thành công sớm của chương trình cải cách truyền cảm hứng cho Triệu để xây dựng một chiến lược táo bạo hơn cho việc phát triển vùng duyên hải. Ý tưởng là để phát triển một nền kinh tế hoàn toàn định hướng xuất khẩu trong vùng đó. Trong chừng mực nào đó việc này đã bắt đầu rồi với việc mở cửa vài đặc khu kinh tế dọc duyên hải, nhưng Triệu tin một chính sách toàn diện hơn sẽ dẫn đến sự phát triển nhanh và kết nối Trung Quốc với nền kinh tế toàn cầu. Là rõ ông đã muốn theo đuổi ý tưởng này thêm nếu giả như ông đã được trao thời gian.

 Trong mùa đông 1987, tôi đã đi các tua kiểm tra các vùng duyên hải, sau đó, trong tháng Giêng 1988, tôi đã đề xuất các chiến lược cho việc phát triển duyên hải.

Trong các tua đó, tôi đã đi đến tin rằng thị trường quốc tế cung cấp các điều kiện thích hợp cho các vùng duyên hải của chúng ta để tăng tốc sự phát triển của chúng, bởi vì sản xuất thâm dụng lao động sẽ luôn luôn chuyển đến những chỗ nơi lao động là dồi dào và rẻ. Một số nước đã phát triển đã chuyển đầu ra của riêng họ theo hướng các sản phẩm thâm dụng tri thức, công nghệ, hay vốn, mà đưa ra cho các nước đang phát triển một cơ hội. Nó là một loại quy luật tự nhiên. Nhật Bản đã đi theo con đường này, như bốn con Hổ Á châu, Đài Loan, Singapore, Hong Kong, và Hàn Quốc. Đó là cách bốn con Hổ đã cất cánh.

Các vùng duyên hải của chúng ta có những lợi thế lớn. Chúng có cung dồi dào về lao động chất lượng cao, tốt hơn cung ở các nước đang phát triển khác. Giao thông tiện lợi, thông tin sẵn có, và người dân biết nhiều hơn về thị trường quốc tế và cạnh tranh và có

thể phản ứng nhanh hơn các tỉnh nội địa. Ngoài ra, hạ tầng cơ sở đã tốt hơn và vùng này đã có một năng lực lớn hơn cho việc tạo ra các ngành công nghiệp nhẹ và dệt. Các vùng duyên hải của chúng ta có tất cả các điều kiện cần thiết để đi qua những gì các con Hồ Á châu đã đi qua.

Cách tiếp cận này sẽ tăng tốc rất nhiều sự phát triển của các vùng duyên hải. Chiến lược được đề xuất yêu cầu việc phát triển một nền kinh tế định hướng xuất khẩu, mà có nghĩa rằng 100 đến 200 triệu người gia nhập thị trường toàn cầu và tham gia vào sự trao đổi và cạnh tranh quốc tế. Nó sẽ thúc đẩy “hai đầu kéo dài ra nước ngoài,” có nghĩa là các thành phẩm sẽ đưa vào thị trường quốc tế, trong khi các nguyên liệu và các nguồn lực khác được nhập khẩu từ thị trường quốc tế. Nếu sản xuất của tất cả các hàng hoá xuất khẩu thay vào đó dựa chỉ vào các nguồn lực trong nước, nó có thể dẫn đến những sự thiếu hụt trong nước. Một sự cạnh tranh vì các nguyên liệu giữa các khu vực miền đông và miền trung và miền tây có thể gây mất ổn định nền kinh tế quốc gia.

Khi chiến lược được đề xuất, Đồng chí Tiểu Bình đã ủng hộ và đã hết sức khen ngợi nó. Ông đã nói chúng ta phải nắm lấy thời cơ bằng việc tiến hành những hành động táo bạo và quyết định để đừng đánh mất bất cứ cơ hội nào. Một số vùng duyên hải đã cũng ủng hộ và nhiệt tình. Họ thấy tương lai của họ có thể tươi sáng đến thế nào.

Nhưng cũng đã có những quan điểm phản đối. [Chủ nhiệm Kế hoạch Nhà nước] Diêu Y Lâm và Lí Bằng đã có những quan ngại. Đã vẫn là vấn đề về giải quyết nền kinh tế quá nóng của quốc gia và đạt một “sự hạ cánh mềm.” Nếu các vùng duyên hải đẩy nhanh sự phát triển của chúng, chẳng phải nền kinh tế sẽ trở nên quá nóng lần nữa ư? Thực ra, sự lo ngại này là không cần thiết. Cái gọi là “hâm quá nóng” đã không phải là một vấn đề đơn giản của nhịp độ

phát triển là quá chậm hay quá nhanh, mà là về liệu nhịp độ là cao hơn mức có thể được hấp thu. Vấn đề đã chủ yếu là về đầu tư quá mức, tiền lời trên đầu tư đến muộn, hay những khoản đầu tư mang lại lời thấp. Ngoài ra, các quỹ tiêu dùng đã khổng lồ, gây ra một sự quá dư dả tiền trong lưu thông.

Các vấn đề này sẽ không tồn tại nếu các vùng duyên hải tiếp tục với chiến lược. Thứ nhất, đã không cần đến những khoản đầu tư lớn; thứ hai, các sản phẩm của chúng có thể được bán nhanh chóng; và thứ ba, nguyên liệu có thể được nhập khẩu từ nước ngoài.

Các nền kinh tế của bốn con Hồ Á châu đã chứng minh điều này. Đã là lúc lạm phát tương đối cao mà họ đã phát triển các nền kinh tế định hướng xuất khẩu của họ, xuất khẩu các sản phẩm thâm dụng lao động trong khi nhập khẩu các nguyên liệu. Kết quả đã là sự phát triển tăng tốc của các nền kinh tế của họ với những năm tăng trưởng bền vững liên tiếp. Đồng thời, các tỷ lệ lạm phát của họ đã giảm và các nền kinh tế của họ đã trở nên ổn định hơn.

Trung Quốc là một nước to với các điều kiện khu vực đa dạng. Chúng ta đã thường thử áp dụng một cách tiếp cận duy nhất phù hợp cho toàn quốc gia, nhưng điều đó đã có khuynh hướng bỏ qua các thế mạnh và các đặc trưng khu vực. Thí dụ, các vùng duyên hải đã có thể được phát triển nhanh hơn mà không có vấn đề hâm quá nóng kinh tế, nhưng vì chúng ta đã thử giảm vấn đề toàn quốc, chúng ta cũng đã hạn chế sự phát triển của các vùng duyên hải nữa, mà đã làm chúng ta mất những cơ hội. Chúng ta đã tiến hành theo cách đó trong nhiều năm. Nếu chúng ta phải làm bất cứ thứ gì, chúng ta làm nó khắp đất nước; khi chúng ta đưa ra những sự điều chỉnh để làm chậm tình hình lại, chúng ta đã làm chậm mọi khu vực. Các vùng duyên hải đã mất những cơ hội phát triển nhiều lần.

Vài lão thành Đảng đã có mối lo khác. Thí dụ, Trần Vân đã lo rằng, trong khi “hai đầu kéo dài ra nước ngoài” đã là một quan niệm hay, nó không tỏ ra dễ. Tôi đã hiểu nỗi sợ của ông: Nếu chúng ta đồng ý để nhập khẩu các nguyên liệu nhưng sau đó các sản phẩm của chúng ta không thể xuất khẩu ra nước ngoài, thì làm sao chúng ta cân đối ngoại tệ của chúng ta? Nhưng trong khi mối lo của ông đã là có thể hiểu được, câu hỏi thực đã là, nếu chúng ta có những điều kiện thuận lợi như vậy và nếu các con Hồ Á châu đã tìm được cách làm nó, thì vì sao chúng ta lại không thể? Vì sao chúng ta không có khả năng cạnh tranh?

Đã có hai trở ngại: hệ thống ngoại thương, và các doanh nghiệp sở hữu nhà nước. Nhằm để thực hiện chiến lược phát triển duyên hải, ngoại thương phải được cải cách và các công ty dính líu đến thương mại cần được trao trách nhiệm vì lợi nhuận và và lỗ của họ. Lúc đó, tôi đã đề xuất cho phép “những lượng nhập khẩu và xuất khẩu khổng lồ mà không có chậm trễ nào.” Hệ thống ngoại thương phải dỡ bỏ các rào cản để cho phép khối lượng nhập khẩu và xuất khẩu lớn hơn. Vấn đề khác đã là làm thế nào để cải cách các doanh nghiệp sở hữu nhà nước. Sẽ không dễ để thay đổi tập quán về “ăn từ một bát cơm” hay “lấy lợi nhuận nhưng chia các khoản lỗ.” Tôi đã nhấn mạnh đầu tiên sự phát triển của các doanh nghiệp sở hữu hương trấn trong các vùng duyên hải. Các doanh nghiệp đã linh hoạt và dễ hơn để giải quyết. Tôi đã xem xét kỹ nhiều doanh nghiệp hương trấn và đã thấy rằng chúng đã giao hàng đúng thời hạn, đã chú ý đến chất lượng, và đã có uy tín rất tốt.

Đã có một nỗi lo thứ ba, chủ yếu của các nhà hàn lâm và các học giả dính líu đến lập kế hoạch và ngoại thương. Họ đã chỉ ra rằng các con Hồ Á châu đã là rất nhỏ còn chúng ta lớn hơn nhiều và với một dân cư lớn hơn nhiều. Họ đã tự hỏi liệu tất cả các sản phẩm của chúng ta có thể được bán ở nước ngoài.

Vấn đề này phải được xem xét theo cách này: chừng nào các sản phẩm có chất lượng tốt và giá thành thấp, chúng sẽ tìm thấy chỗ của chúng trên thị trường. Thị trường đã không bị đóng băng hay tĩnh trong một kích thước cố định nơi, một khi bạn đã có thị phần của mình, thì sẽ không có hơn. Chắc chắn, đã không có chân không nào trong thị trường quốc tế và không có hàng hoá nào mà thị trường quốc tế đang thiếu. Vấn đề đã là thị phần: bạn đã chiếm được bao nhiêu và tôi đã chiếm được bao nhiêu. Tổng khối lượng sẽ tăng lên với sự phát triển kinh tế thế giới và tăng trưởng thế giới. Tuy vậy, thị phần là biến đổi và phụ thuộc vào cạnh tranh. Đó là vì sao các nước đã phát triển đã ngừng sản xuất các sản phẩm thâm dụng lao động và đã điều chỉnh các ngành của họ. Một khi các nền kinh tế mới nổi cất cánh, các chi phí lao động riêng của họ tăng lên, và họ dần dần mất lợi thế của họ. Thí dụ, Nhật Bản đã chuyển sự sản xuất thâm dụng lao động của họ sang các con Hổ Á châu, nhưng bây giờ các con Hổ Á châu đã mất lợi thế của họ trên mặt trận này.

Một nước như Trung Quốc có lợi thế về các nguồn lực lao động khổng lồ. Không cần lo về tương lai. Một khi bước đầu tiên đã được tiến hành, chúng ta có thể tiến hành bước thứ hai và rồi thứ ba. Chừng nào chúng ta bắt đầu xuất khẩu các sản phẩm thâm dụng lao động, chúng ta sẽ tích lũy vốn và các công nghệ tiên tiến hơn, và chúng ta sau đó có thể cạnh tranh về các sản phẩm thâm dụng vốn hay công nghệ trên trường quốc tế.

Nhưng đó là câu hỏi cho sự phát triển tương lai, và đã không cần phải sợ. Đây đã chỉ là sự bắt đầu. Chúng ta đã không ngay lập tức đẩy 200 triệu người để đối mặt trực tiếp với cạnh tranh thị trường quốc tế. Đây đã là một quá trình phát triển.

Đã cũng có một số người không thích từ bỏ sự giả bộ là một cường quốc thế giới. Họ đã chất vấn làm sao một Cộng hoà Nhân

dân Trung Hoa xã hội chủ nghĩa lại có thể nhấn mạnh sự sản xuất thâm dụng lao động và dựa vào xuất khẩu của các doanh nghiệp hương trấn nông thôn. Họ đã tin cách đúng đắn là để tổ chức các tập đoàn doanh nghiệp khổng lồ để sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm với các công nghệ hết sức tiên tiến.

Điều này đã là hoàn toàn không thực tế cho nước chúng ta. Chúng ta đã đang xuất khẩu những gì lúc đó? Chúng đã chủ yếu là các sản phẩm nông nghiệp, không phải các sản phẩm công nghiệp, và nhiều trong số đó đã là các nguyên liệu. Chúng ta đã là một nước đang phát triển, và không quan trọng chúng ta đã muốn nhiều đến thế nào để theo đuổi các sản phẩm công nghệ cao, làm như vậy trong khối lượng lớn đã là không thể và vì thế đã không thể cải thiện vấn đề thất nghiệp trong các vùng duyên hải. Chúng ta cần bắt đầu với các sản phẩm thâm dụng lao động với lượng xuất khẩu khổng lồ. Sau khi nền kinh tế đã ổn định và đã trở nên vững chãi hơn, chúng ta có thể chuyển sang mục tiêu xuất khẩu các sản phẩm công nghệ cao tiên tiến và các sản phẩm với giá trị-gia tăng cao hơn.

Đã có một loại phản đối khác. Một số cán bộ ở các khu vực miền trung và miền tây, hay những người đã dính líu đến lập kế hoạch và kinh tế vĩ mô, đã chất vấn vì sao chúng ta muốn phát triển thêm nữa các vùng duyên hải khi chúng đã dẫn trước các tỉnh nội địa rồi. Chẳng phải sự cách biệt sẽ trở nên thậm chí lớn hơn? Các Đồng chí từ các tỉnh nội địa đã tin rằng việc phát triển các vùng duyên hải sẽ làm cho người giàu giàu hơn. Họ đã muốn biết: Vì sao không làm cho người nghèo giàu hơn?

Thực ra, sự tăng tốc phát triển dọc vùng duyên hải sẽ không chỉ có lợi cho duyên hải mà cũng là nền kinh tế của cả quốc gia, kể cả các tỉnh nội địa. Không có sự phát triển của các vùng duyên hải, nơi tất cả các công nhân di cư tìm được việc làm hay sao? Nếu các vùng duyên hải phát triển, các quy luật về sự sản xuất thâm dụng

lao động sẽ cũng áp dụng bên trong nước và chuyển tới những chỗ nơi lao động còn rẻ hơn. Khi chi phí lao động bắt đầu tăng lên trong các vùng duyên hải, họ sẽ buộc phải tiến hành những sự điều chỉnh trong sản xuất của họ. Vì thế, chúng ta không thể phát triển với một tốc độ đồng đều và chúng ta cần tiếp tục với một vùng dẫn dắt và thúc đẩy vùng khác. Các bước đồng đều sẽ có nghĩa chẳng ai có thể di chuyển nhanh hơn. Các vùng duyên hải là phần của Trung Quốc; nếu các thế mạnh của chúng được sử dụng, nó sẽ có lợi cho toàn quốc gia, kể cả các khu vực miền trung và miền tây. Từ quan điểm phát triển tổng thể, cần biến sự phát triển của các vùng duyên hải thành một ưu tiên.

Bất chấp nhiều mối lo ngại, chiến lược phát triển của các vùng duyên hải đã được Bộ Chính trị thông qua và được thực hiện. Sau Bốn tháng Sáu, chiến lược đã không còn được nhắc đến theo tên, nhưng trong thực tế nó đã được tiếp tục. Chính bởi vì sự phát triển bền vững của nền kinh tế duyên hải mà quốc gia đã đạt các khối lượng xuất khẩu lớn trong chỉ vài năm và dự trữ ngoại hối đã tăng lên một lượng khổng lồ. Tất cả chính bởi vì ta đã đi con đường này, có phải thế không? Tất nhiên, sau Bốn tháng Sáu, không ai đã có thể nói về chiến lược này như một chính sách, mà đã làm xói mòn thậm chí nhiều hơn việc thực hiện tích cực của chiến lược này.

Một lần tôi đã nói chuyện với một doanh nhân giàu có từ Đài Loan, Trương Vinh Phát (Chang Yung-fa), Chủ tịch của Tập đoàn Evergreen. Ông đã nổi tiếng ở Đài Loan như Vương Vĩnh Khánh (Wang Yung-ching) [cựu Chủ tịch của Formosa Plastics]. Trong cuộc trò chuyện, tôi đã nói với ông ta, “Không phải là việc tầm thường rằng các bạn ở Đài Loan đã có thể tích lũy được mấy chục tỷ [dollar] dự trữ ngoại hối; cho một khu vực nhỏ như vậy, các bạn đã đạt được điều này thế nào?”

Ông đã nói, “Việc này không khó. Cứ tiếp tục chính sách hiện thời của các ông về cải cách và mở cửa và phát triển ngoại thương. Sẽ không lâu trước khi các ông sẽ có các khoản dự trữ ngoại hối lớn. Nếu Đài Loan đã có thể làm việc ấy, đại lục cũng có thể làm việc đó.” Ông đã nói điều này một cách rất lạc quan và tự tin.

Lúc đó, tôi đã có những mối nghi ngờ. Có thật có thể dễ đến vậy? Bây giờ có vẻ rằng quả thật đã chẳng khó như thế. Chìa khoá đã là để ủng hộ sự cởi mở. Tôi đã nhắc tới việc này nhiều lần trước đây để minh hoạ điểm này: chừng nào chúng ta thực hiện Chính sách Cải cách và Mở Cửa, nền kinh tế của chúng ta sẽ có khả năng phát triển nhanh. Từ mùa thu 1987 đến tháng Giêng 1988, tôi đã đi đến Phúc Kiến, Quảng Đông, Chiết Giang, và Giang Tô cho các tua kiểm tra và đã tổ chức các cuộc nói chuyện với các cán bộ địa phương ở các mức huyện, thành phố, quận, và tỉnh. Tôi cũng đã trao đổi quan điểm với các cơ quan chính phủ trung ương liên quan, sau đó tôi đã đề xuất chiến lược cho sự phát triển vùng duyên hải. Điểm quan trọng nhất của chiến lược đã là để phát triển một nền kinh tế định hướng xuất khẩu trong các vùng duyên hải để tận dụng đầy đủ lợi thế của các cơ hội do một nền kinh tế toàn cầu trong chuyển đổi mời chào. Kế hoạch đã phủ một vùng dọc bờ biển mà đã gồm từ 100 đến 200 triệu người. Các khoản sau đây đã được bao gồm:

1. Sự phát triển vùng duyên hải về cơ bản sẽ là sự hình thành của một nền kinh tế định hướng xuất khẩu. Tận dụng lợi thế của cơ hội do những sự điều chỉnh cơ cấu của nền kinh tế toàn cầu chào mời, sự tập trung sẽ được đặt lên việc phát triển sản xuất thâm dụng lao động, hay sản xuất mà cả là thâm dụng lao động lẫn thâm dụng công nghệ.

2. Các lượng nhập khẩu và xuất khẩu khổng lồ phải đạt được với “hai đầu kéo dài ra nước ngoài.” Vốn, thiết bị, và bán sản phẩm sẽ được thực hiện trên thị trường quốc tế để

thu hút đầu tư quốc tế và để nhập khẩu thiết bị và các nguyên liệu. Việc chế biến sẽ xảy ra trong nước và sau đó các sản phẩm sẽ được xuất khẩu. Lượng khổng lồ nhập và xuất khẩu phải được cho phép không chậm trễ.

3. Khi phát triển nền kinh tế định hướng xuất khẩu, tiềm năng đầy đủ của các doanh nghiệp hướng trấn phải được nhận ra và chúng phải trở thành một lực lượng lớn hay thậm chí chi phối. Điều đó có nghĩa là việc sử dụng đầy đủ khả năng của các doanh nghiệp hướng trấn và dùng chúng như một phương tiện để lót đường cho một nền kinh tế định hướng xuất khẩu. Cuối cùng, một phần lớn của lao động nông thôn trong các vùng duyên hải sẽ được hội nhập vào nền kinh tế định hướng xuất khẩu này và thị trường quốc tế.

4. Nhằm để thích nghi với loại biến đổi này, các việc nhập khẩu và xuất khẩu tập trung trong ngoại thương phải được cải cách. Tất cả các thực thể hay các doanh nghiệp với năng lực để sản xuất cho xuất khẩu, và các doanh nghiệp đang tiến hành nhập khẩu và xuất khẩu trong ngoại thương, phải {tự} chịu trách nhiệm về lỗ và lãi riêng của chúng trong khi được phép tiến hành việc kinh doanh của chúng một cách tự do.

Tóm lại, điều này đã có nghĩa cho phép 100 triệu đến 200 triệu người trong các vùng duyên hải, và các doanh nghiệp trong các vùng này, để hội nhập vào thị trường toàn cầu và tham gia vào sự trao đổi và cạnh tranh của thị trường quốc tế.

Bên ngoài Trung Quốc, những sự điều chỉnh về cơ cấu kinh tế quốc tế đã đang xảy ra, và trong một số quốc gia đã công nghiệp hoá hay các quốc gia công nghiệp hoá mới nổi các tiêu chuẩn sống của nhân dân đã cao hơn, như thế chi phí lao động của họ cũng cao hơn. Việc này sẽ khiến sự sản xuất thâm dụng lao động từ từ chuyển sang các chỗ nơi chi phí lao động thấp hơn.

Trong Vùng châu Á Thái bình Dương, chính Hoa Kỳ đầu tiên đã chuyển một số sản xuất thâm dụng lao động và chế tác của nó sang Nhật Bản. Nhật Bản đã tận dụng cơ hội để phát triển chính mình. Muộn hơn Hoa Kỳ và Nhật Bản đã chuyển một phần sản xuất và chế tác của họ sang các con HỔ Á châu. Khi các con HỔ Á châu phát triển, Nhật Bản và các con HỔ Á châu đang chuyển một phần các ngành công nghiệp của họ sang các nước ASEAN [một nhóm gồm mười quốc gia Đông Nam Á].

Những điều chỉnh cơ cấu kinh tế, dù từ viễn cảnh toàn cầu hay Á châu Thái Bình Dương, sẽ không dừng lại. Quá trình quay vòng này tạo ra một cơ hội cho các nước đang phát triển. Trong quá khứ, bởi vì chúng ta đã đóng các cửa của chúng ta với thế giới và đã thực hiện một hệ thống hết sức tập trung, cứng nhắc mà không có dòng chảy tự do của thông tin, chúng ta đã bỏ qua nhiều cơ hội. Chúng ta không thể quăng đi một cơ hội nữa!

Đồng thời, các vùng duyên hải của chúng ta đã có các điều kiện thích hợp: gần các cảng ven biển với giao thông thuận tiện, hạ tầng cơ sở tốt hơn các tỉnh nội địa, và chất lượng lao động cả về mặt văn hoá và kỹ thuật. Các vùng duyên hải đã gần hơn với các thị trường quốc tế và đã có một truyền thống làm thương mại với thế giới bên ngoài. Có cả cơ hội và các điều kiện thích hợp, nếu chúng ta chỉ loại bỏ những rào cản trong tư duy của chúng ta và chấp nhận những chính sách hướng dẫn thích hợp, các vùng duyên hải có thể phát triển với một nhịp độ nhanh.

Nếu chúng ta đã không chấp nhận chiến lược này, các vùng sẽ đau khổ hơn và nhiều khó khăn hơn. Nếu chúng ta tiếp tục với các phương pháp cũ của chúng ta, các vùng này sẽ bị hạn chế, chủ yếu bởi vì sự thiếu tài nguyên thiên nhiên. Nền kinh tế kế hoạch tập trung cao độ đã coi toàn bộ quốc gia như một bàn cờ lớn và đã dựa vào nhà nước để đầu tư trong việc phát triển các tài nguyên thiên

nhiên trong các khu vực miền tây và vận chuyển chúng rất xa tới các vùng duyên hải cho việc chế tác. Con đường này không còn có thể tiếp tục được nữa.

Vì các tỉnh nội địa đã không sẵn sàng bán rẻ các tài nguyên của họ cho các tỉnh duyên hải, mâu thuẫn giữa nội địa và các vùng duyên hải đã gia tăng. Vì thế, việc biến đổi các vùng duyên hải thành một nền kinh tế cơ bản định hướng xuất khẩu đã là một vấn đề lớn và quan trọng.

Kiến nghị cũng đã có tầm quan trọng chính trị nữa. Nền kinh tế kế hoạch tập trung cao độ đã làm cho toàn quốc phát triển theo một cách đồng nhất như thế các thế mạnh của các vùng duyên hải đã không thể được tận dụng. Cả nội địa lẫn các vùng duyên hải đã không thể phát triển với một nhịp độ nhanh. Trước giải phóng, Thượng Hải đã là một siêu đô thị phát triển cao trong Vùng châu Á Thái Bình Dương, tiên tiến hơn Hong Kong, nói chi đến Singapore hay Đài Loan. Nhưng sau vài thập niên, Thượng Hải đã trở nên kiệt sức và đã tụt lại đằng sau Hong Kong, Singapore, và Đài Loan. Điều này đã khiến người dân hỏi, “Cái gì chính xác là lợi thế của chủ nghĩa xã hội?”

Nếu một vùng của Trung Quốc, một vùng với hàng trăm triệu người, có thể phát triển nhanh như họ đã có thể, thì tình hình sẽ tốt hơn nhiều và nhân dân sẽ không nói chủ nghĩa xã hội là một sự cản trở cho sự phát triển năng suất. Từ khía cạnh chính trị, nó sẽ làm giảm các mối nghi ngờ và sợ hãi của nhân dân về sự chuyển giao Hong Kong và Macau* và sự thống nhất của Đài Loan với đại lục. Nó sẽ đem lại trong nhân dân sự nhiệt tình hơn cho việc thống nhất với đất mẹ.

Tôi đã đề xuất chiến lược phát triển duyên hải sau nhiều quan sát, thử nghiệm, và suy ngẫm kỹ. Nó đã cũng đáp ứng cho nhu cầu

cho sự thực hiện cải cách hơn nữa.

Tôi đã làm việc nhiều năm ở Quảng Đông, mà sát với Hong Kong và Macau, như thế tôi đã có một sự hiểu sớm hơn và sâu hơn về thị trường quốc tế và ngoại thương. Từ rất sớm, tôi đã đi đến tin rằng sẽ là có lợi để cho phép các vùng duyên hải tận dụng thương mại quốc tế để khai thác đầy đủ tiềm năng của chúng.

Thí dụ, nếu Quảng Đông đã được phép để trồng mía, 1.000 cân đường đã có thể được sản xuất trên một mẫu (anh). Nếu vùng này được biến thành ruộng lúa, 1.000 cân gạo trên một mẫu có thể được sản xuất. Giá trị của 1.000 cân đường đã cao hơn 1.000 cân gạo rất nhiều! Thu nhập xuất khẩu từ 1.000 cân đường đã có thể nhập khẩu nhiều ngàn cân gạo. Nhưng trong quá khứ, chúng ta đã không tận dụng lợi thế của thương mại quốc tế. Nhằm để giải quyết những sự thiếu lương thực, chúng ta đã không mở rộng các nông trường trồng mía, như thế đã luôn luôn có vấn đề này về mía và lúa trong sự cạnh tranh vì đồng ruộng.

Đã cũng có một loại gạo chất lượng cao ở Quảng Đông mà đã có thể được bán với giá cao trên thị trường quốc tế. Một cân của loại này đã có thể mang lại dăm ba cân gạo thường. Khi tôi ở Quảng Đông, tôi đã sử dụng phương pháp xuất khẩu một cân gạo chất lượng cao để mua lại một cân gạo thường cộng mấy cân phân bón, và sau đó dùng phân bón để đổi lấy nhiều gạo hơn ở trong nước. Bằng làm việc này, chúng tôi đã có ngũ cốc, phân bón, và ngoại tệ. Nhưng trong quá khứ chúng ta đã nhấn mạnh một cách máy móc sự tự-lực và đã không tận dụng lợi thế của các thị trường quốc tế, như thế chúng ta đã làm xói mòn các thế mạnh của chính chúng ta.

Có tiềm năng khổng lồ trong ngoại thương. Tôi đã nghĩ về điều này trong khi tôi làm việc ở Quảng Đông. Nếu một doanh nghiệp hay một khu vực được tự do để nhập khẩu các nguyên liệu và xuất khẩu thành phẩm của chính nó, nó đã có lãi. Lý do mà một số nơi quanh

cả nước đã không thể tạo ra các sản phẩm cho xuất khẩu đã là bởi vì nhiều trong số họ đã thiếu nguyên liệu tốt, như thế hoặc các sản phẩm đã không thể được sản xuất hoặc chất lượng đã không đủ cao. Nếu chúng ta có thể nhập khẩu các nguyên liệu, sử dụng thiết bị công nghiệp của chúng ta để chế biến chúng, và xuất khẩu sản phẩm cuối cùng, thì không chỉ chúng ta có thể mua lại bất cứ thứ gì chúng ta cần, chúng ta cũng có thể mang lại ngoại tệ.

Trong những năm 1960, tôi đã viết cho Ủy ban Trung ương đề kiến nghị việc tăng ngoại thương của chúng ta và sử dụng các khoản nhập khẩu để tạo ra thu nhập xuất khẩu. Chúng tôi đã thử sử dụng phương pháp này ở Quảng Đông. Với sự đồng ý của Diệp Quý Tráng, bộ trưởng Ngoại thương, chúng tôi đã tiến hành một lượng nhất định của các khoản nhập khẩu và xuất khẩu của riêng chúng tôi, và thu nhập ngoại tệ nảy sinh đã được chia tại các mức chính quyền địa phương. Nền kinh tế của Quảng Đông đã phục hồi tương đối nhanh trong đầu những năm 1960, phần lớn như một kết quả của việc này.

Tôi đã tin mạnh mẽ khi đó rằng đã có tiềm năng khổng lồ về ngoại thương cho các vùng duyên hải. Hệ thống và các chính sách của chúng ta đã bóp nghẹt nó. Đã không phải do thiếu cơ hội, hay bởi vì đã là không thể, mà đúng hơn bởi vì đã không được phép.

Trong 1981, khi tôi đã đi các tua kiểm tra các doanh nghiệp ở Thiên Tân, vấn đề này cũng đã được nêu lên. Nhiều nhà máy dệt ở Thiên Tân đã thiếu cung ứng nguyên liệu và đã không có khả năng nâng cấp thiết bị của họ, làm cho khó khăn để tiếp tục sản xuất. Tình cờ đã là trong thời kỳ điều chỉnh lại, và nhiều nhà máy đã bị buộc ngưng sản xuất. Tôi đã có những cuộc thảo luận với họ và hỏi nếu họ đã được phép nhập khẩu các nguyên liệu và liệu họ đã có thể sau đó xuất khẩu các sản phẩm của họ hay không. Họ đã nói rằng tất nhiên họ đã có thể. Tôi đã tự hỏi mình cái gì sẽ xảy ra nếu

các vùng duyên hải tất cả đã được định hướng tới sự phát triển các ngành định hướng xuất khẩu. Muộn hơn, khi các vấn đề khác nổi lên, vấn đề này đã bị bỏ.

Sau khi cải cách được thực hiện, từ 1981 đến 1984, Quảng Đông đã bắt đầu triển khai “ba đầu vào cộng trợ cấp xuất khẩu.” Họ đã nhập khẩu các nguyên liệu, các mẫu, và các thiết kế, đã sử dụng thiết bị sẵn có và lao động để chế biến, và sau đó đã xuất khẩu thành phẩm với các khoản trợ cấp. Mặc dù đã hơi thô thiển khi đó, các tiêu chuẩn đã cải thiện nhanh. Quảng Đông, nhất là trong các vùng Đông Hoàn, Nam Hải, và Tam Giác Châu Giang, đã phát triển rất nhanh.

Vào lúc bắt đầu, bất cứ đâu các doanh nhân Hong Kong đi, chính sách “ba đầu vào cộng trợ cấp xuất khẩu” được thực hiện, như thế cuối cùng đã chuyển thiết bị sản xuất và các cơ sở sản xuất của họ sang đại lục. Sau khi Quảng Đông đã làm việc này, Phúc Kiến, Sơn Đông, Chiết Giang, và Giang Tô đã noi theo. Kết quả đã tốt. Tất cả điều này lại đã chứng minh rằng các thế mạnh tiềm tàng của các vùng duyên hải đã chỉ đợi để được thực hiện.

Tất nhiên, việc này đã đang xảy ra rồi trong các vùng duyên hải trong những năm cải cách. Tuy vậy, như một chiến lược tổng thể, đã cần để đưa nó lên mức của tư duy chiến lược và sự thực hiện. Đây là vì sao chiến lược phát triển duyên hải đã được đề xuất. Nó đã không phải không có lý do, nó cũng chẳng phải từ một sự thôi thúc nhất thời; đúng hơn, nó đã là một kết luận rút ra từ sự quan sát dài hạn, sự nghiên cứu, và sự hiểu biết.

12. Đồi phó với Tham nhũng

Tất cả các chính sách chính phủ, ngay cả các chính sách thành công, có những giá phải trả. Một trong những giá phải trả của những nỗ lực cải cách của Trung Quốc, từ lúc bắt đầu, đã là tham nhũng. Không nhà cải cách nào đã có thể có đủ khả năng để bỏ qua vấn đề này và tiềm năng của nó cho việc khiêu khích một phản ứng dữ dội. Triệu cho rằng tham nhũng là một kết quả của sự chuyển đổi từ hệ thống kinh tế cũ sang hệ thống mới, và rằng một sự đáp trả cứng rắn là không cần thiết. Câu trả lời là chuyển nhanh hơn với cải cách của các hệ thống kinh tế, chính trị, và pháp lý.



Tham nhũng đã đang nổi lên như một vấn đề quan trọng trong năm 1988. Thách thức đã là diễn giải và giải quyết vấn đề này như thế nào, và làm thế nào để biến những quan ngại về về tham nhũng và việc tạo ra một chính quyền sạch thành các cơ hội để làm sâu sắc cải cách—trong khi không trao một cơ hội cho các đối thủ để lợi dụng vấn đề này và khôi phục hệ thống cũ.

Như tôi đã nói ở trước, trong khi nghị lễ Hội Xuân 1988 ở Quảng Đông, tôi đã đọc những tài liệu mà đã tiết lộ nhiều thí dụ về những sự trao đổi quyền-tiền. Trong khi đã không thể cho rằng chúng là kết quả của cải cách, chúng tôi đã phải thừa nhận rằng việc này liên hệ đến môi trường kinh tế đang thay đổi. Chúng tôi đã không thể bỏ qua vấn đề. Tôi đã đề xuất, “Nền kinh tế phải thịnh vượng, chính phủ phải vẫn sạch.”

Tôi đã ngày càng nhận ra rằng “vẫn sạch” đã là một vấn đề lớn. Nếu bị sao lãng, nó có thể tạo một lý do bào chữa cho những người chống các cải cách, trong khi làm cho nhân dân bất bình. Các hệ quả có thể thảm khốc. Đồng thời, chúng ta có thể sử dụng vấn đề

chống-tham nhũng như một cơ hội để làm sâu sắc cải cách. Bởi vì những vấn đề này đã nổi lên trong môi trường mới, chúng không thể được giải quyết bằng việc sử dụng các phương pháp cũ. Thứ nhất, các nguyên nhân của các vấn đề này phải được hiểu. Chỉ sau đó chúng ta có thể tìm ra những cách hữu hiệu để giải quyết chúng.

Thí dụ, tại Hong Kong, tham nhũng đã rất nghiêm trọng trong những năm 1960. Các cơ quan thực thi luật đã bị tha hoá một cách trầm trọng. Rồi, trong những năm 1970, Ủy ban Chống Tham nhũng Độc lập được thành lập. Đã có thậm chí một bộ phim, gọi là Bảo tố Chống Tham nhũng, được làm ra. Sau việc này tình hình đã cải thiện rõ ràng.

Tham nhũng thường xảy ra khi văn hoá kinh tế phát triển đến một giai đoạn nào đó; nhưng muộn hơn, khi chất lượng của các công chức và nhân viên thực thi pháp luật cải thiện, và lương và các khoản đền bù của họ tăng lên, tình hình thay đổi. Hong Kong của ngày hôm nay là rất khác với Hong Kong trước kia. Các tình huống tương tự đã tồn tại trong các nước đang phát triển khác. Các giai đoạn đầu của một nền kinh tế thị trường kéo theo những sự trao đổi của quyền lực và tiền. Khi nền kinh tế phát triển, với sự tinh vi của hệ thống pháp luật và việc thiết lập một hệ thống dân chủ, tình hình cải thiện. Vài nước ASEAN đã có những kinh nghiệm tương tự.

Trong tháng Giêng 1989, *Ta Kung Pao* [tờ báo *Đại Công Báo*] ở Hong Kong đã công bố một bài báo với một tiêu đề đại loại như “Một Cố gắng để Phân tích Tham nhũng ở Đại lục.” Nó đã là một phân tích có hệ thống về vấn đề tham nhũng của chúng ta. Tôi đã chuyển nó cho Bảo Đổng [Giám đốc Viện nghiên cứu Cải cách Chính trị] với một việc giao để làm: “Đây là một bài báo nghiên cứu tham nhũng. Chúng ta cần tổ chức một nhóm dành riêng cho việc nghiên cứu và phân tích vấn đề tham nhũng, rồi đề xuất chiến lược của chúng ta và giải thích nó trong một số bài báo có sức thuyết phục.”

Lúc đó, tôi đã tin vấn đề cần được nghiên cứu một cách có hệ thống. Chỉ sau khi nghiên cứu khảo sát nó rõ ràng chúng ta mới có thể đề xuất một giải pháp. Việc áp dụng lại các chiến thuật cũ sẽ không có tác dụng. Việc quay lại nền kinh tế kế hoạch tập trung cao độ sẽ không tốt, cho dù vì mục đích chống tham nhũng. Việc đó sẽ giống chẳng bao giờ ăn lần nữa vì sợ mắc nghẹn. Việc sử dụng các phương pháp của các chiến dịch quần chúng và đấu tranh giai cấp, như chúng ta đã làm trong những năm đầu của nền Cộng hoà Nhân dân, thí dụ, bằng việc tử hình, sẽ không có tác dụng.

Loại này của tham nhũng nổi lên trong một quá trình chuyển đổi kinh tế và xã hội. Hệ thống cũ đã yếu đi và đang tan rã, nhưng hệ thống mới đã vẫn chưa được thiết lập. Đó là vì sao cải cách kinh tế và chính trị hơn nữa là cần thiết nhằm để giải quyết vấn đề này một cách cơ bản.

Hãy lấy những sự trao đổi quyền-tiền làm một thí dụ. Bây giờ nền kinh tế là tự do hơn, với các hàng hoá và các thị trường, nhiều doanh nghiệp và thực thể chịu sự cạnh tranh thị trường. Nhưng quyền lực vẫn bị độc quyền trong tay các cơ quan chính phủ. Nói cách khác, cải cách kinh tế đã không hoàn tất sự chuyển sang các thị trường tự do. Nhiều yếu tố tàn dư từ thời kỳ của nền kinh tế kế hoạch vẫn tồn tại. Nếu những người tham gia nào đó trong cạnh tranh thị trường có được sự ưu ái từ các cơ quan có quyền lực, họ có thể có được lợi nhuận khổng lồ dưới các điều kiện không ngang bằng với các điều kiện của các đối thủ cạnh tranh của họ.

Thí dụ, biến đổi các nguồn cung ứng từ bên trong nền kinh tế kế hoạch ra bên ngoài nó—tức là, mua các hàng hoá với giá thấp được kiểm soát từ bên trong hệ thống kế hoạch từ các cơ quan cung ứng và sau đó bán nó với giá thị trường—có thể nhận được lợi nhuận khổng lồ. Một thí dụ khác là tình huống nơi ai đó có thể nhận được giấy phép cho xuất khẩu hay nhập khẩu những hàng hoá nào đó có

thể lợi dụng sự chênh lệch giá để tạo ra lợi nhuận khổng lồ. Dưới những điều kiện này, quyền lực và tiền được liên kết và được trao đổi sao cho một số doanh nghiệp được lợi từ các điều kiện cạnh tranh không ngang bằng. Một phần của lợi nhuận khổng lồ nhận được theo cách này sau đó có thể được sử dụng cho việc đút lót.

Giải pháp duy nhất cho việc giải quyết vấn đề này là tiếp tục làm sâu sắc cải cách để tách các doanh nghiệp chính quyền, và để chuyển các quyền lực hiện do chính phủ nắm giữ xuống cho các nhà quản trị của các ngành, và để giải quyết vấn đề về các độc quyền hay sự tập trung quá quyền lực. Làm việc này sẽ hạn chế môi trường cho những sự trao đổi quyền-tiền. Những vấn đề như vậy chỉ có thể được giải quyết qua các cải cách thêm nữa. Một nhu cầu cấp bách khác là việc xây dựng các định chế. Một nền kinh tế hàng hoá cần đến những định chế thích hợp: một sở thuế vụ, các phòng cảnh sát, các văn phòng chi nhánh ngân hàng, và các cơ quan khác nhau để buộc thi hành và thực hiện các quy chế. Nếu các thủ tục đều minh bạch, và nếu các kết quả được đưa ra công khai, sẽ có ít mưu toan hơn để tiến hành các hành động tham nhũng.

Tôi đã nghe rằng đã có một chỗ ở Hắc Long Giang nơi các khoản cho vay nông nghiệp của ngân hàng được công bố công khai mỗi năm: ai đã nhận được các khoản cho vay và tiền lãi đã là bao nhiêu. Việc này để nhân dân tham gia và kiểm tra quyền lực. Tính minh bạch càng ít, thì càng dễ để lừa. Đây là vấn đề về xây dựng các định chế để chống tham nhũng. Quận Đông Thành của Thành phố tự quản Bắc Kinh có một hồ sơ tốt về khía cạnh này. Cách này để làm các thứ dễ nhận được sự ủng hộ của công chúng.

Để chống tham nhũng, cải cách hệ thống chính trị phải được thực hiện. Các quốc gia mới nổi có những thời kỳ tham nhũng tràn lan trong những giai đoạn đầu của sự phát triển của chúng. Nền kinh tế phát triển với các tốc độ cao trong khi quyền lực chính trị được

tập trung cao độ. Hành vi của các quan chức không bị công luận kiểm soát. Nếu một đảng chính trị không có sự kiểm soát nào lên quyền lực của nó, các quan chức của nó dễ dàng bị tha hoá. Tình hình cuối cùng sẽ cải thiện với việc xây dựng nền chính trị dân chủ, một sự đa dạng rộng hơn của các hoạt động chính trị, một phần rộng hơn của công chúng tham gia vào quá trình, và những sự kiểm soát của công luận lên quyền lực. Vài nước ASEAN, cũng như Đài Loan, đã trải qua quá trình này. Khi cơ sở kinh tế thay đổi, hệ thống chính trị cũng cần được cải cách.

Một vấn đề quan trọng khác—thực ra cốt yếu nhất—là tính độc lập của tư pháp và luật trị (rule of law). Nếu không có sự thực thi độc lập của luật, và đảng chính trị đang nắm quyền có khả năng can thiệp, thì tham nhũng chẳng bao giờ có thể được giải quyết một cách có hiệu quả.

Tôi đã chỉ ra tất cả các vấn đề này tại cuộc họp Ban Bí thư Ủy ban Trung ương. Tuy vậy, có vẻ rằng cho đến ngày này, các vấn đề đã vẫn không được giải quyết.

Sau Bốn tháng Sáu, khi Lí Bằng và các cộng sự của ông phê phán tôi, họ đã lên án tôi về việc nói rằng tham nhũng là không thể tránh khỏi trong quá trình cải cách và vì thế rằng tôi đã có một thái độ laissez-faire (bỏ mặc) đối với tham nhũng. Họ đã có vẻ chẳng bao giờ hết lời để dùng chống lại tôi trong những cáo buộc vô căn cứ!

Thực ra, tôi đã rất để ý để tìm cách giải quyết tham nhũng. Tôi đã nói về vấn đề chống-tham nhũng tại cả Hội nghị Toàn thể lần thứ Hai của Ủy ban Trung ương khoá 13 trong tháng Ba 1988 và tại cuộc họp Bộ Chính trị trong tháng Sáu. Tôi cũng đã tổ chức mấy hội nghị chuyên đề đặc biệt để nghe những kinh nghiệm của những người ở các mức hành chính thấp hơn. Tôi tích cực nghiên cứu chống-tham nhũng với hy vọng tìm ra một giải pháp mà sẽ thực sự

giải quyết vấn đề. Đã hoàn toàn bất công vì Lí Bằng và các cộng sự của ông lấy các trích dẫn của tôi ra khỏi ngữ cảnh nhằm để đổ tội cho tôi.

Có vẻ rằng vấn đề này tiếp tục cho đến ngày này.

* Đại Nhảy Vọt đã là kế hoạch tai hoạ của Mao, được khởi xướng trong năm 1958, để thu hút quần chúng vào sự phát triển kinh tế mà đã có nhịp độ nhanh đến mức nó đã dẫn đến sự sụp đổ kinh tế, và đến sự chết đói của hàng triệu người.

† Ba Biến đổi đã là chương trình xã hội của Mao để quốc hữu hoá khu vực nông nghiệp, thủ công nghiệp, và thương nghiệp trong những năm 1950.

* Mặc dù Triệu đã ghi lại những nhật ký này trong năm 1999–2000, ông đã thường đọc từ các văn bản mà ông đã chuẩn bị trong một số trường hợp nhiều năm trước.

* Bốn Hiện đại hoá đã xác định các khu vực chủ yếu nơi Đặng Tiểu Bình đã hy vọng để thúc đẩy các cải cách và phát triển nền kinh tế Trung Quốc. Bốn lĩnh vực đã là nông nghiệp, công nghiệp, công nghệ, và quốc phòng.

* “Nền kinh tế hàng hoá” đã là một uyển ngữ cho “nền kinh tế thị trường” để tránh những xung đột ý thức hệ trong các giai đoạn đầu của cải cách kinh tế ở Trung Quốc.

* Điều này không nhất quán với các hồ sơ như được xuất bản trong “Tuyển chọn các Văn kiện Quan trọng của Đại hội Đảng lần thứ mười Hai,” Renmin Chubanshe, 1986, volume 2, trang 535, mà nói: “Sản xuất và trao đổi chủ động (self-initiated) qua thị trường tự do được hạn chế ở hàng hoá nhỏ, ba loại được chỉ rõ của nông nghiệp, sản vật, các dịch vụ; mà tất cả chúng là hỗ trợ cho nền kinh tế.”

* Đại Trại đã là tên của một làng vùng cao trong Tỉnh Sơn Tây mà đã trở thành mô hình cho việc sản xuất nông nghiệp tự lực trong thời Mao. Những người nghi ngờ muộn hơn đã nghi ngờ các thành quả được công khai của nó.

*Một cân (catty) là một đơn vị Trung Quốc về trọng lượng bằng 500 gram.

*“Sơ đồ khoán đất nông thôn (cho) hộ nông dân (rural household land contract scheme)” cũng được biết đến như “hệ thống trách nhiệm hộ nông thôn (rural household responsibility system).”

*Người Anh đã chính thức trao trả Hong Kong cho sự kiểm soát của Trung Quốc trong năm 1997. Hai năm sau người Bồ Đào Nha đã cũng làm thế với Macau

PHẦN 4

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

1. Hồ Diệu Bang “Tù chức”

Các lực lượng đối chọi nhau trong chính trị Trung Quốc dùng thủ đoạn chống lại nhau như thế nào đã là một câu đố từ lâu. Triệu vén bức màn về mưu đồ Machiavellian của Đội Cảnh Vệ Già của Cách mạng, những người muốn bảo vệ quyền lực của Đảng Cộng sản và di sản của Mao Trạch Đông.

Triệu cũng rọi ánh sáng lên quyết định của lãnh tụ tối cao Đặng Tiểu Bình trong năm 1987 để sa thải Hồ Diệu Bang, lãnh tụ khai phóng của Đảng Cộng sản. Hồ một cách không thể giải thích nổi đã không xem trọng những cảnh báo của Đặng để xử lý một xu hướng tự do đang tăng lên trong xã hội. Nhưng cuối cùng, sai lầm chí tử của Hồ có vẻ đã là một phỏng vấn ông cho một nhà báo Hong Kong, trong đó ông hầu như đã có vẻ thúc Đặng về hưu. Triệu tiếp quản với tư cách người đứng đầu Đảng và thử để chế ngự sự tức giận của những người bảo thủ. Các lão thành khởi động một Chiến dịch Chống-Tự do hoá khi Triệu vật lộn để bảo vệ các cải cách trong nền kinh tế.*



Diệu Bang đã bị buộc phải từ chức trong tháng Giêng 1987. Đã có nhiều đồn đại về vấn đề này. Một phiên bản là Đặng, dưới áp lực của các Đảng viên lão thành, đã buộc phải bỏ Hồ [Diệu Bang] để bảo vệ Triệu. Tôi không nghĩ điều này đã đúng. Chắc chắn đã có những người xúi bẩy sự rắc rối giữa Đặng và Hồ bằng việc đưa ra những cáo buộc chống lại Hồ trong sự hiện diện của Đặng. Tuy vậy, tôi không nghĩ đó đã là lý do chính.

Lý do mà Đặng Tiểu Bình bỏ Hồ Diệu Bang không phải là ông đã bị lừa dối hay ông đã phải thoả hiệp dưới áp lực bên ngoài. Đúng

hơn, thái độ của Đặng đối với Hồ đã thay đổi từ từ cho đến khi cuối cùng ông đã mất sự tin cậy vào Hồ.

Từ 1980 đến 1986, Đặng đã dần dần cảm thấy rằng Diệu Bang đã ngày càng bất hoà với ông về xu hướng tự do hoá giữa các trí thức. Những sự khác biệt giữa họ đã tăng dần theo thời gian. Bắt đầu từ 1980, bất cứ khi nào Đặng ra mặt lên án sự tự do hoá hay đề xuất các chiến dịch chống lại nó, ông hầu như đã luôn luôn phản ứng lại các báo cáo mà ông đã nhận từ Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân [các lãnh đạo cánh tả có ảnh hưởng]. Tuy vậy, đã là một sự thực rằng Đặng và Diệu Bang đã giữ những quan điểm khác nhau chân thành về vấn đề này. Ngay cả không có những người bày sự rắc rối giữa họ, mâu thuẫn của họ nhất định dần trở nên nghiêm trọng hơn. Kết quả cuối cùng đã không thể tránh khỏi.

Đây là vài thứ đã xảy ra trong những năm đó.

Đặng đã trình bày một báo cáo tại Cuộc họp Thảo luận Lý luận cho việc giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu* trong năm 1979. Kể từ đó, đã là rõ ràng Hồ và Đặng đã giữ những quan điểm khác nhau về vấn đề tự do hoá.

Khi thời gian trôi qua những sự khác biệt của họ đã dần trở nên hiển nhiên và lập trường của họ đã dịch chuyển càng xa nhau hơn. Trong tháng Bảy 1981, Đặng Tiểu Bình đã buộc tội mặt trận lý luận † là “lông lẻo và yếu” và đã nói về vấn đề này. Trong tháng Mười 1983, tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Hai của Ủy ban Trung ương khoá 12 Đặng đã nói mặt trận lý luận không được dính líu đến bất kể “Ô nhiễm Tinh thần” nào. Ông đã đưa ra những lời chỉ trích này bởi vì ông đã cảm thấy khuynh hướng tự do giữa các trí thức đã trở nên phổ biến, và ông đã tin Hồ Diệu Bang phải chịu trách nhiệm về nó, vì lĩnh vực này đã dưới sự quản lý của Hồ Diệu Bang.

Bản thân Hồ Diệu Bang đã chẳng bao giờ nêu những vấn đề như vậy, ông cũng đã chẳng bao giờ báo cáo cho Đặng về các vấn đề loại này. Đúng hơn, Đặng đã cảm thấy nó cho chính ông hay đã nghe về nó từ Hồ Kiều Mộc hay Đặng Lực Quân, như thế ông đã cảm thấy buộc phải can thiệp. Việc này ngụ ý một cách tự nhiên một sự không hài lòng với Hồ.

Tôi muốn nhắc đặc biệt đến vấn đề của Chiến dịch Chống–Ô nhiễm Tinh thần.† tôi cảm thấy cách Hồ Diệu Bang xử lý vấn đề này đã làm trầm trọng mâu thuẫn giữa họ rất nhiều. Việc này cuối cùng đã đóng một vai trò then chốt trong sự rạn nứt cuối cùng giữa hai người.

Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Hai của Ủy ban Trung ương khoá 12, Chiến dịch Chống–Ô nhiễm Tinh thần của Đặng đã truyền bá ra cả nước. Tư duy “cánh tả” đã trở lại, không chỉ trong các vũ đài văn hoá, siêu hình, và kinh tế, mà cả trong đời sống thường ngày của nhân dân nữa. Ngay cả kiểu tóc và thời trang của các nữ Đồng chí đã rơi vào tầm kiểm soát của Chiến dịch Chống–Ô nhiễm Tinh thần, và một Cách mạng Văn hoá khác đã có vẻ hầu như ở trên đường chân trời. Những phản ứng mạnh đã đến từ các trí thức khắp Trung Quốc và các nhà bình luận quốc tế.

Tôi đã đang thăm Hoa Kỳ mùa đông đó, và bất cứ đâu tôi đi, tôi đã phải đáp lại những câu hỏi của người ta về nó và làm dịu bớt những mối quan ngại của họ. Đà của chiến dịch đã đủ mạnh để đe dọa các chính sách và cải cách kinh tế.

[Phó Thủ tướng] Vạn Lí và tôi đã công bố rằng Chiến dịch Chống–Ô nhiễm Tinh thần sẽ không được áp dụng cho các vấn đề kinh tế hay nông nghiệp, để tránh một sự phá vỡ nền kinh tế. Chúng tôi cũng đã kiến nghị rằng chiến dịch không được đụng đến lĩnh vực của các thói quen lối sống. Việc này đã có tác động làm mát bầu

không khí tổng thể. Vì chống-tự do hoá đã mất lòng dân để bắt đầu, nếu chúng tôi cho biết rằng các đấu trường kinh tế, nông nghiệp, và khoa học và công nghệ đã “không được đụng tới,” thì phong trào sẽ mất đà ngay cả trong các đấu trường văn hoá và siêu hình. Ngay cả Đặng đã trở nên lo lắng về cách các thứ đã diễn ra và đã tiết lộ một số cảm giác của ông về điều này. Như thế Chiến dịch Chống-Ô nhiễm Tinh thần đã không kéo dài.

Diệu Bang đã luôn luôn nghi ngờ chiến dịch. Ông rõ ràng đã muốn làm nhẹ bớt sự tức giận của các trí thức và giảm tác động tiêu cực lên dư luận quốc tế. Trong khi thăm những người đứng đầu Đảng ở Thượng Hải trong tháng Hai 1984 và lần nữa khi gặp những khách Nhật Bản, ông đã nói rằng cụm từ “Tẩy sạch Ô nhiễm Tinh thần” đã không thích hợp. Ông đã nói rằng cách nói đã dẫn đến sự vượt quá trong chiến dịch và rằng nó sẽ không được dùng lại lần nữa.

Đấy đã là một vấn đề rất nhạy cảm. Ngay khi lời lan ra về cái ông đã nói, người dân, nhất là các trí thức, đã có ấn tượng rằng Chiến dịch Tẩy sạch Ô nhiễm Tinh thần đã sai. Diệu Bang đã giải thích cụ thể rằng “Tiểu Bình ban đầu đã kêu gọi ‘Chống-Ô nhiễm Tinh thần,’ nhưng chiến dịch truyền thông đã bóp méo nó thành một chiến dịch ‘Tẩy sạch Ô nhiễm Tinh thần,’ vì thế dẫn đến một sự vượt quá.” Nói cách khác, không phải là Đặng đã sai, mà đúng hơn rằng nó đã được thực hiện không đúng. Thực ra, chiến dịch đã dựa vào bài phát biểu của Đặng Tiểu Bình, như thế khi nó được in ra trong các báo, hay được các lãnh đạo nhắc đến trong các bài phát biểu, từ “tẩy sạch” đã được dùng nhiều lần. Mọi người đều đã biết rằng chiến dịch đã được tiến hành theo các nhận xét của Đặng. Như thế sự giải thích của Diệu Bang đã không thể làm giảm trách nhiệm của Đặng trong tâm trí của người dân.

Đặng đã không vui với loại thảo luận này từ Diệm Bang. Mặc dù Đặng đã chẳng nói gì khi đó, ông đã không lùi lại một phân từ lập trường trước của ông, dù có gọi nó là “chống—Ô nhiễm Tinh thần” hay “chống-chủ nghĩa tự do.”

Vào ngày 15 tháng Giêng, 1987, tại cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng* mà đã kết luận vụ của Hồ Diệm Bang, [uỷ viên Bộ Chính trị] Hồ Khởi Lập đã đề lộ ra rằng vào ngày 28 tháng Sáu, 1984, Đặng đã nói chuyện riêng với ông. Đặng đã nói, “Lý do chính tôi yêu cầu anh đến đây là để nói chuyện về Diệm Bang. Không chỉ về cách anh ta đã xử lý Quách La Cơ, Hồ Tích Vĩ, và Vương Nhược Thủy,† mà cả việc giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và trong các cố gắng chống tự do hoá; với tư cách Tổng Bí Thư của Đảng, Diệm Bang đã biểu lộ một điểm yếu mà là một thiếu sót cơ bản.” Đặng đã không nói chuyện trực tiếp với Diệm Bang, nhưng đã yêu cầu Hồ Khởi Lập để chuyển tiếp thông điệp của ông, thậm chí cách diễn đạt gay gắt như “điểm yếu chống lại tự do hoá là một thiếu sót cơ bản trong một Tổng Bí Thư.”

Việc này gợi lên một câu hỏi: Nếu Diệm Bang không thể thay đổi theo một cách căn bản, liệu ông đã vẫn thích hợp cho vị trí Tổng Bí Thư? Hồ Khởi Lập đã nói cho Diệm Bang những gì Đặng đã nói, từng lời, nhưng ngay cả sau việc này, Diệm Bang đã không chú ý hay đáp lại vấn đề một cách nghiêm túc. Việc này đã xảy ra trong 1984.

Trong tháng Bảy 1985, Đặng Tiểu Bình đã yêu cầu Hồ Khởi Lập và [Phó Thủ tướng] Kiều Thạch cho một cuộc nói chuyện. Lần nữa ông đã chỉ ra rằng vấn đề thực tế đã là xu hướng tự do hoá tăng lên. Đặng đã nói, “Một số người (ý ông đã muốn nói những người như Vương Nhược Thủy) đã cổ vũ Diệm Bang trong khi sử dụng tên của Diệm Bang để chống các chính sách đối nội và đối ngoại của chúng

ta. Các anh phải yêu cầu Diệu Bang nêu vấn đề về chống-tự do hoá thường xuyên hơn.” Khởi Lập và Kiều Thạch đã làm như Đặng đã chỉ thị và đã chuyển thông điệp cho Diệu Bang và tôi tại Bắc Đới Hà [khu nghỉ mát nơi các quan chức Đảng tụ tập mỗi hè].

Khi đó tôi đã nghĩ rằng bởi vì Đặng đã nhấn mạnh lập đi lập lại vấn đề này, Ban Bí thư cần tổ chức một cuộc họp để thảo luận nó một cách nghiêm túc, như một sự đáp lại thích hợp với Đặng. Tôi đã gợi ý việc này cho Diệu Bang, nhưng khi [Hồ] Khởi Lập đã hỏi Diệu Bang khi nào cuộc họp sẽ xảy ra, lời đáp duy nhất của Diệu Bang đã là để nói rằng ông sắp rời đi Tân Cương. Muộn hơn, quả thực ông đã đi Tân Cương, như thế vấn đề đã bị hoãn lại. Thế nhưng {lẽ ra} ông đã phải giải quyết vấn đề trước khi rời đi Tân Cương; ông đã không xem nó là quan trọng.

Năm 1985, Tiểu Bình đã nói về vấn đề lần nữa. Vì sao? Tôi tin nó đã liên quan đến

Đại hội lần thứ Tư của Hội Nhà văn trong tháng Mười Hai 1984.

Đại hội đó đã được tổ chức sau khi Chiến dịch Tẩy sạch Ô nhiễm Tinh thần đã chấm dứt không kèn không trống giữa những phản ứng tiêu cực trong nước và quốc tế. Phù hợp với gợi ý của Diệu Bang, thông điệp từ Ủy ban Trung ương tới cuộc họp này đã không nhắc gì về chống-Ô nhiễm Tinh thần hay chống-tự do hoá. Khi thông điệp được soạn thảo, Diệu Bang đã nói rằng ông muốn thấy cụm từ “chống tự do hoá” phai đi từ từ. Cũng đã được quyết định rằng Ban Tổ chức (TW) sẽ không can thiệp vào ban lãnh đạo của Hội Nhà văn, cho phép hội chọn ra các lãnh đạo của chính họ. Quyền tự do sáng tạo đầy đủ đã được nhấn mạnh.

Tất cả những thứ này đã là đúng để làm. Vấn đề, tuy vậy, đã là dưới hoàn cảnh đó, những người mà đã bị chỉ trích hay phạt qua Chiến dịch Chống-Ô nhiễm Tinh thần khi đó sẽ cảm thấy tự do để

xả sự giận dữ của họ trong những cuộc họp loại này, đôi khi đưa ra những nhận xét cực đoan hay không thích hợp chống lại những người đã tham gia tích cực trong chiến dịch. Về phần ban lãnh đạo {Hội Nhà Văn}, hầu như tất cả những người đã là một người “tả khuynh” hay đã tích cực trong chiến dịch đã thua trong các cuộc bầu cử.

Tất nhiên, việc này đã gây lúng túng cho [các nhà tư tưởng bảo thủ] Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân trong khi chọc tức các Đảng viên lão thành. Cuối cùng, nó đã để lại cho Đặng Tiểu Bình ấn tượng rằng Hồ Diệu Bang đã cổ vũ những người trong các lĩnh vực văn học và nghệ thuật xả sự bất mãn của họ với Chiến dịch Chống–Ô nhiễm Tinh thần của Đặng. Đó là vì sao ông đã lặp lại yêu cầu của ông đối với Khởi Lập và Kiều Thạch để chuyển tiếp thông điệp của ông cho Diệu Bang, yêu cầu ông nói nhiều hơn về chống-tự do hoá. Cách diễn đạt mà ông sử dụng đã rất gay gắt; ông đã nói rằng một số người nào đó đã chống lại các chính sách đối nội và đối ngoại của Trung Quốc nhân danh Diệu Bang, nói cách khác, “sử dụng tên của Diệu Bang để chống Đặng Tiểu Bình.”

Tuy vậy, Diệu Bang đã không xem vấn đề một cách nghiêm túc. Về các vấn đề như thế này, thường có một cuộc họp của Ban Bí thư; Diệu Bang sẽ trình bày một bài phát biểu và sau đó đến gặp Đặng để nói chuyện. Lúc đó, đã là không thể để lấy một lập trường ngược lại với lập trường của Đặng Tiểu Bình. Tất nhiên, những ý kiến khác nhau đã có thể được cất lên và các vấn đề đã có thể được thảo luận với Đặng.

Câu hỏi tôi vẫn không thể trả lời là: Vì sao việc này đã không làm cho Diệu Bang chú ý? Vì sao ông đã không coi nó là nghiêm trọng? Có thể rằng ông đã tin phương pháp của Đặng đã là không thích hợp, rằng bản thân ông đã chẳng làm gì sai và vì thế đã không muốn thay đổi cách cư xử. Và ông có thể đã tin vấn đề sẽ không

được giải quyết bằng việc nói chuyện với Đặng, rằng Đặng sẽ không chấp nhận lập trường của ông—và như thế ông đã tránh vấn đề. Tất cả việc này làm trầm trọng cảm giác của Đặng rằng Diêu Bang đã ngày càng đi xa hơn khỏi ông về vấn đề chống-chủ nghĩa tự do.

Từ tháng Mười 1983, khi Đặng đề xuất Chiến dịch Chống-Ô nhiễm Tinh thần, đến tháng Bảy 1987, khi Đặng gợi ý rằng ai đó đang theo đuổi tự do hoá nhân danh Diêu Bang, cuộc tranh luận đã tập trung vào tính đúng đắn của chiến dịch. Sự bất đồng của họ đã ngày càng trở nên rõ ràng và căng thẳng; họ đã trở nên ngày càng đối đầu.

Cuộc tranh luận cuối cùng về Chiến dịch Chống-Tự do hoá trước khi Diêu Bang từ chức đã nổ ra tại cuối Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của Ủy ban Trung ương khoá 12 trong tháng Chín 1986, khi Ủy ban Trung ương đang thông qua “Nghị quyết về Xây dựng nền Văn minh Tinh thần.” Bản thảo đầu tiên đã được soạn dưới sự giám sát của Diêu Bang. Đã không có sự nhắc đến nào về chống-tự do hoá. Khi dự thảo được thảo luận tại Bắc Đới Hà, Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân đã đề xuất đưa thêm một sự nhắc đến chống-tự do hoá, và hầu hết mọi người, kể cả tôi, đã đồng ý. Diêu Bang đã đưa ra một sự nhượng bộ bằng việc chấp nhận sự thêm vào.

Tuy vậy, khi đến việc thảo luận ở mức nhóm Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của Ủy ban Trung ương khoá 12, Lục Định Nhất [một nhà văn khai phóng trong đội ngũ của Đảng] và vài người khác đã không đồng ý với nội dung như vậy. Khi nghị quyết được đưa ra bỏ phiếu, Lục Định Nhất đã trình bày bài phát biểu ứng khẩu, trong đó ông đã nói, “Bè lũ Bốn tên đã dùng cụm từ ‘sự tự do hoá tư sản’ trong Cách mạng Văn hoá như một cách để trừng trị nhân dân, và vì thế nó là không thích hợp.” Bài phát biểu của Lục đã được một số người tham dự cuộc họp vỗ tay hoan nghênh.

Vương Chấn và Bạc Nhất Ba [các lão thành bảo thủ] đã trình bày các bài phát biểu khăng khăng rằng phải giữ lại chống-tự do hoá, và cũng đã được vỗ tay hoan nghênh. Diệu Bang đã đưa ra một sự đáp lại nước đôi. Tôi cũng đã đưa ra một tuyên bố đơn giản, nói rằng bản dự thảo đã được thảo luận nhiều lần, và vì hầu hết mọi người đã ủng hộ giữ cụm từ, tôi đồng ý rằng nó vẫn không thay đổi.

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

Sau đó Đặng Tiểu Bình đã nói cực kỳ nghiêm túc. Ông đã nói, “Tôi đã nói về chống– sự tự do hoá tư sản hơn bất kỳ ai khác, và đã kiên định nhất. Không chỉ chúng ta phải nhắc đến nó bây giờ, mà chúng ta sẽ tiếp tục nhắc đến nó trong mười, hai mươi năm tiếp theo. Không quan trọng khi cụm từ đã được dùng và ai đã dùng nó trong quá khứ. Điều đó không quan trọng.” Thế đấy; ông đã biến nó thành quyết định. Hội nghị Toàn thể đã thông qua nghị quyết với tất cả những người tham gia giơ tay của họ.

Vì hội nghị đã do Diệu Bang, Tổng Bí thư, chủ tọa và lập trường nước đôi của ông đã khiến cho Đặng can thiệp trực tiếp vào phút chót, sự không hài lòng của Đặng với Diệu Bang đã là không thể chối cãi được. Khi các báo cáo về về cuộc họp được lưu hành muộn hơn, Diệu Bang đã dàn xếp cho việc phổ biến chỉ nghị quyết đã được thông qua, mà không nhắc đến những thảo luận đã xảy ra hay bài phát biểu của Đặng. Muộn hơn Bạc Nhất Ba đã tấn công Diệu Bang về vấn đề này, hỏi vì sao bài phát biểu của Đặng đã không được phổ biến.

Trên bề mặt, cuộc tranh luận tại cuộc họp đã liên quan đến sự chỉ trích của Đặng đối với bài phát biểu của Lục Định Nhất. Nhưng đã là rõ ràng Đặng thực ra đã chỉ trích Diệu Bang, bởi vì ông đã biết quan điểm của Lục đại diện quan điểm của Diệu Bang.

Tuy vậy, cuộc thảo luận thực tế trong Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của Ủy ban Trung ương khoá 12 đã không có ảnh hưởng quan trọng đến thái độ của Đặng đối với Hồ. Trước sự cố này, Đặng đã quyết định rồi để loại bỏ Diệu Bang. Đặng đã có kế hoạch cho một sự chuyển tiếp suôn sẻ với việc sắp xếp lại ban lãnh đạo tại Đại hội Đảng thứ Mười ba, và không phải con đường mà đã rút cuộc đã được sử dụng. Như thế mặc dù Đặng đã cho thấy sự không hài lòng với Hồ tại cuộc họp này, nó đã không có ý nghĩa nào về liệu ông đã muốn Hồ tiếp tục làm Tổng Bí Thư hay không.

Đã có những khía cạnh khác của Hồ mà Đặng phê phán. Thí dụ, Đặng đã không tin rằng Hồ đã không đủ thận trọng. (Trước khi ông đưa Hồ làm Tổng Bí Thư, Đặng đã cảm thấy điều này rồi như một nhược điểm.) Về chính sách đối ngoại, Hồ đã quá nồng hậu đối với [lãnh tụ Bắc Triều Tiên] Kim Nhật Thành và đã chấp thuận các đòi hỏi của Bắc Triều Tiên quá thất thường: thí dụ, yêu cầu Trung Quốc cung cấp các máy bay phản lực, để huấn luyện các phi công Triều Tiên tại các căn cứ không quân Trung Quốc, và để triển khai lực lượng không quân Trung Quốc trong tình trạng khẩn cấp. Ngay khi ông [Hồ] trở lại Bắc Kinh, Đặng đã bác bỏ kiến nghị. Và khi đi thăm Nhật Bản, Hồ đã mời ba ngàn thanh niên Nhật Bản thăm Trung Quốc mà đã không thảo luận nó trước. Đặng đã cảm thấy bối rối. Thế nhưng Hồ là Tổng Bí Thư và đã đưa ra lời mời rồi, như thế đã khó để thay đổi nó. Diệu Bang đã trao đổi thư tín cá nhân với [Thủ tướng Yasuhiro] Nakasone của Nhật Bản và đã tổ chức một tiệc lớn cho ông ta tại nhà ông. Đặng cũng đã bực mình với việc này, nói, “Trung Quốc đã chẳng bao giờ tiến hành ngoại giao cá nhân. Có vẻ

rằng một số người trong chúng ta thiếu năng lực để đối xử đúng mực với Nakasone.”

Tuy nhiên, tôi tin rằng chẳng cái nào trong các vấn đề này đã có bất kể tác động quan trọng nào lên mối quan hệ giữa Đặng và Hồ, vì Đặng đã luôn luôn rõ về các giá trị của Hồ cũng như về các thiếu sót của ông. Mặc dù Đặng đã phê phán Hồ về các vấn đề này, chúng đã không tác động đến sự tin cậy và đánh giá cơ bản của ông về Hồ.

Ngoài tự do hoá, vấn đề mà đã có tác động đến quan hệ của Đặng với Hồ đã là một phỏng vấn tháng Giêng 1985 Diệm Bang đã cho Lục Khanh [một nhà báo Hong Kong nổi tiếng]. Trong một cuộc họp với Khởi Lập và Kiều Thạch trong tháng Bảy 1985, Đặng đã nói rằng cuộc nói chuyện của Diệm Bang với Lục Khanh đã hết sức không thích hợp. Lục Khanh đã bài bác các chính sách đối nội và đối ngoại của chúng ta, nhưng đã che giấu các sự chỉ trích của ông như sự tâng bốc Diệm Bang. Diệm Bang đã trả lời nồng nặc, không lựa chọn lời của ông với sự thận trọng; thực ra Diệm Bang đã cổ vũ ông ta. Tôi đã không được biết về việc này lúc đó.

Trong mùa hè 1986, Đặng Tiểu Bình đã nói với Dương Thượng Côn [chủ tịch Trung Quốc], “Anh có biết về cuộc nói chuyện của Diệm Bang với một nhà báo?” Ông đã hỏi Dương để tìm biên bản và đọc nó. Thượng Côn đã nói với tôi về việc này khi ông trở về từ Bắc Đới Hà và đã nói rằng Đặng nghĩ cuộc nói chuyện của Diệm Bang với Lục Khanh đã vượt quá giới hạn, và ông đã rất tức giận về nó. Thượng Côn muộn hơn đã yêu cầu Văn phòng Tổng hợp gửi cho tôi một bản sao.

Lục Khanh đã là một nhà báo cao cấp, người một thời đã bị gắn nhãn “cánh hữu.” Ông đã xin vào Hong Kong trong 1978, và đã trở thành tổng biên tập của tạp chí *Bách Tính* [*Dân Thường*]. Khi ông phỏng vấn Diệm Bang, ông đã nói rằng một mục đích của cuộc nói chuyện là để cho thế giới biết kỹ hơn về Hồ Diệm Bang.

Lục đã nói rằng hình ảnh của quốc gia liên hệ mật thiết với hình ảnh của Diệm Bang. Ông đã ca ngợi Diệm Bang như một lãnh tụ chính trị được khai sáng, chân thật, và thẳng thắn; người rộng lượng, có đầu óc cởi mở, thấu hiểu, đầy nghị lực, chẳng bao giờ bày ra các âm mưu. Ngoài việc ca ngợi Diệm Bang ra, Lục Khanh cũng đã hỏi ông, “Vì sao ông không tiếp quản Quân uỷ Trung ương trong khi Đặng vẫn còn sống? Nếu ông không tiếp quản, ông sẽ xử lý tình hình ra sao nếu, trong tương lai, các chỉ huy quân sự chống đối ông? Ông sẽ có khả năng để kiểm soát tình hình?”

Diệm Bang đã đáp lại bằng nói rằng ông đã chẳng bao giờ xem xét vấn đề: “[Triệu] Tử Dương và tôi bận rộn với công việc kinh tế và Đảng. Quân đội là một chỗ cho việc tuân theo thâm niên, như thế bây giờ không có chiến tranh nào để chiến đấu, hãy để Tiểu Bình giữ vị trí này. Bằng cách đó, Tử Dương và tôi có thể tập trung vào việc quản lý công việc kinh tế và Đảng.”

Trong thời gian phỏng vấn, Lục Khanh cũng đưa ra những lời chỉ trích xúc phạm đến

Trần Vân, Vương Chấn, Hồ Kiều Mộc, và Đặng Lực Quân.

Cuộc nói chuyện đã chắc chắn gây sự không hài lòng của Đặng. Việc nhắc đến vị trí Quân Uỷ Trung ương đặc biệt đã làm ông tức giận. Đặng đã có thể diễn giải việc này để muốn nói rằng trong tâm khảm của Diệm Bang, ông đã đồng ý với những gì Lục Khanh đã nói.

Khi Đặng nói với Khởi Lập và Kiều Thạch trong tháng Bảy 1985, nhằm để chuyển một thông điệp cho Diệm Bang, Đặng đã nhắc đến phỏng vấn của Lục Khanh. Trong mùa hè 1986, tại cuộc gặp ở Bắc Đới Hà, Đặng lại lần nữa nhắc tới cuộc nói chuyện này và thảo luận vấn đề này với các Đảng viên lão thành như Dương Thượng Côn.

Suy đoán của tôi là, Đặng, đã bất hạnh rồi với quan điểm của Hồ Diệm Bang về tự do hoá, đã bị kích động bởi phỏng vấn của Lục

Khanh và đã quyết định sa thải Diệu Bang.

Diệu Bang đã từ chức trong tháng Giêng 1987, nhưng ngay từ mùa hè 1986 tại Bắc

Đới Hà (hay thậm chí sớm hơn), Đặng đã quyết định rồi. Sự chỉ trích của Đặng về cuộc

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

nói chuyện giữa Diệu Bang và Lục Khanh đã được biết rõ ràng. Khi Diệu Bang đi thăm châu Âu, các phóng viên đã hỏi về về một sự sắp xếp lại lãnh đạo và liệu Đồng chí Tiểu Bình sẽ có về hưu hay không. Đã là thói quen của Diệu Bang để bỏ rơi sự cảnh giác của ông và nói thoải mái. Vài trong những thứ ông đã nói đã là không thích hợp. Một số Đảng viên lão thành đã bắt đầu phỏng đoán công khai rằng Diệu Bang đang tạo ra ấn tượng chung rằng Đặng sẽ về hưu. Việc này cũng đã tác động đến cách nhìn của Đặng đối với Hồ.

Vì tất cả các lý do này, Đặng đã nói với Dương Thượng Côn và các Đồng chí lão thành khác trong mùa hè 1986 tại Bắc Đới Hà rằng ông đã phạm một sai lầm lớn: rằng ông đã đánh giá sai Diệu Bang. Nhận xét này là một nhận xét quyết định. Sau đó ông đã tiết lộ cho họ rằng vào Đại hội Đảng thứ Mười ba, Hồ sẽ không còn là Tổng Bí Thư nữa. Nói cách khác, quyết định rằng Diệu Bang sẽ không còn là Tổng Bí Thư đã được Đặng và các Đảng viên lão thành thông qua trong mùa hè 1986 tại Bắc Đới Hà.

Tôi không biết Đặng đã thảo luận việc này thế nào và chính xác với các Đảng viên lão thành nào. Nhưng sau đó, đã là rõ ràng một

số Đảng viên lão thành, kể cả Dương Thượng Côn và Bạc Nhất Ba, đã thay đổi thái độ của họ đối với Diệm Bang. Trước đó, mặc dù họ đã chỉ trích Hồ và đã không đồng ý với một số nhận xét của ông, họ đã vẫn cho thấy mức độ tôn trọng nào đó đối với Hồ. Sau đó, sự thiếu tôn trọng, sự không hài lòng, và sự coi thường của họ tất cả đã nổi lên bề mặt.

Tất cả việc này đã xảy ra trong khi Diệm Bang đang soạn thảo “Nghị quyết về Xây dựng nền Văn minh Tinh thần” cho Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của Ủy ban Trung ương khoá 12. Dự thảo đã không được thông qua trong các cuộc thảo luận. Không chỉ đã có những yêu cầu cho những sự xét lại nhỏ, nhưng nhiều người đã cảm thấy nó căn bản không thích hợp, và một số người thậm chí đã nêu ra những sự ngờ vực về liệu nghị quyết có cần thiết chút nào. Đặng Lực Quân [nhà tư tưởng bảo thủ] đã trình bày một bài phát biểu dài tại cuộc thảo luận và đã đưa ra một dự thảo được xét lại mà đã hoàn toàn khác, trích dẫn Đặng Tiểu Bình hết sức chi tiết. Đặng Tiểu Bình đã không đồng ý với bài phát biểu của Đặng Lực Quân và bản sửa của ông. Ông đã nói, “Mặc dù Đặng Lực Quân sử dụng các nhận xét của tôi, mục tiêu của ông là để đẩy chúng ta sang phía tả.” Thế nhưng đa số đã không đồng ý với bản thảo gốc và nó đã không được thông qua.

Sau khi trở về từ Bắc Đới Hà, Diệm Bang đã nói với tôi qua Trịnh Tất Kiên thư ký của ông rằng ông tin đã vẫn cần có một văn kiện như vậy, nhưng sự thực rằng đã có nhiều sự không đồng ý như vậy đặt ông vào một vị trí khó khăn. Ông đã muốn nghe ý kiến của tôi. Tôi đã nói rằng tôi đã luôn luôn tự hỏi liệu chúng ta thậm chí có cần nghị quyết này hay không, nhưng nếu Diệm Bang tin là cần, tôi sẽ ủng hộ nó. Về phần các bình luận phản đối, chúng ta có thể chấp nhận cái gì có thể chấp nhận được, và dùng sự thuyết phục để

khiến nó được thông qua. Bây giờ tôi sẵn sàng để tích cực ủng hộ nghị quyết. Sau vài lần sửa, cuối cùng nó đã được thông qua.

Khi nghị quyết được thảo luận tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của Ủy ban Trung ương khóa 12, đã được thảo luận liệu có thêm một dòng về “huấn luyện nhân dân để có một lương tâm cộng sản” không, mà ngụ ý một chương trình toàn quốc cho giáo dục hệ tư tưởng cộng sản. Cả Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân đã đề xuất việc thêm vào và Trần Vân đã ghi sự đồng ý của ông. Diệu Bang và các Đồng chí trong ban soạn thảo đã không đồng ý. Họ đã tin rằng việc tiến hành một “chương trình giáo dục cộng sản” trong công chúng nói chung (ngược với chỉ bên trong Đảng Cộng sản) là không thực tế và không thiết thực. Tuy vậy, vì Trần Vân đã bày tỏ sự đồng ý, nó đã là vấn đề khó để xử lý.

Tôi đã gợi ý trích dẫn “Về Dân chủ Mới” của Mao Chủ tịch để ủng hộ ý tưởng về bỏ điều khoản đó đi. Mao Chủ tịch đã nói, “Hệ thống của chúng ta là hệ thống cộng sản, nhưng các chính sách hiện thời của chúng ta là các chính sách của một nền dân chủ mới.” Đồng chí Hồ Diệu Bang đã đồng ý với việc này, như thế chúng tôi đã cùng ký một lá thư và gửi nó cho Đặng Tiểu Bình và Trần Vân. Đặng đã nhanh chóng trả lời rằng ông đồng ý với chúng tôi, như thế Trần Vân đã không cố nài. Vấn đề như thế đã được giải quyết.

Trong thời kỳ này, những lời chỉ trích từ Đảng viên lão thành phê phán phong cách làm việc của Diệu Bang và những cố gắng của ông trong các lĩnh vực chính sách đối ngoại, chính sách kinh tế, và tổ chức Đảng đã trở nên công khai. Việc này đã tìm thấy dấu vết một phần từ những gì đã xảy ra tại Bắc Đới Hà. Họ cũng đã nói Hồ đã không tập trung vào việc quản lý Đảng, mà đúng hơn đã dính líu thái quá vào công việc kinh tế. Họ đã nói một Tổng Bí Thư của Đảng Cộng sản phải không được nhiệt tình như vậy với việc thăm các nước tư bản chủ nghĩa. Và họ đã chế giễu theo tin tức báo chí mà

đã cho rằng ông đã trả lời mấy ngàn bức thư từ những người dân thường và đã thăm nhiều huyện nông thôn trong vài ngày.

Trong thời gian này, Diệu Bang đã không thể làm được bất cứ thứ gì. Hầu hết gợi ý của Diệu Bang tại các cuộc họp Ban Bí thư đã bị các lão thành phản đối và bác bỏ. Công việc của ông với tư cách một lãnh tụ đã trở nên rất khó khăn rồi.

Chẳng bao lâu sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của Ủy ban Trung ương khoá 12, Diệu Bang đã nói với tôi rằng Đồng chí Tiểu Bình đã nói chuyện với ông. Đặng đã nói rằng ông sắp từ chức Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và chức vụ của ông như Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Trung ương. Ông đã muốn Diệu Bang kế vị ông và để cho một người trẻ hơn tiếp quản làm Tổng Bí Thư. Đặng đã nói với Hồ rằng nếu việc này xảy ra, nó sẽ dẫn đến một số lớn sự về hưu giữa các Đảng viên lão thành. Diệu Bang cũng đã nói với tôi rằng ông đã gợi ý tôi cho vị trí Tổng Bí Thư, vì tôi trẻ hơn ông, trong khi những người trẻ hơn nữa chưa sẵn sàng cho vị trí đó.

Vì Đặng đã chẳng bao giờ nói với tôi về liệu ông sẽ về hưu hay không, hoặc Diệu Bang sẽ có những trách nhiệm gì, nên tôi đã không thể bình luận khi đó. Về phần đề xuất tôi cho chức Tổng Bí Thư, tôi đã trả lời Diệu Bang, “Tôi đã nói nhiều lần rằng trong số các lãnh đạo giữa tuổi sáu sáu mươi và bảy mươi, anh là người thích hợp duy nhất. Anh và tôi trong cùng nhóm tuổi; nếu anh về hưu, làm sao tôi có thể là người kế vị? Nếu phải làm thế, thì nó phải để cho ai đó trẻ hơn.”

Tôi cũng đã nói, “Nếu anh nghĩ không có người trẻ hơn nào sẵn sàng, một chỗ trống cũng có thể được xem xét cho chức Tổng Bí thư. Ban Thường Vụ Bộ Chính trị [BTV] và Bộ Chính trị có thể được chủ tọa lần lượt bởi các uỷ viên khác nhau của BTV. Việc này có thể giúp huấn luyện các Đồng chí trẻ hơn.”

Diệu Bang đã nói rằng gợi ý của tôi sẽ được xem xét. Lúc đó, tôi đã nói tình cờ bởi vì nó đã không là một thảo luận chính thức và trong ngữ cảnh ông chỉ chuyển tiếp cho tôi những gì Đặng đã gợi ý và ông đã phản hồi lại như thế nào. Quan trọng hơn, tôi thực ra đã không muốn làm Tổng Bí Thư, mà đã muốn tiếp tục với cương vị Thủ tướng để tiếp

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

tục quản lý cải cách kinh tế. Khi Hồ thuật lại những gì Đặng đã nói, ông đã có vẻ bình thản và không cho thấy dấu hiệu nào về sự bực bội.

Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của Ủy ban Trung ương khóa 12, Đồng chí Diệu Bang đã xuất hiện trong tinh thần rất tốt và sôi nổi về công việc của ông. Ông đã đi thăm Tỉnh Giang Tô, Thượng Hải, và nhiều nơi khác. Ông đã trình bày các bài phát biểu và có sự xuất hiện nổi bật trên báo chí. Tôi đã nghĩ rằng ông đã diễn giải cuộc nói chuyện của Đặng chỉ đơn giản như một đề xuất “làm cho ban lãnh đạo trẻ hơn,” rằng Đặng sẽ về hưu và ông sẽ kế vị Đặng trong chức hiện thời của ông ta để thúc ép một đàn Đảng viên lão thành về hưu. Có thể rằng ông đã diễn giải nó theo cách này mà không để ý rằng thái độ của Đặng đối với ông đã thay đổi căn bản.

Trong tháng Mười Hai 1986, các cuộc biểu tình sinh viên đã nổ ra trong nhiều thành phố. Tại Thượng Hải, chúng đã rất lớn. Đã không chỉ có các cuộc phản kháng đường phố, mà những người biểu tình đã xông vào toà nhà chính quyền thành phố.*

Sự cố này đã làm cho Đặng Tiểu Bình bị sốc. Vào ngày 30 tháng Mười Hai, ông đã gọi Diêu Bang, Vạn Lí, Hồ Khởi Lập, Lí Bằng, Hà Đông Xương [Bộ trưởng Giáo dục], và tôi đến nhà ông để nói về các cuộc phản kháng sinh viên. Ông đã nói, “Các cuộc biểu tình sinh viên xảy ra gần đây đã không xảy ra một cách ngẫu nhiên. Chúng là kết quả của sự kiểm soát lỏng lẻo đối với sự tự do hoá tư sản.” Ông đã kể tên Phương Lệ Chi [nhà vật lý thiên văn bất đồng chính kiến] và Vương Nhược Vọng [nhà văn khai phóng], sau đó đã khiển trách Diêu Bang vì đã bỏ qua việc đuổi Vương Nhược Vọng khỏi Đảng. Ông đã yêu cầu ông ta {Diêu Bang} làm thế từ lâu, vì sao nó không được làm? Về các cuộc biểu tình, ông đã đề xuất các biện pháp kiên quyết để dập tắt chúng, cho dù việc đó có nghĩa là việc dùng đến các phương tiện chuyên chế.

Đặng thực ra đã đang đổ mọi trách nhiệm về các cuộc biểu tình sinh viên cho Diêu Bang. Sự bùng nổ xúc cảm đã tiết lộ sự rạn nứt ngày càng sâu giữa ông và Hồ về vấn đề tự do hoá. Bản chép lại của bài phát biểu của Đặng đã ngay lập tức được in ra và được phổ biến cho các mức hành chính khác nhau, như thế nhiều người đã biết về nó.

Vào ngày 4 tháng Giêng {1987}, tôi đã nhận được một thông báo gọi tôi đến nhà Đặng cho một cuộc họp. Khi tôi đến khoảng 10 giờ sáng, Trần Vân, Vạn Lí, Dương Thượng Côn, Bạc Nhất Ba, Vương Chấn, và Bành Chân đã ở đó rồi. Sau khi mọi người đã đến, Đặng lôi ra một bức thư để cho chúng tôi xem.

Đã là thư từ chức của Diêu Bang, được gửi tới Đặng. Ý tưởng chung của bức thư đã là, ông [Hồ Diêu Bang] đã không đủ thận trọng trong sự lãnh đạo của ông, rằng ông đã làm nhiều thứ đại dột về các vấn đề đối nội và quốc tế. Nhưng chủ yếu ông đã nói rằng ông đã yếu trong việc giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và Chiến dịch Chống-Tự do hoá, đã mập mờ trong thái độ của ông, và vì thế

đã gây ra một nạn lũ lụt do hoá và đã trở thành một lá chắn bảo vệ cho một số côn đồ. Vì các sai lầm ông phạm phải đã nghiêm trọng, ông xin phép được từ chức nhằm để xét lại những suy nghĩ của ông và đưa ra một sự giải thích đúng đắn cho Đảng.

* Một cuộc bầu cử địa phương gây tranh cãi đã kích các cuộc phản kháng sinh viên trong nhiều hơn một tá thành phố trong 1986. Những người biểu tình đã đòi các quyền tự do chính trị lớn hơn, mặc dù các cuộc phản kháng của họ đã dẫn đến việc gạt bỏ nhanh hơn Hồ Diệu Bang người đứng đầu khai phóng của Đảng. Sau khi mọi người trong cuộc họp đã đọc bức thư, Đặng đã nói rằng việc từ chức phải được chấp nhận. Không ai đã bày tỏ sự không đồng ý. Đặng đã nói rằng sau khi Diệu Bang từ chức, Triệu Tử Dương, Bạc Nhất Ba, Dương Thượng Côn, và Vạn Lí phải chịu trách nhiệm về công việc của Ban Thường Vụ Bộ Chính trị cho đến khi Đại hội Đảng thứ Mười ba. Tôi đã gợi ý rằng Hồ Khởi Lập được gồm vào, vì ông là bí thư trực của Ban Bí thư chịu trách nhiệm về công việc hàng ngày. Đặng đã đồng ý.

Đó đã trở thành Nóm-Năm-Người do tôi chịu trách nhiệm, mà đã tiếp quản công việc hàng ngày của Ban Thường Vụ Bộ Chính trị cho đến đại hội Đảng thứ 13. Đặng đã nói rằng các phương pháp mềm có thể được dùng để xử lý vụ Diệu Bang. Tư cách uỷ viên của ông trong Ban Thường Vụ Bộ Chính trị có thể được giữ lại để tối thiểu hoá tác động lên công việc đối nội và quốc tế. Ông cũng đã nói rằng Hội đồng Cố vấn Trung ương có thể triệu tập một cuộc họp sinh hoạt Đảng để tiến hành việc phê bình và chấn chỉnh Diệu Bang, và sau

đó công bố sự từ chức của Diệu Bang tại một cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng hơn là trong một Hội nghị Toàn thể Ủy ban Trung ương.

Lúc đó, tôi đã nghĩ rằng lý do cho việc không tổ chức một Hội nghị Toàn thể đã là để giảm cú sốc và cho phép các biện pháp mềm hơn, hơn là từ chối lo rằng nó có thể không được thông qua. Tất nhiên, biện pháp đã không phù hợp với các quy tắc Đảng thích hợp, nhưng ý định của ông đã là để giải quyết vấn đề trong khi làm giảm tác động. Sau khi Đặng nói, không Đồng chí nào đã cất lên bất kể ý kiến khác nào.

Trần Vân đã tích cực hơn những người khác tại cuộc họp này. Ông đã có vẻ rất chú ý đến các nguyên tắc tổ chức và thủ tục thích hợp. Ông đã sợ sẽ có những lời chỉ trích, cả trong nước và quốc tế, về việc chấp nhận sự từ chức của Tổng Bí thư tại một cuộc họp Bộ Chính trị, như thế ông đã biến nó thành một điểm để công bố rằng nó là hợp pháp và phù hợp với các thủ tục thích hợp.

Bản thân Đặng đã chẳng bao giờ xem vấn đề là nghiêm trọng. Tất nhiên, cách vụ Diệu Bang được xử lý, đặc biệt việc phê bình ông tại cuộc họp sinh hoạt Đảng của Ủy ban Cố vấn Trung ương, đã có gây ra sự chỉ trích trong nước và quốc tế nào đó rằng sự thay đổi lãnh đạo đã dính líu đến những phương tiện bất hợp pháp.

Trong thời gian cuộc họp tại nhà của Đặng Tiểu Bình, Lí Tiên Niệm [Đảng viên lão thành] đã ở Thượng Hải. Sau cuộc họp, Đặng Tiểu Bình ngay lập tức đã phái Dương Thượng Côn đến Thượng Hải để thông báo cho ông và hỏi ý kiến ông. Sau khi Dương Thượng Côn báo cáo tóm tắt cho Lí Tiên Niệm về những gì đã xảy ra, Lí, tất nhiên, đã hết lòng đồng ý với kết cục; nó đã như một giấc mơ trở thành sự thật. Ông đã nói với Dương, “Tôi đã biết từ lâu rằng gã này không tốt!”

Ông cũng đã gợi ý rằng Hồ đã có tài hùng biện và đầy mưu mẹo. Lí đã nói rằng khi Diệm Bang gần đây đã đến Thượng Hải, Lí đã yêu cầu gặp Diệm Bang, người đã có gan để từ chối ông. Lí đã tiếp tục xả sự giận dữ của ông đối với Hồ. Ông cũng đã đồng ý với nước đi để làm cho tôi thành Quyền Tổng Bí Thư, đã nói với Dương Thượng Côn, “Tử Dương đã học quá nhiều thứ nước ngoài. Việc tiếp tục điều này là không thể chấp nhận được. Anh phải nói cho anh ta điều đó.”

Vào 7 tháng Giêng, 1987, Bạc Nhất Ba, Dương Thượng Côn, Vạn Lí, Hồ Khởi Lập, và tôi đã tổ chức cuộc họp Nhóm-Năm-Người đầu tiên của chúng tôi để thảo luận những

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

chi tiết của cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng. Chúng tôi đã quyết định để tiến hành cuộc họp trong giọng càng ôn hoà càng tốt.

Lúc đó, Bành Chân, Bạc Nhất Ba, và các lão thành khác đã muốn tố cáo Hồ về đã cất nhắc một “bè lũ” cán bộ, cái gọi là “Phái Đoàn Thanh Niên.”* tôi đã cảm thấy việc này đã không thích hợp, rằng các hệ quả sẽ nghiêm trọng và dẫn đến một cảm nhận bất an lan rộng, lặp lại hình mẫu ám chỉ người dân theo hội (sự liên đới, association). Sau khi tôi nêu những mối quan ngại của tôi, mọi người đã bày tỏ sự đồng ý, nên chúng tôi đã thống nhất không nêu vấn đề về “Phái Đoàn Thanh Niên” và “bè lũ cán bộ.”

Tối hôm trước cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng, tôi đã đến nhà Diệm Bang để nói với ông cuộc họp sẽ được tiến hành như thế nào. Tôi cũng đã bảo ông cuộc thảo luận đã xảy ra như thế nào tại nhà Đặng

và rằng tư cách uỷ viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị sẽ được giữ lại.

Tôi cũng đã nêu vài câu hỏi. Tôi đã nói, “Đặng đã cho anh mấy thông điệp về vấn đề chống-chủ nghĩa tự do. Vì sao anh đã không xem việc này một cách nghiêm túc? Có phải anh giữ khoảng cách với Đặng một cách cố ý?” Ông đã nói rằng điều đó đã chẳng bao giờ xảy ra với ông.

Tôi cũng đã nói, “Sau khi sự từ chức của anh được công khai, có thể là một số người sẽ gây rắc rối nhân danh việc ủng hộ anh.” Tôi thực sự đã đoán trước rằng những thứ như vậy có thể xảy ra, như thế tôi muốn ông biết về việc này và chuẩn bị cho nó.

Ông đã trả lời rằng ông sẽ kiên quyết bên vực Đảng. Muộn hơn, tại cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng, tôi đã báo cáo lại mọi thứ tôi đã nói trong cuộc trò chuyện này.

Cuộc sinh hoạt Đảng đã được tổ chức vào ngày 10 tháng Giêng dưới danh nghĩa của Uỷ ban Cố vấn Trung ương. Bạc Nhất Ba đã chủ toạ cuộc họp, mà đã xảy ra sáu buổi sáng liên tiếp (kể cả một phiên kéo dài cả ngày). Những người tham gia đã gồm các uỷ viên Ban Thường Vụ của Hội đồng Cố vấn Trung ương, các uỷ viên Bộ Chính trị, các bí thư của Ban Bí thư, các thành viên Quốc Vụ Viện, Phó Chủ tịch của Đảng Uỷ Quốc Hội, phó chủ tịch của Chính Hiệp Nhân dân, những người đứng đầu các vụ khác nhau của Quân Uỷ Trung ương, và các trưởng ban (bộ trưởng) khác nhau dưới Uỷ ban Trung ương. Đặng Tiểu Bình và Trần Vân đã không tham gia. Lí Tiên Niệm đã ở Thượng Hải.

Đặng Lực Quân đã trình bày một bài phát biểu dài phê phán Diệu Bang một cách có hệ thống vì không lưu ý đến các chỉ thị của Đặng Tiểu Bình, và về việc lỏng lẻo về hoặc thậm chí cố vũ cho sự tự do hoá tư sản trong một thời kỳ dài. Các bài phát biểu khác đã

theo hình mẫu truyền thống của Đảng, xem xét các góc cạnh khác nhau từ đó để phê phán Hồ. Vương Hạc Thọ [Bí thư thứ Hai của Ủy ban Kỷ luật Trung ương] đã tiết lộ rằng trong một cuộc gặp mà khi ông đến nhà Hồ để thăm, Diệu Bang đã rất tức và đã phàn nàn rằng một số Đảng viên lão thành đang chuẩn bị tấn công ông. Ý định đã là để tiến hành cuộc họp theo một cách ôn hòa, nhưng khi Vương Hạc Thọ phát biểu, bầu không khí đã trở nên căng thẳng hơn. Chúng tôi ngay lập tức đã cảnh cáo Vương Hạc Thọ không tiếp tục về việc này. May thay, khi ông đang nói, một số Đảng viên lão thành đã không ở đó.

Tuyên bố gây ngạc nhiên nhất tại cuộc họp đã là từ Dư Thu Lí [cựu chiến binh có ảnh hưởng]. Diệu Bang và Dư Thu Lí đã rất mật thiết trong những năm đó. Trong công

* Hồ Diệu Bang đã phục vụ hơn hai mươi năm như bí thư thứ nhất của Liên Đoàn Thành Niên Cộng sản Trung Quốc.

HỒI KÝ TRIỆU TỬ DƯƠNG

việc chuẩn bị cho đại hội Đảng lần thứ 12, Hồ Diệu Bang đã để Dư Thu Lí chịu trách nhiệm về việc sắp xếp lại các vị trí ban lãnh đạo. Khi đó, tôi ở Quốc Vụ Viện và đã không xử lý các vấn đề như vậy. Tôi đã không biết vì sao Dư Thu Lí phải được đặt để chịu trách nhiệm về việc thu xếp sự sắp xếp lại ban lãnh đạo cho đại hội Đảng lần thứ 12, nhưng nó đã cho thấy sự tin cậy của ông [của Hồ] vào Dư Thu Lí. Trong những năm đó, không chỉ Diệu Bang đã thăm các vùng biên giới và kiểm tra binh lính với Dư Thu Lí, nhưng bởi vì Dư

ở trong quân đội và đã là chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, họ cũng đã thăm các nhà máy và các mỏ dầu cùng nhau. Trong các cuộc họp Ban Bí thư, Diệm Bang đã thường hỏi ý kiến của Dư Thu Lí về những vấn đề kinh tế, sau đó đã ca ngợi các ý kiến của ông ta. Có lẽ Hồ đã có rắc rối trong việc nhận được sự ủng hộ về những vấn đề kinh tế; các ý kiến của Dư đã phù hợp với ý của ông, như thế ông đã sử dụng các nhận xét của Dư Thu Lí như một cách để bày tỏ ý kiến của riêng ông, hay để có được sự đồng thuận. Mối quan hệ của họ đã khá thân mật.

Tuy vậy, tại cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng, Dư Thu Lí đã bất ngờ trình bày một bài phát biểu cay nghiệt chống lại Diệm Bang. Ông đã thu thập các nhận xét của Diệm Bang về liệu Đặng và các Đảng viên lão thành sẽ có về hưu, và đã hỏi Diệm Bang trong một giọng buộc tội, “Động cơ của anh đã là gì? Vì sao anh đã nói điều đó?”

Dư Thu Lí như thế đã tiết lộ bản thân ông là một người mà bình thường tỏ ra lương thiện, nhưng vào thời khắc quyết định đã tiến hành việc đâm sau lưng để bảo vệ bản thân mình. Đã là một sự phôi bày kỳ dị về bản chất thật của ông ta. Có lẽ ông đã cảm thấy rằng hai người họ đã có một mối quan hệ mật thiết, như thế nếu Đặng quyết định từ bỏ Diệm Bang và đuổi ông khỏi chức vụ, nếu ông ta [Dư] được xem là gần gũi với Diệm Bang, có lẽ ông ta cũng sẽ bị liên lụy. Như thế ông ta đã muốn tận dụng cơ hội để giải thoát mình.

Vào cuối cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng, Diệm Bang đã trình bày một bài phát biểu tự kiểm điểm, thú nhận đã phạm những sai lầm chính trị nghiêm trọng. Vào cuối bài phát biểu của ông, ông đã cực kỳ xúc động, bật khóc công khai.

Tại cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng, vào ngày 16 tháng Giêng, sự từ chức của Diệm Bang đã được thông qua bằng việc giơ tay. Tôi đã được chỉ định làm Quyền Tổng Bí Thư. Mặc dù tôi đã lặp đi lặp lại trong những dịp khác nhau rằng trong nhóm tuổi giữa sáu mươi và

bảy mươi, Hồ Diệu Bang đã là người duy nhất phù hợp để là Tổng Bí Thư, vào cả ngày 4 tháng Giêng, tại cuộc họp ở nhà Đặng, và tại cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng, tôi đã không phản đối quyết định để chấp nhận sự từ chức của Diệu Bang, mà chỉ đưa ra nhận xét rằng tôi không phù hợp cho chức Quyền Tổng Bí Thư và hy vọng mau chóng sẽ tìm được một người thích hợp hơn. Tôi đã không từ chối.

Các lý do cho việc này đã là, thứ nhất, vấn đề đã được Đặng và các Đảng viên lão thành khác quyết định rồi trong mùa hè 1986. Tuy tôi đã không tham gia vào quyết định, tôi đã nghe về nó, và như tôi đã nhắc tới ở trước, Đặng đã nói với Diệu Bang, và Diệu Bang đã đồng ý—mặc dù ông đã không biết lý do thật Đặng đã sa thải ông khỏi vị trí của ông. Nói cách khác, Hồ rút cuộc sắp từ chức, nó chỉ đã xảy ra vài tháng sớm hơn dự kiến.

Lý do thứ hai là sau khi Đặng đưa ra các chỉ trích của ông về các cuộc biểu tình sinh viên vào 30 tháng Mười Hai 30, Diệu Bang đã không có khả năng để tiếp tục làm việc. Như tôi đã nhắc tới ở trước, sau mùa hè 1986 đã trở nên khó cho Diệu Bang để quản lý

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

công việc của Ủy ban Trung ương. Nhiều Đảng viên lão thành đã không còn để ý đến ông chút nào. Nhiều trong các gợi ý của ông đã không có được sự ủng hộ, nhất là sau khi Đặng đã quy tình trạng náo động sinh viên cho sự tự do hoá tư sản và đã đổ lỗi cho ông ta đã không đuổi người này người nọ ra khỏi Đảng sau khi ông đã yêu cầu ông ta làm thế. Bài phát biểu đã được chép lại và được phổ biến

cho giới các quan chức. Vì đã là khó cho Diệu Bang để lãnh đạo, ông đã chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài từ chức.

Một điểm khác nữa trong vụ Diệu Bang, Hồ Khởi Lập đã cũng bị ảnh hưởng [bởi vì ông đã là một cộng sự thân thiết (không có họ hàng gì) của Hồ Diệu Bang]. Để Hồ Khởi Lập gia nhập Nhóm-Năm-Người sẽ giữ cho ông khỏi bị liên lụy, mà đã là kịch bản tốt nhất trong hoàn cảnh này. Đã là không thể để khiến Khởi Lập kế vị Diệu Bang. Đã là khó để tìm thấy một ứng viên phù hợp khi báo trước gần như vậy. Trong hoàn cảnh này, đã không dễ cũng đã chẳng phù hợp đối với tôi để từ chối chấp nhận vai trò của Quyền Tổng Bí Thư.

Đã có lời đồn đại công khai lên án tôi về việc viết một lá thư cho Đặng Tiểu Bình đưa các cáo buộc chống lại và đưa ra những nhận xét hiểm độc về Diệu Bang. Một số người thậm chí nói rằng tôi đã thúc Đặng Tiểu Bình để kết liễu ông ta. Chẳng hề có chút sự thực nào đối với việc này. Trong năm 1984, tôi đã viết cho Đặng Tiểu Bình một lần về việc hoàn thiện hệ thống lãnh đạo trung ương; tức là, làm thế nào để thực sự thiết lập sự tập trung dân chủ bên trong Ủy ban Trung ương, nhất là bên trong Bộ Chính trị và Ban Thường Vụ của nó. Một bản sao của bức thư đã được gửi cho Đồng chí Trần Vân. Nó chẳng hề liên quan gì đến Diệu Bang cả. Nội dung của bức thư là như sau:

Đồng chí Tiểu Bình:

Tôi chuyển cho ông một bản sao của một gợi ý từ Đồng chí Trần Tuấn Sanh [bí thư Đảng]

của Tỉnh Hắc Long Giang. Xin hãy đọc nó để tham khảo.

Mặc dù gợi ý của ông ta sẽ không nhất thiết giải quyết các vấn đề cơ bản, ông ta có nêu lên một vấn đề cực kỳ quan trọng về làm thế nào để duy trì hoà bình lâu dài và sự quản trị tốt trong nước chúng ta.

Hiện tại, những khía cạnh khác nhau của tình hình đang được cải thiện và có vẻ chắc chắn tiếp tục theo xu hướng này. Tuy vậy, điều này không có nghĩa vấn đề về hoà bình lâu dài và sự quản trị tốt đã được giải quyết căn bản. Việc duy trì sự ổn định của các luật cơ bản của quốc gia chắc chắn là một khía cạnh; tuy vậy, vì chúng ta là một nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tôi lo rằng là không đủ để xem xét vấn đề chỉ từ quan điểm của hiến pháp. Tôi tin rằng căn bản và quan trọng nhất, chúng ta phải giải quyết hệ thống lãnh đạo Đảng. Chỉ bằng việc làm vậy vấn đề mới có thể được giải quyết thực sự.

Với cả ông và Đồng chí Trần Vân vẫn năng động và có sức khoẻ tốt, và với các chính sách lớn và cơ bản đã được viết rồi, các nhiệm vụ khác nhau đã được lái đúng hướng dưới sự hướng dẫn của ông và bởi các quyết định của ông. Thời kỳ hiện tại không nghi ngờ gì là một trong thời kỳ tốt nhất trong lịch sử của Đảng chúng ta. Chính xác vì điều này, tôi chân thành hy vọng rằng ông sẽ đặt nhiều năng lực và sự tập trung vào việc giải quyết vấn đề lớn và quan trọng này mà sẽ tác động đến Đảng chúng ta và nước chúng ta trong các thế hệ tới: tức là, thiết lập một hệ thống rất cần thiết về sự lãnh đạo cho Đảng chúng ta và sau đó đích thân kiểm tra và yêu cầu tuân thủ để biến nó thành một tập quán và văn hoá mà sẽ không thay đổi theo sự thay đổi của các cá nhân, như thế nó sẽ được chuyển tiếp qua các thế hệ.

Xin hãy xem xét gợi ý của tôi. Tôi xin gửi lời chào!

Triệu Tử Dương

Đó là ngày 26 tháng Năm, 1985, trước một cuộc thăm châu Âu.

Đây đã là bức thư duy nhất tôi đã gửi cho Ủy ban Trung ương hay Đặng Tiểu Bình liên quan đến vấn đề về ban lãnh đạo trung ương. Tôi đã viết bức thư và gửi nó cùng gợi ý của Trần Tuấn Sanh.

Lý do cho bức thư đã là, trong những năm ngay sau Bè lũ Bốn tên* bị đập tan, trong khi ban lãnh đạo trung ương đang xem xét lại sự tàn bạo của Cách mạng Văn hoá, chúng ta đã thường thảo luận về làm thế nào để một thảm họa như vậy có thể được ngăn chặn khỏi xảy ra lần nữa. Chúng ta đã thấy một sự cần thiết để giải quyết các vấn đề về hệ thống lãnh đạo của Đảng chúng ta để ngăn chặn sự tập trung quyền lực vào, và việc sử dụng tùy tiện quyền lực của, một cá nhân duy nhất.

Tuy vậy, sau đại hội Đảng lần thứ 12, bởi vì các điều kiện cả trong nước và quốc tế đã tốt và đang được cải thiện, các cuộc thảo luận về các vấn đề này đã co lại. Nhưng mặc dù chúng ta đã tiến hành cải cách—nền kinh tế của chúng ta đã phát triển nhanh, các tiêu chuẩn sống của nhân dân đã được cải thiện, và văn hoá dân chủ của chúng ta đã được củng cố bên trong ban lãnh đạo trung ương—vấn đề về hệ thống lãnh đạo, dù trong Hội nghị Toàn thể, Bộ Chính trị, hay Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, đã không được giải quyết. Chúng đã đều vẫn ít nhiều như cũ.

Như một kết quả, tôi đã cảm thấy là cần thiết để nêu vấn đề lần nữa. Nếu vấn đề không được giải quyết trong khi các điều kiện tương đối tốt, sẽ vẫn là khó để bảo đảm rằng sẽ không có vấn đề nào với các lãnh tụ tương lai.

Bức thư của tôi được viết từ viễn cảnh đó, và đã không nhắc đến bất cứ nhà lãnh đạo cụ thể nào. Tôi đã không cảm thấy đã có bất kỳ vấn đề lớn nào với ban lãnh đạo. Tình hình đã tương đối tốt. Tuy vậy, các điều kiện tốt hiện thời không bảo đảm các điều kiện tốt tương lai, vì vấn đề có tính hệ thống đã không được giải quyết. Tôi đã không nhắc đến bất cứ vấn đề nào trong ban lãnh đạo, tôi cũng đã chẳng hướng vào Diệm Bang hay bất cứ nhà lãnh đạo khác nào.

Bức thư đã không có nghĩa để ám chỉ rằng bởi vì đã có vấn đề với Diệm Bang, mà hệ thống lãnh đạo được nêu ra. Tuy vậy, nó cũng không có nghĩa để ngụ ý điều đó bởi vì Diệm Bang đã tương đối được khai sáng, đã không cần để cải thiện hệ thống lãnh đạo trung ương.

Diệm Bang dễ thương và có đầu óc cởi mở và có khả năng lắng nghe những ý kiến khác. Ông đã rất hào phóng với mọi người và đã không thích đem lại khó khăn cho mọi người. Người ta đã có thể tranh luận với ông và thậm chí cãi cọ với ông. Tôi đã nói nhiều

* Bè lũ Bốn Tên nhắc tới một phái cực tả của Đảng Cộng sản Trung Quốc mà đã kiểm soát các cơ quan quyền lực then chốt trong thời gian Cách mạng Văn hoá.

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

lần, chính bởi vì ông có đầu óc cởi mở do bản chất đã không có nghĩa rằng chúng ta không cần xem xét vấn đề về hệ thống lãnh

đạo. Vì ông đã bảy mươi tuổi rồi, sau khi các Đảng viên lão thành không còn nữa, ai biết ông sẽ có khả năng lãnh đạo lâu đến thế nào?

Trong bài phát biểu của tôi tại các cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng, tôi đã nói rằng chúng ta phải dựa vào một hệ thống, không phải vào các cá nhân, vì người ta có thể thay đổi. Không có một hệ thống tốt, ngay cả các lãnh tụ vĩ đại như Stalin và Mao Chủ tịch đã có những vấn đề. Tôi đã nhắc tới trong bức thư của tôi cho Tiểu Bình mà không giải thích nội dung của bức thư. Hơn nữa, sự phê bình của tôi với Diệu Bang cũng đã đụng đến việc tuân theo các quy tắc tập trung dân chủ và kỷ luật Đảng. Vì thế, là có thể rằng các phê phán của tôi về Diệu Bang đã được diễn giải như cũng đã là nội dung của bức thư. Đây có lẽ là cách lời đồn đại đã lan ra.

Đã có một tin đồn khác nữa, mà đã không phổ biến thế. Tôi đã nghe nó muộn hơn nhiều. Diệu Bang đã thường nói đến vấn đề về các Đảng viên lão thành có lẽ về hưu trước Đại hội Đảng thứ Mười ba. Như thế đã có một tin đồn rằng Đặng Tiểu Bình một lần đã nói trước mặt Diệu Bang và tôi rằng ông sẽ về hưu tại Đại hội Đảng thứ Mười ba. Hồ Diệu Bang đã công khai đáp lại rằng ông sẽ “giơ cả hai tay để tán thành,” còn tôi thì đáp lại, “Ông không thể về hưu, nhất quyết không!” Sự cố này được cho là đã khiến Đặng cảm thấy rằng Diệu Bang đã không tốt. Đây là một câu chuyện hoàn toàn hư cấu.

Trước khi Diệu Bang từ chức, Đặng đã chẳng bao giờ bày tỏ trước mặt tôi, nói chi đến trước mặt Diệu Bang và tôi, liệu ông sẽ về hưu hay không. Lần đầu tiên tôi nghe về việc Đặng nói ông sẽ từ chức khỏi Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Trung ương đã là sau mùa hè 1986, khi Diệu Bang nói với tôi về cuộc nói chuyện của ông với Đặng. Đã không có dịp nào Đặng đã hỏi hai chúng tôi về ý kiến của chúng tôi cả.

Tôi quả thực đã có yêu cầu Đặng giữ vị trí chính thức của ông, yêu cầu ông đừng từ chức khỏi Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Đó đã là trong năm 1987, sau khi Diệm Bang đã từ chức và tôi đã là Quyền Tổng Bí Thư rồi. Vì Đặng sẽ vẫn chịu trách nhiệm, tôi đã thích hơn rằng ông làm vậy từ bên trong Ban Thường Vụ Đảng.

Không có sự kiện nào khác đáng nhắc đến. Tại một cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị trong tháng Ba hay tháng Tư 1983, sự chỉ trích của Đồng chí Trần Văn đối với Diệm Bang đã gây ra một sự rối loạn nhỏ. Mặc dù sự cố này đã chẳng liên quan gì đến sự từ chức của Diệm Bang trong 1987, những tin đồn về sự cố đã lan ra, vài trong số đó dính líu đến tôi.

Tại cuộc họp đó, chương trình nghị sự chính đã là để báo cáo cho Đặng và Ban Thường Vụ Bộ Chính trị về công việc kinh tế. Đặng Tiểu Bình đã cảm thấy khi đó rằng các mức mục tiêu hàng năm đã được đặt quá thấp trong hai năm liên tiếp. Kết quả đã là một sự vượt chỉ tiêu khổng lồ, mà Đặng đã không tán thành. Nhưng các Đồng chí ở Ủy ban Kế hoạch và tôi đều đã cảm thấy rằng sẽ chẳng có lợi chút nào để đặt mục tiêu quá cao. Tốt hơn để có dư địa để vận động. Báo cáo đã muốn giải thích rõ ràng các lý do của chúng tôi.

Diêu Y Lâm và Tống Bình khi đó đã báo cáo nhân danh Ủy ban Kế hoạch. Sau khi họ trình bày báo cáo, tôi đã phát biểu. Ngoài việc đồng ý với đánh giá của họ, tôi đã nói về sự thực rằng đã có một sự giảm lớn về tỷ lệ thu nhập tài chính trên GNP (tổng thu nhập quốc gia). Việc này là bình thường, vì chúng ta đã đang trả nợ. Nhưng nó không thể tiếp tục trong một thời kỳ dài hoặc khác đi tiền của tại mức trung ương sẽ gặp rắc rối.

Sau khi tôi nói xong, chưa có cơ hội để thảo luận những gì tôi đã nói, Đồng chí Trần Văn lôi ra một bài phát biểu đã được chuẩn bị, đặc biệt nêu lên nhiều điểm về vài nhận xét gần đây của Diệm Bang

về những vấn đề kinh tế. Sự chỉ trích đã rất gay gắt. Thí dụ, Diệu Bang đã nói rằng Bộ Tài Chính đã phóng đại thâm hụt hết năm này sang năm khác chỉ để làm người ta hoảng sợ. Trần Văn đã nói rằng kích thước được báo cáo của thâm hụt thực ra đã thật. Ông cũng đã chỉ trích Diệu Bang vì nói rằng Kế hoạch 5 Năm lần thứ Nhất đã quản lý các doanh nghiệp lớn nhưng đã bỏ qua các hãng nhỏ và vừa.

Vì Diệu Bang đã không lường trước việc này, sau bài phát biểu của Trần Văn ông đã không đưa ra sự bác bỏ nào và đã chỉ đáp lại rằng ông đã phạm nhiều sai lầm và sẽ xem xét chúng cẩn thận. Đã có vẻ rằng Trần Văn đã xả sự tức giận đã tích tụ trong thời kỳ dài, lên Diệu Bang.

Đồng chí Tiểu Bình đã không muốn phê phán Diệu Bang trong loại môi trường này và đã không muốn tranh luận vấn đề. Ông đã có vẻ không hài lòng. Ông đã nói rằng việc thảo luận các thứ như vậy có thể được để sang lúc khác, và rằng chúng ta ở đây chủ yếu để nghe báo cáo. Bởi vì việc này, sự thảo luận đã không tiếp tục.

Đã là khó cho những người khác để nêu ý kiến của họ sau khi Đồng chí Trần Văn trình bày bài phát biểu của ông. Hồ Kiều Mộc, tuy vậy, đã đứng lên và nói. Ông đã nói rằng những nhận xét do Diệu Bang đưa ra và bị Đồng chí Trần Văn phê phán đã lan rộng và đã gây ra những sự gián đoạn to lớn đối với các chính sách kinh tế. Ông đã gợi ý triệu tập một cuộc họp ở các mức tỉnh và thành phố trực thuộc để thông báo cho họ về sự chỉ trích của Trần Văn. Lúc đó, Đặng Tiểu Bình đã không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc nói rằng, “Rất tốt, vì sao các anh không thảo luận việc này muộn hơn.”

Một hay hai ngày sai, Hồ Khởi Lập đột ngột xuất hiện tại nhà tôi và nói cho tôi cái gì đã xảy ra. Không nói cho bất kỳ ai, Đặng Lực Quân đã phổ biến rồi bài chỉ trích của Trần Văn tại Ban Thường Vụ

Bộ Chính trị đối với Diệu Bang trong một hội nghị toàn quốc do Tân Hoa Xã tổ chức. Hồ Khởi Lập và tôi cảm thấy rằng hành động này đã thực sự có hại. Việc này đã có thể gây ra sự nhầm lẫn trên toàn quốc.

Vì đã là khó cho Diệu Bang để nói bất cứ gì, tôi đã phải can thiệp. Tôi đã gọi Đặng Lực Quân, phê phán ông ta vì làm việc sai, và yêu cầu ông ta bắt Tân Hoa Xã rút lại bài phát biểu của ông và không phân phát hay phổ biến nó. Đó là cái đã xảy ra.

Sau đó tôi đã đi Thiên Tân. Sau khi tôi trở về, Diệu Bang đến nhà tôi và nói Đặng Tiểu Bình đã xem xét lại kiến nghị cho các cuộc họp mức tỉnh và thành phố và đã quyết định chúng sẽ không được tổ chức. Tôi phỏng đoán rằng Tiểu Bình đã tin nếu giả như cuộc họp xảy ra, thì tác động sẽ còn lớn hơn.

Đồng thời, Diệu Bang đã nói rằng đã có những tin đồn về những thay đổi trong ban lãnh đạo trung ương. Tôi đã tự hỏi liệu Diệu Bang đã có quá nhạy cảm hay không. Tôi đã bảo ông, “Anh không được nghe những tin đồn đó. Trong chừng mực tôi có thể thấy, Đồng chí Trần Vân đã chỉ muốn xả một chút tức giận mà ông đã tích tụ trong tất cả những năm này về một số thứ anh đã nói. Sau sự bùng nổ, nó sẽ kết thúc. Ngoài ra, anh không nên suy đoán quá nhiều về nó. Bây giờ chúng ta ở trên cùng con thuyền, chúng ta phải

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

qua sông cùng nhau. Tôi không tin Hồ Kiêu Mộc và Đặng Lực Quân có bất cứ tham vọng nào khác.”

Đó là những gì tôi đã nghĩ lúc đó. Tôi đã nói, “Họ là các trí thức. Về phần Trần Vân, ông còn có ít khả năng hơn để có những tham vọng. Chúng ta phải bám vào nhau và không lo quá nhiều.”

Diệu Bang đã đồng ý với những gì tôi đã nói. Muộn hơn, tôi đã gặp Hồ Khởi Lập, người đã lập tức nói với tôi rằng sau khi nói chuyện với tôi, Diệu Bang đã vui vẻ, và đã nói với ông, “Những gì Tử Dương nói đã rất tốt. Cái chúng ta phải làm bây giờ là qua sông cùng nhau trên cùng chiếc thuyền.”

Đó là những gì đã xảy ra. Có lẽ đã có những tin đồn trong công chúng rằng người ta đã chỉ trích Diệu Bang tại cuộc họp Ban Thường Vụ Bộ Chính trị. Thực tế đã không giống thế. Trần Vân đã là người duy nhất đọc một bài phát biểu, và bởi vì nó đã hướng tới Diệu Bang, không ai đã có khả năng để bình luận theo cách này hay cách khác. Ban đầu, cả tôi nữa cũng đã có một số bảo lưu về Diệu Bang về các nỗ lực kinh tế và cũng đã có ý kiến phê phán về cách ông đi quanh đưa ra những nhận xét không cẩn thận. Tuy vậy, rồi đã không nghĩ là thích hợp để nêu các vấn đề như vậy trong hoàn cảnh này, như vậy tôi đã không nói gì.

Vài ngày sau, Đặng Tiểu Bình đã yêu cầu Diêu Y Lâm và tôi đến để nói chuyện. Đặng đã nói rằng ban đầu đã dự định một cuộc họp về Diệu Bang. Nhưng sau khi xem xét tác động có thể có, cuộc họp đã bị huỷ. Ông đã nói rằng Diệu Bang có nhiều thiếu sót cá nhân nhưng vẫn cần được ủng hộ.

Tôi ngay lập tức đồng ý. Tiểu Bình sau đó đã phê phán Diêu Y Lâm, bởi vì trước sự cố này, Diêu Y Lâm và Tống Bình đã viết một bức thư gửi Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và Đặng Tiểu Bình trong đó họ tố cáo Diệu Bang đưa ra những nhận xét không cẩn thận mà không phù hợp với tin thần của đại hội Đảng lần thứ 12. Như một kết quả, Ủy ban Kế hoạch đã có khó khăn trong thực hiện công việc của nó.

Đặng đã buộc tội Diêu Y Lâm, “Anh đã xả cơn giận của anh trong bức thư!” Diêu Y Lâm đáp lại ngay, “Vâng, tôi đã.”

2. Triệu Đi dây

Với tư cách Tổng Bí thư mới của Đảng, Triệu đối mặt với một thách thức gây nản lòng: chỉ đạo chiến dịch của Đặng Tiểu Bình chống lại “sự tự do hoá tư sản” mà không hát các cải cách kinh tế khởi tiến trình. Triệu cố ý nghĩ ra biệt ngữ rồi rầm để mô tả các chính sách của ông vì bây giờ ông có trách nhiệm dẫn đầu một chiến dịch mà ông có mọi ý định để phá vỡ. Không rõ liệu Đặng có biết chiến thuật của Triệu hay không. Điều hiển nhiên là, Triệu có thể làm chính trị với những người giỏi nhất trong số họ.



Trong những năm 1980, cải cách của chúng ta đã ở trong một giai đoạn khó khăn của việc đặt những nền móng cơ bản của nó. Các sự kiện của giai đoạn đó đã có một tác động quan trọng lên quá trình hiện đại hoá và phát triển và đáng ghi nhớ. Ở đây tôi sẽ kể lại chi tiết vài trong các sự kiện đó, những thứ linh tinh. Nếu bao giờ tôi có cơ hội, tôi sẽ muốn kể lại nhiều hơn.

Đầu tiên, tôi sẽ nói về Chiến dịch Chống-Tự do hoá* mà đã xảy ra sau khi Diệu Bang từ chức trong năm 1987.

Vào ngày 4 tháng Giêng, 1987, Đặng Tiểu Bình đã triệu tập một cuộc họp tại nhà ông và quyết định được đưa ra để chấp nhận sự từ chức của Diệu Bang. Từ 10 đến 15 tháng Giêng, một cuộc sinh hoạt Đảng, được Ủy ban Cố vấn Trung ương thực hiện và được Bạc Nhất Ba chủ tọa, đã được tổ chức cho mục đích phê phán Hồ Diệu Bang. Vào ngày 16 tháng Giêng, một cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng được tổ chức để công bố việc chấp nhận sự từ chức của Diệu Bang. Rồi sau đó, một Chiến dịch Chống-Tự do hoá trên toàn quốc đã được khởi động.

Chiến dịch bao quát rộng đã bắt đầu với một sự nhấn mạnh lại về Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và đã tiến hoá thành một phong trào Chống-Tự do hoá và Chống-các Xu hướng cánh Hữu. Nó đã chấm dứt với Đại hội Đảng thứ Mười ba [vào cuối 1987], mà đã nhấn mạnh cải cách và chống lại “sự hoá xương” và các xu hướng cánh tả. Qua năm này, bầu không khí chính trị đã đảo ngược hoàn toàn 180-độ. Tất nhiên, con đường thực sự đi qua đã là một con đường quanh co khúc khuỷu.

Các hoạt động của tôi trong năm 1987 đại thể có thể được chia thành hai pha chính. Từ tháng Giêng đến tháng Tư, khi tôi đã vừa kế vị Diệu Bang với tư cách Tổng Bí Thư, tôi đã nhận làm nhiệm vụ được phân công về tiến hành Chiến dịch Chống-Tự do hoá toàn quốc. Hầu hết năng lực và sự tập trung của tôi đã tập trung vào việc nghĩ ra cách làm thế nào để ngăn ngừa chiến dịch vượt quá xa, để kiểm soát và hạn chế “cánh tả” những người đã hy vọng sử dụng chiến dịch để phản đối cải cách. Cuộc đấu tranh “cánh tả” này về cơ bản đã đổi lại các nguyên tắc được đưa ra trong Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba [trong năm

1978].

* Cũng được biết đến như “Chiến dịch Chống-Tự do hoá Tư sản.”

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

Pha thứ hai đã từ tháng Năm cho đến sự bắt đầu của đại hội Đảng thứ 13 [trong tháng Mười]. Trong thời kỳ này, tôi đã nhấn mạnh lại cải cách, đã thử để ngăn chặn một sự quay ngoắt sang tả, và đã chống tư duy bị hoá xương—tất cả với sự chuẩn bị của Đại hội Đảng thứ Mười Ba trong tâm trí.

Chiến dịch Tẩy sạch Ô nhiễm Tinh thần của năm 1983 đã dạy chúng ta rằng những người như Đặng Lực Quân và Hồ Kiều Mộc [các nhà lý luận bảo thủ] phải bị ngăn chặn khỏi việc nắm lấy những cơ hội để khởi động các chiến dịch quá hăng hái. Từ lúc bắt đầu, tôi đã đưa ra những quy định nghiêm ngặt về bản chất, quy mô, các điểm then chốt, các chính sách, và các phương pháp của chiến dịch. Trong việc soạn thảo văn kiện “Thông cáo của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Đối với Vài Vấn đề trong Chiến dịch Chống-Tự do hoá Hiện thời,” mà tôi đã giám sát, tôi đã xác định chiến dịch được tập trung vào việc giải quyết các vấn đề của các nguyên tắc chính trị cơ bản và hướng chính sách. Chiến dịch này được áp dụng chỉ bên trong Đảng và bên trong lĩnh vực siêu hình và chính trị học. Nó không được đụng đến các chính sách nông thôn, hay khoa học và công nghệ. Nó cũng không có bất kể sự liên quan nào đến các vấn đề văn học hay phong cách nghệ thuật. Chiến dịch này sẽ không được tiến hành ở vùng quê, và chỉ các hoạt động giáo dục tích cực được tiến hành trong các doanh nghiệp và các tổ chức chính phủ. Và ngay cả bên trong các đấu trường siêu hình và chính trị, chiến dịch được hạn chế ở các hoạt động giáo dục về định hướng và các nguyên tắc chính trị. Chiến dịch Chống- Tự do hoá phải được tiến hành phù hợp với các nguyên tắc của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba, và không phương pháp tả khuynh cũ nào được cho phép.

Bởi vì Lễ hội Xuân 1987 đã rơi vào ngày 29 tháng Giêng, thông báo do Ủy ban Trung ương đưa ra phải được thông qua bởi cuộc

họp Bộ Chính trị dự định vào chiều 28 tháng Giêng. Vì thế đã là không thể để phổ biến trước Lễ hội Xuân. Thế nhưng tập quán thăm viếng bạn bè và họ hàng trong thời gian Lễ hội Xuân sẽ là cách hữu hiệu nhất để lan truyền tin tức.

Để cho người ta biết về các quy tắc liên quan đến chiến dịch, tôi đã trình bày một bài phát biểu tại một cuộc họp ngày 28 tháng Giêng ở Bắc Kinh của các cán bộ cấp cao từ Ủy ban Trung ương, các cơ quan quản lý khác nhau của Đảng, chính phủ, và quân đội. Bài phát biểu đã nhận diện quy mô, chính sách, các vấn đề then chốt, và các phương pháp cho chiến dịch, phác họa cách tiếp cận của Ủy ban Trung ương sao cho tin tức có thể được lan truyền qua các hoạt động Lễ hội Xuân.

Tôi đã tuyên bố rõ ràng rằng “Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba đã quyết định rằng sẽ không có chiến dịch quần chúng nào nữa. Tuy vậy, người ta vẫn quen với những cách cũ, như vậy bất cứ khi nào chúng ta phản đối bất cứ thứ gì, các phương pháp này đã vẫn được sử dụng. Bây giờ, trong cách tiếp cận của chúng ta để đánh bại chủ nghĩa tự do, để tránh các phương pháp chiến dịch quần chúng này là rất quan trọng từ lúc bắt đầu để cảnh giác với các xu hướng thiên lệch có thể, nhất là các xu hướng ‘tả khuynh’. Chúng ta không thể làm những gì chúng ta đã làm trong quá khứ, đặt sự nhấn mạnh chỉ lên cách tiến hành liêu lĩnh và kiên quyết trong khi bỏ qua tất cả các chính sách và các giới hạn. Kết quả của việc đó sẽ là những sai lầm phạm phải từ đầu và một sự vượt quá mà rốt cuộc sẽ chỉ đòi hỏi sự sửa chữa. Lần này chúng ta sẽ theo cách tiếp cận khác biệt với các chiến dịch quần chúng quá khứ. Từ lúc bắt đầu chúng ta sẽ xác định rõ ràng cái gì có thể và không thể và tuyên bố rõ ràng các giới hạn là những gì. Đó là cách để tránh một chiến dịch quần chúng nữa.” (Lúc đó, đã đã bắt đầu rồi, và chúng tôi đã không thể ngừng chiến dịch hoàn toàn.)

Bài phát biểu của tôi và “Thông báo Về Chiến dịch Chống-Tự do hoá” của Ủy ban Trung ương đã bị chế nhạo như các xiềng xích bởi những người mà đã hy vọng một chiến dịch bùng nổ, như Đặng Lực Quân, Hồ Kiều Mộc, và Vương Nhấn Chi. Họ đã cảm thấy rằng thông báo này [được biết đến phổ biến như Văn kiện Số Bốn] đã trói tay và chân họ và đã bảo vệ các nhà khai phóng tư sản. Họ đã phản đối văn kiện, nhưng bởi vì nó đã xác định quy mô, các điểm then chốt, và chính sách ngay từ đầu, chiến dịch đã kết thúc làm hại ít người. Đã không có cú sốc toàn quốc nào, không sự gián đoạn nào đối với nền kinh tế, và không thiệt hại lớn nào cho cải cách. Kết quả tổng thể đã khá tốt.

Trong thời kỳ này, bất cứ khi nào tôi tiếp khách nước ngoài hay phát biểu công khai, tôi đã lặp đi lặp lại xác nhận rằng các nguyên tắc được đưa ra trong Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba sẽ không bị thay đổi. (Đã có những nghi ngờ ở trong nước và nước ngoài, bởi vì khi người ta nghe “chống-tự do hoá” họ đã nghĩ nó có nghĩa là sự cắt bớt trong cải cách.) Tôi đã nhấn mạnh rằng các cải cách sẽ không lùi lại, mà đúng hơn sẽ chỉ cải thiện. Tôi đã lặp đi lặp lại rằng các chính sách đô thị và nông thôn hiện thời sẽ không thay đổi; cách tiếp cận tổng thể đối với cải cách sẽ không thay đổi; chính sách mở cửa ra thế giới bên ngoài sẽ không thay đổi; xu thế để tiếp sinh lực cho nền kinh tế trong nước sẽ không thay đổi; và chính sách nhân tài thưởng sự hiểu biết và công trạng cá nhân sẽ không thay đổi. Hơn nữa, chúng ta sẽ thử để dựa vào những cố gắng này.

Trong sự đáp lại cho những người mà đã lo về chiến dịch lan sang Hong Kong, tôi đã nói với một số khách Hong Kong rằng đại lục đã buộc phải giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và chống lại chủ nghĩa tự do trong việc theo đuổi của nó về chủ nghĩa xã hội, ý nghĩa của “Một Nước, Hai Hệ thống”* đã cho phép hệ thống tư bản chủ nghĩa tiếp tục ở Hong Kong và Macau, và để cho phép chủ nghĩa tự

do ở đó. Làm sao chúng tôi có thể thực hiện Chiến dịch Chống-Tự do hoá ở Hong Kong hay Macau được?

Ý tưởng chính tôi đưa ra đã là thế này: “Có hai điểm cơ bản đối với các nguyên tắc của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba. Một là giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu, và điểm cơ bản khác là Chính sách Cải cách và Mở-Cửa. Chúng ta không thể bỏ qua mỗi trong hai điểm cơ bản. Bỏ bất kể một trong hai điểm cơ bản sẽ dẫn đến thất bại của ‘chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng Trung Quốc.’ Trong một giai đoạn sớm hơn, chúng tôi đã sao lãng Bốn Nguyên tắc Cốt yếu, nên bây giờ chúng tôi nhấn mạnh lại nó. Tuy vậy, nếu chúng tôi từ bỏ Chính sách Cải cách và Mở-Cửa, chúng tôi sẽ xoay sang hướng sai khác.”

Tôi đã hy vọng đầu tiên để làm nhẹ bớt các nghi ngờ người ta đang có, và thứ hai để ngăn chặn bất cứ ai khỏi việc nhấn mạnh Bốn Nguyên tắc Cốt yếu trong khi chống lại cải cách. Chiến dịch Chống-Tự do hoá đã gây ra sự hiểu lầm to lớn bởi vì người ta đã không hiểu ý nghĩa thật của các nguyên tắc của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba. Một số người đã tin rằng nó chỉ ủng hộ cải cách, như thế khi Chiến dịch Chống-Tự do hoá được đề xuất, nó đã có vẻ tạo thành một sự thay đổi trong chính sách. Tôi đã làm rõ rằng các nguyên tắc của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba đã gồm hai điểm cơ bản. Các bài nói chuyện này đã có tác động làm yên lòng công chúng và đã hết sức giảm phạm vi của các hành động mà

* Một Nước, Hai Hệ thống là công thức mô tả làm thế nào Hong Kong và Macau có thể là phần trung thành của Trung

Quốc bất chấp các hệ thống xã hội, kinh tế và chính trị hoàn toàn khác của chúng.

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

đã thả phe tả chống lại phe hữu và đã đặt phe chống-tự do hoá chống lại phe cải cách. Các lực lượng đảng sau tư duy cứng nhắc và chủ nghĩa giáo điều, do Đặng Lực Quân, Hồ Kiều Mộc, và Vương Nhấn Chi dẫn đầu, đã hết sức bực mình với chiến lược của tôi. Họ đã thử gây ảnh hưởng công luận và gây áp lực theo mọi cách có thể để làm gián đoạn và thay đổi cách của Ủy ban Trung ương về việc triển khai Chiến dịch Chống-Tự do hoá.

Từ lúc bắt đầu, khi Vương Nhấn Chi đã kế vị Chu Hậu Trạch với tư cách Trưởng Ban Tuyên truyền, tôi đã bảo ông ta hãy nhớ rằng có hai điểm cơ bản và đừng có bỏ qua điểm kia khi thực hiện Chiến dịch Chống-Tự do hoá. Tôi cũng đã bảo ông ta rằng khi thực hiện công việc của mình, ông phải nghĩ cho bản thân ông—ý nói rằng ông không được chỉ tuân theo [cựu Trưởng Ban Tuyên truyền] Đặng Lực Quân—và phải tôn trọng các chính sách của Ủy ban Trung ương.

Tuy vậy, trong một cuộc họp của những người đứng đầu các ban tuyên truyền cấp tỉnh và thành phố, Vương Nhấn Chi đã nói, “Chiến dịch Chống-Tự do hoá đánh dấu ‘việc khôi phục trật tự từ sự hỗn loạn’ lần thứ hai kể từ sự sụp đổ của Bè lũ Bốn tên.” Ý nghĩa của ông đã rõ, rằng trường hợp thứ nhất đã gồm việc khôi phục lại trật tự sau sự hỗn loạn cánh tả do Bè lũ Bốn tên gây ra; lần này, trật tự được khôi phục từ Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba và cải cách. Khi việc này được báo cáo cho tôi, tôi đã quở trách Vương Nhấn Chi và hỏi ông ta nếu Đặng Lực Quân đã yêu cầu ông ta nói thứ như vậy,

nhưng ông đã từ chối trả lời trực tiếp, chỉ thú nhận rằng ông đã bày tỏ “những suy nghĩ còn non.” Tôi đã chẳng bao giờ có ấn tượng xấu về Vương trước đó. Khi ông ở Ủy ban Kế hoạch hoá Kinh tế, ông đã là một người tử tế và trung thực trong nghiên cứu kinh tế của ông, như thế tôi đã có những hy vọng rằng ông giữ khoảng cách nào đó với Đặng Lực Quần. Vì thế, tôi chỉ phê phán ông ta bằng lời và đã không theo đuổi thêm. Tôi cũng đã không tiết lộ cho công chúng những gì ông ta đã nói hoặc tôi đã phê phán ông ta ra sao, hy vọng cho ông ta một cơ hội khác.

Vào khoảng hè 1987, Vương Thụy Lâm [thư ký của Đặng Tiểu Bình] đã chuyển cho tôi một bức thư từ Vương Đại Minh [cựu Phó ban Tuyên truyền]. Nó đã cho rằng một số cục trưởng trong Ban Tuyên truyền, khi nghe tuyên bố của Đặng Tiểu Bình rằng chương trình nghị sự chính trong tương lai gần là chống Phái tả, đã phản ứng với những nhận xét xúc cảm không thích hợp, như “Chúng ta phải kiên trì và kháng cự!” và “Vẫn chưa ai biết ai sẽ thắng!”

Vào ngày 11 tháng Bảy, khi Hồ Khởi Lập đã tiếp quản mặt trận tuyên truyền, tôi đã triệu tập các Đồng chí từ mặt trận đến một buổi thông báo chính sách mà cũng đã là một cuộc họp chuyển tiếp công việc. Tại cuộc họp, tôi đã phê phán gay gắt Vương Nhấn Chi và Vương Duy Trường [một Phó Trưởng Ban Tuyên truyền], theo những gì được báo cáo trong bức thư này.

Tôi đã nói rằng Ban Tuyên truyền đã ở trong một trạng thái xấu. “Ngay khi các anh nghe rằng Đặng Tiểu Bình đang chống Phái tả, các anh đều phản ứng cứ như trời đã sụp, và có vẻ âu sầu cứ như cha mẹ các anh vừa mất. Làm sao các anh có thể thực hiện các chính sách của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba một cách đúng đắn với thái độ loại này?” Tôi đã đòi hỏi rằng họ đưa ra những thay đổi thật sự đối với lập trường của Ban Tuyên truyền, nhưng họ đã bày tỏ không sự hối hận nào, và đã chỉ lảng tránh vấn đề bằng việc chối

bất cứ tin tức nào về nó. Trong tháng Ba 1987, một hội nghị đã được tổ chức ở Huyện {Triệu} Châu, Tỉnh Hà Bắc, cho một thảo luận về lý luận. Tham dự đã có ba tổ chức dưới sự kiểm soát của cánh tả, do Đặng Lực Quân và Hồ Kiều Mộc lãnh đạo: các tạp chí *Hồng Kỳ* và *Lý luận và Phê bình Văn học và Nghệ thuật* và tờ báo *Quang minh Nhật báo*. Hùng Phúc [giám đốc Tân Hoa Xã] và những người khác giữ lập trường để “khôi phục trật tự” từ “sự hỗn loạn” của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11, đã than phiền rằng tám năm kể từ Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba đã là một cơn ác mộng. Trong những năm đó, các nhà Marxist đã ở dưới áp lực và một cuộc đấu tranh dữ dội đã được tiến hành giữa những người chống-khai phóng và những người khai phóng.

Mọi người đều biết Hùng Phúc đã là người soạn chính của “Hai Phàm Là.”* Ông đã vẽ chân dung những người giống ông như những anh hùng chống-chủ nghĩa tự do và đã phủ nhận rằng bất cứ thứ gì tích cực đã xảy ra trong tám năm kể từ Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba. Hùng Phúc đã bị một số cán bộ phê phán tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba. Mặc dù Đặng Lực Quân đã phản đối “Hai Phàm Là,” cách tư duy của ông đã có nhiều điểm chung với cách của Hùng, cho nên Đặng Lực Quân đã kết bạn với ông và đã giao cho ông những trách nhiệm quan trọng.

Lúc đó, Đặng Lực Quân, Hồ Kiều Mộc, Vương Nhấn Chi, và những người khác bị họ ảnh hưởng đã chỉ trích Văn kiện số Bốn của Ủy ban Trung ương, mà họ đã nói “trói chân trói tay của Chiến dịch Chống-Tự do hoá và đã bóp nghẹt tinh thần chiến đấu của các nhà hoạt động trong khi làm tăng những lo ngại của những người chống đối chủ nghĩa tự do.” Họ cũng đã nói những hạn chế được phác hoạ trong Văn kiện số Bốn đã khuyến khích những người dính líu đến tự do hoá. Một số người thậm chí đã kêu ca rằng Văn kiện số Bốn đã “giội nước lạnh” lên Chiến dịch Chống-Tự do hoá. Chiến dịch

Chống—Ô nhiễm Tinh thần sớm hơn đã chỉ kéo dài hai mươi bảy ngày; chiến dịch này, những người này đã nói, thậm chí sẽ không kéo dài đến thế.

Mục tiêu của họ đã là để gây áp lực lên tôi để xét lại cách tiếp cận và để cho họ tiến hành mà không có những giới hạn. Họ cũng đã phàn nàn rằng “việc chỉ trích những người nói về tự do hoá là được phép; việc chỉ trích những người thực sự tiến hành tự do hoá là không được phép.” Họ đã gắn nhãn những người khai phóng trong lĩnh vực tư tưởng và lý luận như “nói về chủ nghĩa tự do” và những người thực hiện cải cách kinh tế như “tiến hành chủ nghĩa tự do.” Họ đã nói, “Chủ nghĩa tự do trong ý thức hệ và lý luận bao hàm thượng tầng kiến trúc, và tự do hoá trong lĩnh vực kinh tế bao hàm {hạ tầng} cơ sở tức là nguồn của nó. Nếu chúng ta không thể đụng đến tự do hoá trong lĩnh vực kinh tế, thì vấn đề cơ bản không thể được giải quyết.”

Họ đã tích cực thử vi phạm các ranh giới do Văn kiện số Bốn đặt ra và đã thử mở rộng Chiến dịch Chống-Tự do hoá sang lĩnh vực các chính sách kinh tế, nông nghiệp, và khoa học và công nghệ. Họ đã thử chỉ trích và trả đũa chống lại cải cách trên tất cả các mặt trận.

Trong Năm Mới và các hoạt động Lễ Hội Xuân và trong những cuộc nói chuyện với các khách nước ngoài, tôi đã đề xuất ý tưởng về “hai điểm cơ bản” của các nguyên tắc của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba. Không bao lâu ai đó đã gợi ý rằng “hai điểm cơ bản”

* Hai Phàm Là đã là một triết lý cánh tả, được công bố đầu tiên trong các bài xã luận trong năm 1977, mà những người theo nó đã

thề giữ vững bất kể quyết định nào Mao đã đưa ra và theo bất cứ chỉ thị nào Mao đã đưa ra.

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

không thể được xem xét trên cùng mức: Bốn Nguyên tắc Cốt yếu đã là các nguyên tắc;

cải cách đã chỉ là phương tiện.

Người mà đã đề xuất điều này là Lô Chi Siêu, cục trưởng cánh tả tại Cục Lý luận của Ban Tuyên truyền. Đặng Lực Quân đã đồng ý với ông ta và đã nhiều dịp đề xuất cất nhắc ông ta làm Phó Trưởng Ban Tuyên truyền. Nhưng vì tôi đã luôn luôn phản đối việc đó, ông ta đã chẳng bao giờ lên vị trí này. Muộn hơn tôi đã khẳng khẳng về việc ông rời Ban Tuyên truyền. [Trưởng Ban Tổ chức] Tống Bình đã thảo luận việc đó với Đặng Lực Quân, và họ đã để ông vào chức phó Tổng Thư ký của Chính Hiệp Nhân dân.

Những người cánh tả đã tổ chức một hội nghị cho việc thảo luận lý luận nhờ người đứng đầu khoa giáo dục của Trường Đảng trung ương, Giang Lưu. Chương trình nghị sự đã là để thảo luận vấn đề “nguyên tắc đối lại (versus) phương tiện” liên quan đến Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và Chính sách Cải cách và Mở-Cửa. Thảo luận đã có ý định để chỉ ra rằng tôi đã làm cho hai ý tưởng ngang hàng—hay đã hạ cấp nguyên tắc bằng việc nhấn mạnh phương tiện. Họ đã hy vọng để hạ cấp cải cách nhân danh giữ vững Bốn Nguyên tắc. Khi tôi nghe về sự kiện, tôi đã yêu cầu hiệu trưởng Trường Đảng trung ương để điều tra. Khi hội nghị được tổ chức, Giang Lưu đã tìm được một lý do biện bạch để không tham gia. Nó đã chẳng có kết quả gì.

Đối mặt với sự kháng cự như vậy từ cánh tả, tôi đã nói tại cuộc họp toàn quốc của các lãnh đạo Ban Tuyên truyền của các tỉnh và địa phương vào ngày 13 tháng Ba, 1987, và đã tuyên bố rằng chúng ta phải thống nhất hơn nữa quan điểm của chúng ta về Văn kiện số Bốn của Ủy ban Trung ương và phải thực hiện tinh thần của nó một cách đầy đủ, cẩn thận, và chính xác. Tôi đã phê phán các tuyên bố mà đã cho Văn kiện số Bốn là hạn chế, và đã nói thẳng chống lại những cố gắng để mở rộng Chiến dịch Chống-Tự do hoá vào lĩnh vực kinh tế.

Vì việc tính thời gian đã vẫn chưa đúng, phê phán của tôi về tư duy sai như vậy đã vẫn mơ hồ và hiền hậu. Tôi đã nghĩ lúc đó rằng nhằm để xoay chuyển tình hình, tôi sẽ phải tìm cơ hội đúng để đánh lại một cách mạnh mẽ. Tôi đã cần kháng cự các lực lượng này để kiềm chế Chiến dịch Chống-Tự do hoá.

Một vấn đề khác đã là làm thế nào để xử lý những người dính líu vào tất cả việc này. Chiến dịch Chống-Tự do hoá đã không chỉ là một vấn đề lý luận. Những mối đau đầu lớn nhất của tôi đến từ những vấn đề về liệu có trừng trị người hay không, làm thế nào để giảm thiệt hại gây ra cho dân, và làm sao để kiềm chế giới của những người bị hại. Từ lúc bắt đầu chiến dịch, một số Đảng viên lão thành đã cũng nhiệt tình và đã muốn trừng trị nhiều người. Đặng Tiểu Bình đã luôn luôn tin rằng những người tiến hành tự do hoá bên trong Đảng phải bị trừng trị nghiêm khắc. Vương Chấn và các lão thành khác cũng đã tin điều này. Những người như Đặng Lực Quần và Hồ Kiều Mộc thậm chí đã còn háo hức hơn để chớp cơ hội để tiêu diệt những người nhất định và thích thú với hậu quả.

Trong những hoàn cảnh này, đã là khó để bảo vệ những người nào đó, hay hạn chế số người bị tổn thương hoặc thậm chí để giảm mức độ của sự thiệt hại bị gây ra. Vì thế khi nó được soạn thảo, Văn kiện số Bốn đã định ra các giới hạn nghiêm ngặt về sự phạt những

người bị chiến dịch xác định như đã phạm các sai lầm. Văn kiện đã xác định việc này như: “Những sự phạt mà sẽ được đưa ra công khai và những sự phạt hành chính phải trước tiên được Ủy ban Trung ương chấp thuận, và được phân chia cho số ít Đảng viên những người công khai thúc đẩy chủ nghĩa tự do tư sản, từ chối sửa chữa những cách của họ bất chấp những lời khuyên nhủ lặp đi lặp lại, và có ảnh hưởng rộng.” Văn kiện cũng đã nói rõ, “Đối với những người mà đã giữ một số quan điểm sai lầm, sự phê bình của các bạn Đảng viên có thể được tiến hành trong các cuộc họp nhóm hành chính Đảng. Họ phải được phép giữ quan điểm riêng của họ và phương pháp tiến hành phê bình phải bình tĩnh.”

Tại cuộc họp toàn quốc của các lãnh đạo Ban Tuyên truyền {cấp tỉnh} và vào những dịp khác, tôi cũng đã nói về làm thế nào để lôi kéo được tuyệt đại đa số người trong các lĩnh vực lý luận và văn hoá. Tôi đã gợi ý chúng ta hợp tác thậm chí với những người có các ý tưởng thiên vị hay sai. Tôi đã chỉ ra, “Giữa các Đảng viên làm việc trong các lĩnh vực lý luận và văn hoá, có những người rõ ràng giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu nhưng hơi bảo thủ và cứng nhắc; một số người nhiệt tình với cải cách thế nhưng đã đưa ra những tuyên bố không thích hợp. Chúng ta không thể đơn thuần gắn nhãn những người trước là giáo điều hay những người sau là theo đuổi tự do hoá. Chúng ta phải giáo dục và hợp tác với tất cả họ.”

Khi theo đuổi Chiến dịch Chống-Tự do hoá, tôi đã chú ý nhấn mạnh rằng chúng ta phải phân loại những người mà đã tiến hành những hành động tự do có thiếu sót cũng như những người mà đã quá bảo thủ và cứng nhắc vào cùng nhóm của những người mà đã quá thiên kiến. Mục đích đã là để tránh hay làm giảm thiệt hại gây ra cho những người đó.

Đặng Tiểu Bình đã gợi ý lập một danh sách những người tự do, và phạt họ từng người một. Ngoài [biên tập viên khai phóng] Vương

Nhược Vọng và [nhà vật lý thiên văn bất đồng chính kiến] Phương Lệ Chi, những người mà Đặng từ lâu đã muốn đuổi ra khỏi Đảng, bản thảo đầu tiên của danh sách này—mà đã gồm [kinh tế gia xuất sắc] Vu Quang Viễn—đã được Đặng Lực Quân và Hồ Kiều Mộc đề xuất. Tôi đã gợi ý rằng theo tinh thần của Văn kiện số Bốn, việc phê bình Vu Quang Viễn phải được làm tại một cuộc sinh hoạt Đảng của Hội đồng Cố vấn Trung ương, với không sự phạt hành chính nào. Vào ngày 2 tháng Ba, 1987, Đặng đã yêu cầu tôi tại nhà ông nên tiến hành thế nào vụ của Trương Quang Niên [một nhà thơ và nhà phê bình văn học xuất sắc]. Tôi đã trả lời rằng tôi nghĩ sẽ là tốt nhất để áp dụng cùng phương pháp được dùng với Vu Quang Viễn. Đã có những người khác trên danh sách, nhưng họ đã không được thông qua nhờ quá trình chấp nhận.

Một số người trong Ủy ban Kỷ luật Trung ương đã vẫn hăng hái về phạt người vì chủ nghĩa tự do, và Đặng Lực Quân đã hợp tác với họ. Ông đã có sự giúp đỡ từ Văn phòng Nghiên cứu của Ban Bí thư Trung ương. Họ đã thu thập các tư liệu và đã soạn một hồ sơ về những thứ người ta đã nói như bằng chứng về các ý kiến sai của họ. Rồi họ đã soạn thảo một danh sách các tên mà được gửi tới Ủy ban Kỷ luật Trung ương xin bình luận và sau đó chuyển nó, theo từng lô, cho Ban Bí thư Trung ương.

Nếu việc này được tiếp tục, hết lô này đến lô khác, người ta chỉ có thể hình dung sẽ có bao nhiêu người bị phạt. Tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc xử lý việc này bằng ngăn nó lại. Vì các danh sách này phải được Ban Bí thư thảo luận, tôi sẽ tổ chức các cuộc họp thừa thớt và thảo luận chỉ vài trường hợp tại mỗi cuộc họp. Những sự khác biệt ý kiến không thể tránh khỏi đã nảy sinh trong các cuộc thảo luận. Nếu một sự thảo luận đã dở dang, trường hợp đó sẽ tiếp tục được thảo luận vào cuộc họp tiếp. Không nhiều

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

người đã bị phạt, và những trường hợp chẳng bao giờ được thảo luận đã biến mất vào sự quên lãng.

Trong chiến dịch, Ban Bí thư đã quyết định khai trừ Đảng Lưu Tân Nhận [nhà báo có ảnh hưởng] và Trương Hiến Dương [trí thức khai phóng]. [Nhà biên kịch] Ngô Tố Quang ban đầu đã được đánh dấu bị đuổi khỏi Đảng nhưng rốt cục đã “được thuyết phục để rời.” [Phó tổng biên tập *Nhân dân Nhật báo*] Vương Nhược Thủy ban đầu đã được đánh dấu “được thuyết phục để rời” nhưng rốt cục đã bị đuổi. [Trí thức khai phóng] Tô Thiệu Trí ban đầu đã được đánh dấu cho việc khai trừ nhưng tôi đã đề xuất cách chức ông với tư cách giám đốc Viện Chủ nghĩa Marx-Chủ nghĩa Lenin–Tư tưởng Mao Trạch Đông nhưng giữ lại tư cách Đảng viên của ông.

[Trí thức] Tôn Trường Giang đã được đánh dấu bị khai trừ, nhưng bởi vì Tưướng Nhiếp [Vĩnh Trăn] đã nói thẳng cho ông, ông đã không bị phạt. Tưướng Nhiếp đã làm một việc tốt. Khi ông nghe rằng trường hợp Tôn Trường Giang sắp được thảo luận tại Ban Bí thư, ông đã viết một ghi chú cho Trần Vân ca ngợi công việc của Tôn tại tờ *Nhật báo Khoa học và Công nghệ* và gợi ý ông không bị phạt. Trần Vân, người lúc đó là bí thư của Ủy ban Kỷ luật Đảng, đã đồng ý với Tưướng Nhiếp. Tôi đã tận dụng cơ hội để bình luận trên tài liệu theo hướng này: “Việc đối xử với các trường hợp khác sẽ được xử lý theo tinh thần của Tưướng Nhiếp và chỉ thị của Trần Vân,” có nghĩa là chúng sẽ được xử lý như Tôn Trường Giang đã được. Sau đó, các sự phạt hầu như đã kết thúc.

Về vấn đề liệu có công khai hoá tên của những người bị phê bình hay không, Văn kiện số Bốn đặt ra những giới hạn và các sự ưu tiên: những bài báo chứa những sự tấn công cá nhân hay ngôn từ lăng mạ là không được phép, và việc đưa tràn ngập báo chí với những khẳng định vô nghĩa phải bị loại bỏ. Cấm việc sử dụng ngôn ngữ kiểu—Cách mạng Văn hoá không thích hợp của các chiến dịch quần chúng quá khứ. Nếu những người bị phê phán cung cấp những sự bác bỏ cụ thể và có lý, chúng cũng phải được công bố. Bất kể xuất bản phẩm nào không liên quan đến chiến dịch phải tránh công bố các bài báo thuộc loại này.

Tuy vậy, ngay khi chiến dịch bắt đầu, Đặng Lực Quần đã tổ chức một nhóm để áp dụng các phương pháp được dùng trong phê bình đồng người của Cách mạng Văn hoá: thu thập các bài báo và các bài phát biểu của những người họ cho là đã phạm sai lầm tự do hoá; biên soạn các sách tóm tắt về cái gọi là “ý kiến không đúng” của họ, mà được in thành các cuốn sách nhỏ; đưa ra những sự tấn công về các nhận xét tách khỏi ngữ cảnh; phân phát tư liệu này cho những người viết của các tổ chức liên quan, mời họ viết những chỉ trích của riêng họ theo sách tóm tắt đã được soạn. Họ đã công bố hết bài này đến bài khác, dùng hình thức phê bình quần chúng bằng việc trích dẫn ngoài ngữ cảnh và phóng đại những tội của một người—tất cả theo cách tùy tiện và chuyên chế.

Tại một cuộc họp Ban Bí thư, tôi đã phê phán Đặng Lực Quần và đã yêu cầu nhóm này ngừng hành vi này. Trong một cuộc họp muộn hơn của những người đứng đầu tuyên truyền tỉnh và thành phố, tôi đã chỉ ca ngợi các bài báo của [bí thư Đảng Hắc Long Giang] Trần Tuấn Sanh và [người đứng đầu think tank cải cách chính trị] Bảo Đồng. Tôi đã tin các bài báo của họ đã biện luận cẩn trọng và đã có một tác động tích cực, không giống những người khác mà đã không trình bày các lý do, đã đơn giản hoá và thô lỗ, và

đã thử gây áp lực cho người ta bằng việc gán nhãn họ. Tôi đã nói rằng trong tương lai, khi đăng bất kể bài phê phán nào, cần phải xem xét tác động; tức là, liệu nó có sức mạnh thuyết phục không và liệu người ta có thể chịu được nó không. Các bài báo được nhóm của Đặng Lực Quân viết nhìn chung đã không được hoan nghênh, vì chúng đầy rẫy các phương pháp phê bình quần chúng của Cách mạng Văn hoá. Như một kết quả, các bài báo phê phán chủ nghĩa tự do xuất hiện ngày càng ít.

Sau sự từ chức của Diệu Bang, một vấn đề khác đã nổi lên trong Chiến dịch Chống- Tự do hoá: “tội liên đới (guilt by association).” Nhiều người, kể cả các Đảng viên lão thành, từ lâu đã không thích các quyết định cất nhắc mà Diệu Bang đã đưa ra. Họ đã kết tội ông cất nhắc người dựa trên các kỹ năng của họ mà không chú ý tới đức hạnh [chính trị] của họ. Ngoài việc thích những người nói năng trôi chảy, ông cũng đã cất nhắc những người trong “Phái Đoàn Thanh Niên” lên những vị trí quan trọng. Trong cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng để phê bình Hồ, một số lão thành đã nêu vấn đề về cái gọi là “Phái Đoàn Thanh Niên,” lên án Diệu Bang thiên vị nhóm này.

Tôi đã nghĩ rằng nếu vấn đề này được phép ở trên chương trình nghị sự, thì tác động có thể là thái quá. Cho nên tôi đã khuyến nghị rằng trong mọi trường hợp, họ không nên nêu vấn đề về một “Phái Đoàn Thanh Niên,” về Diệu Bang thử xây dựng một phái. Tôi đã giải thích rằng trường hợp này là rất khó để đánh giá, vì rằng Liên đoàn Thanh niên Cộng sản là tổ chức chịu trách nhiệm huấn luyện và cung cấp các cán bộ cho Đảng.

Tuy vậy, vấn đề đã chẳng bao giờ tiêu tan. Trong tháng Ba 1987, ngay cả Đặng Tiểu Bình đã nhận xét rằng Diệu Bang có vẻ đã cất nhắc các cán bộ từ một phái nào đó. Trong Văn kiện số Bốn và trong nhiều bài phát biểu của tôi, tôi đã nói rõ rằng chúng ta sẽ tuyệt đối không quy tội cho mọi người do sự liên đới; chúng ta sẽ không

làm như đã làm trong Cách mạng Văn hoá, gán nhãn người ta bởi vì quan hệ của họ với ai đó khác. Tôi đã nêu vấn đề với Đặng Tiểu Bình và đã gợi ý rằng chúng ta tối thiểu hoá sự thay đổi nhân sự trong chiến dịch này. Trong mọi trường hợp mà tình hình hiện tại có thể chịu đựng được, chúng ta sẽ tránh sự sắp xếp lại. Cho dù sự sắp xếp lại được thấy là cần thiết, chúng ta sẽ làm mọi thứ có thể để trì hoãn sự thay đổi và tiến hành chậm chậm, để làm giảm sốc. Đặng đã đồng ý.

Chính Hồ Diệu Bang đã là người đề xuất Vương Mông cho vị trí Bộ trưởng Văn hoá. Đặng Lực Quân và các cộng sự của ông đã luôn luôn coi ông như một đại diện của chủ nghĩa tự do. Một cách tự nhiên, họ đã muốn đẩy ông ra. Ngay khi Diệu Bang từ chức và Chiến dịch Chống-Tự do hoá bắt đầu, sự thay đổi này đã được đề xuất. Tôi đã kiên quyết phản đối. Tôi đã bảo Đặng Lực Quân và Vương Nhấn Chi rằng Vương Mông sẽ không bị cách chức. Chủ nhiệm của *Nhân dân Nhật báo*, Tiền Kỳ Nhân, người đã được cất nhắc từ “Liên đoàn Thanh Niên,” đã tương đối tiến bộ, cho nên Đặng Lực Quân đã muốn tận dụng cơ hội để cách chức ông nữa; tôi cũng đã phản đối việc này. Bạc Nhất Ba bảo tôi rằng Lương Bộ Đình bí thư Tỉnh uỷ Sơn Đông đã là một thành viên của phái Diệu Bang và đã duy trì một mối quan hệ thân thiết với Diệu Bang; vì Sơn Đông là một tỉnh lớn, ông ta cần được thay. Tôi đã tìm được một lý do biện minh để chống sự thay đổi này.

Đã là không thể để ngăn chặn tất cả những thay đổi nhân sự. Chu Hậu Trạch, Trưởng Ban Tuyên truyền, đã ở một vị trí rất nhạy cảm, như thế việc cách chức ông đã là không thể tránh được, như đã là trường hợp của Uý Kiện Hành, Trưởng Ban Tổ chức, và Nguyễn Sùng Vũ, Bộ trưởng Công An. Về các bộ {và các ban} nhạy cảm này, các lão thành đã cực kỳ kiên quyết có những người phụ trách mà họ đã quen. Trong những tình thế này,

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

đã không có lựa chọn nào khác ngoài việc đưa ra những sự thay đổi. Dưới hoàn cảnh này tôi đã cố hết sức để dàn xếp các vị trí khác cho họ. Một nữ bí thư đảng ở Giang Tây cũng đã bị cách chức, chủ yếu do sự bất tài không liên quan đến chiến dịch. Ngoài ra, Trương Thụ Quang, bí thư Đảng của Nội Mông, đã bị cách chức bởi vì ông đã đưa ra vài nhận xét không thích hợp và, sau khi Diệu Bang từ chức, ông đã bày tỏ các vấn đề thái độ mà đã kích nhiều sự chỉ trích. Tất cả những sự chầm dứt này đã được xử lý với sự thận trọng và các vị trí mới đã được dàn xếp cho tất cả họ.

Nhìn chung, suốt chiến dịch, những thiệt hại thái quá và những sự sắp xếp lại lớn đã được đẩy lui. Tập quán cũ về việc ám chỉ hay gán nhãn người ta chỉ bởi vì những sự liên đới của họ đã không được lặp lại.

Mặc dù đã không có lựa chọn nào khác ngoài để thực hiện Chiến dịch Chống-Tự do hoá, các biện pháp trên phần lớn đã kiềm chế các cố gắng của Đặng Lực Quân, Hồ Kiêu Mộc, và các lão thành khác để mở rộng nó. Tuy vậy, sự phản đối công khai các cải cách đã tiếp tục nhân danh chiến dịch. Chiến dịch đã vẫn có tiếng nói to nhất trong các phương tiện truyền thông quốc gia, trong khi tiếng nói cải cách đã vẫn cực kỳ yếu. Đa số cán bộ những người ở tuyến đầu của cải cách đã ở trong một vị trí khó khăn. Với đại hội Đảng thứ 13 chỉ cách mấy tháng nữa, tôi đã cảm thấy sẽ là khó khăn trong bầu không khí chính trị hiện thời để làm cho nó là một Đại hội ủng hộ cải cách. Đã là lúc để thay đổi dứt khoát tình hình.

Vào ngày 28 tháng Tư, 1987, tôi đã có một cuộc nói chuyện dài với Đặng Tiểu Bình. Tôi đã báo cáo cho ông rằng sau mấy tháng của Chiến dịch Chống-Tự do hoá, bầu không khí thịnh hành đã thay đổi. Tình hình mà đã tồn tại trước đó, trong đó các phương tiện truyền thông đã được tiếp quản bởi những người ủng hộ chủ nghĩa tự do, đã được xoay chuyển. Tuy vậy, một số người đã sử dụng chiến dịch để chống cải cách. Thái độ này đã không tương thích với các mục tiêu của việc làm cho đại hội Đảng thứ 13 thành một cuộc họp ủng hộ cải cách, cho nên là quan trọng, nếu chúng ta muốn Đại hội Đảng thứ Mười Ba thành công, đối với chúng ta để bắt đầu ngay việc nêu bật cải cách trong các phương tiện truyền thông.

Đặng đã ủng hộ cách nhìn của tôi. Ông đã yêu cầu tôi chuẩn bị cẩn thận và trình bày một bài phát biểu về vấn đề này sớm.

Vào ngày 13 tháng Năm, 1987, tôi đã phát biểu tại một cuộc họp của các cán bộ dính líu đến tuyên truyền, lý luận, và các phương tiện truyền thông, và từ Trường Đảng trung ương. Vào khoảng thời gian đó, Đặng Tiểu Bình đã nói với các khách nước ngoài rằng chủ nghĩa xã hội đã không chỉ có nghĩa là nghèo, và rằng các sai lầm về quá tả đã là những bài học quan trọng nhất được học trong sự theo đuổi chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc. Bởi vì những nhận xét của ông, bài phát biểu của tôi đã có tác động hơn nhiều. Trong các cuộc họp của Ban Bí thư và Bộ Chính trị, ngoài việc chỉ trích gay gắt những sự rối loạn bị gây ra trong Chiến dịch Chống-Tự do hoá bởi những mưu toan sử dụng phái tả chống lại phái hữu để bỏ qua những giới hạn mà Văn kiện số Bốn đặt ra, tôi đã lặp lại những điều sau:

Thứ nhất, sau mấy tháng cố gắng, bầu không khí chung đã thay đổi. Sự lan ra của tự do hoá đã bị chặn một cách thành công. Từ thời điểm này trở đi, chúng ta phải nhấn mạnh cải cách. Đại hội

Đảng thứ Mười Ba phải là một hội nghị ủng hộ Chính sách Cải cách và

Mở-Cửa. Chúng ta phải chuẩn bị cho một đại hội Đảng thứ 13 thành công.

Thứ hai, chiến dịch này đã có nghĩa để giải quyết vấn đề về sự lan ra của tự do hoá. Sự lan ra đã có thể được tránh ngay từ đầu; nó đã chỉ là một trường hợp thất bại về sự lãnh đạo. Nó không phải là vấn đề khó để giải quyết.

Nhưng sau khi chúng ta đã giải quyết vấn đề về sự lan ra, bước tiếp theo là nhìn vào những cố gắng dài hạn. Đầu tiên, chúng ta phải dựa vào giáo dục; và thứ hai, chúng ta phải dựa vào các cố gắng tiếp tục trong cải cách. Chỉ với các chương trình cải cách năng suất mới sẽ tiến triển và các tiêu chuẩn sống của nhân dân mới tăng lên, như thế nhân dân có thể thấy những sự ưu việt của chủ nghĩa xã hội—và khi đó ảnh hưởng của chủ nghĩa tự do sẽ tự nhiên suy yếu. Từ quan điểm này, chỉ cải cách có thể mang lại các mục đích của việc giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu. Thất bại để thực hiện cải cách tốt cuộc sẽ dẫn đến việc đạp đổ Bốn Nguyên tắc Cốt yếu.

Vì thế, chúng ta không thể dựa vào việc tiến hành các chiến dịch được lặp lại để giải quyết các vấn đề cơ bản về tự do hoá. Chúng ta không thể để vấn đề về tự do hoá lan ra làm thay đổi quyết tâm của chúng ta để phát triển sức sản xuất qua các chương trình cải cách. Để giải quyết vấn đề tự do hoá lan ra, đã là đúng để dành thời gian để nhổ tận gốc rễ các rắc rối từ phái hữu, nhưng từ một quan điểm dài hạn và căn bản, các rào cản chống lại cải cách đã đến từ phái tả.

Thứ ba, Bốn Nguyên tắc Cốt yếu là cơ sở của hệ thống chính trị của chúng ta. Cải cách là hướng và chính sách chung của chúng ta cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng Trung Quốc. Việc mô tả đặc trưng của Bốn Nguyên tắc Cốt yếu như nguyên tắc

và Chính sách Cải cách và Mở-Cửa chỉ như phương tiện, đã là một mưu toan để lật đổ cải cách nhân danh giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu, tức là, để phản đối kịch liệt chính sách mới được đưa ra tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của đại hội Đảng thứ 11 nhân danh giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu. Nếu cải cách chỉ là phương tiện và chỉ là một chiến thuật đặc thù, thì chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng Trung Quốc là gì? Chúng ta không được đối xử với cải cách cứ như nó là tự do hoá, chúng ta cũng chẳng được giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu theo một cách giáo điều. Chúng ta phải dùng khái niệm cải cách để diễn giải Bốn Nguyên tắc Cốt yếu. Khác đi thì, kết quả sẽ là lật đổ cải cách, và rơi vào cái bẫy của giáo điều tả khuynh. Nếu vậy, “sự giữ vững” sẽ chỉ có một ý nghĩa không tưởng và chủ nghĩa xã hội được sinh ra sẽ là kiểu-Soviet, không phải với các đặc trưng Trung Quốc.

Thứ tư, chúng ta phải hiểu tầm quan trọng của năng suất. Những sự tăng thêm về năng suất là tiêu chuẩn cho việc đánh giá liệu một xã hội đang tiến bộ hay trong suy thoái. Nhất là trong nước chúng ta, mà ở trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, tăng năng suất là một sự cần thiết. Quan điểm tả khuynh đã kéo dài sự tồn tại của nó trong thời gian dài với lời nói về các quan hệ sản xuất, mà không thực sự phát triển năng suất.

Về chủ nghĩa xã hội là gì, có nhiều thuộc tính mà chúng ta đã gán cho nó trong nhiều năm trời. Thí dụ, mô hình kinh tế kiểu-Soviet đã thực ra là một mô hình kinh tế cho thời chiến, nhưng chúng ta đã coi nó cứ như kế hoạch hoá kinh tế thuộc bản chất của chủ nghĩa xã hội. Trong những nghiên cứu lý luận, một số người đã gán nhãn các phương pháp có lợi cho việc phát triển năng suất và hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa như là tư bản chủ nghĩa,

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

trong khi lại gán nhãn các phương pháp cản trở sự phát triển năng suất như là xã hội chủ nghĩa. Ngay cả bây giờ những quan điểm này, mà đã tách rời khỏi thực tế và cứng nhắc trong lập luận của chúng, vẫn thịnh hành trong lĩnh vực lý luận. Chúng ta phải giải phóng thêm đầu óc chúng ta và ủng hộ những sự thám hiểm táo bạo.

Sau bài phát biểu của tôi, hầu hết cán bộ đã bày tỏ sự ủng hộ và bầu không khí thịnh hành đã chuyển sang ủng hộ cải cách. Việc này đã làm cho việc soạn thảo báo cáo Đại hội Đảng thứ Mười Ba thành công.

HỒI KÝ TRIỆU TỬ DƯƠNG

3. Các Nhà Lý luận

Ngay cả với sự ủng hộ của Đặng Tiểu Bình, chương trình cải cách kinh tế vẫn dễ bị tổn thương về mặt chính trị. Rốt cuộc, nó sau

rốt không nhất quán với ý thức hệ được tuyên bố của Đảng Cộng sản. Hai người cánh tả có ảnh hưởng, Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân, thử khai thác tính dễ bị tổn thương này, với sự chống lưng từ các Đảng viên lão thành hùng mạnh. Triệu làm việc tích cực để giữ họ tránh xa lĩnh vực tuyên truyền. Nhưng làm vậy ông trở thành Kẻ thù Số 1 giữa các lão thành bảo thủ của Đảng.

gay cả trước Chiến dịch Chống-Tự do hoá, tình thế của Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực

Quần đã không tốt. Bắt đầu trong năm 1986, Đặng Tiểu Bình đã giữ khoảng cách

N

với Hồ Kiều Mộc và đã không gặp ông trong một thời gian dài. Hồ đã thử nhiều lần để dàn xếp những cuộc hẹn nhưng đã bị từ chối mỗi lần; việc này đã làm cho ông rất lo lắng. Ông đã nhờ Dương Thượng Côn [Chủ tịch Trung Quốc] để nói với Đặng nhân danh ông.

Đặng Tiểu Bình đã đối xử với Đặng Lực Quần tốt hơn một chút, nhưng đã lưu ý rằng ông đã thích dính líu đến những hoạt động kiểu cánh tả. Đặng một lần đã bình luận về Đặng Lực Quần đề xuất như thế nào một sự xét lại dự thảo “Nghị quyết để Xây dựng một nền Văn minh Tinh thần” trong cuộc thảo luận Bắc Đới Hà. Ông đã trích Đặng Tiểu Bình rất nhiều nhưng thực sự đã thử để thực hiện một sự bước ngoặt lớn sang phía tả. Đặng đã vẫn nhắc đến việc này trong một cuộc nói chuyện với tôi mãi đến tháng Ba 1987. Đặng đã nói Đặng Lực Quần rất ngoan cố, bướng như một con la Hồ Nam.

Lúc đó, ở giữa bầu không khí chung của cái cách dưới sự ủng hộ tích cực của [Hồ] Diệu Bang, Chu Hậu Trạch đã đứng đầu Ban Tuyên truyền và nhất quán thúc đẩy một môi trường khoan dung và nói lỏng cho các trí thức. Những người trong lĩnh vực trí thức đã dám nói lên ý kiến của họ và đã bỏ qua những người tả khuynh. Trong một thời kỳ, các lực lượng bảo thủ, cứng nhắc, và giáo điều được đại diện bởi Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân đã bị gạt sang bên lề.

Tuy vậy, sau khi Diệu Bang từ chức và Chiến dịch Chống-Tự do hoá bắt đầu trong sự sốt sắng, họ [Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân] đã đột nhiên là các anh hùng chống- tự do hoá và đã làm ra vẻ như những người chiến thắng. Họ đã hy vọng lợi dụng tình hình bằng việc xả sự giận dữ bị dồn nén của họ. Trong khi Diệu Bang đã chịu trách nhiệm về công việc của Ủy ban Trung ương, tôi đã bận xử lý những công việc kinh tế và đối ngoại, và đã rất ít dính líu đến lĩnh vực lý luận và siêu hình.

Thành thực, tôi đã không có sự quan tâm nào đến nó. Tôi đã cảm thấy Diệu Bang đã sai để bỏ qua những chỉ thị của Đặng Tiểu Bình. Tôi đã tin ông đã không xem xét bức tranh lớn, và rằng các hành động của ông đã không giúp tình hình tổng thể. Và nó đã

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

không tốt cho bản thân Diệu Bang. Vì thế, tôi đã ở một vị trí tương đối trung lập trong cuộc đấu tranh giữa Diệu Bang và Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quân.

Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quần cũng đã chẳng coi tôi như một đối thủ, mặc dù tôi đã phản đối các cố gắng của họ để mở rộng Chiến dịch Chống—Ô nhiễm Tinh thần vào lĩnh vực kinh tế. Trong lĩnh vực kinh tế, tôi đã luôn luôn tích cực ủng hộ các đầu óc giải phóng, táo bạo trong khai phá, và loại bỏ những hạn chế. Nhưng tôi đã ít khi dính líu đến lĩnh vực văn hoá, cho nên đã không có bất cứ sự đối đầu trực tiếp nào với hai người này.

Sau khi Diệu Bang từ chức, tuy vậy, tôi đã chịu trách nhiệm về công việc của Ủy ban Trung ương. Tình hình mau chóng thay đổi, vì tôi đã thử làm nguôi đi Chiến dịch Chống- Tự do hoá và tiếp tục một cách ôn hoà. Tôi đã thử bảo đảm rằng số người ít nhất có thể bị thiệt hại và đã tích cực bảo vệ cải cách. Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quần đã muốn dốc toàn lực, khiến cho sự đối đầu trực tiếp là khó tránh. Họ mau chóng coi tôi như đối thủ chính của họ.

Trong tháng Ba, tôi đã gợi ý cho Đồng chí Tiểu Bình rằng Lí Thụy Hoàn được chuyển từ Thiên Tân [nơi ông đã là bí thư Đảng] về Ban Tuyên truyền để giúp Đặng Lực Quần trong công việc lý luận; Đặng Tiểu Bình đã chuẩn y. Với hai người phụ trách, các ý kiến khác nhau có thể được nghe thấy. Các vấn đề từ các mức thấp hơn đã có thể được báo cáo, không giống khi một người phụ trách. Tuy vậy, Trần Vân đã phản đối ý tưởng, cho nên nó không được thực hiện.

Muộn hơn, tôi đã cảm thấy rằng một quyết định về vấn đề này đã là cần thiết bởi vì các cải cách cần khẩn cấp những lý thuyết và những chủ trương mới. Những nghiên cứu lý luận cần tiến triển bên cạnh sự thực hành thật sự của cải cách. Tuy vậy, với Đặng Lực Quần phụ trách, chẳng gì được làm trong lĩnh vực này; ngược lại, ông đã là một lực phản tác dụng. Tôi đã bày tỏ quan điểm của mình rằng nếu Đặng Lực Quần tiếp tục dẫn đầu những nghiên cứu lý luận, không chỉ sẽ không có sự tiến bộ nào trong việc phát triển các

lý thuyết, mà có thể có những rào cản thêm cho sự phát triển của chúng. Vì thế, tôi đã đề xuất tại đại hội Đảng thứ 13 rằng Đặng Lực Quân trở thành một uỷ viên Bộ Chính trị để cho ông một vị trí từ đó ông có thể nói thẳng và nêu các ý kiến của ông—nhưng cũng chuyển ông khỏi Ban Bí thư để ông sẽ không còn lãnh đạo công tác lý luận và siêu hình nữa.

Trong khi vấn đề này đang trong giai đoạn lập kế hoạch, Đồng chí Lí Nhuệ [một lão thành ủng hộ-cải cách] đã viết một bức thư cho tôi để báo cáo rằng trong khi ở Diên An,* Đặng Lực Quân đã biểu lộ hành vi nhơ nhuốc và trái đạo đức và vì thế không thích hợp để lãnh đạo công tác ý thức hệ và tuyên truyền. Tôi đã chuyển bức thư cho Đặng Tiểu Bình, người đã đáp lại bằng việc đưa ra một lệnh rằng Đặng Lực Quân sẽ không còn chịu trách nhiệm về tuyên truyền nữa. Cả hai được chuyển cho Trần Vân và Lí Tiên Niệm để đọc. Họ cả hai đã viết những bình luận ca ngợi Đặng Lực Quân nhưng đã không có khả năng trực tiếp phản đối lệnh của Đặng Tiểu Bình rằng Đặng Lực Quân bị cách chức chịu trách nhiệm về tuyên truyền của ông. Như thế quyết định đã được hoàn thành.

* Diên An là một thị trấn vùng núi hẻo lánh trong Tỉnh Sơn Tây nơi các lãnh đạo của Đảng Cộng Sản đã rút về trong năm 1937 vào cuối cuộc Trường chinh Vạn lý và đã ở đó cho đến 1947. Mặc dù hoàn cảnh đã thảm khốc, nó cũng đã là một thời kỳ nổi tiếng cho chủ nghĩa lý tưởng, sự hy sinh, và kỷ luật của các Đảng viên. Vào ngày 7 tháng Bảy, 1987, ở nhà ông Đặng Tiểu Bình đã tổ chức một cuộc họp của Nhóm-Năm-Người [được dựng lên để thực hiện quyền của Ban Thường vụ Bộ Chính trị cho đến Đại hội Đảng thứ Mười

Ba] và chính thức công bố quyết định của ông. Tôi đã gợi ý Hồ Khởi Lập tiếp quản công việc này, và tất cả mọi người đã đồng ý. Một quyết định cũng đã được đưa ra để giải tán Văn phòng Nghiên cứu của Ban Bí thư, mà Đặng Lực Quân đã là người đứng đầu, vì nó đã tạo ra các bình luận gây ra sự nghi ngờ về cải cách. Đặng đã nói rằng Đặng Lực Quân sẽ tiếp tục là một uỷ viên Bộ Chính trị trong Ủy ban Trung ương khoá 13. Những thay đổi đã có hiệu lực ngay lập tức. [Đảng viên lão thành] Bạc Nhất Ba đã được giao nhiệm vụ nói với Đặng Lực Quân. Tất cả các dàn xếp đã tiến hành theo các ý muốn của Đặng Tiểu Bình.

Hoá ra là, bởi vì sự phản đối của Đặng Lực Quân với cải cách đã khiến ông mất lòng người, ông đã không trúng cử vào Ủy ban Trung ương của Đại hội Đảng thứ Mười Ba. Khi Đặng Tiểu Bình biết về điều này, ông đã nói ông sẽ tôn trọng kết cục của bầu cử. Như thế, đã là không thể cho Đặng Lực Quân là một uỷ viên Bộ Chính trị. Tôi đã gợi ý cho đoàn chủ tịch Đại hội Đảng thứ Mười Ba rằng Đặng Lực Quân được đưa vào danh sách như một ứng viên cho Hội đồng Cố vấn Trung ương, như thế ông có thể là một uỷ viên Ban Thường Vụ của Hội đồng. Kết quả đã là ông được bầu vào Hội đồng Cố vấn Trung ương, nhưng lại thua trong các cuộc bầu cử vào Ban Thường Vụ của nó.

Cho Đại hội Đảng thứ Mười Ba, chúng tôi đã cải cách một chút cách mà các cuộc bầu cử được tổ chức, trao một số quyền dân chủ cho các đại biểu. Các đại biểu vì thế đã sử dụng các quyền của họ để đưa ra sự lựa chọn này.

Việc cách chức Đặng Lực Quân khỏi vị trí của ông với tư cách người đứng đầu ngành tuyên truyền, việc giải tán Văn phòng Nghiên cứu của Ban Bí thư, và ngừng xuất bản tạp chí *Hồng Kỳ*—tất cả việc này đã khiến một số Đồng chí lão thành, kể cả Trần Vân, Vương Chấn, và Lí Tiên Niệm, đã không hài lòng với tôi. Đối với họ, đã có

về rằng những thứ Hồ Diệu Bang đã muốn làm nhưng đã không thể làm, cuối cùng đã được tôi thực hiện. Tôi đã làm cái Diệu Bang đã không có khả năng để làm. Vì thế, họ đã hướng sự phản đối của họ về phía tôi.

Lúc đó tôi đã không nhận ra rằng những hoàn cảnh này sẽ có những hệ lụy sâu như vậy. Nhưng khi các vấn đề nổi lên với giá cả tiêu dùng trong năm 1988, với việc mua điên cuồng, rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng, và lạm phát, họ đã tiến hành một chiến dịch chống lại tôi với các Đảng viên lão thành, lên án tôi về những việc làm sai và thậm chí kêu gọi buộc tội tôi, tất cả việc đó đã liên quan rất nhiều đến sự cố trên.

Đặng Lực Quân đã cực kỳ thân thiết với Trần Vân, Lí Tiên Niệm, và Vương Chấn. Ông được họ hết sức coi trọng và có được sự công nhận tích cực của họ. Trong năm 1980, Đặng Lực Quân đã tích cực quảng bá tư tưởng và các đề xuất của Trần Vân trong kinh tế qua Văn phòng Nghiên cứu của Ban Bí thư dưới sự kiểm soát của ông. Đặng Lực Quân đã quảng bá các ý tưởng kinh tế của Trần Vân trong một mưu toan hiển nhiên để sử dụng chúng để kháng cự các ý tưởng cải cách của Đặng Tiểu Bình.

Như tôi đã nhắc tới ở trên, trong năm 1987, tôi đã gợi ý rằng đưa Lí Thụy Hoàn vào để giúp đỡ Đặng Lực Quân trong việc quản lý những nghiên cứu ý thức hệ. Trần Vân đã không bình luận ngay lập tức, nhưng sau một ngày xem xét, ông đã nói với tôi qua thư

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

ký của ông rằng là tốt hơn khi công việc được một mình Đặng Lực Quản quản lý. Ông

[Trần Vân] đã bác bỏ gợi ý của tôi.

Vào ngày 3 tháng Bảy, ông [Trần Vân] đã nói với Bạc Nhất Ba và đã công bố một bài phát biểu có tựa đề “Những người với những trách nhiệm quan trọng tốt hơn hãy học một chút triết học.” Nó đã có ý dành cho tai tôi. Bạc Nhất Ba đã ghi chép và đã chuyển nó cho tôi. Trên bề mặt của nó, đã là một gợi ý cho tôi để học phép biện chứng; thực ra, nó đã là một sự phê bình tôi. Ông đã tin rằng tôi đã không có khả năng để khoan dung các ý kiến phản đối.

Nguyên nhân chính của việc này đã là việc tôi ép Đặng Lực Quản khởi mặt trận tuyên truyền ngay khi tôi tiếp quản quyền lực. Một vấn đề khác đã là sự phê phán tôi đã đưa ra về cánh tả. Đặc biệt đã là bài phát biểu ngày 13 tháng Năm của tôi, trong đó tôi đã phê phán các nhận xét của Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quản. Khi biên bản được in ra và gửi cho Trần Vân, ông đã không đồng ý với nhận xét của tôi: “Trong những năm 1950, mô hình kinh tế được sao chép thực ra đã là một mô hình kinh tế tạm thời được dành cho thời chiến.”

Sau khi Đặng Lực Quản đã thua trong các cuộc bầu cử Đại hội Đảng thứ Mười Ba, Đồng chí Trần Vân đã đưa ra những chỉ thị đặc biệt để bảo đảm mọi đặc quyền chính trị và những sự dàn xếp cuộc sống của Đặng Lực Quản vẫn không thay đổi.

Đặng Lực Quản cũng đã là một cộng sự quan trọng của [Đảng viên lão thành] Lí Tiên Niệm. Lí Tiên Niệm đã chịu trách nhiệm về Văn phòng thứ Năm của Quốc Vụ Viện, nơi Đặng Lực Quản cũng đã làm việc. Ông đã tham gia vào việc ra quyết định và việc soạn thảo các tài liệu của Lí Tiên Niệm. Trong năm 1987, Đặng Lực Quản đã đích thân chịu trách nhiệm về nhóm được dựng lên để biên tập

và xuất bản các công trình chọn lọc của Lí Tiên Niệm. Khi lệnh của Đặng Tiểu Bình để cách chức Đặng Lực Quần khỏi vị trí chịu trách nhiệm về tuyên truyền của ông được lưu hành, Lí Tiên Niệm đã viết, “Đặng Lực Quần là một Đồng chí tốt. Chúng ta vẫn cần sử dụng đầy đủ các kỹ năng của ông.”

Mối quan hệ giữa Đặng Lực Quần và Vương Chấn đã còn sâu hơn. Lùi lại đến tận việc thiết lập nền Cộng hoà Nhân dân, Đặng Lực Quần đã là người đứng đầu Phân Ban Tuyên truyền của tiểu ban Ủy ban Trung ương ở Tân Cương mà Vương Chấn đã đứng đầu. Vương Chấn muộn hơn đã bị Ủy ban Trung ương phê phán vì việc ép buộc bắt mạng ngành trồng trọt và chăn nuôi vào tập thể. Đặng Lực Quần đã đứng cạnh ông lúc đó và sau đó đã thử bảo vệ ông. Kể từ đó, Vương Chấn đã luôn luôn tin cậy ông, và họ đã rất thân thiết. Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của đại hội Đảng thứ 11, khi Đặng Lực Quần cần cái gì đó để được nói lên mà ông ta đã thấy khó để nói công khai, ông ta đã thường đến thăm Vương Chấn để nêu các ý tưởng của ông ta cho ông.

Vào khoảng mùa hè năm 1987 khi Diệp Tuyên Ninh [con trai của Nguyên soái Diệp Kiếm Anh] đã gọi tôi để nói rằng Vương Chấn đã muốn có một cuộc nói chuyện với tôi, cho nên tôi đã đi đến nhà của Vương Chấn. Vương Chấn đã khuyên tôi, “Anh không nên nhận vị trí Tổng Bí Thư. Có rất nhiều việc cần làm ở Quốc Vụ Viện mà không thể được làm nếu thiếu anh, trong khi không có nhiều việc để làm ở Ban Bí thư. Chúng ta có thể yêu cầu Diêu Y Lâm phụ trách thay vào đó.” Diệp Tuyên Ninh đã có mặt khi chúng tôi có cuộc nói chuyện này. Vào lúc đó, tôi cũng đã không thực sự quan tâm đến vị trí Tổng Bí Thư, cho nên tôi đã yêu cầu Vương Chấn thuyết phục Đặng Tiểu Bình. Muộn hơn, tôi đã biết rằng, thực ra, Vương Chấn đã tích cực thúc đẩy một kiến nghị để đề cử Đặng Lực Quần cho vị trí Tổng Bí Thư. Nước đi này đã gây ra những quan ngại giữa nhiều

người, những người đều đã cảnh báo tôi rằng dù gì đi nữa, tôi không được nhường vị trí cho Đặng Lực Quân, như thế đánh thức cảm giác của riêng tôi về sự cảnh giác. Các sự kiện này là vì sao đã không hề ngạc nhiên chút nào rằng các Đảng viên lão thành đã làm sâu sắc hơn việc họ phản đối tôi sau khi Đặng Lực Quân thua trong các cuộc bầu cử.

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

4. Chuẩn bị cho Sự kiện Chính

Sự chuẩn bị của Triệu cho đại hội Đảng 1987—các hội nghị Đảng quan trọng được tổ chức mỗi năm—chúng tôi thêm các kỹ năng của ông như một nhà chính trị. Ông sử dụng quyền lực mới tìm thấy của ông như người đứng đầu Đảng để thúc đẩy chương trình nghị sự của ông bằng việc nghĩ ra các lý lẽ lý luận không thể công kích được để ủng hộ sự tự do hoá kinh tế. Sự chơi chữ chính trị tài tình của ông tiếp tục chói sáng: ông đã thuyết phục Đại hội để tán thành ý tưởng rằng Trung Quốc chỉ ở trong “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội,” một sáng tác thuần khiết có tính tu từ học (rhetorical

invention) để miễn thứ Trung Quốc trong ngắn hạn khỏi phải tuân theo các chính sách xã hội chủ nghĩa chính thống.

ã có hai vấn đề chính trong việc chuẩn bị cho Đại hội Đảng thứ Mười Ba: thứ nhất là việc soạn thảo Báo cáo Chính trị, vấn đề khác là việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo.

Báo cáo Chính trị phải được soạn thảo bởi nhóm được tổ chức trước khi [Hò] Diệu Bang

Đ

từ chức. Khi ông từ chức, công việc của nó bị ngừng lại. Tôi đã tập hợp nhóm lại với

nhau và đã phân công Bảo Đồng làm người lãnh đạo của nó, để làm việc dưới sự giám sát của tôi.

Ngay từ 12 tháng Năm, tôi đã viết cho Đặng Tiểu Bình về những ý tưởng cho việc soạn thảo Báo cáo Chính trị. Tôi đã đề xuất việc sử dụng khái niệm “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” như cơ sở lý luận của báo cáo. Báo cáo sẽ bao gồm một cách có hệ thống lý luận, các nguyên tắc, và các nhiệm vụ của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng Trung Quốc. Ngoài ra, nó sẽ nhấn mạnh hai điểm cơ bản được xác định bởi Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của đại hội Đảng thứ 11 [trong năm 1978]: giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và giữ vững cải cách để tiếp sinh lực lại cho nền kinh tế. {Đề cương} Báo cáo đã nhanh chóng có được sự chấp thuận của Đặng, người đã nói phác thảo là tuyệt vời. Bởi vì bầu không khí chính trị được cải thiện, quá trình soạn thảo đã diễn ra tương đối trôi chảy.

Tôi muốn bình luận về hai cụm từ trong Báo cáo Chính trị: “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” và “một tiêu điểm trung tâm, hai điểm cơ bản.”

Nhiều người có ấn tượng rằng tôi đã đặt ra cụm từ “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” đầu tiên trong báo cáo Đại hội Đảng thứ Mười Ba. Điều đó không chính xác. Ngay từ Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu của đại hội Đảng thứ 11 [trong năm 1981], một nghị quyết về các vấn đề lịch sử đã chứa cụm từ: “Mặc dù hệ thống xã hội chủ nghĩa của nước chúng ta vẫn còn trong một giai đoạn đầu của sự phát triển...” Hồ Diệu Bang trong Báo cáo Chính trị của ông tại đại hội Đảng lần thứ 12 [trong 1982] đã lặp lại rằng “hệ thống xã hội chủ nghĩa của nước chúng ta vẫn còn trong một giai đoạn đầu của sự phát triển.” Thế nhưng hai đánh giá này đã không trình bày chi tiết về ý nghĩa của cụm từ hay các ngụ ý của nó. Thay vào đó, chúng đã nhấn mạnh quan điểm sau đây: “Không có nghi ngờ gì rằng chúng ta đã thiết lập một hệ thống xã hội chủ nghĩa và đã bước vào giai đoạn xã hội chủ nghĩa của xã hội. Bất kể quan điểm nào phủ nhận một thực tế như vậy là không đúng.” Nói cách khác, cụm từ đã có ý để cho biết rằng chúng ta vẫn trong giai đoạn đầu, chúng ta đã thiết lập rồi một hệ thống xã hội chủ nghĩa và sẽ có khả năng để tạo ra một nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa tiên tiến trong khi xây dựng nền văn minh vật chất. Mục đích đã là để đáp lại những nghi ngờ một số người đã có về liệu quốc gia chúng ta đã là xã hội chủ nghĩa hay không, hoặc liệu chúng ta có đang theo đuổi chủ nghĩa xã hội.

Tại Cuộc Thảo luận Lý luận năm 1979 của Ủy ban Trung ương, một câu hỏi quan trọng đã được nêu lên khi cuộc họp đang xét lại những sai lầm tả khuynh Đảng đã phạm phải. Cụ thể là, vì quá khứ của Trung Quốc đã là nửa phong kiến và nửa thuộc địa, một khi cách mạng đã thắng lợi, có phải các điều kiện đã đúng cho việc thiết

lập một hệ thống xã hội chủ nghĩa? Chúng ta có nên tiến hành một “nền dân chủ mới”? Ủy ban Trung ương đã chỉ trích những nghi ngờ như vậy lúc đó.

Các tuyên bố về “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” đã có nghĩa để giúp chống lại những nghi ngờ như vậy. Nhưng khái niệm đã vẫn chưa thu hút nhiều sự chú ý. Rồi, trong tháng Chín 1986, “Nghị quyết Đối với việc Thiết lập Nền văn minh Tinh thần Xã hội chủ nghĩa” của Ủy ban Trung ương đã nói rằng vì quốc gia chúng ta đã vẫn ở “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội,” chúng ta có thể cho phép các loại khác nhau của các yếu tố kinh tế dưới hệ thống chi phối của sở hữu công. Chúng ta sẽ cho phép một phần của dân chúng trở nên giàu có đầu tiên. Điều này đã có ý định để tạo một mối quan hệ giữa sự đánh giá rằng chúng ta vẫn trong “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” và chính sách cải cách chúng ta đang theo đuổi.

Văn kiện này đã chủ yếu tập trung vào “Thiết lập Nền văn minh Tinh thần Xã hội chủ nghĩa” và nó đã không trình bày chi tiết hơn nữa về vấn đề. Tôi không nhớ bất cứ cuộc thảo luận theo dõi tiếp nào về cụm từ được dùng ba lần đầu tiên đó; cũng đã chẳng có nhiều sự chú ý của công chúng đến nó. Cụm từ đã chỉ gây ra những phản ứng mạnh trong nước và quốc tế khi nó xuất hiện trong Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng thứ Mười Ba, như cơ sở lý luận cho việc thực hiện cải cách.

Khi tôi bắt đầu tổ chức việc soạn thảo Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng thứ Mười Ba, tầm nhìn của tôi đã là để thúc đẩy hơn nữa các chính sách và các chiến lược lớn cho cải cách, nhưng cũng để trình bày một cơ sở lý luận cho việc thực hiện tất cả việc đó. Vì các cải cách đã được đưa vào thực tiễn sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của đại hội Đảng thứ 11, năng suất đã tăng lên, tốc độ phát triển đã tăng, các tiêu chuẩn sống của nhân dân đã được nâng lên, và quốc

gia chúng ta đã trở nên mạnh hơn nhiều. Đây đã là những sự thực được chấp nhận rộng rãi.

Thế nhưng cái gì đã là cơ sở lý luận cho việc thực hiện cải cách? Đã không có sự giải thích nào, và nhiều cán bộ và các công dân đã lo lắng. Một mặt, họ đã làm hết sức họ để ủng hộ cải cách và để tích cực thực hiện nó, nhưng mặt khác họ đã không cảm thấy an toàn, sợ rằng chính sách có thể quay ngoắt theo chiều khác. Cải cách đã cần được lý luận ủng hộ một cách mạnh mẽ.

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

Trong thực tiễn, cải cách của những năm đó, thành thật mà nói, là sự bác bỏ và sự sửa chữa nền kinh tế kế hoạch, độc quyền của sở hữu công, và một phương pháp duy nhất của sự phân phối của cải mà đã được thi hành từ những năm 1950. Thực tiễn của cải cách đã chứng minh rằng việc này đã là đúng và cần thiết. Nó cũng đã chứng minh rằng thực tiễn của việc thực hiện các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa chính thống theo kiểu của Liên Xô đã là thái quá cho mức phát triển xã hội-kinh tế và sức sản xuất của Trung Quốc. Đây đã là một sai lầm tả khuynh. Chỉ nếu chúng ta khôi phục các chính sách thích hợp và những cách tiếp cận phù hợp hơn cho Trung Quốc chúng ta mới có thể cứu Trung Quốc. Đây là bản chất của vấn đề.

Tuy nhiên, chúng ta đã thực hành chủ nghĩa xã hội trong hơn ba mươi năm. Làm sao chúng ta có thể giải thích điều này cho những người có ý định tuân theo các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa chính thống? Một sự giải thích khả dĩ đã là, rằng chủ nghĩa xã hội đã được

thực hiện quá sớm và rằng chúng ta cần bỏ đi và bắt đầu lại nền dân chủ. Giải thích khác đã là Trung Quốc đã thực hiện chủ nghĩa xã hội mà không trải qua chủ nghĩa tư bản trước tiên, và như thế một liều lượng của chủ nghĩa tư bản cần được đưa vào lại.

Cả hai lý lẽ đã không phải hoàn toàn không hợp lý, nhưng chúng có tiềm năng làm nổ ra các cuộc tranh cãi lý luận lớn, mà có thể đã dẫn đến sự nhầm lẫn. Và các lý lẽ thuộc loại này đã chẳng bao giờ có được sự chấp thuận chính trị. Trong kịch bản xấu nhất, chúng đã có thể thậm chí khiến cho cải cách bị giết trong trứng nước.

Trong khi lập kế hoạch cho báo cáo Đại hội Đảng thứ Mười Ba trong mùa xuân 1987, tôi đã dành nhiều thời gian nghĩ về làm sao để giải quyết vấn đề này. Tôi đã đi đến tin rằng cụm từ “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” là cách tiếp cận tốt nhất, và không chỉ bởi vì nó chấp nhận và nhìn việc thực hiện chủ nghĩa xã hội dài bốn thập kỷ của chúng ta trong một ánh sáng tích cực; đồng thời, bởi vì chúng ta công khai xác định như đang ở trong một “giai đoạn đầu,” chúng ta hoàn toàn được giải phóng khỏi những hạn chế của các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa chính thống. Vì thế, chúng ta đã có thể lùi lại từ lập trường ban đầu của chúng ta và thực hiện các chính sách cải cách thích hợp hơn với Trung Quốc.

Quan trọng nhất, nó đã không phải là một tuyên bố mới. Như tôi đã nhắc tới ở trên, nó đã được chấp nhận rồi một cách lặng lẽ mà không có tranh cãi trong các nghị quyết của Hội nghị Toàn thể lần thứ Sáu và đại hội Đảng lần thứ 12. Bây giờ nó chỉ được dùng như cơ sở cho sự trình bày mạch lạc lý luận của cải cách. Nó sẽ không khiêu khích sự tranh luận mãnh liệt và sẽ là dễ để chấp nhận.

Lần đầu tiên tôi tiết lộ các ý tưởng này trong một khung cảnh công khai đã là tại một cuộc họp Ban Bí thư Trung ương trong tháng Năm 1987. Tôi đã nói rằng chúng ta phải chú ý đến sự đánh giá

rằng chúng ta đang ở trong một “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội.” Tất cả các vấn đề chính sách của cải cách có thể được giải quyết phù hợp với điều này.

Muộn hơn tôi đã chính thức yêu cầu nhóm soạn thảo để sử dụng “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” như nền tảng lý luận cho báo cáo của Đại hội Đảng thứ Mười Ba. Sau đó tôi đã viết một bức thư cho Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và Nhóm-Năm-Người về cách tiếp cận này. Đây đã là cùng lá thư tôi đã nhắc tới ở trên mà tôi đã gửi cho Đặng Tiểu Bình phác họa ý tưởng. Đặng Tiểu Bình, Trần Vân, và Lí Tiên Niệm đều đã trả lời hay đã điện thoại để bày tỏ sự tán thành của họ.

Cách tiếp cận cơ bản cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng Trung Quốc đã được thể hiện trong ba thứ: làm cho sự phát triển kinh tế thành tiêu điểm trung tâm, giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu, và giữ vững Chính sách Cải cách và Mở-Cửa. Chúng đã là ba thành phần tạo thành phương hướng chung sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba. Trong quá trình soạn thảo báo cáo, đã được đề xuất rằng chúng ta tóm tắt các ưu tiên này với cách nói thông tục “một tiêu điểm trung tâm, hai điểm cơ bản.”

Ý tưởng về làm cho sự phát triển kinh tế thành “tiêu điểm trung tâm” của chúng ta đã được khẳng định rồi tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của đại hội Đảng thứ 11 trong

1978: “Kể từ ngày này trở đi, chúng ta từ bỏ đấu tranh giai cấp như tiêu điểm trung tâm,

và thay vào đó lấy sự phát triển kinh tế làm tiêu điểm trung tâm của chúng ta.” Điều này

đã được lặp lại trong các văn kiện Đảng và các bài phát biểu.

Khái niệm về “Giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và Giữ vững Cải cách” đã cũng được nhấn mạnh một cách nhất quán kể từ Hội

ngị Thảo luận Lý luận năm 1978 và Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của đại hội Đảng thứ 11, nhưng ba thứ này đã trước đây chẳng bao giờ được kết nối với nhau như các thành phần chính của phương hướng chung của Đảng. Giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và giữ vững cải cách đã xuất hiện rồi như hai thành phần tách rời trong dự thảo của “Nghị quyết để Xây dựng một nền Văn minh Tinh thần” trong năm 1986. Hầu hết mọi người đã có ấn tượng rằng nguyên tắc của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba đã là cải cách. Tôi đã đề xuất một sự xét lại nguyên tắc của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của đại hội Đảng thứ 11 sao cho nó bao gồm Bốn Nguyên tắc Cốt yếu; chúng ta không được chú ý chỉ tới một bên trong khi không chú ý tới bên kia. Cụm từ “hai điểm cơ bản” đã vẫn chưa được sử dụng.

Lần đầu tiên tôi đã chính thức nói rõ, rằng hai nguyên tắc này liên kết với nhau và một cái không thể tồn tại mà không có cái kia, đã là trong bài phát biểu của tôi tại cuộc Tụ tập Mừng Lễ hội Xuân vào ngày 30 tháng Giêng, 1987. Trước đấy, tôi đã sử dụng cùng ngôn ngữ trong cuộc nói chuyện của tôi với các lãnh tụ của Đảng Cộng sản Hungary vào ngày 19 tháng Giêng, 1987, mà đã được phát hành cho báo chí.

Ý định của bài phát biểu của tôi tại cuộc Tụ họp Mừng Xuân đã là để làm nhẹ bớt các nỗi sợ rằng Chiến dịch Chống-Tự do hoá sẽ đảo ngược các nguyên tắc do Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba đề ra. Nhằm để dập tắt những nỗi sợ như vậy, tôi đã nói rằng Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba đã gồm cả hai khía cạnh: Bốn Nguyên tắc Cốt yếu và Cải cách. Chống-tự do hoá đã có một ý nghĩa đặc thù: để phản đối sự bỏ rơi Bốn Nguyên tắc Cốt yếu. Vì thế, chiến dịch đã không ngụ ý bất cứ sự thay đổi nào đối với nguyên tắc của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba và thực ra đã có nghĩa để thực hiện nó chu đáo hơn. Lần này, “hai điểm cơ bản” đã có nghĩa để nhấn mạnh rằng nguyên tắc của Đảng được xác định bởi Hội nghị Toàn thể lần thứ

Ba của đại hội Đảng thứ 11 cũng đã gồm Bốn Nguyên tắc Cốt yếu, như thế chúng ta sẽ không nói chỉ về cải cách.

Tôi ngạc nhiên, bài phát biểu của tôi tại cuộc Tụ họp Mừng Xuân về “hai điểm cơ bản” đã bị phản đối bởi một số người, nhất là những người đã tương đối bảo thủ và cứng nhắc trong tư duy của họ. Họ đã nói chúng ta không thể đặt Bốn Nguyên tắc Cốt yếu trên

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

cùng mức như cải cách, biến chúng thành “hai điểm cơ bản” ngang nhau. Bốn Nguyên tắc Cốt yếu đã là cơ sở và cải cách chỉ là chiến thuật và phương tiện.

Tôi đã nhắc tới ở trên rằng một cán bộ, Lô Chi Siêu ở Ban Tuyên truyền, thậm chí đã phân công người đứng đầu bộ phận giáo dục của Trường Đảng trung ương để triệu tập một cuộc họp để thảo luận ý tưởng về “hai điểm cơ bản,” với ý định phê phán công thức này. Chiến dịch này đã gây ra một cuộc náo động khá ồn ào.

Tôi đã buộc phải phê phán ý kiến này tại cuộc họp ngày 13 tháng Năm của các ban tuyên truyền, nghiên cứu lý luận, và các phương tiện truyền thông, cùng với Trường Đảng trung ương. Và sớm hơn, tại cuộc họp của Ban Bí thư Trung ương và Nhóm-Năm-Người, tôi đã tuyên bố rằng chúng ta không thảo luận phương hướng của chủ nghĩa xã hội nói chung, mà đúng hơn phương hướng của chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng Trung Quốc. Bốn Nguyên tắc Cốt yếu đã cung cấp nguyên tắc và nền tảng cơ bản của hệ thống chính trị của chúng ta trong khi cải cách đã là cách tiếp cận chung của chúng ta. Cả hai đã là những nền tảng mà trên đó chúng

ta đã đặt cơ sở các chính sách của chúng ta. Coi một cái như một nguyên tắc và cái kia như một phương tiện thực ra đã là một cách để làm giảm tầm quan trọng của cái cách. Không có cách tiếp cận do Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba đặt ra, với chỉ Bốn Nguyên tắc Cốt yếu, thì chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng Trung Quốc sẽ ở đâu? Bốn Nguyên tắc Cốt yếu tiếp tục là một trong những nguyên tắc cơ bản của chúng ta, ngay cả khi cải cách được thêm vào.

Sau bài phát biểu ngày 13 tháng Năm của tôi, các cuộc tấn công chống “hai điểm cơ bản” đã bị kiềm chế hơn. Lúc đó, cụm từ “một tiêu điểm trung tâm, hai điểm cơ bản” đã có thể được liệt kê cùng nhau trong Báo cáo Chính trị của đại hội Đảng thứ 13 như ba thành phần cơ bản của cách tiếp cận chung của chúng ta. Công thức thông tục “một tiêu điểm trung tâm, hai điểm cơ bản” đã được đặt ra bởi Bảo Đông và phần còn lại của nhóm soạn thảo trong quá trình soạn. Đặng Tiểu Bình đã bị ấn tượng với cụm từ này, và đã nói trong nhiều dịp, “Cách nói này, ‘một tiêu điểm trung tâm, hai điểm cơ bản’ được diễn đạt rất hay!”

Đã vẫn còn câu hỏi về cải cách chính trị. Đặng Tiểu Bình đã nói một số thứ rất tích cực về việc cải cách hệ thống lãnh đạo chính trị của Trung Quốc trong quá khứ, và trong

1986 thậm chí đã đề xuất tiến hành cải cách chính trị. Tuy vậy, trong thời gian soạn thảo

Báo cáo Chính trị cho Đại hội Đảng thứ Mười Ba, ông đã cảnh báo lặp đi lặp lại, “Dù gì đi nữa, sẽ không có bất cứ thứ gì giống ‘tam quyền phân lập’” và thậm chí đã nói sẽ không có ngay cả “một dấu vết của nó.” Trong thời kỳ này, khi ông tiếp khách nước ngoài, ông đã nói những thứ như “một tam quyền phân lập có nghĩa mỗi cái hạn chế cái khác” hay “một hệ thống như vậy là không có hiệu quả và không thể khiến các thứ được làm.”

Nói thẳng, nếu đã có bất cứ thứ gì mới trong lĩnh vực cải cách chính trị trong Báo cáo Chính trị cho Đại hội Đảng thứ Mười Ba, chắc chắn đã không bởi vì từ Đặng. Ngược lại, ông đã làm mọi thứ có thể để loại bỏ bất cứ dấu vết nào của chính trị nghị viện và kiểm soát và cân bằng (checks and balances) trong Báo cáo Chính trị. Ông đã đưa ra những bình luận như vậy mỗi khi chúng tôi gửi một bản thảo cho ông để xét lại. Ngay cả khi báo cáo của chúng tôi đã không còn chứa bất cứ thứ gì như thế, ông đã vẫn nhắc lại sự cảnh báo của ông mỗi lần. Nếu giả như không có sự can thiệp của Đặng, nội dung về cải cách chính trị đã có thể được viết tốt hơn nhiều. Vấn đề then chốt khác trong sự chuẩn bị cho Đại hội Đảng thứ Mười Ba đã là việc bổ nhiệm các lãnh đạo mới. Ngay cả trước khi Diệu Bang từ chức, Đặng Tiểu Bình đã chỉ định một nhóm bảy người để chịu trách nhiệm về đề xuất những sự thay đổi lãnh đạo cho Đại hội Đảng thứ Mười Ba. Những dàn xếp quan trọng nhất đã là lập kế hoạch cho tương lai của một số lão thành và chọn Ban Thường Vụ Bộ Chính trị [BTV] mới.

Nhiều người, kể cả tôi, đã tin rằng Đặng cần tiếp tục làm một ủy viên BTV bởi vì sẽ là khó khăn cho nó để thiết lập quyền uy mà không có ông trong khi rất nhiều lão thành khác vẫn còn sống. Tôi đã tin rằng, chừng nào vị trí của Đặng trong Đảng như người quyết định cuối cùng còn tiếp tục, sẽ là tốt cho ông để sử dụng quyền lực của ông một cách hợp pháp từ bên trong BTV hơn là từ bên ngoài nó.

Đặng, tuy vậy, đã khẳng định rằng nếu các vị trí của Trần Vân như bí thư thứ nhất của Ủy ban Kỷ luật Trung ương, Lí Tiên Niệm như Chủ tịch nước, và Bành Chân như Chủ tịch Quốc hội vẫn nguyên vẹn tại Đại hội Đảng thứ Mười Ba, nó sẽ được xem như một sự giật lùi, hay như báo chí nước ngoài nói “một thắng lợi cho những người bảo thủ.” Dù gì đi nữa, chúng ta phải không đưa cho

nhân dân ấn tượng này. Đây là những gì Đặng đã nói với tôi trong một cuộc trao đổi trong tháng Ba 1987. Tuy vậy, nếu tất cả họ yêu cầu về hưu, sẽ là khó cho Đặng để biện minh việc ở lại trong BTV.

Đặng đã đề xuất rằng một trong số họ sẽ về hưu hoàn toàn và ba người kia được chuyển vào trạng thái nửa nghỉ hưu. Tức là, Bành Chân sẽ về hưu, còn Đặng, Trần, và Lí sẽ nửa nghỉ hưu. Những gì điều này có nghĩa cho Đặng là ông sẽ ra ngoài BTV nhưng tiếp tục làm Chủ tịch Quân Ủy Trung ương, vị trí của Trần Vân sẽ thay đổi thành Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Trung ương, và Lí Tiên Niệm sẽ trở thành Chủ tịch Chính Hiệp Nhân dân. Chỉ một vị trí có quyền lực thực trong khi hai vị trí kia là các chức vụ danh dự.

Đầu tiên, chẳng ai trong những người này—Trần Vân, Lí Tiên Niệm, và Bành Chân—đã sẵn sàng chấp nhận đề xuất. Đặng sau đó đã yêu cầu Bạc Nhất Ba [một lão thành khác] để dàn xếp với các lão thành này. Đầu tiên đã không dễ. Đã không cho đến tận 3 tháng Bảy để Trần Vân bày tỏ sự đồng ý của ông cho Bạc Nhất Ba, nói rằng ông sẽ theo sự sắp đặt của Đảng. Một khi Trần Vân đã nhận, đã dễ hơn để thuyết phục hai người kia. Đề xuất đã được chấp nhận.

Sau đó, Đặng Tiểu Bình đã gặp Bạc Nhất Ba và Dương Thuờng Côn để thảo luận liệu ba lão thành, sau khi rời BTV, sẽ có vấn quản lý bất cứ công việc gì hay tham gia vào việc ra quyết định về những vấn đề then chốt hay không. Tôi không biết chi tiết của cuộc thảo luận của họ, nhưng tôi đã có nghe về một gợi ý: rằng sẽ nên có một “mẹ vợ” duy nhất cho BTV; không thể có vài “mẹ vợ.” Tức là, sau khi ba người về hưu, chỉ Đặng sẽ hoạt động như một “mẹ vợ,” mà đã mô tả mối quan hệ khá chính xác. Vị trí của Đặng không thay đổi; ông là “mẹ vợ” của BTV, nhưng những người khác sẽ không có vai trò đó.

Muộn hơn, tuy vậy, khi các tình thế mới nổi lên, hoá ra là Đặng đã phải tham vấn với Trần Vân và Lí Tiên Niệm về tất cả các vấn đề

lớn (nhất là với Trần Vân). Về Bạc Nhất Ba đã thực sự thương lượng như thế nào với Trần Vân và Lí Tiên Niệm, tôi không biết. Nhưng đã không cho đến 7 tháng Bảy, 1987, mà vấn đề về liệu các lão thành sẽ vẫn trong quyền lực hay không rốt cuộc đã được giải quyết tại cuộc họp của Nhóm-Năm-Người được tổ chức tại nhà của Đặng.

CHIẾN TRANH TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

Chính tại cuộc họp này mà Bạc Nhất Ba đã gợi ý tôi trình bày một bài phát biểu tại Hội nghị Toàn thể thứ Nhất của Đại hội Đảng thứ Mười Ba để công bố rằng chúng ta sẽ tiếp tục thỉnh cầu sự hướng dẫn của Đồng chí Đặng Tiểu Bình về các vấn đề lớn, và để cho Đặng ra những quyết định cuối cùng. Khi Bạc Nhất Ba nói về điều này, Đặng đã bày tỏ quan điểm của ông rằng chừng nào cộng đồng quốc tế biết rằng ông sẽ vẫn là người ra quyết định, họ sẽ cảm thấy yên tâm, bởi vì sự tiếp tục của ông sẽ được coi như một chỉ báo về sự ổn định của Trung Quốc. Đó là vì sao tôi đã công bố cho Hội nghị Toàn thể thứ Nhất của Đại hội Đảng thứ Mười Ba rằng chúng ta sẽ tiếp tục xin ý kiến của Đặng và yêu cầu ông để đưa ra những quyết định cuối cùng.

Trong cùng cuộc họp của Nhóm-Năm-Người được tổ chức tại nhà của Đặng, những sự bổ nhiệm cho các uỷ viên BTV, Chủ tịch nước, Thủ tướng Quốc vụ Viện, và Chủ tịch Quốc Hội cũng đã được hoàn tất. Về BTV, đề xuất ban đầu đã gồm bảy người, và số uỷ viên đã vẫn là bảy cho đến cuộc họp này.

Đã có những sự phản đối Vạn Lí. Ông đôi khi đã không rất cẩn trọng và đã làm mất lòng vài người, như thế các lão thành đã có những sự phản đối về ông. Tôi đã nghe rằng khi danh sách [BTV] được soạn, Diêu Y Lâm đã nói đến rằng Vạn Lí là loại người mà sẽ chạy theo phong trào trong một khủng hoảng. Nói cách khác, ông là một nhân tố bất ổn định. Trong cuộc họp Nhóm-Năm-Người, Bạc Nhất Ba đã phát biểu như một đại diện của Nhóm-Bảy-Người, nói rằng nhóm “không chuẩn y Vạn Lí được chỉ định làm uỷ viên BTV.” Diêu Y Lâm sau đó đã nhận diện Điền Kỳ Vân như một vấn đề, nói đã có những báo cáo rằng Điền đã cất nhắc một người họ hàng người đã tỏ ra có vấn đề. Bạc Nhất Ba cũng đã nhận diện vài vấn đề chưa được giải quyết với Điền Kỳ Vân. Dưới hoàn cảnh này, đã không có thời gian để điều tra thêm. Sau khi nghe những ý kiến này, Đặng đã nói, “Vạn Lí và Điền Kỳ Vân sẽ không ở trong Ban Thường Vụ, như thế danh sách bảy người sẽ thay đổi thành năm.”

Chính tại cuộc họp này mà tôi đã bắt đầu nhận ra rằng Diêu Y Lâm, người bình thường cho người ta ấn tượng là chính trực và chân thật và đã luôn luôn có vẻ khách quan và công bằng, thực ra đã là một kẻ mưu mô toan tính người đã chơi những trò bẩn thỉu. Ông đã không nêu vấn đề về Điền Kỳ Vân sớm hơn hay muộn hơn, nhưng đúng vào lúc khi quyết định cần được đưa ra. Vì những nghi ngờ đã được nêu lên, vấn đề đã chỉ có thể bị bỏ xó.

Cũng chính trong cuộc họp này quyết định đã được đưa ra để bổ nhiệm Dương Thượng Côn làm Chủ tịch Cộng hoà Nhân dân. Đặng đã đề xuất Vạn Lí chức Chủ tịch Quốc Hội. Vạn Lí đã khiêm tốn đáp lại rằng ông không phải là chuyên gia về luật. Đặng đã nói, “Anh chắc chắn có thể học! Ngoài ra, anh có thể yêu cầu những người khác để giúp anh.” Sau khi quyết định được đưa ra, Đặng đã sợ rằng một số người sẽ không chấp nhận Vạn Lí làm Chủ tịch Quốc Hội, vì nhiều lão thành đã phản đối ông. Đặng thậm chí đã có

một cuộc nói chuyện với Vạn Lí để gợi ý rằng ông thăm các lão thành, từng người một, để làm kiểm điểm nào đó và có được sự ủng hộ của họ. Vạn Lí đã làm như Đặng gợi ý.

Ứng viên cho Thủ tướng đã cần thời gian dài để hoàn tất. Người ta đã lo rằng Lí Bằng không sẵn sàng cho trách nhiệm, nhất là trong lĩnh vực cải cách kinh tế, vì trước đó ông đã làm việc về kỹ thuật, công nghệ, và phát điện, và đã có rất ít kinh nghiệm về kinh tế. Trong cải cách kinh tế, ông cũng đã chẳng có kinh nghiệm gì. Tuy vậy, Trần Vân và

Lí Tiên Niệm cả hai đã rất ủng hộ ông.

Một đề xuất khác được xem xét đã là để Diêu Y Lâm hoạt động như Thủ tướng cho một thời kỳ chuyển tiếp hai năm, vì ông đã quen hơn với công việc kinh tế, và người ta đã có những ấn tượng tốt về Diêu Y Lâm. Nhưng Đặng đã thấy việc này không thể chấp nhận được, nói rằng Diêu bị đau vì sức khỏe xấu và đã có phạm vi rất hẹp về kinh nghiệm, vì ông đã làm việc chủ yếu về tài chính và thương mại. Lúc đó, đã khó để tìm thấy bất kỳ ai mới, và họ hầu như chắc không được Trần Vân và Lí Tiên Niệm chấp nhận dấu sao đi nữa. Như thế cuối cùng, đã không có lựa chọn nào khác ngoài đi với Lí Bằng.

Vì Lí Bằng đã không quen với việc quản lý nền kinh tế và đã không có kinh nghiệm nào về cải cách kinh tế, Đặng đã đưa ra một quyết định: “Tạm thời, sau khi nhận chức Tổng Bí Thư, Triệu sẽ tiếp tục quản lý công việc kinh tế và tiếp tục đứng đầu Nhóm Lãnh đạo Kinh tế và Tài chính Trung ương.” Đặng cũng đã nhắc đến rằng Lí Bằng đã có một tiếng xấu trong một số người mà đã cho rằng ông đã thiên vị Liên Xô, nơi ông đã học. Một lần trong một cuộc thăm châu Âu, ông đã vòng qua Liên Xô mà không tham vấn với bất cứ ai. Bởi vì Đặng đã tin rằng danh tiếng của ông đã không hoàn hảo, rằng ông đã thiên vị những người Soviet, ông đã yêu cầu rằng Lí Bằng

đưa ra một tuyên bố công khai khi trở thành Thủ tướng để xoa tan những nghi ngờ mà người ta đã có.

Trong chừng mực tôi biết, Vạn Lí, người đã là Phó Thủ tướng của tôi, đã chẳng bao giờ được đề xuất cho chức vụ Thủ tướng. Đã có hai lý do: thứ nhất, Vạn Lí đã xúc phạm nhiều người. Thứ hai, Đặng đã muốn tìm ai đó trẻ hơn làm Thủ tướng.

Khi đại hội Đảng lần thứ 12 được lên kế hoạch, Dư Thu Lí [viên chức Đảng] đã chịu trách nhiệm về nhóm bổ nhiệm lãnh đạo, dưới sự lãnh đạo của Diệu Bang. Tất cả các vấn đề được báo cáo đầu tiên cho Ban Bí thư, do Diệu Bang quản lý trực tiếp, và sau đó báo cáo cho các lão thành. Nhưng tình hình đã khác với nhóm bổ nhiệm lãnh đạo của Đại hội Đảng thứ Mười Ba, mà do Bạc Nhất Ba đứng đầu với sự tham gia của Dương Thượng Côn, Vương Chấn, Diêu Y Lâm, Tống Nhâm Cùng, Ngũ Tu Quyền, và Cao Dương. Nó đã được Đặng Tiểu Bình kiểm soát trực tiếp. Trước sự từ chức của ông, Diệu Bang đã không can thiệp vào những vấn đề này. Sau đó, Nhóm-Năm-Người cũng đã chẳng can thiệp. Có lẽ tình hình đã khác với đại hội Đảng lần thứ 12 bởi vì vấn đề về cho các lão thành về hưu được xem xét. Vì lý do đó, Đặng đã tiếp quản và đã thực hiện các ý tưởng của ông qua Nhóm-Bảy-Người.

Sau khi Diệu Bang từ chức, Nhóm-Năm-Người đã thay thế Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, như thế làm cho nó song song với Nhóm-Bảy-Người. Nhóm-Năm-Người đã quản lý công việc hàng ngày. Nhóm-Bảy-Người đã chuẩn bị cho việc bổ nhiệm lãnh đạo cho đại hội Đảng thứ 13. Nó cũng đã mở rộng quyền hạn của nó để tiếp quản vai trò của Ủy ban Trung ương trong việc đưa ra những sự thay đổi nhân sự chung.

Bộ trưởng Lâm nghiệp đã bị cách chức bởi vì một vụ cháy rừng ở Đại Hứng An Lĩnh [trong Tỉnh Hắc Long Giang] trong năm 1987, như thế một Bộ trưởng Lâm nghiệp mới được đề xuất. Tuy vậy, bởi

vì sự can thiệp của Nhóm-Bảy-Người, nó đã không được thông qua. Lúc đó, tôi đã ở nước ngoài trong một cuộc viếng thăm nhà nước, để Vạn Lí phụ trách ở trong nước. Vạn Lí đã phản đối những gì đã xảy ra và đã báo cáo cho Đặng Tiểu Bình.

Đặng đã công bố rằng Nhóm-Bảy-Người phải được lãnh đạo bởi Nhóm-Năm-Người. Những sự thay đổi nhân sự hàng ngày sẽ vẫn được quản lý bởi Ban Bí thư và Quốc Vụ Viện. Bạc Nhất Ba đã không có lựa chọn nào khác ngoài việc đồng ý. Tuy vậy, ông đã tiếp tục vượt quá xa. Ông đã thường yêu cầu Trưởng Ban Tổ chức [Tống Bình] báo cáo cho ông; sau đó ông chuyển ý kiến của ông cho Tống Bình và yêu cầu ông thực hiện sao cho phù hợp. Bạc Nhất Ba đã nói rằng bởi vì những sự bổ nhiệm lãnh đạo cho Đại hội Đảng thứ 13 đã gồm việc đánh giá tất cả các lãnh đạo tỉnh, thành phố {trực thuộc}, và bộ, Ban Tổ chức (TW) phải tham vấn Nhóm-Bảy-Người trước khi bàn bạc kỹ lưỡng việc sắp xếp lại cán bộ.

Trước Đại hội Đảng thứ Mười Ba, ông cũng đã chuyển một gợi ý cho tôi qua Tống Bình: rằng sẽ thích đáng hơn cho Nhóm-Bảy-Người hiện tại để tiếp tục dưới hình thức nào đó sau Đại hội Đảng thứ Mười Ba nhằm để giúp Ủy ban Trung ương trong quản lý công việc nhân sự. Mục đích ban đầu của Nhóm-Bảy-Người đã là đưa ra những dàn xếp cho ban lãnh đạo của Đại hội Đảng thứ Mười Ba, nhưng bây giờ ông đang đề xuất rằng nó tiếp tục thậm chí quá Đại hội. Đã hiển nhiên rằng họ đã hy vọng kiểm soát sự quản lý nhân sự vô thời hạn.

Tôi đã không thể đồng ý với điều đó. Tôi đã bảo Tống Bình để chuyển thông điệp của tôi rằng chúng ta sẽ bám vào quyết định ban đầu—rằng sau Đại hội Đảng thứ Mười Ba, nhiệm vụ của Nhóm-Bảy-Người đã xong. Về làm thế nào để sử dụng tính hiệu quả của các Đồng chí lão thành liên quan đến quản lý nhân sự, đấy là việc chúng ta có thể thảo luận vào thời gian muộn hơn. Bạc, một người mà đã

luôn luôn say mê để chiếm quyền lực, phải đã hết sức bị phật lòng khi tôi bác bỏ ý tưởng của ông.

* Các Chiến dịch Chống-Tự do hoá, cũng được biết đến như Chiến dịch Chống-Tự do hoá Tư sản, đã được phát động bởi những người bảo thủ trong Đảng trong năm 1987 để chống lại một trào lưu tự do đang tăng lên giữa giới trí thức Trung Quốc.

* Bốn Nguyên tắc Cốt yếu, do Đặng đưa ra trong 1979, đã nhấn mạnh rằng không thể có sự nghi ngờ nào về bốn trụ cột của nhà nước: con đường xã hội chủ nghĩa, nền chuyên chính dân chủ nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, và tư tưởng Marxist–Leninist–Mao Trạch Đông.

† “Mặt trận lý luận” nhắc đến các định chế Đảng khác nhau mà đưa ra các lý lẽ lý luận để ủng hộ chính sách. Nó đã thường là chiến trường của những người bảo thủ và các nhà cải cách.

‡ Chiến dịch Chống–Ô nhiễm Tinh thần được khởi động trong năm 1983 để loại bỏ ảnh hưởng Tây phương trong xã hội. Tên ban đầu, Tẩy sạch Ô nhiễm Tinh thần, đã được Đặng Tiểu Bình nói ra, và ngụ ý sự trừng trị nghiêm khắc hơn.

* Một “cuộc sinh hoạt nội bộ Đảng-*Party life meeting*” (*đảng nội sinh hoạt hội-dangnei shenghuo hui*) được tổ chức cho các đảng viên của Đảng cộng sản để “trao đổi các ý tưởng và kinh nghiệm, và tiến hành kiểm điểm và tự kiểm điểm.” Theo Điều lệ Đảng, những cuộc họp như vậy được các chi bộ (đảng bộ) đảng tiến hành hai đến bốn lần một năm.

† Học giả khai phóng Quách La Cơ đã công bố một bài báo gây tranh cãi năm 1979 trong *Nhân dân Nhật báo* cho rằng nhân dân phải được phép tranh luận công khai các vấn đề chính trị. Hồ Tích Vĩ đã là tổng biên tập của tờ báo, và Vương Nhược Thủ là phó tổng


biên tập của nó. Hồ Diệu Bang đã bị chỉ trích vì đã không trừng phạt họ như Đặng đã yêu cầu.

PHẦN 5

MỘT NĂM NÁO ĐỘNG

1. Sau Đại hội

Theo tường thuật riêng của ông, 1988 là năm khó khăn nhất trong toàn bộ sự nghiệp chính trị của Triệu, một thời khi tình hình diễn biến đi xuống đầy kịch tính. Đại hội Đảng thứ Mười Ba đã là một thành công, và Triệu thậm chí tìm được cách để có được sự tán thành cho một kế hoạch cải cách chính trị. Nhưng một loạt xung đột và khủng hoảng đang chờ.

 Đại hội Đảng thứ 13 đã có những phản ứng tốt cả trong nước và nước ngoài, và đã rất được ca ngợi. Trên hết, nó đã khiến nhân dân khắp nước cảm thấy hy vọng. Là công bằng để nói rằng nó đã làm mới sự nhiệt tình của nhân dân.

Tình hình kinh tế trong năm 1987 cũng đã tốt hơn tình hình trong các năm trước. Không chỉ nền kinh tế quốc gia tiếp tục tăng trưởng với một nhịp độ nhanh, mà các dấu hiệu cũng đã có vẻ chỉ ra một sự phát triển suôn sẻ và ổn định. Cân bằng giữa các phần khác nhau của nền kinh tế quốc gia cũng đã tốt, trừ trong nông nghiệp. Chúng ta đã có một vụ mùa bội thu, nhưng các vấn đề đã nổi lên do sự trì trệ trong khu vực trong ít năm trước. Nhưng cung tiền đã vẫn bên trong kế hoạch, các khoản dự trữ ngoại hối đã tăng nhiều, và ngoại thương đã lành mạnh.

Những cố gắng để kiểm soát kinh tế vĩ mô trong khi giải phóng kinh tế vi mô cũng đã cải thiện. Kinh tế vĩ mô đã không vượt ra ngoài sự kiểm soát, và kinh tế vi mô đã không bị kiềm chế. Các vấn đề hâm quá nóng kinh tế và cung tiền thái quá tất cả đã được giảm nhẹ.

Trong ít năm trước, các vấn đề đã xảy ra khi chúng ta thử đưa tình hình kinh tế vĩ mô dưới sự kiểm soát trong khi đưa ra những cải

thiện về cơ chế. Từ những kinh nghiệm 1987 của chúng ta, việc ổn định nền kinh tế và tăng trưởng với một nhịp độ nào đó có thể xảy ra đồng thời. Việc đưa tình hình kinh tế vĩ mô dưới sự kiểm soát có thể được làm đồng thời khi giải phóng các hoạt động ở mức kinh tế vi mô.

Sau Đại hội Đảng thứ Mười Ba, tình hình chính trị và kinh tế chung đã tốt. Nếu giả như chúng ta tiếp tục chấp nhận các biện pháp và các chính sách đã học được từ những kinh nghiệm thành công của vài năm quá khứ, tình hình trong năm 1988 đã có thể tiếp tục cải thiện.

Tuy vậy, điều đó đã không phải là cái đã xảy ra. Thay cho tốt đã trở thành tồi hơn và cuối cùng đã khá xấu. Có nhiều bài học có thể được rút ra từ những gì đã xảy ra.

2. Hốt hoảng Mua và Rút Tiền ồ ạt khỏi Ngân hàng

Giải phóng giá cả là một trong những thách thức hóc búa nhất cho các nhà cải cách kinh tế của Trung Quốc—và một thách thức then chốt nhất. Rốt cuộc, các giá được định một cách tự do ngay lập tức truyền thông tin cốt yếu về cầu thực đối với các hàng hoá, một phần cơ bản của tính hiệu quả của một hệ thống thị trường. Trong thời đại cải cách sớm, Trung Quốc đã có một hệ thống hai-giá: cả các giá do chính phủ-định và các giá do thị trường-xác định tồn tại cho cùng các hàng hoá. Khai thác sự khác biệt giữa hai giá tạo ra các cơ hội rộng rãi cho tham nhũng. Các nhà cải cách cảm thấy một sự cấp bách để sửa tình hình để biến động này, nhưng phạm một số sai lầm chí tử trong sự hấp tấp của họ.¹ Kết quả là việc hốt hoảng mua và sự rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng khi công chúng lườm trước những gì sẽ đến tiếp theo.



Tăng giá đã là một vấn đề nóng trong năm 1988; nó đã không tránh khỏi trong quá trình cải cách. Mức tăng 7 phần trăm trong năm 1987 đã không rất cao, nhưng cao hơn mức trong vài năm trước.

Trong quý một của 1988, giá cả đã tiếp tục tăng, nhất là giá thực phẩm. Nguyên nhân đã là sản lượng nông nghiệp tụt trong vài năm trước. Đồng thời, cách tiếp cận của chúng ta đã có vấn đề, vì chúng ta đã không theo các quy tắc thị trường. Giá ngũ cốc đã tăng lên, nhưng giá thịt và trứng đã không, dẫn đến những sự thiếu hụt. Trong thời gian Lễ hội Xuân 1988, một số thành phố đã xem xét một sự quay lại hệ thống thân phối. Nếu giả như chúng ta đã ngay lập tức điều chỉnh giá cả của các sản phẩm nông nghiệp để kéo dãn khu

vực đó, và đồng thời cung cấp sự đền bù cho dân cư đô thị, thì vấn đề đã có thể được giải quyết.

Tuy vậy, đã có những quan ngại. Giá cả đã tăng lên mỗi năm, và sự tăng tích lũy đã là đáng kể. Nhân dân phàn nàn, và chúng ta đã phản ứng bằng việc đưa ra những sự điều chỉnh thêm—thế nhưng hệ thống định giá tổng thể đã vẫn không được sửa ngăn nắp. Chúng tôi đã xem xét việc tăng nhanh giá lên mức đúng của chúng trong vòng vài năm, chịu đau vì mục đích đột phá những khó khăn của việc cải cách hệ thống. Đồng thời, chúng tôi sẽ tăng lương của công nhân.

Với nhận thức muộn màng, tuy vậy, ý tưởng này đã không thiết thực. Trong các năm đó, sự cùng tồn tại của hai thị trường, với một hệ thống hai-đường định giá, đã tạo ra nhiều ma sát và tham nhũng mà đã là không thể để thể chế hoá thị trường. Chúng tôi đã muốn nghĩ ra một kế hoạch được phối hợp để loại bỏ sự cùng tồn tại của hai hệ thống càng sớm càng tốt.

Chúng tôi cũng đã tin rằng các cải cách cho đến nay đã tương đối dễ, và trong khi các kết quả đã là tốt, các thứ để lại để hoàn thành đã là khó hơn. Nhiệm vụ trước mắt đã là tìm cách giải quyết các vấn đề hóc búa hơn và giành được một sự đột phá; nếu chúng ta né tránh việc đối mặt chúng, tình hình sẽ không cải thiện, và có thể trở nên tồi hơn.

Trong việc chuyển từ một nền kinh tế kế hoạch sang một nền kinh tế thị trường, chúng ta đã luôn luôn theo một cách tiếp cận từ từ, đặc biệt khi chấp nhận các yếu tố mới. Nền kinh tế quốc gia đã bị chia thành hai khu vực. Chúng ta đã làm tăng khu vực thị trường và từ từ làm yếu khu vực kế hoạch. Hai cố gắng này đã được phối hợp.

Chính phủ đã không can thiệp trực tiếp vào khu vực thị trường, đặc biệt không qua các phương tiện hành chính. Sản xuất đã được

tự khởi xướng và giá cả được định tự do theo các lực lượng thị trường. Trong khu vực thị trường, các doanh nghiệp gia đình, các hãng tư nhân, và các liên doanh tất cả đều tự khởi xướng và chịu trách nhiệm về lợi nhuận và các khoản lỗ của chính chúng.

Khu vực kế hoạch về cơ bản đã dưới sự kiểm soát của nhà nước, và ở đây nhà nước định các giá. Một số sản phẩm trong khu vực này cũng được đưa lên thị trường, nhưng chúng chủ yếu đã không phản ứng với các cơ chế thị trường. Các doanh nghiệp sở hữu nhà nước đã không có sự tự trị thực.

Trong khu vực thị trường, các doanh nghiệp đã tự do để định các giá riêng của chúng. Trong khu vực kế hoạch các giá của các doanh nghiệp đã do nhà nước định, hay chỉ ít nhà nước đã giữ quyền lực đối với quá trình. Cũng đã đúng thế cho lương. Trong khu vực thị trường, các doanh nghiệp đã tự do để tự định lương. Trong khu vực kế hoạch, lương do nhà nước định hay, cho dù nhà nước đã nhường phần nào đó của quyền này cho các doanh nghiệp, nó đã vẫn giữ lại kiểm soát cuối cùng. Khu vực thị trường trong những năm đó đã nảy sinh ra từ số không, từ ấu thơ đến trưởng thành, còn khu vực kế hoạch đã co lại dần dần. Tuy nhiên, trong năm 1988 khu vực kế hoạch đã vẫn chiếm hơn 60 phần trăm [của nền kinh tế].

Mặc dù hệ thống hai-đường đã gây ra ma sát và đã tạo ra những cơ hội cho tham nhũng, tổng thể nó đã mang lại sức sống cho nền kinh tế, nhất là khu vực thị trường.

Đã là không thể để biến đổi các doanh nghiệp sở hữu nhà nước lớn và vừa thành các thực thể thị trường qua một cải cách một-lần của hệ thống giá, và lương. Chúng đã chỉ có thể được biến đổi từng ít một qua các cải cách giá, và sở hữu từ từ đối với các hệ thống kế hoạch. Cách tiếp cận từ từ đã ổn định hơn, ít rủi ro hơn, và dễ hơn cho xã hội để chấp nhận. Chúng ta đã tiến hành theo cách này suốt thời gian, mặc dù không có ý thức.

Chúng ta đã biết rằng cải cách giá là then chốt. Và chúng ta đã luôn luôn nghĩ rằng tại điểm nào đó các điều kiện sẽ là đúng để tiến hành các biện pháp, cùng một lúc hay theo vài bước, để biến đổi các doanh nghiệp sở hữu nhà nước. Điều này đã ngụ ý rằng sự phát triển của khu vực thị trường đã là một khúc dạo đầu cho một sự đột phá cuối cùng.

Trong tháng Năm 1988, tôi đã trình bày cho một cuộc họp Bộ Chính trị một báo cáo có tựa đề “Thiết lập Trật tự Mới của Nền kinh tế Hàng hoá Xã hội chủ nghĩa,” trong đó tôi đã nói nhiệm vụ là để cải cách hệ thống giá cả trong vài năm tới trong khi nâng lương của người lao động lên một cách thích hợp. Chúng tôi đã tin đầy đủ là trận quyết định trong sự biến đổi sang một nền kinh tế thị trường: chấm dứt sự cùng tồn tại của hai hệ thống và hệ thống hai giá.

Sự tồn tại của những mối lo âu này đã cho biết rằng cải cách giá không phải là một vấn đề đơn giản. Sau tháng Tám, tôi đã kết luận rằng thành công của cải cách giá và cải cách lương phụ thuộc vào sự làm sâu sắc toàn bộ cải cách. Nếu cải cách giá và lương cuối cùng đòi hỏi chúng ta để chuyển tất cả các doanh nghiệp sở hữu nhà nước vừa và lớn về hướng mô hình thị trường, lúc đó đã có vấn đề tính khả thi. Đã là khó cho kế hoạch để hoạt động.

Đã cũng có những vấn đề chiến thuật, đặc biệt dính đến cải cách giá. Kế hoạch ban đầu đã có vấn đề—nhưng nó đã được quảng bá hết sức trước việc thực hiện, mà không có sự xem xét đến tâm lý người dân. Các điều kiện kinh tế đã là tốt trong năm 1987, nhưng trong năm 1988 đã có những căng thẳng trong thị trường.

Ở nước ngoài, việc này được biết đến như sự lường trước tâm lý về lạm phát. Nếu người dân biết rằng nhà nước sẽ tăng giá, cho dù họ biết sẽ có các khoản đền bù chính phủ và rằng các tiêu chuẩn sống của họ sẽ không sụt, họ vẫn sẽ lo về bảo tồn giá trị của các khoản tiết kiệm của họ.

Bởi vì chúng ta đã không nâng các lãi suất ngân hàng kịp thời để giải quyết vấn đề về bảo toàn giá trị của các khoản tiết kiệm, người dân đã bắt đầu việc hoảng hốt mua và tích trữ để bảo toàn giá trị của tiền của họ. Việc này chủ yếu đã mang tính tâm lý. Mặc dù chúng tôi đã công bố lặp đi lặp lại rằng những sự kéo giá lên sẽ không hạ thấp các tiêu chuẩn sống của nhân dân, chúng tôi đã không chú ý tới vấn đề về các khoản tiết kiệm của người dân. Đã là lẽ thường tình, nhưng chúng tôi đã thiếu kinh nghiệm lúc đó.

Trong tháng Tám, chúng tôi đã thảo luận vấn đề về cải cách giá tại Bắc Đới Hà. Ngay lập tức các báo đã bắt đầu quảng bá sự đột phá, tường thuật rằng đã có một quyết định để nâng giá. Người dân đã bắt đầu hoảng sợ. Họ đã đổ xô đến các ngân hàng để rút tiền và tất tả mua sạch các hàng hoá. Đột nhiên đã có những sự thiếu hụt, và nó đã có vẻ cứ như tình hình kinh tế đã xấu đi.

Thực ra, tình hình kinh tế trong 1988 đã không xấu; đã không có cung tiền thái quá. Vấn đề chính đã là nhân tố tâm lý: nhân dân đã trong một sự hoảng sợ. Tất nhiên, đã vẫn có sự nôn nao nào đó từ nền kinh tế quá nóng và sự dư thừa tiền của các năm trước. Sức mua của người dân đã chưa được cụ thể hoá trong hình thức của các khoản tiết kiệm lớn. Có lẽ đã có một ngàn tỷ nhân dân tệ được gửi trong các ngân hàng; một khi người dân hoảng sợ họ rút tiền của họ và bắt đầu mua.

Vấn đề đã là việc quảng bá không đúng về cải cách giá. Nếu giả như chúng ta đã công bố một sự ngừng cải cách giá và sau đó nâng các lãi suất và hứa các khoản tiết kiệm bảo đảm giá trị, người dân đã cảm thấy an toàn hơn. Nếu giả như lúc đó chúng ta đã giảm quy mô vài chục tỷ nhân dân tệ chi tiêu về hạ tầng cơ sở, tiết kiệm vài triệu tấn thép, nền kinh tế đã không phải chịu bất cứ vấn đề gì.

Lúc đó, Nhóm Lãnh đạo Kinh tế và Tài chính Trung ương đã lặp đi lặp lại đề xuất với Quốc Vụ Viện rằng các lãi suất phải được nâng

lên càng nhanh càng tốt và rằng các khoản tiết kiệm bảo đảm giá trị được đưa vào thực tiễn. Tuy vậy, tại Quốc Vụ Viện, Lí Bằng và Diêu Y Lâm đã lo rằng nếu các lãi suất tiết kiệm được nâng lên trong khi các lãi suất trên các khoản cho vay cho các doanh nghiệp sở hữu nhà nước đã không thể được nâng lên cho phù hợp, điều đó sẽ đặt quá nhiều gánh nặng lên các ngân hàng. Họ đã lưỡng lự trong một thời gian, trước khi cuối cùng đưa các khoản tiết kiệm bảo đảm giá trị vào đúng chỗ.

Thực ra, ngay khi các khoản tiết kiệm bảo đảm giá trị được đưa vào, các khoản gửi tiết kiệm đã lại tăng lên. Việc đó đã bắt đầu trong quý tư của 1988 và đã được tăng tốc trong quý một của 1989. Tình hình đã nhanh chóng ổn định. Điều này đã chứng tỏ rằng nền kinh tế đã không có bất kể vấn đề nghiêm trọng nào. Lạm phát đã không cao hơn. Nhưng khi người dân hoảng sợ, họ đã rút tiền mặt, mà chung quy đã là hàng năm trừ tiết kiệm của họ, để mua các hàng hoá, khiến cho có vẻ rằng lạm phát đang trở nên xấu đi. Thực ra, lạm phát đã đi xuống sau 1987, tuy nó đã không lắng đi hoàn toàn.

3 Một Loạt Bước Sai lầm

Triệu phân tích thêm các sự kiện trong 1988 đã dẫn đến việc hoảng hốt mua và sự rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng. Tác động phụ về chính trị là tội tệ hơn tác động thật lên nền kinh tế. Nhiều người bây giờ tin chương trình cải cách là một thất bại, và sự kiểm soát đối với nền kinh tế trở lại với các nhà lãnh đạo mà đã muốn tái khẳng định những sự kiểm soát hành chính. Sẽ là hàng năm trước khi tình hình phục hồi.



Sự rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng và việc tích trữ hàng hoá đã dẫn đến một sự hoảng sợ toàn thể, mà đã đến với sức mạnh của một sóng thần. Mọi thành phố lớn đã ở trong một tình trạng căng thẳng. Những sự chỉ trích bên trong và bên ngoài Đảng đã tăng lên, và những người ở mọi mức chính quyền đã dưới áp lực.

Việc này đã khiến chúng tôi đánh giá quá tính nghiêm trọng của các vấn đề kinh tế và tin rằng lạm phát đã vút lên. Chúng tôi đã không sử dụng thuật ngữ “runaway inflation- lạm phát lồng lên” mà đã gọi nó là “lạm phát cao.” Trong thực tế, chúng tôi đã không thực sự phân tích lạm phát.

Chúng tôi đã quyết định để xác nhận lại trật tự đối với công việc kinh tế trong năm 1988. Chúng tôi đã chuyển sự nhấn mạnh xa khỏi cải cách và theo hướng “điều chỉnh và tổ chức lại.” Ý định đã là để làm dịu bớt sự hoảng sợ của người dân, nhưng kết quả đã là cực kỳ tiêu cực và nhìn lại tình hình đã không nên được xử lý theo cách này.

Chúng tôi đã ổn định nền kinh tế bằng việc kiểm soát chi tiêu hạ tầng cơ sở và cung tiền. Nếu giả như chúng tôi đã làm việc này, nền

kinh tế đã có thể được ổn định. Đã không cần đến một sự tổ chức lại và sự co lại lớn. Nếu giả như chúng tôi đã làm sâu sắc các cải cách, mà có nghĩa là giảm thêm khu vực kế hoạch trong khi mở mang khu vực thị trường, tình hình đã phát triển suôn sẻ. Một mục tiêu của “điều chỉnh và tổ chức lại” được đề xuất đã là nhanh chóng tạo ra những điều kiện cho một cố gắng nữa để cải cách các hệ thống giá và lương, để chấm dứt hệ thống hai giá. Nhưng bây giờ tôi nhận ra rằng ý tưởng này đã không thực tế.

Những người như Lí Bằng và Diêu Y Lâm đã luôn luôn có những mối nghi ngại về cải cách, như thế ngay khi khẩu hiệu “điều chỉnh và tổ chức lại” được đề xuất—và với sự quản lý trực tiếp công việc kinh tế dưới sự kiểm soát của họ—họ đã siết chặt trên tất cả các mặt trận. Họ đã khôi phục các phương pháp cũ, đưa ra những khoản cắt bớt lớn bằng các phương tiện hành chính. Các thẩm quyền mà đã được giao xuống cho các mức thấp hơn đã bị thu lại. Các biện pháp mà đã dựa đáng kể vào các cơ chế thị trường đã bị huỷ bỏ. Sau vài tháng thế này, nền kinh tế đã chậm lại; sự co lại sẽ tiếp tục trong hai đến ba năm. Điều này cho thấy đã không có vấn đề với nền kinh tế Trung Quốc; khác đi, vì sao những điểm yếu này xuất hiện chỉ sau khi những sự kiểm soát hành chính được đưa vào?

Kết quả cuối cùng của “điều chỉnh và tổ chức lại” đã không tốt. Ý định của tôi đã là sử dụng khẩu hiệu để ổn định nhanh tình hình và tạo ra các điều kiện thích hợp cho việc khởi động lại các cải cách giá và lương, và tiếp tục với kế hoạch ban đầu. Nhìn lại, tuy vậy, đây đã là một sai lầm.

Nền kinh tế không cho thấy lại các dấu hiệu sinh khí cho đến khi Đặng Tiểu Bình đi kinh lý miền nam trong năm 1992. Lúc đó, ông đã chỉ trích “điều chỉnh và tổ chức lại” và đã gợi ý rằng chúng ta tận dụng những cơ hội để tăng tốc sự phát triển và cải cách. Việc này

đã được sự tán thành của nhân dân và đã chứng minh thêm rằng những sự cắt giảm và co lại chuyên tâm đã không phù hợp với thực tế của Trung Quốc. Nếu nền kinh tế Trung Quốc đã thực sự trong một điều kiện nguy kịch và lạm phát nghiêm trọng đến thế, đã là không thể cho nền kinh tế để phục hồi nhanh đến vậy trong phản ứng lại các nhận xét của Đặng ở miền nam.

Có hai vấn đề quan trọng từ thời kỳ này mà cần được xem xét lại. Một liên quan đến cải cách: dưới sự tồn tại của hệ thống hai-đường, cách duy nhất để cải cách những chuyện quan trọng đã là để tiến hành những sự chuyển tiếp từ từ, mở rộng từng bước các cơ chế thị trường-điều chỉnh trong khi tăng dần việc giảm khu vực kinh tế kế hoạch. Chúng ta đã phải tiến hành từng bước một trong việc mở rộng khu vực thị trường. Là không thể để biến đổi nền kinh tế kế hoạch thành một nền kinh tế thị trường ngay lập tức bằng một cú duy nhất. Nhìn lại, phương pháp “ngay lập tức (all at once)” đã là không thích hợp; cách tiếp cận cơ bản đã sai.

Một vấn đề khác đã là, khi sự rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng và việc hoảng hốt mua xảy ra, tính nghiêm trọng của tình hình đã bị đánh giá quá cao. Các biện pháp cần thiết đã có thể được áp dụng, nhưng đã không thích hợp để chuyển sang một hướng mới. Đúng hơn, các hành động để làm sâu sắc cải cách đã phải được tiến hành để ổn định tình hình. Nếu giả như chúng ta đã làm việc đó, thì việc hoảng hốt mua trong năm 1988 và sự đình trệ và thoái lui của vài năm tiếp theo đã có thể tránh được.

Vấn đề đã là chúng ta nghĩ thế nào về cải cách giá. Chúng ta đã không theo con đường mà chúng ta đã đi trong những năm trước đó, mà thay vào đó đã thử sử dụng sức mạnh vũ phu để tạo sự đột phá, tin rằng sự biến đổi thị trường sẽ tự hoàn thành sau đó. Thực ra nó đã là một sự điều trị bằng liệu pháp sốc.

Tiếp theo, việc định thời gian và sự quảng bá về cải cách chính sách giá đã sai lầm. Trong mùa xuân 1988, vấn đề toàn quốc về những sự tăng giá đã không phải do sự quá nóng kinh tế của năm 1987, cũng chẳng phải nó bị kích bởi cung tiền quá mức. Nguyên nhân chính đã là khi chúng ta định các giá cho các sản phẩm nông nghiệp chúng ta đã không xử lý các thứ một cách thích hợp. Giá thịt, rau, và trứng đã đều tăng; các giá tăng đã là một tiêu điểm chú ý rồi. Như thế sau đó khi chúng ta đưa ra các kế hoạch cho cải cách giá, việc định thời gian đã được chọn sai và một cách tự nhiên đã gây ra hoảng sợ. Việc quảng bá kế hoạch đã đặc biệt không thích hợp; chúng ta đã chịu đau khổ nhiều như một kết quả. Đấy đã là lý do chính cho việc hoảng hốt mua: người ta đã không mua các sản phẩm cho tiêu dùng, mà đúng hơn cho việc bảo toàn giá trị của các khoản tiết kiệm của họ.

Suốt quá trình thiết kế, thảo luận, và hoàn tất kế hoạch cải cách giá, các báo đã liên tục đăng các bài báo. Một số bài đã tường thuật về những gì Đặng Tiểu Bình đã nói; các bài khác đã gồm những nhận xét của tôi. Nó đã đặt một địa vị nổi bật lên vấn đề. Chúng đã nói rằng phần dễ nhất của cải cách đã được làm rồi, và rằng bây giờ chúng ta sẽ giải quyết vấn đề giá.

Các nhân tố này cùng nhau đã làm người ta hoảng sợ. Tình hình, vì thế đã do các biện pháp không thích hợp, mà chúng ta đã làm, gây ra. Khi sự rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng và việc hoảng hốt mua bắt đầu, chúng ta đã không làm một phân tích điềm tĩnh. Chúng ta đã lao quá nhanh để đề xuất “điều chỉnh và tổ chức lại,” và kết quả đã là, những người chống cải cách đã được trao một cơ hội để gây ra mấy năm giảm sút kinh tế.

4 Vấn đề với các Giá

Triệu giải nghĩa về những hoàn cảnh chính trị bao quanh những cố gắng để cải cách hệ thống giá một cách đột ngột. Kế hoạch đã có sự ủng hộ chính trị vững chắc của Đặng Tiểu Bình, người muốn loại bỏ hàng tỷ nhân dân tệ trợ cấp mà ủng hộ hệ thống hai giá. Cuối cùng, tuy vậy, Triệu ngạt thở dưới áp lực và ngưng cải cách giá. Ông chịu hoàn toàn trách nhiệm vì sự thất bại.



Cố gắng để đạt được một sự đột phá trong cải cách giá đã diễn ra như sau.

Trong tháng Năm 1988, tôi đã đưa ra một báo cáo tại một cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng, “Thiết lập một Trật tự Kinh tế Mới: Nền Kinh tế Xã hội chủ nghĩa Thị trường.” Tôi đã đề xuất rằng trong vòng năm năm chúng ta sẽ điều chỉnh các giá và các mức lương không thích hợp, với cái giá phải chịu những sự tăng giá mỗi năm. Đã được quyết định tại cuộc họp rằng Quốc Vụ Viện sẽ thảo các kế hoạch. [Phó Thủ tướng] Diêu Y Lâm và các cộng sự của ông đã thảo kế hoạch chi tiết. Nó đã được thảo luận một lần tại Bắc Đới Hà, sau đó họ đã xét lại và quay lại Bộ Chính trị để xem xét.

Trong khi chúng tôi đang thảo luận vấn đề, các sự cố về việc hốt hoảng mua đã trở nên phổ biến. Người dân đã bày tỏ những quan ngại trong sự thảo luận của họ rằng cải cách giá sẽ gây ra các vấn đề. Tôi đã nói tại cuộc họp Bộ Chính trị rằng khi thực hiện cải cách này, mỗi bước không được là quá lớn; đồng thời, chúng ta phải cắt hàng chục tỷ trong chi tiêu hạ tầng cơ sở để giảm cầu thị trường cho thép và các nguồn lực khác.

Việc định thời gian đã được cảm nhận là tương đối thuận lợi: nền kinh tế đang tăng trưởng, và thu nhập của người dân đang tăng lên. Cộng thêm, chúng ta đã có vài biện pháp dự phòng. Thí dụ, chúng ta đã có lượng lớn nhà ở công mà đã có thể được bán nhằm để rút một lượng tiền nào đó khỏi lưu thông. Chúng ta cũng đã có thể bán một số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mục tiêu chính của chúng ta với cải cách giá đã là để hiệu chỉnh các mức giá và khiến các doanh nghiệp thoả mãn các điều kiện thị trường qua sự cạnh tranh công bằng, nhằm để cải thiện tính hiệu quả của chúng. Trong tháng Tám, các nhà chức trách địa phương, nhất là ở Thiên Tân và Thượng Hải, đã lo âu, nhưng chẳng ai đã bày tỏ ý kiến của họ một cách rõ ràng. Và như thế tại Bắc Đới Hà, kế hoạch đã được chuẩn y. Trong quá trình thực hiện nó, đã không có sự bất đồng rõ rệt nào, ngay cả từ Diêu Y Lâm và các cộng sự của ông tại Quốc Vụ Viện, khi họ soạn các kế hoạch chi tiết.

Đồng chí Đặng Tiểu Bình đã luôn luôn tin vào cải cách giá. Trong 1988, ông đã bình luận nhiều lần rằng cải cách giá bắt đầu quá muộn, và rằng tình hình đã tốt hơn nhiều nếu giả như nó đã được làm vài năm trước.

Tại cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng trong tháng Năm, tôi đã đề xuất rằng chúng ta tạo ra sự tiến bộ đáng kể về cải cách giá trong vài năm tới. Tôi đã thảo luận việc này với Đặng Tiểu Bình trước, và ông đã rất ủng hộ. Muộn hơn, ông đã nói công khai rằng cải cách giá cần một sự đột phá và rằng chúng ta phải vượt qua những khó khăn. Ông cũng đã nói rằng vấn đề của chúng ta đã không phải là chúng ta đã có thể làm một bước quá táo bạo, mà đúng hơn là chúng ta đã có thể ngần ngại, và do dự hay lùi bước khi đối mặt với các vấn đề.

Tôi tin rằng sự hiểu biết của Đặng Tiểu Bình về cải cách giá đã dựa chủ yếu vào những mối quan tâm về những thiệt hại tại các

doanh nghiệp sở hữu nhà nước và những hy vọng của ông cho việc giảm các khoản trợ cấp nhà nước. Ông thường đã nói rằng, bởi vì việc định giá sai, chúng ta đã chi hàng chục tỷ nhân dân tệ cho các khoản bao cấp. Ông đã yêu cầu Diêu Y Lâm nhiều lần, “Nếu chúng ta tiến hành cải cách này, bao nhiêu tỷ chúng ta có thể tiết kiệm được trong các khoản bao cấp? Nếu chúng ta không tiến hành, chúng sẽ tăng lên bao nhiêu?”

Ông đã rất cương quyết trong việc ủng hộ cải cách giá. Ông đã thích tiến hành những bước táo bạo, và ông đã cố vũ mọi thứ liên quan đến cải cách.

Tất nhiên, nếu chúng tôi tin cái gì đó là quá khó để thực hiện, ông không cố nài. Vì thế, đối với cố gắng cải cách giá trong 1988, trách nhiệm đã không phải là của ông, mà chủ yếu là của tôi. Tôi đã đề xuất tất cả. Toàn bộ quá trình từ sự thiết kế đến việc thảo luận tại Quốc Vụ Viện đã được tôi chủ toạ và chấp thuận. Vào phút chót, khi chúng tôi đối mặt với những khó khăn, tôi đã đề xuất hoãn việc thực hiện, với sự đồng ý của ông [của Đặng].

Cuối cùng, tôi đã quyết định dừng cải cách giá và quay sang “điều chỉnh và tổ chức lại.” Ngay trước khi ra quyết định trong tháng Chín, tôi đã nói chuyện với Diêu Y Lâm. Tôi đã nói rằng tất cả chúng ta phải thống nhất để trì hoãn cải cách giá. Ông đã nói có thể hoãn mấy tháng, cho đến nửa sau của năm 1989, khi chúng ta có thể đánh giá lại. Muộn hơn, bởi vì các hậu quả của cải cách giá và tình hình căng thẳng ở rất nhiều nơi, tôi đã kết luận rằng chúng tôi phải trì hoãn việc thực hiện và tập trung vào việc cải thiện môi trường kinh tế và làm dịu bớt nỗi sợ của nhân dân. Chúng ta có thể đánh trận này muộn hơn. Sau khi tôi đưa ra quyết định, tôi đã nói chuyện lại với Lí Bằng và Diêu Y Lâm, và họ đã đồng ý với tôi.

Tôi đã cảm thấy cần báo cáo cho Đồng chí Đặng Tiểu Bình. Ngay trước khi tôi đưa ra quyết định, Đặng Tiểu Bình đã nói chuyện

với Lí Bằng và đã cổ vũ chúng tôi bằng nói rằng, “Đừng sợ.” Ông đã nói có những rủi ro dính líu đến cải cách giá, nhưng những rủi ro này chúng ta phải chịu đựng. Nếu bất cứ thứ gì xảy ra, ông sẽ chịu trách nhiệm. Vì điều này, nếu tôi dùng cải cách giá, tôi đã cảm thấy buộc phải báo cáo cho Đặng. Vấn đề đã rất khó để giải thích; nó đã kéo theo một sự thay đổi hướng mà đã không dễ để bày tỏ trong vài câu. Ngoài ra, thính giác của Đặng Tiểu Bình đã kém. Như thế tôi đã yêu cầu [thư ký của Đặng] Vương Thụy Lâm đến văn phòng của tôi và đã phác thảo tình hình chi tiết cho ông. Tôi đã giải thích vì sao tôi đã quyết định để trì hoãn kế hoạch, và vì sao nó sẽ xấu nếu chúng tôi không trì hoãn. Tôi đã yêu cầu ông chuyển tiếp điều này cho Đặng Tiểu Bình, bởi vì ông đã làm việc thân thiết với Đặng và đã có thể giải thích vấn đề một cách rõ ràng. Sau khi nó được báo cáo cho Đặng, quyết định đã được hoàn tất trong cuộc họp Bộ Chính trị.

5 Cải cách bị Trúng Đòn

Cố gắng thất bại để cải cách giá cho phép những Đảng viên bảo thủ chụp lấy cơ hội để đảo ngược nhiều cố gắng thành công trong tự do hoá hệ thống kinh tế của Trung Quốc. Những kế hoạch tham vọng như chiến lược phát triển duyên hải bị loại ra hoàn toàn. Triệu bất lực, khi Lí Bằng và nhóm của ông ta quay lại quá khứ.



Chúng tôi đã dự tính cho những sự tiến bộ lớn trong 1988 về cải cách và cởi mở. Vào cuối 1987, đã được đề xuất rằng Hải Nam được thiết lập như một tỉnh riêng biệt và được chỉ định như một Đặc khu Kinh tế (Special Economic Zone-SEZ) với chính quyền >mức tỉnh, biến nó thành SEZ lớn nhất. Việc soạn thảo Luật Doanh nghiệp đã bắt đầu. Trong tháng Ba 1988, Quốc Hội đã thông qua đề xuất để thành lập Tỉnh Hải Nam như một SEZ cũng như Luật Doanh nghiệp và những quy chế về các doanh nghiệp tư nhân. Quốc hội cũng đã sửa đổi hiến pháp liên quan đến các quyền sử dụng đất và sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân.

Trong Luật Doanh nghiệp, quyền sở hữu và các thẩm quyền quản lý đã được tách ra. Điểm quan trọng đã là để nhấn mạnh quyền hạn sử dụng và quản lý tài sản, như tách biệt với các quyền sở hữu. Nó đã công nhận doanh nghiệp như một thực thể pháp lý. Nhà nước trao tài sản của nó cho doanh nghiệp {nhà nước} để sử dụng và quản lý. Theo luật mới, nhà nước không còn được phép can thiệp quá đáng vào công việc của các doanh nghiệp nữa, bằng cách ấy làm giảm tầm quan trọng của quyền sở hữu của nhà nước. Chúng tôi cũng đã thiết lập “hệ thống trách nhiệm giám đốc nhà

máy,” mà đã nhấn mạnh vai trò trung tâm của giám đốc như đại diện pháp lý của doanh nghiệp.

Vấn kiện cũng đã chấp nhận chính sách cho phép chính thức các doanh nghiệp gia đình và các doanh nghiệp tư nhân để tồn tại và phát triển. Chúng được trao địa vị hợp pháp. Những sửa đổi hiến pháp cũng đã gồm các quyền sử dụng đất, mà cho phép việc cho thuê đất. Tất cả những thứ này đã là phần của việc đẩy mạnh cải cách.

Nhiều ý tưởng quan trọng về cải cách doanh nghiệp đã được trình bày lần này. Trong năm 1987, chúng tôi đã thúc đẩy sơ đồ thuê khoán (thuê-ngoài/contract-out), mà cũng đã có ý định để tách hai quyền hạn. Trong năm 1988, chúng tôi đã đưa các cơ chế cạnh tranh vào sơ đồ thuê-khoán. Muộn hơn chúng tôi đã đề xuất việc đưa cách tiếp cận về các doanh nghiệp nông thôn [tức là, với quyền tự do rất nhiều khỏi sự kiểm soát nhà nước] vào các doanh nghiệp sở hữu nhà nước vừa và nhỏ. Chúng tôi đã thực hiện hệ thống cổ phần cho các doanh nghiệp vừa và lớn. Chúng tôi đã đề xuất “phương pháp ghép” cho việc chấp nhận các hệ thống nước ngoài về tài chính, công nghệ, quản lý, tiếp thị. Thực ra, chúng tôi đã sử dụng cơ chế về liên doanh cho các doanh nghiệp sở hữu nhà nước vừa và lớn. Tức là, chúng tôi đã mượn một cách tiếp cận và “đá ghép” nó vào các doanh nghiệp để biến đổi chúng.

Muộn hơn tôi đã thấy tin tức về năm doanh nghiệp sở hữu nhà nước mà đã chấp nhận một kiểu quản lý tự do ở Lan Khê, trong Tỉnh Chiết Giang, và nó đã là khá gợi mở. Sau đó, tôi đã đề xuất việc để các doanh nghiệp vừa và lớn chấp nhận kiểu quản lý tự do và chịu trách nhiệm về lỗ lãi của chính chúng.

Cái gọi là “kiểu quản lý tự do” đã có nghĩa là các cơ quan chính phủ sẽ không còn can thiệp vào sự quản lý của các doanh nghiệp nữa. Các doanh nghiệp sẽ quyết định mọi thứ: giá cả, sản xuất

những gì, sự phân phối lợi nhuận, và tất cả những vấn đề khác về vận hành một doanh nghiệp. Chừng nào chúng không vi phạm luật, chúng có thể quản lý công việc của chúng một cách độc lập.

Trong tháng Tám và tháng Chín, tôi đã xem các khái niệm về “kiểu quản lý tự do” và “chịu trách nhiệm về lỗi lầm của chính mình” như những khía cạnh quan trọng của cải cách doanh nghiệp. Tôi đã nhấn mạnh rằng chúng là hai phần không thể tách rời của một toàn bộ; chỉ nếu chúng ta cho phép sự quản lý tự do thì các doanh nghiệp mới có thể chịu trách nhiệm về lỗi lầm của riêng chúng; chỉ khi chúng chịu trách nhiệm đó chúng mới có thể thực sự tự do để quản lý tốt. Khác đi, thì chúng ta có thể trải nghiệm một tình huống về “lợi nhuận được các doanh nghiệp hưởng và nhà nước chịu các khoản lỗ.”

Một số người đã nói các doanh nghiệp này đã là “các doanh nghiệp không có nhà chức trách cao hơn nào.” Nói thế đã không đúng. Chúng thực sự là các doanh nghiệp không dưới sự quản lý của chính phủ. Tất cả những cách tiếp cận này đã nhắm vào việc cải thiện tính hiệu quả và cho phép các doanh nghiệp áp dụng sự quản lý thích hợp và tăng cường khả năng của chúng để thích nghi trong các cải cách giá.

Sau khi các cải cách giá được đề xuất, tôi đã cảm thấy rằng cuối cùng chúng phụ thuộc vào tính hiệu quả và tính linh hoạt của các doanh nghiệp. Chỉ khi đó chúng ta có thể tránh một sự quay lại hệ thống định giá cũ. Chúng ta cần làm sâu sắc cải cách, nhất là cải cách doanh nghiệp.

Trong thời kỳ này, tôi đã cũng rất quan tâm đến các hệ thống cổ phần. Trong tháng Chín 1988, tôi đã gặp nhà kinh tế học Mỹ nổi tiếng Milton Friedman. Tôi đã nói, “Vấn đề lớn nhất của chúng tôi là mọi thứ được nhà nước sở hữu, thế nhưng quyền hạn quản lý lại không rõ ràng. Nó là của tôi? Hay nó là của anh ta? Nó có thể có nghĩa là không ai chịu trách nhiệm cả.” Cải cách doanh nghiệp lúc

đó đã chạm đến vấn đề về các quyền sở hữu. Hệ thống cổ phần được đề xuất để tìm cách giải quyết vấn đề này, để làm sâu sắc cải cách.

Trong mùa đông 1987, chiến lược phát triển duyên hải cũng đã được đề xuất. Nó đã là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Tôi cũng đã đề xuất biến toàn bộ tỉnh Quảng Đông thành một vùng thí nghiệm cho các chính sách cải cách, nơi mọi thứ có thể được khởi động đầu tiên.

Nếu giả như tất cả các cố gắng này đã được cho phép tiến hành một cách trọn vẹn, cải cách và mở cửa đã tiến bộ. Tất cả các điều kiện thích hợp đã sẵn có. Tiếp theo đại hội Đảng thứ 13 thành công, cải cách đã có thể có một bước tiến khổng lồ. Đáng tiếc, bởi vì những bước sai lầm về cải cách giá, toàn bộ cố gắng cải cách đã không chỉ không thể được thúc đẩy, mà cuối cùng đã chịu một sự thụt lùi mà đã kết thúc với “điều chỉnh và tổ chức lại.” Khi tôi nghĩ về nó bây giờ, tôi vẫn cảm thấy ân hận sâu sắc.

Vài trong số những tình huống mà đã nổi lên sau đề xuất về “điều chỉnh và tổ chức lại” đã nằm ngoài cái tôi đoán trước. Trong Quốc Vụ Viện, Lí Bằng và Diêu Y Lâm đã sử dụng “điều chỉnh và tổ chức lại” để khôi phục hoàn toàn các phương pháp cũ và đẩy lùi cải cách hoàn toàn.

Họ đã ban hành nhiều quy tắc, luật, và quy chế và đã đặt những sự kiểm soát lên chi tiêu hạ tầng cơ sở. Họ đã huỷ bỏ hầu hết các biện pháp mà đã được chấp nhận trong những năm gần đây để đem lại sức sống mới cho các doanh nghiệp. Họ đã lấy lại các quyền hạn mà đã được giao xuống cho các nhà chức trách địa phương và các doanh nghiệp.

Sự tăng về chỉ số giá tiêu dùng trong năm 1989 đã không lớn hơn mức của năm 1988, và đã đạt mục tiêu tôi đã dự tính ban đầu.

Nhưng họ [Lí và Diêu] đã biến mục tiêu thành một mệnh lệnh và bắt tất cả các mức hành chính chịu trách nhiệm về nó. Điều đó đã có nghĩa một số việc định giá hàng hoá, mà đã được giải phóng, đã lại kiên quyết bị giữ dưới sự kiểm soát hành chính.

Trong một thời gian, các khu vực nông thôn đã tự do để đưa ra các lựa chọn của riêng họ về cây trồng sau khi hoàn thành các định mức thu mua của nhà nước: dù có trồng hay không, trồng bao nhiêu. Các quyền này cũng đã bị huỷ bỏ. Tất cả việc này đã quay lại vào khu vực Kế hoạch Nhà nước. Chiến lược phát triển chuyên hải mà đã vừa được đề xuất và để được khởi động đã bị bỏ đi hoàn toàn.

Nó đã đánh dấu sự quay lại hoàn toàn của hệ thống cũ và một sự thụt lùi lớn cho cải cách. Quyền lực đã được tập trung vào tay vài người tại Quốc Vụ Viện và vài cơ quan của Ủy ban Trung ương. Thí dụ, nhằm để kiểm soát các khoản cho vay và tín dụng, việc rút tiền tiết kiệm của dân thường đã bị đóng băng; chỉ các khoản tiền gửi đã được phép.

Vì họ đã tiến hành hình thức này của “điều chỉnh và tổ chức lại,” nền kinh tế nhanh chóng bổ nhào: các thị trường ế ẩm và sản xuất đình trệ. Nếu không có khu vực sở hữu phi nhà nước của các doanh nghiệp gia đình và các liên doanh, toàn bộ nền kinh tế quốc dân đã có thể rơi vào tai hoạ cùng cực.

6 Triệu Rút lui

Với những chiếc phanh áp lên các cải cách, quyền lực của Triệu phai mờ đi. Ông thử giữ tay mình trong việc vận hành nền kinh tế nhưng bị bỏ qua. Có những tin đồn rõ ràng rằng Triệu sắp mất việc làm của ông, và rằng gia đình ông dính đến tham nhũng. Triệu kết luận rằng ông là một mục tiêu của một chiến dịch có tổ chức: bị cho ra rìa khỏi quyền lực và bị các kẻ thù của ông đeo gông. Ngay cả Đặng Tiểu Bình không thể giúp đỡ. Những đổi mới kinh tế do hai người đưa vào bị rũi ro.



Trong quá trình “điều chỉnh và tổ chức lại” quyền lực lớn hơn đã chuyển vào tay Quốc Vụ Viện, và xa khỏi tôi và Nhóm Lãnh đạo Kinh tế và Tài chính Trung ương. Tôi đã tiếp tục để tìm các giải pháp kinh tế bên trong nhóm; tuy vậy, họ không thảo luận, nói chi đến thực hiện các đề xuất của tôi.

Đặng Tiểu Bình ban đầu đã gợi ý việc thành lập Nhóm Lãnh đạo Kinh tế và Tài chính Trung ương. Mục đích đã là để tôi tiếp tục hướng dẫn sự phát triển kinh tế và cải cách ngay cả sau khi tôi đã rời chức Thủ tướng. Khi Lí Bằng đã tiếp quản làm Thủ tướng, nhiều người đã lo, bởi vì tôi đã quen hơn với các vấn đề liên quan. Hơn nữa, Lí Bằng đã luôn luôn mập mờ về thái độ của ông với cải cách kinh tế, như thế người ta đã có những nghi ngờ. Vì thế, Đặng Tiểu Bình đã chỉ rõ rằng tôi phải tiếp tục quản lý công việc kinh tế, và nhóm đã được thành lập.

Khi “điều chỉnh và tổ chức lại” bắt đầu, họ đã tin rằng vị trí của tôi trong công việc kinh tế đã yếu đi. Họ đã chiếm quyền kiểm soát, mà đã có nghĩa Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, Nhóm Lãnh đạo, và tôi đã không còn có thể vận hành công việc kinh tế nữa. Như thế họ đã

có khả năng khôi phục nhiều phương pháp cũ, nhân danh “điều chỉnh và tổ chức lại,” cái gì đó Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và Nhóm Lãnh đạo chẳng bao giờ đồng ý để làm.

Như tôi đã nhắc tới ở trước, người dân đổ xô vào các ngân hàng và mua hàng hoá để bảo tồn giá trị của các khoản tiết kiệm của họ. Nếu các lãi suất đã được nâng lên ngay lập tức, vấn đề đã có thể được giải quyết. Tại các cuộc họp Nhóm Lãnh đạo, tôi đã lặp đi lặp lại đề xuất rằng chúng ta nâng các lãi suất về tiền gửi tiết kiệm ngân hàng. Các Đồng chí khác trong nhóm, như Trương Kinh Phu và Đỗ Nhuận Sanh, đã đồng ý.

Nhưng Quốc Vụ Viện đã cứ mày mò, không nâng các lãi suất cũng chẳng ban bố các khoản tiết kiệm bảo đảm giá trị. Mặc dù cuối cùng họ đã nâng các lãi suất, sự tăng đã quá nhỏ để tạo ra một sự khác biệt. Phương pháp của Quốc Vụ Viện đã là dùng các phương tiện hành chính để cắt bớt các chỉ tiêu tín dụng. Như một kết quả, đã thiếu thanh khoản, và không có tiền cho việc mua các sản phẩm nông nghiệp hay nâng cấp công nghệ cho các nhà máy. Sản xuất bị đình trệ.

Một vấn đề khác đã là, trong khi các khoản tiết kiệm của nhân dân đã giảm, cung tiền đã thực sự tăng lên. Vì thế, trong nửa sau của năm 1988 và đầu năm 1989, vấn đề lớn nhất đã là việc thắt chặt nghiêm ngặt tín dụng và các khoản cho vay, mà đã làm gián đoạn sản xuất và phân phối, ngay cả khi cung tiền và tiền tệ trong lưu thông cả hai đã tăng. Điều này đã chứng tỏ rằng các biện pháp được tiến hành đã là một sai lầm.

Tôi đã gợi ý giữ tín dụng dưới sự kiểm soát—thiết chặt nhưng không nghiêm đến vậy—sao cho các nhu cầu sản xuất đã vẫn có thể được chăm sóc, trong khi đồng thời cố gắng để giải quyết vấn đề tiết kiệm để làm dịu bớt nỗi sợ của nhân dân. Đề xuất của tôi đã không được chấp nhận.

Một số Đồng chí cấp cao đã phàn nàn rằng vì tôi bây giờ là Tổng Bí Thư và không còn là Thủ tướng nữa, tôi phải tập trung vào Đảng và vào các vấn đề lý luận chính trị, để công việc kinh tế cho Quốc Vụ Viện. Thực ra, đã là rõ ràng Quốc Vụ Viện đang thử ngăn chặn công việc của tôi và né tránh các quyết định do Nhóm Lãnh đạo đưa ra—trong khi lan truyền những bình luận để buộc tôi cắt bớt hay ngừng công việc của tôi về công việc kinh tế. Đã không thể là một sự trùng khớp ngẫu nhiên rằng hai thứ này xảy ra đồng thời.

Chiến dịch đã mạnh mẽ. Các báo Hong Kong đã nói tôi đã bị tước mất quyền lực thật sự và không còn quản lý công việc kinh tế nữa. Các lời đồn đại cho rằng tôi sẽ mất chức Tổng Bí Thư và trở thành Chủ tịch Quân Ủy Trung ương, hay Chủ tịch Cộng hoà Nhân dân. Ý nghĩa của tất cả những lời đồn đại này đã là, tôi không còn phụ trách nữa. Một lần, tại một phiên chụp ảnh ở Hoài Nhân Đường (Huairan Hall) cho một hội nghị của các đại biểu, Tiểu Bình đã hỏi tôi, “Vì sao các báo Hong Kong lại tường thuật rằng anh không còn quản lý công việc kinh tế nữa? Làm sao anh có thể không còn quản lý nền kinh tế nữa?”

Một vấn đề khác đã là, “điều chỉnh và tổ chức lại” đã cho người ta ấn tượng rằng các cải cách kinh tế đã vấp phải rắc rối nghiêm trọng; khác đi, thì vì sao “làm sâu sắc cải cách” đã không được nhắc đến như một cách để ổn định nền kinh tế? Việc này đã cho phép những người nào đó một cơ hội để đảo ngược các cải cách kinh tế, phủ nhận các thành tựu của nó, và tiến hành một chiến dịch để lật đổ tôi.

Một số Đồng chí cấp cao đã đòi Ban Thường vụ Bộ Chính trị—thực ra họ có ý nói tôi—chịu trách nhiệm và nhận tội. [Phó Thủ tướng] Vương Nhâm Trọng nhiều hơn một lần đã nêu vấn đề trong các cuộc họp Bộ Chính trị về một cuộc điều tra ai phải chịu trách nhiệm. Ông đã nói rằng, vì một tình huống nghiêm trọng đã nổi lên,

những người có trách nhiệm phải tham gia vào một cuộc tự kiểm điểm.

Trong thời kỳ này, tôi đã nghe từ nhiều kênh rằng một nhóm các lão thành đã viết một bức thư tập thể cho Đặng Tiểu Bình lên án tôi, nói tôi không đủ trình độ và đòi tôi từ chức. Đặng Tiểu Bình đã nói mấy lần trong thời kỳ này rằng “cơ cấu của ban lãnh đạo trung ương sẽ không thay đổi.”

Vào khoảng cuối 1988, một tờ báo Hong Kong đã tường thuật rằng khi Đặng ở Thượng Hải, Lí Tiên Niệm đã gợi ý cho ông rằng Đặng yêu cầu tôi từ chức, nhưng Đặng đã không chấp nhận gợi ý của ông ta. Sau khi tôi đọc bài báo, tôi đã viết vài dòng cho Vương Thụy Lâm [thư ký của Đặng] và đã yêu cầu ông đưa nó cho Đặng. Tôi đã nói cái gì đó đại thể như “Đã có những lời đồn đoán lưu truyền khắp nước và nước ngoài. Tôi không biết liệu Đặng có biết về chúng không.”

Với chiến dịch này, những người khắp nước và ở nước ngoài đã lo rằng tôi có thể hoá ra là “Hồ Diệu Bang thứ hai.”

Quốc Vụ Viện và một số Đồng chí cấp cao đã thổi phồng các vấn đề kinh tế, trình bày chúng như cực kỳ nghiêm trọng. Quốc Vụ Viện đã lập đi lập lại chỉ trích cái gọi là “hai sự hấp tấp vì kết quả”: “sự hấp tấp để xây dựng” và “sự hấp tấp để cải cách.” Đã có nhiều cơ sở để tán công “sự hấp tấp để xây dựng,” nhắc đến những chi phí hạ tầng cơ sở mà đã trở nên quá lớn. Nhưng không có cơ sở nào cho việc tán công bất cứ “sự hấp tấp để cải cách” nào. Họ đã đơn thuần sử dụng cụm từ này để phản đối cải cách và thửi đạp đổ các chính sách quá khứ.

Một số lão thành Đảng đã hợp tác với Lí Bằng, Diêu Y Lâm, và Quốc Vụ Viện. Ngay trước lễ Năm Mới 1989, Ban Thường vụ Bộ Chính trị đã tổ chức một cuộc sinh hoạt Đảng tại đó Lí Bằng và Diêu

Y Lâm đã dẫn đầu trong việc chỉ trích tôi. Vào lúc đó, họ đã ngăn cản ảnh hưởng của tôi rồi, nhưng trong cuộc họp họ đã kết tội tôi can thiệp quá nhiều, làm cho công việc của ông ta [của Lí] với tư cách Thủ tướng rất khó.

Họ cũng đã hỏi nhiều câu hỏi cũ về các cải cách. Điều Y Lâm đã hỏi, “‘Sự đột phá cải cách giá’ có nghĩa là gì? Việc đề xuất đã đến như thế nào?” Ông đã không biết lúc đó rằng cụm từ đó đã không phải do tôi đề xuất, mà là do Đặng Tiểu Bình. Ông đã nghĩ tôi đã đặt ra nó và đã thử dùng nó để tấn công tôi.

Họ đã muốn ghi điểm. Ý định của buổi họp đã là để đổ lỗi cho tôi vì các vấn đề đã nổi lên trong cải cách kinh tế.

Khi tôi báo cáo cho Đặng về những gì đã xảy ra tại cuộc họp, ông đã tỏ ra rất bức mình. Ông đã nói dài về sự ủng hộ cải cách, và đã đưa ra những nhận xét tích cực về nó. Ông đã tin rằng không có cải cách, không có hy vọng nào cho tương lai của Trung Quốc.

Điều Y Lâm đã chẳng bao giờ bày tỏ các ý kiến rõ rệt, cũng đã chưa từng dẫn đầu trong bất kể thứ gì trước đó. Lần này, tuy vậy, ông đã rõ ràng, trực tiếp, và rõ ràng không sợ hãi. Thái độ của ông và thái độ của Lí Bằng đã có vẻ đại diện cho một xu hướng chung, và ai đó đang ủng hộ họ từ đằng sau sân khấu. Một chiến dịch đã đang diễn ra.

Đã cũng có những lời đồn đại tấn công tôi và gia đình tôi. Một số người đã cho rằng các con tôi đã đang trục lợi: bán TV màu, ô tô, ngũ cốc, và thép hợp kim, và làm giàu cho bản thân chúng. Tất cả những điều này đã là hoàn toàn bịa đặt, nhưng chúng lan xa và rộng. Muộn hơn, sau khi tôi đã từ chức, họ đã hấp tấp khởi động một cuộc điều tra về vấn đề này, mà thực ra đã là có ích. Sau cuộc khám xét mọi nơi, họ đã không có khả năng tìm thấy một thứ gì.

Trước việc này, các lời đồn đoán loại này về tôi đã là hiếm. Vì sao chúng đã đột nhiên xuất hiện, mang lại ấn tượng rằng gia đình tôi đã tham nhũng, vào nửa sau của năm

1988? Sự nổi lên của chiến dịch này đã không phải là một sự ngẫu nhiên, mà đúng hơn đã là một mưu toan có phối hợp để bôi nhọ tôi và huỷ hoại hình ảnh của tôi như một nhà cải cách.

7 Chiến dịch để Lật đổ Triệu

Các lão thành Đảng từ lâu đã phản đối sự thúc đẩy năng nổ của Đặng Tiểu Bình để dỡ bỏ hệ thống kinh tế của Mao. Nhưng ảnh hưởng của Đặng đã đến mức ít người đã dám thách thức ông một cách công khai. Thay vào đó họ đã tập trung sự chống đối của họ lên các nhà cải cách tạm thay của ông. Người đầu tiên ngã ngựa đã là Hồ Diệu Bang, người bị lật đổ trong năm 1987. Triệu Tử Dương trở thành mục tiêu tiếp theo của họ. Ở đây Triệu nêu chi tiết những gì ông biết về chiến dịch và các đối thủ nào đó lại nổi lên bề mặt như thế nào sau cuộc biến loạn năm 1989.



Một chiến dịch đã đang trở nên mạnh bên trong Đảng: chống đối cải cách, những cố gắng để “Lật đổ Triệu,” sự tạo ra một chiến dịch công luận. Đằng sau nó tất cả đã là các Đồng chí với những niềm tin thâm kín vào nền kinh tế kế hoạch, những người đã nghĩ rằng cải cách là một thất bại và rằng nó chịu trách nhiệm về các vấn đề như sự rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng và việc hoảng hốt mua. Với những diễn tiến này, đã là dễ cho chiến dịch để lan ra.

Nhưng hãy quay lại. Trước năm 1987, tôi đã giữ chức Thủ tướng và đã chủ yếu chịu trách nhiệm về công việc kinh tế. Chính sách, tất nhiên, đã là cải cách và sự cởi mở. Những công việc chính trị—các vấn đề liên hệ đến chính trị và hệ tư tưởng—đã được Đồng chí [Hồ] Diệu Bang quản lý. Tôi đã có nhiều việc trên hai tay tôi; tôi đã thường có các chuyến đi nước ngoài và tiếp các khách nước ngoài. Tôi đã thường không dính líu đến những công việc chính trị.

Diệu Bang và tôi đã có những ý kiến khác nhau về quản lý công việc kinh tế như thế nào. Tôi đã được xem là thận trọng hơn và đã không nói về các thứ một cách cầu thả. Tôi đã không thúc đẩy sự

phát triển thả lỏng, tôi đã phản đối các dự án hạ tầng cơ sở quy mô lớn và tôi đã tin vào việc tiến hành có phương pháp. Diêu Bang đã khác: ông đã khai phóng về ý thức hệ và vô tư lự.

Đã có một phái bảo thủ trong Đảng mà đã ngoan cố chống lại tự do hoá và cải cách. Giữa các lão thành Đảng, nó đã được đại diện bởi Lí Tiên Niệm và Vương Chấn; trong lĩnh vực ý thức hệ, nó đã được đại diện bởi Hồ Kiều Mộc và, nhất là, Đặng Lực Quân. Cùng với các cộng sự và các tổ chức của họ, họ đã hình thành một lực lượng có ảnh hưởng.

Diêu Bang đã là mục tiêu hàng đầu của sự chống đối của họ. Họ đã không biến tôi thành một mục tiêu, vì tôi đã được xem là tương đối trung lập. Họ thậm chí đã tin tôi đã gần hơn với phía của họ trong một số lĩnh vực. Vì thế, khi Diêu Bang từ chức và quyết định đã được đưa ra để biến tôi thành Tổng Bí Thư, họ đã không phản đối.

Tuy nhiên, [lão thành Đảng có ảnh hưởng] Lí Tiên Niệm đã phản đối lúc đầu. Ông đã nói tôi học quá nhiều thứ nước ngoài, và đã yêu cầu rằng tôi thay đổi những cách của tôi. Chừng nào tôi sẵn sàng thay đổi, ông sẽ ủng hộ tôi để tiếp quản từ Diêu Bang. Đã không có sự phản đối rõ ràng nào khác.

Vương Chấn [một lão thành Đảng khác] đã thử thuyết phục tôi để ở lại như Thủ tướng trong khi gợi ý rằng [chủ nhiệm Kế hoạch Nhà nước] Diêu Y Lâm trở thành Tổng Bí Thư thay vào đó. Vì tôi đã chẳng bao giờ muốn chức vụ Tổng Bí Thư và đã thích vẫn là Thủ tướng, tôi đã nghĩ rằng bất cứ ai làm Tổng Bí Thư sẽ đều như nhau đối với tôi. Vào lúc ông gợi ý, tôi đã không có lý do nào cho sự nghi ngờ. Muộn hơn, người ta bảo tôi rằng Vương Chấn thực ra đã muốn đưa [nhà lý luận cực bảo thủ] Đặng Lực Quân làm Tổng Bí thư, nhưng đã gặp rắc rối để có được sự ủng hộ cho ý tưởng.

Một khi tôi đã trở thành Quyền Tổng Bí Thư, vấn đề đầu tiên tôi đã phải giải quyết là Chiến dịch Chống-Tự do hoá. Tôi đã tin nó phải được kiềm chế nghiêm ngặt, được giảm về phạm vi, và được làm nguội đi. Tôi đã không đồng ý với kế hoạch của họ để tiến hành một chiến dịch nở rộ để mở rộng phạm vi của nó. Họ đã soạn một danh sách các tên, muốn để chỉ trích người này người nọ. Tôi đã im nó đi và đã trình bày các bài phát biểu nhằm để bảo vệ một số trong những người có tên trong danh sách. Họ cũng đã muốn tiến hành một chiến dịch phê bình lớn trên báo chí chống lại Diệu Bang. Tôi đã không thích hành vi giống-Cách mạng Văn hoá này và ngay từ đầu đã đặt ra quy tắc rằng sẽ không có tội liên đới nào trong Chiến dịch Chống-Tự do hoá, không có sự truy nã “các đại diện” ở các mức khác nhau. Tôi cũng đã chặn chiến dịch khỏi bước vào lĩnh vực kinh tế.

Như một kết quả, sau sự cố mừng Bốn tháng Sáu [1989], tôi đã bị chỉ trích vì đã đưa ra những hạn chế này lên chiến dịch. Thực ra, các cáo buộc đã đúng. Ủy ban Trung ương đã ban hành một văn kiện đặt ra những quy tắc nghiêm ngặt và các giới hạn trên chiến dịch và đã định nghĩa cái gọi là “tự do hoá” như việc chống lại ban lãnh đạo Đảng Cộng sản và ủng hộ Tây phương hoá hàng loạt. Việc này được làm để ngăn chặn các sai lầm của các chiến dịch quá khứ.

Nếu chiến dịch được để tiếp tục tới tận đại hội Đảng thứ 13, thì Đại hội sẽ không có khả năng để tiếp diễn. Chúng tôi nhất quyết phải làm cho nó là một Đại hội của cải cách và mở cửa.

Các lực lượng tả khuynh—Đặng Lực Quân và các cộng sự của ông—đã sử dụng mọi phương tiện khả dĩ để mở rộng tầm của chiến dịch và khôi phục những cách tả khuynh cũ. Họ đã làm mọi mưu toan để mở rộng chiến dịch sang lĩnh vực kinh tế. Sử dụng thuật ngữ của họ, họ đã muốn tấn công không chỉ những người đã nói tự do hoá, mà cả những người đã “thực hiện tự do hoá.” Thuật ngữ

“thực hiện tự do hoá” đã có ý muốn nhắc đến những người đã thực hiện cải cách. Dưới sự gợi ý của Đặng Lực Quân, một số người ở Trường Đảng trung ương đã phản đối “một tiêu điểm trung tâm, hai điểm cơ bản,” cho rằng giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu không thể được đặt ở cùng mức như cải cách, rằng cái trước đã là một nguyên tắc và cái sau chỉ là một phương tiện. Họ cũng đã nói rằng sơ đồ giao khoán đất nông thôn đã gây tổn hại các nền tảng của các hợp tác xã nông nghiệp và đã tiêu diệt sự tập thể hoá nông thôn.

Tôi đã thảo luận các vấn đề này với Đặng và đã đưa ra cho ông các ý kiến của tôi. Tôi đã cảm thấy rằng một số lão thành Đảng đã đang thử sử dụng Chiến dịch Chống-Tự do hoá để phản đối cải cách. Một sự đáp lại thích đáng đã cần được đưa ra nhằm để ảnh hưởng đến công luận; khác đi, thì sẽ là khó cho Đại hội Đảng thứ Mười Ba để ủng hộ cải cách. Tôi đã chuẩn bị để trình bày một bài phát biểu về nó. Đặng đã hoàn toàn ủng hộ ý tưởng của tôi.

Vào ngày 13 tháng Năm, 1988 [thực là 1987], tôi đã nói với các Đồng chí làm việc trong lĩnh vực lý luận và hệ tư tưởng. Tôi đã nói rằng sau khi thực hiện Chiến dịch Chống-Tự do hoá, bầu không khí chung đã thay đổi; vì thế, chiến dịch đã có thể được đóng lại. Những nhiệm vụ tương lai sẽ chủ yếu là trong lĩnh vực giáo dục. Tôi cũng đã nói rằng sự rối loạn do tự do hoá gây ra đã là tạm thời, trong khi sự rối loạn do những người tả khuynh gây ra đã kéo dài và cơ bản. Tôi đã liệt kê nhiều bình luận tả khuynh sai lầm trong lĩnh vực lý luận và ý thức hệ chống lại cải cách.

Sau sự cố mừng Bốn tháng Sáu, họ cũng đã chỉ trích tôi vì việc chuyển mục tiêu của cuộc đấu tranh từ hữu sang tả và, vào ngày 13 tháng Năm, đã biến Chống-Tự do hoá thành Chống-Chủ nghĩa Giáo điều Tả khuynh. Điều này thực sự cũng đã đúng.

Điều này cho thấy rằng họ đã kỳ vọng tôi để chấp nhận các ý tưởng của họ trong việc tiến hành Chiến dịch Chống-Tự do hoá. Tuy

vậy, bài phát biểu ngày 13 tháng Năm đã hoá ra không phải chống tự do hoá mà chống lại họ. Muộn hơn, tại đại hội Đảng thứ 13, tôi đã định giọng cho cuộc tụ họp và đã viết một báo cáo cho Đặng mà đã gồm các cụm từ “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” và “hai điểm cơ bản,” và nói chung đã chống lại những người tả khuynh. Việc này đã khiêu khích sự phản đối nhiều hơn từ họ.

Đã có một cụm từ trong báo cáo đại hội Đảng thứ 13 của tôi mà đã nhắc đến nền kinh tế thị trường, nhưng đã không dùng các từ chính xác đó. Tôi đã nhấn mạnh “nhà nước can thiệp vào thị trường, và thị trường lái các doanh nghiệp.” Đây là cơ chế của nền kinh tế thị trường, với nhà nước chỉ đóng vai trò đưa ra các điều chỉnh, và khi đó chỉ bằng việc sử dụng các phương tiện kinh tế. Thị trường sẽ hướng dẫn các doanh nghiệp và sản xuất. Tôi cũng đã nói rằng các cơ chế thị trường bao phủ mọi khía cạnh của xã hội.

Trước khi các điểm này được soạn vào báo cáo của Đại hội Đảng thứ Mười Ba, tôi đã viết một bức thư cho Đặng Tiểu Bình, nhưng đã không gửi các bản sao cho Trần Vân và Lí Tiên Niệm. Họ đã bực mình với các ý tưởng của tôi, nhưng đã là khó cho họ để phản đối chúng công khai.

Vài sự cố đã khiến họ đặc biệt không vui với tôi. Một đã là việc chuyển Đặng Lực Quân khỏi vai trò đứng đầu công tác ý thức hệ trước Đại hội Đảng, và thay thế ông ta bằng Hồ Khởi Lập. Tôi đã gợi ý rằng Đặng Lực Quân có thể tiếp tục như uỷ viên Bộ Chính trị và tham gia trong các cuộc họp Bộ Chính trị. Ông đã đọc nhiều sách và được quyền để bày tỏ ý kiến của ông. Tôi cũng đã nói rằng nếu Đặng Lực Quân được phép để tiếp tục trong công tác lý luận, không chỉ không có hy vọng nào cho chủ nghĩa Marx để phát triển ở Trung Quốc, mà sẽ không có hy vọng nào cho các lý thuyết có lợi cho cải cách. Ông mau chóng đã nghe về nhận xét chê trách của tôi. Tôi cũng đã huỷ bỏ tổng hành dinh của các cây bút tả khuynh, Văn

phòng Nghiên cứu của Ban Bí thư, cũng như tạp chí *Hồng Kỳ*. Tất nhiên, Đặng đã đưa ra quyết định cuối cùng để đóng cửa chúng, nhưng gợi ý đã đến từ tôi.

Những hành động này đã tăng cường sự ủng hộ của dân chúng cho cải cách. Đặng Lực Quân và những người bảo thủ cánh tả, những người đã chống đối chương trình nghị sự cải cách, đã đột nhiên bị vạch trần trước công chúng ở Trung Quốc và hải ngoại; họ đã bị cô lập. Chúng tôi đã có giới thiệu Đặng Lực Quân trong Đại hội Đảng thứ Mười Ba cho tư cách uỷ viên Uỷ ban Trung ương sao cho ông có một cơ hội để trở thành một uỷ viên Bộ Chính trị, nhưng ông đã không trúng cử trong cuộc bầu. Muộn hơn ông đã được giới thiệu làm uỷ viên Ban Thường Vụ của Uỷ ban Cố vấn Trung ương, nhưng ông lại đã không trúng cử. Họ đã nghĩ tôi đã thao túng các kết quả; như một kết quả, Lí Tiên Niệm, Vương Chấn, Hồ Kiều Mộc, và thậm chí Đồng chí Trần Vân đã vẫn tức giận tôi.

Đồng chí Vương Chấn đã tích cực chống đối tự do hoá nhưng ông đã tin vào sự cởi mở, như thế tôi đã ngạc nhiên rằng ông đã kết thúc để thù ghét tôi đến mức như vậy. Sau Đại hội Đảng thứ Mười Ba, Lí Tiên Niệm đã công khai lên án tôi ở Thượng Hải và Hồ Bắc trước mặt các quan chức địa phương. Ông đã kết tội tôi về không thực hiện chủ nghĩa xã hội và về đã học quá nhiều thứ nước ngoài. Ông đã nói rằng tôi không có hiểu biết gì về nền kinh tế và đã gây ra sự hỗn loạn cho nền kinh tế. Đồng chí Trần Vân đã thận trọng hơn và đã đưa ra những lý lẽ có lý.

Muộn hơn họ đã đi đến kết luận rằng tôi đã “Hò Diệu Bang hơn cả Hò Diệu Bang.” Những việc Hò Diệu Bang đã không dám làm hay đã không có khả năng thực hiện, tôi đã tìm được cách để thực hiện.

Trước khi việc hoảng hốt mua xảy ra, và trước “điều chỉnh và tổ chức lại” được đề xuất, họ đã thử phá ngấm tôi. Khi những diễn tiến này đã bắt đầu có ảnh hưởng, họ tin cơ hội của họ đã đến, vì họ đã

nghĩ rằng tôi đã làm hỏng chính sách kinh tế và đã làm hại các cải cách. Họ đã truyền bá những ý kiến có hại về tôi và đã tiến hành một chiến dịch để “lật đổ Triệu.”

Tôi đã không nắm rõ thông tin. Vì tôi đã tốn rất nhiều năm làm việc ở các mức địa phương và mới đến ban lãnh đạo trung ương gần đây, tôi đã có ít kênh hơn. Một số việc ám muội đằng sau sân khấu vẫn khó hiểu đối với tôi, ngay cả bây giờ. Thí dụ, một nhóm người đã viết một lá thư cho Đặng Tiểu Bình tán công tôi, nhưng tôi không biết họ là ai.

Trước sự cố Bốn tháng Sáu, ở giữa chiến dịch “Lật đổ Triệu”, Đặng Tiểu Bình đã luôn luôn kiên quyết ủng hộ tôi và đã không mủi lòng bởi các cố gắng của họ để gây ảnh hưởng tới ông. Điều này có thể thấy từ một loạt sự cố.

Thí dụ, Đặng đã nói trong nhiều dịp rằng cơ cấu của ban lãnh đạo trung ương không thể bị thay đổi. Đã rõ ràng rằng Đặng nói điều này để đáp lại những người mà đã muốn làm sự thay đổi này. Đặng thậm chí đã nói trực tiếp với tôi và với các Đồng chí khác rằng tôi sẽ vẫn là Tổng Bí Thư cho hai nhiệm kỳ tiếp sau. Tất nhiên, đây đã chỉ là ý kiến cá nhân của ông.

Sau Tết 1989, Lí Bằng và Diêu Y Lâm đã khởi động một cuộc tấn công chống lại cải cách tại cuộc sinh hoạt Đảng của Bộ Chính trị. Đặng đã bực mình khi ông nghe về sự cố, như thế Lí Bằng đã đi đến chỗ của Đặng để giải thích và bảo vệ mình. Trong cuộc trao đổi này, Đặng đã nói với ông, “Triệu sẽ là Tổng Bí Thư cho hai nhiệm kỳ nữa” và đã yêu cầu ông chuyển thông điệp này cho các uỷ viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị. Tất nhiên, Lí Bằng đã nói cho tôi những gì Đặng đã nói.

Trước Bốn tháng Sáu, ngay trước chuyến đi Bắc Triều Tiên của tôi, tôi đã đến thăm Đặng. Ông đã bảo tôi rằng sau chuyến đi của tôi,

ông muốn bàn việc tôi tiếp tục cho hai nhiệm kỳ nữa với cương vị Tổng Bí Thư. Một danh sách các tên đã được chuẩn bị để tham gia trong một cuộc thảo luận về việc này. Ngoài các uỷ viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị, đã gồm cả một số lão thành Đảng. Ông đã bảo tôi lúc đó rằng Trần Văn và Lí Tiên Niệm đã đồng ý. Về cuộc thảo luận đó đã xảy ra như thế nào, tôi không biết.

Trong kỳ nghỉ Lễ hội Xuân trong 1989, ngay trước khi xuất phát đi Thượng Hải, tôi đã có một cuộc thăm nữa đến nhà ông. Cuộc thảo luận đó đã đi thậm chí xa hơn. Ông đã nói rằng ông đã nghỉ một thời gian, nhưng đã không nói với bất kể ai và đã muốn thảo luận với tôi đầu tiên, rằng ông muốn từ chức Chủ tịch Quân Uỷ Trung ương và đã muốn tôi tiếp quản. Ông đã nói rằng nếu ông không nghỉ hưu hoàn toàn và vẫn giữ chức vụ, thì sẽ khó để thuyết phục các lão thành khác để ngừng can thiệp. Ông đã nói đây đã có vẻ là cách duy nhất. Đã rõ ràng rằng ông cảm thấy rằng các lão thành đã quá xâm phạm và đã làm khó cho tôi để quản lý. Có lẽ ông đã xem xét nước đi này sau khi các lão thành đã đi đến ông để bày tỏ sự phản đối của họ đối với tôi. Nhằm để cho tôi làm việc tự do, ông đã quyết định để từ bỏ chức vụ của ông.

Khi ông gợi ý ông về hưu, tôi đã kiên quyết không đồng ý. Tôi đã nói, “Với các vấn đề kinh tế chúng ta đang độ sức bây giờ, người ta đang bàn tán. Nếu anh về hưu hoàn toàn, sẽ là rất khó cho chúng tôi để quản lý. Chính trị ở phương Đông khác với phương Tây; ở đây tại phương Đông, việc về hưu của anh sẽ không chặn sự can thiệp, sự thực rằng họ không còn giữ bất kỳ chức vụ chính thức nào cũng sẽ chẳng chặn sự can thiệp. Chừng nào các nhà lập quốc anh dũng này còn sống, sẽ là không thể để thuyết phục họ ngừng việc can thiệp vào công việc nhà nước. Nếu anh ngừng can thiệp, nhưng họ tiếp tục, sẽ thậm chí còn khó hơn cho chúng tôi để quản lý. Với anh phụ trách, vẫn dễ hơn cho chúng tôi để khiến các thứ được làm.” Tôi

đã gợi ý cho ông, “Dù gì đi nữa, anh thực sự không được nêu vấn đề này lần nữa trong ít nhất một năm.”

Sau khi tôi nói điều này, ông đã tạm nghỉ để suy nghĩ trong một lát. Rồi ông đáp lại, “Rất tốt. Tôi sẽ làm những gì anh đã gợi ý. Tôi sẽ không nhắc đến việc này trong một năm nữa.”

Cuộc nói chuyện này đã khiến tôi nhận ra rằng một số người, có lẽ nhiều lão thành, phỉ báng tôi và đã đặt áp lực lên Đặng. Đặng đã bày tỏ công khai rằng ông sẽ không bị họ ảnh hưởng. Ông đã bác bỏ áp lực của họ. Từ thời khắc tôi được làm Tổng Bí Thư trong năm 1987, một lực lượng bảo thủ đã dần dần được hình thành để chống đối tôi. Mặc dù họ đã hung hăng trong sự chống đối của họ, sử dụng mọi loại chiến thuật, không có sự ủng hộ của Đặng Tiểu Bình họ đã không có khả năng để thành công.

Tình hình này đã chỉ thay đổi sau sự chấn động chính trị của năm 1989. Bởi vì Đặng và tôi đã không thống nhất về xử lý các cuộc biểu tình sinh viên như thế nào, và bởi vì tôi đã từ chối thi hành quyết định của ông, thái độ của Đặng đối với tôi đã thay đổi. Khi điều đó xảy ra, các lão thành, mà đã chống lại tôi hơn một năm, cuối cùng đã có thể chia sẻ một sự đồng thuận với Đặng. Thống nhất, họ đã đưa ra quyết định để cách chức tôi. Ở đây tôi muốn nói về Lí Tiên Niệm và Đặng Lực Quân. Đặng Lực Quân đã là tướng lãnh đạo những người bảo thủ trong các lĩnh vực ý thức hệ, lý luận, và tuyên truyền. Những người ủng hộ của ông đảng sau sân khấu đã gồm Lí Tiên Niệm, Vương Chấn, và Đồng chí Trần Vân. Tất nhiên, đã có những lão thành khác mà cũng đã phản đối cải cách. Đặng Lực Quân đã có các mối quan hệ với cực kỳ thân thiết với họ.

Mối quan hệ của ông với Vương Chấn đã lùi lại đến những năm đầu sau giải phóng, khi Vương Chấn đã là bí thư Đảng của Văn phòng Tân Cương của Ủy ban Trung ương, nơi Đặng [Lực Quân] đã chịu trách nhiệm về ban tuyên truyền của nó. Ông cũng đã có một

mối quan hệ tốt với Lí Tiên Niệm và đã phục vụ trong thời gian dài như trợ lý của ông. Khi Lí Tiên Niệm chịu trách nhiệm về Phân khu thứ Năm của Quốc Vụ Viện, Đặng [Lực Quân] đã là cố vấn của ông.

Đồng chí Trần Vân cũng rất tốt với ông. Đặng Lực Quân đã rất coi trọng các ý kiến của Đồng chí Trần Vân về nền kinh tế. Về phần các quan điểm riêng của Đặng Lực Quân về nền kinh tế, tuy tất nhiên ông đã không tán thành những cách của Cách mạng Văn hoá, ông đã rất tán thành những gì đã xảy ra trước Cách mạng Văn hoá, nhất là các phương pháp của Kế hoạch 5 Năm lần thứ Nhất. Ít nhất ngay từ 1980, ông đã quảng bá quan niệm rằng các ý tưởng kinh tế của Đồng chí Trần Vân là đủ để hướng dẫn chúng ta trong các chính sách kinh tế mới của chúng ta.

Ông [Đặng Lực Quân] thường đã sử dụng vị trí của ông chịu trách nhiệm về Văn phòng Xuất bản để xuất bản các tuyển tập tiểu luận cho các lão thành Đảng, để tặng bốc và lấy lòng họ. Các thí dụ gồm *Những Công trình Chọn lọc của Trần Vân* và *Những Công trình Chọn lọc của Lí Tiên Niệm*. Vì thế, khi Đặng Tiểu Bình đã quyết định để cách chức Đặng Lực Quân khỏi vị trí lãnh đạo công tác ý thức hệ và lý luận, cả Trần Vân và Lí Tiên Niệm đã không đồng ý. Họ đã bày tỏ công khai việc này bằng việc bình luận, “Đặng Lực Quân là một Đồng chí tốt.” Tuy vậy, vì Đặng Tiểu Bình đã đưa ra quyết định rồi, chẳng có gì họ đã có thể làm để thay đổi nó.

Ngay sau khi Đặng Lực Quân thua trong các cuộc bầu cử tại đại hội Đảng thứ 13, Đồng chí Trần Vân đã viết một bức thư để bảo vệ lương và thù lao khác của Đặng Lực Quân. Cho đến ngày này, Đặng Lực Quân vẫn hưởng góí thù lao của một bí thư của Ban Bí thư Trung ương hay uỷ viên Ban Thường Vụ của Hội đồng Cố vấn Trung ương, mặc dù ông đã chẳng bao giờ được bầu để là uỷ viên của nhóm sau. Việc này là hết sức bất bình thường.

Thực ra, Đặng Lực Quân là cây bút hùng mạnh nhất trong số những người phản đối các cải cách của Đặng Tiểu Bình. Sẽ là sai để đánh giá thấp ảnh hưởng của Đặng Lực Quân. Sau khi tạp chí *Hồng Kỳ* và Văn phòng Nghiên cứu của Ban Bí thư bị bãi bỏ, Đặng Lực Quân đã đưa ra những dàn xếp khác cho những người đã ủng hộ công việc của ông. Đặng Lực Quân vẫn giữ các chức danh trong nhiều tổ chức, nơi ông kiểm soát lĩnh vực hệ tư tưởng và lý luận, đặc biệt về lịch sử Đảng và các xuất bản phẩm khác của Đảng.

Lí Tiên Niệm đã là lão thành nổi bật nhất người đã phản đối các cải cách của Đặng Tiểu Bình. Ông đã căm ghét tôi bởi vì tôi đang thực hiện các cải cách của Đặng Tiểu Bình, nhưng vì đã là khó cho ông để công khai chống đối Đặng, ông đã biến tôi thành mục tiêu của sự chống đối của ông. Lí Tiên Niệm đã cho rằng tôi chỉ lắng nghe những gì Đặng Tiểu Bình nói, trong khi bỏ qua ông. Một lần ông đã chuyển một thông điệp qua [Phó Thủ tướng] Vương Nhâm Trọng, người đến lượt đã cử Vương Toàn Quốc [bí thư Đảng tỉnh Hồ Bắc] để nói với tôi, “Anh phải lắng nghe tất cả các lão thành Đảng và không được thiên vị đến vậy để chỉ nghe một người!” Thực ra, tôi đã không thể nghe ông, bởi vì ông đã chống lại cải cách.

Một vấn đề khác đã là sự khăng khăng của Đồng chí Trần Vân về việc áp dụng các phương pháp của Kế hoạch 5 Năm lần thứ Nhất, mà ông đã nói không được bị chỉ trích. Ông đã tin rằng cải cách, trong nhiều năm, đã phủ định các phương pháp của Kế hoạch 5

Năm lần thứ Nhất, như thế ông thường đối kháng với cải cách.

Sự phản đối của Lí Tiên Niệm, ngược lại, đã không dựa chủ yếu vào Kế hoạch 5

Năm lần thứ Nhất. Thay vào đó ông đã chủ trương các chính sách được dùng trong Cách mạng Văn hoá hay ba năm đình trệ sau

đó, mà trong thời gian đó ông đã chịu trách nhiệm về chính sách kinh tế. Khi Đồng chí Trần Vân mất sự quý mến của Mao Chủ tịch trong năm 1958, chính Lí Tiên Niệm đã là người tiếp quản với cương vị Phó Thủ tướng Thường trực của Quốc vụ Viện và trong một thời gian dài ông đã chịu trách nhiệm về chính sách kinh tế. Ông đã bực mình rằng những thành tích về những thành công kinh tế của ông trong thời kỳ Cách mạng Văn hoá và ba năm đình trệ sau-Cách mạng Văn hoá đã không được công nhận. Ông đã thường nói, “Các thành công kinh tế không phải tất cả là kết quả của cải cách. Chẳng phải các thành công trong quá khứ, cũng thế? Chẳng phải các nền tảng đã được đặt trong quá khứ ư?”

1 Ba năm trước, trong năm 1985 Việt Nam cũng đã có một nỗ lực cải cách “giá-lương-tiền” trong nền kinh tế kế hoạch chưa hề có cải cách thị trường và đã dẫn đến tai họa. Lạm phát đã tăng lên trên 700% và mãi đến 1989 vẫn ở mức trên 30%. Cải cách giá 1985 của Việt Nam khác xa với ý định cải cách giá 1988 của Trung Quốc.

PHẦN 6

TRUNG QUỐC PHẢI THAY ĐỔI THẾ NÀO

1 Quan điểm của Đặng về Cải cách Chính trị

Các biện pháp cải cách chính trị khiêm tốn được đại hội Đảng thứ 13 trong 1987 thông qua đã bị xếp xó sau vụ đàn áp thẳng tay ở Thiên An Môn. Tác động vẫn hiển nhiên ngày nay: Trung Quốc cho phép quyền tự do kinh tế lan rộng nhưng ít về mặt tự do chính trị. Triệu, khi ông tiêu tụy dưới sự quản thúc tại gia, hướng những suy nghĩ của ông tới sự phát triển chính trị chết non của Trung Quốc.

Cuộc hành trình của ông bắt đầu với một sự nhìn lại những quan điểm phân kỳ của các lãnh tụ chớp bu của Trung Quốc trước vụ Thiên An Môn. Ông bắt đầu với một phân tích về Đặng Tiểu Bình, người thầy một thời của ông, người đã đặt Trung Quốc lên con đường hiện thời của nó.



Ấy để tôi bắt đầu với một thảo luận về cách nhìn của Đặng Tiểu Bình. Từ 1980 cho đến ngay trước ngày 4 tháng Sáu 1989, Đặng đã nói lặp đi lặp lại về chống tự do hoá. Mặt khác, ông cũng đã nói nhiều lần rằng cải cách chính trị đã là cần thiết, như thế cải cách chính xác phải được tiến hành như thế nào, theo ý tưởng của Đặng Tiểu Bình về cải cách chính trị?

Tôi tin rằng Đặng đã không hài lòng một chút với hệ thống chính trị hiện tồn. Niềm tin của ông vào cải cách chính trị đã là thật. Nhưng cải cách ông nghĩ đến đã không phải là một sự hiện đại hoá và sự dân chủ hoá chính trị. Nó đúng hơn đã là một loại cải cách hành chính, loại cải cách mà chỉ gồm các quy chế đặc thù, sự tổ chức, phương pháp luận, và tinh thần chung. Đặng đã tin rằng một điều kiện trước của cải cách đã là sự giữ vững sự thống trị độc đảng của Đảng Cộng sản. Các cải cách đã chính xác có ý định để củng cố

thêm sự cai trị độc đảng của Đảng Cộng sản. Đặng đã kiên quyết bác bỏ bất kể cải cách nào mà làm yếu điều đó.

Ấn tượng của hầu hết mọi người về ý tưởng của Đặng Tiểu Bình về cải cách chính trị đã là từ một bài phát biểu ông trình bày tại cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng vào tháng Tám 1980, có tiêu đề “Cải cách Hệ thống Lãnh đạo Đảng và Nhà nước.” Ông đã chỉ trích chủ nghĩa quan liêu, sự quá tập trung quyền lực, và chủ nghĩa gia trưởng mà đã là phần của hệ thống lúc đó. Ông đã chỉ ra rằng những vấn đề này đã bén rễ trong hệ thống hiện tồn và rằng một hệ thống tốt sẽ cản trở những người vô lương tâm khỏi có khả năng để làm bất cứ thứ gì họ muốn, trong khi hệ thống không lành mạnh hạn chế những người tốt khỏi việc thực hiện đầy đủ những việc làm tốt hay thậm chí đẩy họ sang phía đối lập. Trong bài phát biểu, ông thậm chí đã trích dẫn một diễn đạt của Mao Chủ tịch, người một lần đã nói rằng một tình tiết như sự chà đạp của Stalin lên hệ thống pháp lý xã hội chủ nghĩa đã chẳng bao giờ có thể xảy ra trong các quốc gia Tây phương như Anh, Hoa Kỳ, hay Pháp. Ngoài ra, khi ông phân tích gốc rễ của những thiếu sót hiện hành, ông đã đặc biệt nhắc đến ảnh hưởng của chủ nghĩa phong kiến. Ông đã chỉ ra rằng mặc dù chúng ta đã làm việc xây dựng cách mạng mới của chúng ta trong hai mươi tám năm, và đã lật đổ sự cai trị của chủ nghĩa phong kiến cũng như quyền sở hữu phong kiến về đất, chúng ta đã đánh giá thấp nhiệm vụ tẩy sạch ảnh hưởng của chủ nghĩa phong kiến đến tư duy chính trị, và chúng ta đã chưa hoàn thành nhiệm vụ này.

Nội dung bài phát biểu của Đặng Tiểu Bình đã có thể dễ khiến người ta tin rằng Đặng đã chuẩn bị để tiến hành sự hiện đại hoá và sự dân chủ hoá chính trị và để thay đổi những quy tắc cơ bản của hệ thống chính trị. Nhưng nó đã không giống thế. Sau khi Đặng phê phán những thiếu sót đó, ông đã đề xuất các biện pháp mà đã không vượt lĩnh vực của các quy chế đặc thù, sự tổ chức, phương

pháp luận, và tinh thần, và đã không đụng đến hệ thống cơ bản. Cải cách đã là hành chính về bản chất.

Ngoài ra, bài phát biểu của Đặng đã được đưa ra trong một khung cảnh cá biệt: lúc đó, ông đã chú tâm làm sao để xử lý Hoa Quốc Phong [người kế vị được chọn của Mao]. Cả Đặng Tiểu Bình và Trần Vân đã tin rằng Hoa đã là một trở ngại để thực hiện chính sách của Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11 [trong năm 1978, khi các Cải cách của Đặng được khởi động]. Trần Vân thậm chí đã tin rằng vì Hoa đã lên đỉnh từ “các phái phiến loạn” của Mao, không được tin ông ta. Vị trí lãnh đạo của Hoa đã là không thể chấp nhận được cho cả Đặng và Trần.

Lúc đó [1980], Hoa đã là Chủ tịch Đảng, Thủ tướng Quốc vụ Viện, và Chủ tịch Quân Ủy Trung ương, như thế trong tay ông đã là tất cả các quyền lực của Đảng, nhà nước, và quân đội. Vì thế, khi Đặng cất lên tiếng nói chống một sự quá tập trung quyền lực, một trong những mục tiêu của ông đã là để đập vỡ quyền lực của Hoa. Trước nhất đã yêu cầu Hoa từ bỏ chức vụ của ông với tư cách Thủ tướng.

Một văn kiện xem xét lại các bài học đáng học từ Cách mạng Văn hoá, “Nghị quyết về Vài Vấn đề Lịch sử,” đã đang được soạn thảo khoảng thời gian đó. Toàn bộ Đảng đã mê mải với việc xét lại làm thế nào mà sự độc tài gia trưởng của Mao đã đặt ông lên trên Đảng và đã dẫn đến thảm họa lớn của Cách mạng Văn hoá, mà trong đó bản thân Đặng đã bị đối xử tàn nhẫn một cách nghiêm trọng và đã trực tiếp chịu thiệt hại. Vì thế, khi Đồng chí Lí Duy Hán [Phó Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Trung ương] đề xuất tẩy sạch những ảnh hưởng của chủ nghĩa phong kiến, Đặng đã chấp nhận không do dự.

Trong tháng Sáu 1986, tại một cuộc họp thông báo về tình hình kinh tế và lần nữa tại một cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng, Đặng đã

nêu sự cần để tiến hành cải cách chính trị. Ông đã nói rằng nếu chúng ta không khởi xướng cải cách chính trị, chúng ta không thể thích nghi với tình hình mới. Cải cách chính trị phải được biến thành một cột mốc của cải cách; thành công của tất cả các cải cách khác phụ thuộc vào cải cách hệ thống chính trị. Trong tháng Chín năm đó, tại một cuộc họp thông báo của Nhóm Lãnh đạo Công việc Kinh tế và Tài chính Trung ương, Đặng lại đã nhắc tới cải cách chính trị và đã nói rằng đã cần đến một kế hoạch. Trong tháng Sáu 1987, trong một cuộc nói chuyện với các khách từ Nam Tư và lần nữa trong tháng Bảy với các khách Bangladesh, ông đã lặp lại rằng cải cách chính trị phải là một khoản chương trình nghị sự quan trọng. Ông cũng đã nói rằng cải cách chính trị sẽ là một trong hai vấn đề quan trọng nhất của đại hội Đảng thứ 13.

Tuy vậy, ý nghĩa của “cải cách chính trị” trong những nhận xét của ông đã thậm chí hạn chế hơn những gì ông đã nói trong năm 1980. Ông đã chỉ nhắc đến cải cách hành chính, các vấn đề liên quan đến các tổ chức hành chính và các quy chế. Trong định nghĩa của ông về cải cách chính trị, trên hết đã là sự tách Đảng và nhà nước, đã nhắm đến việc giải quyết vấn đề về Đảng đã có thể cung cấp sự lãnh đạo như thế nào và làm sao để lãnh đạo tốt. Đó đã là chìa khoá. Thứ hai đã là chuyển quyền hạn xuống cho các mức hành chính thấp hơn, mà sẽ giải quyết vấn đề về mối quan hệ giữa giữa chính quyền trung ương và các chính quyền tỉnh, và cả vấn đề về các chính quyền tỉnh chuyển quyền xuống cho các mức thấp hơn khác nhau. Thứ ba đã là giảm độ lớn của chính quyền. Một điểm khác đã là việc cải thiện hiệu quả.

Trong bài phát biểu của Đặng Tiểu Bình ngày 13 tháng Chín, 1986, ông đã nói, “Tôi suy nghĩ có ba khoản. Thứ nhất, các cơ quan Đảng và hành chính và toàn bộ hệ thống hành chính nhà nước phải cải thiện sức sống của chúng. Điều đó có nghĩa chúng không được

cứng nhắc và phải chấp nhận và làm theo những cách tư duy mới để giải quyết các vấn đề mới nổi lên. Thứ hai là thực sự cải thiện tính hiệu quả. Thứ ba, chúng ta phải huy động toàn dân, các doanh nghiệp, và tất cả các mức chính quyền để nhiệt tình hơn và để có sức sống được đổi mới. Vấn đề quan trọng nhất bây giờ là đề bạt các cán bộ trẻ hơn. Các vấn đề lớn khác gồm việc tăng sự nhiệt tình của nhân dân và chuyển nhiều quyền hơn xuống cho các mức thấp hơn.”

Một số người cảm thấy rằng Đặng đã chỉ nói đăi bôi về cải cách chính trị bây giờ và lần nữa, nhằm để cho nhân dân một ấn tượng thuận lợi. Những người khác đã tin rằng những cải cách chính trị của Đặng chẳng bao giờ có thể được thực hiện bởi vì chúng bị tình hình [chính trị] cản trở hay chạm trán với các lực lượng chống đối. Tôi tin cả hai quan điểm thiếu bằng chứng đầy đủ.

Bản chất của vấn đề là loại nào của cải cách chính trị Đặng đã nghĩ đến. Trong tâm trí của Đặng, không có mâu thuẫn nào giữa cải cách chính trị, việc giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu,^{*} và chống-tự do hoá; chúng đã có thể đều tồn tại cùng nhau. Vì thế, mỗi lần ông nói về cải cách chính trị, ông đã hầu như luôn luôn nói khoảng cùng thời gian hay thậm chí đồng thời hoặc thậm chí trong cùng bài phát biểu về chống-tự do hoá và tăng cường chuyên chính dân chủ nhân dân (chế độ độc tài dân chủ của nhân dân), và vân vân.

Trước khi ông trình bày bài phát biểu tháng 1980 nổi tiếng, “Cải cách Hệ thống Lãnh đạo Đảng và Nhà nước,” tại một cuộc thảo luận lý luận trong tháng Ba 1979, ông đã nói về “Giữ vững Bốn Nguyên tắc Cốt yếu”—giống việc đưa ra một câu thần chú siết-vòng kim cô † đúng khi các lĩnh vực lý luận và siêu hình bắt đầu có được quyền tự do nào đó.

Sau bài phát biểu tháng Tám của ông, trong một bài nói chuyện được trình bày trong tháng Mười Hai, “Thực hiện sự Điều chỉnh lại Chính sách và Bảo vệ Hoà Bình và Đoàn kết,” ông đã nhấn mạnh việc duy trì sự ổn định và thống nhất của tình hình chính trị, cũng như việc củng cố bộ máy nhà nước và chuyên chính dân chủ nhân dân (chế độ độc tài dân chủ nhân dân). Ông đã chỉ ra rằng mặc dù đấu tranh giai cấp đã không còn là một xung đột lớn nữa trong xã hội, nó đã tiếp tục tồn tại và không thể bị đánh giá thấp. Ông đã nhấn mạnh rằng các cơ quan nhà nước phải sử dụng các luật và các quy tắc thích hợp để bảo đảm rằng các cuộc đình công công nhân và bãi khoá sinh viên được dàn xếp và được xử lý trước, và rằng các cuộc biểu tình đường phố chỉ xảy ra sau khi đã nhận được các giấy phép nêu rõ thời gian và địa điểm; không sự tiếp xúc giữa tổ chức hay ngang khu vực nào cho các cuộc biểu tình hợp tác được cho phép; các hoạt động của các tổ chức bất hợp pháp và các xuất bản phẩm bất hợp pháp phải bị cấm; quân luật có thể được áp dụng nếu cần thiết cho các vùng nơi các sự kiện có các hậu quả nghiêm trọng tiềm tàng xảy ra.

Các năm 1986 và 1987 đã là thời kỳ khi Đặng Tiểu Bình tập trung vào giải quyết chống–sự tự do hoá tư sản. Như tôi đã nhắc tới ở trên, đồng thời vào những dịp khác nhau ông đã nhắc tới cải cách chính trị. Điều này cho thấy rằng cái Đặng đã nghĩ về cải cách chính trị đã là khác những gì hầu hết mọi người đã hiểu nó muốn nói: sự hiện đại hoá nhà nước và sự dân chủ hoá. Ý tưởng của ông đã chủ yếu để giải quyết sức sống và hiệu quả của Đảng Cộng sản và nhà nước; nói cách khác, cải cách hành chính.

Trong tháng Sáu 1987, khi Đặng nói chuyện với những khách từ Nam Tư về cải cách chính trị của Trung Quốc, ông đã nói rằng, nhìn chung, các cải cách chính trị đã liên kết với sự dân chủ hoá, nhưng ý nghĩa của dân chủ hoá đã không rõ. Dân chủ đã là một phương

tiện quan trọng của cải cách, nhưng chính xác dân chủ có thể được tiến hành như thế nào đã là một vấn đề mới đối với chúng tôi.

Đặng đã đặc biệt chống một hệ thống đa đảng, tam quyền phân lập, và hệ thống đại nghị của các quốc gia Tây phương—và đã kiên quyết bác bỏ chúng. Hầu như mọi lần ông nhắc tới cải cách chính trị, ông đã chắc chắn để lưu ý rằng hệ thống chính trị Tây phương tuyệt đối không được chấp nhận. Đây đã là thành phần trước nhất của “sự tự do hoá tư sản” mà ông đã chống đối. Trong tháng Chín 1980, khi Đặng đã nói rằng sự tách của Đảng và nhà nước phải là khoản đầu tiên trên chương trình nghị sự của cải cách chính trị, ông cũng đã chỉ ra rằng việc theo đuổi tự do hoá và sao chép phương Tây đã bị cấm tuyệt đối. Cuộc nói chuyện tháng Sáu 1987 với những khách Nam Tư đã gồm một đoạn dài trong đó ông đã nói, “Nền dân chủ của giai cấp tư sản thực ra là một nền dân chủ cho những người có độc quyền về tư bản, không gì hơn đa đảng, các cuộc bầu cử, và tam quyền phân lập. Làm sao chúng tôi lại có thể làm việc đó?”

Trong thời gian soạn thảo báo cáo cho Đại hội Đảng thứ Mười Ba, ông đã cảnh cáo tôi nhiều lần: “Ý tưởng về cải cách chính trị tuyệt đối không được bị ảnh hưởng bởi các ý tưởng chính trị nghị viện Tây phương. Đừng để ngay cả một vết tích của nó!” Nhiều lúc khác, khi ông đã nhắc tới các chức năng của Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Đại hội Nhân dân, hay Quốc Hội) và Chính Hiệp Nhân dân, ông đã chỉ trích những người đã muốn biến Đại hội Nhân dân và Chính hiệp thành các viện, với Đại hội Nhân dân như hạ viện và Chính hiệp Nhân dân như thượng viện.

Trong năm 1988, khi tôi đề xuất mở rộng sự tham gia của các đảng chính trị khác, ông đã chống đối việc cho phép họ lập các nhóm đảng hay để tiến hành các hoạt động trong thời gian họp Quốc Hội. Về việc chọn những người từ các đảng khác cho các

chức vụ có thực quyền trong chính phủ, ông đã nói, “Họ sẽ chỉ được phép tham gia chính phủ trong năng lực cá nhân, không như một đại diện của đảng của họ.” Ông đã không muốn ngay cả sự nói lỏng nhỏ nhất về vấn đề này.

Đặng đã đánh giá cao rất nhiều và đã thích hệ thống chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa nhờ đó quyền lực được tập trung vào tay của một hay vài người. Ông đã coi khinh các hệ thống trong đó các quyền được phân lập bởi những kiểm soát và cân bằng (checks and balances). Khi ông nói chuyện với những khách từ Nam Tư, ông đã nói, “Một trong những lợi thế lớn nhất của các quốc gia xã hội chủ nghĩa là, chừng nào cái gì đó đã được quyết định và một nghị quyết đã được đưa ra, nó có thể được thực hiện ngay lập tức không có bất cứ sự hạn chế nào; không giống quá trình dân chủ đại nghị quá phức tạp, đi tới đi lui, chỉ nói mà không làm, kết luận mà không thực hiện. Về khía cạnh này, hiệu quả của chúng ta là cao hơn; chúng ta thực hiện các thứ ngay khi chúng ta đưa ra quyết định. Cái tôi đang nhắc đến là hiệu quả toàn thể. Nó là thế mạnh của chúng ta, và chúng ta phải giữ lợi thế này.” Đặng đã coi một hệ thống mà không có những hạn chế hay sự kiểm tra và cân bằng, và với sự tập trung quyền lực tuyệt đối, như lợi thế toàn thể của chúng ta.

“Chúng ta tuyệt đối không được chấp nhận hệ thống tam quyền phân lập Tây phương! Chúng ta phải bảo vệ các lợi thế của hệ thống xã hội chủ nghĩa.” Đặng đã đưa ra những nhận xét giống thế này nhiều lần.

Tôi nhớ một lần, vào khoảng đầu những năm 1980, về chủ đề sự can thiệp quân sự Soviet vào Afghanistan, Đặng đã nói, “Tôi nói rằng những người Mỹ không thể cạnh tranh với Liên Xô. Những người Soviet có thể làm cái gì đó ngay sau một cuộc họp Bộ Chính trị. Những người Mỹ có thể làm điều đó không?”

Một lần khác, khi Đặng đang nói chuyện với những khách nước ngoài, ông đã nói, “Có ba chính phủ ở Hoa Kỳ. Khi chúng tôi đối phó với họ, chúng tôi không biết ai thực sự có thể ra các quyết định. Họ cân bằng lẫn nhau và cãi lộn với nhau. Rất khó để khiến bất cứ thứ gì được làm.”

Đó là vì sao bất cứ khi nào ông nói về cải cách chính trị, ông chắc chắn nhắc nhở mọi người để duy trì và tận dụng các lợi thế của hệ thống xã hội chủ nghĩa, đừng tiến hành bất cứ thứ gì giống tam quyền phân lập Tây phương, với mỗi nhánh hạn chế quyền lực của của các nhánh khác. Một khi Đặng Tiểu Bình đã tiếp quản với cương vị lãnh tụ tối cao [trong 1978], ông đã đặt sự nhấn mạnh rõ rệt lên việc duy trì sự ổn định chính trị. Sự ổn định đã vượt lên trên mọi thứ khác. Sự tin tưởng của ông đã là, không có sự ổn định, ở giữa sự hỗn loạn, chẳng có gì có thể được thực hiện. Nhằm để duy trì sự ổn định, chế độ độc tài là vũ khí cuối cùng.

Đặng đã luôn luôn nổi bật lên giữa các Đảng viên lão thành như người nhấn mạnh phương tiện của chế độ độc tài. Ông đã thường nhắc nhở mọi người về sự có ích của nó. Mỗi lần ông nhắc tới sự ổn định, ông cũng đã nhấn mạnh chế độ độc tài.

Ông không chỉ đã phản đối việc thiết lập bất cứ sự kiểm soát và cân bằng nào trong hệ thống chính trị, ông đã thấy việc sử dụng các cuộc biểu tình đường phố, các kiến nghị, và các cuộc phản kháng như một cách cho nhân dân để bày tỏ các quan điểm của họ là cực kỳ gây khó chịu. Thực ra, ông đã tin vào việc đưa ra các luật để cấm người dân tiến hành những hoạt động như vậy. Bất cứ khi nào các sự cố loại này xảy ra, ông đã chủ trương “dùng một con dao sắc để cắt đôi dây gai đầu được thắt nút,” nói cách khác, triển khai các biện pháp cưỡng bức để đàn áp họ. Trong cải cách chính trị của Đặng, chế độ độc tài là một thứ mà không được phép để bị thay đổi.

Căn cứ vào những bài học nghiêm trọng được rút ra từ Stalin và những năm cuối của Mao Trạch Đông, và từ những kinh nghiệm cá nhân của Đặng trong Cách mạng Văn hoá, Đặng đã không phải không biết về các thiếu sót của hệ thống chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa. Vì lý do đó, ông thường đã nhắc tới việc mở rộng dân chủ bên trong Đảng và xã hội, huỷ bỏ hệ thống gia trưởng, và tẩy sạch những ảnh hưởng Soviet.

Tuy vậy, nhằm để giải quyết hoàn toàn các vấn đề này, đã cần một sự thay đổi về sự quá tập trung quyền lực trong hệ thống chính trị. Tín điều của Đặng đã không chỉ là, địa vị cai trị của Đảng Cộng sản không bao giờ được để bị thách thức; ông cũng tôn sùng sự tập trung quyền lực cao độ và chế độ độc tài và đã tin chúng phải vẫn được duy trì.

Vì thế, dân chủ mà ông nói về, việc xoá bỏ địa vị đặc biệt cho ban lãnh đạo và tẩy sạch những ảnh hưởng phong kiến, chẳng bao giờ được thực hiện. Chúng đã không nhiều hơn các lời rỗng tuếch.

2 Quan điểm của Hồ về Cải cách Chính trị

Tiếp theo Triệu quay sang phân tích về quan điểm của người tiền nhiệm của ông với tư cách Tổng Bí thư Đảng, Hồ Diệu Bang. Triệu phỏng đoán rằng nếu Hồ đã không bị hất khỏi quyền lực trong năm 1987, ông có thể đã hướng dẫn Quốc nhanh hơn theo hướng dân chủ.



Diệu Bang đã nhiều lần bị Đặng buộc tội về việc theo đuổi sự tự do hoá tư sản, và cuối cùng ông đã bị buộc từ chức vì việc đó. Nói chung người ta đã xem Hồ như phần của phái có đầu óc cải cách và dân chủ. Chính xác quan điểm của Hồ về cải cách chính trị là gì? Ông đã đề xuất những gì?

Diệu Bang đã là một người khá hào phóng và khoan dung. Ông đã chủ trương thực hiện một chính sách xã hội khoan dung hơn, nhất là với các trí thức, mà đối với họ ông đã luôn luôn đồng cảm và khoan dung. Trong những thập niên qua, khi đấu tranh giai cấp và các chiến dịch chính trị liên miên đã chi phối quang cảnh, ông đã hiếm khi có bất cứ hành động cực đoan nào.

Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11, khi ông là Trưởng Ban Tổ chức cũng như Tổng Bí Thư của Ủy ban Trung ương, ông đã tích cực đảo lộn các vụ của những người bị lên án thuộc phe hữu, đã xoá bỏ việc quy là “địa chủ” và “phú nông,” và đã phục chức cho nhiều người bị kết án sai. Chống lại đối lập và kháng cự, ông đã nhất quyết lật lại tất cả các vụ như vậy bất chấp chúng đã xảy ra khi nào. Khi ông đã là Tổng Bí Thư, bất cứ khi nào các vấn đề xã hội nổi lên, kể cả các cuộc biểu tình, ông đã luôn luôn chủ trương nguyên tắc làm giảm căng thẳng và đã chống lại các biện pháp nặng tay. Ngay cả đối với các vụ liên quan đến tính côn

đồ và các tội vật, ông đã thúc đẩy việc sử dụng nhiều cách tiếp cận để xử lý chúng. Ông đã phản đối các chiến dịch “đánh mạnh” mà đã vây bắt và bắt giam số đông người. Ông đã rất chống việc thường xuyên sử dụng các phương tiện độc tài.

Mặc dù ông đã không bày tỏ một cách cụ thể hay rõ ràng các quan điểm của ông hay các kế hoạch của ông cho cải cách chính trị, lý tưởng ông theo đuổi đã là nhiều dân chủ và tự do hơn trong chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc—để cho phép nhân dân sống trong một môi trường dân chủ và tự do với một tinh thần nhiệt tình. Ngay trước khi ông từ chức, ông đã đích thân chịu trách nhiệm về việc soạn thảo “Nghị quyết về Xây dựng Nền văn minh Tinh thần Xã hội chủ nghĩa,” mà bao đã bao gồm đoạn này:

Trong lịch sử nhân loại, trong cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản mới nổi lên và giai cấp lao động chống lại chế độ độc tài phong kiến, sự hình thành của các tư tưởng về dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái (tình anh em) đã hết sức giải phóng tinh thần con người. Các bài học [tiêu cực] quan trọng nhất đã học được trong thời gian phát triển của chủ nghĩa xã hội đã là: thứ nhất, việc bỏ qua sự phát triển của nền kinh tế, và thứ hai, việc thất bại để xây dựng dân chủ chính trị thật. Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khóa 11, Đảng chúng ta đã nhấn mạnh rằng không có dân chủ thì không thể có sự hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa nào và nó sẵn sàng để thực sự thúc đẩy dân chủ hoá những công việc chính trị của Đảng và nhà nước. Gần đây Ủy ban Trung ương đã nhấn mạnh vấn đề về cải cách chính trị, mục tiêu của nó là để mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa và để hoàn thiện hệ thống pháp lý xã hội chủ nghĩa.

Từ đoạn trên, có thể thấy rằng Diêu Bang không nghi ngờ gì đã theo đuổi dân chủ. Mặc dù ông đã chưa đưa ra một cấu trúc đặc thù hay mô hình cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà ông đã xác định,

tôi tin rằng nếu giả như ông đã tiếp tục với cương vị lãnh tụ của Đảng và nhà nước—như tình hình đã nổi lên trong nước chúng ta và ở nước ngoài, và căn cứ vào xu hướng dân chủ toàn cầu—ông đã thúc đẩy cải cách chính trị của Trung Quốc tiến lên theo con đường hiện đại hoá hệ thống chính trị và dân chủ hoá.

3 Quan điểm của Triệu đã Tiến hoá Như thế nào

Triệu thừa nhận rằng ông đã không nghĩ đến cải cách chính trị khi đầu tiên lên nắm quyền. Nhưng khi ông đã nhận ra rằng hệ thống chính trị của Trung Quốc đang cản trở nhịp độ thay đổi kinh tế, tư duy của ông đã bắt đầu thay đổi. Ông đã bắt đầu chủ trương “luật trị¹-rule of law,” thay cho “nhân trị-người cai trị.”



Sau Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khoá 11 [trong 1978], trong một thời gian tôi đã tập trung toàn bộ sự chú ý của mình vào việc cải cách hệ thống kinh tế, bỏ qua vấn đề về cải cách chính trị. Mặc dù ngay từ khi tôi ở Tứ Xuyên, khi tôi đã bắt đầu thí nghiệm việc mở rộng sự tự trị của các doanh nghiệp, tôi đã chẳng bao giờ nghĩ về làm thế nào để tiến hành cải cách chính trị.

Tôi cũng đã cảm thấy rằng lịch sử đã dạy chúng ta một số bài học và rằng chúng ta cần lật ngược các chính sách đã gây ra các sự kiện bất bình thường trong Đảng và xã hội chúng ta sau 1957 và suốt Cách mạng Văn hoá. Tuy vậy, tôi đã không nghĩ chúng ta cần những thay đổi lớn đối với hệ thống chính trị cơ bản của chúng ta.

Một công nhân ở Sơn Tây một lần đã viết cho tôi một bức thư nói rằng ông đã đọc nhiều bài phát biểu của tôi và đã tin rằng về những vấn đề kinh tế tôi đã là một nhà cải cách, nhưng về các vấn đề chính trị tôi đã là một người bảo thủ. Đấy quả thực đã là một sự mô tả chính xác về tư duy của tôi lúc đó và vào giữa những năm 1980. Vì thế, bài phát biểu 1980 nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình về cải cách sự lãnh đạo Đảng và nhà nước đã thậm chí không thu hút được sự chú ý của tôi; nó đã làm thay đổi thái độ của tôi thậm chí

còn ít hơn. Đã không cho đến 1985 hay 1986 thì sự hiểu biết của tôi mới đã bắt đầu thay đổi. Sự chú ý của tôi đã bị kích động một chút bởi các sự kiện trong môi trường quốc tế rộng hơn và các vấn đề đã nổi lên trong khối Đông phương. Thế nhưng lý do chính cho sự thay đổi đã là tôi thấy một sự cần cải cách chính trị từ viễn cảnh của cải cách kinh tế.

Cho đến lúc đó, tôi đã tin rằng cải cách chính trị ở Trung Quốc phải không quá tiến bộ, cũng chẳng tụt hậu xa đằng sau cải cách kinh tế. Khi cải cách kinh tế được làm sâu sắc, sự kháng cự từ các lực lượng bảo thủ bên trong Đảng đã dần trở nên mạnh hơn. Thế nhưng không có cải cách chính trị sẽ là khó để duy trì cải cách kinh tế. Và không có các cải cách trong lĩnh vực chính trị, các lực lượng cải cách sẽ thấy khó để đạt tiềm năng đầy đủ của chúng. Ngoài ra, các vấn đề xã hội đã nổi lên trong quá trình cải cách mà sẽ là khó để giải quyết đúng đắn mà không có cải cách chính trị. Thí dụ, sự phát triển của một nền kinh tế thị trường đã tạo ra những vấn đề liên quan đến những trao đổi quyền lực vì tiền và sự lợi dụng quyền lực cho lợi ích cá nhân.

Trong năm 1987, tôi đã trở thành Quyền Tổng Bí Thư và muộn hơn Tổng Bí Thư [của Đảng Cộng sản Trung quốc]. Vì tôi đã trở nên ngày càng dính líu đến các vấn đề chính trị, tôi đã bày tỏ một lòng tin mạnh mẽ rằng sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa Đảng và giới trí thức đã cần được giải quyết. Thế nhưng không có sự tham gia chính trị của các trí thức, đã là không thể để cải thiện mối quan hệ theo một cách cơ bản.

Tất nhiên, cải cách chính trị mà tôi đã nghĩ tới cho Trung Quốc lúc đó, cho đến tận 1989, đã không phải là một sự phỏng theo một hệ thống đa đảng hay sự thực hiện một hệ thống đại nghị kiểu Tây phương. Tôi cũng đã chẳng nghĩ rằng vị trí cai trị của Đảng Cộng sản phải thay đổi.

Ý tưởng của tôi đã là, địa vị cai trị của Đảng không cần được thay đổi, nhưng cách nó cai quản phải được thay đổi. Hơn nữa, nhằm để thực hiện “luật trị,” tình hình “nhân trị” hiện tại cần được thay đổi. Các quốc gia xã hội chủ nghĩa phải cũng là các quốc gia với luật trị.

Tôi đã nghe nhưng bản thân tôi đã không biết được rằng hồi ký của Gorbachev nói rõ rằng trong cuộc nói chuyện của chúng tôi trong thời gian cuộc thăm Trung Quốc của ông năm 1989, tôi đã ám chỉ rằng Trung Quốc sẽ tiến lên theo hướng một hệ thống đa đảng và đại nghị. Tôi đã không có ý định để truyền đạt bất kể thứ gì như vậy trong các lời bình luận của tôi. Tôi đã đưa ra hai điểm cho ông: một đã là địa vị của Đảng Cộng sản như đảng cai trị sẽ không thay đổi, nhưng phương pháp của nó về cai quản phải thay đổi; điểm khác đã là các nước xã hội chủ nghĩa phải được cai quản không phải bởi “nhân trị” mà bởi “luật trị.” Tôi đã chú ý sử dụng từ “rule-trị, cai trị” thay cho “hệ thống.” Các ý tưởng này đã tóm tắt chính xác lập trường của tôi về cải cách chính trị lúc đó, một lập trường tôi đã phát triển trong hai năm trước.

Chúng ta đã phải thay đổi cách chúng ta cai quản, nhưng làm thế nào chúng ta tiến hành những thay đổi này? Tôi đã dần dần phát triển vài ý tưởng về làm thế nào để thực hiện việc này.

Căn cứ vào Đảng Cộng sản là đảng cai trị, nó phải cai quản thế nào? Ý tưởng của tôi đã là để hiện đại hoá cách nó cai quản, sao cho nó có thể trở nên hiện đại, văn minh, được khai sáng, và công khai hơn. Tôi đã không hiểu nó khi đó, nhưng khi tôi nghĩ về những thứ bây giờ tôi nhận ra rằng thiên hướng chung của tôi đã là để thay đổi các phương pháp cũng như hệ thống của “chuyên chính vô sản” có từ lâu đời. Ý tưởng đã gồm điều sau đây:

Thứ nhất, chúng ta cần tăng tính minh bạch của việc ra quyết định Đảng và nhà nước. Gorbachev đã gọi việc này là “cởi mở”

[glasnost] và chúng ta đã gọi nó là “tính minh bạch.” Các hoạt động và những quyết định lớn của Đảng và nhà nước cần được đưa ra công khai. Việc này đã thay đổi “hoạt động hộp-đen” có từ lâu đời, nơi công chúng chỉ được cho biết kết quả cuối cùng của một quyết định. Ngay khi chính phủ công bố một quyết định, nó chuyển sang để thực hiện, nhưng nhân dân không biết đến quá trình theo đó quyết định đã được đưa ra. Việc này là rất quan trọng. Người dân có quyền để biết.

Tiếp sau, chúng ta cần thiết lập nhiều kênh cho đối thoại—với các phân, các lực lượng, và các lợi ích xã hội khác nhau. Các quyết định về các vấn đề chính phải được đưa ra với sự tham khảo và đối thoại liên tục với các nhóm xã hội khác nhau, không chỉ bên trong Đảng Cộng sản, và không chỉ sau khi đơn thuần tham khảo một lần với các nhân vật then chốt của các đảng chính trị khác.

Tất nhiên, chúng ta phải cho phép các nhóm xã hội tồn tại; khác đi thì làm sao đối thoại có thể được tiến hành? Quan trọng nhất, chúng ta cần thay đổi tình hình mà trong đó tất cả các nhóm xã hội—kể cả các công đoàn, các tổ chức thanh niên, các tổ chức phụ nữ, các phòng thương mại và các tổ chức khác—đều trong sự thống nhất đơn điệu với Đảng Cộng sản. Chúng không được đối xử như các công cụ trung thành của Đảng. Họ phải có khả năng thực sự đại diện những người họ có ý định đại diện.

Chỉ sự đối thoại được tiến hành với các nhóm loại này mới có ý nghĩa thực. Nói cách khác, chức năng của chúng như các tổ chức trung gian phải được bộc lộ đầy đủ. Đảng Cộng sản sẽ không kiểm soát mọi thứ hay can thiệp nhiều vào công việc của chúng, và phải cho chúng dư địa cho các hoạt động độc lập. Dưới những điều kiện như vậy, Đảng Cộng sản phải tổ chức các cuộc đối thoại và tham vấn với các nhóm xã hội khác nhau, cho phép các nhóm này có sự tham gia chính trị thật.

Chúng ta cũng cần đề cập đến những thay đổi với hệ thống bầu cử của chúng ta: mở rộng phạm vi của các cuộc bầu cử dân chủ và của “các cuộc bầu cử có hạn ngạch chênh lệch.”* Lúc đó, chúng tôi đã đang dự tính đệ trình nhiều ứng viên cho ban lãnh đạo Quốc Hội; sự lựa chọn cuối cùng sẽ do một cuộc bỏ phiếu của các đại biểu Quốc Hội, sau khi Đảng Cộng sản đã đề xuất các ứng cử viên của nó. Lúc đó, các cuộc bầu cử có hạn ngạch chênh lệch đã chỉ có cho các vị trí phó, không phải cho các vị trí mức cao trong ban lãnh đạo trung ương. Mặc dù chúng ta đã không có thể ngay lập tức chấp nhận các phương pháp của các cuộc bầu cử kiểu-Tây phương, Đảng Cộng sản chí ít đã có thể tăng số các ứng viên được đề cử, kể cả cho các chức vụ như Chủ tịch Quốc Hội hay Thủ tướng Quốc vụ Viện. Với nhiều ứng viên hơn, người ta sẽ có một sự lựa chọn thật {hơn}.

Hơn nữa, đảng cai trị phải tôn trọng sự tách Đảng và nhà nước. Ban lãnh đạo của Đảng nên về cơ bản là chính trị và không can thiệp vào lĩnh vực khác. Nhiều sự khoan dung hơn phải được chứng tỏ đặc biệt trong lĩnh vực văn hoá và nghệ thuật; Đảng không nên kiểm soát như vậy hay khắt khe như vậy.

Chúng ta cũng cần làm phong phú mức hợp tác với các đảng chính trị khác và để các đảng khác có được sự tham gia chính trị thật với các chức năng đối thoại và kiểm soát và cân bằng lẫn nhau. Tôi cũng đã dự định cho phép các đảng chính trị khác để tiến hành các hoạt động riêng của họ trong khi Quốc Hội họp, và để thành lập các nhóm lãnh đạo riêng của họ. Hơn nữa, chúng ta cần bảo vệ các quyền của các công dân một cách cụ thể. Điều này là cực kỳ quan trọng. Hiến pháp của chúng ta là một hiến pháp tốt, nhưng đã không có luật nào để ủng hộ việc thực hiện nó. Đó là vì sao nhiều quyền công dân được xác định trong hiến pháp không thể được thực hiện.

Tôi đã nói về việc này với Gorbachev. Tôi đã nói, “Có nhiều thứ được xác định trong hiến pháp nhưng không thể được thực hiện một cách cụ thể. Vì thế, chúng ta phải thiết lập các luật mà đảm bảo sự bảo vệ các khía cạnh cụ thể, thí dụ, quyền tự do hiệp hội, hội họp, các cuộc biểu tình, các kiến nghị, và các cuộc đình công. Tất cả những thứ này phải được bảo vệ bằng những luật cụ thể.”

Chúng ta cũng cần cho phép tự do báo chí lớn hơn, mặc dù dưới sự quản lý và lãnh đạo. Trong năm 1989, tôi đã nói chuyện với Hồ Tích Vĩ [tổng biên tập của *Nhân dân Nhật báo*] về liệu chúng ta có nên cho phép các báo độc lập. Hiện tại, tất cả các loại báo chí do Đảng và nhà nước độc quyền: điều này là không đúng. Lúc đó, tôi đã không xem xét việc cho phép báo chí tự do hoàn toàn, nhưng đã muốn cho phép một quá trình mở ra được kiểm soát. Chí ít, tư liệu mà các phương tiện do Đảng và nhà nước kiểm soát không muốn quản lý có thể được các báo khác công bố. Ngay cả trong thời Tưởng Giới Thạch [trước khi Đảng Cộng sản chiếm quyền], các báo độc lập đã tồn tại. Cho dù chúng ta không cho phép quyền tự do báo chí đầy đủ, chúng ta phải cho phép việc bày tỏ công luận.

Lúc đó, tôi đã nghĩ về làm thế nào để cho phép sự tham gia chính trị nhiều hơn— dưới địa vị cai trị tiếp tục của Đảng Cộng sản—của các nhóm xã hội và các nhóm lợi ích khác nhau, và nhất là của các trí thức. Ngay cả không có một hệ thống đa đảng, chúng ta phải mở rộng các lực lượng tham gia chính trị khác nhau càng nhiều càng tốt.

Một số trong những suy nghĩ này đã được gồm trong các tài liệu và các cuộc nói chuyện mà được viết vào Báo cáo Chính trị của Đại hội Đảng thứ Mười Ba. Tất nhiên, trong các văn bản này, một số ý tưởng đã không thể được bày tỏ một cách rõ ràng, và một số đã không thể được bao gồm chút nào.

Đây là những ý tưởng mà đã dần dần hình thành trong tâm trí tôi từ 1986 đến 1989. Địa vị cai trị của Đảng sẽ không thay đổi, nhưng cách nó cai quản phải được thay đổi. Nói cách khác, dưới khung khổ cơ bản của sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chúng ta sẽ cho phép nhiều sự tham gia chính trị hơn từ các nhóm xã hội khác nhau; “luật trị” sẽ từ từ thay thế “nhân trị”; và nhiều thứ tuyệt vời được xác định trong hiến pháp sẽ được thực hiện, từng thứ một.

4 Đội quân Già Phản Công

Triệu thử phân tích vì sao nỗ lực cho cải cách chính trị đã chẳng bao giờ được đưa vào sau một thời kỳ náo động ban đầu trong 1987. Một lý do là, một thời kỳ bình yên xã hội sau đó đã cổ vũ ngay lập tức các trí thức để nói tự do hơn về chính trị, mà đã kích một sự phản ứng dữ dội giữa các Đảng viên lão thành. Sự phản đối như vậy cũng đã cản trở cải cách kinh tế, đặc biệt những cố gắng để làm cho các giám đốc nhà máy, chứ không phải các thủ lĩnh Đảng địa phương, chịu trách nhiệm về việc vận hành những việc kinh doanh của họ. Triệu cũng nói về các cuộc tấn công không có lý do chính đáng của các kẻ thù của ông chống lại ông mà đã liên quan đến một phim tài liệu truyền hình nhiều tập gây tranh cãi, ca ngợi những sự tiến bộ Tây phương.



Tại Đại hội Đảng thứ Mười Ba [trong 1987], chúng tôi đã thảo luận không chỉ cải cách kinh tế mà cả cải cách chính trị. Nó được nêu lên trong khung cảnh làm thế nào để cải thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa. Lúc đó môi trường chính trị đã được nói lỏng. Những nghiên cứu siêu hình và lý luận, văn hoá và nghệ thuật—đã đều sôi động. Đồng thời, trong mười năm cải cách chúng ta đã bị ảnh hưởng từ nước ngoài, bởi các giá trị, các khái niệm, và các hệ thống chính trị Tây phương. Hơn nữa, chính sách của Liên Xô đối với các nhà bất đồng chính kiến đã thay đổi qua perestroika. Tất cả những thứ này đã cổ vũ các trí thức, các thanh niên, và những người lao động trẻ của Trung Quốc để đòi dân chủ nhiều hơn.

Chúng tôi đã tận dụng lợi thế của tình hình để thực hiện các biện pháp cải cách chính trị mà đã được Đại hội Đảng thứ Mười Ba chấp thuận: việc tách Đảng và nhà nước, đặt một hệ thống công vụ

(dân chính-civil service system), thông báo cho nhân dân về những sự phát triển quan trọng, tham khảo với người dân về các vấn đề then chốt, thí nghiệm các thủ tục dân chủ trong các tổ chức của các trí thức, thoả mãn những đòi hỏi của các trí thức cho sự tham gia chính trị, và vân vân. Nếu giả như chúng tôi đã có thể thực hiện những gì đã được đã quyết định rồi, chúng tôi đã có thể lôi kéo được tuyệt đại đa số những người đã hy vọng cho dân chủ nhiều hơn nhờ các kênh này. Chúng tôi đã có thể mở rộng dân chủ qua cách tiếp cận từ từ được đại hội Đảng thứ 13 chấp nhận, và đã tăng cường sự phát triển của dân chủ chính trị. Những đòi hỏi của hầu hết nhân dân đã được thoả mãn, để lại chỉ các nhóm nhỏ, không đáng kể của những kẻ cực đoan.

Tuy vậy, sau Đại hội Đảng thứ Mười Ba, đã là khó để thực hiện cải cách chính trị. Trước hết, các Đảng viên lão thành, kể cả Đồng chí Đặng Tiểu Bình, đã có những ý kiến khác nhau về cải cách kinh tế nhưng đã có chung một ý kiến về cải cách chính trị: họ đã phản đối việc thay đổi cơ sở của hệ thống hiện hành. Họ đã sợ rằng bất cứ cải cách chính trị thật nào sẽ dẫn đến những thách thức đối với quyền lực của Đảng Cộng sản, bằng cách ấy làm yếu Đảng hay thậm chí khiến cho nó mất vị trí cai trị của nó.

Khi soạn thảo Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng thứ Mười Ba, tôi đã bị [Đặng] Tiểu Bình cảnh báo lập đi lập lại đừng có bị ảnh hưởng bởi khái niệm Tây phương về tam quyền phân lập. Ông đã đi xa tới mức nói rằng không thậm chí một dấu vết nào của điều này được phép xuất hiện trong Báo cáo Chính trị. Cái ông đã có ý định với “cải cách hệ thống chính trị” thực ra đã là các cải cách hành chính: đơn giản hoá các tổ chức, hợp lý hoá nhân sự, giảm thói quan liêu, cải thiện tính hiệu quả, vân vân. Chẳng cái nào trong số này đã đụng đến các vấn đề cốt yếu nhất trong hệ thống chính trị.

Tôi khi đó đã nghĩ về làm phong phú và cải thiện hệ thống “hợp tác và tham khảo với các đảng chính trị khác dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.” Các đảng khác đó đã có thể được làm cho hữu ích thực sự nếu chúng được phép tham gia chính trị thật, nếu hệ thống hoạt động thật thay cho chỉ trên danh nghĩa. Chúng ta đã có thể làm cho các đảng chính trị khác tích cực và thật sự có ích, với sự tham gia chính trị của họ hoạt động như một sự kiểm soát. Nó sẽ cho phép những người có một mong muốn mạnh cho sự tham gia chính trị trong xã hội thoả mãn những mong muốn của họ qua việc gia nhập các đảng chính trị khác, mà sẽ không chịu thua khi phản đối Đảng; đấy là cái gì đó nằm ngoài bất cứ khung khổ hiện tồn nào. Làm việc này sẽ tạo thành một loại phân phối quyền lực, sao cho Đảng Cộng sản sẽ không độc quyền nó toàn bộ. Tuy vậy, nó tuyệt đối sẽ không thách thức vị trí cai trị của Đảng Cộng sản. Cho mục đích này, tôi đã đề xuất thay “hệ thống hợp tác đa đảng dưới Đảng Cộng sản” thành “hệ thống hợp tác đa đảng với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.” Sự thay đổi đã không là một thay đổi lớn, nhưng “sự lãnh đạo” đã là một vấn đề chính trị, còn “dưới” cũng đã gồm một khía cạnh tổ chức.

Tôi cũng đã gợi ý rằng những người có kỹ năng từ các đảng chính trị khác được cất nhắc đến các vị trí mức Thứ Trưởng hay thậm chí Bộ trưởng trong các nhánh khác nhau của Quốc Vụ Viện. Việc này đã được làm trong những năm đầu của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Ngoài ra, về một số vấn đề, các đảng chính trị khác sẽ không còn phải đợi để được Đảng Cộng sản thông báo chỉ sau khi nó đã đưa ra quyết định cuối cùng. Chúng ta phải có khả năng để nghe những ý kiến của các bên khác trước khi đưa ra các quyết định. Việc này sẽ làm cho nó là một “sự tham khảo” trên thực tế, không chỉ trên danh nghĩa. Việc cất nhắc các đảng viên của các đảng chính trị khác lên các vị trí lãnh đạo ở các bộ đã có được sự

chấp thuận của Đặng Tiểu Bình, và ông đã nói, “Làm càng sớm càng tốt.”

Ngoài ra, đã có vấn đề về làm thế nào để phát triển khả năng của các đảng khác. Chừng nào chúng là các đảng chính trị, chúng phải là các đảng với sự tham gia chính trị thật. Điều đó có nghĩa rằng chúng nên hoạt động như các đảng chính trị thật, không chỉ như một đại diện đơn độc tại Quốc Hội.

Đấy là những ý tưởng tôi đã nghĩ đến lúc đó, mặc dù không có sự chắc chắn kiên quyết.

Một số người đã tự hỏi: nếu Đảng Cộng sản có thể lập các nhóm lãnh đạo trong các phiên họp của Đại hội Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội), các đảng chính trị khác sẽ có được phép lập các nhóm lãnh đạo của riêng chúng? Tôi không biết vấn đề này đã được chuyển tiếp như thế nào đến Đặng, nhưng [con gái ông] Đặng Maomao đã gửi một thông điệp cho tôi qua thư ký của tôi Lí Dũng: “Khi Đặng nói về việc mở rộng sự tham gia của các đảng chính trị khác, ông đã chỉ bàn về. Làm sao có thể xem việc này một cách nghiêm túc? Chúng ta tuyệt đối không cho phép các đảng chính trị khác thành lập các nhóm lãnh đạo của họ trong các phiên họp Quốc Hội.” Đặng đã phản đối ý tưởng này và đã gửi thông điệp này.

Chúng tôi đã không thể thậm chí hoàn tất và đưa nội dung vào một hệ thống mà chúng ta đã có sẵn rồi, một hệ thống đã được sự chấp thuận của mọi người. Hãy tưởng tượng sẽ khó đến thế nào để hoàn thành bất kể cải cách khác nào.

Về câu hỏi tách các quyền của Đảng và nhà nước, nhiều Đảng viên đã lo về việc thực hiện sơ đồ trách nhiệm của các giám đốc nhà máy—sự phản kháng của họ đã mãnh liệt. Nhiều Đảng uỷ địa phương đã phản đối. Họ đã quen với Đảng uỷ quản lý mọi thứ, với

một sự độc quyền về mọi quyền lực, đối với Đảng và chính quyền. Người quyết định cuối cùng đã là bí thư Đảng.

Việc thực hiện một sự tách các quyền của Đảng và nhà nước sẽ tước mất quyền lực thật của bí thư Đảng. Vì thế, các quan chức mức-địa phương đã từ chối làm cho giám đốc nhà máy là một nhà lãnh đạo chính và đại diện pháp lý. Kết quả sẽ là bí thư Đảng không còn đưa ra mọi quyết định của nhà máy nữa, mà sẽ chủ yếu chịu trách nhiệm về Đảng và những công việc chính trị.

Việc tách các quyền của Đảng và nhà nước và hệ thống trách nhiệm của các giám đốc nhà máy thực ra đã đụng đến về vấn đề phân phối quyền lực, như thế những người đã có quyền lực rồi không muốn từ bỏ. Cải cách vì thế đã cực kỳ khó để thực hiện.

Tôi đã nói trước đây rằng chúng ta cần củng cố và cải cách công tác chính trị và tuyên truyền của chúng ta, và rằng nó là một vấn đề lớn. Tăng cường chính trị và tuyên truyền trong khi thực hiện cải cách tất nhiên đã là việc đúng để làm; câu hỏi đã là làm thế nào để tăng cường nó.

Nếu chúng ta đã theo các phương pháp cũ để thực hiện việc này, chúng ta sẽ kết thúc với điều ngược lại những gì chúng ta đã dự định. Mặc dù công tác chính trị và tuyên truyền của chúng ta đã đạt những thứ tích cực trong quá khứ, sau 1957—trong gần hai mươi năm—chính trị và tuyên truyền của chúng ta đã tập trung vào đấu tranh giai cấp. Chính trị và tuyên truyền, mà đã đặt đấu tranh giai cấp làm tiêu điểm trung tâm của nó, đã coi nhân dân như các đối tượng cần thay đổi và bị kiểm soát. Vì thế công tác chính trị và tuyên truyền đã chẳng bao giờ sử dụng lý trí hay đã thử thuyết phục, mà đã dựa vào sự cưỡng bức và gán nhãn. Chính trị và tuyên truyền dựa vào đấu tranh giai cấp đã gây hại nghiêm trọng và đã tạo ra một số trong những tập quán xấu nhất. Đồng thời, đã có các vấn

đề với những công việc chính trị đã trở nên bị quan liêu hoá nghiêm trọng. Tổ chức đã khổng lồ, với số đông những người không có ích.

Vì thế, tôi đã đề xuất cải cách công tác chính trị và tuyên truyền, mà đã có nghĩa là việc thay đổi căn bản cách nó được tiến hành—tiếp tục vài truyền thống tốt đã hình thành trong những năm chiến tranh, trong khi tìm kiếm những cách để sáng chế lại các phương pháp công tác chính trị và tuyên truyền. Trên hết, chúng ta cần tìm kiếm lại và sáng chế lại.

Việc tôi nêu vấn đề này đã gây ra sự băn khoăn lớn. Nhiều Đồng chí lão thành đã phản đối, như các Đồng chí của các Đảng uỷ ở các mức khác nhau. Những người đang làm công tác chính trị và tuyên truyền ở các nhà máy, và số đông người khắp đất nước mà đã dựa vào công tác chính trị và tuyên truyền để sống, đã tin rằng họ sắp bị đẩy sang bên lề.

Hồi xưa tôi đã cảm thấy cải cách kinh tế của Trung Quốc đã khó đến thế nào tại mỗi bước, và đã có ít dư địa như thế nào cho việc mạo hiểm chấp nhận rủi ro. Bất kể vấn đề nhỏ nào nổi lên đều đã gây ra sự chống đối.

Trong cải cách chính trị, tuy vậy, mỗi bước đã còn khó khăn hơn. Bởi vì cải cách chính trị trong những khía cạnh nhất định đã là việc thay đổi cách Đảng Cộng sản cai quản, cách nó thực hiện quyền lực, và cách nó xử lý các thứ, rốt cuộc nó đã phải thay đổi cách bản thân Đảng nhìn quyền lực và sự độc quyền của chính nó về quyền lực. Vì thế, sự kháng cự đã là rất lớn.

Sự kháng cự cải cách chính trị chủ yếu đã đến từ ban lãnh đạo, tại tất cả các mức bên trong Đảng. Nếu cải cách kinh tế có thể được nói là đã dễ có được sự ủng hộ của “các hầu tước,”* cải cách chính trị đã vấp phải sự miễn cưỡng và sự kháng cự của họ. Tôi cảm thấy rất mạnh mẽ rằng cách tiếp cận từ trên xuống và từ từ của Trung

Quốc về việc cải cách hệ thống kinh tế đã là có thể làm được, nhưng cho cải cách chính trị, tình hình đã thật sự khó khăn hơn rất nhiều.

Tuy vậy, tôi cũng đã cảm thấy rằng nếu hệ thống chính trị không được cải cách, cải cách kinh tế sẽ vấp phải những khó khăn khi nó tiếp tục được làm sâu sắc. Thí dụ, các tiêu chuẩn cho những việc cất nhắc cán bộ đã không thay đổi. Mặc dù Trung Quốc đã thực hiện cải cách mười năm rồi, chúng ta đã chẳng bao giờ thử để giải quyết đòi hỏi cấp bách về việc sắp đặt những người ủng hộ cải cách chịu trách nhiệm tại các mức lãnh đạo khác nhau. Vì thế, cải cách đã có thể không chịu nổi bất kể việc làm đảo lộn tình hình nào.

Một số nhà chức trách địa phương đã lấy thái độ thực dụng trong xử lý cải cách; họ đã làm bất cứ thứ gì có lợi cho họ và đã kháng cự bất cứ thứ gì mà có thể hại đến các lợi ích của họ. Họ sẽ mở rộng bất cứ gì mà đã hoạt động cho lợi ích của họ, và họ sẽ hạn chế về quy mô bất cứ thứ gì mà đã đi ngược với các lợi ích của họ.

Cũng đã có vấn đề tham nhũng. Trong năm 1988, tôi đã nghỉ Lễ hội Xuân ở Quảng Đông. Sau khi tôi biết nhiều hơn về tình hình ở đó, tôi đã có một ý thức sâu sắc về làm thế nào việc cải cách nền kinh tế đã đem lại sức sống mới cho nó, nhưng cũng dẫn đến tham nhũng nổi lên. Lúc đó, tôi đã đề xuất rằng “nền kinh tế phải thịnh vượng, nhưng chính quyền phải vẫn sạch.” Bằng “chính quyền” ở đây tôi muốn nói đến các cán bộ, những người nắm quyền. Sau đó, tôi đã ngày càng biết rằng “là sạch” đã là một thách thức lớn.

Trong thời kỳ quá độ (chuyển đổi) từ hệ thống kinh tế cũ sang hệ thống kinh tế mới, mà không có những kiểm soát, thì tham nhũng nhất định tăng, trong hình thức của những sự trao đổi quyền-tiền, việc trục lợi chính thức, độc quyền kinh doanh chính thức, sự đút lót. Để giải quyết những loại này của các vấn đề tham nhũng, chìa khoá

là tính minh bạch và sự giám sát dân chủ, kể cả việc thăm soi của báo chí và công luận, và một nền tư pháp độc lập.

Nói cách khác, đây đã là vấn đề về cải cách chính trị. Không có một nền tư pháp độc lập, các toà án đã không thể xét xử một vụ với một thái độ vô tư, công tố viên đã không thể thi hành quyền lực một cách độc lập, và thậm chí các luật hiện có không thể được thi hành. Việc này đã đụng đến vấn đề mối quan hệ của tư pháp với Đảng. Tôi đã tin sâu sắc rằng hệ thống chính trị cần được cải cách cho phù hợp; tất nhiên, không qua việc sao chép toàn bộ của phương Tây, mà đúng hơn, cái gì đó phù hợp với tình hình của Trung Quốc: từ từ đưa dân chủ và những sự kiểm soát và cân bằng vào cách cai trị của Đảng Cộng sản. Quyền lực tuyệt đối không thể được độc quyền và nó cần những sự kiểm soát.

Hầu như không Đảng viên lão thành nào đã ủng hộ loại này của cải cách. Thực tế đã là, cải cách chính trị đã bế tắc. Điều này đã gây ra một vấn đề. Một mặt chúng ta đã làm cho nhân dân đưa ra các đòi hỏi ngày càng mạnh cho dân chủ và và một sự tăng tốc cải cách chính trị; mặt khác, không hành động nào đã được tiến hành về cải cách chính trị kể từ Đại hội Đảng thứ Mười Ba. Đã có một khoảng rộng giữa những đòi hỏi của nhân dân, nhất là các đòi hỏi của các trí thức, và các ý định của Đảng.

Bởi vì môi trường chính trị đã vẫn tương đối được nói lỏng, người dân đã nói thẳng một cách táo bạo—không như sau Bốn tháng Sáu, khi môi trường chính trị đã trở nên hết sức ức chế. Sự tương phản giữa thực tế và đòi hỏi công chúng chỉ đã làm mạnh thêm khát vọng cho dân chủ, đến điểm mà các ý tưởng cực đoan đã được bày tỏ và các hành động được tiến hành đã làm tràn trề sự xung đột. Những gợi ý đã được đưa ra rằng một hệ thống đại nghị Tây phương phải được thiết lập. Một sinh viên có tên Trần Quân (Chen Jun), người đã học ở Hoa Kỳ, đã quay về Trung Quốc để tổ

chức các trí thức nổi tiếng để đòi thả Ngụy Kinh Sinh [nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng]. Đã có một chiến dịch ký kiến nghị ở Hoa Kỳ để đưa ra một thư ngỏ cho Đặng Tiểu Bình đòi việc thả Ngụy. Các hoạt động tương tự đã xảy ra ở Hong Kong. Trong năm 1989, trong {phiên họp} Quốc Hội, một đoàn đại biểu Hong Kong đã đòi các quyền con người và việc thả Ngụy Kinh Sinh. Đã có nhiều hoạt động ở các đại học nữa. Đã có những loại khác nhau của các salon và các diễn đàn trong đó các ý tưởng cực đoan được bày tỏ. Một số trí thức giữ các quan điểm cực đoan đã đi tới các đại học và các cao đẳng để trình bày các bài phát biểu bày tỏ sự bất bình của họ. [Nhà vật lý thiên văn bất đồng chính kiến] Phương Lệ Chi, người đã ở nước ngoài, đã đích thân tấn công Đặng Tiểu Bình.

Tất cả việc này đã biểu một cái có biện minh cho những người phản đối cải cách nhân danh chống-tự do hoá. Họ đã sử dụng những sự cố này để khiêu khích các Đảng viên lão thành và đã làm cho họ và Đặng thậm chí lo lắng hơn, và thuyết phục họ rằng thậm chí không một chút nói lỏng nào được cho phép trong lĩnh vực chính trị.

Việc này đã làm phức tạp tình hình nổi lên sau 1988, ở giữa tình hình chính trị được nói lỏng hơn tiếp sau Đại hội Đảng thứ Mười Ba. Những căng thẳng đã tăng thêm giữa một số trí thức và Đảng. Chấn động chính trị mà đã xảy ra trong năm 1989 đã không hoàn toàn ngẫu nhiên. Chẳng phải Đặng Tiểu Bình đã nói rõ rằng nó đã được gây ra bởi bầu không khí quốc tế chung và bầu không khí trong nước? Tôi tin nếu đã có một bầu không khí trong nước, nó đã là tình trạng mà tôi đã mô tả ở trên. Chắc chắn người dân đã bức tức với giá cả tăng lên, nhưng cái đã làm cho họ thậm chí bất bình hơn, nhất là các trí thức và những người trẻ, đã là sự bế tắc trong cải cách kinh tế và sự khôi phục các phương pháp cũ. Họ đã có những ngờ vực về tương lai của cải cách kinh tế. Trong lúc đó, cải cách

chính trị đã bị bắt phải câm họng và không sự tiến bộ nào đã được tiến hành. Nhân dân đã tức giận về tham nhũng và họ đã tin rằng không có cải cách chính trị để đặt những sự kiểm soát lên sự cai trị của Đảng Cộng sản, vấn đề tham nhũng đã không thể được giải quyết. Tại lõi của nó, tinh thần của các cuộc biểu tình sinh viên đã là một đòi hỏi cho việc làm sâu sắc cải cách và một sự phản đối các lực lượng bảo thủ. Bằng chứng thuyết phục nhất của việc này là sự thực rằng, ngay cả khi lạm phát đã chi phối công luận, các sinh viên đã cẩn thận tránh vấn đề nhạy cảm này, vì những mối lo ngại rằng nó sẽ chỉ dẫn đến sự phản đối các cải cách. Động cơ thúc đẩy căn bản của họ đã là để thúc đẩy cải cách, để chống đối những cách phi dân chủ và phản đối việc trục lợi chính thức.

[Đảng viên lão thành] Lí Tiên Niệm đã rất tích cực trong chiến dịch “Lật đổ Triệu,” cả như phát ngôn viên và người đứng sau sân khấu. Trong tháng Mười 1988, tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Ba của Ủy ban Trung ương khóa 13, đã có những kế hoạch để chấp nhận một công bố công khai về tổ chức lại cho đến khi [Đảng viên lão thành] Vương Chấn đột ngột khởi động một cuộc tấn công chống lại *Hà Thương*^{*} và đã đòi rằng Ủy ban Trung ương đưa ra một sự chỉ trích chính thức nó. Tôi đã tìm được cách để phớt lờ ông.

Sau sự cố, Diệp Tuyền Ninh [con trai của Nguyên soái Diệp Kiếm Anh] đã nói với tôi rằng trong sự hiện diện của anh Vương Chấn đã hăng hái tố cáo Bảo Đồng [trợ lý của Triệu], nói rằng Bảo Đồng là một tên vô lại đã ủng hộ việc dựng phim *Hà Thương*—một cáo buộc Vương Chấn đã nghe từ Lí Tiên Niệm.

Thực ra, đấy đã là một sự bịa đặt hoàn toàn. Bảo Đồng đã chẳng bao giờ liên quan gì đến *Hà Thương*, ông cũng đã không từng nói với tôi về nó.

Đã có nhiều hơn cái Vương Chấn đã không nói. Khi Lí Tiên Niệm nêu tên “Bảo Đồng,” thực ra ông ta đã nhắc đến tôi, ngụ ý rằng tôi đã ủng hộ *Hà Thương*. Có thể rằng bản thân Vương Chấn đã bực mình với *Hà Thương*, và Lí Tiên Niệm đã tận dụng cơ hội để liên kết tôi với *Hà Thương* để kích sự tức giận của Vương Chấn chống lại tôi. Nhằm để kích sự bất mãn trong một số Đồng chí lão thành đối với tôi, Lí Tiên Niệm đã sẵn sàng đi xa đến mức bịa ra lời đồn đại.

Sau Bốn tháng Sáu, khi họ công bố những sự chỉ trích chống lại tôi trên các báo, *Hà Thương* đã là một vấn đề lớn. Nhiều trong những lời buộc tội đã hoàn toàn là hư cấu, như việc cho rằng tôi đã ủng hộ việc dựng phim *Hà Thương*, đã đặt số x băng sao để phân phối khắp nước, đã cấm các chỉ trích về bộ phim. Chẳng cái nào trong số này đã đúng.

5 Con Đường phía Trước

Bất chấp việc trải qua sự nghiệp của mình trong Đảng Cộng sản, Triệu cuối cùng thừa nhận rằng hệ thống của Trung Quốc chẳng hề là một lý tưởng dân chủ chút nào và kết luận rằng một nền dân chủ đại nghị là đường lối tốt nhất cho một nhà nước hiện đại và phải là mục tiêu của Trung Quốc. Ông thậm chí gợi ý rằng Trung Quốc có thể học một hay hai thứ từ Đài Loan.



Sau khi tôi từ chức trong năm 1989 và với những thay đổi đã xảy ra cả ở trong nước và nước ngoài, tôi đã bắt đầu mở mang một sự hiểu mới về cải cách chính trị của Trung Quốc.

Trước kia tôi đã tin rằng nhân dân là chủ của công việc riêng của họ không ở trong các nền dân chủ nghị viện của các quốc gia đã phát triển ở phương Tây, mà chỉ trong các hệ thống Soviet và xã hội chủ nghĩa với một Đại hội nhân dân, làm cho hệ thống sau là một hình thức tiên tiến hơn và được thực hiện tốt hơn của dân chủ.

Điều này, thực ra, là không đúng. Các hệ thống dân chủ của các quốc gia xã hội chủ nghĩa của chúng ta tất cả chỉ là nông cạn; chúng không phải là các hệ thống trong đó nhân dân chịu trách nhiệm, mà đúng hơn bị cai trị bởi vài hay thậm chí bởi chỉ một người.

Trong số các hệ thống chính trị khác nhau tồn tại trên thế giới trong thế kỷ thứ hai mươi, các nền quân chủ chuyên chế và các chế độ độc tài fascist của Đức và Italy đã bị loại bỏ. Đã có các chế độ độc tài quân sự, nhưng chúng đã tồn tại ngắn hay đang mất sự ủng hộ. Mặc dù chúng thường xuất hiện trong các quốc gia rất kém phát triển—thí dụ, sự cai trị quân sự ở các quốc gia Nam Mỹ—chúng tất cả đã đều đạn hoá ra là những hồi ngăn trong cuộc tiến từ từ của

các quốc gia này theo hướng chính trị nghị viện. Trong mấy thập kỷ trong thế kỷ thứ hai mươi, cái gọi là “các hệ thống dân chủ mới,” chế độ độc tài vô sản (nền chuyên chính vô sản), đã cạnh tranh với hệ thống nghị viện Tây phương. Nhưng trong tuyệt đại đa số của các quốc gia này, nó từ đó đã rút khỏi sân khấu lịch sử.

Trên thực tế, chính hệ thống dân chủ nghị viện Tây phương đã chứng tỏ là có sức sống nhất. Hệ thống này hiện tại là hệ thống sẵn có tốt nhất. Nó có khả năng thể hiện tinh thần dân chủ và thoả mãn các đòi hỏi của một xã hội hiện đại, và nó là một hệ thống tương đối trưởng thành.

Tất nhiên, hệ thống này là không hoàn hảo; nó có nhiều vấn đề. Thế nhưng nói một cách tương đối, hệ thống này là phù hợp nhất cho một nền văn minh hiện đại, có thể thích nghi hơn với những thay đổi trong công luận và có khả năng nhất để thực hiện dân chủ. Hơn nữa, nó ổn định hơn. Sức sống của hệ thống này đã trở nên ngày càng rõ. Hầu hết tất cả các quốc gia đã phát triển đã chấp nhận một nền dân chủ nghị viện.

Trong vài thập niên qua, các quốc gia mới nổi với sự phát triển nhịp độ nhanh của chúng đã minh hoạ rõ ràng xu hướng để hội tụ vào một hệ thống dân chủ nghị viện. Tôi chắc chắn rằng điều này không phải là ngẫu nhiên. Vì sao không có thậm chí một quốc gia đã phát triển thực hiện bất kể hệ thống nào khác? Điều này cho thấy rằng nếu một nước muốn để hiện đại hoá, để thực hiện một nền kinh tế thị trường hiện đại, nó phải thực hành dân chủ nghị viện như hệ thống chính trị của nó.

Tất nhiên, là có thể rằng trong tương lai một hệ thống chính trị tiên tiến hơn dân chủ nghị viện sẽ nổi lên. Nhưng đó là một vấn đề cho tương lai. Hiện tại, không có cái khác.

Dựa vào điều này, chúng ta có thể nói rằng nếu một nước muốn hiện đại hoá, nó không chỉ phải thực hiện một nền kinh tế thị trường, nó cũng phải chấp nhận một nền dân chủ nghị viện như hệ thống chính trị của nó. Khác đi, thì quốc gia này sẽ không có khả năng có một nền kinh tế thị trường lành mạnh và hiện đại, nó cũng chẳng có thể trở thành một xã hội hiện đại với luật trị. Thay vào đó nó sẽ lao vào các tình huống mà đã xảy ra trong rất nhiều nước đang phát triển, kể cả Trung Quốc: sự thương mại hoá quyền lực, tham nhũng tràn lan, một xã hội bị phân cực giữa giàu và nghèo.

Tuy vậy, phải lưu ý rằng các nền dân chủ nghị viện tồn tại chủ yếu trong các quốc gia đã phát triển và các quốc gia mới nổi. Một số nước đang phát triển đã thực hành chính trị nghị viện trước đây nhưng đã không thể thực hiện đầy đủ tiềm năng của nó, và các vấn đề đã ngày càng bộc lộ: chính phủ đã gặp rắc rối trong việc thi hành quyền lực của nó, xã hội đã không đủ ổn định, các cuộc đảo chính quân sự đã được dàn dựng sử dụng các vấn đề này như một cái cớ biện minh. Điều này cũng cho thấy rằng dân chủ nghị viện, mà là hiện đại, tiên tiến, văn minh, và trưởng thành, phải có những điều kiện cần nào đó và rằng không phải quốc gia nào cũng có thể chấp nhận và sử dụng nó tốt.

Căn cứ vào hoàn cảnh hiện thời ở Trung Quốc, chúng ta phải xác minh rằng mục tiêu cuối cùng của cải cách chính trị là sự thực hiện hệ thống chính trị tiên tiến này. Nếu chúng ta không chuyển theo hướng mục tiêu này, sẽ là không thể để giải quyết hoàn cảnh bất bình thường trong nền kinh tế thị trường Trung Quốc: các vấn đề như một thị trường không lành mạnh, trục lợi từ quyền lực, tham nhũng xã hội tràn lan, và một khoảng cách đang mở rộng giữa những người giàu và những người nghèo. Luật trị (rule of law) cũng sẽ không bao giờ trở thành hiện thực. Nhằm để giải quyết các vấn

đề này, chúng ta phải tiến hành cải cách chính trị một cách cụ thể với điều này như mục tiêu của chúng ta.

Mặt khác, căn cứ vào thực tế ở Trung Quốc, chúng ta cần một thời kỳ chuyển đổi tương đối dài. Những kinh nghiệm của các quốc gia Á châu khác là đáng để chúng ta chú ý về phương diện này. Thí dụ, các lãnh thổ và các quốc gia như Đài Loan và Hàn Quốc đã từ từ tiến hành sự chuyển đổi từ các hệ thống cũ của họ sang một hệ thống nghị viện, và đã có những kinh nghiệm tích cực mà chúng ta có lợi từ việc học tập.

Ở Trung Quốc, vì một chuyển đổi suôn sẻ hơn, chỉ ít trong một thời gian ngắn, chúng ta phải duy trì vị trí cai trị của Đảng Cộng sản—trong khi thay đổi cách Đảng cai trị. Nó có thể vẫn là cách tiếp cận đúng.

Đây sẽ là một điểm xuất phát tốt: thứ nhất, bởi vì nó sẽ giúp duy trì sự ổn định trong xã hội và tạo ra một môi trường tốt cho sự phát triển kinh tế, xã hội, và văn hoá, và thứ hai, nó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho một sự chuyển đổi suôn sẻ tới một hệ thống chính trị trưởng thành, văn minh, và dân chủ hơn khi các điều kiện kinh tế, xã hội, và văn hoá thay đổi. Nói cách khác, chúng ta phải không được hấp tấp để sao chép toàn bộ [một hệ thống chính trị mới] ngay lập tức. Tuy vậy, chúng ta phải bước đều hướng tới mục tiêu này, và tuyệt đối không được di chuyển theo hướng ngược lại. Chúng ta phải kiềm chế các hành động tai hại mà không tạo điều kiện thuận lợi cho, hay thậm chí phá hoại, việc đạt mục tiêu này.

Sự chuyển đổi này kéo dài bao lâu phải được những sự phát triển xã hội xác định. Là quan trọng rằng ban lãnh đạo Đảng Cộng sản giữ vững lòng tin này. Như thế thì nó có thể khéo léo đáp lại hoàn cảnh khi chúng nảy sinh, một cách từ từ, từng bước một, theo những ưu tiên thích hợp.

Nếu đích đến cuối cùng là một nền dân chủ nghị viện, đảng cai trị phải đạt được hai sự đột phá. Một là để cho phép các đảng chính trị khác và một nền báo chí tự do tồn tại. Việc này có thể xuất hiện từ từ, nhưng nó phải được theo đuổi.

Sự đột phá thứ hai là có dân chủ bên trong Đảng: tức là, Đảng cần chấp nhận các thủ tục dân chủ và sử dụng các phương tiện dân chủ để cải cách bản thân mình. Trong quá khứ, trong những năm chiến tranh và những năm đầu của nền cộng hoà, đã có một nhu cầu để nhấn mạnh sự tập trung hoá và kỷ luật. Tuy vậy, sẽ là không thể để thực hiện sự chuyển đổi từ một Đảng cách mạng sang một Đảng cầm quyền, và để hướng dẫn sự chuyển đổi của xã hội sang chính trị nghị viện nếu Đảng không thực hành một hệ thống dân chủ triệt để bên trong bản thân nó. Sự tồn tại của những bất đồng ý kiến chính đáng phải được cho phép bên trong Đảng. Ngay cả Mao Chủ tịch cũng đã nói rằng thiểu số phải được bảo vệ trong Đảng. Những ý kiến khác nhau phải được phép tồn tại, và các phái khác nhau phải được trở nên hợp pháp. Trong các tranh luận và cạnh tranh, các bên khác nhau bên trong Đảng tất cả phải tuân theo cùng các quy tắc.

Sẽ là sai nếu Đảng chúng ta chẳng bao giờ tiến hành sự chuyển đổi từ một trạng thái phù hợp với thời chiến sang một trạng thái phù hợp với một xã hội dân chủ. Sự đột phá này phải xảy ra. Tất nhiên, sẽ có vấn đề về quốc hữu hoá quân đội. Quan trọng hơn, cải cách hệ thống pháp luật và một nền tư pháp độc lập phải được quyền ưu tiên.

Hy vọng của chúng ta là, địa vị cai trị của Đảng Cộng sản được duy trì cho một thời kỳ đáng kể, sao cho sự chuyển đổi có thể được tiến hành dưới sự lãnh đạo và sự chuẩn bị của nó theo một cách có trật tự. Về Đảng Cộng sản giữ vị trí cai trị của nó lâu bao nhiêu, việc này phải được xác định bởi các hệ quả của sự cởi mở chính trị của xã hội và sự cạnh tranh giữa Đảng Cộng sản và các thế lực chính trị

khác. Nếu chúng ta đề xướng và làm việc này khéo, địa vị thống trị của Đảng Cộng sản có thể được duy trì cho một thời gian rất dài. Tuy vậy, địa vị cai trị này không được duy trì bằng việc sử dụng hiến pháp để độc quyền địa vị này. Đúng hơn, Đảng phải bị bắt cạnh tranh vì địa vị đó. Tôi tin rằng đây là một xu hướng toàn cầu mà chúng ta không thể coi thường.

Nếu chúng ta hành động với sáng kiến, sẽ là có lợi cho Đảng, xã hội, và nhân dân. Bất kể cách tiếp cận nào khác sẽ gây tai hại. Xu hướng là không thể bác được, rằng kẻ thích hợp nhất sẽ sống sót. Như Tôn Dật Tiên đã nói, “Các xu hướng toàn cầu là to lớn và hùng mạnh; những ai theo chúng sẽ thịnh vượng, và những ai kháng cự chúng sẽ diệt vong.” Tôi tin thời gian đã đến cho chúng ta để xử trí vấn đề này một cách nghiêm túc.

Sự nghiệp chính trị của Triệu Tử Dương đã chấm dứt với sự cố Thiên An Môn năm 1989, nhưng cuộc tranh luận về cải cách của Trung Quốc vẫn tiếp tục. Một sự tái diễn của Chiến dịch Chống-Tự do hoá, mà Triệu đã sợ sẽ tiếp theo sự đàn áp thẳng tay ở Thiên An Môn, đã không xảy ra. Nhưng Đảng đã chịu tổn hại nghiêm trọng đối với danh tiếng của nó và đã bị thế giới lên án vì phản ứng quân sự thái quá của nó.

Sự liên minh của Đặng Tiểu Bình với các Đảng viên lão thành để lật đổ Triệu đã dẫn đến sự xáo trộn trong nhóm lãnh đạo mới và đã làm cho phong trào cải cách bế tắc. Kết quả đã là một sự sụt tăng trưởng GDP thực trong hai năm tiếp sau sự cố Thiên An Môn, suy thoái kịch tính nhất kể từ 1976. Đặng thấy di sản của mình bị nguy hiểm và khả năng rằng tất cả những lợi lộc do các cải cách kinh tế mang lại sẽ uổng phí. Ông đã không thể để điều này xảy ra.

Hành động chính trị quan trọng cuối cùng của Đặng đã là “chuyến đi miền nam” nổi tiếng của ông đến các Đặc Khu Kinh tế trong năm 1992, một nước đi mà đã làm sống lại các chương trình cải cách kinh tế. Chuyến đi đã được định thời

gian để buộc đại hội Đảng thứ 14 sắp tới muợn hơn trong năm đó để tái khẳng định đẫy mạnh các cải cách hơn nữa. Những người mà đã dùng mưu mẹo để từ bỏ cải cách kinh tế đã bị chuyển đi miền nam của Đặng đẫy vào sự tuân theo. Họ đã theo dõi Liên Xô sụp đổ; nhân dân Trung Quốc đã mất sự tin cậy của họ vào chính phủ sau vụ Thảm sát An Môn và đã bắt lực để cải thiện nền kinh tế. Tuy vậy, năm 1992 đã đánh dấu sự chấm dứt của cuộc tranh luận về sự biến đổi sang một nền kinh tế thị trường tự do. Kết cục đã là sự biến đổi Trung Quốc thành một cường quốc kinh tế thế kỷ thứ hai mươi mốt, với một sự khẳng định được làm mới lại về chế độ chuyên quyền độc đoán.

Vẫn dưới sự quản thúc tại gia, Triệu Tử Dương đã chết vào ngày 17 tháng Mười, 2005.

* Bốn Nguyên tắc Cốt yếu, được Đặng đưa ra trong năm 1979, nhấn mạnh rằng không thể có việc nghi ngờ về bốn trụ cột của nhà nước: con đường xã hội chủ nghĩa, chế độ độc tài dân chủ nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, và tư tưởng Marxist–Leninist–Maoist.

† Một sự nhắc tới tiểu thuyết kinh điển Trung Quốc *Tây Du Ký*, về Vua Khỉ (Tôn Ngộ Không). Thầy của ông, Đường Tam Tạng (Đường Tăng) kiểm soát ông bằng niệm một câu thần chú mà siết một vòng vàng (vòng kim cô) ông đeo quanh đầu, gây ra sự đau nhói.

1 “Rule of law” thường được dịch là “pháp trị”, và đôi khi “pháp trị” cũng được hiểu là cai trị bằng pháp luật (rule by law); để tránh sự mập mờ này tôi nhất quán dùng “luật trị” tức là sự cai trị của pháp luật, không ai hay tổ chức nào không bị luật chế tài, để chuyển tải khái niệm “rule of law”.

* “Các cuộc bầu cử có hạn ngạch chênh lệch” nhắc đến các cuộc bầu cử nội bộ Đảng trong đó những người bỏ phiếu được giới thiệu nhiều ứng viên hơn số vị trí, loại bỏ một cách hữu hiệu các ứng viên ít được ưa chuộng nhất. Theo các tiêu chuẩn của Đảng Cộng sản, nó đã là một đột phá dân chủ.

* Các lãnh đạo tỉnh hùng mạnh đã được nhắc tới như “các hầu tước” bởi vì về mặt lịch sử, các hầu tước địa phương của các triều đại đế quốc Trung Hoa thường đã có quyền lực thật lớn hơn quyền lực của chính phủ trung ương.

* *River Elegy (Hà Thương)* đã là một phim tài liệu TV nhiều phần gây tranh cãi ở Trung Quốc, được phát đầu tiên trong năm 1988. Nó đã phê phán sự cô lập Trung Quốc truyền thống và đã nhiệt tình ủng hộ sự cởi mở Tây phương. Đảng muộn hơn đã lên án việc phát bộ phim trên TV và đã đổ lỗi cho nó vì giúp gây cảm hứng cho các cuộc biểu tình 1989.

LỜI BẠT

Bảo Phác



Để hiểu cuộc du hành chính trị lạ thường của Triệu Tử Dương, là quan trọng để biết chính xác ông đã phải đối đầu với những gì khi ông đạt tới cấp bậc cao nhất của Bắc Kinh trong năm 1980.

Các đấu thủ chi phối trong giới của ông đã là “các Đảng viên Cộng sản lão thành,” những người đã bị Mao Trạch Đông gạt sang bên vì sự không sẵn lòng của họ để đi theo các chương trình cấp tiến của ông. Sau khi bị Mao tước mất ảnh hưởng chính trị của họ trong gần hai thập kỷ, các lão thành đã khao khát để nắm lấy quyền lực và sử dụng những năm còn lại của họ để định hình Trung Quốc sau-Mao.

Người hùng mạnh nhất trong số họ đã là Đặng Tiểu Bình. Đặng đã có đúng kinh nghiệm thích hợp để quản lý hai phái đã nổi lên ở trên đỉnh. Như một người bảo thủ chính trị, ông đã có sự ủng hộ của các Đảng viên lão thành tuyệt vọng để cứu Đảng khỏi sự phá sản. Như một người khai phóng về các vấn đề kinh tế—bị Mao thanh trừng không phải một lần mà hai lần—Đặng đã là đáng tin giữa những người muốn đoạn tuyệt với những ngày cũ của tập thể hoá. Sự chia rẽ giữa các Đảng viên lão thành về đường hướng cải cách đã cần đến một lãnh tụ chớp bu để giải quyết các tranh chấp. Với sự kết hợp của ông về thâm niên, năng lực, và sự ủng hộ từ các đơn vị quân đội hạng nặng, Đặng đã nổi lên như lãnh tụ tối cao, lấp đầy chỗ trống trong một hệ thống độc đoán mà đã mất Nhà cầm Lái Vĩ đại của nó.

Một lão thành có ảnh hưởng khác đã là Trần Vân, người thậm chí cao niên hơn Đặng và đã là một người sáng lập của Đảng. Ông đã có được sự kính trọng lâu dài vì đã ổn định hoá nhanh chóng nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá của quốc gia trong những năm 1950, khi ông là Phó Thủ tướng.

Khi nhóm này lên cầm quyền, đã rõ những gì sẽ chi phối chương trình nghị sự: sự phục hồi kinh tế và một sự chấm dứt sự cô lập của Trung Quốc với thế giới. Trong tháng Mười Hai 1978, tại Hội nghị Toàn thể Thứ ba của Ủy Ban Trung ương khoá 11, Đảng đã đưa ra một nghị quyết để chuyển sự nhấn mạnh của nó từ “đấu tranh giai cấp” sang “phát triển kinh tế.” Việc này đã chấm dứt sự ám ảnh của Đảng với việc tiêu diệt “các kẻ thù giai cấp” đã kéo dài trong ba mươi năm. Thời đại Mao đã kết thúc, và thời đại cải cách được tiến hành.

Các ngôi sao chính trị mới đã bắt đầu nổi lên. Hồ Diệu Bang đã tiếp quản Ban Tổ chức trong tháng Mười Hai 1977, với quyền lực đối với những quyết định nhân sự của Đảng. Ông đã ngay lập tức phục hồi chức cho các nạn nhân của những sự thanh trừng của Mao; lòng biết ơn của họ đã biến thành sự ủng hộ chính trị vững chắc cho Đặng Tiểu Bình, người đã cất nhắc Hồ.

Một ngôi sao khác đã là Triệu Tử Dương. Hai năm trước, Đặng đã cử Triệu đến quê ông, tỉnh Tứ Xuyên, mà khi đó đã trên bờ vực thảm họa nông nghiệp. Triệu, người đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý Tỉnh Quảng Đông, đã tái cấu trúc nền kinh tế nông nghiệp của Tứ Xuyên. Chỉ trong vài năm, ông đã nâng một cách đầy kịch tính sản xuất nông nghiệp và thu nhập trung bình của tỉnh có 100 triệu dân này, nơi đã chính thức tiết lộ rằng 10 triệu người đã chết đói vì Đại Nhảy Vọt của Mao. Mặc dù các chính sách của ông đã có vẻ gần như “tự bản chủ nghĩa,” thành công của chúng đã tạo danh tiếng sớm của Triệu.

Bất chấp nhiều năm của ông trong các bộ máy cấp tỉnh, Triệu đã có kỹ năng chính trị về không nổi bật quá nhiều, mà đã giúp ông leo lên đỉnh mà không gây ra nhiều tiếng ồn ào hay chọc tức những người theo đường lối cứng rắn. Sự lên nhanh của ông đã bắt đầu trong tháng Tám 1977 tại Đại hội Đảng lần thứ 11, khi ông trở thành một uỷ viên dự khuyết của Bộ Chính trị.

Đặng đã nhanh chóng củng cố quyền lực bằng việc bổ nhiệm Hồ Diệu Bang làm Chủ tịch Đảng và Triệu Tử Dương làm Phó Chủ tịch Đảng và Thủ tướng Quốc Vụ Viện. Ảnh hưởng của Đặng bây giờ lơ lửng trên các bộ máy cai quản Đảng và nhà nước.

Hai ngôi sao đang lên của Đặng đã bắt đầu làm việc. Thành công của Hồ về phục hồi các Đảng viên bị nhục nhã, kết đôi với các thành tựu của Triệu từ những đổi mới nông nghiệp của ông, đã cho phép Đặng khẳng định sự kiểm soát của ông cả bên trong Đảng và giữa nhân dân. Ông cũng đã trở thành lãnh tụ cộng sản Trung Quốc đầu tiên có được sự ca ngợi rộng rãi từ nước ngoài. Câu cửa miệng mới ở Trung Quốc đã là “cải cách.” Với sự giúp đỡ của bộ máy tuyên truyền của Đảng, cải cách đã trở thành hiện thân của mọi hy vọng và mọi thứ tốt.

Chỉ đã có một vấn đề: không ai đã có thể đồng ý về cải cách này phải có hình thức chính xác thế nào. Những người thực dụng đã ít quan tâm đến giáo điều Marxist. Họ đã biết từ kinh nghiệm rằng các khuyến khích và các yếu tố thị trường đã có kết quả. Các Đảng viên lão thành như Trần Vân, tuy vậy, đã tin rằng Đảng Cộng sản phải vẫn trung thành với ý thức hệ nền móng của nó và theo đuổi chủ nghĩa xã hội kiểu-Soviet. Đối với họ cải cách kinh tế chỉ đã có nghĩa là việc bình phục lại từ những thảm họa do Mao gây ra. Trong số những người bảo thủ này, cũng đã có những lý do cá nhân cho việc phản đối cải cách. Lí Tiên Niệm, người đã quản lý công việc kinh tế trong một thời gian đáng kể trong thời đại của Mao, đã thấy cải cách

như một sự phê phán ngầm công tác quá khứ của ông và đã sợ bị gạt sang bên lề. Và các quan chức sự nghiệp—kết cấu của chính quyền của Trung Quốc—những người đã được huấn luyện trong hàng thập niên để tin rằng “chủ nghĩa tư bản” là cái xấu tột độ, bây giờ cảm thấy bị mất phương hướng và bị văn hoá chính trị mới đe dọa.

Tất cả điều này đã có nghĩa rằng các nhà cải cách của Trung Quốc không có một chuyến đi dễ dàng. Khi Triệu trở thành Thủ tướng trong năm 1980, ông đã vẫn là người mới đối với chính trị cấp cao của Bắc Kinh. Vấn đề lớn đầu tiên ông đã phải giải quyết là “điều chỉnh lại” kinh tế 1981 mà đã được lão thành bảo thủ Trần Vân khởi động. Triệu đã không có lựa chọn nào ngoài việc dẫn đầu cố gắng, nhưng trong vai trò đó ông đã nhanh chóng hiểu được điểm yếu của hệ thống kế hoạch tập trung, mà đã quản lý công việc kinh tế bằng việc phân các chỉ tiêu khắp đất nước. Ông đã thử chuyển nhanh với các cải cách.

Đã là một thời kỳ gặp nghẽn. Đặng đã làm rõ rằng ông không muốn “bất cứ sự cãi cọ nào” ở trên đỉnh. Mặc dù ý định của những lời của ông đã không được giải thích rõ, chúng rõ ràng đã có nghĩa rằng Đặng đã hy vọng để làm như ông muốn mà không có sự can thiệp. Nhưng khi các Đặc khu Kinh tế được yêu thích của Đặng bắt đầu có vẻ tư bản chủ nghĩa thái quá, Trần Vân trong năm 1982 đã khởi động một “Chiến dịch Đánh Mạnh Chống các Tội phạm Kinh tế” mà gián tiếp đã nhắm vào việc vô hiệu hoá các chính sách tự do mà các đặc khu đã được phép. Trần đã tìm được một cách để sử dụng quyết tâm của mình mà không có “sự cãi cọ” chính trị, và Đặng đã không phát hiện ra thủ đoạn. Dưới hoàn cảnh này cả Hồ và Triệu đã cảm thấy buộc phải đi cùng với Trần.

Vào lúc này, Triệu đã biết ông đang hoạt động trên một bãi mìn chính trị nhưng đã dần tới trong cố gắng của ông để hiện đại hoá

nền kinh tế. Đã chẳng hề phật lòng rằng ý tưởng về việc cho phép nhập khẩu thực phẩm, chẳng hạn, đã được đề xuất bởi chính Trần Vân, người đã háo hức để đoạn tuyệt với chính sách Maoist về tự lực hoàn toàn. Trung Quốc đã nhanh chóng trở thành một trong những nhà nhập khẩu ngũ cốc lớn. Với áp lực bứt đi lên sản xuất ngũ cốc trong nước, nhà nước đã có thể nới lỏng các hạn chế và các chỉ tiêu mà trong quá khứ đã ép 800 triệu nông dân vào sự nghèo khổ. Trung Quốc sau đó đã quyết định mở rộng ra phần còn lại của quốc gia những cải cách nông thôn mà Triệu đã khởi động ở Tỉnh Tứ Xuyên. Mặc dù chính sách đã bị một vài nhà quản lý cấp tỉnh kháng cự, những lợi lộc đã ngay lập tức đến mức hầu hết các vùng đã nhanh chóng chấp nhận chúng một cách tự nguyện. Ngược với chiến dịch tàn nhẫn của Mao để ép buộc các công xã lên nông thôn Trung Quốc, việc dỡ bỏ cùng hệ thống này đã được tiến hành mà không có sự ép buộc.

Tiến bộ cũng đã tiếp tục dọc vùng duyên hải nữa. Các Đặc Khu Kinh tế ở miền đông đã tiếp tục phát triển. Nhưng bởi vì chúng đã được dựng lên như các phòng thí nghiệm biệt lập cho cải cách, Đặng đã có khả năng để tránh các cuộc tranh luận chính trị rộng và tổn kém giữa các Đảng viên lão thành về liệu chúng có qua được sự kiểm tra về là “xã hội chủ nghĩa” hay không.

Với những điều kiện cần cho cải cách hơn nữa có sẵn, cái cần nhất đã là một ý thức rõ ràng về định hướng từ ban lãnh đạo trung ương. Với tư cách Thủ tướng mới, Triệu đã kết luận rằng mệnh lệnh kinh tế cấp bách chính là việc giải quyết sự phi hiệu quả kinh niên của Trung Quốc. Triệu có thể đã bị cách ly bên trong bộ máy quan liêu cộng sản lớn nhất của thế giới, nhưng ông đã nhận ra rằng, để tiến bộ, Trung Quốc phải từ bỏ nền kinh tế kế hoạch của nó để ủng hộ một thị trường tự do. Nó đã là chiến thắng lớn của lương tri.

Nhưng để làm cho điều này xảy ra trong một chính quyền mà vẫn có sự chống đối bảo thủ đáng kể, Triệu đã phải lách học thuyết chính thống, nghĩ ra những uyển ngữ cho các chính sách của ông, và tiếp tục nài nỉ sự ủng hộ của Đặng trong khi bỏ qua những lời than phiền của các lão thành hùng mạnh khác. Ông đã luôn luôn có thể bị tổn thương vì thực tế rằng các ý tưởng của ông đã trái ngược hiển nhiên với đường lối chính thức của Đảng.

Các đối thủ như các nhà lý luận bảo thủ Hồ Kiêu Mộc và Đặng Lực Quân đã thử lợi dụng tính dễ bị tổn thương này và đã là một nguồn chọc tức liên tục cho các nhà cải cách như Hồ và Triệu. Sức mạnh chính để giữ các cuộc tấn công này ở xa trên “mặt trận lý luận” đã là Đặng Tiểu Bình, người đã không thể quan tâm ít hơn về học thuyết. Khi Triệu trở thành Tổng Bí thư Đảng, ông đã sử dụng quyền lực của mình để dứt khoát kết liễu các định chế tả khuynh mà từ đó các cuộc tấn công này đã xuất phát.

Sự biến đổi của Trung Quốc sang một nền kinh tế thị trường đã vượt qua điểm không thể quay ngược lại vào lúc nào đó trong những năm 1980. Về mặt chính trị, tuy vậy, Đảng đã chẳng bao giờ từ bỏ những cách độc đoán của nó. Việc loại bỏ “đấu tranh giai cấp” của Mao đã là một đột phá trên một mức, nhưng nó đã cho người dân một ấn tượng sai rằng bằng cách nào đó hệ thống chính trị hay phong cách lãnh đạo của Đảng đã thay đổi. Thực ra, các vấn đề của sự cai trị độc đoán vẫn còn cho đến ngày này. Không có một sự thay đổi, Trung Quốc không thể thoát khỏi chúng: một sự thiếu trách nhiệm giải trình và một đảng luôn luôn ngồi trên pháp luật.

Điều này hầu như chắc chắn bảo đảm rằng chính phủ sẽ tiếp tục đối mặt với các cuộc nổi loạn. Đảng đã bút rứt suốt lịch sử của nó về nó phải khoan dung ra sao trong việc xử lý sự chỉ trích. Trong năm 1957, Mao đã thúc giục các trí thức nói thẳng trong Chiến dịch Trăm Hoa Đua nở, rồi đã trừng trị thẳng tay những người đã nói

thắng một năm sau với Chiến dịch Chống-Cánh Hữu (mà Đặng đã thực hiện). Trong năm 1979, Đặng đã tiếp tục đàn áp những người chỉ trích. Ông đã dẹp tắt phong trào “Tường Dân chủ”, mà trong đó hàng ngàn trí thức và những người trẻ đã đăng những lời kêu gọi quyền tự do chính trị trên một bức tường ở Bắc Kinh. Ông muộn hơn đã khuyến khích một đợt vận động năm 1983 chống lại “Ô nhiễm Tinh thần,” có nghĩa chủ yếu là các ảnh hưởng nước ngoài, và ông đã đề xuất Chiến dịch Chống-Tự do hoá Tư sản 1985. Khi Hồ Diệu Bang không thực hiện chiến dịch đó, Đặng đã sa thải ông. Một lực chính cho cải cách chính trị như thế đã biến mất. Ông đã có vẻ đeo đuổi việc thử để tạo ra một Đảng khoan dung hơn, cởi mở hơn. Nhưng khi sự không hài lòng của Đặng với Hồ tăng lên, các Đảng viên lão thành đã lợi dụng sự rạn nứt. Với sự tán thành của Đặng, họ đã thử cắt bớt quyền lực của các quan chức có đầu óc cải cách khác. Thậm chí họ đã thử thay thế Hồ bằng người của riêng họ. Về vấn đề này, tuy vậy, Đặng đã đứng vững. Mặc dù ông đã cách chức Hồ, ông đã không để cho một người chống cải cách kinh tế, ai đó như Đặng Lực Quân, kế vị Hồ. Cho nên ông đã cất nhắc Triệu lên Tổng Bí thư. Ông đã tán thành việc cất nhắc chức Thủ tướng cho Lí Bằng, mà người thầy của ông ta đã là lão thành bảo thủ Trần Vân. Nhưng ông đã không tin cậy Lí để vận hành nền kinh tế, và như thế để bảo đảm rằng Triệu sẽ vẫn đưa ra các quyết định trong lĩnh vực đó, Đặng đã lập ra Nhóm Lãnh đạo Kinh tế và Tài chính Trung ương và đã đặt Triệu chịu trách nhiệm.

Đó đã không phải là lần đầu tiên Đặng đã phớt lờ các định chế chính thức, nó cũng chẳng phải là lần cuối. Trong tháng Giêng 1987, ông đã chỉ định một “Nhóm-Năm- Người” ad hoc để tiếp quản Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị vào lúc cách chức Hồ. Rồi ông đã chỉ định một “Nhóm-Bảy-Người” để chỉ định các quan chức trong việc chuẩn bị cho Đại hội Đảng thứ Mười ba. Mặc dù Đặng đã có khả

năng để dùng thủ đoạn vượt qua được một số lão thành ngoan cố, ông cũng đã gieo hạt giống cho sự biến loạn tương lai. Cuối cùng, Thủ tướng Lí đã không muốn cam chịu vai trò bị cắt giảm. Và một tình hình kinh tế ngày càng bất ổn đã giúp ông gây ra rắc rối.

Cú đòn quyết định đã là sự nổ ra lạm phát cao trong 1988, bị làm trầm trọng thêm bởi một cố gắng xấu số và (theo sự thú nhận của chính Triệu) được nghĩ không thấu đáo để tiến hành một đợt phá táo bạo trong việc cải cách hệ thống giá. Chính phủ đã phạm một sai lầm chí tử bằng việc công bố các sự tăng giá trước khi thực hiện chúng. Công chúng đã phản ứng lại với việc hoảng hốt mua hàng và đổ xô rút tiền khỏi các ngân hàng. Tính nghiêm trọng bề ngoài của tình hình đã khiến Triệu đột ngột bỏ cải cách giá.

Thiệt hại cho vị thế chính trị của ông đã xảy ra. Các đối thủ của ông đã bắt đầu một cố gắng có phối hợp để lật đổ ông. Công việc của Triệu đã trở nên ngày càng khó. Ông đã có được những chiến thắng ấn tượng trong những cố gắng sớm hơn của ông để giữ các cải cách đúng hướng. Ông đã vô hiệu hoá Chiến dịch Chống-Tự do hoá trong năm 1987. Ông đã ghi ra cụm từ “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” như cơ sở lý luận cho việc Trung Quốc chấp nhận các chính sách thị trường tự do trong giai đoạn đầu này của sự tiến hoá của nó.

Nhưng cải cách chính trị đã là một vấn đề gai góc hơn. Tại một điểm Triệu đã có viết một bức thư cho Đặng thúc ông “thiết lập một hệ thống lãnh đạo rất cần thiết,” mà đã gợi ý các vấn đề với hệ thống độc đoán hiện hành. Đặng đã nhận được bức thư nhưng không nhận được thông điệp. Đặng đã một lần nói về sự cần cho “cải cách chính trị” và cho nhiều dân chủ hơn bên trong Đảng, nhưng đó là khi đối thủ chính trị của ông, Hoa Quốc Phong, đã là một người với quá nhiều quyền lực. Sau khi bản thân Đặng trở thành lãnh tụ chớp bu, ông đã chẳng bao giờ nói lại kiểu đó. Nói

chung, ý tưởng của Đặng về “cải cách chính trị” đã không vượt quá các cải cách hành chính để làm cho Đảng hiệu quả hơn.

Triệu hầu hết đã chấp nhận sự chi phối của Đặng bởi vì nó đã giúp ông né các lão thành khác về các vấn đề kinh tế. Khi Đặng ở một giai đoạn đã gợi ý việc rút lui khỏi Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị, Triệu đã thử thuyết phục ông ở lại; ông đã cần đến Đặng. Nhưng khi Triệu đã chuẩn bị để trình bày một loạt cải cách chính trị tại Đại hội Đảng thứ Mười ba, Đặng đã áp đặt những giới hạn trên chúng mà Triệu đã không có lựa chọn nào ngoài việc chấp nhận. Đặng đã muốn không phần nào của hệ thống Tây phương: “Hãy đừng để ngay cả một dấu vết của tam quyền phân lập.”

Triệu đã nhận ra rằng Đảng cần thay đổi cách nó cai quản. Không vượt qua Đặng, Triệu đã đề xuất một “sự tách quyền lực giữa Đảng và nhà nước.” Đề xuất đã được Đại hội Đảng thông qua nhưng muộn hơn đã bị kháng cự bởi các quan chức Đảng ở tất cả mọi mức những người đã không muốn từ bỏ quyền lực của họ. Cải cách chính trị nghiêm túc đã chẳng bao giờ cất cánh khỏi mặt đất.

Với sự bùng nổ của các cuộc biểu tình sinh viên năm 1989, Triệu đã không còn thời gian. Khi Đặng quyết định triệu quân đội vào, Triệu đã làm rõ rằng ông không thể tham gia vào một quyết định như vậy. Ông đã không phải là một lãnh đạo chớp bu người đã do dự: Đặng đã không có khả năng để có được đa số của năm ủy viên Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị. Như thế Đặng, đã có kinh nghiệm dẹp các thủ tục Đảng và chính phủ sang bên khi ông cần, đã có được sự ủng hộ của một tướng già nổi tiếng, Dương Thượng Côn, người đã đảm bảo sự kiểm soát của ông đối với quân đội.

Sau khi các cuộc phản kháng bị đàn áp, Đặng đã vật lộn với di sản của chính ông. Nếu chiến thắng của đường lối cứng rắn cũng kết thúc với việc giết cải cách kinh tế, thì Đặng sẽ đối mặt với triển vọng kinh khủng khét tiếng như đồ tể của Thiên An Môn người đã

bảo vệ một chế độ không thể biện hộ được và phung phí uy tín mà ông đã có được sớm hơn từ sự tiến bộ kinh tế của quốc gia.

Và như thế đông đã bắt đầu để thay đổi tình hình. Trong năm 1992, ông đã có một chuyến đi nổi tiếng qua các thành phố hưng thịnh dọc duyên hải phía nam. Nó đã là một tín hiệu rõ ràng cho các lãnh đạo Trung Quốc rằng các cải cách kinh tế phải được tiếp tục—rằng không ai được thử ngừng chúng. Nước đi đã giúp buộc Đại hội Đảng thứ 14 muộn hơn trong năm đó để tái thẳng định những cải cách hơn nữa.

Nhưng khi đó Liên Xô đã sụp đổ. Với sự sụp đổ đó lơ lửng trên đầu họ, những người bảo thủ của Trung Quốc—những người đã mất sự tin cậy của nhân dân sau vụ Tàn sát Thiên An Môn, và đã từ bỏ cải cách kinh tế nhưng đã tự chứng tỏ không có khả năng cải thiện nền kinh tế—đã bị đẩy vào sự phục tùng. Họ đã nhận ra rằng vụ tàn sát đã củng cố sự cai trị độc đoán của Đảng. Với một cảm giác an toàn được hồi phục lại, họ đã ngừng lo ngại và đã phát đạt.

Ngày nay, hai mươi năm sau, các cải cách kinh tế đã mở rất rộng, và chủ nghĩa tư bản—một thị trường chứng khoán, một thị trường bất động sản, doanh nghiệp tư nhân— đã được thiết lập. Thế nhưng, đúng như Triệu đã nhận ra trong những năm muộn hơn của ông trong khi dưới sự quản thúc tại gia trong nhà có sân trong cô quạnh của ông, tham nhũng đang làm què quặt hệ thống và đang làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào khả năng của chính phủ để cải thiện đời sống của họ. Không có cải cách chính trị, không có những kiểm soát và cân bằng (checks and balances), thị trường bị méo mó, bị thao túng bởi các quan chức tham nhũng và giao dịch bẩn thỉu. Quốc gia vẫn bị cai trị bởi người, không phải bởi luật. Trong khi ẩn dật, Triệu cuối cùng đã kết luận rằng để có tiến bộ, Trung Quốc sẽ khám phá hơn với một hệ thống nghị viện Tây

phương. Nhưng sự đột phá quan niệm này đã chỉ đến sau khi ông đã bị bịt miệng.

Triệu Tử Dương đã không có sự quan tâm nào để là một người nhìn xa trông rộng (visionary). Ông đã là một người thực dụng, người đã muốn giải quyết những vấn đề thực tế. Ông đã dẫn nước ông qua sự lầm lẫn và hỗn loạn và đã đưa ra những lựa chọn khó khăn vì mục đích cải thiện đời sống của những người khác. Ông đã làm bốn phận của mình. Di sản của ông, được ghi ở đây, sẽ bảo đảm rằng ông sẽ không phai mờ khỏi lịch sử.

SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA TRIỆU TỬ DƯƠNG

Dựa vào một phiên bản tiếng Hoa do Lí Thụ Kiều, cựu thư ký của Triệu Tử Dương, soạn.

1919, 17, tháng Mười	Sinh tại Huyện Hoạt, Tỉnh Hà Nam
1932	Tham gia Liên đoàn Thanh niên Cộng sản
1933, tháng Tám	Ghi danh học Trường trung học cơ sở Khai Phong Tỉnh Hà Nam
1935, tháng 12	Tham gia hoạt động của Đảng Cộng sản; tổ chức các cuộc biểu tình sinh viên chống Nhật, bước đầu tiên trên con đường hoạt động chính trị
1936, tháng Tám	Ghi tên vào Trường Trung học Phổ thông Vũ Xương Tỉnh Hồ Bắc
1937, tháng Bảy	Bỏ trường học khi

	<p>Quân đội Hoàng gia Nhật khởi động cuộc xâm lấn toàn bộ Trung Quốc; quay về quê ở tỉnh Hà Nam, mà mau chóng trở thành vùng bị chiếm đóng và nơi Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) tổ chức một cuộc kháng cự có tổ chức chống lại người Nhật</p>
1938, tháng Hai	Gia nhập ĐCSTQ
1939, tháng Giêng	Trở thành bí thư Đảng Huyện Hạc, bắt đầu sự nghiệp của ông như một nhà quản lý dân sự bên trong tổ chức ĐCSTQ
1949, tháng Ba	Trở thành bí thư ĐCSTQ của Khu Nam Dương, tỉnh Hà Nam
1951	Rời quê Tỉnh Hà Nam đi Quảng Đông, bắt đầu một sự nghiệp dài và thành công như một nhà quản lý tỉnh

1958–60	Chiến dịch Đại Nhảy Vọt của Mao
1962	Trở thành bí thư thứ hai của Tỉnh Ủy Tỉnh Quảng Đông và tham gia trong cuộc họp—được biết đến như Hội nghị Công tác Bảy Ngàn Cán bộ—nơi đảng viên kỳ cựu Lưu Thiếu Kỳ công khai không đồng ý với Mao về các vấn đề chính sách then chốt. Thử nghiệm với việc ngừng các công xã và giao khoán lại đất cho các nông dân tư nhân như một biện pháp “tạm thời” để phục hồi từ Đại Nhảy Vọt tai hại
1965	Vào tuổi bốn mươi sáu, trở thành người đứng đầu Đảng cấp tỉnh trẻ nhất đầu tiên khi ông lên chức bí thư thứ nhất của Tỉnh Ủy Quảng Đông
1966–76	Cách mạng Văn hoá của Mao

1967	Bị tạm giam tại Trung tâm Chỉ huy Quân sự Quảng Châu như một phần của sự thanh trừng Cách mạng Văn hoá để làm trong sạch giới quan chức ủng hộ các chính sách “xét lại” (các chính sách đã ôn hoà ngược với các chính sách của Mao)
1970	Làm việc như một thợ lắp ráp tại các Nhà máy Cơ khí Tương Trung Huyện Liên Nguyên, Tỉnh Hồ Nam
1971, tháng Tư	Được bổ nhiệm làm bí thư ĐCSTQ của Khu Tự trị Nội Mông và phó giám đốc Ủy ban Cách mạng; việc này đánh dấu sự phục chức của ông sau khi bị thanh trừng
1972, tháng Ba	Trở thành bí thư Đảng của Tỉnh Quảng Đông
1973, tháng Tám	Trở thành uỷ viên Ủy ban Trung ương của

	ĐCSTQ
1974	Trở thành Bí thư thứ nhất của Đảng ở Tỉnh Quảng Đông
1975, tháng Mười	Được Đặng Tiểu Bình cử làm bí thư thứ nhất của Tỉnh Ủy Tỉnh Tứ Xuyên; chính sách cải cách nông thôn mà ông khởi xướng ở Tứ Xuyên là cải cách đầu tiên thuộc loại này và trở thành mô hình thành công trong cố gắng để dỡ bỏ các công xã của Mao
1977, tháng Tám	Được bổ nhiệm làm ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, bắt đầu của sự đi lên của ông tới các vị trí lãnh đạo chóp bu
1978	Trở thành Phó chủ tịch của Ủy ban Trung ương Đảng
1979, tháng Chín	Trở thành ủy viên Bộ Chính trị
1980, Tháng Hai	Trở thành ủy viên Ủy

	ban Thường vụ Bộ Chính trị (BTV)
1980, tháng Ba	Phụ trách công việc kinh tế của quốc gia với tư cách lãnh đạo của Nhóm Lãnh đạo Kinh tế và Tài chính Trung ương
1980, tháng Tư	Trở thành Phó Thủ tướng Quốc Vụ Viện
1980, tháng Chín	Trở thành Thủ tướng Quốc Vụ Viện
1981, tháng Sáu	Trở thành Phó Chủ tịch của Ủy ban Trung ương của ĐCS TQ
1982, tháng Chín	Được bầu lại vào BTV Bộ Chính trị tại Hội nghị Toàn thể lần thứ Nhất của Ủy ban Trung ương khoá 12
1984, 19 tháng Mười Hai	Ký Tuyên bố Chung Trung-Anh với Thủ tướng Anh Margaret Thatcher ở Bắc Kinh cho việc trả lại chủ quyền đối với Hong Kong cho

	Trung Quốc vào ngày 1 tháng Bảy, 1997.
1986, tháng Mười	Trở thành lãnh đạo của một nhóm mới với nhiệm vụ về đề xuất một gói cải cách chính trị, Nhóm Nghiên cứu cho Cải cách Hệ thống Chính trị. Các thành viên khác là Hồ Khởi Lập, Điền Kỳ Vân, Bạc Nhất Ba, và Bành Xung
1987, tháng Giêng	Trở thành Quyền Tổng Bí thư của ĐCS TQ
1987, tháng Mười	Tại Đại hội Đảng thứ Mười ba, tuyên bố rằng Trung Quốc đang ở “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội,” bằng cách ấy dọn đường cho những biến đổi thị trường thêm nữa; cũng đề xuất một gói cải cách chính trị duy nhất trong lịch sử ĐCS TQ, thử thay đổi “cách ĐCS TQ cai quản,” tức là, để đưa ra những cải cách như tách quyền

	<p>lực giữa Đảng và nhà nước. Trở thành tổng bí thư và phó chủ tịch thứ nhất của Hội đồng Quân sự Trung ương, và vẫn là uỷ viên BTV BCT</p>
<p>1989, 15 tháng Tư</p>	<p>Hồ Diệu Bang chết, châm ngòi các cuộc biểu tình sinh viên</p>
<p>1989, 22 tháng Tư</p>	<p>Đề xuất một cách tiếp cận ba-điểm đối với các cuộc biểu tình sinh viên: động viên quay về lớp học, tổ chức các đối thoại, và sử dụng luật chỉ để trừng phạt những người đã phạm tội</p>
<p>1989, 26 tháng Tư</p>	<p><i>Nhân dân Nhật</i> báo đăng sự lên án của Đảng về các cuộc biểu tình sinh viên, khiến căng thẳng leo thang thành một khủng hoảng chính trị nghiêm trọng</p>
<p>1989, 4 tháng Năm</p>	<p>Trình bày bài phát biểu cho các đại biểu Ngân hàng Phát triển Á châu</p>

	<p>kêu gọi xử lý các cuộc biểu tình “dựa trên các nguyên tắc của dân chủ và luật”</p>
<p>1989, 17 tháng Năm</p>	<p>Tham gia cuộc họp tại nhà Đặng Tiểu Bình nơi Đặng quyết định áp đặt quân luật; Triệu nói ông thấy khó để thực hiện một quyết định như vậy</p>
<p>1989, 19 tháng Năm</p>	<p>Thăm các sinh viên biểu tình ở Quảng trường Thiên An Môn và trình bày một bài phát biểu ngẫu hứng nài xin họ rời khỏi quảng trường, biết rằng một cuộc tấn công quân sự sắp xảy ra. Nó là sự xuất hiện công khai cuối cùng của ông</p>
<p>1989, tháng Sáu</p>	<p>Một cuộc họp Bộ Chính trị Mở rộng được tổ chức để phê phán Triệu và tước mọi chức vụ của ông. Việc này bắt đầu mười sáu năm cô lập và quản thúc tại gia của ông</p>

1997, 19 tháng Hai	Đặng Tiểu Bình chết
1997, 12 tháng Chín	Gửi một bức thư trong khi dưới sự quản thúc tại gia cho Đại Hội Đảng thứ 15 kêu gọi các lãnh đạo đánh giá lại sự đàn áp thẳng tay những người biểu tình ở Quảng trường Thiên An Môn trong năm 1989
2005, 17 tháng Giêng	Chết tại Bắc Kinh

Ai là Ai

An Chí Văn (An Zhiwen 安志文) (1919–) đã là phó giám đốc Quốc Vụ Viện về Cải cách Kinh tế (State Commission for Economic Reform) và một thành viên của Nhóm Lãnh đạo Trung ương về các Công việc Kinh tế và Tài chính (Central Leading Group on Economic and Financial Affairs) từ 1987 đến 1992. An đã là một người ủng hộ cải cách nhiệt thành.

Arkhipov, Ivan (1907–98) đã là phó thủ tướng Soviet thứ nhất người trong những năm 1950 đã chỉ đạo các cố gắng của Moscow để giúp đỡ công nghệ cho Trung quốc. Arkhipov được xem là một người bạn của Trung quốc vì vai trò của ông trong việc vạch ra Kế hoạch Năm Năm đầu tiên của Trung quốc.

Bạc Nhất Ba (Bo Yibo 薄一波) (1908–2007) đã là một trong những lão thành Đảng có ảnh hưởng nhất. Bạc đã là phó chủ tịch của Hội đồng Cố vấn Trung ương từ 1982 đến 1987. **Bành Chân** (Peng Zhen 彭真) (1902–97) đã là một lão thành Đảng có ảnh hưởng người đã

trở thành chủ tịch của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội từ 1983 đến 1988.

Bành Đức Hoài (Peng Dehuai 彭德怀) (1898–1974) đã là một chỉ huy xuất sắc của Giải phóng Quân Nhân dân người đã là Bộ trưởng Quốc phòng đầu tiên. Trong 1959, Bành đã chỉ trích Đại Nhảy Vọt của Mao, mà đã gánh chịu sự thịnh nộ của Mao. Bành đã bị thanh trừng và bị làm nhục công khai. Số phận của ông, cùng với số phận của Lưu Thiếu Kỳ, đã trở thành những minh họa chính về tính bốc đồng của Mao.

Bành Xung (Peng Chong 彭冲; tên khi sinh 許鐵如 Hứa Thiết Như) (1915–2010) đã là bí thư của Ban bí thư Trung ương Đảng CSTQ và phó chủ tịch của Quốc hội trong những năm 1980.

Bào Đổng (Bao Tong 鮑彤) (1932–) đã là một uỷ viên Ban chấp hành Trung ương và đã được Triệu uỷ thác để trình bày các kế hoạch cho cải cách chính trị với tư cách giám đốc của Viện Nghiên cứu Cải cách Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương. Bào đã là thư ký của Triệu trong những năm đầu của chức thủ tướng của ông. Trong 1989, Bào đã ủng hộ Triệu trong việc phản đối quyết định của Đặng về việc dùng quân đội đàn áp những người phản kháng Thiên An Môn. Như sự trừng phạt ông đã bị bỏ tù bảy năm.

Cao Dương (Gao Yang 高扬) (1909–2009) đã là hiệu trưởng Trường Đảng của Uỷ Ban

Trung ương từ 1987 đến 1989 và một uỷ viên của Hội đồng Cố vấn Trung ương.

Châu Ân Lai (Zhou Enlai 周恩来) (1898–1976) đã là một trong những lãnh tụ sáng lập của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Châu đã giữ chức Thủ tướng từ 1954 đến 1976. Cách tiếp cận ôn hoà và chủ yếu thực dụng của Châu, ngược lại với chủ nghĩa cực đoan và tính tàn nhẫn của Mao, đã khiến ông có được sự ngưỡng mộ lớn lao giữa dân chúng. Cái chết của ông đã kích “Sự cố 5 tháng Tư” của năm 1976, cuộc biểu tình công khai quy mô lớn đầu tiên tại Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Christopher Patten (1944–) đã là thống đốc Anh cuối cùng của Hong Kong, từ 1992 đến 1997. Sau khi Hong Kong được chuyển giao cho Trung quốc, Patten đã là uỷ viên đối ngoại của châu Âu. Bây giờ ông là Hiệu trưởng Đại học Newcastle tại Đại học Oxford. Với tư cách thống đốc Hong Kong, Patten đã thử cải cách quá trình

bầu cử của lập pháp Hong Kong, một cố gắng mà vì nó ông đã bị chính phủ Trung quốc nói xấu.

Chu Dung Cơ (Zhu Rongji 朱镕基) (1928-), kỹ sư điện, thống đốc ngân hàng nhân dân Trung quốc (1993-1995), uỷ viên Ban thường vụ Bộ Chính trị (1992-2002), phó thủ tướng thứ nhất (1993-98), thủ tướng Trung quốc (1998-2003).

Chu Hậu Trạch (Zhu Houze 朱厚泽) (1931-) đã là Trưởng ban Tuyên truyền Trung ương

1985 đến 1987. Thái độ ôn hoà của ông đã không được các lão thành Đảng dung thứ, và ông đã bị đẩy khỏi chức vụ sau khi hất cẳng Hồ Diệu Bang. Chu đã là phó giám đốc Trung tâm Phát triển Nông thôn Quốc Vụ Viện từ 1987 đến 1988.

Cốc Mục (Gu Mu 谷牧) (1914-2009) đã trở thành Phó Thủ tướng và giám đốc của Hội đồng Tái Thiết Nhà nước trong năm 1975. Ông đã là một uỷ viên Quốc Vụ Viện từ 1982 đến 1988.

Diêm Minh Phúc (Yan Mingfu 阎明复) (1931-) đã là Trưởng Ban Công tác Mặt trận Thống nhất của Ban chấp hành Trung ương từ 1985 đến 1990. Ông đã bị loại khỏi chức vụ chính thức vì đã đàm phán với sinh viên và đã không ủng hộ tích cực cuộc đàn áp Thiên An Môn trong năm 1989. Năm 1991 ông được phục hồi và được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Công việc dân sự.

Diệp Quý Tráng (Ye Jizhuang 叶季壮) (1893-1967) đã là Bộ trưởng Thương nghiệp và Bộ trưởng Ngoại thương trong những ngày đầu của việc thành lập Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Diệp Tuyển Ninh (Ye Xuanning 叶选宁) (1938-) là con trai thứ hai của Nguyên soái Diệp Kiếm Anh đáng kính. Ông đã là giám đốc của Vụ Liên lạc của Tổng cục Chính trị của Quân đội Giải phóng Nhân dân từ 1990 đến 1993.

Diêu Tích Hoa (Yao Xihua 姚锡华) (1929-2009) từ 1987 đến 1989, đã là tổng biên tập của *Quang Minh Nhật báo*, một tờ báo khai phóng có ảnh hưởng giữa các trí thức.

Diêu Y Lâm (Yao Yilin 姚依林) (1917–94) đã là Phó Thủ tướng từ 1979 đến 1993 và chủ nhiệm Hội đồng Kế hoạch Nhà nước từ 1980 đến 1983. Thường đứng về phía các lão thành bảo thủ như Trần Vân, Diêu đã lên đến Ban Thường Vụ Bộ Chính trị trong 1987. Với tư cách một trong năm uỷ viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, Diêu đã tích cực ủng hộ việc quân đội đàn áp thẳng tay ở Thiên An Môn trong 1989.

Dư Thu Lí (Yu Qiuli 余秋里) (1914–99) đã là Phó Thủ tướng từ 1975 đến 1982, chủ nhiệm Tổng cục Chính trị của Giải phóng Quân Nhân dân từ 1982 đến 1987. Một thành viên kỳ cựu của Hội đồng Kế hoạch Nhà nước, Dư đã là chủ nhiệm của nó từ 1975 đến 1980.

Dương Thượng Côn (Yang Shangkun 杨尚昆) (1907–98) đã là một uỷ viên Bộ Chính trị từ 1982 đến 1987 và phó chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương. Ông đã trở thành chủ tịch Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa trong 1988. Dương đã đóng một vai trò then chốt trong năm 1989 bằng việc cam chịu quyết định của Đặng Tiểu Bình để theo đuổi một sự đàn áp thẳng tay bằng quân đội chống lại các cuộc phản kháng Thiên An Môn trong 1989. Dương đã rất quan trọng trong việc huy động quân đội để thực hiện mệnh lệnh.

Dương Văn Siêu (Yang Wenchao 杨文超) (không rõ) đã là một thư ký cho Triệu Tử Dương trong đầu các năm 1990.

Đặng Lực Quân (Deng Liqun 邓力群) (1915–2015) đã là Trưởng Ban Tuyên truyền từ

1982 đến 1987. Một người trung thành nhiệt huyết với Mao, Đặng đã trở thành tiếng nói của những người bảo thủ trong thời đại

cải cách và đã có thể tính đến sự ủng hộ của Trần Vân, Lí Tiên Niệm, và các lão thành Đảng khác.

Đặng Mao Mao (Deng Maomao 邓毛毛) (1950–) đã là biệt danh của con gái thứ ba của Đặng Tiểu Bình, Deng Rong (邓榕 Đặng Dung). Bà là phó giám đốc của Hội Hữu nghị Quốc tế Trung quốc.

Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping 邓小平) (1904–97) đã là lãnh tụ tối cao không bị tranh cãi trong những năm chuyển đổi sau Mao, từ 1981 đến 1997. Ông đã ủng hộ tự do hoá kinh tế, và thành công của Cải cách và Chính sách Mở Cửa đã mang lại cho ông uy tín to lớn và đã củng cố cơ sở quyền lực của ông. Về chính trị, Đặng đã khẳng khái về sự cai trị một đảng và đã chịu trách nhiệm về sự đàn áp thẳng tay chống lại bất đồng ý kiến chính trị trong năm 1979 (phong trào “Tường Dân chủ”) cũng như sự đàn áp bạo lực đối với những sự phản kháng Thiên An Môn 1989. Đặng đã là uỷ viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị từ 1977 to 1987 và Chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương từ 1981 đến 1990.

Điền Kỳ Vân (Tian Jiyun 田纪云) (1929–) đã là Phó Thủ tướng từ 1983 đến 1993 và một uỷ viên Bộ Chính trị bắt đầu trong 1987. Điền đã là một người thẳng thắn ủng hộ cải cách. **Đinh Quan Căn** (Ding Guangen 丁关根) (1929–2012) đã là Bộ trưởng Đường sắt và uỷ viên dự khuyết của Bộ Chính trị trong những năm 1980.

Đinh Thạch Tôn (Ding Shisun 丁石孙) (1927–) nhà toán học đã là hiệu trưởng Đại học Bắc Kinh từ 1984 đến 1988 và phó chủ tịch của Liên đoàn Dân chủ Trung quốc từ 1988 đến 1989.

Đỗ Đạo Chánh (Du Daozheng 杜导正) (1923–) đã là giám đốc của Tổng cục Quản lý Báo chí và Xuất bản từ 1987 đến 1989. Đỗ là một người ủng hộ thẳng thắn của cải cách.

Đỗ Nhuận Sanh (Du Runsheng 杜润生) (1913– 2015) đã là giám đốc của cả Văn phòng Nghiên cứu của Đảng Cộng sản về Cải

cách Nông thôn lẫn của Trung Tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc Vụ Viện từ 1983 đến 1989. Ông là một lãnh đạo được kính trọng trong lĩnh vực cải cách nông thôn.

Giang Lưu (Jiang Liu 江流) (1922–) đã là giám đốc (viện) Nghiên cứu Chủ nghĩa Xã hội Khoa học tại Trường Đảng Trung ương từ 1977 đến 1987.

Giang Trạch Dân (Jiang Zemin 江泽民) (1926–) đã là một ủy viên Bộ Chính trị và bí thư Đảng Cộng sản của Thượng Hải. Giang đã được cất nhắc lên để thay Triệu Tử Dương làm Tổng Bí thư của Đảng sau sự đàn áp quân sự thẳng tay ở Thiên An Môn trong năm 1989.

Gordon Wu (1935–), cũng được biết đến như Hu Yingxiang (Hồ Ứng Tương 胡应湘), là một doanh nhân Hong Kong, và nhà sáng lập của Hopewell Holdings Limited (công ty phát triển hạ tầng), ông phản đối các phong trào dân chủ ở Hong Kong và Trung quốc, ông là một thành viên của Chính Hiệp Nhân dân Trung quốc.

Hạ Diệc Nhiên (He Yiran (1918–2006) 贺亦然) đã là phó chủ tịch của chính quyền Khu Tự Trị Choang Quảng Tây từ 1979 đến 1983.

Hà Đông Xương (He Dongchang 何东昌) (1923–) đã là hiệu phó của Đại học Thanh Hoa từ 1978 đến 1982 và Bộ trưởng Giáo dục từ 1982 đến 1985. Trong 1989, vai trò của ông trong việc trình bày các cuộc phản kháng sinh viên như một nguyên nhân cho bạo động đã tiếp tay cho chương trình nghị sự của những người cứng rắn.

Hác Kiến Tú (Hao Jianxiu 郝建秀) (1935–) bà đã là phó chủ nhiệm của Hội đồng Kế hoạch Nhà nước từ 1987 đến 1998.

Henry Fok (1923–2006), cũng được biết đến như Huo Yingdong (霍英东 Hoắc Anh Đông), đã là một nhà doanh nghiệp Hong Kong.

Fok đã là một người ủng hộ chính phủ đại lục từ lâu, phục vụ với tư cách phó chủ tịch của Hội nghị Tham vấn Chính trị của Nhân dân Trung quốc (Chính Hiệp) trong năm 1993.

Hồ Diệu Bang (Hu Yaobang 胡耀邦) (1915–89) đã là Chủ tịch và Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Trung quốc từ 1980 đến 1987. Ông đã đảo ngược các sự thanh trừng nội bộ Đảng của những năm của Mao, mà đã mang lại sự kính trọng cho ông từ các Đảng viên và công chúng. Bị Đặng Tiểu Bình và các lão thành Đảng khác coi là quá khoan dung đối với xu hướng tự do giữa các trí thức Trung quốc trong cuối những năm 1980, Hồ đã bị buộc từ chức Tổng Bí thư trong năm 1987. Cái chết đột ngột của ông vào ngày 15 tháng Tư, 1989, đã kích các cuộc phản kháng sinh viên tại Quảng trường Thiên An Môn.

Hồ Khởi Lập (Hu Qili 胡启立) (1929–) đã là thị trưởng và bí thư Đảng của Thiên Tân từ 1980 đến 1982, và sau đó đã về Bắc Kinh nơi ông đã trở thành Chánh Văn phòng và một uỷ viên Bộ Chính trị của Ban chấp hành Trung ương. Trong 1989, Hồ đã phản đối việc quân đội đàn áp thẳng tay chống lại những người phản kháng tại Quảng trường Thiên An Môn và đã bị cách chức.

Hồ Kiều Mộc (Hu Qiaomu 胡乔木) (1912–92) đã là thư ký của Mao từ 1941 đến 1966. Hồ đã là một trong những người bảo vệ học thuyết Maoist xuất sắc nhất trong thời đại cải cách. Ông đã trở thành uỷ viên Bộ Chính trị từ 1982 đến 1987 và một uỷ viên Ban Thường vụ của Hội đồng Cố vấn Trung ương từ 1987 đến 1992. Ông cũng đã là phó trưởng Ban Tuyên truyền của Đảng và giám đốc của Văn phòng Nghiên cứu Lịch sử.

Hồ Tích Vĩ (Hu Jiwei 胡绩伟) (1916–2012) đã là một nhà báo cao cấp và tổng biên tập của *Nhân dân Nhật báo*. Được biết đến như một trong những người chủ trương hàng đầu bên trong Đảng Cộng sản cho quyền tự do báo chí, Hồ đã phản đối sự đàn áp quân

sự thẳng tay chống lại những người phản kháng Thiên An Môn trong năm 1989 và sau đó đã bị tước tất cả các chức vụ chính thức.

Hoa Quốc Phong (Hua Guofeng 华国锋) (1921–2008) đã là người kế vị của Mao, và đã là lãnh tụ tối cao của Trung quốc từ 1976 đến 1980. Tính chính đáng của Hoa đã dựa vào việc được Mao chọn, và ông đã thử giữ lại các chính sách của Mao, một cố gắng đã có số phận thất bại trong thời đại sau-Mao. Hoa đã bị Đặng Tiểu Bình có đầu óc cải cách quét sang một bên.

Hứa Gia Đôn (Xu Jiatao 许家屯) (1916–2016) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Tỉnh Giang Tô và muộn hơn trở thành người đứng đầu Tân Hoa Xã tại Hong Kong, khi đó là sự hiện diện chính trị defacto của Trung quốc tại lãnh thổ Hong Kong. Hứa đã sống ở Hoa Kỳ trong cuộc lưu vong tự-áp đặt kể từ khi ủng hộ phong trào dân chủ ở Bắc Kinh trong 1989.

Hứa Gia Lộ (Xu Jialu 许嘉璐) (1937–) đã là một giáo sư về văn học Trung quốc tại Đại học Sư phạm Bắc Kinh và phó chủ tịch của Hội Thúc đẩy Dân chủ Trung quốc.

Hứa Sĩ Kiệt (Xu Shijie 许士杰) (1920–91) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Tỉnh Hải Nam từ 1988 đến 1990, một trong những vùng duyên hải được chỉ định như một Đặc Khu Kinh tế trong thời đại cải cách.

Hùng Phúc (Xiong Fu 熊复) (1915–95) đã là Phó Trưởng Ban Tuyên truyền và giám đốc Tân Hoa Xã. Từ 1978 đến 1988, Hùng đã là tổng biên tập của *Hồng Kỳ*, tạp chí chính thức của Trung ương Đảng.

Khâm Bản Lập (Qin Benli 钦本立) (1918–91) đã là tổng biên tập của báo *Điểm tin Kinh tế Thế giới* (*Thế giới Kinh tế Đạo Báo*), một tờ báo ủng hộ cải cách thẳng thắn ở Thượng Hải. Khâm đã công bố những bài báo tưởng niệm về Hồ Diệu Bang trong tháng Tư 1989

bất chấp những lời cảnh cáo của các quan chức Đảng rằng không được đăng. Ông đã bị Giang Trạch Dân bí thư Đảng Cộng sản Thượng Hải cách chức. Sự kiện được quảng bá rộng rãi và gây tranh cãi này đã hoá ra thành một mối lợi không lường trước cho sự nghiệp chính trị của Giang, chỉ vài tháng sau, sau vụ đàn áp thẳng tay tại Thiên An Môn, ông đã được chọn để thay thế Triệu làm Tổng Bí thư.

Khang Thế Ân (Kang Shi-en 康世恩) (1915–95) đã trở thành Phó Thủ Tướng và phó chủ nhiệm Hội đồng Kế hoạch Nhà nước trong năm 1978. Khang đã cũng là Bộ trưởng Công nghiệp Dầu mỏ sau 1981.

Kiều Thạch (Qiao Shi 乔石) (1924–2015) đã là một uỷ viên Bộ Chính trị phụ trách bộ máy an ninh. Kiều đã trở thành Phó Thủ tướng trong 1986 và một uỷ viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị trong 1987. Trong 1989, mặc dù ban đầu ông đã đồng ý với cách tiếp cận ôn hoà của Triệu đối với phong trào sinh viên, Kiều đã không đứng về bên nào tại thời khắc đưa ra quyết định đàn áp quân sự thẳng tay. Cuối cùng ông đã thực hiện các mệnh lệnh của Đặng.

Kim Nhật Thành (Kim Il Sung) (1912–94) đã là lãnh tụ tối cao của Bắc Triều Tiên. Kim đã là Tổng Bí thư của Đảng Lao động Triều Tiên và Chủ tịch Cộng hoà Nhân Dân Triều Tiên từ 1948 đến 1994.

Lâm Đồng Diễm (Lin Tung-Yen 林同棧) (1912–2003) đã là một kỹ sư kết cấu Mỹ gốc Hoa và nhà sáng lập của T. Y. Lin International.

Lí Bằng (Li Peng 李鹏) (1928–) đã là Bộ trưởng Công nghiệp Năng lượng và Phó Thủ tướng trước khi trở thành Thủ tướng trong năm 1987 như phần của sự sắp xếp lại nhân sự do việc đuổi Hồ Diệu Bang. Trong 1989, với tư cách một uỷ viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, Lí đã thúc đẩy quyết định cho việc quân đội đàn áp thẳng

tay chống lại những người phản kháng ở Quảng trường Thiên An Môn, làm cho ông trở thành một nhân vật chính ảnh hưởng đến tiến triển đó của các sự kiện.

Lí Chánh Đình (Li Zhengting 李正亭) (1918–2011) đã là phó thư ký Hội đồng Kỷ luật Trung ương từ 1987 đến 1993.

Lí Dũng (Li Yong 李勇) (1948–) đã là thư ký của Triệu Tử Dương về công việc quân sự từ 1985 đến 1989 và muộn hơn đã trở thành giám đốc Hội đồng Phát triển của Thiên Tân.

Lí Duy Hán (Li Weihan 李维汉) (1896–1984) đã là Trưởng Ban Liên lạc từ 1948 đến 1964 và phó chủ tịch của Hội đồng Cố vấn Trung ương từ 1982 đến 1984.

Lí Nhất Mạnh (Li Yimang 李一氓) (1903–90) đã là Phó trưởng Ban Liên lạc từ 1974 đến 1982 và phó bí thư của Hội đồng Kỷ luật Trung ương từ 1978 đến 1982.

Lí Nhuệ (Li Rui 李锐) (1917–1919) đã là Thứ trưởng Thủy lợi và trong 1958 đã trở thành thứ ký của Mao Trạch Đông. Lí đã bị đuổi khỏi Đảng và bị bỏ tù trong năm 1959 vì đã đứng về phe Bành Đức Hoài, người đã bày tỏ những sự bảo lưu về chiến dịch Đại Nhảy Vọt của Mao. Vụ của Lí đã được lật lại trong năm 1979 và ông đã trở thành Phó trưởng Ban Tổ chức. Lí đã là một trong những người ủng hộ bộc trực nhất của cải cách, và đã nổi tiếng vì loạt bài hồi ức và bình luận được xuất bản của ông về Mao.

Lí Thiết Ảnh (Li Tieying 李铁映) (1936–) đã là một uỷ viên Bộ Chính trị và giám đốc của Hội Đồng Giáo dục Nhà nước từ 1988 đến 1993.

Lí Thụ Kiều (Li Shuqiao 李树桥) (1944–) Thư ký của Triệu Tử Dương từ 1986-1989.

Lí Thuy Hoàn (Li Ruihuan 李瑞环) (1934–) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Thiên Tân. Lí đã trở thành uỷ viên Bộ Chính trị trong

1987 và uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị trong tháng Sáu 1989. Tư cách thành viên của Ban Thường vụ của Lí đã là có thể bởi sự trống chỗ do Triệu Tử Dương và Hồ Lập Khởi để lại. Ông đã là người ủng hộ cải cách vừa phải.

Lí Tích Minh (Li Ximing 李锡铭) (1926–2008) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Bắc Kinh. Trong 1989, Lí đã tích cực thúc đẩy cách tiếp cận theo đường lối cứng rắn đối với các cuộc phản kháng sinh viên tại Quảng trường Thiên An Môn. Trong 1993, Lí đã trở thành phó chủ tịch Quốc hội.

Lí Tiên Niệm (Li Xiannian 李先念) (1909–92) đã là Phó Thủ tướng phụ trách công việc kinh tế từ 1954 đến 1980, và đã dính líu đến việc chỉ đạo hệ thống kinh tế do nhà nước- kiểm soát theo kiểu Mao. Trong thời đại sau-Mao, Lí xem nhiều chính sách cải cách như đã đảo ngược hay đã ngầm phê phán công việc quá khứ của ông. Ông đã là một uỷ viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị từ 1977 đến 1987, Chủ tịch Cộng hoà Nhân dân Trung hoa từ 1983 đến 1988, và một chủ tịch của Hội nghị Tham vấn Chính trị Nhân dân Trung quốc (Chính Hiệp) từ 1988 đến 1992. Lí đã vẫn là một người bảo thủ có ảnh hưởng mạnh và ông đã thử cản trở việc đảo ngược các chính sách của Mao trong đấu trường kinh tế và chính trị.

Liêu Hán Sanh (Liao Hansheng 廖汉生) (1911–2006) đã là một cựu chiến binh của quân đội và đã là phó chủ tịch Quốc hội (Hội nghị Nhân dân Toàn quốc) từ 1983 đến 1993.

Lô Chi Siêu (Lu Zhichao 卢之超) (1933–) đã là một lãnh đạo được bổ nhiệm của Nhóm Chính trị của Vụ Nghiên cứu của Ban Bí Thư Trung ương Đảng do Hồ Kiều Mộc đứng đầu. Lô cũng đã là người đứng đầu Văn Phòng Nghiên cứu Lý Luận của Ban Tuyên truyền.

Lôi Khiết Quỳnh (Lei Jieqiong 雷洁琼) (1905–2011) đã là một giáo sư tại Đại học Bắc Kinh và nữ Chủ tịch của Hội Thúc Đẩy Dân chủ Trung quốc từ 1987 đến 1997.

Lục Định Nhất (Lu Dingyi 陆定一) (1906–96) đã là một nhà văn khai phóng bên trong hàng ngũ của Đảng Cộng sản. Lục đã trở thành phó chủ tịch của Hội nghị Tham vấn Chính trị của Nhân dân Trung Quốc trong 1980.

Lục Khanh (Lu Keng 陸铿) (1919–2008) đã là một nhà báo xuất sắc ở Hong Kong (đã bị tù ở Đại Lục thời Quốc Dân Đảng và bị tù từ 1965 đến 1975 dưới thời Cộng sản và sang Hong Kong năm 1978). Bài phỏng vấn của ông với Hồ Diệu Bang trong năm 1985 đã chọc tức Đặng Tiểu Bình và đã trở thành một trong những lý do chính đằng sau quyết định của Đặng để sa thải Hồ.

Lương Bộ Đình (Liang Buting 梁步庭) (1921–) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Tỉnh Sơn Đông từ 1983 đến 1988.

Lương Tương (Liang Xiang 梁湘) (1918–98) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Thâm Quyển từ 1981 đến 1995 và thống đốc của Tỉnh Hải Nam từ 1988 đến 1989. Lương được thừa nhận như một nhà tiên phong trong việc thực hiện cải cách ở Thâm Quyển, một trong những Đặc Khu Kinh tế được chỉ định đầu tiên.

Lưu Chính Văn (Liu Zhengwen 刘正文) (1912–1999) đã là phó chủ tịch của Hội nghị Tham vấn Chính trị của Nhân dân Trung quốc (Chính Hiệp) của Tỉnh An Huy từ 1987 đến 1997.

Lưu Tân Nhạn (Liu Binyan 刘宾雁) (1925–2005) đã là một nhà báo có ảnh hưởng trong các năm 1980 đã là một người tiên phong trong việc phơi bày các vấn đề xã hội nghiêm trọng. Lưu đã là một phóng viên bậc cao tại *Nhân dân Nhật báo* từ 1979 đến 1987 và đã lưu vong ở Hoa Kỳ sau 1989.

Lưu Thiểu Kỳ (Liu Shaoqi 刘少奇) (1898–1969) đã là một trong những lãnh tụ sáng lập của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Sau việc thành lập của nó, Lưu đã giữ chức vụ cấp cao nhất sau Mao. Lưu đã không đồng ý với các chính sách kinh tế Maoist cực đoan, như Đại Nhảy Vọt và công xã nhân dân nông thôn. Bị Mao thanh trừng, Lưu đã bị bệnh và chết trong sự cô độc và bị làm nhục trong thời gian Cách mạng Văn hoá.

Lý Chính Đạo (Lee Tsung-Dao 李政道) (1926–) là một nhà vật lý Mỹ gốc Hoa và một giáo sư Đại học. Lý được tiếp đón nồng hậu ở Trung quốc vì là một trong ít người gốc Hoa được giải Nobel.

Mãng Hiến Trung (Meng Xianzhong 孟宪忠) (không rõ) đã là một quan chức tại Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung quốc trong các năm 1990.

Mao Trạch Đông (Mao Zedong 毛泽东) (1893–1976) đã là một nhà sáng lập của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và lãnh tụ tối cao của Đảng Cộng sản Trung quốc. Trong thời kỳ sau nội chiến từ 1949 đến 1976, mục tiêu của Mao về một sự biến đổi nhanh đến chủ nghĩa xã hội đã là ưu tiên của quốc gia. Để thực hiện mục tiêu này, Trung quốc đã tạo ra một hệ thống về kế hoạch và sở hữu nhà nước, và Mao đã tiến hành định kỳ các chiến dịch quần chúng để nhỏ tận rễ sự đối lập cả bên ngoài và bên trong Đảng. Sau khi ông chết, các cải cách của Đảng đã đảo ngược các chương trình xã hội và kinh tế của Mao, nhưng tuy nhiên ông vẫn là biểu tượng của cách mạng Trung quốc.

Mikhail Gorbachev (1931–) đã là Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1985 đến 1991, lãnh tụ Soviet cuối cùng trước sự sụp đổ của Liên Xô. Chương trình perestroika (cải tổ) của ông đã mang lại những thay đổi tự do cho Liên Xô.

Milton Friedman (1912–2006) đã là một nhà kinh tế học Mỹ, được giải Nobel, người chủ trương có ảnh hưởng của kinh tế học thị trường tự do. Trong năm 1988, Friedman đã được Tổng bí thư Triệu Tử Dương tiếp ở Bắc Kinh, nơi ông ca ngợi Triệu như “nhà kinh tế học giỏi nhất tôi đã từng gặp từ một nước xã hội chủ nghĩa.” Các ý tưởng và lời khuyên của Friedman đã đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình các chính sách kinh tế tại Trung quốc hậu-Mao.

Nghiêm Gia Kỳ (Yan Jiaqi 严家其) (1942–) là một học giả khoa học chính trị được biết đến vì kiến nghị năm 1979 của ông để từ bỏ vị trí lãnh đạo suốt đời của Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung quốc. Nghiêm đã là một nhà nghiên cứu tại Văn phòng Nghiên cứu Cải cách Chính trị của Trung ương Đảng do Bảo Đổng đứng đầu. Ông đã đề xuất biến Trung quốc thành Cộng hoà Liên bang Trung quốc, và đã là cố vấn chính trị của Triệu. Nghiêm đã sống lưu vong kể từ cuộc đàn áp Thiên An Môn.

Ngô Học Khiêm (Wu Xueqian 吴学谦) (1921–2008) đã là một uỷ viên Bộ Chính trị và Phó Thủ tướng. Ngô đã là Bộ trưởng Ngoại giao từ 1982 đến 1988.

Ngô Tổ Quang (Wu Zuguang 吴祖光) (1917–2003) đã là một nhà biên kịch xuất sắc người được coi như khai phóng giữa các nhà văn Trung quốc.

Ngũ Tu Quyền (Wu Xiuquan 伍修权) (1908–97) đã là phó Trưởng ban Đối ngoại và Phó Trưởng ban Liên lạc của Đảng Cộng sản từ 1958 đến 1975.

Ngụy Kinh Sinh (Wei Jingsheng 魏京生) (1950–) là một nhà bất đồng chính kiến Trung quốc. Trong 1978, Ngụy đã là một lãnh tụ của Phong trào Tường Dân chủ, trong đó ông viết một poster, có tiêu đề Hiện đại hoá lần thứ Năm, kêu gọi dân chủ. Bị Đặng Tiểu Bình cảm nhận như một chỉ trích sự cai trị độc đoán, Ngụy đã bị kết án mười

lăm năm tù giam trong năm 1979 và đã trở thành một trong những nhà bất đồng chính kiến Trung quốc nổi tiếng nhất. Hiện nay Nguyễn sống lưu vong ở Hoa Kỳ.

Nguyễn Sùng Vũ (Ruan Chongwu 阮崇武) (1933–) đã là Bộ trưởng Bộ Công An từ 1985 đến 1987 và đã trở thành chủ nhiệm của Hội đồng Khoa học Nhà nước chẳng bao lâu sau khi Hồ Diệu Bang bị buộc từ chức.

Nhâm Trọng Di (Ren Zhongyi 任仲夷) (1914–2005) đã là bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản của Tỉnh Quảng Đông từ 1980 đến 1985. Ông đã là một nhà thực hành hàng đầu của các chính sách cải cách tại một trong những khu vực tiên bộ nhất của Trung quốc.

Nhiếp Vinh Trăn (Nie Rongzhen 聂荣臻) (1899–1992) đã là một trong mười nguyên soái trong Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung quốc. Ông đã là Tổng tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân từ 1950 đến 1954 và chủ nhiệm Hội đồng Khoa học và Công nghệ Nhà nước từ 1958 đến 1970. Nhiếp được công trọng vì sự lãnh đạo của ông trong các chương trình vũ khí hạt nhân và vũ trụ quân sự của Trung quốc.

Nhuế Hạnh Văn (Rui Xingwen 芮杏文) (1927–2005) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Thượng Hải từ 1985 đến 1987. Nhuế đã trở thành một bí thư của Ban Bí Thư Trung ương Đảng từ 1987 đến 1989 và đã là một người nhiệt thành ủng hộ cải cách. Nhuế đã bị cách chức vì đã có lập trường thiện cảm với các sinh viên phản kháng tại Quảng trường Thiên An Môn trong năm 1989.

Ôn Gia Bảo (Wen Jiabao 温家宝) (1942–) đã là chánh Văn phòng Trung ương Đảng từ 1986 đến 1992. Ôn đã trở thành một ủy viên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị trong 2002 và Thủ tướng Trung quốc trong 2003.

Phí Hiếu Thông (Fei Xiaotong 费孝通) (1910–2005) đã là một giáo sư về xã hội học tại Đại học Bắc Kinh và chủ tịch của Liên đoàn Dân chủ Trung quốc từ 1987 đến 1996. **Phương Lệ Chi** (Fang Lizhi 方励之) (1936–2012) đã là hiệu phó thứ nhất của Đại học Khoa học và Công nghệ ở Hợp Phì, Tỉnh An Huy, và một giáo sư thiên văn học. Phương đã có cảm tình với hiệp sớm hơn của các cuộc phản kháng sinh viên trong năm 1987 và đã bị đuổi khỏi các chức vụ chính thức của ông và đuổi ra khỏi Đảng. Bây giờ ông sống lưu vong ở Hoa Kỳ.

Quách La Cơ (Guo Luoji 郭罗基) (1932–) đã là một học giả khai phóng xuất sắc, người trong năm 1979 đã công bố một bài báo trên *Nhân dân Nhật báo* cho rằng các công dân phải được phép tranh luận các vấn đề chính trị [một số người tin rằng các bài báo này được viết nhân danh Ngụy Kinh Sanh]. Đặng Tiểu Bình đã coi nó như một sự xúc phạm cá nhân và một lời chỉ trích về việc ông đã bỏ tù nhà bất đồng chính kiến Ngụy Kinh Sanh (Wei Jingsheng).

Tằng Hy Thánh (Zeng Xisheng 曾希聖) (1904–68) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Tỉnh An Huy. Từ 1959 đến 1961, ông đã thúc đẩy chính sách khoán đất cho các nông dân thay cho việc buộc họ vào các công xã nhân dân. Ông đã bị thanh trừng trong 1962 vì chống lại các ý muốn của Mao.

Tiền Kỳ Nhân (Qian Liren 钱李仁) (1924–) uỷ viên trung ương đảng (1985-1992) đã là người đứng đầu *Nhân dân Nhật báo* từ 1985 đến 1989. Ông cùng tổng biên tập của *Nhân dân Nhật báo* Đàm Văn Thụy (Tan Wenrui-谭文瑞) đã bị mất chức do bị nghi đã in những bài ám chỉ ủng hộ sinh viên trong số ngày 4-6-1989, số có bài xã luận khét tiếng, và sau đó đã in thêm 1 bản “ngoài” của *Nhân Dân Nhật Báo* (với 1000 bản) được phát cho sinh viên biểu tình (in lại truyền đơn của sinh viên) bị coi là ủng hộ sinh viên phản đối xã luận

số 4-6-1989. Tiền đã là uỷ viên Uỷ ban Thường vụ Hội nghị Tham vấn Chính trị của Nhân dân Trung quốc (1993-1998).

Tiêu Hồng Đạt (Xiao Hongda 蕭洪達) (1918–2005) đã là chánh Văn phòng của Hội đồng Quân sự Trung ương và phó trưởng ban Thanh tra Kỷ luật Trung ương từ 1987 đến 1992. **Tô Thiệu Trí** (Su Shaozhi 蘇紹智) (1923–) đã là giám đốc Viện Chủ nghĩa Marx–Lenin– Tư tưởng Mao Trạch Đông tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung quốc từ 1982 đến 1987. Bị cáo buộc có “các khuynh hướng tự do,” Tô đã bị đuổi ra khỏi Đảng Cộng sản trong 1987 và đi lưu vong sau 1989.

Tôn Khởi Mãng (Sun Qimeng 孙起孟) (1911–2010) đã là một trong các nhà sáng lập và chủ tịch của Hội Xây dựng Dân chủ Quốc gia Trung quốc từ 1983 đến 1997.

Tôn Trường Giang (Sun Changjiang 孙长江) (1934–) đã là hiệu phó của Phân hiệu Lý luận của Trường Đảng Trung ương. Tôn nổi tiếng vì ông đã tham gia trong một tranh luận lý luận giữa Hồ Diệu Bang và người kế vị Mao, Hoa Quốc Phong. Cuộc tranh luận đã đánh dấu sự bắt đầu lên của Đặng Tiểu Bình tới vị trí lãnh tụ tối cao.

Tổng Bình (Song Ping 宋平) (1917–) đã là phó chủ nhiệm Hội đồng Kế hoạch Nhà nước từ 1972 đến 1987 và Trưởng Ban Tổ chức từ 1987 đến 1989. Sau sự cố 4-6, ông đã lên Ban Thường Vụ Bộ Chính trị, cùng với Lí Thụy Hoàn, để lấp các chức vụ do Triệu Tử Dương và Hồ Lập Khởi bỏ trống.

Tổng Nhân Cùg (Song Renqiong 宋任穷) (1909–2005) đã là một lão thành Đảng có ảnh hưởng. Ông đã là Trưởng Ban Tổ chức từ 1978 đến 1983 và một uỷ viên Bộ Chính trị từ 1982 đến 1985.

Trần Dã Tàn (Chen Yeping 陈野苹) (1915–94) đã là Trưởng Ban Tổ chức và trở thành một uỷ viên của Hội đồng Cố vấn Trung ương trong những năm 1980.

Trần Hy Đồng (Chen Xitong 陈希同) (1930–2013) đã là thị trưởng Bắc Kinh và đã đóng một vai trò quan trọng trong việc mở kênh tiến trình của các sự kiện theo hướng đàn áp thẳng tay chống lại những người phản kháng trong 1989. Báo cáo của Trần, được công bố trong tháng Sáu năm đó, đã là báo cáo chính thức duy nhất về những gì đã xảy ra trong cuộc tấn công quân sự. Trần đã bị đùổi khỏi Đảng cộng sản và đã bị kết án mười sáu năm tù giam trong năm 1998 về những cáo buộc hối lộ và tham nhũng.

Trần Nhất Tư (Chen Yizi 陈一咨) (1940–2014) đã là giám đốc của Viện Nghiên cứu Nhà nước về Cải cách Kinh tế. Trong năm 1989, trong thời gian các cuộc phản kháng Thiên An Môn, Trần đã tổ chức và công bố một tuyên bố mà đã báo cho công chúng về việc từ chức của Triệu Tử Dương và đã kêu gọi nhân dân phản đối sự đàn áp thẳng tay thay đang hiện ra lờ mờ. Trần đã sống lưu vong ở Hoa Kỳ kể từ đó.

Trần Quân (Chen Yun 陈军) một sinh viên đã học ở Mỹ về Trung Quốc tổ chức các trí thức nổi tiếng để phản đối vụ án Ngụy Kinh Sinh và tham gia vào phong trào dân chủ.

Trần Quốc Đông (Chen Guodong 陈国栋) (1911–2005) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Thượng Hải trong 1979. Từ 1985 đến 1992, ông đã là giám đốc của Ủy ban Cố Vấn Thượng Hải của Đảng.

Trần Tuấn Sanh (Chen Junsheng 陈俊生) (1927–2002) đã là bí thư Đảng cộng sản của Tỉnh Hắc Long Giang. Ông đã trở thành một uỷ viên Quốc Vụ Viện trong năm 1988.

Trần Vân (Chen Yun 陈云) (1905–95) đã là lão thành Đảng có ảnh hưởng nhất, chỉ sau Đặng Tiểu Bình. Trần đã nhận được sự ca ngợi vì sự ổn định hoá nhanh và thành công của nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá của Trung quốc và vì Kế hoạch 5 Năm thứ Nhất, dựa vào mô hình kinh tế Soviet trong đầu các năm 1950. Cách tiếp cận

thực dụng của ông đã bị khát vọng của Mao Trạch Đông về một chuyển đổi nhanh sang một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa gạt sang bên lề. Sự quay lại chính trường của Trần trong thời đại sau-Mao đã được đánh dấu bởi sự khăng khăng của ông về nền kinh tế kế hoạch trong thời đại cải cách. Từ 1982 đến 1987, Trần đã là một uỷ viên của Ban Thường Vụ Bộ Chính trị và chủ tịch của Hội đồng Trung ương về Thanh tra Kỷ luật. Từ 1987 đến 1992, ông đã là chủ tịch của Hội đồng Cố vấn Trung ương.

Triệu Kiến Dân (Zhao Jianmin 赵健民) (1912–) đã là thống đốc và bí thư Đảng của Tỉnh Sơn Đông và một uỷ viên Hội đồng Cố vấn Trung ương từ 1987 đến 1992.

Triệu Tử Dương (Zhao Ziyang 赵紫阳) (1919-2005) là Thủ tướng Trung quốc từ 1980 đến 1987, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung quốc từ 1987 đến 1989, bị giam lỏng từ 1989 đến khi chết năm 2005.

Trịnh Tất Kiên (Zheng Bijian 郑必坚) (1932–) đã là cố vấn đặc biệt cho Tổng Bí thư Hồ Diệu Bang trong những năm 1980. Trong 1992, Trịnh đã trở thành phó Trưởng Ban Tuyên truyền.

Trương Duy (Zhang Wei 张维) (1913–2001) đã là phó hiệu trưởng Đại học Thanh Hoa và thành viên của Hội đồng Học hàm Quốc Vụ Viện từ 1980 đến 1987.

Trương Hiến Dương (Zhang Xianyang 张显扬) (1912–) đã là một trí thức khai phóng thẳng thắn người đã chịu trách nhiệm nghiên cứu Lenin và Stalin tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung quốc. Trương đã bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản trong năm 1987.

Trương Kinh Phu (Zhang Jinfu 张劲夫) (1914–2015) đã là chủ nhiệm Hội đồng Kinh tế Nhà nước từ 1982 đến 1988 và bí thư của Nhóm Lãnh đạo Công việc Kinh tế và Tài chính của Ban chấp hành Trung ương.

Trương Nhạc Kỳ (Zhang Yueqi 张岳琦) (1938–) đã cả là phó chánh văn phòng Trung ương lẫn là thư ký của Triệu Tử Dương từ 1987 đến 1989.

Trương Quang Niên (Zhang Guangnian 张光年) (1913–2002) đã là một nhà thơ và nhà phê bình văn học xuất sắc, được biết đến vì Hợp xướng năm 1955 của ông về Sông Hoàng Hà (cũng có bút danh là 光未然 Quang Vị Nhiên, Guāng Wèirán).

Trương Thụy Quang (Zhang Shuguang 张曙光) (1920–2002) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Tỉnh Hà Bắc và Khu Tự trị Nội Mông trong các năm 1980. Trương đã trở thành uỷ viên của Hội đồng Cố vấn Trung ương sau 1987.

Từ Hướng Tiền (Xu Xiangqian 徐向前) (1901–90) đã là nguyên soái tổng tham mưu trưởng của Giải phóng Quân Nhân dân từ 1949 đến 1954. Từ đã là Phó Thủ Tướng và Bộ trưởng Quốc phòng từ 1978 đến 1981.

Tưởng Thạc Kiệt (Tsiang Sho-Chieh 蒋硕杰) (1918–93) đã là một giáo sư kinh tế tại Đại học Rochester và Đại học Cornell, và giám đốc Viện Chung-Huwa cho Nghiên cứu Kinh tế tại Đài Loan trong những năm 1980. Tưởng đã là một người thúc đẩy một nền kinh tế thị trường tự do.

Ung Văn Đào (Yong Wentao 雍文涛) (1932–97) đã là bí thư Đảng Cộng sản của Tỉnh Quảng Đông và thành phố Quảng Châu từ 1965 đến 1966.

Uông Đạo Hàm (Wang Daohan 汪道涵) (1913–2005) đã trở thành phó chủ nhiệm Hội đồng Xuất-Nhập khẩu Nhà nước trong 1978. Trong năm 1980, Uông đã trở thành bí thư Đảng Cộng sản của Thượng Hải, thị trưởng Thượng Hải (1981-1984), chủ tịch Hội vì Quan hệ Ngang Eo biển Đài Loan (1991-2005).

Uý Kiện Hành (Wei Jianxing 尉健行) (1931–2015) đã là Trưởng Ban Tổ chức của Đảng Cộng sản từ 1985 đến 1987, rồi Trưởng ban Kiểm tra từ 1987 đến 1992.

Vạn Lí (Wan Li 万里) (1916–2015) đã là bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản của Tỉnh An Huy trong năm 1977. Ông đã nổi tiếng vì những thành công sớm của ông với khoán đất nông thôn cho các hộ ở An Huy từ 1978. Cùng với Triệu, người đã có các thành tựu tương tự ở Tứ Xuyên (từ 1975 đến 1978), Vạn đã là người quan trọng nhất trong việc phá bỏ các công xã nhân dân của Mao. Vạn đã là một Phó Thủ tướng từ 1983 đến 1988 và một người ủng hộ chính của cải cách. Ông đã trở thành chủ tịch Quốc hội trong 1988.

Viên Mộc (Yuan Mu 袁木) (1928–) đã là chánh văn phòng của Thủ tướng Lí Bằng và giám đốc Văn phòng Nghiên cứu Quốc Vụ Viện. Viên đã trở thành người phát ngôn chính thức trong thời gian đàn áp Thiên An Môn trong năm 1989.

Vu Quang Viễn (Yu Guangyuan 于光远) (1915–2013) đã là nhà kinh tế học xuất sắc trong các năm 1980 và phó chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung quốc.

Vương Chấn (Wang Zhen 王震) (1908–93) đã trở thành Phó Chủ tịch nước trong năm 1988. Tướng Vương Chấn đã là một lão thành đảng hùng mạnh người đã thường kháng cự cải cách. Trong 1989, Vương đã tích cực thúc đẩy việc đàn áp thẳng tay bằng quân sự chống lại các sinh viên ở Quảng trường Thiên An Môn.

Vương Duy Trưng (Wang Weicheng 王维澄) (1929–) đã trở thành Phó trưởng Ban Tuyên truyền trong năm 1987 và muộn hơn là chủ nhiệm Hội đồng Lập pháp của Quốc hội. **Vương Đại Minh** (Wang Daming 王大明) (1929–) đã là Phó trưởng Ban Tuyên truyền từ 1986 đến 1987 và chủ tịch của Hội nghị Tham vấn Chính trị của

Nhân dân Trung quốc thành phố Bắc Kinh khoá tám từ 1993 đến 1998.

Vương Đan (Wang Dan 王丹) (1969-) sinh viên sử Đại học Bắc Kinh, lãnh tụ phong trào sinh viên trong các cuộc khản kháng Thiên An Môn 1989, bị bỏ tù đến 1993, lãnh đạo phong trào dân chủ và lại bị bắt trong 1995, bị giam 17 tháng rồi bị kết án 11 năm vì tội “âm mưu lật đổ chính phủ”, 1998 được thả và tống sang Mỹ. Học Đại học Havard (thạc sĩ 2001, tiến sĩ 2008), dạy lịch sử Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tại Đại học Thanh Hoa, Đài Loan.

Vương Hạc Thọ (Wang Heshou 王鹤寿) (1909–99) là bí thư thứ hai của Hội đồng Kỷ luật Trung ương và đã nổi tiếng vì sự dính líu của ông trong nhiều vụ nội bộ Đảng có tầm quan trọng lịch sử lớn, kể cả các vụ Lâm Bưu, Giang Thanh (vợ goá của Mao), và Lưu Thiểu Kỳ.

Vương Kiến (Wang Jian 王建) (1954–) đã là một nhà nghiên cứu tại Viện Kinh tế của Hội đồng Kế hoạch Nhà nước. Ông đã nổi tiếng đối với các học giả Trung quốc vì một bài báo được công bố trong *Kinh tế Nhật báo* trong năm 1987 trong đó ông đề xuất một mô hình phát triển kinh tế chiến lược mà dựa mạnh vào thương mại quốc tế và muợn hơn được cảm nhận như đã được các lãnh đạo Trung quốc chấp nhận làm theo.

Vương Kỳ Khoan (Wang Jikuan 王纪宽) (1931–2007) đã là một cố vấn cho Trung Tâm Nghiên cứu Công nghệ Kinh tế và Phát triển Xã hội Quốc Vụ Viện trong các năm 1980. **Vương Mông** (Wang Meng 王蒙) (1934–) là một nhà văn xuất sắc. Ông đã là Bộ trưởng Văn hoá từ 1986 đến 1989.

Vương Nhâm Trọng (Wang Renzhong 王任重) (1917–92) đã là Phó Thủ tướng Quốc Vụ Viện. Vương đã đứng đầu cuộc điều tra Triệu sau các sự kiện 1989.

Vương Nhân Chi (Wang Renzhi 王忍之) (1933–) đã là Trưởng Ban Tuyên truyền của Đảng Cộng sản từ 1987 đến 1992. Ông đã có tiếng vì đứng về phía các lão thành Đảng và làm xói mòn cải cách.

Vương Nhược Thủy (Wang Ruoshui 王若水) (1926–2002) đã là phó tổng biên tập của *Nhân dân Nhật báo* và một học giả khai phóng nổi tiếng. Các bài báo của Vương về “sự tha hoá của chủ nghĩa xã hội” đã kích một cuộc tranh luận công khai trong đầu những năm 1980 mà chẳng khác gì là một trong những phong trào trí tuệ đầu tiên để thách thức đường lối của Đảng trong thời đại sau-Mao.

Vương Nhược Vọng (Wang Ruowang 王若望) (1918–2001) đã là uỷ viên hội đồng quản trị của Hội Nhà văn Trung quốc và phó tổng biên tập của *Tạp chí Văn học Thượng Hải*. Vương đã bị bỏ tù mười bốn tháng vì sự tham gia của ông trong các cuộc phản kháng 1989 trước khi bị lưu vong sang Hoa Kỳ trong 1992.

Vương Thụy Lâm (Wang Ruilin 王瑞林) (1930–2018) đã là thư ký của Đặng Tiểu Bình bắt đầu từ 1952. Vương đã trở thành Chánh Văn phòng của Hội đồng Quân sự Trung ương khi Đặng là chủ tịch, và muộn hơn đã là phó Chánh văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản, đại tướng 1994.

Vương Toàn Quốc (Wang Quanguo 王全国) (1919–2015) đã là phó bí thư Đảng Cộng sản của Tỉnh Quảng Đông từ 1975 đến 1979 và bí thư của Tỉnh Hồ Bắc từ 1982 đến 1983.

Yasuhiro Nakasone (1918–) là một nhà chính trị Nhật người đã là Thủ tướng từ 1982 đến 1987. Trong vai trò đó, ông đã bình thường hoá các quan hệ ngoại giao với Liên Xô và Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Tên xếp theo thứ tự phiên âm quốc tế

An Zhiwen 安志文 (An Chí Văn)

Bao Tong 鲍彤 (Bảo Đồng)

Bo Yibo 薄一波 (Bạc Nhất Ba)

Chen Guodong 陈国栋 (Trần Quốc Đống) **Chen Junsheng** 陈俊生 (Trần Tuấn Sinh) **Chen Xitong** 陈希同 (Trần Hy Đồng) **Chen Yeping** 陈野苹 (Trần Dã Tân)

Chen Yizi 陈一咨 (Trần Nhất Tư)

Chen Yun 陈云 (Trần Vân)

Chen Yun 陈军 (Trần Quân)

Deng Liqun 邓力群 (Đặng Lực Quân) **Deng Maomao** 邓毛毛 (Đặng Mao Mao) **Deng Rong** (邓榕 Đặng Dung)

Deng Xiaoping 邓小平 (Đặng Tiểu Bình) **Ding Guangen** 丁关根 (Đinh Quan Căn) **Ding Shisun** 丁石孙 (Đinh Thạch Tôn) **Du Daozheng** 杜导正 (Đỗ Đạo Chánh)

Du Runsheng 杜润生 (Đỗ Nhuận Sinh)

Fang Lizhi 方励之 (Phương Lệ Chi)

Fei Xiaotong 费孝通 (Phí Hiếu Thông) **Guāng Wèirán** 光未然 (Quang Vị Nhiên) **Gao Yang** 高扬 (Cao Dương)

Gu Mu 谷牧 (Cốc Mục)

Guo Luoji 郭罗基 (Quách La Cơ)

Hao Jianxiu 郝建秀 (Hác Kiến Tú)

He Dongchang 何东昌 (Hà Đông Xương)

He Yiran 贺亦然 (Hạ Diệc Nhiên)

Hu Jiwei 胡绩伟 (Hồ Tích Vĩ)

Hu Qiaomu 胡乔木 (Hồ Kiêu Mộc)

Hu Qili 胡启立 (Hồ Khởi Lập)

Hu Yaobang 胡耀邦 (Hồ Diệu Bang)

Hu Yingxiang 胡应湘 (Hồ Ứng Tương)
Hua Guofeng 华国锋 (Hoa Quốc Phong)
Huo Yingdong (霍英东 Hoắc Anh Đông)
Jiang Liu 江流 (Giang Lưu)
Jiang Zemin 江泽民 (Giang Trạch Dân)
Kang Shi-en 康世恩 (Khang Thế Ân)
Kim Il Sung (Kim Nhật Thành)
Lee Tsung-Dao 李政道 (Lý Chính Đạo)
Lei Jieqiong 雷洁琼 (Lôi Khiết Quỳnh)
Li Peng 李鹏 (Lí Bằng)
Li Rui 李锐 (Lí Nhuệ)
Li Ruihuan 李瑞环 (Lí Thụy Hoàn)
Li Shuqiao 李树桥 (Lí Thụ Kiều)
Li Tieying 李铁映 (Lí Thiết Ảnh)
Li Weihan 李维汉 (Lí Duy Hán)
Li Xiannian 李先念 (Lí Tiên Niệm)
Li Ximing 李锡铭 (Lí Tích Minh)
Li Yimang 李一氓 (Lí Nhất Mạnh)
Li Yong 李勇 (Lí Dũng)
Li Zhengting 李正亭 (Lí Chánh Đình)
Liang Buting 梁步庭 (Lương Bộ Đình)
Liang Xiang 梁湘 (Lương Tương)
Liao Hansheng 廖汉生 (Liêu Hán Sanh)
Lin Tung-Yen 林同棧 (Lâm Đồng Diễm)
Liu Binyan 刘宾雁 (Lưu Tân Nhạn)
Liu Shaoqi 刘少奇 (Lưu Thiệu Kỳ)

Liu Zhengwen 刘正文 (Lưu Chính Văn)
Lu Dingyi 陆定一 (Lục Định Nhất)
Lu Keng 陸鏗 (Lục Khanh)
Lu Zhichao 卢之超 (Lô Chi Siêu)
Mao Zedong 毛泽东 (Mao Trạch Đông)
Meng Xianzhong 孟宪忠 (Mãng Hiến Trung)
Nie Rongzhen 聂荣臻 (Nhiếp Vinh Trăn)
Peng Chong 彭冲 (Bành Xung)
Peng Dehuai 彭德怀 (Bành Đức Hoài)
Peng Zhen 彭真 (Bành Chân)
Qian Liren 钱李仁 (Tiền Kỳ Nhân)
Qiao Shi 乔石 (Kiều Thạch)
Qin Benli 钦本立 (Khâm Bản Lập)
Ren Zhongyi 任仲夷 (Nhâm Trọng Di)
Ruan Chongwu 阮崇武 (Nguyễn Sùng Vũ)
Rui Xingwen 芮杏文 (Nhuế Hạnh Văn)
Song Ping 宋平 (Tống Bình)
Song Renqiong 宋任穷 (Tống Nhâm Cùg)
Su Shaozhi 蘇紹智 (Tô Thiệu Trí)
Sun Changjiang 孙长江 (Tôn Trường Giang)
Sun Qimeng 孙起孟 (Tôn Khởi Mãng)
Tan Wenrui 谭文瑞 (Đàm Văn Thụy)
Tian Jiyun 田纪云 (Điền Kỳ Vân)
Tsiang Sho-Chieh 蒋硕杰 (Trưởng Thạch Kiệt)
Wan Li 万里 (Vạn Lí)
Wang Daming 王大明 (Vương Đại Minh)

Wang Dan 王丹 (Vương Đan)
Wang Daohan 汪道涵 (Uông Đạo Hàm)
Wang Heshou 王鹤寿 (Vương Hạc Thọ)
Wang Jian 王建 (Vương Kiến)
Wang Jikuan 王纪宽 (Vương Kỷ Khoan)
Wang Meng 王蒙 (Vương Mông)
Wang Quanguo 王全国 (Vương Toàn Quốc)
Wang Renzhi 王忍之 (Vương Nhẫn Chi)
Wang Renzhong 王任重 (Vương Nhâm Trọng)
Wang Ruilin 王瑞林 (Vương Thụy Lâm)
Wang Ruoshui 王若水 (Vương Nhược Thủy)
Wang Ruowang 王若望 (Vương Nhược Vọng)
Wang Weicheng 王维澄 (Vương Duy Trùng)
Wang Zhen 王震 (Vương Chấn)
Wei Jianxing 尉健行 (Uý Kiện Hành)
Wei Jingsheng 魏京生 (Ngụy Kinh Sinh)
Wen Jiabao 温家宝 (Ôn Gia Bảo)
Wu Xiuquan 伍修权 (Ngũ Tu Quyền)
Wu Xueqian 吴学谦 (Ngô Học Khiêm)
Wu Zuguang 吴祖光 (Ngô Tổ Quang)
Xiao Hongda 萧洪達 (Tiêu Hồng Đạt)
Xiong Fu 熊复 (Hùng Phúc)
Xu Jialu 许嘉璐 (Hứa Gia Lộ)
Xu Jiataun 许家屯 (Hứa Gia Đồn)
Xu Shijie 许士杰 (Hứa Sĩ Kiệt)
Xu Tieru 許鐵如 (Hứa Thiết Như)

Xu Xiangqian 徐向前 (Từ Hướng Tiền)
Yan Jiaqi 严家其 (Nghiem Gia Kỳ)
Yan Mingfu 阎明复 (Diêm Minh Phúc)
Yang Shangkun 杨尚昆 (Dương Thượng Côn)
Yang Wenchao 杨文超 (Dương Văn Siêu)
Yao Xihua 姚锡华 (Diêu Tích Hoa)
Yao Yilin 姚依林 (Diêu Y Lâm)
Ye Jizhuang 叶季壮 (Diệp Quý Tráng)
Ye Xuanning 叶选宁 (Diệp Tuyển Ninh)
Yong Wentao 雍文涛 (Ung Văn Đào)
Yu Guangyuan 于光远 (Vu Quang Viễn)
Yu Qiuli 余秋里 (Dư Thu Lí)
Yuan Mu 袁木 (Viên Mộc)
Zeng Xisheng 曾希圣 (Tằng Hy Thánh)
Zhang Guangnian 张光年 (Trương Quang Niên)
Zhang Jinfu 张劲夫 (Trương Kinh Phu)
Zhang Shuguang 张曙光 (Trương Thụ Quang)
Zhang Wei 张维 (Trương Duy)
Zhang Xianyang 张显扬 (Trương Hiển Dương)
Zhang Yueqi 张岳琦 (Trương Nhạc Kỳ)
Zhao Jianmin 赵健民 (Triệu Kiện Dân)
Zhao Ziyang 赵紫阳 (Triệu Tử Dương)
Zheng Bijian 郑必坚 (Trịnh Tất Kiên)
Zhou Enlai 周恩来 (Châu Ân Lai)
Zhu Houze 朱厚泽 (Chu Hậu Trạch)
Zhu Rongji 朱镕基 (Chu Dung Cơ)

Lời cảm ơn



ác biên tập viên đầu tiên muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Bảo Đồng, những cố gắng của ông đã hết sức quan trọng trong việc làm cho việc xuất bản này là có thể. Với hiểu biết bên trong của ông về những cố gắng cải cách gần đây của Trung quốc, Bảo Đồng—người một thời đã là trợ lý chóp bu của Triệu Tử Dương—đã cho chúng ta sự thấu hiểu tại hầu như mọi giai đoạn của cố gắng này. Bảo Đồng, người là cha của Bảo Phác (Bao Pu, 鮑樸) một trong những người dịch và biên tập của cuốn sách, đã phải ở trong nhà tù bảy năm vì đứng về phía Triệu chống lại sự đàn áp Thiên An Môn. Tại nhà ông ở Bắc Kinh, ông vẫn dưới sự giám sát liên tục.

Chúng tôi cũng muốn cảm ơn vợ Adi Ignatius, Dorinda Elliott, một người nói tiếng Trung quốc và đã là trưởng văn phòng Bắc Kinh của *Newsweek* trong giai đoạn được mô tả trong cuốn sách này. Bà đã cung cấp lời khuyên có giá trị và những ý tưởng biên tập suốt sự phát triển của dự án này. Không có sự say mê kéo dài của bà với Trung quốc và khả năng của bà để cắt ngang những chia cắt văn hoá, thì tài liệu này gặp thời gian khó khăn hơn để tìm được cách của nó đến bạn đọc tiếng Anh. Nancy Hearst của Thư viện Trung tâm Fairbank của Đại học Harvard đã thăm lạng cung cấp sự hỗ trợ cho vô số xuất bản phẩm về Trung quốc suốt nhiều năm, bây giờ kể cả cuốn này. Chúng tôi mang ơn những gợi ý chín chắn của bà, khả năng kỳ diệu của bà để lấp đầy vào những chi tiết thất lạc, và sự ủng hộ không nao núng của bà. Chúng tôi đã có ấn tượng với tốc độ và năng lực của nhóm của Simon & Schuster. Biên tập viên tuyệt vời

của chúng tôi, Priscilla Painton, và người xuất bản, David Rosenthal, đã nhiệt tình từ lúc bắt đầu một dự án họ đã chỉ có thể nhắc đến như “Không tên” của “người Nặc danh” khi nó chuyển qua quá trình xuất bản. Aileen Boyle, Irene Kheradi, Lisa Healy, Linda Dingler, Michael Szczerban, và Daniel Luis Cabrera đã mang lại sự nghiêm ngặt và các tiêu chuẩn cao thông thường của họ để làm ra và tiếp thị cuốn sách này, và đảm bảo chắc chắn nó được xử lý với sự thận trọng. Cuối cùng, chúng tôi muốn cảm ơn người bạn và đại lý văn học của chúng tôi Rafe Sagalyn, người đã giúp chúng tôi định hình một ý tưởng vào một cuốn sách.

Có nhiều người vẫn phải vô danh những người đã làm việc đằng sau hậu trường từ bên trong Trung quốc. Họ đã chịu những rủi ro không thể tưởng tượng nổi để bảo vệ, bảo quản, và vận chuyển các băng ghi âm bí mật của Triệu Tử Dương đến nơi an toàn bên ngoài nước này. Chúng tôi chỉ hy vọng rằng xuất bản phẩm này cho họ sự hài lòng và rằng trong tương lai những câu chuyện riêng của họ có thể được kể ra.

Source: Tủ sách SOS²(PDF file)

Convert to epub: 2019-Apr

Kỷ niệm 30 năm ngày Lục-Tứ.

Thiên An Môn